c) Trường hợp các thửa đất tại khu vực ngã ba, ngã tư giao cắt giữa các đường phố mà có mặt tiếp giáp (vị trí 1) với hai đường, phố thì được tính hệ số bằng 1,2 giá đất của đường, phố có giá đất cao nhất.

d) Trường hợp thửa đất tại vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 trên các đường, đoạn đường, phố nhưng có chiều sâu lớn được xác định hệ số để giảm giá như sau:

- Từ đầu ngõ đến 50m tính hệ số bằng 1 của vị trí đó.

- Trên 50m đến 100m tính hệ số bằng 0,80 của vị trí đó.

- Trên 100m đến 150m tính hệ số bằng 0,60 của vị trí đó.

- Trên 150m tính hệ số bằng 0,40 của vị trí đó.

đ) Trường hợp thửa đất là đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải thương mại dịch vụ (trừ khu công nghiệp có bảng giá đất riêng), có chiều sâu lớn được phân lớp để xác định hệ số giảm giá như sau:

- Lớp 1. Tính từ chỉ giới xây dựng vào sâu đến 50m. Hệ số tính là 1;

- Lớp 2. Chiều sâu tiếp theo lớn hơn 50m đến 100m. Hệ số tính là 0,8;

- Lớp 3. Chiều sâu tiếp theo lớn hơn 100m đến 150m. Hệ số tính là 0,6;

- Lớp 4. Chiều sâu tiếp theo lớn hơn 150m. Hệ số tính là 0,4.

2. Quy định giá đất

2.1. Giá đất trồng cây hàng năm (Chi tiết tại Bảng 1 kèm theo nghị quyết này);

2.2. Giá đất trồng cây lâu năm (Chi tiết tại Bảng 2 kèm theo nghị quyết này);

2.3 Giá đất nuôi trồng thủy sản (Chi tiết tại Bảng 3 kèm theo nghị quyết này).

2.4. Giá đất làm muối (Chi tiết tại Bảng 4 kèm theo nghị quyết này);

2.5. Giá đất rừng sản xuất (Chi tiết tại Bảng 5 kèm theo nghị quyết này);

2.6. Giá đất rừng phòng hộ (Chi tiết tại Bảng 6 kèm theo nghị quyết này);

2.7. Giá đất rừng đặc dụng (Chi tiết tại Bảng 7 kèm theo nghị quyết này);

2.8. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại các khu công nghiệp (Chi tiết tại Bảng 8 kèm theo nghị quyết này);

2.9. Giá đất ở (Chi tiết tại Bảng 9 kèm theo nghị quyết này);

2.10. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ được quy định như sau:

- Tại địa bàn phường, thị trấn đồng bằng: Bằng 50% giá đất ở cùng vị trí.

- Tại địa bàn xã đồng bằng, phường và thị trấn miền núi: Bằng 45% giá đất ở cùng vị trí.

- Tại địa bàn xã miền núi: Bằng 40% giá đất ở cùng vị trí.

2.11. Giá đất thương mại - dịch vụ

- Tại địa bàn phường, thị trấn đồng bằng: Bằng 60% giá đất ở cùng vị trí.

- Tại địa bàn xã đồng bằng, phường và thị trấn miền núi: Bằng 50% giá đất ở cùng vị trí.

- Tại địa bàn xã miền núi: Bằng 40% giá đất ở cùng vị trí.

2.12. Giá đất xây dựng trụ sở cơ quan Nhà nước và đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất có các công trình thờ tự, nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hoá nghệ thuật và các công trình đó không gắn liền với đất ở được xác định bằng giá đất ở cùng vị trí, đường, đoạn đường, phố tại các xã, phường, thị trấn.

2.13. Giá đất phi nông nghiệp khác gồm: đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động trong cơ sở sản xuất; đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của người sử dụng đất không nhằm mục đích kinh doanh mà công trình đó không gắn liền với đất được xác định bằng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ cùng vị trí, đường, đoạn đường tại các xã, phường, thị trấn.

2.14. Giá đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng là đất chưa xác định mục đích sử dụng, khi cần có giá để tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật thì căn cứ vào giá của loại đất liền kề có đề xuất giá đất từ cao nhất (trường hợp liền kề với hai loại đất khác nhau trở lên) để xác định giá đất. Khi đất chưa sử dụng được cơ quan có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng thì căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng đã được quy định để xác định giá.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật ban hành Quyết định về Bảng giá các loại đất thời kỳ 2020 - 2024, công bố công khai bảng giá đất vào ngày 01 tháng 01 năm 2020 để nhân dân biết và thực hiện. Khi Chính phủ điều chỉnh khung giá đất mà mức giá điều chỉnh tăng từ 20% trở lên so với giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá tối thiểu trong bảng giá đất của loại đất tương tự hoặc khi giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá đất tối đa hoặc giảm từ 20%

STT	Huyện, thị xã, thành phố		Vị trí		
			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
23	Huyện Như Xuân	Thị trấn	30.000	25.000	20.000
		Xã miền núi	30.000	25.000	20.000
24	Huyện Quan Hóa	Thị trấn	30.000	25.000	20.000
		Xã miền núi	30.000	25.000	20.000
25	Huyện Quan Sơn	Thị trấn	30.000	25.000	20.000
		Xã miền núi	30.000	25.000	20.000
26	Huyện Mường Lát	Thị trấn	30.000	25.000	20.000
		Xã miền núi	30.000	25.000	20.000
27	Khu Kinh tế Nghi Sơn (34 xã, thị trấn huyện Tĩnh Gia; 03 xã: Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính thuộc huyện Nông Cống và 03 xã: Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc thuộc huyện Như Thanh)	Thị trấn	55.000	50.000	
		Xã đồng bằng	55.000	50.000	
		Xã miền núi	50.000	45.000	

Bảng 3: Giá đất nuôi trồng thuỷ sản

(Kèm theo Nghị quyết số 231/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: đồng/m^2

STT	Huyện, thị xã, thành phố		Vị trí	
			Vị trí 1	Vị trí 2
1	Thành phố Thanh Hóa	Phường	65.000	60.000
		Xã đồng bằng	55.000	50.000
2	Thành phố Sầm Sơn	Phường	52.000	47.000
		Xã đồng bằng	47.000	42.000
3	Thị xã Bỉm Sơn	Phường	52.000	47.000
		Xã đồng bằng	47.000	42.000
4	Huyện Đông Sơn	Thị trấn	45.000	40.000
		Xã đồng bằng	45.000	40.000
5	Huyện Hoằng Hóa	Thị trấn	45.000	40.000
		Xã đồng bằng	45.000	40.000
6	Huyện Quảng Xương	Thị trấn	45.000	40.000
		Xã đồng bằng	45.000	40.000
7	Huyện Nga Sơn	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
8	Huyện Hậu Lộc	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
9	Huyện Hà Trung	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
		Xã miền núi	40.000	35.000
10	Huyện Nông Cống	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
11	Huyện Triệu Sơn	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
		Xã miền núi	40.000	35.000
12	Huyện Thọ Xuân	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
		Xã miền núi	40.000	35.000
13	Huyện Thiệu Hóa	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
14	Huyện Yên Định	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
		Xã miền núi	40.000	35.000
15	Huyện Vĩnh Lộc	Thị trấn	40.000	35.000
		Xã đồng bằng	40.000	35.000
		Xã miền núi	40.000	35.000

STT	Huyện, thị xã, thành phố		Vị trí		
			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
15	Huyện Vĩnh Lộc	Thị trấn	10.000	6.500	3.000
		Xã đồng bằng	10.000	6.500	3.000
		Xã miền núi	10.000	6.500	3.000
16	Huyện Thạch Thành	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
17	Huyện Cẩm Thủy	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
18	Huyện Ngọc Lặc	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
19	Huyện Như Thanh	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
20	Huyện Lang Chánh	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
21	Huyện Bá Thước	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
22	Huyện Thường Xuân	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
23	Huyện Như Xuân	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
24	Huyện Quan Hóa	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
25	Huyện Quan Sơn	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
26	Huyện Mường Lát	Thị trấn	5.000	3.200	1.500
		Xã miền núi	5.000	3.200	1.500
27	Khu kinh tế Nghi Sơn (34 xã, thị trấn huyện Tĩnh Gia; 03 xã: Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính thuộc huyện Nông Cống và 03 xã: Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc thuộc huyện Như Thanh)	Thị trấn	12.000	10.000	8.000
		Xã đồng bằng	12.000	10.000	8.000
		Xã miền núi	8.000	6.500	5.000

BẢNG 9: GIÁ ĐẤT Ở

THỜI KỲ 2020-2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 231/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

67.3	Sâu từ hơn 200m đến hết ngõ (rộng <3,5m)	2.500
68	Đường Trần Xuân Soạn: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường Lý Nhân Tông	11.000
68.1	Ngõ 51 Trần Xuân Soạn	
-	Sâu đến 50,0m	6.000
-	Từ sâu hơn 50m đến hết ngõ	3.500
68.2	Ngõ 11 Trần Xuân Soạn	
-	Sâu đến 50,0m	5.000
-	Sâu từ hơn 50m đến hết ngõ	3.500
68.3	Ngõ 04 Trần Xuân Soạn	
-	Ngõ sâu 50m	4.500
-	Ngõ sâu từ 50m đến hết ngõ	3.500
68.4	Ngõ 28 Trần Xuân Soạn (sâu dưới 100m)	3.500
68.5	Ngõ 76 Trần Xuân Soạn (sâu dưới 50m)	4.500
68.6	Ngõ 109 lòng đường <3,0m	
-	Sâu dưới 50,0m	5.000
-	Sâu dưới 100,0m	3.700
-	Sâu từ hơn 100m đến 200m	3.200
-	Sâu từ hơn 200m đến hết ngoc	2.700
68.7	Ngõ 93 lòng đường <3,0m	
-	Sâu dưới 50,0m	5.000
-	Sâu dưới 100,0m	3.700
-	Sâu từ hơn 100m đến 200m	3.200
-	Sâu từ hơn 200m đến hết ngõ	2.700
68.8	Ngõ 58 lòng đường <3,0m	
-	Sâu dưới 50,0m	5.000
-	Sâu dưới 100,0m	3.700
-	Sâu từ hơn 100m đến 200m	3.200
-	Sâu từ hơn 200m đến hết ngõ	2.700
68.9	Ngõ Sùng - đường Trần Xuân Soạn	
-	Sâu dưới 100m	4.000
-	Sâu từ hơn 100m đến 200m	3.500
-	Sâu từ hơn 200m đến hết ngõ	3.000
70	Đường Thọ Hạc: Từ QLộ 1A đến Khu QH Đông Bắc Ga	10.000
71	Ngõ Thắng: đường Thọ Hạc	
71.1	Sâu dưới 100m	4.000
71.2	Sâu từ hơn 100m đến 200m	3.500
71.3	Sâu từ hơn 200m đến hết ngõ	3.000
72	Ngõ Đông: từ đường Thọ Hạc:	
72.1	Sâu dưới 100m	3.000
72.2	Sâu từ hơn 100m đến hết ngõ	2.300
73	Ngõ 33 - Thọ Hạc:	
73.1	Sâu dưới 100m	3.000
73.2	Sâu từ hơn 100m đến hết ngõ	2.300
74	Ngõ 43 - Thọ Hạc:	
74.1	Sâu dưới 50m	3.500
74.2	Sâu từ hơn 50m đến hết ngõ	3.000
75	Ngõ 63 - Thọ Hạc: Ngõ sâu < 100m	3.500

67	Ngõ 21 Lê Thần Tông	3.500
68	Ngõ 59 Lê Thần Tông	3.500
69	Ngõ 67 Lê Thần Tông	3.500
70	Ngõ 73 Lê Thần Tông	3.500
71	Ngõ 80 Lê Thần Tông	3.500
72	Ngõ 90 Lê Thần Tông	3.500
73	Ngõ 100 Lê Thần Tông	3.500
74	Ngõ 112 Lê Thần Tông	3.500
75	Các đường ngang dọc còn lại Tổ dân phố Tạnh Xá 1,2	4.500
76	Ngõ 72 Tạnh xá 2	4.000
77	Ngõ 93 Tạnh xá 2	3.500
78	Ngõ 95 Tạnh xá 2	3.500
79	Nguyễn Sơn: từ đường Kiều Đại đến đường Lạc Long Quân	6.000
80	Ngõ 31 Nguyễn Sơn	3.500
81	Ngõ 35 Nguyễn Sơn	3.500
82	Ngõ 49 Nguyễn Sơn	3.500
83	Đường Kiều Đại: Từ QL1A đến hết đường	5.500
84	Các ngõ ngang dọc còn lại Tổ dân phố Kiều Đại	3.500
85	Ngọc Dao: Các đường ngang dọc trong phố Ngọc Dao	5.000
86	Ngõ 33 Ngọc Dao: Từ Lê Thánh Tông đến đường Lương Hữu Khánh	5.000
87	Đường Lương Hữu Khánh:	
87.1	Từ đường ngã tư Voi đi Sầm Sơn đến khu thể thao Sunsport	8.500
87.2	Đường Lương Hữu Khánh: Từ số nhà 09B Lương Hữu Khánh đến hết đường	5.500
88	Ngõ 20 Lương Hữu Khánh	4.000
89	Ngõ 32 Lương Hữu Khánh	4.000
90	Ngõ 44 Lương Hữu Khánh	4.000
91	Ngõ 52 Lương Hữu Khánh	4.000
92	Ngõ 124 Lương Hữu Khánh	3.500
93	Đường Lê Thánh Tông:	
93.1	Từ đường Quang Trung đến cống tiêu Quảng Đại	7.500
93.2	Từ cống tiêu Quảng Đại đến giáp phường Đông Sơn	6.000
94	Ngõ 33 Lê Thánh Tông	5.000
95	Ngõ 36 Lê Thánh Tông	4.000
96	Ngõ 69 Lê Thánh Tông	5.000
97	Ngõ 119 Lê Thánh Tông	4.000
98	Ngõ 129 Lê Thánh Tông	4.000
99	Ngõ 135 Lê Thánh Tông	4.000
100	Ngõ 141 Lê Thánh Tông	4.000
101	Ngõ 161 Lê Thánh Tông	4.000
102	Ngõ 171 Lê Thánh Tông	4.000
103	Ngõ 150 Lê Thánh Tông	4.000
104	Ngõ 136 Lê Thánh Tông	4.000
105	Ngõ 68 Lê Thánh Tông	4.000
106	Hẻm 107 Lê Thánh Tông	3.500
107	Hẻm 109 Lê Thánh Tông	3.500
108	Các ngõ, hẻm <1,5m	3.000

3.5.1	Đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến phía Tây Trường Mầm non, khu phố 4	2.500
3.5.2	Đoạn từ phía Tây Trường Mầm non đến đường Đặng Dung, khu phố 4	1.700
3.6	Đường Lương Định Của	
3.6.1	Đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Đặng Quang, khu phố 5	3.300
3.6.2	Đoạn từ đường Đặng Quang đến Lò giết mổ gia súc, khu phố 5.	2.500
3.7	Đường Đặng Quang	
3.7.1	Đoạn từ đường Hai Bà Trưng, thửa 26 tờ bản đồ số 16 đến thửa 52 tờ bản đồ số 22, khu phố 2.	2.600
3.7.2	Đoạn từ thửa 53 tờ bản đồ số 22 đến đường Phùng Hưng, khu phố 2,4	2.000
3.7.3	Đoạn từ đường Phùng Hưng đến đường Lương Định Của.	1.500
3.8	Đường Đặng Dung	
3.8.1	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Phùng Hưng, khu phố 2,4.	2.800
3.8.2	Đoạn từ đường Phùng Hưng đến đường Trần Quý Cáp, khu phố 4	2.300
3.8.3	Đoạn từ thửa 20 tờ bản đồ 33 đến đường Lương Định Của	2.000
3.9	Đường Hoàng Văn Thụ	
3.9.1	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Phùng Hưng, khu phố 2,4.	2.500
3.9.2	Đoạn từ đường Phùng Hưng đến đường Lương Định Của, khu phố 5	1.800
3.10	Đường Ngô Thì Sĩ: Từ đường Phan Đình Phùng đến đường Hoàng Văn Thụ, khu phố 2	2.000
3.11	Đường Ngô Gia Khảm: Từ đường Lương Định Của về phía Nam đến hết đường, khu phố 5	3.000
3.12	Đường Bùi Xương Trạch	
3.12.1	Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến thửa 21, 22 tờ bản đồ số 29, khu phố 6	2.500
3.12.2	Đoạn từ thửa 36, 38 tờ bản đồ số 29 đến đường Lương Định Của	2.000
3.13	Đường dân cư mới thuộc khu xen cư trụ sở UBND và nhà trẻ cũ phường Phú Sơn : từ thửa đất số 217 đến thửa đất số 232 tờ bản đồ số 21	2.500
3.14	Đường Khu dân cư mới phía Bắc Lương Định Của	
3.14.1	Tuyến đường bao quanh phía Nam khu dân cư (25m)	6.000
3.14.2	03 tuyến đường bao quanh phía Đông, phía Tây, phía Bắc khu dân cư mới Bắc đường Lương Định Của	4.000
3.14.3	03 tuyến đường nội bộ trong khu dân cư mới Bắc đường Lương Định Của	3.000
3.15	Các đường dân cư còn lại thuộc khu bộ đội, khu phố 3	1.500
3.16	Các ngõ nối với đường đường Ngô Gia Khảm, khu phố 5	1.500
3.17	Các đường dân cư còn lại trên địa bàn phường	1.200
4	**PHƯỜNG BA ĐÌNH**	
4.1	Đường Trần Phú	
4.1.1	Đoạn từ cầu Đo Đạc đến đường Nguyễn Đức Cảnh	15.000
4.1.2	Đoạn từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Chu Văn An	13.500
4.1.3	Đoạn từ ngã 3 đường Chu Văn An đến ngã 3 đường Bùi Thị Xuân	12.500
4.1.4	Đoạn từ phía Tây đường Bùi Thị Xuân đến cầu Cổ Đam	11.000
4.2	Đường Tôn Thất Thuyết	
4.2.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa 6 tờ 150 (ông Đằng Lan), khu phố 5	4.600
4.2.2	Đoạn từ phía Bắc ông Đằng Lan đến ngã ba Văn phòng Công ty Đông Phương Hồng	3.500

4.2.3	Đoạn từ ngã ba Văn phòng Công ty Đông Phương Hồng đến đường Trần Hưng Đạo, khu phố 7, 8	2.500
4.3	Đường Nguyễn Đức Cảnh	
4.3.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến hết Khu biệt thự Tây đường Nguyễn Đức Cảnh	6.000
4.3.2	Đoạn từ đường phía Bắc khu biệt thự Tây Nguyễn Đức Cảnh đến ngã ba đường đi Văn phòng mỏ sét Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, khu phố 4	3.500
4.3.3	Đoạn từ ngã ba đường đi Văn phòng Mỏ sét Nhà máy xi măng Bỉm Sơn đến đường Trần Hưng Đạo, khu phố 7	2.500
4.4	Đường Lê Chân	
4.4.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến ngã 3 đường vào nhà ô Chiến (Thửa đất 08; 09 tờ bản đồ 156), khu phố 3	5.000
4.4.2	Đoạn từ ngã 3 nhà ô Bính (thửa 16; 17 tờ bản đồ 156) đến hết khu dân cư, khu phố 3	4.500
4.5	Nhánh rẽ đường Lê Chân: Từ sau lô 1 đường Lê Chân về phía Tây đến giáp suối Đo Đạc, khu phố 3	4.000
4.6	Đường Lê Hữu Lập: Từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Lê Đình Chinh, khu phố 4	4.000
4.7	Đường Tống Duy Tân	
4.7.1	Đoạn từ sau lô 1 đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương, khu phố 3	6.000
4.7.2	Các ngõ còn lại nối với trục đường Tống Duy Tân, khu phố 3	3.000
4.8	Đường Hồ Xuân Hương	
4.8.1	Từ đường Tống Duy Tân về phía Đông đến hết khu dân cư khu phố 6	4.500
4.8.2	Các ngõ còn lại nối với đường Hồ Xuân Hương	3.000
4.9	Đường Cao Thắng: Từ đường Trần Phú đến thửa 80 tờ bản đồ số 157 (hộ ông Phúc), khu phố 3	5.000
4.10	Ngõ nối với đường Cao Thắng: Từ thửa 12, 40 tờ bản đồ 157 về phía Tây đến hết khu dân cư, khu phố 3	4.000
4.11	Ngõ nối đường Cao Thắng: Từ đường Cao Thắng về phía Đông đến hết khu dân cư (thửa số 82, 84 tờ bản đồ số 157 nhà ông Bơ, nhà bà Cúc), khu phố 3	3.500
4.12	Ngõ cạnh số nhà 119 nối với đường Trần Phú: Từ đường Trần Phú đến hết khu dân cư (thửa 54 tờ bản đồ số 157), khu phố 3	4.000
4.13	Đường Hoàng Hoa Thám: Từ đường Trần Phú đến đường Đào Duy Từ, khu phố 2, 3	5.500
4.14	Đường Tô Hiệu	
4.14.1	Đường khu dân cư: Từ đường Tô Hiệu (đi giữa lô 4 và lô 5 khu dân cư) đến đường Đào Duy Từ, khu phố 2	4.000
4.14.2	Đường Tô Hiệu: Từ ngã 3 đường Hoàng Hoa Thám (giữa lô 2 và lô 3 khu dân cư) đến đường Đào Duy Từ, khu phố 2	4.000
4.15	Đường Đào Duy Từ	
4.15.1	Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám về phía Đông đến hết khu dân cư, khu phố 2	4.000
4.15.2	Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám về phía Tây đến giáp suối Đo Đạc, khu phố 2	4.000
4.16	Đường khu dân cư: Từ đường Đào Duy Từ về phía Bắc (thửa 02 tờ bản đồ 119) đến hết khu dân cư (bà Nghiệm), khu phố 2	3.000

4.17	Đường Phan Bội Châu: Từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến thửa số 42 tờ bản đồ số 148, khu phố 4	5.000
4.18	Đường Lương Thế Vinh: Từ đường Trần Phú đến đường Phan Bội Châu, khu phố 3, 4	6.000
4.19	Các đường khu dân cư Bắc Công ty Cổ phần cơ giới và xây lắp số 15 nối từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Lương Thế Vinh	5.000
4.20	Đường giữa 2 khu dân cư Bắc Phan Bội Châu và Khu biệt thự Tây Nguyễn Đức Cảnh Khu phố 4 (đường 25,0m): đoạn từ đường Nguyễn Đức Cảnh về phía Tây qua Trường Mầm non Ba Đình đến hết khu dân cư	5.000
4.21	Các đường còn lại khu dân cư Bắc Cơ giới 15, khu dân cư Bắc Phan Bội Châu và khu Biệt thự Tây Nguyễn Đức Cảnh, khu phố 3, 4	4.500
4.22	Đường khu dân cư Nam đường Trần Phú Ba Đình	
4.22.1	Từ đường Trần Phú đến giáp Cầu Tam Điệp mới (trục đường chính 42m)	10.000
4.22.2	Các tuyến đường khu dân cư Nam Trần Phú nối với trục đường chính Quy hoạch 42,0m; khu phố 3, 4	8.000
4.22.3	Các tuyến đường khu dân cư còn lại	6.000
4.23	Đường Lê Đình Chinh	
4.23.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa 12 tờ bản đồ số 159, khu phố 4	4.500
4.23.2	Đoạn từ thửa 11 tờ bản đồ số 159 đến đường Nguyễn Đức Cảnh, khu phố 4	4.000
4.24	Đường khu dân cư: Từ đường Lê Đình Chinh về phía Tây (qua nhà Văn Hoá khu phố 4) đến đường Nguyễn Đức Cảnh, khu phố 4	3.200
4.25	Đường Ngô Quyền: Từ đường Trần Phú đến Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã, khu phố 5	5.000
4.26	Đường Chu Văn An: Từ sau lô 1 đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương, khu phố 5	5.500
4.27	Đường phía Tây tường rào trụ sở UBND thị xã: Từ đường Trần Phú đến hết khu dân cư, khu phố 3	4.000
4.28	Đường Nguyễn Bá Ngọc: Từ đường Chu Văn An đến đường Nguyễn Văn Trỗi, khu phố 5	4.500
4.29	Đường Lê Văn Hưu: Từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Bá Ngọc, khu phố 5	5.000
4.30	Đường Trần Xuân Soạn	
4.30.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Bá Ngọc, khu phố 5	5.000
4.30.2	Đoạn từ đường Nguyễn Bá Ngọc đến đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố 5	4.000
4.31	Đường Bùi Thị Xuân	
4.31.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa số 79 tờ bản đồ số 166, khu phố 5	5.000
4.31.2	Đoạn từ thửa số 45, 80 tờ bản đồ số 166 đến đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố 5	4.000
4.32	Đường Mạc Đĩnh Chi: Từ đường Trần Nguyên Đán đến đường Bùi Thị Xuân, khu phố 5	4.000
4.33	Đường Nguyễn Văn Trỗi : Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa số 3 tờ bản đồ số 168, khu phố 5, 6	5.000
4.34	Đường khu dân cư ao Lắp máy: Từ thửa 81 tờ bản đồ số 165 về phía Nam đến đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố 5	3.500
4.35	Đường Lương Đắc Bằng: Từ đường Nguyễn Bá Ngọc đến đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố 5	4.000

4.36	Các đường nội khu dân cư Nam trường Tiểu học Ba Đình (Khu dân cư mới), khu phố 5	4.000
4.37	Đường Trần Nguyên Đán: Đoạn từ đường Chu Văn An đến đường Hồ Xuân Hương, khu phố 5	4.000
4.38	Đường khu dân cư: Từ đường Chu Văn An về phía Tây đến thửa số 39 tờ bản đồ số 164 (ông Cát), khu phố 5	4.000
4.39	Đường khu dân cư (sau Toà án Thị xã): Từ đường Trần Xuân Soạn đến đường Lê Văn Hưu, khu phố 5	4.500
4.40	Nhánh rẽ đường Nguyễn Văn Trỗi: Từ đường Nguyễn Văn Trỗi về phía Đông đến thửa số 13 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	2.800
4.41	Nhánh rẽ đường Nguyễn Văn Trỗi: Từ đường Nguyễn Văn Trỗi về phía Đông đến thửa số 37 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	2.800
4.42	Đường Lê Văn Tám: Từ đường Trần Phú đến đường Đinh Công Tráng, khu phố 6	4.000
4.43	Đường Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Văn Tám đến hết đường (giáp suối), khu phố 6	3.500
4.44	Đường Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Trần Phú đến hết khu dân cư, khu phố 6	5.000
4.45	Đường Lê Chí Trực	
4.45.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa số 168 tờ bản đồ số 166, khu phố 6	5.000
4.45.2	Đoạn từ thửa số 01 đến thửa số 85, 126 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	4.000
4.46	Nhánh rẽ đường Lê Chí Trực: Từ thửa số 19 đến thửa số 211 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	4.000
4.47	Nhánh rẽ đường Lê Chí Trực: Từ thửa số 159 đến thửa số 213 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	3.200
4.48	Nhánh rẽ đường Lê Chí Trực: Từ thửa số 49 tờ bản đồ số 169 về phía Đông đến thửa 4 tờ bản đồ 170, khu phố 6	3.200
4.49	Nhánh rẽ đường Lê Chí Trực: Từ thửa số 125 về phía Đông đến thửa số 117 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	3.200
4.50	Nhánh rẽ đường Lê Chí Trực: Từ thửa số 181 đến thửa số 231 tờ bản đồ số 169, khu phố 6	3.200
4.51	Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường sắt vào NM xi măng Bỉm Sơn đến giáp địa giới hành chính phường Lam Sơn	3.500
4.52	Đường Phạm Hùng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cổng 6 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, khu phố 7	3.000
4.53	Đường Mỏ sét nối Tôn Thất Thuyết: Từ đường Tôn Thất Thuyết về phía Tây đến đường Nguyễn Đức Cảnh, khu phố 8	2.500
4.54	Đường phía Nam Nhà máy XM Bỉm Sơn: Từ cổng 1 Nhà máy XM Bỉm Sơn về phía Đông qua cổng Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn đến cổng 3 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, khu phố 7, 11	2.500
4.55	Đường nối Trần Hưng Đạo: Từ đường Trần Hưng Đạo (đường đi qua Đồn CA 800 cũ) đến đường phía Nam NMXM Bỉm Sơn, khu phố 7, 11	3.000
4.56	Đường Ben La: Từ cổng 3 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn đến ngã 3 đường Lê Lợi, khu phố 9	1.800
4.57	Đường nối Trần Hưng Đạo: Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến hết Trạm bơm nước CTXM (nhà ông Đức T.Bình), khu phố 11	3.000
4.58	Đường nối Trần Hưng Đạo: Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến hết Trạm bơm nước CTXM cũ (Trạm bơm 54), khu phố 8	3.000

4.59	Đường khu dân cư Khu phố 10: Từ đường Lý Nhân Tông đến giáp khu dân cư khu phố 10 (Ngã ba nhà ông Chỉ)	800
4.6	Đường khu dân cư Khu phố 10: Từ nhà ông Lương đến hết khu dân cư khu phố 10, khu dân cư về phía Đông (nhà ông Chân)	800
4.61	Đường khu dân cư Khu phố 10: Từ nhà ông Thủy đến hết khu dân cư khu phố 10, về phía Tây (đến nhà Hộ Phúc khu phố 10).	800
4.62	Đường vào khu ốc đảo suối Đo đạc, khu phố 2: Từ phía Nam khu dân cư (thửa đất số 21 tờ bản đồ số 146) đến hết khu dân cư phía Bắc (thửa đất số 6 tờ bản đồ số 146)	3.000
4.63	Đường Lê Thanh Nghị: Từ đường Phạm Hùng đi qua Trường Cao đẳng nghề LILAMA đến đường sắt vào Ga Công nghiệp Bỉm Sơn, khu phố 7	2.000
4.64	Các đường, ngõ khu dân cư còn lại khu phố 7, 8, 9, 10, 11	1.200
4.65	Đường dân cư mới: đoạn từ thửa 29 đến thửa 33 tờ bản đồ số 160 (phía sau Siêu thị Tiến Chung)	3.500
4.66	Đường dân cư mới thuộc khu xen cư phía Đông đường Lê Chí Trực	6.500
4.67	Nhánh rẽ đường Đinh Công Tráng: Từ thửa 18 tờ bản đồ 161 về phía Nam đến hết khu dân cư, khu phố 6	2.000
4.68	Nhánh rẽ đường Đinh Công Tráng: Từ thửa 25 tờ bản đồ 161 về phía Nam đến hết khu dân cư, khu phố 6	2.000
4.69	Khu dân cư Nam khu phố 6, phường Ba Đình	
4.69.1	Đoạn nối từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Hồ Xuân Hương	5.000
4.69.2	Đoạn nối từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Hồ Xuân Hương	4.500
4.69.3	Đoạn nối từ đường Lê Chí Trực đến đường Hồ Xuân Hương	4.000
4.69.4	Các đường còn lại trong khu dân cư	3.800
4.70	Nhánh rẽ nối đường Trần Hưng Đạo: Từ thửa 146 tờ 141 về phía Nam đến hết khu dân cư, khu phố 11	2.000
4.71	Nhánh rẽ nối đường Trần Hưng Đạo: Từ thửa 77 tờ 141 về phía Nam (qua Nhà văn hóa khu phố 9) đến hết khu dân cư, khu phố 9	2.000
4.72	Nhánh rẽ nối đường Trần Hưng Đạo: Từ thửa 37 tờ 141 về phía Nam đến hết khu dân cư, khu phố 11	2.000
4.73	Nhánh rẽ nối đường Trần Hưng Đạo: Từ thửa 22 tờ 141 về phía Bắc đến hết khu dân cư, khu phố 11	2.000
4.74	Đường vào Nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía Đông phường Đông Sơn	
4.74.1	Đoạn từ giáp địa giới hành chính phường Bắc Sơn đến Cổng 7 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn	2.000
4.74.2	Đoạn còn lại đến hết địa giới hành chính phường Ba Đình	1.500
4.75	Đường Khu dân mới khu xen cư Bắc khu phố 2 phường Ba Đình	
4.75.1	Đoạn đường quy hoạch 18,5m: Nối từ đường Đào Duy Từ về phía Bắc đến đường 25m (đường Phía Bắc Trường mầm non Ba Đình)	5.000
4.75.2	Đoạn đường quy hoạch 13,5m: Nối từ đường Đào Duy Từ về phía Bắc đến đường 25m (đường phía Bắc Trường mầm non Ba Đình)	4.500
5	**PHƯỜNG LAM SƠN**	
5.1	Đường Trần Phú	
5.1.1	Đoạn từ cầu Cổ Đam đến đường vào Nhà văn hóa thôn Cổ Đam và thửa 16 tờ bản đồ 112	8.000
5.1.2	Đoạn từ đường vào nhà văn hóa thôn Cổ Đam (thửa 12, 35 tờ bản đồ số 112) đến đường Nguyễn Kiên	6.000

5.1.3	Đoạn từ đường Nguyễn Kiên đến ngã tư 5 tầng	6.500
5.2	Đường Lê Lợi	
5.2.1	Đoạn từ cầu Hà Lan đến đường Hà Văn Mao, Khu phố 2	4.000
5.2.2	Đoạn từ đường Hà Văn Mao đến thửa 33 tờ bản đồ 129, Khu phố 4	6.000
5.2.3	Đoạn từ thửa 31 tờ bản đồ 129 đến đường Tạ Quang Bửu (thửa 22 tờ 109), khu phố 4	5.000
5.2.4	Đoạn từ đường Tạ Quang Bửu đến Ngã tư đường đi mỏ đá, khu phố 4	4.000
5.3	Đường từ ngã tư đường đi Mỏ đá Công ty XM Bỉm Sơn đến cổng 4B Công ty xi măng Bỉm Sơn	2.000
5.4	Đường Trần Hưng Đạo	
5.4.1	Đoạn từ giáp ranh giới hành chính phường Ba Đình đến thửa 13 tờ bản đồ 103, Khu phố 6	3.500
5.4.2	Đoạn từ thửa 15 tờ bản đồ 103 đến ngã ba 53, Khu phố 6, 4	4.000
5.5	Đường Lê Quý Đôn	
5.5.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến cổng Trường Lê Quý Đôn, thôn Cổ Đam	3.000
5.5.2	Đoạn từ cổng Trường Lê Quý Đôn đến hết khu dân cư giáp suối, thôn Cổ Đam	2.000
5.6	Đường Phạm Sư Mạnh: Từ đường Lê Quý Đôn đến đường Phan Chu Trinh, thôn Cổ Đam	2.200
5.7	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Bắc đến sau lô 1 đường Phạm Sư Mạnh (nhà ô.Ngạch thửa 6 tờ bản đồ số 106), Thôn Cổ Đam	1.800
5.8	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Bắc đến sau lô 1 đường Phạm Sư Mạnh (Hộ bà Nga Tuấn thửa 60 tờ bản đồ số 106), Thôn Cổ Đam	1.800
5.9	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Bắc đến sau lô 1 đường Phạm Sư Mạnh (ô.Loan thửa 95 tờ bản đồ số 106), Thôn Cổ Đam	1.800
5.10	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Nam giáp tường phía Tây Trường Trung cấp nghề Bỉm Sơn hết khu dân cư	1.800
5.11	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Nam giáp tường phía Đông Trường TC nghề Bỉm Sơn hết đường, Thôn Cổ Đam	1.800
5.12	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Nam đến thửa 51 tờ bản đồ số 105, Thôn Cổ Đam	1.800
5.13	Đường Đội Cấn: Đoạn từ sau lô 1 đường Trần Phú đến hết khu dân cư, thôn Cổ Đam	2.200
5.14	Đường song song Đội Cấn : Từ thửa 19 tờ bản đồ số 111 (nhà ông Am) đến thửa 89 tờ bản đồ số 111 (nhà bà Huệ), thôn Cổ Đam	1.500
5.15	Đường Yết Kiêu	
5.15.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa 75 tờ bản đồ số 111 (ông Mai Văn Thụ)	2.200
5.15.2	Đoạn từ thửa 82 tờ bản đồ số 111 (ông Lê Hồng Thanh) đến hết khu dân cư, thôn Cổ Đam	1.800
5.16	Đường Phan Chu Trinh	
5.16.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến hết thửa 117 tờ bản đồ số 106, Thôn Cổ Đam	2.200
5.16.2	Đoạn từ thửa 120 tờ bản đồ số 106 đến hết thửa 12 tờ bản đồ số 107 (bà Kiệm), Thôn Cổ Đam	1.800

5.16.3	Đoạn từ thửa 6 tờ bản đồ số 107 đi qua đường Trần Hưng Đạo đến đường vào cổng 4A Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, khu phố 6	1.200
5.17	Đường khu dân cư: Từ thửa 36 tờ bản đồ số 107 về phía đông đến ngã 3 đường Hàm Nghi, Thôn Cổ Đam	1.000
5.18	Đường nối Trần Phú: Từ sau lô 1 đường Trần Phú về phía Bắc qua hộ ông Môn giáo với đường Ngô Văn Sở, Thôn Cổ Đam	2.200
5.19	Đường nối Trần Phú về phía Nam đến hết khu tái định cư (hộ ông Lương) Cổ đam	2.200
5.20	Đường Ngô Văn Sở	
5.20.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa 62 tờ bản đồ số 107 (ô.Thành), Thôn Cổ Đam	2.500
5.20.2	Đoạn từ thửa 70 tờ bản đồ số 107 đến đường Hàm Nghi, thôn Cổ Đam	1.800
5.21	Đường Hàm Nghi	
5.21.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến ngã ba đường Ngô Văn Sở, Thôn Cổ Đam	2.200
5.21.2	Đoạn từ thửa số 38 tờ bản đồ số 108 (bà Hoa) đến hết đường dân cư, Thôn Cổ Đam	1.500
5.22	Đường nối Trần Phú (phía Tây Trường THPT Lê Hồng Phong); Từ đường Trần Phú đến thửa 34 tờ bản đồ số 113	1.500
5.24	Các đường còn lại của thôn Cổ Đam có bề rộng từ 3m trở lên.	1.100
5.25	Đường Nguyễn Thiện	
5.25.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến hết thửa số 12 tờ bản đồ số 119 (nhà ông Do), thôn Nghĩa Môn	2.200
5.25.2	Đoạn từ sau thửa số 12 tờ bản đồ số 119 (nhà ông Do) đến hết khu dân cư, thôn Nghĩa Môn	1.000
5.26	Đường Thi Sách : Từ đường Trần Phú đến Đền Cây Vải (phía Tây Thị đội), thôn Nghĩa Môn	2.000
5.27	Đường nối Trần Phú: Từ đường Trần Phú Về phía Bắc qua hộ ông Tuấn Mão đến hết dân cư, thôn Nghĩa Môn	1.800
5.28	Đường lô 2: Từ Nhà văn hoá Nghĩa Môn về phía Tây giáp suối (thửa 40 tờ bản đồ số 119), thôn Nghĩa Môn	1.200
5.29	Đường lô 2: Từ Nhà Văn hoá Nghĩa Môn Về phía Đông đến thửa 44 tờ bản đồ số 125 (nhà ông Lanh), thôn Nghĩa Môn	1.200
5.30	Đường Cao Điền	
5.30.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến Nhà Văn hoá thôn Nghĩa Môn	2.000
5.30.2	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Nghĩa Môn đến thửa 9 tờ bản đồ 131, thôn Nghĩa Môn	1.800
5.30.3	Đoạn từ thửa 20 tờ bản đồ 131 về phía Tây đến hết dân cư, thôn Nghĩa Môn	1.500
5.31	Đường Cầm Bá Thước: Từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Quốc Trị, thôn Nghĩa Môn, khu phố 1	2.000
5.32	Đường khu dân cư: Từ đường Cầm Bá Thước về phía Nam đến thửa 62 tờ bản đồ số 125, thôn Nghĩa Môn	1.500
5.33	Đường khu dân cư: Từ thửa 77 tờ bản đồ số 125 về phía Đông đến thửa 79 tờ bản đồ số 125, thôn Nghĩa Môn	1.200
5.34	Các đường còn lại của thôn Nghĩa Môn có bề rộng từ 3m trở lên.	1.300
5.35	Đường Nguyễn Quốc Trị: Từ đường Trần Phú đến thửa 3 tờ bản đồ số 132, khu phố 1, 2, thôn Nghĩa Môn	1.800

5.36	Đường nối Trần Phú: Từ thửa 28 tờ bản đồ số 126 về phía Bắc hết khu dân cư, khu phố 1	1.500
5.37	Đường nối Trần Phú (phía sau dãy đất mượn): Từ thửa 103 tờ bản đồ số 126 về phía Đông đến thửa 49 tờ bản đồ số 134, khu phố 1	2.000
5.38	Đường khu dân cư: Từ thửa 42 tờ bản đồ số 127 về phía Đông đến thửa 74 tờ bản đồ số 127, khu phố 1	1.800
5.39	Đường khu dân cư: Từ thửa 38 tờ bản đồ số 127 về phía Đông đến thửa 56 tờ bản đồ số 127, khu phố 1	1.500
5.40	Đường khu dân cư: Từ thửa 18 tờ bản đồ số 127 về phía Đông đến thửa 27 tờ bản đồ số 127	1.200
5.41	Đường khu dân cư: Từ thửa 11 tờ bản đồ số 127 về phía Đông đến thửa 25 tờ bản đồ số 127, khu phố 1	1.000
5.42	Đường khu dân cư: Từ thửa 99 tờ bản đồ số 127 đến thửa 106 tờ bản đồ số 127, khu phố 1	1.000
5.43	Đường khu dân cư: Từ thửa 48 tờ bản đồ số 134 đến thửa 21 tờ bản đồ số 134, khu phố 1	1.000
5.44	Đường Ngô Thì Nhậm:	
5.44.1	Đoạn từ đường Nguyễn Quốc Trị đến đường Lương Văn Can, khu phố 2 (Sau Công ty Vilaglacera)	1.200
5.44.2	Đoạn từ đường Nguyễn Quốc Trị đến Cầu Sắt sông Tam Điệp	1.000
5.44.3	Đoạn từ thửa 6 tờ bản đồ 139 về phía Tây đến thửa 5 tờ bản đồ số 137, khu phố 2	1.000
5.45	Đường Lương Văn Can: Từ đường Trần Phú đến đường Ngô Thì Nhậm, khu phố 2	2.500
5.46	Đường Nguyễn Kiên: Từ đường Trần Phú đến thửa 54 tờ bản đồ số 139, khu phố 2	2.500
5.47	Đường Phạm Bành: Từ đường Trần Phú đến hết đường, khu phố 2	2.000
5.48	Đường khu dân cư: Từ thửa 39 tờ bản đồ số 135 đến thửa 43 tờ bản đồ số 135, khu phố 2	1.800
5.49	Đường khu dân cư: Từ thửa 55 tờ bản đồ số 135 về phía Đông đến thửa 115 tờ bản đồ số 136, khu phố 2	1.200
5.50	Đường khu dân cư: Từ thửa số 49 tờ bản đồ số 139 đến thửa 58 tờ bản đồ số 139, khu phố 2	1.200
5.51	Đường nối với đường Trần Phú (giữa Kho Lương thực cũ): Từ đường Trần Phú về phía Nam đến thửa 36 tờ bản đồ số 140, khu phố 2	1.800
5.52	Đường Hà Văn Mao: Từ đường Lê Lợi đến thửa 35 tờ bản đồ số 140, khu phố 2	2.000
5.53	Đường nối Lê Lợi: Từ thửa số 120 tờ bản đồ số 136 về phía Nam đến thửa 8 tờ bản đồ số 140, khu phố 2	1.000
5.54	Đường khu dân cư mới Nam Nhà Văn hoá khu 2	2.200
5.55	Đường Tôn Thất Tùng: Từ đường Trần Phú đến thửa 50 tờ bản đồ số 129, khu phố 4	2.000
5.56	Đường khu dân cư Bắc siêu thị Lam Sơn: Từ đường Lê Lợi (thửa 29 tờ bản đồ số 136) đến thửa 34 tờ bản đồ số 136, khu phố 4	2.500
5.57	Đường khu dân cư: Từ thửa 45 tờ bản đồ số 129 về phía Đông đến thửa 44 tờ bản đồ số 136, khu phố 4	1.800
5.58	Đường Nguyễn Tri Phương: Từ đường Lê Lợi đến thửa 67 tờ bản đồ số 117, khu phố 4	1.500

5.59	Đường nối với đường Lê Lợi: Từ đường Lê Lợi về phía Tây đến thửa 46 tờ bản đồ số 117, khu phố 4	1.500
5.60	Đường nối với đường Trần Thái Tông: Từ đường Lê Lợi (thửa 11 tờ bản đồ số 117) đến thửa 22 tờ bản đồ số 117, khu phố 4	1.500
5.61	Đường Nguyễn Cảo: Từ đường Lê Lợi qua đất của HTX Tam Sơn đến hết đường, khu phố 4	1.500
5.62	Đường Tạ Quang Bửu	
5.62.1	Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết tường rào phía Tây Trường tiểu học Lam Sơn 3, khu phố 4	2.000
5.62.2	Đoạn từ tường rào phía Tây Trường tiểu học Lam Sơn 3 đến đường Trần Hưng Đạo, khu phố 4	1.000
5.63	Đường KDC phía Đông Trường Tiểu học Lam Sơn 3: Từ đường Tạ Quang Bửu (thửa 16 tờ bản đồ số 109) về phía Bắc đến thửa 49 tờ bản đồ số 103, khu phố 4	2.000
5.64	Đường nối Lê Lợi: Từ thửa 4 tờ bản đồ số 98 về phía Tây đến thửa 01 tờ bản đồ số 89, khu phố 9	1.000
5.65	Các đường, ngõ còn lại trong phường	500
5.66	Đường Khu dân cư phía Tây trường Trung cấp nghề: Từ thửa 26 tờ bản đồ 105 đến hết khu dân cư, thôn Cổ Đam	2.000
5.67	Đường khu dân cư phía Bắc Ban chỉ huy quân sự thị xã Bỉm Sơn (Thị Đội), thôn Nghĩa Môn	1.500
5.68	Đường Hải Thượng Lãn Ông: Từ sau lô 1 đường Trần Phú đến thửa 13 tờ bản đồ 123, thôn Nghĩa Môn	1.500
5.69	Đường khu dân cư Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp cũ: Từ thửa 49 tờ bản đồ 136 đến thửa 4 tờ 136, khu phố 4	1.000
6	**PHƯỜNG ĐÔNG SƠN**	
6.1	Đường Lê Lợi	
6.1.1	Đoạn từ cầu Hà Lan đến đường vào Nhà văn hóa xóm Sơn Nam (gần quán nhà Năng), xóm Sơn Nam	4.000
6.1.2	Đoạn từ phía Bắc đường vào Nhà văn hóa xóm Sơn Nam (gần quán nhà Năng) đến tường rào phía Bắc sân vận động 5 tầng, khu phố 8	5.500
6.1.3	Đoạn từ tường rào phía Bắc Sân vận động 5 tầng đến ngã 3 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, 8	5.000
6.1.4	Đoạn từ ngã 3 đường Nguyễn Thị Minh Khai đến ngã tư đường Ben la đi mỏ đá nhà máy xi măng Bỉm Sơn, khu phố 7, xóm Trường Sơn	4.000
6.2	Đường Trần Phú	
6.2.1	Đoạn từ ngã Tư 5 tầng đến đường vào cổng chợ phụ (chợ 5 tầng), khu phố 8	6.000
6.2.2	Đoạn từ thửa 32 tờ bản đồ 160 (nhà ông Nhiễu) đến thửa 19 tờ bản đồ 161, khu phố 8	4.500
6.2.3	Đoạn từ tường rào phía Tây tường rào Gara xe ô tô Công ty CPXM Bỉm Sơn đến cầu Chuyên Gia, khu phố 8, 3	4.000
6.3	Đoạn đường từ ngã ba Benla (ngã ba đường đi Bãi rác) đến cổng số 3 lên Mỏ đá (Hồ khe Gỗ), xóm Trường Sơn	1.000
6.4	Đường đi Mỏ đá phụ: Từ đường Benla (cây Xăng) đến Mỏ đá phụ, xóm Trường Sơn	500
6.5	Đường Lê Trọng Tấn	
6.5.1	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp suối, xóm Trường Sơn	600

6.5.2	Đoạn từ giáp suối đến ngã 3 đường Đặng Tiến Đông, xóm Trường Sơn	550
6.6	Đường Trương Định: Từ đường Lê Trọng Tấn đến đường Phùng Khắc Khoan, khu 7, xóm Trường Sơn	500
6.7	Đường Phạm Hồng Thái	
6.7.1	Đoạn từ thửa 57 tờ bản đồ số118 (hộ bà Ngần) đến thửa 45 tờ bản đồ số 118 (hộ bà Suý), khu phố 7	1.500
6.7.2	Đoạn từ thửa 44 tờ bản đồ số 118 (nhà bà Hiếu) đến hết đường, khu phố 7	1.000
6.8	Đường Đoàn Thị Điểm	
6.8.1	Đoạn từ thửa 142 tờ bản đồ số 118 (nhà bà Hường) đến thửa 164 và 122 tờ bản đồ số 118, khu phố 7	1.500
6.8.2	Đoạn từ thửa 163 và thửa 121 tờ bản đồ số 118 đến hết đường, khu phố 7	1.000
6.9	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	
6.9.1	Đoạn từ thửa 93, 94 tờ bản đồ số 119 đến thửa 70 tờ bản đồ số 125, khu phố 7	1.000
6.9.2	Đoạn từ thửa 69 tờ bản đồ số 125 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 7, 5	800
6.10	Đường Đặng Trần Côn	
6.10.1	Đoạn từ ngã 3 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến giáp suối, khu phố 5	800
6.10.2	Đoạn từ giáp suối đến đường Phùng Khắc Hoan, xóm Trường Sơn	1.000
6.11	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
6.11.1	Đoạn từ thửa 81 tờ bản đồ số 124 (nhà ông Tỵ) đến thửa 116 tờ bản đồ số 124 (nhà bà Dung), khu phố 5	2.500
6.11.2	Đoạn từ thửa 122 tờ bản đồ số 124 (nhà bà Huy) đến thửa 146 tờ bản đồ số 124, khu phố 5	1.800
6.11.3	Đoạn từ giáp thửa 143 tờ bản đồ số 124 đến hết đường, khu phố 5	1.500
6.12	Đường Nguyễn Trường Tộ	
6.12.1	Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết khu tập thể Xi măng, khu phố 5	2.200
6.12.2	Đoạn từ thửa 32 tờ bản đồ số 131 (nhà bà Trinh) đến thửa 59 tờ bản đồ số 132 (nhà bà Nhàn), khu phố 5	1.500
6.13	Đường Nguyễn Xuân	
6.13.1	Đoạn từ thửa 08 tờ bản đồ số 141 (nhà bà Quy) đến thửa 38 tờ bản đồ số 141 (nhà ông Triều), khu phố 5	1.500
6.13.2	Đoạn từ thửa 20 tờ bản đồ số 142 (nhà bà Thành) đến thửa 34 tờ bản đồ số 142 (nhà bà Xuyên), khu phố 5	1.000
6.13.3	Đoạn từ thửa 44 tờ bản đồ số 142 (nhà bà Mật) đến hết đường, khu phố 5	800
6.14	Đường Lê Đại Hành	
6.14.1	Đoạn từ đường Lê Lợi đến thửa 11 tờ bản đồ số 141 (nhà bà Đào), khu phố 5	2.500
6.14.2	Đoạn từ thửa 27 tờ bản đồ số 141 đến hết đường, khu phố 5	1.500
6.15	Đường Kim Đồng: Từ đường Lê Lợi đến giáp Trường THCS Xi măng, khu phố 5	1.800
6.16	Đường Phùng Chí Kiên	
6.16.1	Đoạn từ đường Trần Phú đến thửa 118 tờ bản đồ số 160, khu phố 8	2.500
6.16.2	Đoạn từ thửa 68 tờ bản đồ số 161 đến thửa 30 tờ bản đồ số 167 (nhà ông Chung), khu phố 8	1.800
6.16.3	Đoạn từ sau thửa 30 tờ bản đồ số 167 (nhà ông Chung) đến đường Lê Phụng Hiểu, khu phố 8	1.000

6.17	Đường Phan Kế Toại: Từ ngõ 605 đường Trần Phú (thửa 80 tờ bản đồ số 160) đến đường Phùng Chí Kiên, khu phố 8	2.500
6.18	Đường Hồ Nguyên Trừng: Từ ngõ 605 đường Trần Phú (thửa 133 tờ bản đồ số 160) đến đường Phùng Chí Kiên, khu phố 8	2.000
6.19	Ngõ 615 đường Trần Phú (phía Đông chợ 5 tầng nhà ông Nhiễu, Lĩnh): Từ đường Trần Phú đến đường Hồ Nguyên Trừng	2.500
6.20	Đường nội Trần Phú: Từ đường Trần Phú (thửa 48 tờ bản đồ số 160) đến đường Hồ Nguyên Trừng, khu phố 8	2.500
6.21	Đường Lê Phụng Hiểu: Từ đường Lê Lợi đến Khu Bể thải cũ, xóm Sơn Nam	1.200
6.22	Đường Đào Tấn: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến hết khu dân cư, khu phố 3	1.000
6.23	Đường Nguyễn Gia Thiều: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường Đinh Tiên Hoàng, khu phố 3	1.000
6.24	Đường Trần Nguyên Hãn	
6.24.1	Đoạn từ cầu chuyên gia đến đường Nguyễn Gia Thiều, khu phố 3	1.200
6.24.2	Đoạn từ đường Nguyễn Gia Thiều đến đường Hàn Mặc Tử-Đinh Tiên Hoàng, khu phố 3	1.000
6.24.3	Đoạn từ đường Hàn Mặc Tử-Đinh Tiên Hoàng đến thửa 23 và thửa 18 tờ bản đồ số 179, xóm Đông Thôn	800
6.24.4	Đoạn từ thửa 24 và thửa 17 tờ bản đồ số 179 đến cầu Trung Sơn-Sơn Tây, xóm Trung Sơn	600
6.24.5	Đoạn từ cầu Trung Sơn-Sơn Tây đến thửa 01 tờ bản đồ số 172 (nhà ông Miện), xóm Sơn Tây	500
6.25	Đường Hàn Mặc Tử: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường Ngô Gia Tự, xóm Đông Thôn	800
6.26	Đường Ngô Gia Tự: Từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Trần Nguyên Hãn, xóm Đông Thôn, Trung Sơn	500
6.27	Đường Đinh Tiên Hoàng: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường Lê Trọng Tấn, xóm Đông Thôn, Trường Sơn	500
6.28	Đường Phùng Khắc Hoan: Từ đường Lê Trọng Tấn đến hết đường, xóm Trường Sơn	800
6.29	Đường song song với đường Phùng Khắc Hoan: Từ thửa số 30 tờ bản đồ số 114 về phía Nam đến thửa số 63 tờ bản đồ số 125, xóm Trường Sơn	500
6.30	Đường Hồ Quý Ly	
6.30.1	Đoạn từ đường Lê Trọng Tấn về phía Nam đến thửa 09 tờ bản đồ số 126, xóm Trường Sơn	600
6.30.2	Đoạn từ thửa 13 tờ bản đồ số 126 đến phía Bắc thửa 07 tờ bản đồ số 152, xóm Trường Sơn	500
6.30.3	Đoạn từ thửa số 07 mảnh bản đồ 152 đến đường Trần Phú (thửa 27 mảnh bản đồ 162), Khu phố 3	800
6.31	Đoạn đường xóm Sơn Nam: Từ đường Lê Lợi về phía Đông (thửa 19 tờ bản đồ số 165) đến đường Phùng Chí Kiên (thửa 25 tờ bản đồ số 175)	1.800
6.32	Đoạn đường xóm Sơn Nam: Từ đường Lê Phụng Hiểu về phía Bắc (thửa 95 tờ bản đồ số 174) đến đường nhựa phía Bắc khu dân cư xóm Sơn Nam (thửa 1 tờ bản đồ số 175)	800
6.33	Đoạn đường khu phố 8: Đường Phùng Chí Kiên về phía Đông (Thửa 18 tờ bản đồ số 167) hết khu dân cư (Thửa 5,8 tờ bản đồ số 167)	1.000

6.34	Các đường còn lại thuộc khu nhà thanh lý (Khu A): các đường trục hết khu dân cư khu phố 8, 3	800
6.35	Đoạn đường song song phía Bắc đường Nguyễn Xuân: Từ thửa 23 tờ bản đồ số 142 về phía Đông đến hết khu dân cư (thửa 55 tờ bản đồ số 142), khu phố 5	500
6.36	Đoạn đường: Từ sau lô 1 đường Nguyễn Xuân (thửa 10 tờ bản đồ số 142) về phía Bắc đến sau lô 1 đường Nguyễn Trường Tộ, khu phố 5	800
6.37	Đoạn đường đối diện Nhà văn hoá khu 5: Từ nhà ông Thuần về phía Đông đến thửa 9 tờ bản đồ số 142, khu phố 5	500
6.38	Đoạn đường nối với đường Nguyễn Trường Tộ: Từ thửa 80 tờ bản đồ số 132 về phía Đông đến thửa 89 tờ bản đồ số 132, khu phố 5	800
6.39	Đoạn đường nối với đường Nguyễn Trường Tộ: Từ đường Nguyễn Trường Tộ (thửa 79 tờ bản đồ số 132 về phía Bắc đến thửa 29 tờ bản đồ số 132, khu phố 5	600
6.40	Các đường nhánh của đường Nguyễn Thị Minh Khai về phía Bắc: Từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đường, khu phố 5	800
6.41	Đoạn đường Nam Xí nghiệp 1 cũ: Từ thửa 35,37 tờ bản đồ số 124 về phía Nam đến hết đường	1.000
6.42	Đường nhánh nối Nguyễn Bỉnh Khiêm: Từ thửa 95 mảnh bản đồ 119 về phía Tây đến thửa 194, 213 tờ bản đồ số 118	600
6.43	Đường nhánh nối Nguyễn Bỉnh Khiêm: Từ thửa 53 tờ bản đồ số 124 về phía Tây đến thửa 33 tờ bản đồ số 124, khu phố 7	600
6.44	Đường nhánh nối Nguyễn Bỉnh Khiêm: Từ thửa 08 tờ bản đồ số 125 về phía Đông đến giáp suối, khu phố 7	500
6.45	Đường nhánh nối Nguyễn Bỉnh Khiêm: Từ thửa 23 tờ bản đồ số 124 về phía Tây đến thửa 12 tờ bản đồ số 124, khu phố 7	500
6.46	Đường nhánh nối Nguyễn Bỉnh Khiêm: Từ thửa 97 tờ bản đồ số 119 về phía Đông đến giáp suối, khu phố 7	500
6.47	Đường nhánh nối với đường Đoàn Thị Điểm: Từ đường Đoàn Thị Điểm (thửa 111 tờ bản đồ số 118 về phía Bắc đến thửa 70 tờ bản đồ số 118, khu phố 7	1.000
6.48	Đường nhánh nối với đường Đoàn Thị Điểm: Từ đường Đoàn Thị Điểm (thửa 107 tờ bản đồ số 118 về phía Bắc đến thửa 65 tờ bản đồ số 118, khu phố 7	1.000
6.49	Đường nhánh nối với đường Lê Lợi: Từ đường Lê Lợi (thửa 100 tờ bản đồ số 113) về phía Đông đến hết khu dân cư, khu phố 7	1.000
6.5	Đường nhánh nối với đường Lê Lợi: Từ đường Lê Lợi (thửa 31 tờ bản đồ số 113) về phía Đông đến hết khu dân cư, khu phố 7	1.000
6.51	Đường nhánh nối với đường Lê Lợi: Từ đường Lê Lợi (thửa 30 mảnh bản đồ 113) về phía Đông đến hết khu dân cư, khu phố 7	1.000
6.52	Đường nhánh nối với đường Lê Lợi: Từ đường Lê Lợi (thửa 11 tờ bản đồ số 113) về phía Đông đến hết khu dân cư, khu phố 7	1.000
6.53	Các đường, Ngõ còn lại khu phố 3, 5, 7, 8 và xóm Sơn Nam	500
6.54	Các đường, ngõ còn lại các xóm Trường Sơn, Sơn Tây và khu phố Đông Thôn	500
6.55	Các tuyến đường nội bộ khu nhà ở tập thể B, C tập thể nhà máy xi măng Bỉm Sơn, phường Đông Sơn	1.200
6.56	Đường vào Nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía Đông	

6.56.1	Đoạn từ đường Lê Lợi đến ngã ba Ben la (đi mỏ nhà Nhà máy xi măng Bỉm Sơn) xóm Trường Sơn	1.200
6.56.2	Đoạn từ ngã 3 Benla đến tường rào phía Đông nhà máy rác thải, xóm Trường Sơn,	1.000
6.56.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa giới hành chính phường Đông Sơn- giáp xã Hà Vinh, xóm Trường Sơn	800
6.57	Đường Khu dân cư: đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên về phía Đông đến thửa số 5 tờ 167, khu phố 8	800
6.58	Đường khu dân cư phía Đông công ty Trường Thành: Đoạn từ sau lô 1 đường Nguyễn Thị Minh Khai đến thửa 32 tờ bản đồ 131, khu phố 5	1.200
7	**XÃ QUANG TRUNG**	
7.1	Đường Lê Thánh Tông	
7.1.1	Đoạn từ đường sắt Bắc Nam đến phía ngã ba đường Lý Thường Kiệt.	5.000
7.1.2	Đoạn từ phía Tây đường Lý Thường Kiệt đến thửa 56 tờ bản đồ số 55 (nhà ông Nguyễn Thế Minh), thôn 6.	4.500
7.1.3	Đoạn từ thửa 81 tờ bản đồ số 55 đến hết địa phận thị xã Bỉm Sơn, thôn 6.	3.500
7.2	Đường Lý Thường Kiệt	
7.2.1	Đoạn từ sau lô 1 đường Lê Thánh Tông đến thửa 83, 88 tờ bản đồ số 50, thôn 5,3.	2.500
7.2.2	Đoạn từ thửa 68, 84 tờ bản đồ số 50 đến giáp địa giới hành chính phường Ngọc Trạo,thôn 3	1.800
7.3	Đường Hàn Thuyên: Từ đường Lê Thánh Tông đến giáp địa giới phường Ngọc Trạo, thôn 6	1.200
7.4	Đường Thanh Niên	
7.4.1	Đoạn từ sau lô1 đường Quốc lộ 1A đến thửa 179 (ông Phạm Văn Mười), tờ bản đồ 64, thôn 4	3.000
7.4.2	Đoạn từ thửa 191, tờ bản đồ 64 đến thửa 6, tờ bản đồ 73, thôn 4.	2.500
7.4.3	Đoạn còn lại đến hết địa giới hành chính xã Quang Trung, thôn 2	2.000
7.5	Đường Trần Khánh Dư: Từ nhà bà Nga, Đăng thôn 4 (thửa 139 tờ 63) đến nhà ông Quyền, Kim (thửa 163 tờ 72), thôn 4	2.000
7.6	Đường khu dân cư Tây đường sắt Bắc -Nam: Từ nhà ông Thiều Quang Soạn (thửa 224 tờ 63) đến nhà ông Phạm Văn Toàn (thửa 351 tờ 71), thôn 4	1.800
7.7	Đường dân cư thôn 6: Từ thửa 196 tờ bản đồ số 55 đến thửa 64 mảnh bản đồ số 54	1.500
7.8	Đường dân cư thôn 6: Từ thửa 132 đến thửa 275 tờ bản đồ số 55 về phía Nam đến hết khu dân cư	1.000
7.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	600
7.10	Đoạn từ phía Tây đường Cầu vượt đường sắt, thôn 4, 5. 6 đến hết địa phận thị xã Bỉm Sơn.	3.000
7.11	Đoạn từ sau nhà ông Huynh (thửa 189, tờ bản đồ 64), ngang nhà ông Chương (thửa 190, tờ bản đồ 64) đến giáp phía Đông CTTNHH Quyết Cường, thôn 4.	3.000
7.12	Đường Tỉnh lộ 7 nối khu công nghiệp: Đoạn từ sau lô 1 phía Bắc đường Lê Thánh Tông đến giáp địa giới hành chính phường Ngọc Trạo	3.000
7.13	Đường dân cư thôn 2: Từ thửa 176 (ông Nguyễn Xuân Cường), tờ bản đồ số 74 đến thửa 23 tờ bản đồ số 83(ông Nguyễn Xuân Bắng), thôn 2.	1.000

7.14	Đường dân cư thôn 2: Từ thửa 43 (ông Mai Văn Nghĩa), tờ bản đồ số 82 về phía Nam đến hết khu dân cư, thôn 2.	700
7.15	Đường dân cư thôn 2,1: Từ thửa 25 (ông Nguyễn Văn Hải), tờ bản đồ 83 đến thửa 54, tờ bản đồ số 67, thôn 2,1.	1.000
7.16	Đường dân cư thôn 1: Từ thửa 53 (Nhà văn hóa thôn 1), tờ bản đồ số 67 đến thửa 26 (ông Nguyễn Văn Thượng), tờ bản đồ số 53, thôn 1.	800
7.17	Đường dân cư thôn 1,2: Từ sau thửa 17 (Mai Xuân Thanh), tờ bản đồ số 76 đến thửa 35 ngang thửa 34 , tờ bản đồ số 68, thôn 1,2.	700
7.18	Đường dân cư thôn 6: Từ thửa 170 ngang thửa 180 (Nguyễn Hoàng Độ), tờ bản đồ số 55 về phía Nam đến hết khu dân cư, thôn 6.	1.000
8	**XÃ HÀ LAN (nay là phường Đông Sơn)**	
8.1	Đường Hoàng Minh Giám (Bỉm Sơn - Nga Sơn)	
8.1.1	Đoạn từ Cầu Hà Lan đến cống Trạm bơm Đoài Thôn	2.000
8.1.2	Đoạn từ cống Trạm bơm Đoài Thôn đến ngã 3 đường Hàm Long, thôn Đoài Thôn, Điền Lư	1.800
8.2	Đường Hàm Long: Từ ngã 3 đường Hoàng Minh Giám đến cầu Đa Nam, thôn Điền Lư, thôn Liên Giang.	1.600
8.3	Đoạn đường từ Cầu Hà Lan đi xã Quang Trung (Đê Tam điệp): Từ thửa số 19 tờ bản đồ số 43 đến thửa số 8 tờ bản đồ số 40, thôn Đoài Thôn.	800
8.4	Đoạn đường: Từ đường Hoàng Minh Giám đến ngã tư Đình Làng Gạo, thôn Đoài Thôn.	500
8.5	Đoạn đường: Từ ngã tư Đình Làng Gạo về phía Nam đến thửa số 198 tờ bản đồ số 43 (đất ở của hộ ông Tống Văn Dưỡng), thôn Đoài Thôn	500
8.6	Đoạn đường: Từ ngã 4 Đình làng gạo về phía Tây đến thửa số 28 tờ bản đồ số 43 (hộ bà Tống Thị Hiền), thôn Đoài Thôn.	500
8.7	Đoạn đường: Từ ngã tư Đình làng gạo về phía đông đến trường Mầm non, thôn Đoài Thôn	500
8.8	Đoạn đường: Từ thửa 92 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Trần Anh Cao) đến thửa sô 240 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Tống Hữu Tập), thôn Đoài Thôn.	500
8.9	Đoạn đường: Từ thửa số 46 tờ bản đồ số 43 (hộ bà Tống Thị Hiền) đến thửa số 107 tờ bản đồ số 43 (hộ bà Phạm Thị Đức), thôn Đoài Thôn.	500
8.10	Đoạn đường: Từ thửa số 108 tờ bản đồ số 43 đến thửa số 168 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Nguyễn Văn Ngũ) thôn Đoài Thôn.	500
8.11	Đoạn đường: Từ thửa số 157 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Nguyễn Văn Chiến) đến thửa số 191 tờ bản đồ số 43 (đất ở hộ ông Trần Viết Trung), thôn Đoài Thôn.	500
8.12	Đoạn đường: Từ thửa số 195 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Tống Viết Tùy) đến thửa số 197 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Trần Văn Mật), thôn Đoài Thôn.	500
8.13	Đoạn đường: Từ thửa số 151 tờ bản đồ số 43 đến thửa số 237 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Tống Hướng Dương), thôn Đoài Thôn	500
8.14	Đoạn đường: Từ thửa số 200 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Hoàng Văn Cậy) đến thửa số 130 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Nguyễn Công Quý), thôn Đoài Thôn.	500
8.15	Đoạn đường: Từ thửa số 224, tờ bản đồ địa chính số 44 (đất ở của hộ ông Hoàng Văn Thêm) đến thửa số 214, tờ bản đồ địa chính số 44 (đất ở của hộ ông Tống Văn Luyến), thôn Đoài Thôn.	500

8.16	Đoạn đường: Từ thửa số 51 tờ bản đồ số 43 (hộ bà Đỗ Thị Hoa) đến thửa số 21 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Tống Văn Xương), thôn Đoài Thôn	500
8.17	Đoạn đường: Từ thửa số 79 tờ bản đồ số 44 (hộ bà Tống Thị Bảng) đến thửa số 20 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Nguyễ Văn Lâm), thôn Đoài Thôn	500
8.18	Đoạn đường: Từ thửa số 86 tờ bản đồ số 44 (hộ bàTrần Thị Liên) đến thửa số 58 tờ bản đồ số 44 (hộ bà Tống Thị Hường), thôn Đoài Thôn	500
8.19	Đoạn đường: Từ thửa số 112 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Tống Quốc Hùng) đến thửa số 76 tờ bản đồ số 44 (hộ bà Tống Thị Liên), thôn Đoài Thôn	500
8.20	Đoạn đường: Từ thửa số 111 tờ bản đồ số 43 (hộ bà Tống Thị Quyền) đến thửa số 60 tờ bản đồ số 43 (hộ ông Phạm Văn Thỏa), thôn Đoài Thôn	500
8.21	Đường đi xã Hà Thanh: Từ đường Hoàng Minh Giám đến hết địa giới hành chính xã Hà Lan - Cầu Cải (nay là Phường Đông Sơn), thôn Điền Lư.	800
8.22	Đoạn đường: Từ ngã ba đường đi Hành Thanh đến thửa số 56, tờ bản đồ địa chính số 53 (đất ở của hộ bà Nguyễn Thị Sen), thôn Điền Lư.	500
8.23	Đoạn đường: Từ thửa số 53 tờ bản đồ số 53 (hộ ông Vũ Đình Hạnh) đến thửa số 31 tờ bản đồ số 52 (hộ ông Phạm Tuấn Nghĩa), thôn Điền Lư.	500
8.24	Đoạn đường: Từ thửa số 101 tờ bản đồ số 53 (hộ bà Vũ Thị Chỉ) đến thửa số 145 tờ bản đồ số 53 (hộ ông Vũ Văn Chung), thôn Điền Lư.	500
8.25	Đoạn đường: Từ trạm y tế xã Hà Lan (nay là phường Đông Sơn), đến thửa số 160 tờ bản đồ số 53 (hộ bà Nguyễn Thị Hải), thôn Điền Lư.	500
8.26	Đoạn đường: Từ thửa số 98 tờ bản đồ số 53 (hộ bà Phạm Thị Loan) đến thửa số 94 tờ bản đồ số 53 (đất ở của hộ ông Nguyễn Văn Được), thôn Điền Lư.	500
8.27	Đoạn đường: Từ thửa số 104 tờ bản đồ số 53 (hộ ông Vũ Đức Lư) đến ngã ba đường giáp thửa số 132 tờ bản đồ số 53 (hộ ông Trương Văn Thắng)	500
8.28	Đường T9: Từ giáp cây xăng Phương Lâm (đường Hàm Long) đến đường Hoàng Minh Giám (Đê Tam Điệp), thôn Xuân Nội.	800
8.29	Đường Hoàng Minh Giám đoạn từ Ngã ba Hàm Long đến hết địa giới hành chính xã Hà Lan (nay là phường Đông Sơn)	500
8.3	Đoạn đường: Từ Nhà văn hóa thôn Xuân Nội đến thửa 38 tờ bản đồ số 42 (hộ bà Soi), thôn Xuân Nội.	500
8.31	Đoạn đường: Từ thửa số 78 tờ bản đồ số 49 (hộ ông Vũ Văn Kính) đến thửa số 99 tờ bản đồ số 49 (đất Làng Nghề Xuân Nội), thôn Xuân Nội.	500
8.32	Đoạn đường: Từ thửa số 02 tờ bản đồ số 56 (Hộ bà Lại thị Quế) đến thửa số 19 tờ bản đồ số 56 (hộ ông Phạm Văn Thiệp), thôn Xuân Nội.	500
8.33	Đoạn đường: Từ thửa số104 tờ bản đồ 49 Vũ Văn Đồng đến thửa 8, tờ bản đồ địa chính số 48 (đất ở hộ bà Nguyễn Thị Chiên), thôn Xuân Nội.	500
8.34	Từ thửa số 56 đất lúa (Tây mương T9) đến thửa số 34 tờ bản đồ 47 (đất ở hộ bà Phạm Thị Quyền), thôn Xuân Nội.	500
8.35	Đoạn đường: Từ thửa số 11 tờ bản đồ số 59 (hộ ông Nguyễn Văn Hương) đến thửa số 18 tờ bản đồ số 59 (hộ ông Đoàn Văn Lợi), thôn Liên Giang.	500

8.36	Đoạn đường: Từ thửa số 36 tờ bản đồ số 57 (hộ ông Nguyễn Văn Duy) đến thửa số 70 tờ bản đồ số 57 (hộ bà Nguyễn Thị Sáu), thôn Liên Giang.	500
8.37	Đoạn đường: Từ thửa số 3 tờ bản đồ số 57 (hộ ông Môn) đến thửa số 15 tờ bản đồ số 57 (hộ ông Thế), thôn Liên Giang	500
8.38	Đoạn đường: Từ thửa số 32 tờ bản đồ số 60 (hộ ông Trần Đình Hiếu) đến thửa số 11 tờ bản đồ số 60 (hộ ông Trần Thành Khẩn), thôn Liên Giang	500
8.39	Đường dân cư: đoạn từ ngã ba đường Hàm Long đi Hà Vinh (Nhà thờ Dừa)	800
8.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	350
8.41	Từ thửa 194 tờ bản đồ số 44 (hộ ông Mai Văn Tuyên) đến thửa 02 tờ bản đồ số 52, thôn Đoài Thôn, Điền Lư. (Đường liên thôn Đoài Thôn - Điền Lư)	500
8.42	Đoạn từ thửa số 72 tờ bản đồ số 42 (hộ ông Lại Đức Thanh) đến thửa số 32 tờ bản đồ số 49 (hộ ông Vũ Văn sinh), thôn Xuân Nội	500
8.43	Từ trạm bơm Tam Đa đến thửa số 14, tờ bản đồ số 50 (đất ở hộ bà Vũ Thị Đào), thôn Xuân Nội.	500
8.44	Đoạn đường đê ông đấu	400
8.45	Từ thửa 110 tờ bản đồ 59 hộ ông Đoàn Văn Chỉ đến thửa số 63 tờ bản đồ 59 hộ ông Nguyễn Văn Hoạt, thôn Liên Giang	350
8.46	Từ thửa 74 tờ bản đồ 59 hộ bà Lại Thị Chinh đến thửa số 127 tờ bản đồ 59 hộ ông Vũ Văn Ngọc, thôn Liên Giang	400
8.47	Từ thửa 33 tờ bản đồ 59 hộ bà Vũ Thị Đoàn đến thửa số 96 tờ bản đồ 59 hộ ông Vũ Văn Thăng, thôn Liên Giang	350
8.48	Từ thửa 81 tờ bản đồ 57 hộ ông Nguyễn Văn Hạnh đến thửa số 34 tờ bản đồ 57 hộ bà Lại Thị Bản, thôn Liên Giang	350
8.49	Đoạn ngã ba đường đi Hà Thanh đoạn từ giáp thửa 260 tờ bản đồ số 52 (hộ ông Trương Quốc Khanh) đến phía Nam thửa số 145 tờ bản đồ số 53 (hộ ông Vũ Văn Chung), thôn Điền Lư	400

4. HUYỆN ĐÔNG SƠN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 45**	
1	**THỊ TRẤN RỪNG THÔNG**	
1.1	Đường QL45 từ giáp Đông Lĩnh - Đoàn QH Lâm nghiệp	5.500
1.2	Đường QL45 từ Đoàn QH Lâm nghiệp - Bảo hiểm XH	6.000
1.3	Đường QL45 từ Bảo hiểm xã hội - đến NVH khu phố Thống Nhất	5.500
1.4	Đường QL45 từ NVH khu phố Thống Nhất - giáp phố Toàn Tân	3.500
1.5	Đường QL 45 giáp khối phố Toàn Tân - giáp xã Đông Tiến	3.000
2	**XÃ ĐÔNG TIẾN**	
2.1	Đường QL45 từ giáp TT.Rừng thông - giáp Đông Thanh	3.000
3	**XÃ ĐÔNG THANH**	
3.1	Đường Quốc lộ 45 từ giáp xã Đông Tiến đến giáp UBND xã Đông Thanh (cũ)	3.000
3.2	Đường Quốc lộ 45 từ UBND xã Đông Thanh (cũ) đến giáp Thiệu Hoá	2.500
II	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 47**	
1	**THỊ TRẤN RỪNG THÔNG**	
1.1	Đường QL47 từ giáp Đông Tân - chợ huyện TT Rừng Thông	6.700
1.2	Đoạn nối QL45-QL 47 (trước UBND huyện)	6.700
1.3	Đường QL 47 từ nhà Khánh Đình - nhà bà Nhấp- ông Hùng;	6.700
1.4	Đường QL 47 từ nhà bà Nhấp - ông Hưởng (thửa 57 tờ bản đồ 10)	3.500
1.5	Đường QL 47 mới từ Đông Tân - Đông Anh (nay là xã Đông Khê)	5.000
2	**XÃ ĐÔNG ANH (nay là xã Đông Khê)**	
2.1	QL47 từ giáp TT Rừng Thông - giáp nhà ông Hoàn	4.500
2.2	QL 47 mới từ nhà ông Hoàn - giáp Đông Minh	4.000
2.3	QL47 cũ từ hộ ông Hoàn đến giáp Đông Minh	3.000
3	**XÃ ĐÔNG MINH**	
3.1	QL47 từ Đông Anh (cũ) - Đông Khê;	4.000
3.2	QL47 (cũ) từ Đông Anh (cũ)- ngã ba QL 47 mới	3.000
4	**XÃ ĐÔNG KHÊ**	
4.1	Đường QL47 từ Đông Minh - Đông Hoàng	4.000
5	**XÃ ĐÔNG HOÀNG**	
5.1	Đường QL47 từ giáp Đông Khê - UBND xã Đông Hoàng	4.000
5.2	Đường QL47 từ giáp UBND xã Đông Hoàng - hết cầu Thiều	4.500
III	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ GỐM - CẦU TRẦU**	
1	**THỊ TRẤN RỪNG THÔNG**	
1.1	Đường Tỉnh lộ 517 từ Đông Tân - Đông Thịnh	3.000
2	**XÃ ĐÔNG THỊNH**	
2.2	Đường TL từ TT Rừng Thông - Đông Yên	2.500
3	**XÃ ĐÔNG YÊN**	
3.1	Đường Tỉnh lộ 517 từ cầu Đanh - hộ ông Cường Yên Bằng	2.500
3.2	Đường Tỉnh lộ 517 (từ hộ ông Cường) Yên Bằng - giáp Triệu Sơn	2.000
IV	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 515B**	
1	**XÃ ĐÔNG HOÀNG**	

1.1	Đường Tỉnh lộ 515b từ giáp QL47 - Thiệu Lý	1.800
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN RỪNG THÔNG**	
1.1	Dọc kênh Bắc B19 cũ từ khu phố Cao Sơn- khu phố Phượng Lĩnh	3.500
1.2	Đường vào Trường Nguyễn Mộng Tuân	3.500
1.3	Dọc đường Thống Nhất từ khu phố Thống Nhất - Đông Lĩnh	2.500
1.4	Đường vào nghĩa địa KP Thống Nhất (Từ nhà ông Ngà đến nhà ông Ba)	2.000
1.5	Đường từ Đơn vị quân đội - giáp nghĩa địa	2.000
1.6	Khu vực sau núi cáo từ Trung tâm hội nghị - Trường Nguyễn Chích	2.000
1.7	Đường quanh chợ huyện (tính từ lô 2 QL47)	3.000
1.8	Dọc kênh Bắc từ giáp Cầu Cáo - Đông Tân	2.500
1.9	Các đường ngõ, ngách còn lại của các khối phố Thống Nhất - Cao Sơn - Phượng Lĩnh - Nam Sơn	1.500
1.10	Đường vào nhà nghỉ Mai Lâm và các lô đất không bám mặt đường QL45 của mặt bằng QH:1743	2.000
1.11	Cụm công nghiệp thị trấn Rừng Thông	
1.12	Đường TT Rừng Thông - Đông Thịnh; Đường vào Trường PTTH Đông Sơn; Đường vào khu cổ cò khu phố Nhuệ Sâm; Đường QL 47 từ nhà bà Nhấp đi TL 517 khu phố Xuân Lưu	2.000
1.13	Đường trục khu phố Toàn Tân từ Cổng Làng - cầu kênh Bắc	1.000
1.14	Đường trục chính khu phố Nhuệ Sâm, Xuân Lưu, Đông Xuân	700
1.15	Đường ngõ phố của phố Nhuệ Sâm, Xuân Lưu, Đông Xuân	500
1.16	Khu MBQH 452 (Đồng Đợi); Lô2, lô3, lô4	2.200
1.17	Đường xã từ Đông Anh - cống qua kênh Bắc (Đại Đồng)	1.300
1.19	Ngõ phố còn lại của phố Toàn Tân - Đại Đồng	500
1.20	MBQH khu Đồng Mạ khu phố Thống Nhất lô 2,3	2.000
1.22	Đường ngõ xóm còn lại thuộc thôn 6,7 xã Đông Anh cũ chuyển về TT Rừng Thông	500
1.23	Đường trục chính TT huyện Đông Sơn (TT mới)	4.500
1.24	Đường BT nối QL47 (ngã ba Cầu Cáo) đi đường TL 517	3.700
1.25	MBQH số 935 từ lô 28-81 (trừ các lô tiếp giáp với QL45)	3.500
1.26	MBQH số 935 từ lô 82-91 (trừ các lô tiếp giáp với QL45)	2.800
1.27	MBQH số 1879 các lô tiếp giáp với mặt đường đôi (mặt đường rộng 28m)	3.500
1.28	MBQH số 1879 - VT lô 2 (sau các lô tiếp giáp với QL47)	3.500
1.29	MBQH số 1879 các lô còn lại (sau các lô tiếp giáp với QL47)	3.000
1.30	MBQH số 2930 các lô còn lại (sau các lô tiếp giáp với đường Tỉnh Lộ)	2.500
1.31	MBQH số 2513 các lô tiếp giáp đường Đại lộ Đông Tây	6.200
1.32	MBQH 2513 đường còn lại	4.200
1.33	Đường QL 45 (từ KP Toàn Tân) nối QL 47 đi xã Đông Anh (mặt cắt 33)	3.000
2	**XÃ ĐÔNG TIẾN**	
2.1	Lô 2,3,4 tại mặt bằng QH dân cư số 707/2010 /QĐ-UBND	1.000
2.3	Đường xã từ cầu qua kênh Bắc - giáp QL45 (Triệu Xá 1);	1.500
2.4	Đoạn QL45 cũ (Kim Sơn - Hiệp Khởi)	1.500
2.5	Đường liên thôn Hiệp Khởi	600
2.6	Đường liên thôn Triệu Xá 1;	700
2.7	Đường liên thôn Triệu Tiền;	550
2.8	Đường liên thôn Triệu Xá 2;	550

2.9	Đường liên thôn Nhuận Thạch;	500
2.10	Đường thôn Toàn Tân từ cổng làng - Nhà văn hóa;	600
2.11	Đường ngõ, xóm còn lại của tất cả các thôn trong xã Đông Tiến	300
2.12	Khu công nghiệp Đông Tiến	
2.13	Đường trục chính tất cả các thôn xã Đông Tiến	400
2.14	MBQH số 1190/QĐ-QH ngày 19/8/2015, lô 2, 3, 4	1.500
2.15	MBQH số 1544 (trừ các lô tiếp giáp QL45)- đường QH 20,5m	1.800
2.16	MBQH số 1544 (trừ các lô tiếp giáp QL45)- đường QH 10,5m	1.400
2.17	MBQH 485	1.500
2.18	Lô 2, 3 tại MBQH số 831	1.500
2.19	MBQH số 769	1.000
2.20	MBQH số 769 lô 2,3	500
2.21	Đoạn từ nhà ông Tam đi vào Trường Mầm non mới (MBQH số 1163- mặt đường rộng 7,5m)	1.500
2.22	MBQH số 1163 các lô còn lại	1.000
3	**XÃ ĐÔNG THANH**	
3.1	Đường Bôn - Thiệu Giao	1.000
3.2	Đường Bôn - Đông Khê	1.500
3.3	Đường trục chính các thôn Phúc Triền 1,Phúc Triền 2, Quỳnh Bôi 1, Quỳnh Bôi 2, Kim Bôi, Thôn Cần, Ngọc Tích, Thôn Kiệm	500
3.4	Các đường ngõ xóm còn lại của tất cả các thôn trên địa bàn xã;	300
3.5	MBQH 513 (lô 2) trừ các lô tiếp giáp QL45	1.600
3.6	MBQH 608	1.000
3.7	Từ QL 45 đến nhà ông Đức Duyên thôn Kim Bôi	1.500
3.8	Đường nối UBND xã Đông Thanh - đi QL47 xã Đông Minh	1.500
3.9	Khu tái định cư Đồng Ngổ (trừ các lô tiếp giáp với QL 45)	1.500
3.10	Khu tái định cư Đồng Rong, Đồng Di	1.000
4	**XÃ ĐÔNG ANH (nay là xã Đông Khê)**	
4.1	Đường xã Đông Anh (cũ)- Đông Tiến ;	1.700
4.2	Đường xã từ QL47 giáp hộ ông Hoàn - Trung tâm văn hóa xã giáp đường Đông Anh (cũ) - Đông Tiến	2.000
4.3	Đường xóm Thanh từ hộ ông Sơn đến giáp đường xã Đông Anh (cũ) - Đông Tiến;	1.500
4.4	Đường thôn 1, 2, 3, 4	1.400
4.5	Lô 2 tại mặt bằng QH dân cư số 917 /QĐ-UBND (khu vực QL47)	2.000
4.6	Các đường ngõ xóm của các thôn 1, 2, 3, 4	500
4.7	Các lô còn lại của các mặt bằng: MBQH số 606; 495; Khu tái định cư cao tốc xã Đông Anh (cũ); Khu dân cư Đồng Bừng	2.000
4.8	Khu dân cư Đồng Nam (các lô còn lại)	1.700
4.9	Khu dân cư Đồng Bừng các lô tiếp giáp với đường đôi	2.500
4.10	Khu dân cư Đồng Bừng (các lô còn lại)	1.800
4.11	MBQH số 2408 các lô còn lại khu Cồn U (Thôn 1)	1.700
4.12	Đường QL 45(mặt cắt 3-3) nối QL 47 (Nhà máy may Phú Anh)	3.000
4.13	Đường huyện từ QL 47 (Nhà máy may Phú Anh) đi Cầu Vạn Đông Ninh	2.000
5	**XÃ ĐÔNG MINH**	
5.1	Đường xã đi Đông Hoà;	1.500
5.2	Đường đi Trung Đông từ QL47 cũ đi ngã ba Miễu	1.500

5.3	Đường từ cầu Đá - Đông Anh (cũ);	800
5.4	Đường từ ngã ba Miễu đi thôn 5, thôn 6	1.000
5.5	Đường liên thôn: Thôn 4, thôn 5	1.000
5.6	Đường liên thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 6	900
5.7	Đường ngõ xóm của các thôn: Thôn 4, thôn 5	500
5.8	Đường ngõ xóm của các thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 6	800
5.9	Đường liên xã Đông Minh - Đông Khê- Đông Thanh	1.500
5.10	MBQH số 1622, 1623, 825 - đường đôi	1.800
5.11	Mặt bằng quy hoạch số 1622, 1623, 825 - Đường còn lại	1.500
5.12	MBQH số 770 lô 2, 3 (trừ các lô tiếp giáp với QL 47)	2.000
5.13	MBQH 771	1.500
5.14	Khu dân cư tái định cư đường cao tốc xã Đông Minh (Đồng Vạn, Đồng Bái Nội)	1.500
5.15	Đường nối UBND xã Đông Thanh - đi QL47 xã Đông Minh	2.000
6	**XÃ ĐÔNG KHÊ**	
6.1	Khu vực MBQH số 70/QH năm 2010	1.500
6.2	Đường huyện từ Đông Minh - Trại bò Đông Thanh	1.200
6.3	Đường liên thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5	700
6.4	Các đường ngõ xóm còn lại các thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5	400
6.5	Đường nội bộ MBQH 537	1.500
6.6	Đường nội bộ còn lại MBQH 538	1.500
6.7	Đường nối UBND xã Đông Thanh - đi QL47 xã Đông Minh	2.000
7	**XÃ ĐÔNG HOÀNG**	
7.1	Đường liên thôn: thôn Học Thượng, Thọ Phật, Hoàng Học, Trùy Lac Giang, Tâm Binh, Cẩm Tú	500
7.2	Các đường thôn, ngõ xóm: thôn Học Thượng, Thọ Phật, Hoàng Học, Trùy Lạc Giang, Tâm Binh, Cẩm Tú	300
7.3	Cụm làng nghề xã Đông Hoàng	
8	**XÃ ĐÔNG THỊNH**	
8.1	Đường liên xã từ TT Rừng Thông - Đông Văn	1.500
8.2	Đường thôn Đà Ninh	1.000
8.3	Các đường ngõ xóm của tất cả các thôn trong xã	500
8.4	MB số 832 (trừ các lô tiếp giáp với đường TL517)	1.500
8.5	Đường liên thôn Đại Từ 1,2,3; Ngọc Lậu 1,2	700
8.6	MB 767 (khu Nổ Hốc)	1.800
8.7	MB 747 (đường đi đồng Đà)	1.000
8.8	Đường từ ngã ba Đông Văn đi đường BT	2.500
8.9	Đường Vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa	4.000
8.10	Đường từ TT. thành phố Thanh Hóa - đi đường nối Nghi Sơn Cảng hàng không Thọ Xuân	3.000
9	**XÃ ĐÔNG YÊN**	
9.1	Đường liên xã Đông Yên - Đông Hòa - Đông Văn	1.500
9.2	Đường liên thôn Yên Doãn 1, Yên Doãn 2, Yên Cẩm 1, Yên Cẩm 2, Yên Trường, Yên Bằng, Yên Thành	800
9.3	Đường ngõ xóm còn lại: Yên Doãn 1, Yên Doãn 2, Yên Cẩm 1, Yên Cẩm 2, Yên Trường, Yên Bằng, Yên Thành	400

9.4	Đường từ TT. thành phố Thanh Hóa - đi đường nối Nghi Sơn Cảng hàng không Thọ Xuân	3.000
9.5	MBQH 1397 các lô còn lại	500
10	**XÃ ĐÔNG NINH**	
10.1	Từ QL 47 vào Cầu Đồng Trãi	1.500
10.2	Từ Cầu Đồng Trãi - Cầu Vạn	1.000
10.3	Đường liên thôn: Hòa Bình, Thế Giới, Trường Xuân, Vạn Lộc, Thành Huy, Thôn 11	450
10.4	Đường ngõ xóm thôn: Hòa Bình, Thế Giới, Trường Xuân, Vạn Lộc, Thành Huy, Thôn 11	300
10.5	Đường liên thôn 11 đến Cầu Phù Chẩn	350
10.6	Các ngõ còn lại của thôn Phù Chẩn	250
10.7	MBQH số 930	1.500
11	**XÃ ĐÔNG HÒA**	
11.1	Đường liên xã Đông Minh - Đông Hòa (Cầu kênh B10)- Đông Yên	1.200
11.2	Đường trục chính các thôn Phú Minh, Hiền Thư, Chính Bình, Cựu Tự, Tân Đại, Thượng Hòa	500
11.3	Các đường ngõ xóm còn lại của các thôn trong xã Đông Hoà	300
11.4	Đường xã từ Cầu Sông B10 - đê Sông Hoàng	800
11.5	Đường vào chợ Đông Hòa	1.000
11.6	Đường vào bãi bóng xã Đông Hòa	800
12	**XÃ ĐÔNG VĂN**	
12.1	Đường xã từ cống ông Tích- cống ông Lai - giáp Đông Phú;	2.500
12.2	Đường xã từ nhà ông Chung - giáp Đông Hưng (cũ)	2.000
12.3	Đường xã từ hộ ông Hoan Mỹ đi Đông Yên - nối đường BT và đường đi thôn Văn Châu	1.800
12.4	Đường xã từ cống Ông Tích đến hộ ông Hoan Mỹ	2.000
12.5	Đường thôn Văn Thịnh, Văn Đoài, Văn Trung	700
12.6	Các đường ngõ xóm còn lại của tất cả các thôn trong xã Đông Văn	400
12.7	Khu vực đất SXKD Công ty Hoàng Long, Công ty Minh Hương	
12.8	Khu vực Nhà máy gạch K2 Đông Văn	
12.9	Đường Vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa	4.000
12.10	Đường từ TT. thành phố Thanh Hóa - đi đường nối Nghi Sơn Cảng hàng không Thọ Xuân	3.000
12.11	MBQH số 630 lô 2,3	500
12.12	MBQH số 935	1.000
12.13	MBQH số 830 lô 2,3	800
13	**XÃ ĐÔNG PHÚ**	
13.1	Đường xã từ nhà ông Thọ Cay đến nhà ông Thắng Thơ (thôn Chiếu Thượng	1.500
13.2	Đường xã từ cầu Đội Chung - hộ ông Công Luyến (thôn Phú Bình)	1.000
13.3	Đường xã đi Đông Nam- Đông Quang;	1.000
13.4	Đường thôn Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Vân, Chiếu Thượng	700
13.5	Các đường ngõ xóm các thôn Phú Bình, Hoàng Thịnh, Hoàng Vân, Chiếu Thượng	300
13.6	Cụm làng nghề xã Đông Phú	1.000
14	**XÃ ĐÔNG QUANG**	
14.1	Đường huyện từ giáp Đông Vinh - ngã ba Duy Tân;	1.500

14.2	Đường huyện từ ngã ba Duy Tân - Cầu Vinh;	2.000
14.3	Đường huyện từ Cầu Vinh - giáp Đông Phú;	1.500
14.4	Đường thôn của thôn Minh Thành, thôn 1 Đức Thắng	700
14.5	Đường ngõ xóm của Làng Minh Thành, thôn 1 Đức Thắng	300
14.6	Đường xã các thôn Văn Ba, thôn 1 Đức Thắng,Thịnh Trị 1, Minh Thành, Thịnh Trị 2, Thịnh Trị 3	800
14.7	Đường ngõ xóm của các thôn Văn Ba, Thịnh Trị	500
14.8	Khu công nghiệp núi Vức;	
14.9	Khu vực ven chân núi Vức	
14.10	Nhà máy gạch K2 Đông Quang;	
14.11	Từ giếng quan đến giáp xã Đông Nam	1.000
14.12	Đường Vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa	4.000
14.13	MBQH số 2063 Đồng Ròn	1.000
15	**XÃ ĐÔNG NAM**	
15.1	Đường huyện từ Đông Phú - Đường Sắt;	1.000
15.2	Đường huyện từ Đường Sắt - Cầu Lăng ;	1.500
15.3	Đường xã từ đường Liên xã - Cầu ông Nguyện thôn Mai Chữ; Đường xã từ đường liên xã - Cống Đồng Hạ thôn Phú Yên; Đường xã từ đường liên xã đi ông Tùng thôn Thành Vinh	500
15.4	Đường xã từ đường liên xã - Cầu ông Lũy thôn Thành Vinh; Đường xã từ đường Liên xã đi cầu ông Đỗ thôn Mai Chữ	500
15.5	Các đường thôn: Thành Vinh, Hạnh Phúc Đoàn, Tân Chính, Mai Chữ, Phú Yên, Sơn Lương	400
15.6	Các ngõ xóm còn lại của các thôn: Thành Vinh, Hạnh Phúc đoàn, Tân Chính, Mai Chữ, Phú Yên, Sơn Lương	300
15.7	Đường giao thông khu vực môi trường đoạn từ Xí nghiệp gạch Quảng Yên đi thôn Sơn Lương	350

5. HUYỆN HOẰNG HÓA

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**ĐƯỜNG TRUNG ƯƠNG**	
1.1	Đường Quốc lộ 1A	
1.1.1	Từ tiếp giáp huyện Hậu Lộc đến hết xã Hoằng Trinh	3.000
1.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Kim	3.500
1.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Phú	2.700
1.1.4	Đoạn tiếp theo đến cống N22 Kênh Nam (Hoằng Quỳ)	3.000
1.1.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Quỳ (giáp xã Hoằng Lý cũ)	3.500
1.1.6	Đoạn từ cầu vượt đường sắt đến hết địa phận xã Hoằng Quỳ giáp xã Hoằng Cát (địa phận xã Hoằng Quỳ)	2.500
1.1.7	Từ tiếp giáp xã Hoằng Quỳ đến cầu vượt sông Tào (địa phận Hoằng Cát)	2.200
1.1.8	Từ cầu vượt sông Tào đến hết địa phận xã Hoằng Minh giáp xã Hoằng Đồng (địa phận xã Hoằng Minh)	3.500
1.1.9	Từ tiếp giáp xã Hoằng Minh đến hết địa phận xã Hoằng Đồng giáp xã Hoằng Thịnh (địa phận Hoằng Đồng)	4.000
1.1.10	Từ tiếp giáp xã Hoằng Đồng đến hết địa phận xã Hoằng Thịnh giáp xã Hoằng Lộc (địa phận Hoằng Thịnh)	4.000
1.1.11	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thịnh đến hết địa phận xã Hoằng Lộc giáp xã Hoằng Quang, TP Thanh Hóa (địa phận Hoằng Lộc)	4.000
1.2	Đường Quốc lộ 10	
1.2.1	Từ cầu Sài đến cầu Bút Sơn (địa phận Hoằng Xuyên)	1.600
1.2.2	Từ Cây Xăng đến nhà Ông Minh thôn Thanh Bình	900
1.2.3	Từ cầu Bút Sơn đến đường tránh Quốc lộ 10 (cầu Tre cũ địa phận Hoằng Đức)	3.000
1.2.4	Từ đường Tránh Quốc lộ 10 đến ngã 3 Bút Sơn	2.100
1.2.5	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 đường rẽ cổng Bắc chợ Bút (cũ)	3.600
1.2.6	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ UBND thị trấn Bút Sơn	4.600
1.2.7	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 đường ĐH-HH.18	5.000
1.2.8	Đoạn tiếp theo đến cầu Gòng	6.500
1.2.9	Đoạn tiếp theo đến ngã 5 Gòng	7.500
1.2.10	Đoạn tiếp theo từ ngã 5 Gòng đến ngã tư cầu Gòng 2 (Áp dụng cho cả đất ở tiếp giáp kênh kẹp Quốc lộ 10)	9.000
1.2.11	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 đường rẽ UBND xã Hoằng Vinh (Áp dụng cho cả đất ở tiếp giáp kênh kẹp Quốc lộ 10)	5.500
1.2.12	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Trạm bảo vệ thực vật (Áp dụng cho cả đất ở tiếp giáp kênh kẹp Quốc lộ 10)	4.000
1.2.13	Đoạn tiếp theo chạy dọc phía Nam đến tiếp giáp Đường tránh Quốc lộ 1A (ngã tư Hoằng Minh)	3.500
1.2.14	Đoạn tiếp theo chạy dọc phía Nam đến Kênh N16	3.000
1.2.15	Đoạn tiếp theo chạy dọc phía Nam đến hết địa phận xã Hoằng Minh (tiếp giáp xã Hoằng Anh, cũ)	3.300
1.2.16	Từ đường rẽ Trạm bảo vệ thực vật chạy dọc bờ bắc Kênh N22 đến tiếp giáp đê hữu Lạch Trường	2.800
1.2.17	Từ nhà ông Lê Văn Thi đến tiếp giáp đê hữu Lạch Trường	2.900

1.2.18	Từ tiếp giáp Quốc lộ 1A mới đến hết địa phận xã Hoằng Minh (giáp xã Hoằng Anh, cũ)	3.500
II	**ĐƯỜNG TỈNH**	
2.1	ĐT.509 (Nghĩa Trang-Chợ Phủ)	
2.1.1	Từ tiếp giáp QL1A đến nhà ông Ngân (xã Hoằng Kim)	2.500
2.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Hoằng Trung	2.000
2.1.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cần (thôn 3, Hoằng Trinh)	1.700
2.1.4	Đoạn tiếp theo đến Trường THCS xã Hoằng Trinh	2.000
2.1.5	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Hoằng Trinh	1.700
2.1.6	Đoạn tiếp theo đến Trường mầm non xã Hoằng Lương, cũ	2.000
2.1.7	Đoạn tiếp theo đến cầu Chợ Phủ	2.000
2.2	ĐT.510 (Hoằng Thành-Ngã tư Gòng-Chợ Vực)	
2.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Đại (TP Thanh Hóa) đến nhà ông Dược (thôn Bái Đông)	2.200
2.2.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 Quăng-200m về phía Nam	3.200
2.2.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Lộc (tiếp giáp xã Hoằng Thịnh)	5.000
2.2.4	Đoạn tiếp theo đến hết hết C.ty Quốc Đại (Hoằng Thịnh)	3.500
2.2.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Thái (giáp xã Hoằng Đồng)	3.000
2.2.6	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 cổng chào xã Hoằng Đồng	4.000
2.2.7	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Đồng (giáp xã Hoằng Vinh)	4.500
2.2.8	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 (nhà ông Sỹ, thôn 4, Hoằng Vinh)	4.500
2.2.9	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Vinh (cũ) (tiếp giáp TT Bút Sơn)	5.000
2.2.10	Đoạn tiếp theo đến ngã 5 Gòng	6.500
2.2.11	Đoạn tiếp theo đến Cống xả lũ (tiếp giáp xã Hoằng Đạo)	10.000
2.2.12	Đoạn tiếp theo đến đường vào Nghĩa địa thôn Tê Thôn	8.000
2.2.13	Đoạn tiếp theo đến Quỹ tín dụng xã Hoằng Đạo	6.500
2.2.14	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào thôn Luyện Tây (ông Thoàn)	5.000
2.2.15	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 tiếp giáp ĐH-HH.16	4.500
2.2.16	Đoạn tiếp theo đến đường vào khu di tích Cồn Mả Nhón	3.500
2.2.17	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 đường rẽ đi Ngọc Đình (Hoằng Hà)	3.000
2.2.18	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Đạo (Cầu Choán cũ)	2.000
2.2.19	Đoạn tiếp theo đến Trường THPT Hoằng Hóa	2.000
2.2.20	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐT.510B (ngã 3 chợ Vực)	2.500
2.3	ĐT.510B (Trường-Phụ)	
2.3.1	Từ cảng cá Hoằng Trường đến hết trụ sở UBND xã Hoằng Trường	3.000
2.3.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Bình (thôn 5)	2.500
2.3.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Trường (tiếp giáp xã Hoằng Hải)	2.500
2.3.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Hải (giáp xã Hoằng Tiến)	2.500
2.3.5	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Lê Văn Vinh (Chiểu) thửa 142, tờ 34	2.500
2.3.6	Đoạn tiếp theo đến cầu Đen kênh Trường Phụ	3.500
2.3.7	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường ĐH-HH.22	3.000
2.3.8	Đoạn tiếp theo đến Kênh N21	3.500
2.3.9	Đoạn tiếp theo qua ngã 5 đến hết địa phận xã Hoằng Tiến	4.000
2.3.10	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường rẽ đi Hoằng Thanh	3.000
2.3.11	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Ngọc (giáp xã Hoằng Đông)	2.500
2.3.12	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Chính (thôn Lê Lợi, xã Hoằng Đông)	1.600
2.3.13	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 Bưu điện xã Hoằng Đông	2.000

2.3.14	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Đông (giáp xã Hoằng Phụ)	1.600
2.3.15	Đoạn tiếp theo đến Nhà VH thôn Hồng Kỳ	1.600
2.3.16	Đoạn tiếp theo đến Trạm y tế xã Hoằng Phụ	2.000
2.3.17	Đoạn tiếp theo đến trại tôm giống Hải Yến	1.500
2.3.18	Đoạn tiếp theo đến Trạm Hải Đăng	1.500
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
I	**XÃ HOẰNG GIANG**	
1.1	ĐH-HH.03 (Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp)	
1.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phượng đến nhà ông Hùng (thôn 1)	700
1.1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Đáo (thôn 2)	750
1.1.3	Đoạn tiếp theo đến Trạm y tế xã	750
1.1.4	Đoạn tiếp theo đến quán Duẩn Hương (thôn 6)	700
1.1.5	Đoạn tiếp theo đến dốc bà Ái (thôn 6)	750
1.1.6	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Giang (tiếp giáp xã Hoằng Hợp)	550
1.2	ĐH-HH.11 (Hoằng Quỳ - Hoằng Hợp - Hoằng Giang)	
1.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Hợp đến nhà ông Sơn (thôn 5)	550
1.2.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nguyên (thôn 5)	650
1.2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Trường THCS	750
1.2.4	Đoạn tiếp theo đến đền thờ Tướng quân Cao Lỗ	550
1.3	Đường xã	
1.3.1	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Thức (thôn 1)	400
1.3.2	Từ ĐH-HH.03 (ngõ ông Tuất) đến đê sông Mã	400
1.3.3	Từ ĐH-HH.03 đến nhà bà Vinh (thôn 1)	450
1.3.4	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.11	400
1.3.5	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Diêu (thôn 3)	400
1.3.6	Từ ĐH-HH.11 đến tiếp giáp ĐH-HH.03 (nhà ông Thắng)	450
1.3.7	Từ ĐH-HH.11 đến nhà ông Hòng Phương (thôn 4)	450
1.3.8	Từ ĐH-HH.11 đến nhà ông Tuất (thôn 3)	450
1.3.9	Từ ĐH-HH.11 đến nhà ông Anh (thôn 3)	450
1.3.10	Từ nhà ông Long Nguyệt (thôn 5) đến ông Thao Thủy (thôn 6)	400
1.3.11	Từ Đường ĐH-HH.03 (bà Ái) đến ĐH-HH.11 (Trạm biến áp thôn 5)	450
1.4	Đường Phú - Giang	
1.4.1	Đoạn tiếp giáp xã Hoằng Phượng đến Hoằng Giang	500
1.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
II	**XÃ HOẰNG XUÂN**	
2.1	ĐH-HH.02 (Hoằng Trung-Hoằng Khánh, cũ)	
2.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Trung đến Cây đa thôn Xuân Phú	750
2.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Xuân (giáp xã Hoằng Khánh, cũ)	700
2.2	ĐH-HH.04 (Hoằng Kim-Hoằng Xuân)	
2.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Kim đến đường rẽ Nghĩa địa thôn Nga Phú	800
2.2.2	Đoạn tiếp theo đến đê sông Mã	850
2.3	Đường xã	
2.3.1	Từ ĐH-HH.02 đến giáp cầu Xuân Phú	450
2.3.2	Từ ngã 3 nhà ông Liên qua NVH đến ao ông Tháp	400
2.3.3	Từ ĐH-HH.04 đến nhà ông Duyên (thôn Nga Phú 1)	550
2.3.4	Từ ĐH-HH.04 đến nhà ông Sơn (thôn Nga Phú 2)	600
2.3.5	Đoạn tiếp theo đến Nhà Văn hóa thôn Mỹ Cầu	450

2.3.6	Từ ĐH-HH.04 đến ngã tư nhà ông Công (thôn Nga Phú 1)	550
2.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	250
III	**XÃ HOẰNG KHÁNH (nay là xã Hoằng Xuân)**	
3.1	ĐH-HH.02 (Hoằng Trung-Hoằng Khánh, cũ)	
3.1.1	Từ tiếp giáp Hoằng Trung đến đường rẽ thôn Kênh Thôn	700
3.1.2	Đoạn tiếp theo đến Bưu điện xã Hoằng Khánh (cũ)	800
3.2	ĐH-HH.31 (Đường Hoằng Khánh-Đê tả Sông Mã)	
3.2.1	Từ ĐH-HH.02 đến hết xã Hoằng Khánh, cũ (giáp xã Hoằng Xuân)	600
3.2.2	Từ ĐH-HH.02 đến Nhà văn hoá thôn Trà La	600
3.2.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Cung	500
3.3	Đường xã	
3.3.1	Từ ĐH-HH.02 đến cầu Kênh	500
3.3.2	Đoạn tiếp theo đến thôn Kênh Thôn	400
3.3.3	Từ ĐH-HH.02 đến nhà ông Hùng (thôn Tân Khánh)	400
3.3.4	Từ ĐH-HH.02 đến cầu Vàng (cũ)	450
3.3.5	Từ ĐH-HH.31 đến nhà ông Lung (thôn Trà Sơn)	400
3.3.6	Từ ĐH-HH.31 đến nhà ông Lan (thôn Trà La)	400
3.3.7	Từ ĐH-HH.31 đến nhà ông Truyền (thôn Hữu Khánh)	400
3.3.8	Từ ĐH-HH.31 đến các thôn Đại Điền và thôn Hữu Khánh	400
3.3.9	Từ ông Gia đến nhà ông Tính (thôn Hữu Khánh)	400
3.3.10	Từ ĐH-HH.02 đến cầu Vàng mới	600
3.3.11	Từ cầu vàng mới chạy dọc kênh nam đến giáp Hoằng Xuân	700
3.3.12	Từ nhà ông truyền đi cầu bầu	600
3.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	250
IV	**XÃ HOẰNG PHƯỢNG**	
4.1	ĐH-HH.03 (Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp)	
4.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phú đến hết xã Hoằng Phượng (giáp xã H.Giang)	800
4.2	ĐH-HH.06 (Hoằng Quý - Hoằng Phượng)	
4.2.1	Từ ĐH-HH.03 (cầu chợ Dưa) đến ngã tư nhà ông Phúc (thôn 3)	700
4.2.2	Đoạn tiếp theo đến dốc Nghè Gia	500
4.2.3	Đường Phú - Giang	
4.2.4	Đoạn tiếp giáp xã Hoằng Hợp đến Hoằng Giang	500
4.3	Đường xã	
4.3.1	Từ ĐH-HH.03 đến Nhà văn hóa thôn Phượng Mao	350
4.3.2	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Thiệp (thôn Phượng Mao)	350
4.3.3	Từ ĐH-HH.06 đến nhà ông Bình Tuyên (thôn 6)	350
4.3.4	Từ ĐH-HH.06 đến đê sông Mã	350
4.3.5	Từ ĐH-HH.06 đến trạm biến thế Long Thành	350
4.3.6	Từ ĐH-HH.06 đến nhà ông Thắng (thôn 4)	350
4.3.7	Từ ĐH-HH.06 đến nhà ông Sỹ (thôn 3)	350
4.3.8	Từ ĐH-HH.06 đến Nhà văn hóa thôn 3	350
4.3.9	Từ dốc chợ chùa Gia đến trạm biến thế Phượng Mao	500
4.3.10	Từ ĐH -HH03 đến sau nhà ông Quyền lên Kênh Nam (khu mới)	600
4.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	250
V	**XÃ HOẰNG PHÚ**	
5.1	ĐH-HH.03 (Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp)	

5.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Kim đến hết xã Hoằng Phú (giáp xã Hoằng Phượng)	850
5.2	ĐH-HH.06 (Hoằng Quý - Hoằng Phượng)	
5.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Quý đến sân vận động xã Hoằng Phú	1.100
5.2.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Phú (giáp xã Hoằng Phượng)	850
5.3	Đường xã	
5.3.1	Từ tiếp giáp QL 1A đến ngã ba trạm điện	900
5.3.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.06 (Chợ gốc cáo)	950
5.3.3	Đoạn tiếp theo đến Trường Tiểu học Hoằng Phú	850
5.3.4	Các đường Từ ĐH-HH.06 đến thôn Phú Trung	850
5.3.5	Các đường Từ ĐH-HH.06 đến thôn Trung Tây	850
5.3.6	Các đường Từ ĐH-HH.06 đến thôn Phú Thượng 1	850
5.3.7	Các đường Từ ĐH-HH.06 đến thôn Phú Thượng 2	850
5.3.8	Từ Giếng bông thôn Trịnh thôn đến gốc Đa	650
5.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	550
VI	**XÃ HOẰNG QUỲ**	
6.1	ĐH-HH.06 (Hoằng Quý - Hoằng Phượng)	
6.1.1	Từ QL 1A (cổng chào xã) đến hết xã Hoằng Quý (tiếp giáp xã Hoằng Phú)	3.500
6.2	ĐH-HH.07 (Hoằng Quý - Hoằng Khê, cũ)	
6.2.1	Từ đường sắt Bắc Nam đến hết xã Hoằng Quý (giáp xã Hoằng Khê, cũ)	700
6.3	Đường xã	
6.3.1	Từ ĐH-HH.06 đến nhà ông Trọng (thôn 2)	750
6.3.2	Từ ĐH-HH.06 đến Nhà văn hóa thôn 3	750
6.3.3	Từ ĐH-HH.06 đến Nhà văn hóa thôn 5	750
6.3.4	Từ ĐH-HH.06 đến Nhà văn hóa thôn 7	750
6.3.5	Từ ĐH-HH.06 đến khu làng nghề	900
6.3.6	Từ ĐH-HH.06 đến khu Ao Nghè	800
6.3.7	Đoạn từ tiếp giáp QL 1A đến hết xã Hoằng Quý	1.500
6.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
VII	**XÃ HOẰNG KIM**	
7.1	ĐH-HH.03 (Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp)	
7.1.1	Từ QL1A đến trụ sở UBND xã	1.500
7.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ngã 3 đi Hoằng Giang, Hoằng Xuân	1.200
7.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Kim (giáp xã Hoằng Phú)	1.000
7.2	ĐH-HH.04 (Hoằng Kim - Hoằng Xuân)	
7.2.1	Từ ngã 3 đi Hoằng Giang đến hết xã Hoằng Kim (giáp xã Hoằng Xuân)	900
7.3	Đường huyện (Kim-Phượng-Xuân-Khánh, cũ)	
7.3.1	Từ QL1A chạy dọc phía Nam kênh N3 đến cầu Trường THPT Hoằng Hóa 2	1.500
7.3.2	Đoạn tiếp theo đến cống Chéo	1.200
7.3.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Kim (giáp xã Hoằng Xuân)	1.000
7.4	Đường xã	
7.4.1	Từ QL1A chạy dọc phía Bắc kênh N3 đến Trường THPT Hoằng Hóa 2	1.200
7.4.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường ĐH-HH.04	1.000
7.4.3	Từ QL1A đến phía Nam cống Chợ Già mới	1.500
7.4.4	Đoạn tiếp theo đến NVH thôn 7 Nghĩa Trang	750

7.4.5	Từ ĐT.509 đến nhà ông Nên (Nghĩa Phú)	550
7.4.6	Từ ĐH-HH.03 đến Trường THPT HH2	1.050
7.4.7	Từ ĐH-HH.03 đến ông Dịu (thôn 2 Nghĩa Trang)	700
7.4.8	Từ ĐH-HH.03 đến Cầu Đá thôn 3 Nghĩa Trang	700
7.4.9	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Tiến (thôn 4 Nghĩa Trang)	700
7.4.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Phượng (thôn 4 Nghĩa Trang)	600
7.4.11	Từ ĐH-HH.03 đến nhà bà Dương (thôn 4 Nghĩa Trang)	700
7.4.12	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Hưng (thôn 6 Nghĩa Trang)	700
7.4.13	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Tú (thôn 3 Nghĩa Trang)	600
7.4.14	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Thà (thôn 7 Nghĩa Trang)	700
7.4.15	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hào (thôn 6 Nghĩa Trang)	600
7.4.16	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Đoàn (thôn 7 Nghĩa Trang)	700
7.4.17	Các tuyến đường Từ ĐH-HH.04 đến Cầu Bản Thị; thôn Mi Du; Kim Sơn	500
7.4.18	Từ nhà bà Ái (thôn 6) đến nhà ông Quang (thôn 5)	600
7.4.19	Đường huyện (Kim - Sơn) từ Quốc lộ 1A đến giáp xã Hoằng Trinh	1.500
7.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	450
VIII	**XÃ HOẰNG TRUNG**	
8.1	ĐH-HH.02 (Hoằng Trung-Hoằng Khánh, cũ)	
8.1.1	Từ tiếp giáp QL1A đến Cống 8 cửa	1.900
8.1.2	Đoạn tiếp theo đến Trạm y tế xã	1.700
8.1.3	Đoạn tiếp theo đến Trường Mầm non	1.400
8.1.4	Đoạn tiếp theo đến cầu sông Âu 5	1.000
8.1.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Trung (giáp xã Hoằng Xuân)	900
8.2	Đường xã	
8.2.1	Từ tiếp giáp QL1A đến +100m về phía Tây (đường vào thôn Dương Thanh)	1.800
8.2.2	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy gạch Tuynel Sơn Trang	1.600
8.2.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thi (thôn Dương Thanh)	1.300
8.2.4	Từ tiếp giáp QL1A đến ngã 3 nhà bà Cường (thôn Ga)	1.300
8.2.5	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Xuyền (thôn Thị Tứ)	1.000
8.2.6	Từ đường sắt Bắc Nam (Cổng chào làng Trinh Hà) đến ngã 3 nhà ông Hiếu (Trinh Hà)	1.100
8.2.7	Đoạn tiếp theo đến Đình Làng	1.000
8.2.8	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà ông Á (Trinh Hà)	900
8.2.9	Đoạn tiếp theo đến Đình Triệu Việt Vương	800
8.2.10	Từ ĐT.509 đến nhà ông Hiếu (Trinh Hà)	1.000
8.2.11	Từ ĐT.509 đến nhà ông Á (Trinh Hà)	1.000
8.2.12	Từ ĐH-HH.02 đến ngã 3 thôn Tự Thiên	1.000
8.2.13	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thọ (thôn Tự Nhiên)	900
8.2.14	Đoạn từ ngã 3 thôn Tự Nhiên đến nhà bà Nhung (thôn Tự Nhiên)	900
8.2.15	Từ ĐH-HH.02 đến TT văn hóa xã	900
8.2.16	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà ông Định (thôn Trung Hậu)	800
8.2.17	Từ ĐH-HH.02 đến cầu kênh N1 (thôn Xa Vệ)	800
8.2.18	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Vanh (thôn 4 Xa Vệ)	700
8.2.19	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Đượm (thôn 4 Xa Vệ)	600
8.2.20	Từ Công ty Thái Sơn đến Cầu thôn Trung Hậu	800

8.2.21	Từ NVH thôn 4 Xa Vệ đến nhà ông Mơi (thôn 4 Xa Vệ)	600
8.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	500
IX	**XÃ HOẰNG SƠN**	
9.1	ĐH-HH.05 (Hoằng Trinh - Hoằng Cát_Bút Trinh)	
9.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Trinh đến hết xã Hoằng Sơn (giáp xã Hoằng Khê)	700
9.2	ĐH-HH.08 (Hoằng Lương, cũ - Hoằng Sơn)	
9.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Lương (cũ) đến Nhà văn hóa thôn Cổ Bản	600
9.2.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Sơn (tiếp giáp ĐH-HH.05)	600
9.2.3	Đoạn cải tuyến đường huyện ĐH-HH.08	600
9.3	Đường xã	
9.3.1	Từ ĐH-HH.08 đến nhà ông Bình (thôn Xuân Sơn)	500
9.3.2	Đoạn tiếp theo đến Đài phát thanh thôn Xuân Sơn	450
9.3.3	Từ nhà ông Bình Xuân Sơn đi Tỉnh lộ 509	600
9.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	400
X	**XÃ HOẰNG TRINH**	
10.1	ĐH-HH.05 (Hoằng Trinh - Hoằng Cát_Bút Trinh)	
10.1.1	Từ ĐT.509 đến cầu kênh N3	800
10.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Trinh (giáp xã Hoằng Sơn)	700
10.2	Đường huyện (Kim-Trinh- Sơn)	
10.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Kim đến xã Hoằng Sơn	700
10.3	Đường xã	
10.3.1	Từ tiếp giáp QL1A đến ngõ vào nhà ông Nam (thôn 1 Trung Hòa)	600
10.3.2	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Hương (thôn 1)	500
10.3.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Khiêu (thôn 1)	400
10.3.4	Từ ĐT.509 đến nhà ông Phiệt (thôn 1 Thanh Nga)	600
10.3.5	Từ ĐT.509 đến nhà ông Bình (thôn 3 Trinh Nga)	600
10.3.6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Trình (thôn 3)	500
10.3.7	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hai (thôn 3)	450
10.3.8	Từ ĐT.509 đến nhà ông Hùng (thôn 1)	500
10.3.9	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Huấn (thôn 3)	450
10.3.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Khơi (thôn 2)	400
10.3.11	Từ ĐT.509 đến nhà ông Lực (thôn 4)	450
10.3.12	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Ao (thôn 4)	400
10.3.13	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Vanh (thôn 4)	400
10.3.14	Từ ĐT.509 đến nhà ông Tôn (thôn 1)	450
10.3.15	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Xuyên (thôn 2)	400
10.3.16	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Trưởng (thôn 2)	400
10.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	400
XI	**XÃ HOẰNG LƯƠNG (nay là xã Hoằng Sơn)**	
11.1	ĐH-HH.08 (Hoằng Lương, cũ - Hoằng Sơn)	
11.1.1	Từ ĐT.509 đến hết xã Hoằng Lương, cũ (giáp xã Hoằng Sơn)	800
11.2	Đường xã	
11.2.1	Từ ĐT.509 đến nhà ông Thông thôn Lương Quán	750
11.2.2	Từ ĐT.509 đến nhà ông Toàn (thôn 4)	750
11.2.3	Từ ĐT.509 đến tiếp giáp xã Mỹ Lộc (Hậu Lộc)	750
11.2.4	Từ sân văn hóa thể thao xã Hoằng Lương (cũ) đi Hoằng Sơn	750
11.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	450

XII	**XÃ HOẰNG XUYÊN**	
12.1	Đường đê tả Lạch Trường	
12.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Cát đến ngã tư cầu phao cũ	650
12.1.2	Đoạn tiếp theo đến dốc thôn Mỹ Tiến	600
12.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Xuyên	500
12.2	Đường xã	
12.2.1	Từ đê Tả Lạch Trường đến ngã 4 Nhà văn hóa thôn Nam Long	650
12.2.2	Đoạn tiếp theo đến ngã tư nhà ông Nên (thôn Bắc Long)	550
12.2.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đê Tả Lạch Trường	450
12.2.4	Từ ngã tư nhà ông Nên (Bắc Long) đến NVH thôn Trung Tuyết	400
12.2.5	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Can (thôn Trung Tuyết)	350
12.2.6	Từ đê tả Lạch Trường đến ngã 3 thôn Mỹ Tiến	450
12.2.7	Từ Quốc Lộ 10 đến ngã tư thôn Long Xuân	600
12.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	300
XIII	**XÃ HOẰNG CÁT**	
13.1	ĐH-HH.05 (Hoằng Trinh - Hoằng Cát_Bút Trinh)	
13.1.2	Từ tiếp giáp xã Hoằng Khê (cũ) đến ngã 3 Bưu điện (tiếp giáp đê tả Lạch Trường)	1.000
13.2	Đường đê tả Lạch Trường	
13.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Lý đến hết xã Hoằng Cát (đê tả Lạch Trường)	1.050
13.3	Đường xã	
13.3.1	Từ đê Tả Lạch Trường đến hết thôn Cát Nội	500
13.3.2	Từ đê Tả Lạch Trường đến trụ sở UBND xã	500
13.3.3	Đường từ nhà ông Quế thôn Ba Đình đến giáp đường Quỳ Xuyên	700
13.3.4	Từ nhà ông Nhân đến nhà ông Xứng (thôn Ba Đình)	400
13.3.5	Từ nhà ông Khanh đến nhà ông Quản (thôn Nam Bình)	450
13.3.6	Đường khu TĐC Quốc lộ 1A (tiểu dự án 2) thôn Hà Nội (từ giáp đường Quốc lộ 1A đến anh Trọng Kim	700
13.3.7	Đường khu dân cư thôn Nam Bình năm 2017	600
13.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
XIV	**XÃ HOẰNG KHÊ (nay là Hoằng Xuyên)**	
14.1	ĐH-HH.05 (Hoằng Trinh - Hoằng Cát_Bút Trinh)	
14.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Sơn đến nhà ông Tuấn thôn 2	1.000
14.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Khê, cũ (tiếp giáp xã Hoằng Cát)	1.000
14.2	ĐH-HH.07 (Hoằng Quý - Hoằng Khê, cũ)	
14.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Quý đến tiếp giáp đường ĐH-HH.05	450
14.3	Đường xã	
14.3.1	Từ ĐH-HH.05 đến ngã 3 nhà ông Hùng đi Trạm y tế xã	600
14.3.2	Đoạn tiếp theo đến Gốc đa (thôn 6)	500
14.3.3	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Hùng (thôn 3) đến Trạm điện	500
14.3.4	Đoạn tiếp theo đến Mả Mái thôn 1	400
14.3.5	Từ nhà ông Vần đến tiếp giáp QL10	400
14.3.6	Đoạn từ Trường THCS đi Trạm y tế	500
14.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
XV	**XÃ HOẰNG QUỲ**	
15.1	ĐH-HH.11 (Hoằng Quỳ - Hoằng Hợp - Hoằng Giang)	

15.1.1	Từ giáp QL1A đến cổng Trường THPT Lưu Đình Chất	1.600
15.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Quỳ (giáp xã Hoằng Hợp)	1.300
15.2	Đường xã	
15.2.1	Từ tiếp giáp QL1A đến cổng Trường Tiểu học Hoằng Quỳ	1.000
15.2.2	Đoạn tiếp theo đến Đình làng thôn Ích Hạ	650
15.2.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.11	750
15.2.4	Từ tiếp giáp QL1A đến Đình làng thôn Phúc Tiên	900
15.2.5	Đoạn tiếp theo đến cầu cống thôn Trọng Hậu	800
15.2.6	Từ tiếp giáp QL1A đến Trường Mầm non (thôn Quỳ Chữ)	950
15.2.7	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà bà Nguyên (thôn Quỳ Chữ)	700
15.2.8	Đoạn tiếp theo từ ngã 3 đến nhà ông Sức (thôn Quỳ Chữ)	600
15.2.9	Đoạn tiếp theo từ ngã 3 đến Giếng Nghè Sen	600
15.2.10	Từ tiếp giáp QL1A đến Đình làng thôn Đông Khê	600
15.2.11	Đoạn tiếp theo đến kênh tiêu Hợp Khê	500
15.2.12	Từ ngã ba nhà ông Đúc đến nhà ông Lớng	500
15.2.13	Từ cầu trạm xá đến cầu Mau (sông tiêu Hợp Khê)	1.450
15.2.14	Từ trạm y tế đến lô số 116 (mặt bằng quy hoạch số 31/MBQH-UBND)	1.450
15.2.15	Đường Đông An từ gia đình ông Đợi tiếp giáp QL 1A đến trang trại ông Biên thôn Tây Phúc	1.000
15.2.16	Từ trước UBND xã đến giáp Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng	1.000
15.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	450
XVI	**XÃ HOẰNG HỢP**	
16.1	ĐH-HH.03 (Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp)	
16.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Giang đến hết xã Hoằng Hợp (giáp xã Hoằng Lý, cũ)	500
16.2	ĐH-HH.11 (Hoằng Quỳ - Hoằng Hợp - Hoằng Giang)	
16.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Quỳ đến nhà ông Thiết Mơ (thôn 11)	700
16.2.2	Đoạn từ nhà ông Thiết Mơ (thôn Đức Tiến) đến nhà ông Hải (thôn Đức Tiến)	600
16.2.3	Đoạn tiếp theo đến ông Phúc (thôn 8)	600
16.2.4	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Dự (thôn 8)	650
16.2.5	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Mai (thôn 5)	700
16.2.6	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Hợp (giáp xã Hoằng Giang)	600
16.3	Đường Phú - Giang	
16.3.1	Đoạn tiếp giáp từ xã Hoằng Phú đến giáp địa phận xã Hoằng Phượng	600
16.4	Đường xã	
16.4.1	Từ ĐH-HH.03 đến Bưu điện VH xã	700
16.4.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cát (thôn 7)	650
16.4.3	Đoạn tiếp theo đến đầu thôn Nhân Vực	600
16.4.4	Từ ĐH-HH.11 qua cống N10 (Quỳ Thanh) giáp thôn Quỹ Chữ (Hoằng Quỳ)	500
16.4.5	Từ ĐH-HH.03 đến nhà ông Hải (thôn 10)	500
16.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	300
XVII	**XÃ HOẰNG MINH (nay là xã Hoằng Đức)**	
17.1	Đường đê hữu Lạch Trường	
17.1.1	Từ tiếp giáp QL10 (ngã 3 Cự Đà) đến nhà bà Sáu (thôn 1)	700
17.1.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Minh (cũ)	600

17.2	ĐH-HH.15 (Đường Cán cờ)	
17.2.1	Từ tiếp giáp QL10 đến ngã 4 đường vào đền Đồng Cổ	2.500
17.2.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Minh, cũ (giáp xã Hoằng Anh, cũ)	2.500
17.3	Đường xã	
17.3.1	Từ tiếp giáp QL10 đến ngã 4 đường Cán Cờ (Đền Đồng Cổ)	1.100
17.3.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 thôn 8	950
17.3.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Đảm (thôn 10)	650
17.3.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Minh, cũ (giáp xã Hoằng Đồng)	500
17.3.5	Từ tiếp giáp QL10 qua trạm biến thế thôn 6 đến tiếp giáp đường vào đền Đồng Cổ	750
17.3.6	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Lượng (thôn Cự Đà)	750
17.3.7	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Thảo (thôn Cự Đà)	850
17.3.8	Từ UBND xã Hoằng Minh (cũ) đến Ngã 4 trại chăn nuôi (nhà bà Tuyên thôn Nội Tý)	750
17.3.9	Từ Đền Đồng Cổ đến mương tiêu hộc Kéo Ro thôn 7	700
17.3.10	Từ đê hữu Lạch Trường đến cầu thôn Nội Tý	550
17.3.11	Từ đê hữu Lạch Trường đến nhà ông Giảng (thôn Nội Tý)	550
17.3.12	Từ ngã 3 thôn 2 đến nhà ông Thọ (thôn Nội Tý)	550
17.3.13	Từ đê hữu Lạch Trường đến nhà ông Trác (thôn Nội Tý)	500
17.3.14	Từ đê hữu Lạch Trường đến nhà ông Thọ (thôn Nội Tý)	500
17.3.15	Từ tiếp giáp đường Cán Cờ đến đường rẽ vào giếng làng Mỹ Đà	1.000
17.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	500
XVIII	**XÃ HOẰNG PHÚC (nay là thị trấn Bút Sơn)**	
18.1	ĐH-HH.13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
18.1.1	Từ tiếp giáp TT Bút Sơn đến hết xã Hoằng Phúc, cũ (giáp xã Hoằng Đạt)	1.000
18.2	ĐH-HH.17 (Hoằng Phúc, cũ -Hoằng Đạt-Hoằng Hà)	
18.2.1	Từ ĐH-HH.18 đến kênh N15	1.500
18.2.2	Đoạn tiếp theo đến trụ sở UBND xã (cũ)	1.000
18.2.3	Đoạn từ tiếp giáp ĐH-HH.19 đến hết địa phận xã Hoằng Phúc, cũ (giáp xã H.Đạt)	1.000
18.3	ĐH-HH.18 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Đạo)	
18.3.1	Từ tiếp giáp Quốc lộ 10 đến ngã tư Dọc Hoằng Phúc (cũ)	3.000
18.3.2	Đoạn tiếp theo đến ngã tư xóm Bến	2.500
18.3.3	Đoạn tiếp theo đến cầu xóm Bến	2.000
18.3.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Phúc, cũ (giáp xã Hoằng Đạo)	1.500
18.4	ĐH-HH.19 (Hoằng Phúc (cũ) - Hoằng Đạo)	
18.4.1	Từ ĐH-HH.18 đến kênh N15	2.000
18.4.2	Đoạn tiếp theo đến trụ sở UBND xã	1.500
18.5	Đường xã	
18.5.1	Từ ĐH-HH.17 (UBND xã) đến nhà ông Nhân (thôn Bút Cương)	1.000
18.5.2	Từ ĐH-HH.19 (Nhà VH thôn Hoằng Lộc) đến nhà bà Sánh (thôn Hoằng Lộc)	1.000
18.5.3	Từ ĐH-HH.19 (nhà ông Dự) đến nhà ông Ngọc (thôn Hoằng Lọc)	1.000
18.5.4	Từ ĐH-HH.19 (Ao Lão) đến nhà ông Ba (thôn Bút Cương)	1.000
18.5.5	Từ ĐH-HH.19 (Ao Lão) đến nhà ông Bốn (thôn Bút Cương)	1.000
18.5.6	Từ ĐH-HH.19 (UBND xã) đến nhà ông Tồn (thôn Bút Cương)	1.000
18.5.7	Từ tiếp giáp TT Bút Sơn đến Cầu Hiền (Đường bờ sông Gòng)	2.000

18.5.8	Từ ĐH-HH.17 Nhà văn hóa thôn Thọ Văn đến đến Kênh N15	1.000
18.5.9	Từ Kênh N15 sông Gòng	1.500
18.5.10	Phía nam Kênh N15 (Từ ĐH-HH19 đến cầu đường xóm Bến - Thọ Văn)	2.000
18.6	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XIX	**XÃ HOẰNG ĐỨC**	
19.1	ĐH-HH.12 (Đường tránh Quốc lộ 10)	
19.1.1	Đoạn tiếp theo đến Quốc lộ 10 (đê Lạch Trường) đến đường rẽ phố Đức Sơn (thôn 3 cũ)	1.800
19.1.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi thôn 10 Hoằng Đức (Mả Vào)	2.200
19.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết Nhà văn hóa thôn 11	2.800
19.1.4	Đoạn tiếp theo đến cầu Gòng 2	3.500
19.2	ĐH-HH.27 (TT Bút Sơn-Hoằng Đức)	
19.2.1	Từ đường tránh QL10 (thôn 5) đến Trường THCS xã	1.500
19.2.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp Đường tránh QL10 (Cầu tre cũ)	2.000
19.3	Đường xã	
19.3.1	Từ ĐH-HH.27 (Trường THCS) đến ngã 3 thôn 8, thôn 10 (Chợ Cóc)	1.000
19.3.2	Đoạn tiếp theo đến Cồn Sơn thôn 7	800
19.3.3	Từ chợ Cóc thôn 8 đến nhà Ông Vân	800
19.3.4	Từ Bà Hợi (thôn 10) đến Ao cá nhà ông Tự	1.000
19.3.5	Từ Ao cá nhà ông Tự đi Đường tránh Quốc Lộ 10	1.500
19.3.6	Từ đường tránh QL10 đến nhà ông Cáp (thôn 4)	1.000
19.3.7	Từ đường tránh QL10 đến nhà bà Dương (thôn 11)	900
19.3.8	Từ đường tránh QL10 đến nhà ông Bình Tàng (thôn 11)	900
19.3.9	Từ đường tránh QL10 đến tượng đài Liệt sĩ	700
19.3.10	Từ đường tránh QL10 đến nhà ông Minh (thôn 4)	900
19.3.11	Từ đường tránh Quốc Lộ 10 đến đường nối Quốc Lộ 10 mới (Trạm y tế)	700
19.3.12	Từ đường tránh Quốc lộ 10 đến đường Quốc lộ 10 mới (trạm xá)	1.500
19.3.13	Từ đường Quốc lộ 10 mới đến đường đi bãi rác sông Gòng	1.500
19.3.14	Từ Quốc Lộ 10 mới đi thôn Thịnh Lương (Phú Thịnh)	1.500
19.3.15	Từ tránh Quốc lộ 10 đến nhà ông Lợi (thôn 11)	900
19.3.16	Từ nhà ông Vân (thôn Khang Thọ Hưng) đi đường tránh Quốc lộ 10	1.500
19.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XX	**XÃ HOẰNG HÀ**	
20.1	ĐH-HH.13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
20.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Đạt đến cầu Cách	850
20.2	ĐH-HH.17 (Hoằng Phúc, cũ -Hoằng Đạt-Hoằng Hà)	
20.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Đạt (cống Đồng Thâu) đến ngã 3 chùa Tây	700
20.2.2	Đoạn tiếp theo đến trụ sở UBND xã	750
20.2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 vào thôn Hà Thái đến tiếp giáp ĐH-HH.13	800
20.2.4	Từ ngã 3 chùa Tây đến trụ sở UBND xã Hoằng Đạt	900
20.3	ĐH-HH.17b (Ngọc Đỉnh - Hoằng Đạo)	
20.3.1	Từ ĐH-HH.13 (ngã 3 Trường Tiểu học Ngọc Đỉnh) đến hết xã Hoằng Hà (giáp xã Hoằng Đạo)	800
20.4	Đường xã	
20.4.1	Từ trụ sở UBND xã đến chợ Bến	500
20.4.2	Các tuyến đường Từ ĐH-HH.13 đến thôn 5	400
20.4.3	Các tuyến đường Từ ĐH-HH.17 đến thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5	400

20.4.4	Đoạn từ ngã tư cổng làng Đạt Tài đi Trạm BA số 2	800
20.4.5	Đoan từ ngã tư cổng làng Đạt Tài đến đường ĐH-HH 13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	900
20.4.6	Từ tiếp giáp ĐH-HH.17 (Giếng Quán) đến lán Quyết thắng (Đạt Tài 1)	500
20.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	300
XXI	**XÃ HOẰNG ĐẠT**	
21.1	ĐH-HH.13 (Thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
21.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phúc (cũ) đến hết xã Hoằng Đạt (giáp thôn Ngọc Đỉnh, xã Hoằng Hà)	750
21.2	ĐH-HH.17 (Hoằng Phúc (cũ)-Hoằng Đạt-Hoằng Hà)	
21.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phúc (cũ) đến ngã 3 đường ĐH-HH.13	750
21.2.2	Đoạn tiếp theo đến Trạm y tế xã	600
21.2.3	Đoạn tiếp đến Nhà văn hóa thôn Hạ Vũ 2	750
21.2.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Đạt (giáp xã Hoằng Hà- cống Đồng Thâu)	600
21.2.5	Từ NVH thôn Hạ Vũ 2 qua ngã tư thôn Tam Nguyên đến quán nhà ông Liêm (thôn Hạ Vũ 1)	600
21.2.6	Từ UBND xã đến Đồng Bần (giáp xã Hoằng Hà)	650
21.3	Đường xã	
21.3.1	Từ ĐH-HH.13 đến nhà bà Xoan (thôn Trù Ninh)	350
21.3.2	Từ ĐH-HH.13 (chợ Đình) đến ĐH-HH.17	650
21.3.3	Từ ĐH-HH.17 đến nhà bà An (thôn Trù Ninh)	400
21.3.4	Từ ĐH-HH.17 đến nhà ông Sử (thôn Tam Nguyên)	450
21.3.5	Từ ĐH-HH.17 đến ngã 3 nhà bà Chiên (thôn Tam Nguyên)	400
21.3.6	Từ ĐH-HH.17 đến nhà ông Tý (thôn Tam Nguyên)	450
21.3.7	Từ đường ĐH-HH.17 đến hết Đê Hữu sông Lạch Trường (giáp xã Hoằng Hà)	450
21.3.8	Từ đường ĐH-HH.13 (Bút Sơn - Hoằng Trường) đến cầu Đồng Nga	900
21.3.9	Từ ao ông Toán (thôn Trù Ninh) đi đê hữu sông Lạch Trường	600
21.3.10	Từ ĐH-HH.17 đến nhà ông Tuất Liêm (thôn Hạ Vũ 2)	400
21.3.11	Từ ĐH-HH.17 đến nhà bà Vàng (thôn Trù Ninh)	450
21.3.12	Từ ĐH-HH.17 đến nhà ông Biểu (thôn Tam Nguyên)	450
21.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	300
XXII	**XÃ HOẰNG ĐẠT**	
22.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
22.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thắng đến tiếp giáp ĐT.510	2.000
22.2	ĐH-HH.17b (Ngọc Đỉnh - Hoằng Đạo)	
22.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Hà (Cống 5 cửa) đến tiếp giáp ĐT.510	1.500
22.3	ĐH-HH.18 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Đạo)	
22.3.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phúc (cũ) đến cầu thôn Cầu Hiền	1.000
22.3.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.18b	1.200
22.4	ĐH-HH.18b (Đường Bắc Kênh Nam)	
22.4.1	Từ cầu vào thôn Dư Khánh đến Cổng làng Tê Thôn	3.500
22.4.2	Đoạn tiếp theo đến cổng Trường Lê Viết Tạo	3.000
22.4.3	Đoạn tiếp theo đến cổng Trường THCS Hoằng Đạo	2.500
22.4.4	Đoạn tiếp theo đến cầu vào thôn Đạo Ninh	2.000

22.4.5	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.17b	2.000
22.5	ĐH-HH.33 (Hoằng Đạo-Hoằng Tiến)	
22.5.1	Từ ĐT.510 đến cầu Choán (mới)	2.500
22.6	Đường xã	
22.6.1	Từ ĐT.510 đến nhà ông Thoa (thôn Đạo Lý)	1.000
22.6.2	Từ ĐT.510 đến tường phía Nam khu Di tích	1.000
22.6.3	Từ ĐH-HH.18b đến ngã 3 Dư Khánh	1.000
22.6.4	Từ ngã 4 đường Dư Khánh đến ngã 4 nhà ông Doạt (Tê Thôn)	700
22.7	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	550
XXIII	**XÃ HOẰNG THẮNG**	
23.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
23.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Lưu đến ngã 4 Chợ Đền	1.500
23.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 thôn Hải Phúc	2.000
23.1.3	Đoạn tiếp theo đến Trường THCS	1.500
23.1.4	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 Cây Xăng	2.000
23.1.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Thắng (giáp xã Hoằng Đạo)	1.500
23.2	ĐH-HH.26 (Hoằng Thắng - Hoằng Thịnh - Hoằng Lộc)	
23.2.1	Từ ngã 3 thôn Gia Hòa đến hết địa phận xã Hoằng Thắng (giáp xã Hoằng Thái)	1.200
23.3	ĐH-HH.32 (Hoằng Thắng - Hoằng Lưu)	
23.3.1	Từ ngã 3 thôn Hải Phúc đến hết xã Hoằng Thắng (thôn 12), tiếp giáp xã H. Lưu	1.200
23.4	Đường xã	
23.4.1	Từ cầu Măng xóm 1 đến nhà ông Hai Lịch	1.000
23.4.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Mạu Gia Hòa	1.000
23.4.3	Từ phía Bắc chợ đền đến bắc cồn chùa	1.000
23.4.4	Từ phía Nam chợ Đền nhà trạm viên thông VINAPHONE	1.000
23.4.5	Từ cầu kênh Phong Châu đến giáp kênh 9	550
23.4.6	Từ ngã tư cây xăng xã Hoằng Thắng đến hết địa phận xã Hoằng Thắng (giáp xã Hoằng Thành)	1.000
23.4.7	Từ nhà anh Tập Đào đến đường ĐH-HH.16	800
23.4.8	Từ nhà Đông Đính (Gia Hòa) đến đường ĐH-HH.16	800
23.4.9	Từ nhà Ưng Luân (Gia Hòa) đến đường ĐH-HH.16	800
23.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	500
XXIV	**XÃ HOẰNG ĐỒNG**	
24.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
24.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Vinh (cũ) đến ngã tư Trạm điện	1.100
24.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường rẽ đi Hoằng Thịnh	1.200
24.1.3	Đoạn tiếp theo từ ngã 3 đến hết xã Hoằng Đồng (tiếp giáp xã Hoằng Thịnh)	1.200
24.2	Đường xã	
24.2.1	Từ ĐT.510 qua trạm điện 110KV đến tiếp giáp đường ĐH-HH.16	900
24.2.2	Đoạn tiếp theo đến cầu kênh N20	700
24.2.3	Từ ĐT.510 (cổng chào xã) đến ĐH-HH.16 (ngã 4 Trạm điện)	1.800
24.2.4	Đoạn tiếp theo từ ngã 4 trạm điện đến ngã 4 ao cá Bác Hồ	1.000
24.2.5	Từ ĐT.510 đến Nhà Văn hóa thôn Lê Lợi	700
24.2.6	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (ngã tư ông Nguyên)	1.000

24.2.7	Từ ĐH-HH.16 (ngã 3 rẽ đi H.Thịnh) qua Trụ sở UBND xã đến đến cầu kênh N20	800
24.2.8	Đoạn tiếp theo từ cầu kênh N20 đến tiếp giáp Quốc lộ 1A mới (tiểu dự án 2)	950
24.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	650
XXV	**XÃ HOẰNG VINH (nay là thị trấn Bút Sơn)**	
25.1	ĐH-HH.12 (Đường tránh Quốc lộ 10)	
25.1.1	Từ cầu Gòng 2 đến nhà ông Mưu (thôn 2)	3.000
25.1.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp QL10	3.000
25.2	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
25.2.1	Từ cầu kênh N22 (tiếp giáp QL10) đến ngã 4 (nhà ông Muôn)	1.300
25.2.2	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Vinh, cũ (tiếp giáp xã Hoằng Đồng)	1.100
25.3	Đường xã	
25.3.1	Từ QL10 (cầu kênh Nam) đến Công ty rau quả XNK	1.000
25.3.2	Từ QL10 đến Trạm biến áp Hoằng Vinh 1	1.200
25.3.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường đi ĐT.510 và đi ĐH-HH.16	900
25.3.4	Từ Đường QL10 đến nhà ông Nga thôn Phú Vinh Tây	900
25.3.5	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Úy (thôn 5)	840
25.3.6	Từ cầu kênh Nam đến nhà bà Hưng thôn Đại Lộc	840
25.3.7	Từ Đường QL10 (tránh) đến Công ty rau quả XNK	900
25.3.8	Đoạn tiếp theo đến Nhà văn hóa thôn Trung Hy	960
25.3.9	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (Bưu điện VH xã)	1.000
25.3.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Tâm thôn Phú Vinh Tây	800
25.3.11	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (nhà ông Muôn)	1.000
25.3.12	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Úy (thôn 5)	800
25.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	700
XXVI	**XÃ HOẰNG THỊNH**	
26.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
26.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Đồng đến nhà bà Thái thôn Thịnh Hòa	1.000
26.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 nhà ông Hùng thôn Bình Tây	1.000
26.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Thịnh (giáp xã Hoằng Lộc)	1.000
26.2	ĐH-HH.26 (Hoằng Thắng - Hoằng Thịnh - Hoằng Lộc)	
26.2.1	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (ngã 4 UBND xã)	1.500
26.2.2	Đoạn tiếp theo từ ngã 4 UBND xã đến ngã tư nghĩa trang nhân dân	1.500
26.2.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Thịnh (giáp xã Hoằng Lộc)	900
26.3	Đường xã	
26.3.1	Từ ĐT.510 đến tiếp giáp ĐH-HH.16 (ngã 4 ông Sinh)	1.000
26.3.2	Đoạn tiếp theo đến Nhà ông Thực (thôn Đông Anh Vinh)	900
26.3.3	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (ngã 3 Chợ Đình)	1.300
26.3.4	Từ ĐT.510 đến ĐH-HH.16 (ngã 4 ông Hùng thôn Bình Tây)	1.000
26.3.5	Từ ĐT.510 đến Nhà Văn hóa Thôn 1 cũ và đến đường ĐH.HH-16	1.000
26.3.6	Từ ĐT.510 đến nhà ông Nhung (thôn Bình Tây)	1.000
26.3.7	Từ ĐT.510 đến nhà ông Thức (thôn Bình Tây)	1.000
26.3.8	Từ ĐĐ.HH-16 đến nhà ông Minh Sào (thôn Tây Anh Vinh)	800
26.3.9	Từ ĐT.510 đến nhà Tuyết Sơn	900
26.3.10	Từ nhà bà Hoa (thôn Thịnh Hòa) đến nhà bà Dung Sáu (thôn Bắc Đoan Vỹ)	800

26.3.11	Từ nhà ông Giao đến nhà ông Dũng (thôn Bắc Đoan Vỹ)	800
26.3.12	Từ ĐH-HH.16 (ông Lạn) đến nhà ông Tân (thôn Nam Đoan Vỹ)	900
26.3.13	Từ nhà bà Thái Thành đến nhà ông Sáu (thôn Nam Đoan Vỹ)	900
26.3.14	Từ ĐH-HH.16 (NVH Thôn Bình Tây) đến hết nhà ông Ban (Đường ĐH.HH.26)	1.000
26.3.15	Từ nhà ông Vinh đến nhà ông Hào (thôn Nam Đoan Vỹ)	800
26.3.16	Từ ĐH.HH-26 (ngã tư nghĩa trang nhân dân) đến đường tránh QL 1A	1.500
26.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XXVII	**XÃ HOẰNG THÁI**	
27.1	ĐH-HH.26 (Hoằng Thắng - Hoằng Thịnh - Hoằng Lộc)	
27.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thắng đến Trạm y tế	700
27.1.2	Đoạn tiếp theo đến Bưu điện VH xã	800
27.1.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐT.510 (ngã 4 xóm Thịnh)	900
27.2	Đường xã	
27.2.1	Từ ĐT.510 (ngã 3 Chinh Chính) đến Trường THCS	800
27.2.2	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.26 (Trạm y tế xã)	700
27.2.3	Các đường Từ ĐT.510 đến thôn 1, thôn 3, thôn 6	550
27.2.4	Từ ĐH-HH.26 đến nhà ông Bắc (thôn 1)	450
27.2.5	Từ ĐH-HH.26 đến nhà ông Quang (thôn 3)	450
27.2.6	Từ ĐH-HH.26 (ngã 3 trạm điện) đến ngã 3 nhà ông Phương (thôn 4)	500
27.2.7	Từ ĐH-HH.26 đến ngã 3 nhà ông Phúc (thôn 10)	450
27.2.8	Từ ĐH-HH.26 đến ngã 3 Ao ông Trà (thôn 5)	450
27.2.9	Từ ĐH-HH.26 đến kênh N26A	450
27.2.10	Từ ĐH-HH.26 (ngã 3 Bưu điện VH xã) đến kênh N26A	500
27.2.11	Từ ĐH-HH.26 đến ngã 3 nhà ông Giới (thôn 9)	450
27.2.12	Từ ĐH-HH.26 đến ngã 3 nhà ông Thức thôn 9	450
27.2.13	Từ ngã tư Chợ Hành cũ đến kênh tiêu Thành Châu	450
27.2.14	Từ Đường ĐT.510 đến kênh N22 (giáp kênh N26A)	500
27.2.15	Đường ĐH-HH.26 (nhà A Thục) đến kênh N26A	500
27.2.16	Đoạn từ (nhà bà Viên) đến Hồ Lang Láng	450
27.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	400
XXVIII	**XÃ HOẰNG LỘC**	
28.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
28.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thịnh qua ngã 4 Cây Đa đến đường ĐH-HH.16 (nhà bà Lái)	2.300
28.1.2	Từ Bảng Môn Đình qua UB đến hết xã Hoằng Lộc (tiếp giáp tiếp giáp ĐT.510)	1.800
28.2	ĐH-HH.25 (Hoằng Lộc - Hoằng Lưu)	
28.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Quang đến Ao cá Bác Hồ	3.300
28.2.2	Đoạn tiếp theo đến Bia Văn Chỉ	5.000
28.2.3	Đoạn tiếp theo đến khu vui chơi giải trí của ông Lê Đình Hiền	6.500
28.2.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Lộc (tiếp giáp xã Hoằng Thành)	2.000
28.3	ĐH-HH.26 (Hoằng Thắng - Hoằng Thịnh - Hoằng Lộc)	
28.3.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thịnh đến HTX nông nghiệp	1.500
28.3.2	Đoạn tiếp theo đến ĐT.510 (Cồn Mả Loa Hoằng Đại)	1.700
28.4	Đường xã	
28.4.1	Từ ĐH-HH.16 đến NVH thôn Bái Đông	1.600

28.4.2	Từ ĐH-HH.16 qua nhà bà Thanh (thôn Đình Nam) đến nhà ông Khâm (thôn Đình Nam)	1.200
28.4.3	Từ ĐH-HH.16 đến tiếp giáp ĐH-HH.26 (nhà ông Trung)	1.100
28.4.4	Từ ĐH-HH.16 đến Ao ông Bao (thôn Đông Phú)	1.100
28.4.5	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.25	1.000
28.4.6	Từ ĐH-HH.25 đến nhà ông Thuật (thôn Đình Bảng)	1.000
28.4.7	Từ ĐH-HH.25 đến nhà bà Thụ (thôn Sau)	1.000
28.4.8	Từ ĐH-HH.25 đến NVH thôn Hưng Thịnh	1.100
28.4.9	Từ ĐH-HH.26 (Trường Mầm non) đến Ao nhà ông Chư (thôn Chùa)	1.100
28.4.10	Từ ĐH-HH.26 đến nhà ông Khánh (thôn Đồng Mẫu)	1.000
28.4.11	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	650
XXIX	**XÃ HOẰNG THÀNH**	
29.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
29.1.1	Từ ĐT.510 đến hết địa phận xã Hoằng Thành (giáp xã Hoằng Trạch)	1.200
29.2	ĐH-HH.25 (Hoằng Lộc - Hoằng Lưu)	
29.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Lộc đến Trường THPT HH4	1.600
29.2.2	Đoạn tiếp theo đến cống Châng	1.500
29.2.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Hoằng Thành	1.500
29.3	ĐH-HH.30 (Hoằng Thành - Hoằng Châu)	
29.3.1	Từ ĐH-HH.16 đến ngã (Tượng đài)	1.100
29.3.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà ông Thái (thôn 8)	1.200
29.3.3	Đoạn tiếp theo từ ngã 3 nhà ông Thái (thôn 8) đến tiếp giáp ĐH-HH.25	1.000
29.3.4	Từ ngã 3 nhà ông Thái (thôn 8) đến hết xã Hoằng Thành (giáp xã Hoằng Châu)	900
29.4	Đường xã	
29.4.1	Từ ĐH-HH.16 đến nhà bà Nhâm (thôn 1)	650
29.4.2	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Như (thôn 2)	650
29.4.3	Từ ĐH-HH.16 đến tiếp giáp ĐT.510	550
29.4.4	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Thắng (thôn 5)	650
29.4.5	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Gương (thôn 2)	650
29.4.6	Từ ĐH-HH.16 đến Cồn Ổi (thôn 3)	600
29.4.7	Từ ĐH-HH.25 đến nhà ông Vọng (thôn 6)	650
29.4.8	Từ ĐH-HH.25 đến nhà ông Giới thôn 6	650
29.4.9	Từ ĐH-HH.30 đến nhà ông Nghiễm (thôn 1)	650
29.4.10	Từ ĐH-HH.30 đến nhà bà Nho (thôn 5)	600
29.4.11	Từ ĐH-HH.30 đến nhà ông Bảy (thôn 7)	650
29.4.12	Từ nhà ông Hùng (thôn 4) đến giáp đường 16 (ông Chiến)	550
29.4.13	Đoạn tiếp giáp xã Hoằng Thắng đến đường ĐH-HH.25	1.000
29.4.14	Đoạn tiếp giáp đường ĐH-HH.25 đến hết địa phận xã Hoằng Thành	1.000
29.4.15	Đoạn từ tiếp giáp đường ĐH-HH.25 đến đường ĐH-HH.16 (Đường Hoa Lê)	1.000
29.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	550
XXX	**XÃ HOẰNG TRẠCH**	
30.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ)- Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
30.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thành (ngã 3 Đồng Chăm) đến ngã 4 vào UBND xã	1.000
30.1.2	Đoạn tiếp theo đến gốc Trôi (thôn Hà Đồ)	900

30.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Trạch (tiếp giáp xã Hoằng Tân)	800
30.2	Đường xã	
30.2.1	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Dần (thôn Hà Đồ)	600
30.2.2	Từ ĐH-HH.16 đến ngõ nhà bà Khuyên (thôn Hà Đồ)	500
30.2.3	Từ ĐH-HH.16 đến cống Cầu Máng	500
30.2.4	Từ ĐH-HH.16 đến cống Cầu Dừa	600
30.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
XXXI	**XÃ HOẰNG PHONG**	
31.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
31.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Châu đến cổng chào Hoằng Phong giáp xã Hoằng Lưu	1.000
31.2	Đường xã	
31.2.1	Từ ĐH-HH.16 đến trạm bơm thôn Nam Hội Triều	600
31.2.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 (nhà ông Tâm_thôn Bắc Hải)	550
31.2.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã H.Phong - cầu Núc (giáp xã Hoằng Lưu)	500
31.2.4	Từ ngã tư nhà ông Phiệt (thôn Nam Hạc) đến nhà ông Quyết (thôn Đình Long)	450
31.2.5	Từ ngã tư nhà ông Phiệt (thôn Nam Hạc) đến ngã 3 ông Chinh (thôn Nam Hạc)	550
31.2.6	Đoạn tiếp theo đến xã Hoằng Lưu	600
31.2.7	Từ ĐH-HH.16 đến cầu Nghè thôn Đình Sen	450
31.2.8	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Luận (thôn Đình Sen)	350
31.2.9	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Nhớ (thôn Đình Sen)	350
31.2.10	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Dần (thôn Đình Sen)	350
31.2.11	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Vê (thôn Nam Hạc)	350
31.2.12	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Kha Mai (thôn Nam Hạc)	400
31.2.13	Từ ĐH-HH.16 đến nhà ông Thái (thôn Trung Triều)	450
31.2.14	Từ ngã tư nhà ông Linh (thôn Liên Sơn) đến Cống cũ (ông Doanh thôn Hải Long)	350
31.2.15	Đoạn từ nhà ông Kính Lự (thôn Phong Mỹ) đến nhà ông Dưỡng Minh (thôn Đông Ngọc)	500
31.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	300
XXXII	**XX HOẰNG LƯU**	
32.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
32.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Phong đến ngã ba Bưu điện (tiếp giáp đường ĐH-HH.25)	1.000
32.1.2	Đoạn tiếp theo đến cầu kênh tiêu (sau Trường Tiểu học Hoằng Lưu)	1.000
32.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Lưu (tiếp giáp Hoằng Thắng)	800
32.1.4	Từ ngã 3 ngõ Toan đến hết xã Hoằng Lưu (cầu Núc Hoằng Phong)	800
32.2	ĐH-HH.25 (Hoằng Lộc - Hoằng Lưu)	
32.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thành đến ngã 3 Bưu điện VH xã	1.500
32.3	ĐH-HH.32 (Hoằng Thắng - Hoằng Lưu)	
32.3.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thắng đến tiếp giáp ĐH-HH.25 (ngã 3 nhà ông Dự thôn Phục Lễ)	900
32.3.2	Đường huyện ĐH-HH.32 (Từ tiếp giáp xã Hoằng Thắng đến cầu kênh tiêu đường ĐH-HH.16)	1.000
32.4	Đường xã	

32.4.1	Từ ĐH-HH.16 (ngõ ông Phán) đến đầu Bè (thôn Phương Khê)	600
32.4.2	Từ ĐH-HH.16 (ngã 3 ông Đoan) đến ngõ ông Hoàn Ý (thôn Phượng Ngô 1)	400
32.4.3	Từ ĐH-HH.16 (ngã 3 ông Đoan) đến ngõ ông Quy (thôn Phượng Ngô 1)	400
32.4.4	Từ ĐH-HH.16 (ngã 3 ông Phương) đến ngõ ông Mạc (thôn Phượng Ngô 2)	400
32.4.5	Từ ĐH-HH.16 (ngã 3 ông Tộc) đến nhà ông Lân (thôn Phượng Ngô 1)	400
32.4.6	Từ ĐH-HH.32 đến ngã 3 nhà ông Hừng (thôn Nghĩa Phú)	400
32.4.7	Từ ĐH-HH.32 đến ngã 3 đường ĐH-HH.16 (nhà ông Đức thôn Nghĩa Lập)	400
32.4.8	Từ ĐH-HH.32 (nhà ông Đức) đến ĐH-HH.16	450
32.4.9	Từ ĐH-HH.32 (nhà ông Toản) đến ngõ nhà ông Hạnh (thôn Nghĩa Phú)	400
32.4.10	Từ ĐH-HH.32 (nhà ông Tuyên) đến ĐH-HH.16	450
32.4.11	Từ ngã 3 ĐH-HH.16 (nhà ông Đểnh) đến ĐH-HH.32	450
32.4.12	Từ ĐH-HH.32 đến ngõ nhà ông Biểu (thôn Nghĩa Phú)	400
32.4.13	Từ ĐH-HH.32 (ngõ ông Thành) đến ngõ nhà ông Cử (Nghĩa Phú)	400
32.4.14	Từ ĐH-HH.32 (ngõ ông Thành) đến ĐH-HH.16	450
32.4.15	Từ ĐH-HH.16 đến giáp ranh Phượng Khê và Phượng Ngô 1	1.000
32.4.16	Từ ngõ Dự đi thôn Nam Hạc (xã Hoằng Phong)	1.000
32.4.17	Đường Cỏ Ngựa (Từ ông Đạo (ĐH-HH.25) đi ĐH-HH.32)	900
32.4.18	Từ đất lô ông Luân (Phục Lễ) đi chợ Chùa	900
32.4.19	Từ ĐH-HH.16 (nhà Châu Lừng) đến giáp ranh xã Hoằng Thắng	400
32.4.20	Đường tây Loan đi nhà văn hoá Phượng Ngô 2	600
32.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
XXXIII	**XÃ HOẰNG CHÂU**	
33.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
33.1.1	Từ tiếp giáp xã H.Tân đến ngã 3 ông Thái (thôn Minh Thái)	900
33.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 Trường THCS	1.000
33.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Châu (giáp Hoằng Phong)	900
33.1.4	Từ ngã 4 Đình DTLS đến ngã 3 đường kết nối Tân - Châu đến nhà ông Đinh (thôn Tiến Thắng)	600
33.2	Đường xã	
33.2.1	Từ ngã 3 Trường học đến ngã 3 ngõ ông Hồng (thôn Giang Hải)	650
33.2.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cầu (thôn Tiến Thắng)	600
33.2.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đê sông Mã	550
33.2.4	Từ ngã 3 nhà ông Thái đến ngã 3 Nghĩa địa (thôn Minh Thái)	600
33.2.5	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 nhà ông Đạt (thôn Phú Quang)	550
33.2.6	Đoạn tiếp theo đến Đình Quang Trung	550
33.2.7	Đoạn tiếp theo đến cầu Dừa	500
33.2.8	Từ ngã 3 nhà ông Đạt (thôn Phú Quang) đến hết xã Hoằng Châu	500
33.2.9	Từ ngã 3 nhà ông Du đến nhà bà Dụ (thôn Châu Phong)	600
33.2.10	Từ ngã 3 bưu điện đến nhà ông Hân (thôn Châu Phong)	500
33.2.11	Từ ngã 3 nhà ông Khánh (thôn Châu Lộc) đến ngã 4 Đình DTLS	500
33.2.12	Từ ngã 3 nhà ông Thái đến ngã 3 Nghĩa địa thôn Minh Thái	600
33.2.13	Đoạn tiếp theo qua ngã 4 nhà ông Đạt thôn Phú Quang	550

33.2.14	Từ ngã 4 nhà ông Đạt (thôn Phú Quang) đến Ngã 3 nhà ông Sơn (thôn Chung Sơn)	450
33.2.15	Từ nhà ông Quých (thôn Chung Sơn) đến nhà bà Được (Thôn Minh Thái)	500
33.2.16	Từ Ngã nhà ông Nam Tình (thôn Giang Hải) đến đường rẽ vào nhà VH thôn Tiến Thắng	500
33.2.17	Từ ngã 4 Đình DTLS đến ngã 3 đường kết nối Tân - Châu đến nhà ông Đinh (thôn Tiến Thắng)	600
33.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	350
XXXIV	**XÃ HOẰNG TÂN**	
34.1	ĐH-HH.16 (Hoằng Vinh (cũ) - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo)	
34.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Trạch đến đến Cầu Đỏ tiếp giáp xã Hoằng Châu	900
34.1.2	Đoạn từ đường rẽ thôn Trung Hòa đến tiếp giáp kênh Thanh-Châu	800
34.1.3	Từ đường ĐH-HH.16 đến hết xã Hoằng Tân tiếp giáp xã Hoằng Châu	800
34.2	Đường xã	
34.2.1	Từ ĐH-HH.16 đến đê sông Mã	450
34.2.2	Từ ĐH-HH.16 đến đường rẽ cửa nhà ông Loan (thôn Cẩm Vinh)	450
34.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	400
XXXV	**XÃ HOẰNG YẾN**	
35.1	ĐH-HH.13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
35.1.1	Từ Cầu Cách đến ngã 3 tiếp giáp ĐH-HH.28 (đường đi thôn Sơn Trang)	550
35.1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thiện (xóm Đồi)	600
35.1.3	Đoạn tiếp theo đến hết xã H.Yến (giáp xã Hoằng Hải)	700
35.2	ĐH-HH.28 (Hoằng Yến - Hoằng Trường)	
35.2.1	Từ ĐH-HH.13 (ngã 3) đi xóm 1 đến hết xã Hoằng Yến (giáp xã Hoằng Trường)	550
35.3	Đường xã	
35.3.1	Từ ĐH-HH.13 đến nhà ông Lẫn (thôn Chuế 1)	350
35.3.2	Từ ĐH-HH.13 đến Trường THCS xã	350
35.3.3	Từ ĐH-HH.13 đến nhà ông Chanh (thôn Chuế 1)	350
35.3.4	Từ ĐH-HH.13 đến nhà ông Hòe (thôn Chuế 2)	350
35.3.5	Từ ĐH-HH.13 đến Đập thôn Khang Đoài	400
35.3.6	Từ ĐH-HH.13 đến hết Nghĩa địa Đồi Mả Đa	450
35.3.7	Từ ĐH-HH.13 đến hết thôn Trung Đoài	400
35.3.8	Từ ĐH-HH.13 đến nhà ông Mai (thôn Khang Đoài)	400
35.3.9	Từ ĐH-HH.13 đến nhà bà Cầm (thôn Trung Ngoại)	400
35.3.10	Từ ĐH-HH.13 đến hết xã Hoằng Yến (giáp xã Hoằng Hải)	550
35.3.11	Từ ĐH-HH.24 Hoằng Trường - Hoằng Phụ (Từ nhà ông Hiệp thôn Trung Đoài đến giáp xã Hoằng Tiến)	550
35.3.12	Từ Nhà văn hoá thôn Chuế 2 đến Nhà văn hoá thôn Trung Đoài	350
35.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	250
XXXVI	**XÃ HOẰNG TIẾN**	
36.1	ĐH-HH.13b (Hoằng Ngọc - Hoằng Tiến - Hoằng Yến)	
36.1.1	Từ ĐT.510B (ngã 5 H.Tiến) đến nhà ông Châu (thôn Kim Tân 2)	2.000
36.1.2	Đoạn tiếp theo đến cống Kênh Tiến Ngọc	1.500
36.1.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Cồn dầu Kim Tân 1	1.200
36.1.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Tiến (tiếp giáp ĐH-HH.13 xã H.Yến)	1.000

36.2	ĐH-HH.22 (Hoằng Tiến - Hoằng Thanh - Hoằng Phụ)	
36.2.1	Từ ĐT.510B (hộ ông Hinh Phương) đến hết xã Hoằng Tiến	1.500
36.3	ĐH-HH.24 (Hoằng Trường - Hoằng Phụ)	
36.3.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Yến đến nhà ông Đức Viên (thôn Kim Sơn)	800
36.3.2	Đoạn tiếp theo đến hết Trường THCS Lê Quang Trường	1.000
36.3.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào Trạm y tế xã	1.200
36.3.4	Đoạn tiếp theo đến kênh Nam thôn Phong Lan 1	1.200
36.3.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Tiến (giáp xã Hoằng Thanh)	1.000
36.4	Đường huyện lộ (Công vụ đê)	
36.4.1	Từ ĐT.510B(ông Cự Hải thửa 247, tờ 34) đến hết địa phận xã Hoằng Tiến	2.000
36.5	Đường trong khu du lịch	
36.5.1	Đường 40m	3.000
36.5.2	Đường 28m	2.500
36.5.3	Các tuyến đường phân lô còn lại	2.000
36.6	Đường xã	
36.6.1	Từ ĐT.510B (Cổng chào Du lịch) đến ngã tư đường giao giữa đường 40 và đường 28	3.500
36.6.2	Từ giáp ĐH-HH.22 (ngã tư Tiền Thôn) đến Cổng làng Đông Thành	1.000
36.6.3	Đoạn tiếp theo đến hộ nhà Lan Trường (thửa 256, tờ 27)	700
36.6.4	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Triều (thôn Đông Thành 1)	800
36.6.5	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐT.510B	1.200
36.7	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	500
XXXVII	**XÃ HOẰNG HẢI**	
37.1	ĐH-HH.13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
37.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Yến đến chợ Hón trừ 100m về phía Tây	900
37.1.2	Đoạn tiếp theo đến trụ sở UBND xã	1.400
37.1.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐT.510B (ngã tư Thanh Xuân)	1.500
37.2	ĐH-HH.24 (Hoằng Trường - Hoằng Phụ)	
37.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Trường đến ngã 4 nhà ông Hùng (thôn 11)	800
37.2.2	Đoạn tiếp theo đến ĐH-HH.13	900
37.2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 Nhà văn hóa thôn 8	1.000
37.2.4	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Hải (giáp xã Hoằng Tiến)	800
37.3	Đường trong khu du lịch	
37.3.1	Đường 22m	2.500
37.3.2	Các tuyến đường phân lô còn lại	2.000
37.4	Đường xã	
37.4.1	Từ ĐT.510B (nhà ông Đức) đến tiếp giáp KDL	1.000
37.4.2	Từ ĐT.510B (nhà ông Hội) đến tiếp giáp KDL	1.000
37.4.3	Từ ĐT.510B đến Cầu Đá thôn 8	900
37.4.4	Từ ĐH-HH.13 đến nhà ông Hinh (thôn 11)	650
37.4.5	Đoạn tiếp theo đến nhà thờ Họ Đặng (thôn 6)	550
37.4.6	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Hinh đến nhà bà Hương (thôn 5)	550
37.4.7	Đoạn tiếp theo đến ĐH-HH.13 (nhà bà Chúc thôn 5)	650
37.4.8	Từ ĐH-HH.24 đến xóm 8 xã Hoằng Yến	550

37.4.9	Từ ĐH-MH.13 (Nhà ông Phương đến tiếp giáp xã Hoằng Trường (Nhà bà Hoà)	600
37.4.10	Từ ĐH-HH.13 (Nhà ông Toàn Vãng đến nhà ông Ngà	600
37.4.11	Từ ĐH-HH.13 (Nhà ông Thành Quỳnh đến nhà ông Vang thôn 6 cũ)	600
37.4.12	Từ ĐH-HH.24 (Nhà ông Hùng Hằng ông Đức Loan (giáp Hoằng Trường)	550
37.4.13	Các tuyến đường tái định cư thôn Thanh Xuân	800
37.4.14	Từ tiếp giáp đường 22m (nhà ông Quyết) đến nhà ông Hoạt thôn Thanh Xuân	1.000
37.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	500
XXXVIII	**XÃ HOẰNG TRƯỜNG**	
38.1	ĐH-HH.28 (Hoằng Yến - Hoằng Trường)	
38.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Yến đến Cảng cá xã Hoằng Trường	1.600
38.2	Đường trong khu du lịch	
38.2.1	Đường 22m	2.500
38.2.2	Các tuyến đường phân lô còn lại	2.000
38.3	Đường xã	
38.3.1	Các đường Từ ĐT.510B đến hết tuyến thuộc các thôn Giang Sơn; Linh Trường; Liên Minh; Hải Sơn; Thành Xuân	900
38.3.2	Các đường Từ ĐT.510B đến hết tuyến thuộc các thôn Đại Trường, Văn Phong	700
38.3.3	Từ ĐT.510B đến ngã 4 (nhà ông Cảnh)	900
38.3.4	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp xã Hoằng Hải	800
38.3.5	Từ ĐT.510B đến hết địa phận xã Hoằng Trường (tiếp giáp xã Hoằng Hải)	2.000
38.3.6	Từ ngã tư (nhà ông Cảnh) đến nhà ông Chinh (thôn 4)	700
38.3.7	Từ ngã tư (nhà ông Cảnh) đến nhà ông Trường (thôn 4)	700
38.3.8	Từ nhà ông Thành (thôn Giang Sơn) đến nhà ông Chính (thôn Thành Xuân)	2.000
38.3.9	Từ nhà ông Lục (Giang Sơn) đến Trạm Rada 510	2.000
38.3.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thắng (thôn Thành Xuân)	2.000
38.3.11	Đường tái định cư từ thôn 3 đến giáp xã Hoằng Hải	2.000
38.3.12	Đường từ thôn Giang Sơn đến thôn Thành Xuân	2.000
38.3.13	Từ ĐT.510B đến Khế	2.500
38.3.14	Từ cảng cá Hoằng Trường tiếp giáp ĐT510B đến Tượng đài chiến thắng (Hòn bò)	3.000
38.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XXXIX	**XÃ HOẰNG ĐÔNG**	
39.1	ĐH-HH.24 (Hoằng Trường - Hoằng Phụ)	
39.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thanh đến ngã 4 nhà bà Long (thôn Quang Trung)	650
39.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà ông Phúc (thôn Quang Trung)	700
39.1.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.22	650
39.1.4	Từ ngã 3 nhà ông Phúc đến ĐT.510B (ngã 4 Bưu điện)	1.000
39.2	Đường xã	
39.2.1	Từ ĐT.510B (ngã 4 Bưu điện) đến nhà ông Trinh (thôn Lê Lợi)	1.000
39.2.2	Từ ĐT.510B đến nhà bà Lam (thôn Lê Giang)	500
39.2.3	Từ ĐT.510B đến nhà ông Hùng Oanh (thôn Phú Xuân)	500
39.2.4	Từ ĐT.510B đến nhà bà Chuyên (thôn Phú Xuân)	500

39.2.5	Từ ĐT.510B đến nhà ông Dũng (thôn Lê Giang)	500
39.2.6	Từ ĐT.510B đến nhà ông Đồng (thôn Phú Xuân)	500
39.2.7	Từ ĐT.510B đến nhà ông Nết (thôn Lê Lợi)	500
39.2.8	Từ ĐT.510B đến nhà ông Bản(thôn Quang Trung)	500
39.2.9	Từ ĐT.510B đến nhà ông Phú (thôn Lê Lợi)	500
39.2.10	Từ ĐT.510B đến nhà bà Long(thôn Quang Trung)	500
39.2.11	Từ ĐT.510B đến Trường Mầm non	500
39.2.12	Từ ĐH-HH.24 qua Trạm y tế đến Trường THCS	500
39.2.13	Từ ĐH-HH.24 đến nhà ông Kim (thôn Đông Tân)	500
39.3	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	400
XXXX	**XÃ HOẰNG THANH**	
40.1	ĐH-HH.22 (Hoằng Tiến - Hoằng Thanh - Hoằng Phụ)	
40.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Tiến đến Nhà văn hóa thôn Đại Long	1.200
40.1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 thôn Đại Long	1.300
40.1.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 thôn Liên Hà	1.300
40.1.4	Đoạn tiếp theo đến ngã 4 Chợ Hà	1.200
40.1.5	Đoạn tiếp theo đến hết xã Hoằng Thanh (giáp xã Hoằng Phụ)	1.100
40.2	ĐH-HH.24 (Hoằng Trường - Hoằng Phụ)	
40.2.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Tiến đến tiếp giáp đường Ngọc - Thanh (chùa Hồi Long)	800
40.2.2	Đoạn tiếp theo từ đường Ngọc - Thanh đến hết xã Hoằng Thanh (tiếp giáp xã Hoằng Đông)	700
40.2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Chợ Hà	1.000
40.3	Đường Ngọc - Thanh	
40.3.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Ngọc đến ngã 4 thôn Đại Long	1.200
40.3.2	Đoạn tiếp theo đến ngã tư thôn Trung Hải	1.300
40.3.3	Đoạn tiếp theo đến Đê biển Thanh - Phụ	1.700
40.4	Đường huyện lộ (Công vụ đê)	
40.4.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Tiến đến ngã tư thôn Trung Hải	1.600
40.4.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi UBND xã	1.500
40.4.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư thôn Đông Tây Hải	1.400
40.4.4	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Đại (thôn Tây Xuân Vi)	1.400
40.4.5	Đoạn tiếp theo đến đê Thanh - Phụ	1.300
40.5	Đường trong khu du lịch	
40.5.1	Đường 22m	2.500
40.5.2	Các tuyến đường phân lô còn lại	2.000
40.6	Đường xã	
40.6.1	Từ ĐH-HH.22 (gốc Gạo) đến Kênh Trường Phụ	650
40.6.2	Đoạn tiếp theo đến đường bê tông công vụ Đê	900
40.6.3	Đoạn tiếp theo ra đến tường rào khu du lịch Hải Tiến	1.500
40.6.4	Từ ĐH-HH.22 (ngã tư Liên Hà) qua UBND xã đến đường bê tông công vụ Đê	1.000
40.6.5	Đoạn tiếp theo ra đến tường rào khu du lịch Hải Tiến	1.100
40.6.6	Từ ĐH-HH.22 (ngã tư Chợ Hà) đến đường Công vụ Đê	800
40.6.7	Đoạn tiếp theo ra đến đê Thanh - Phụ	1.000
40.6.8	Từ đường Công vụ Đê đến nhà ông Thập (thôn Tây Xuân Vi)	650
40.6.9	Từ đường Công vụ Đê đến nhà bà Long (thôn Tây Xuân Vi)	650

40.6.10	Từ đường Công vụ Đê đến nhà ông Chiến (thôn Đông Xuân Vi)	650
40.6.11	Từ kênh Trường - Phụ đến đường Công vụ Đê nhà ông Lực (thôn Quang Trung)	650
40.6.12	Đoạn tiếp theo ra đến tường rào khu du lịch Hải Tiến	1.200
40.6.13	Từ kênh Trường - Phụ đến đường Công vụ Đê nhà ông Biên (thôn Quang Trung)	900
40.6.14	Đoạn tiếp theo ra đến tường rào khu du lịch Hải Tiến	1.500
40.6.15	Từ kênh ông Mế đến tiếp giáp đường Ngọc - Thanh	650
40.6.16	Từ ông Hạnh thôn Đông Tây Hải đến nhà Ông Trọng thôn Tây Xuân Vi	1.000
40.6.17	Từ cầu ông Mễ thôn Đại Long dọc theo phía Đông kênh Trường Phụ xuống cầu thôn Đông Tây Hải	1.000
40.7	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XXXXI	**XÃ HOẰNG NGỌC**	
41.1	ĐH-HH.13b (Hoằng Ngọc - Hoằng Tiến - Hoằng Yến)	
41.1.1	Từ ĐT.510B (ngã 5) đến hết xã Hoằng Ngọc (giáp xã Hoằng Yến)	1.000
41.2	ĐH-HH.33 (Hoằng Đạo-Hoằng Tiến)	
41.2.1	Từ ĐT.510 (ngã 4 đường rẽ đi Ngọc Đình) đến đường Tâm Linh (H.Ngọc)	3.000
41.2.2	Đoạn tiếp theo đến kênh N19	4.000
41.2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 5 Hoằng Tiến	5.000
41.3	Đường Ngọc - Thanh	
41.3.1	Từ ĐT.510B đến hết xã Hoằng Ngọc (giáp xã Hoằng Thanh)	1.500
41.4	Đường xã	
41.4.1	Từ ĐT.510 đến ngã 4 Đền Lê Trung Giang	750
41.4.2	Đoạn tiếp theo đến Trường THCS	650
41.4.3	Từ ĐT.510 đến nhà ông Xuyên (thôn 2)	650
41.4.4	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Đền Lê Trung Giang	600
41.4.5	Từ ĐT.510 đến cầu Kênh Nam	650
41.4.6	Đoạn tiếp theo đến ĐH-HH.33	600
41.4.7	Từ ĐT.510 đến kênh Nam (ông Thai_thôn 6)	650
41.4.8	Từ ĐT.510 qua nhà ông Dũng đến ĐH-HH.33	850
41.4.9	Từ ĐT.510 đến nhà ông Tựu (thôn 4)	650
41.4.10	Từ ĐT.510 đến trạm bơm Nhân Ngọc	600
41.4.11	Từ ĐT.510 đến Lò vôi thôn 9	600
41.4.12	Từ ĐT.510 đến ông Giáo Đài thôn 9	600
41.4.13	Từ ĐT.510B đến ngã tư Đền Lê Trung Giang	650
41.4.14	Từ ĐT.510B đến nhà ông Toàn Trúc (thôn 4)	650
41.4.15	Từ ĐT.510B đến cống Hồng Đô	600
41.4.16	Từ ĐT.510B đến Nghĩa địa Hồng Đô	600
41.4.17	Từ ĐT.510B đến nhà ông Hải Vượng (thôn 1)	600
41.4.18	Từ ĐT.510B đến nhà ông Minh Oanh (thôn 3)	600
41.4.19	Từ ĐH-HH.33 đến cầu Cách xã Hoằng Yến (Đường đê sông Cùng)	650
41.4.20	Từ Đường Ngọc - Thanh đến hết xã Hoằng Ngọc (giáp xã Hoằng Đông)	700
41.4.21	Từ nhà ông Tài Phúc đến trại vịt ông Giáo Phượng (thôn 4)	650
41.4.22	Từ nhà bà Lắm (thôn 7) đến vườn Vông (thôn 7)	600
41.4.23	Từ nhà ông Đô (thôn 8) đến nhà ông Thoa Trình (thôn 8)	600
41.4.24	Từ Cồn Thổng đến tiếp giáp kênh N19	600

41.5	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	550
XXXXII	**XÃ HOẰNG PHỤ**	
42.1	ĐH-HH.22 (Hoằng Tiến - Hoằng Thanh - Hoằng Phụ)	
42.1.1	Từ tiếp giáp xã Hoằng Thanh đến tiếp giáp ĐH-HH.24 (ngã 3 ông Tường thôn Sao Vàng)	1.000
42.1.2	Từ ĐH-HH.22 (ngã 3 nhà ông Tường thôn Sao Vàng) đến tiếp giáp xã Hoằng Đông	1.000
42.1.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐT.510B	1.200
42.2	ĐH-HH.24 (Hoằng Trường - Hoằng Phụ)	
42.2.1	Từ ĐH-HH.22 (ngã 3 nhà ông Trường thôn Sao Vàng) đến tiếp giáp xã Hoằng Đông.	1.000
42.3	Đường xã	
42.3.1	Từ ĐT.510B đến nhà ông Nhị (Hồng Kỳ)	1.000
42.3.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Bảo (thôn Hồng Kỳ)	1.200
42.3.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Côi (thôn Hồng Kỳ) gặp tiếp giáp ĐT.510B	1.000
42.3.4	Từ ĐT.510B đến nhà ông Bình (thôn Hợp Tân)	900
42.3.5	Từ ĐT.510B (chợ Bến) đến nhà ông Nghi Đặng (thôn Sao Vàng)	900
42.3.6	Từ NVH thôn Xuân Phụ đến nhà ông Xâm Lợi (thôn Xuân Phụ)	900
42.3.7	Từ ĐH-HH.22 đến nhà ông Chót	800
42.3.8	Từ kênh Trường Phụ đến tiếp giáp xã Hoằng Thanh	800
42.3.9	Từ cống bà Châu đi đê Tây Biên	800
42.4	Tuyến đường không nằm trong các vị trí trên	600
XXXXIII	**THỊ TRẤN BÚT SƠN**	
43.1	ĐH-HH.13 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Trường)	
43.1.1	Từ tiếp giáp QL10 (Ngã 3 Bút Sơn) đến hết TT Bút Sơn (tiếp giáp xã Hoằng Phúc)	1.600
43.2	ĐH-HH.18 (thị trấn Bút Sơn - Hoằng Đạo)	
43.2.1	Từ tiếp giáp QL10 đến ngã 4 chợ Bút mới	3.000
43.3	ĐH-HH.18b (Đường Bắc Kênh Nam)	
43.3.1	Từ tiếp giáp QL10 đến ngã 4 cống xả lũ	3.000
43.4	ĐH-HH.27 (Đường Tránh Quốc lộ 10)	
43.4.1	Từ tiếp giáp QL10 đến Nam cầu Gòng 2	4.000
43.4.2	Đoạn tiếp theo đến ngã tư đường rẽ cây xăng Hoằng Đức	3.500
43.4.3	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp xã Hoằng Đức	2.100
43.5	Đường thị trấn	
43.5.1	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Nguyệt - phố Phúc Sơn (tiếp giáp xã Hoằng Phúc, cũ)	2.000
43.5.2	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Thảo (Phúc Sơn)	2.000
43.5.3	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Thanh (Phúc Sơn)	1.500
43.5.4	Đoạn tiếp theo đến hết TT Bút Sơn (tiếp giáp xã Hoằng Phúc, cũ)	1.000
43.5.5	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Dung (phố Phúc Sơn)	2.000
43.5.6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Đức (phố Phúc Sơn)	1.500
43.5.7	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Thỏa (Phúc Sơn)	2.000
43.5.8	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Toan (phố Phúc Sơn)	1.500
43.5.9	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà nhà bà Viên Thắng (phố Phúc Sơn)	2.000
43.5.10	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Đằng tiếp giáp xã Hoằng Phúc (cũ)	2.000

43.5.11	Từ tiếp giáp QL10 qua nhà ông Thắng Loan đến hết TT Bút Sơn (giáp xã Hoằng Phúc, cũ)	2.000
43.5.12	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Chiến (Phúc Sơn)	2.000
43.5.13	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Hồng (Đạo Sơn)	2.000
43.5.14	Từ tiếp giáp QL10 đến Hội người mù Hoằng Hóa	3.000
43.5.15	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Lâm (Đạo Sơn)	1.600
43.5.16	Từ tiếp giáp QL10 đến hết địa phận TT Bút Sơn	2.500
43.5.17	Từ tiếp giáp QL10 vào Cổng nghĩa trang Liệt sĩ huyện	2.000
43.5.18	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Huy (Đạo Sơn)	1.900
43.5.19	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp ĐH-HH.18b	1.600
43.5.20	Từ tiếp giáp QL10 đến tiếp giáp đường vào thôn Dư Khánh (xã H.Đạo)	2.000
43.5.21	Từ tiếp giáp QL10 đến Trạm biến thế xã Hoằng Vinh	2.500
43.5.22	Từ tiếp giáp QL10 (nhà ông Hùng) qua cổng trường Lương Đắc Bằng đến tiếp giáp QL10	3.000
43.5.23	Từ tiếp giáp QL10 đến tiếp giáp đường Tránh QL10 (sau Công an huyện)	2.600
43.5.24	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Quí (Vinh Sơn)	1.500
43.5.25	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Láng (Vinh Sơn)	1.500
43.5.26	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Thành (Đạo Sơn)	3.000
43.5.27	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường Tránh QL10	2.500
43.5.28	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà anh Hùng (Đạo Sơn)	3.500
43.5.29	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường Tránh QL10	3.000
43.5.30	Từ tiếp giáp QL10 đến Nghĩa địa thị trấn	1.600
43.5.31	Từ tiếp giáp QL10 qua Trạm y tế đến tiếp giáp đường Tránh QL10	2.500
43.5.32	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Thanh Phương (Tân Sơn)	1.600
43.5.33	Từ tiếp giáp QL10 qua quỹ Tín dụng đến tiếp giáp đường Tránh QL10	2.100
43.5.34	Từ tiếp giáp QL10 qua nhà ông Thịnh (phố Tân Sơn) đến tiếp giáp đường Tránh QL10	1.600
43.5.35	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Hàm (Đức Sơn)	1.600
43.5.36	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đường Tránh QL10	1.500
43.5.37	Từ tiếp giáp QL10 qua nhà ông Phong (Đức Sơn) đến đường Tránh QL10	1.500
43.5.38	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Thân (Đức Sơn)	1.000
43.5.39	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Thanh (Đức Sơn)	1.000
43.5.40	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà ông Quý (Đức Sơn)	1.000
43.5.41	Từ tiếp giáp QL10 đến nhà bà Cam (Tân Sơn)	1.000
43.5.42	Đoạn tiếp theo đến đường đi Nghĩa địa thị trấn	1.000
43.5.43	Từ ĐT.510 đến Trạm Biến thế xã Hoằng Vinh	1.600
43.5.44	Từ ĐT.510 đến nhà ông Sinh (Trung Sơn)	1.100
43.5.45	Từ ĐT.510 đến nhà bà Nhạn (Trung Sơn)	1.100
43.5.46	Từ nhà ông Lương (Trung Sơn) đến nhà ông Minh (Trung Sơn)	1.100
43.5.47	Từ nhà ông Đắc (Trung Sơn) đến nhà ông Long (Trung Sơn)	1.000
43.5.48	Từ nhà ông Hùng (Đạo Sơn) đến nhà ông Từ (Đạo Sơn)	2.000
43.5.49	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp sông Gòng	2.500
43.5.50	Từ nhà ông Thọ (Đạo Sơn) đến nhà bà Toàn (Hưng Sơn)	1.000
43.5.51	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Dần (Đạo Sơn)	1.000
43.5.52	Từ nhà anh Mười (Đạo Sơn) đến nhà bà Thuý (Hưng Sơn)	1.000
43.5.53	Từ nhà ông Ba (Tân Sơn) đến nhà bà Bởng (Tân Sơn)	1.600
43.5.54	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Bằng (Tân Sơn)	1.000

43.5.55	Từ nhà ông Phương (Tân Sơn) đến nhà bà Thảnh (Tân Sơn)	1.500
43.5.56	Từ nhà ông Hanh (Đức Sơn) đến nhà bà Hàm (Đức Sơn)	1.100
43.5.57	Từ nhà ông Cường (Đức Sơn) đến nhà bà Tuyến (Đức Sơn)	1.100
43.5.58	Từ nhà bà Bảy (Đức Sơn) đến nhà ông Duyên (Đức Sơn)	1.000
43.5.59	Từ nhà bà Nghị (Đức Sơn) đến nhà bà Bính (Đức Sơn)	1.000
43.5.60	Từ nhà bà Thu (Đức Sơn) đến nhà bà Trang (Đức Sơn)	1.000
43.5.61	Từ nhà bà Lan (Đức Sơn) đến nhà ông Trung (Đức Sơn)	1.000
43.5.62	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hải (Đức Sơn)	1.000
43.5.63	Từ nhà ông Thuận (Phúc Sơn) đến nhà ông Sử (Phúc Sơn)	1.100
43.5.64	Từ nhà bà Quang (Phúc Sơn) đến đường rẽ phía Nam chợ Bút cũ	1.000
43.5.65	Từ nhà ông Lý (Vinh Sơn) đến nhà ông Khoa (Vinh Sơn)	1.000
43.5.66	Từ nhà ông Lĩnh (Đạo Sơn) đến nhà ông Tỉnh (Đạo Sơn)	1.600
43.5.67	Từ tiếp giáp Quốc lộ 10, qua nhà ông Cường (Đạo Sơn) đến đường ĐH-HH.27	4.000
43.5.68	Từ tiếp giáp Quốc lộ 10 (qua Trường THPT Lương Đắc Bằng) đến đường ĐH-HH.27	4.000
43.5.69	Từ tiếp giáp Quốc lộ 10 qua nhà ông Tân (Đạo Sơn) đến tiếp giáp xã Hoằng Đạo	2.500
43.5.70	Khu dân cư sau Chi cục thuế	2.800
43.5.71	Đường GT từ Ngã tư Gòng đến Kênh N22 (H Đạo)	4.000
43.5.72	Đoạn tiếp theo đến đường DH-HH.16	2.000
43.5.73	Quốc lộ 10 đến dân cư sau trạm điện	2.500
43.5.74	Quốc lộ 10 đến dân cư sau huyện ủy	2.500
43.5.75	Từ tiếp giáp Quốc lộ 10 đến nhà ông Hậu (Phúc Sơn)	1.000
43.5.76	Từ Hội người mù đến dân cư sau bệnh viện	1.000
43.5.77	Từ nhà ông Lĩnh đến khu dân cư sau truyền thanh	2.000

6. HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

ĐVT: 1000 đồng/m^2

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG**	
1	**QUỐC LỘ 1A**	
1.1	Từ giáp địa phận xã Quảng Thịnh đến hết địa phận xã Quảng Tân (cũ)	8.000
1.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Tân (cũ) đến hết địa phận thị trấn (cũ)	8.500
1.3	Đoạn từ phía Nam thị trấn Quảng Xương (cũ) đến ngã ba đường đi Ninh -Nhân -Hải (Bắc Cung)	4.000
1.4	Đoạn từ ngã ba đường đi Ninh-Nhân-Hải (Bắc Cung) đến ngã ba đường Bình Yên (Cống Trúc)	3.000
1.5	Đoạn từ ngã ba đường Bình - Yên (Cống Trúc) đến đường vào cống Ngọc Giáp (Quảng Chính)	3.000
1.6	Đoạn từ đường vào cống Ngọc Giáp (Quảng Chính) đến ngã ba đường vào thôn Ngọc Trà (Quảng Trung)	3.000
1.7	Đoạn từ ngã ba đường vào thôn Ngọc Trà (Quảng Trung) đến hết địa phận xã Quảng Trung	4.000
2	**QUỐC LỘ 45**	
2.1	Từ giáp địa phận xã Quảng Thịnh đến hết địa phận xã Quảng Trạch	2.200
2.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Trạch đến hết địa phận xã Quảng Yên (Cầu Vạy)	1.800
3	**TỈNH LỘ 4A**	
3.1	Từ giáp địa phận xã Quảng Lộc đến cổng làng thôn Thủ Lộc (Địa phận xã Quảng Lợi, cũ)	2.000
3.2	Từ cổng làng Thủ Lộc đến Công ty SOTO và đến giáp Quảng Lĩnh (cũ), Quốc lộ 1A (Ngã ba núi Chẹt, địa phận xã Quảng Lợi, cũ)	3.500
4	**ĐƯỜNG HUYỆN: ĐƯỜNG 4B**	
4.1	Từ giáp địa phận xã Quảng Hùng đến hết địa phận xã Quảng Thái	1.300
4.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Lợi (cũ) đến hết địa phận xã Quảng Thạch	1.300
5	**ĐƯỜNG HUYỆN: ĐƯỜNG 4C**	
5.1	Từ giáp địa phận xã Quảng Hải đến hết địa phận xã Quảng Lưu	1.500
5.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Lưu đến hết địa phận xã Quảng Thái	2.000
5.3	Từ giáp địa phận xã Quảng Thái đến địa phận xã Quảng Lợi (cũ)	3.000
5.4	Từ giáp địa phận xã Quảng Lợi (cũ) đến hết địa phận xã Quảng Thạch	6.000
5.5	Từ giáp địa phận xã Quảng Thạch đến hết địa phận xã Quảng Nham	4.000
6	**TỈNH LỘ: Đường Quảng Bình (1A) đi Quảng Yên (QL45)**	
6.1	Từ QL1A đến hết địa phận xã Quảng Bình	2.000
6.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Bình đến ngã ba đầu núi Văn Trinh (xã Quảng Hợp)	1.500
6.3	Từ ngã ba đầu núi Văn Trinh (xã Quảng Hợp) đến ngã ba xã Quảng Ngọc (Bách hóa cũ)	3.000
6.4	Từ ngã ba xã Quảng Ngọc (Bách hóa cũ) đến hết địa phận xã Quảng Văn	1.000
6.5	Đường Tỉnh lộ 504 từ đầu đường QL 45 đến ngã 3 ông Đôn (xã Quảng Yên)	1.000

6.6	Vị trí 2: Đường Tỉnh lộ 504 từ đầu đường QL 45 đến ngã 3 ông Đôn (xã Quảng Yên)	1.000
6.7	Vị trí 2: Đường QL 45 từ cầu Cảnh đến Cầu Vạy (xã QuảngYên)	1.500
7	**Đường Duyên hải ven biển**	1.100
II	**GIÁ ĐẤT THỊ TRẤN VÀ CÁC XÃ**	
1	**THỊ TRẤN QUẢNG XƯƠNG (nay là thị trấn Tân Phong)**	
1.1	**Đường Thanh Niên**	
1.1.1	Từ đường 1A đến đầu cống Tân Phong	5.000
1.1.2	Từ đầu cống Tân Phong đến hết địa phận thị trấn (cũ)	4.000
1.2	**Đường Bùi Sỹ Lâm**	
1.2.1	Từ đường 1A đến hết đường huyện đội kéo dài	5.000
1.3	**Đường Hoàng Bùi Hoàn**	
1.3.1	Từ đường 1A đến hết địa phận thị trấn (cũ)	3.500
1.4	**Đường Lê Bùi Vị**	
1.4.1	Từ đường QL1 A đến hết địa phận thị trấn (cũ)	3.500
1.5	**Đường khu trung tâm văn hóa huyện**	
1.5.1	Đường Phạm Tiến Năng	5.000
1.5.2	Đường Nguyễn Bá Ngọc	5.000
1.5.3	Đường Nguyễn Xuân Nguyên	4.000
1.5.4	Đường Vũ Phi Trừ	3.500
1.5.5	Đường từ đường huyên đội qua nhà thi đấu đến mương Tân Phong	3.500
1.5.6	Ven các đường còn lại khu TTVH	3.500
1.5.7	Đường từ QL 1A đi Giếng Chua đến hết địa phận thị trấn (cũ)	2.000
1.5.8	Đường Đa Lộc	2.000
1.5.9	Đường Lê Thế Bùi	2.000
1.5.10	Đường Đắc Thọ	1.800
1.5.11	Đường Lê Hồng Thịnh	4.000
1.5.12	Đường Lê Bùi Vị đi MB 64	3.500
1.5.13	Đường Lê Bùi Vị đi MB 35	3.000
1.5.14	Đường Nguyễn Bá Ngọc đi MB 37	4.500
1.5.15	Đường Nguyễn Bá Ngọc đi MB55	3.000
2	**XÃ QUẢNG THÁI**	
2.1	Các đường trong xã	
2.2.1	Đường Quảng Lộc - Quảng Thái: Từ giáp địa phận xã Quảng Lộc đến đường 4C xã Quảng Thái	1.000
2.2.2	Đường Lưu - Bình -Thái: Từ giáp địa phận xã Quảng Lưu đến đường 4C (xã Quảng Thái)	1.500
2.2.3	Đường Lĩnh -Thái: Từ giáp địa phận xã Quảng Lộc đến hết địa phận xã Quảng Thái.	800
2.2.4	Tuyến Đường ven biển: Từ giáp Công Ty CP Long Phú đến giáp địa phận xã Quảng Lưu và tuyến đường Thái Lĩnh từ giáp Công ty Long Phú đến đường rẽ thôn 4	1.500
2.2.5	Khu vực từ đông đường 4C ra Biển Đông (phía Bắc giáp Quảng Lưu, phía Nam giáp Quảng Lợi, cũ)	1.500
2.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
3	**XÃ QUẢNG VĂN**	
3.1	Các đường trong xã	

3.3.1	Đường Nghè Lim: Tiếp giáp đường Bình - Yên đến cổng làng Văn Làng	600
3.3.2	Đường Văn Phong: Tiếp giáp đường Bình Yên đi xã Quảng Long	600
3.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
4	**XÃ QUẢNG LONG**	
4.1	Các đường trong xã	
4.1.1	Tỉnh lộ: Đường Quảng Bình (1A) đi Quảng Yên (QL45) từ địa phận xã Quảng Văn đến tiếp giáp xã	1.200
4.1.2	Đường Tri Hòa - Quảng Long: Từ giáp địa phận xã Quảng Hòa đến hết địa phận xã Quảng Long	800
4.1.3	Đường liên thôn Lộc Long đi Quảng Văn	600
4.1.4	Đường từ giáp Tỉnh lộ 504 (Quảng Bình đi Quảng Yên) đến giáp địa phận xã Quảng Hòa	600
4.1.5	Đường thôn từ cầu Xi Long Thọ đến ông Tiệp	450
4.1.6	Đường từ ngã tư Lộc Long đến ngã tư nhà văn hóa làng Thổ Ngõ	400
4.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	350
5	**XÃ QUẢNG LĨNH (nay là xã Tiên Trang)**	
5.1	Các đường trong xã	
5.1.1	Ven đường Lĩnh - Trường (Từ QL 1A đến Cầu Lộc)	1.000
5.1.2	Ven đường Lĩnh - Khê (Từ QL 1A đến kênh 37)	1.000
5.1.3	Ven đường Lĩnh - Thái (đoạn từ QL 1A đến hết địa phận xã Quảng Lĩnh, cũ)	1.000
5.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
6	**XÃ QUẢNG GIAO**	
6.1	Các đường trong xã	
6.1.1	Đoạn từ thôn 1 Quảng Giao (giáp Quảng Hùng) đi qua UBND xã Quảng Giao	600
6.1.2	Đường Quảng Giao đi Quảng Đại: Từ giáp đường 4A (xã Quảng Giao) đến hết địa phận xã Quảng Giao	1.300
6.1.3	Đường Thanh Niên: Từ tiếp giáp địa phận xã Quảng Đức đến tiếp giáp đường 4 A	1.300
6.1.4	Đường thôn 7 đi thôn 9	500
6.1.5	Đường liên thôn từ đường 4A đi qua thôn 9	500
6.1.6	Đường thôn 9 đi Quảng Hải	500
6.1.7	Đường 4A đi Quảng Hải	500
6.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
7	**XÃ QUẢNG NGỌC**	
7.1	Các đường trong xã	
7.1.1	Đường Văn Trinh đi Quảng Phúc: Đoạn từ ngã ba núi Văn Trinh xã Quảng Ngọc đến ngã tư thôn Xuân Mộc xã Quảng Ngọc	2.000
7.1.2	Đường Văn Trinh đi Quảng Phúc: Đoạn từ ngã tư thôn Xuân Mộc xã Quảng Ngọc đến giáp địa phận xã Quảng Vọng	1.000
7.1.3	Đường Quảng Ngọc đi Quảng Khê: Từ ngã ba Xuân Mộc đến hết địa phận xã Quảng Ngọc	1.000
7.1.4	Đường từ ngã 4 thôn Xuân Mọc đến giáp thôn Gia Đại	400
7.1.5	Đoạn từ chợ Hội đến mương huyện	500
7.1.6	Đường Hợp - Ngọc (đoạn từ Nghè Trắng đến nhà thờ Phúc Lãng)	500

7.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
8	**XÃ QUẢNG HÒA**	
8.1	Các đường trong xã	
8.1.1	Đường từ ngã ba UBND xã Quảng Hòa đi UBND xã Quảng Hợp	700
8.1.2	Đường từ Cầu Sông Lý Quảng Hòa đi đường Bình Yên (Đoạn từ cầu sông Lý xã Quảng Hoà đến giáp địa phận xã Quảng Yên)	700
8.1.3	Đường Tri Hòa - Quảng Long: Từ giáp địa phận Quảng Phong đến ngã ba đường đi Quảng Hợp - Quảng Long (UBND xã Quảng Hoà)	1.000
8.1.4	Đường Tri Hòa - Quảng Long: Từ ngã ba đường đi Quảng Hợp - Quảng Long đến hết địa phận xã Quảng Hòa	800
8.1.5	Đường từ cổng làng Hòa Trinh đi thôn Tân Thái, đến đường cầu sông Lý xã Quảng Hòa đi đường Bình Yên.	500
8.1.6	Đường từ cổng làng Hòa Trinh đi thôn Hoà Đông, đến đường Ngã ba UBND xã Quảng Hòa đi UBND xã Quảng Hợp.	500
8.1.7	Đường từ cổng làng Hòa Đạt đi qua Nhà văn hóa thôn Tân Thái, đến đường cầu sông Lý xã Quảng Hòa đi đường Bình Yên.	500
8.1.8	Đường từ ngã ba ông Thế thôn Hòa Đông đi thôn Hòa Thành đến cầu qua sông B22A	500
8.1.9	Đường từ ngã ba ông Cường thôn Hòa Văn đi thôn Hòa Đạt, đến đường từ cổng làng Hòa Đạt đi qua Nhà văn hóa thôn Tân Thái.	500
8.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
9	**XÃ QUẢNG ĐỨC**	
9.1	**Các đường trong xã**	
9.1.1	Đường từ đường Thanh Niên vào thôn Phú Đa đi Quảng Phong	700
9.1.2	Đường từ đường Thanh Niên đến hết thôn 3 Phú Đa	700
9.1.3	Đường Đông-Định-Đức: Từ đường Thanh Niên (Quảng Đức) đến giáp địa phận xã Quảng Định	1.000
9.1.4	Đường Thanh Niên: Từ giáp địa phận xã Quảng Phong đến ngã ba đường vào thôn Phú Đa (đường nhựa phía Đông UBND xã Quảng Đức)	2.500
9.1.5	Đường Thanh Niên: Từ ngã ba đường vào thôn Phú Đa (đường nhựa phía Đông UBND xã Quảng Đức) đến hết địa phận xã Quảng Đức	2.000
9.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
10	**XÃ QUẢNG PHONG (nay là thị trấn Tân Phong)**	
10.1	Các đường trong xã	
10.1.1	Từ Ql 1A (Cống Dề) đi đến nhà ông Trung làng Mới	1.000
10.1.2	Từ QL 1A đến đường quai thôn Thanh Trung	1.200
10.1.3	Từ QL 1A đi đến hết làng Xuân Uyên	1.200
10.1.4	Từ QL 1A đến đầu làng Ước Ngoại	1.200
10.1.5	Đường Tri Hòa - Quảng Long: Từ giáp địa phận thị trấn Quảng Xương (cũ) đến hết địa phận xã Quảng Phong (cũ)	2.000
10.1.6	Đường Thanh Niên: Từ giáp địa phận thị trấn Quảng Xương (cũ) đến hết địa phận xã Quảng Phong (cũ)	2.500
10.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	600
11	**XÃ QUẢNG TRƯỜNG**	
11.1	Các tuyến đường trong xã	

11.1.1	Đường Quảng Ngọc đi Quảng Khê: Từ giáp địa phận xã Quảng Ngọc đến cầu Hòa Trường xã Quảng Trường (Từ thửa số: 189; TBĐ số: 13 ông Hà Văn Thủy đến thửa số: TBĐ số: 18 ông Bùi Huy Quang)	1.000
11.1.2	Đường Lịch - Quảng Trường - Quảng Vọng (cũ); từ cầu Lộc xã Quảng Trường đến hết thôn Phú Cường xã Quảng Trường (Từ thửa số: 842; TBĐ số: 14, bà Bùi Thị Thiện đến thửa số: 521; TBĐ số: 17 ông Trương Văn Dũng)	700
11.1.3	Đường Quảng Trường - Quảng Hợp; từ ông Luật thôn Đồng Tâm đến bà Nê thôn Đồng Tâm (Từ thửa số: 62: TBĐ số: 08 Phạm Văn Luật đến thửa số 12 TBĐ số: 14 Bà Vũ Thị Nê).	600
11.1.4	Đoạn Ngõ Bình Hằng - cầu Tiên Long thôn Đồng Tâm; từ thửa số 532; TBĐ số 09 Hoàng Văn Tỉnh đến thửa số 259; TBĐ số: 14 ông Lê Văn Sỹ)	700
11.1.5	Đường liên thôn từ thửa số 447; TBĐ số: 14 ông Phạm Văn Lặng thôn Trường Thành đến thửa số: 708; TBĐ số: 18 ông Nguyễn Ngọc Da thôn Châu Sơn)	400
11.1.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
12	**XÃ QUẢNG YÊN**	
12.1	Các tuyến đường trong xã	
12.1.1	Đường từ cầu sông Lý Quảng Hòa đi Tỉnh lộ 504	700
12.1.2	Đường Đa Ba thôn Đoài Đông Yên Cảnh đi Trung Đào (Đoạn từ đầu đường QL 45 đi đường liên xã Quảng Hòa đi Quảng Yên)	700
12.1.3	Đường thôn Cổ Duệ đoạn từ đầu đường Tỉnh lộ 504 nhà anh Quang đi trang trại anh Thọ	700
12.1.4	Đường liên thôn Khang Bình - Phú Ninh đoạn từ Tỉnh lộ 504 đi QL 45	700
12.1.5	Đường thôn Yên Vực từ Cổng làng Vực 1 đi Cầu Dinh về Nhà văn hóa Vực 2	700
12.1.6	Đường thôn Yên Vực từ cổng làng Vực 2 đi lên sông Lý	700
13	**XÃ QUẢNG TRẠCH**	
13.1	Các tuyến đường trong xã	
13.1.1	Từ tiếp giáp đường Tân - Trạch (thôn Câu Đồng) đi Đa Phú	1.200
13.1.2	Đường từ QL 45 đi thôn Mỹ Khê	600
13.1.3	Đường Tân-Trạch: Từ giáp địa phận thị trấn Quảng Xương (cũ) đến tiếp giáp đường 45 (xã Quảng Trạch)	2.200
13.1.4	Ngã tư Câu Đồng -Trạch Hồng 1	1.200
13.1.5	Ngã tư Câu Đồng -Trạch Hồng 2	900
13.1.6	Ngã 3 Đa Phú - đường Đồng Vòng	500
13.1.7	Ngã 3 Đa Phú - nhà bà Bích	500
13.1.8	Nhà ông Sỹ Trạch Trung - Quảng Phong	500
13.1.9	Ngã 3 gốc Vông - đi nhà bà Cựa	500
13.1.10	Nhà ông Điện (Mỹ Khê) - nhà ông Chính	500
13.1.11	Nhà bà Quang (Câu Đồng) - sông Tân Trạch	500
13.1.12	Đường trong khu dân cư mới phía Tây Nam đường Tân Trạch	1.200
13.1.13	Đường từ QL 45 đi nhà ông Liên (Mỹ Trạch)	500
13.1.14	Đường từ chợ Cảnh - cầu Đồng Văn	500
13.1.15	Quốc lộ 45 cũ	500
13.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300

14	**XÃ QUẢNG PHÚC**	
14.1	Các tuyến đường trong xã	
14.1.1	Đường Văn Trinh đi Quảng Phúc: Đoạn giáp địa phận xã Quảng Vọng đến đê sông Yên xã Quảng Phúc	500
14.1.2	Đường từ nhà ông Dinh đi nhà ông Mai thôn Ngọc Đới	500
14.1.3	Đường đi đến Thạch Trụ Đại Vương	500
14.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	350
15	**XÃ QUẢNG NHAM**	
15.1	Các tuyến đường trong xã	
15.1.1	Từ ngã ba đường 4B Quảng Thạch đi Cảng Cá	2.000
15.1.2	Từ đường 4C thôn Bắc đến hết thôn Đông	3.000
15.1.3	Đường từ đường 4B (xã Quảng Thạch) đến đường 4C xã Quảng Nham	3.000
15.1.4	Đường đi Cảng cá (từ giáp xã Quảng Thạch đến cầu Cảng)	800
15.1.5	Đường 257 (từ nhà Anh Nông đến nhà Hà Ngoan)	600
15.1.6	Đường Chợ Quảng Nham	800
15.1.7	Đường đê sông Yên (từ giáp xã Quảng Thạch đến đầu thôn Tân)	500
15.1.8	Từ cổng Đền Phúc đến đầu thôn Tân	1.500
15.1.9	Đường nhựa thôn Tân	1.500
15.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	1.000
16	**XÃ QUẢNG KHÊ**	
16.1	Các tuyến đường trong xã	
16.1.1	Từ QL 1A đến bờ sông Lý thôn Thạch Phương	600
16.1.2	Từ giáp địa phận xã Quảng Lĩnh,cũ (QL 1A) đến cầu sông Lý (UBND xã)	700
16.1.3	Từ giáp âu Hoà Trường (xã Quảng Trường) đến UBND xã	500
16.1.4	Từ đầu cầu xã đi thôn T5	400
16.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
17	**XÃ QUẢNG HỢP**	
17.1	Các tuyến đường trong xã	
17.1.1	Đường tiếp giáp địa phận xã Quảng Hòa đi qua UBND xã Quảng Hợp đến ngã ba đầu núi Văn Trinh	1.000
17.1.2	Đường từ UBND xã đến SVĐ thôn Hợp Lực	800
17.1.3	Đường cụm làng nghề	1.000
17.1.4	Đường thôn Hợp Lực	1.000
17.1.5	Đường thôn Hợp Ém Giang	1.000
17.1.6	Đường thôn Bình Danh	1.000
17.1.7	Đường thôn Phương Cỏ	1.000
17.1.8	Đường thôn Linh Hưng	1.000
17.1.9	Đường thôn Hợp Con đi Quảng Ngọc	1.000
17.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
18	**XÃ QUẢNG BÌNH**	
18.1	Các tuyến đường trong xã	
18.1.1	Đường Lưu - Bình -Thái: Từ QL 1A đến trạm bơm làng Xa Thư xã Quảng Bình	2.500
18.1.2	Đường Bình Trường	800
18.1.3	Đường Trần Cầu	800
18.1.4	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái	2.500

18.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
19	**XÃ QUẢNG NHÂN**	
19.1	Các tuyến đường trong xã	
19.1.1	Đường Ninh-Nhân-Hải: Từ giáp địa phận xã Quảng Ninh đến đường 4A	1.000
19.1.2	Đường Ninh-Nhân-Hải: Từ giáp đường 4A đến hết địa phận xã Quảng Nhân	1.000
19.1.3	Đường Ninh - Nhân: Từ giáp địa phận xã Quảng Ninh đến đường 4A	1.000
19.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
20	**XÃ QUẢNG NINH**	
20.1	Các tuyến đường trong xã	
20.1.1	Từ Quốc lộ 1A đến ngã ba dốc đình thôn Phúc Thành (Đường Ninh - Nhân - Hải Bắc Cung).	1.000
20.1.2	Từ QL 1A đến trường cấp II	700
20.1.3	Từ Quốc lộ 1A đi qua thôn Ninh Dụ đến đường Cung - Cầu Lý.	700
20.1.4	Tuừ Quốc lộ 1A đến Cầu Lý (Quảng Hợp); đường Cung - Cầu Lý (dài 2,4 Km).	700
20.1.5	Đường Ninh-Nhân-Hải: Từ giáp QL 1A đến hết địa phận xã Quảng Ninh	1.000
20.1.6	Đường liên xã Đức - Ninh (Đoạn tiếp giáp thôn ước ngoại xã Quảng Phong đến kênh tiêu Định Ninh xã Quảng Ninh	700
20.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
21	**XÃ QUẢNG VỌNG (nay là xã Quảng Phúc)**	
21.1	Các tuyến đường trong xã (cũ)	
21.1.1	Đường Văn Trinh đi Quảng Phúc: Đoạn giáp địa phận xã Quảng Ngọc đến đầu cầu sông Hoàng xã Quảng Vọng	800
21.1.2	Đường Văn Trinh đi Quảng Phúc: Từ đầu cầu sông Hoàng xã Quảng Vọng đến hết địa phận xã Quảng Vọng	600
21.1.3	Đường từ cầu sông Hoàng đi cầu Ngọc Lẫm Nông Cống	500
21.1.4	Đoạn từ trước ông Miêng đến giáp Quảng Trường	500
21.1.5	Đoạn từ bà Nhân đến giáp thôn Văn Bình xã Quảng Phúc	500
21.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	200
22	**XÃ QUẢNG TÂN (nay là thị trấn Tân Phong)**	
22.1	Các tuyến đường trong xã (cũ)	
22.1.1	Từ Ql 1A đi vào UBND xã củ đến hết thôn Tân Tiền	2.000
22.1.2	Từ Ql 1A đi Tân Hưng đi Tân Đoài	2.000
22.1.3	Từ cổng chào thôn Tân Đa đến hết địa phận thôn Tân Đa	2.000
22.1.4	Ven đường từ hiệu thuốc Quảng Xương đi Tân Dục	2.000
22.1.5	Từ QL1A từ hộ bà Cúc Mừng đến hết địa phận thôn Dục Tú	2.000
22.1.6	Từ QL1A từ hộ ông Minh Xê đến hết địa phận thôn Dục Tú	2.000
22.1.7	Từ QL1A từ đội thuế đến ngã tư hộ ông Tâm Lý thôn Dục Tú	2.000
22.1.8	Từ hộ ông Bạo thôn Tân Cổ đến kênh Đồng Quán (hộ ông Bảy) thôn Tân Hậu	2.000
22.1.9	Từ kênh Đồng Quán ông Tuấn Sáng thôn Tân Cổ đến kênh Tân Phong 2 (hộ ông Niên) thôn Tân Hậu	1.800
22.1.10	Từ bờ phía Đông kênh Tân Phong 2 đến hết thôn Bái Trúc	1.500
	Ven đường Tân Định	

22.1.11	Từ QL1A đến kênh Tân Phong 2	3.200
22.1.12	Từ bờ kênh phía Đông Tân Phong 2 đến hết địa phận Quảng Tân (cũ)	2.700
22.1.13	Đường Tân Hưng đi Tân Cổ giáp MB81 Đông Á từ hộ ông Tùng Trang đến nối đường cột số 06	3.200
22.1.14	Đoạn QL1A Tượng đài liệt sỹ xã Quảng Tân đến hết thôn Tân Tân Hưng (hộ ông Nhu)	2.500
22.1.15	Đường từ đường huyện đội (hộ ông Duy) đến nối đường Tân Định	2.500
22.1.16	Đường Nguyễn Xuân Nguyên địa phận xã Quảng Tân (cũ) đến đường Tân Định	6.000
22.1.17	Đường từ hộ ông Ngật thôn Tân Thượng đến gia đình ông Tài thôn Tân Thượng	2.200
22.1.18	Ven đường Quốc lộ 1A	8.500
22.1.19	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	1.000
23	**XÃ QUẢNG LỘC**	
23.1	Các tuyến đường trong xã	
23.1.1	Đường Quảng Lộc - Quảng Thái: Từ đường 4A qua UBND xã Quảng Lộc đến đường 4B	1.000
23.1.2	Đường Quảng Lộc - Quảng Thái: Đoạn từ đường 4B đến hết địa phận xã Quảng Lộc	800
23.1.3	Đường Lĩnh - Thái (đoạn từ Quảng Lĩnh (cũ) đến Kênh Bắc)	1.000
23.1.4	Đường Lĩnh - Thái (đoạn từ Kênh Bắc đến Quảng Thái)	1.000
23.1.5	Đường Triều Công từ 4A đến hết địa phận xã Quảng Lộc (đi Quảng Thái)	1.000
23.1.6	Đường từ Triều Công (nhà ông Kiên) đi Lĩnh Thái đến nhà ông Trịnh Đình Võ.	800
23.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
24	**XÃ QUẢNG THẠCH**	
24.1	Các tuyến đường trong xã	
24.1.1	Đường từ giáp đường 1A bờ bắc sông Lý (cầu 3/2) đến cống Ngọc Giáp (xã Quảng Thạch)	600
24.1.2	Đường từ cống Ngọc Giáp đi đường 4B (xã Quảng Thạch))	1.000
24.1.3	Khu vực từ đông đường 4C ra Biển Đông (phía Bắc giáp Quảng Lợi, phía Nam giáp Quảng Nham)	4.000
24.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	300
25	**XÃ QUẢNG ĐỊNH**	
25.1	Các tuyến đường trong xã	
25.1.1	Đường Ba Voi đi Sầm sơn (Đoạn qua địa phận xã Quảng Định)	2.000
25.1.2	Đường Tân Định Cát (Đoạn qua địa phận xã Quảng Định)	1.000
25.1.3	Đường bờ bắc kênh Bắc: Từ đường Đông-Định-Đức đến giáp xã Quảng Đông - TP.TH	1.200
25.1.4	Đường Đông-Định-Đức: Từ giáp địa phận xã Quảng Đông đến hết địa phận xã Quảng Định	1.600
25.1.5	Đường phạm tiến năng kéo dài	2.000
25.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	600
26	**XÃ QUẢNG HẢI**	
26.1	Các tuyến đường trong xã	
26.1.1	Đường từ 4B thôn 3 đi 4C thôn 10	1.100

26.1.2	Đường Ninh-Nhân-Hải: Từ giáp địa phận xã Quảng Nhân đến giáp đường 4C	1.000
26.1.3	Đường chợ Đai đi thôn 9	1.000
26.1.4	Từ đường 4B Đình làng Đai đi Quảng Giao	1.000
26.1.5	Khu vực từ đông đường 4C ra Biển Đông (phía Bắc giáp Quảng Đại, phía Nam giáp Quảng Lưu)	1.500
26.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
27	**XÃ QUẢNG TRUNG**	
27.1	Tuyến đường trong xã	
27.1.1	Từ QL 1A đến chùa xóm Dũng	1.000
27.1.2	Từ QL 1A qua làng Lọc Tiến đến đê Sông Hoàng	1.000
27.1.3	Từ QL1A đến hết làng Thạch Tiến	1.000
27.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
28	**XÃ QUẢNG LƯU**	
28.1	Tuyến đường trong xã	
28.1.1	Đường Lưu - Bình -Thái: Từ trạm bơm làng Xa Thư xã Quảng Bình đến hết địa phận xã Quảng Lưu	2.000
28.1.2	Khu vực từ đông đường 4C ra Biển Đông (phía Bắc giáp Quảng Hải, phía Nam giáp Quảng Thái)	1.200
28.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	500
29	**XÃ QUẢNG CHÍNH**	
29.1	Tuyến đường trong xã	
29.1.1	Từ QL 1A đến đê sông Yên	800
29.1.2	Từ QL 1A đến cống Ngọc Giáp (xã Quảng Thạch)	1.000
29.1.3	Từ QL 1A qua UBND xã mới đến Trường THCS Quảng Chính	2.000
29.1.4	Từ QL 1A qua UBND xã cũ đến hộ nhà Bà Diệp	1.000
29.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	400
30	**XÃ QUẢNG LỢI (nay là xã Tiên Trang)**	
30.1	Tuyến đường trong xã (cũ)	
30.1.1	Đường từ ngã năm Tiên Trang theo đường 4B đi thôn Tiên Thắng đến đường 4C	2.000
30.1.2	Đường từ đường 4A (ngã năm Tiên Trang) qua UBND xã đến đường 4C	3.000
30.1.3	Khu vực từ đông đường 4C ra Biển Đông (phía Bắc giáp Quảng Thái, phía Nam giáp Quảng Thạch)	6.000
30.2	Đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên	1.400

7. HUYỆN NGA SƠN

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 10**	
1	Từ nhà ông Tính xóm 2, đến nhà ông Lệnh xóm 2 (Nga Điền)	4.000
2	Đoạn từ cống Lai Thành đến cầu Điền Hộ mới (Nga Điền)	4.000
3	Đoạn từ cầu Điền Hộ đến nhà ông Nha (Nga Phú)	2.800
4	Đoạn từ nhà ông Nha, Nga Phú đến Khe Niễng	1.700
5	Đoạn từ Khe Niễng đến hộ bà Hiên, Nga Giáp	1.700
6	Đoạn từ giáp Nga Hải đến cầu Bản Giún (Nga Giáp)	1.700
7	Đoạn từ nhà bà Hiên đến đất Nga Giáp (Nga Hải)	2.000
8	Đoạn từ cầu Bản chợ Giún đến bắc nhà anh Tâm, đại lý xe máy (Nga Yên)	2.800
9	Đoạn từ Bắc nhà anh Tâm đại lý xe máy đến nhà anh Toản (Nga Yên)	3.500
10	Đoạn từ nhà anh Toản đến bến xe Hồng Chương (Nga Yên)	4.600
11	Đoạn từ bến xe Hồng Chương đến đường đi Yên Ninh (Nga Yên)	6.300
12	Đoạn từ đường đi Yên Ninh đến nhà ông Lư Thị Trấn (Nga Yên)	8.000
13	Đoạn từ nhà ông Lư đến cống Công An (thị trấn)	9.500
14	Đoạn từ cống Công an đến nhà ông Thuận (thị trấn)	8.000
15	Đoạn từ nhà ông Huấn đến đường đi chùa Kim Quy (thị trấn)	7.500
16	Đoạn từ đường đi Chùa Kim Quy đến nhà ông Thông (Nga Mỹ,cũ)	6.500
17	Đoạn từ nhà ông Thông đến quán Thanh Lài xóm 2 (Nga Mỹ, cũ)	4.600
18	Đoạn từ quán Thanh Lài, đến ngã năm Hạnh hết đất ở hộ ông Bình (Nga Mỹ, cũ)	5.700
19	Đoạn qua ngã năm Hạnh (đất ở hộ ông Cam), đến hết đường phía Nam ao cá (Nga Mỹ, cũ)	3.500
20	Đoạn từ đường vào ao cá đến giáp đất Nga Trung (Nga Mỹ, cũ)	2.800
21	Đoạn từ nhà ông Thường đến nhà ông Bình (kênh Sao Sa), (Nga Trung)	2.500
22	Đoạn từ giáp Nga Mỹ đến nhà ông Thường (Nga Trung)	2.500
23	Đoạn từ kênh Sao Sa đến nhà ông Quang Đợi thôn 1 (Nga Nhân, cũ)	2.000
24	Đoạn từ phía Nam ông Khôi đến ông Tưởng thôn 1 (Nga Nhân, cũ)	2.000
25	Đoạn phía Nam nhà ông Tưởng, đến nhà ông Huề thôn 2 (Nga Nhân, cũ)	2.500
26	Đoạn nhà ông Huề đến nhà ông Lai, Nga Thạch (Nga Nhân, cũ)	2.500
27	Từ giáp Nga Nhân đến ông Sơn (Nga Bạch)	2.800
28	Đoạn từ ngã tư Sy đến Trạm viễn thông (Nga Thạch)	2.800
29	Đoạn từ Trạm viễn thông đến Trạm bơm Nam Nga Sơn (Nga Thạch)	1.700
30	Đoạn từ kênh phía Nam đến cầu Thắm (Nga Thạch)	2.000
II	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 23 (524)**	
1	Đoạn từ cầu Báo Văn đến đường vào trại lợn hộ ông Cờ (Nga Lĩnh, cũ)	700
2	Đoạn từ đường vào trại lợn nhà ông Cờ đến đường vào nhà ông Tuôn (Nga Lĩnh, cũ)	1.000
3	Từ nhà ông Tuôn đến giáp Nga Nhân (Nga Lĩnh, cũ)	600
4	Đoạn từ giáp Nga Lĩnh (cũ) đến phía Tây hộ bà Cung thôn 3, Nga Nhân	600
5	Đoạn từ hộ bà Cung đến kênh 19, Nga Nhân (cũ)	1.700
6	Đoạn từ kênh 19 đến Ngã tư Sy, Nga Nhân (cũ)	2.300
7	Từ Quốc lộ 10 đến Công ty Đài Việt (Nga Bạch)	2.300

8	Từ Công ty Đài Việt đến cống Chùa Hà (Nga Bạch)	1.700
9	Từ cống Chùa Hà đến giáp Nga Thủy (Nga Bạch)	1.000
10	Đoạn từ Nga Bạch đến Trụ sở UBND xã (Nga Thuỷ)	800
11	Đoạn từ Trụ sở UBND xã đến hết Nhà văn hoá xóm 1 (Nga Thuỷ)	1.000
12	Từ Nhà văn hoá xóm 1, đến giáp Nga Thanh (Nga Thuỷ)	1.700
13	Đoạn từ ngã ba hộ bà Việt, đến giáp xã Nga Thủy (Nga Thanh)	1.700
14	Đoạn từ ngã ba nhà bà Việt đến nhà ông Khoá (Nga Thanh)	1.400
15	Đoạn từ nhà ông Khoá đến Bưu điện xã (Nga Thanh)	2.300
16	Đoạn từ Bưu điện đến cầu Hói Đào (Nga Thanh)	3.500
17	Đoạn từ Cầu Hói Đào đến cống ông Đặng Thắng xóm 6 và bán kính 50m, Ngã ba cầu Hói (Nga Liên)	3.500
18	Đoạn từ cống ông Thiêm xóm 6, đến Trạm Thuế Hói Đào (Nga Liên)	3.500
19	Đoạn từ đội thuế đến đường chợ Giún (Nga Liên)	2.300
20	Đoạn từ đường chợ Giún đến ngã ba Hồ Vương (Nga Liên)	3.500
21	Đoạn từ ngã ba Hồ Vương đến Nga Thành (Nga Liên)	2.300
22	Đoạn từ hộ ông Vượng đến hết hộ ông Ái (Nga Thành)	1.700
23	Đoạn từ nhà ông Ái đến nhà ông Thắng hồ nam (Nga Thành)	1.200
24	Đoạn từ nhà ông Thắng hồ Nam đến ngõ Hà, Nga An (Nga Thành)	800
25	Từ hộ ông Được đến hộ ông Vượng (Nga Thành)	2.000
26	Đoạn từ Nga Thành đến cống Tuần Hậu (Nga An)	800
27	Đoạn từ cống Tuần Hậu đến giáp Nga Thái (Nga An)	700
28	Đoạn từ bến Lở đến UBND xã (Nga Phú)	800
29	Đoạn từ UBND xã đến ngã ba Tân Hải (Nga Phú)	700
30	Đoạn từ ngã ba Tân Hải đến giáp Nga Thái (Nga Phú)	600
31	Đoạn từ xóm 7, xã Nga Thái đến UBND xã Nga Thái (Nga Thái)	600
32	Từ UBND xã Nga Thái đến giáp đất Nga An (Nga Thái)	800
III	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 508**	
1	Đoạn từ cầu Báo Văn đến giáp kênh vào đập ông Sáng (Nga Lĩnh, cũ)	1.200
2	Đoạn từ giáp kênh vào đập ông Sáng đến Tam Linh, Nga Thắng (Nga Lĩnh, cũ)	1.200
3	Đoạn từ Nga Lĩnh, cũ đến Nga Văn (Nga Thắng)	1.000
4	Đoạn từ Nga Thắng đến Nga Mỹ, cũ (Nga Văn)	1.700
5	Đoạn từ Nga Văn đến nhà ông Hiền, xóm 4 (Nga Mỹ, cũ)	1.400
6	Từ nhà ông Hiền xóm 4, đến đất ở hộ ông Lâm. Ngã năm Hạnh (Nga Mỹ, cũ)	1.700
IV	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ BỈM SƠN - NGA SƠN (527A)**	
1	Đoạn từ cầu Đa Nam đến ngã ba đường đi sông Hưng Long (Nga Vịnh)	1.000
2	Đoạn từ đường ngã ba đường đi sông Hưng Long, đến giáp xã Ba Đình (Nga Vịnh)	800
3	Từ Nga Vịnh đến nhà ông Lược (Ba Đình)	900
4	Đoạn từ nhà ông Lược đến Nga Văn (Ba Đình)	900
5	Đoạn từ giáp Ba Đình đến đường Tam Linh Từ Thức (Nga Văn)	1.200
6	Đoạn từ cống xa Loan đến giáp thị trấn (Nga Văn)	1.800
7	Đoạn từ Nga Văn đến nhà bà Khuyên (thị trấn)	2.300
8	Đoạn từ nhà ông Duyên đến nhà ông Kỹ (thị trấn)	4.000
9	Đoạn từ Mậu Tài đến nhà Phúc Đoan (thị trấn)	4.500
10	Đoạn từ cống ông Thọ đến cầu Bệnh viện (thị trấn)	5.500

11	Đoạn từ cầu Bệnh viện đến nhà ông Cung (thị trấn)	6.000
12	Đoạn từ đường nhà ông Tú đến nhà ông Hữu (thị trấn)	6.500
13	Đoạn từ nhà ông Tam Thiệu đến QL 10 (thị trấn)	7.000
V	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 527B**	
1	Đoạn từ ngã ba Tứ Thôn đến giáp xã Nga Trường (xã Nga Vịnh)	800
2	Đoạn từ giáp Nga Vịnh đến ngã ba anh Khang (xóm 5), (Nga Trường)	1.100
3	Đoạn từ Ngã ba anh Thành xóm 5, đến hết đất anh Tùng xóm 6 (Nga Trường)	1.200
4	Đoạn từ Ngã tư xóm 6 đến giáp xã Nga Yên (Nga Trường)	950
5	Đoạn từ giáp xã Nga Trường đến đường QL 10 (Nga Yên)	1.200
6	Đoạn từ QL 10 đến đường vào xóm Cần Thanh (Nga Yên)	2.300
7	Đoạn từ đường vào xóm Cần Thanh đến cầu Yên Hải	1.400
8	Từ cầu Yên Hải đến nhà bà Vê xóm 6 (Nga Liên)	1.200
9	Từ nhà ông Hóa xóm 6, đến sông Ngang Bắc (bán kính ngã ba Cầu Hói 50m)	2.300
10	Từ sông Ngang Bắc đến nhà ông Đạt xóm 5	1.000
11	Từ nhà ông Đạt xóm 5 đến đường ra Nga Tiến	1.200
12	Đoạn từ đường ra Nga Tiến đến cống Mống Gường	1.000
VI	**ĐƯỜNG TẠI CÁC XÃ VÀ THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN**	
1.1	Đoạn từ Hải Nam đến nhà ông Hoạch	6.000
1.2	Đoạn từ nhà ông Thuật đến cầu Hưng Long	5.000
1.3	Đoạn từ nhà Thúy Điệp đến hết đất thị trấn	4.000
1.4	Đoạn từ Nga Văn đến giáp Gò Trưng	1.800
1.5	Đoạn từ Gò Trưng đến Tây cống Chài	4.500
1.6	Đoạn từ nhà bà Bá đến nhà ông Lương	6.000
1.7	Từ cầu Kênh đến cầu Hưng Long	6.500
1.8	Đoạn từ nhà bà Nhi đến cống tiêu nước	3.700
1.9	Đoạn từ cống tiêu nước đến hết thị trấn	2.900
1.10	Đoạn từ nhà ông Văn Giang đến đường Lê Thị Hoa	3.700
1.11	Đoạn từ đường Từ Thức đến hết đất thị trấn	2.300
1.12	Đoạn từ nhà ông Long đến Ngã ba đường Yên Hạnh	2.000
1.13	Đường Từ Thức tiểu khu 3 (đoạn từ nhà Lợi Loan đến hết đất thị trấn)	4.500
1.14	Đoạn từ cầu Hưng Long đến kênh N1	3.700
1.15	Đoạn từ nhà bà Khang đến nhà ông Song (hết đường Lê Thị Hoa)	2.900
1.16	Đường Khu dân cư mới Tiểu khu 2 (còn lại)	2.900
1.17	Đoạn từ Quốc lộ 10 đến UBND thị trấn	5.500
1.18	Đoạn từ UBND thị trấn đến mương bà Chiêm	3.500
1.19	Đoạn qua mương bà Chiêm đến đường Mậu Tài	1.200
1.20	Đoạn từ nhà bà Cúc đến sau Kho bạc	2.300
1.21	Đoạn từ nhà ông Phố đến ngã ba đường Lê Thị Hoa	2.000
1.22	Đoạn từ Trung tâm DSKHH gia đình đến Nhà VH TK Ba Đình 2	2.300
1.23	Đoạn từ nhà ông Lợi đến nhà bà Láy (đường đi cầu Mới)	2.300
1.24	Đoạn từ nhà bà Lan đến nhà bà Niên	4.000
1.25	Đoạn từ nhà bà Nhung đến nhà ông Mỹ	3.000
1.26	Đường Mậu Tài	1.800
1.27	Đường bắc sân vân động	3.500

1.28	Đường mới Ao cơ khí tiểu khu Ba Đình	2.300
1.29	Các tuyến đường trong khu dân cư tiểu khu 1	1.400
1.30	Các tuyến đường trong khu dân cư tiểu khu 2	2.000
1.31	Đường từ nhà ông Tài đến nhà bà Nhàn tiểu khu 2	2.000
1.32	Các tuyến đường trong khu dân cư tiểu khu 3	2.000
1.33	Đoạn từ nhà bà Tuyết đến nhà ông Minh	2.000
1.34	Từ nhà ông Minh đến nhà ông Thạch tiểu khu 1	1.800
1.35	Từ Nhà văn hóa Ba Đình 2 đến nhà ông Dự tiểu khu 1	1.800
1.36	Các tuyến đường trong khu dân cư tiểu khu Hưng Long	1.800
1.37	Khu dân cư Rọc Âm tiểu khu 1	1.500
1.38	Đoạn từ QL 10 Bưu điện đến Sân vận động huyện	4.600
1.39	Đường từ sau ông cường TKBĐ1 đi làng Lộ (Đường mới quy hoạch)	1.800
1.40	Đoạn từ nhà bà Nhi đến cống tiêu nước	4.500
1.41	Đoạn từ nhà ông Tịnh đến nhà ông Hải	4.500
1.42	Đoạn từ ông Hải đến cống tiêu nước	4.500
1.43	Đoạn từ cống tiêu nước đến giáp Nga Yên	2.300
1.44	Đoạn từ cầu mới đến lô đất số 01 (Khu dân cư phía Nam chợ mới)	8.000
1.45	Đoạn từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Tuân (Ngã tư hết sân vận động huyện)	6.000
1.46	Đoạn từ cầu Hưng Long đến nhà bà Thúy Điệp	8.000
1.47	Từ nhà ông Ba Đoài đến hộ bà Nhàn	2.000
1.48	Khu dân cư Tây chùa Kim Quy lô 2	2.500
1.49	Khu dân cư Tây chùa Kim Quy lô 3	2.000
1.50	Các tuyến đường trong khu dân cư mới Bắc sông Hưng Long	3.000
1.51	Khu dân cư cường đượng thông lô 2	1.500
1.52	Khu dân cư phía Tây Hành chính thị trấn Nga Sơn	3.000
1.53	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	1.000
2	**XÃ NGA MỸ (nay là thị trấn Nga Sơn)**	
2.1	Đoạn từ đường vào UBND xã (cũ) đến hết đất bà Tớ	1.200
2.2	Đoạn từ đất ở ông Sự, ngã năm Hạnh đến đường mới Chi nhánh điện	1.200
2.3	Đoạn từ đường mới Chi nhánh điện Nga Sơn đến giáp Nga Hưng (cũ)	1.200
2.4	Đoạn từ thổ đất bà Tước (thôn 1) đến giáp xã Nga Hưng (cũ)	2.300
2.5	Đoạn từ cầu Rờm đến mương nổi Tiên Sơn	2.300
2.6	Đoạn từ mương nổi Tiên Sơn đến nhà nghỉ Đức Việt	2.300
2.7	Đường mới từ UBND thị trấn đi Làng Lộ	1.200
2.8	Đường mới Chi nhánh điện Nga Sơn đi thị trấn	
2.8.1	Đoạn từ thổ đất ông Phượng đến đường trục ông Lành thôn 1	2.100
2.8.2	Đoạn từ đường trục nam ông Lành đến đường trục ông Tốn thôn 1	2.000
2.8.3	Đoạn từ Nam đường ông Tốn thôn 1 đến trục đường ông Kỷ thôn 2	1.900
2.8.4	Đoạn từ trục đường ông Kỷ thôn 2 đến sau Chi nhánh điện	1.800
2.9	Đoạn từ ông Bình xóm 1, đi UBND xã đến hết đất ông Chinh xóm 4	700
2.10	Đoạn từ đồng Thông xóm 5 (giáp TL 508) đi Làng Lộ ra bờ sông thị trấn	700
2.11	Các đường trên 3m có kết cấu bê tông hoặc nhựa	400
2.12	Các đường đất ngõ rộng >3m	300
2.13	Đông đường Chi nhánh điện	2.000
2.14	Đông Quốc lộ 10 đến bờ ao ông Cam	2.500
2.15	Bờ ao ông Cam đến giáp Nga Trung	2.000
2.16	Đường Mới phía Đông quán ông Kiên đi Chi nhánh điện	2.000

2.17	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
3	**XÃ NGA YÊN**	
3.1	Đoạn từ nhà ông Thắng sửa xe máy đến giáp Nga Hải	1.200
3.2	Đoạn từ cầu Hưng Long đến Trạm bơm số 1 Nga Hưng (cũ)	3.500
3.3	Đoạn từ Trạm bơm số 1 Nga Hưng đến Trạm bơm số 2 Nga Hưng (cũ)	2.300
3.4	Đoạn từ giáp thị trấn đến cống Quay Nga Yên	2.800
3.5	Đoạn từ cống quay Nga Yên đến cầu Yên Hải	2.300
3.7	Đường đi Làng nghề	2.000
3.8	Đường mới Bắc Trường THPT Ba Đình	3.200
3.9	Đường mới từ Trường Trung cấp nghề đi ngã tư Trạm y tế xã Nga Yên	2.000
3.10	Đường lô 2 phía Tây Trường Trần Phú	1.200
3.11	Đường lô 2 phía Tây Công sở xã	1.200
3.12	Đường khu dân cư xóm 5 Yên Khoái	
3.12.1	Đường trục chính có chiều rộng> 3m	700
3.12.2	Các đường, ngõ còn lại < 3m	600
3.13	Các đường ngõ xóm có chiều rộng >3m	400
3.14	Các đường ngõ xóm còn lại < 3m	300
3.15	Đoạn ông Chiến đến Nhà máy nước	3.000
3.16	Đoạn từ Nhà máy nước đến hết đất Nga Yên	3.000
3.17	Đường Từ Thức kéo dài (Yên Ninh đi Tỉnh lộ 527B)	4.000
3.18	Đường Từ Thức kéo dài đoạn từ TL527B đi Nga Hải	3.600
3.19	Đường từ ngã tư Trạm y tế xã đi Tỉnh lộ 527B	3.000
3.20	Đoạn từ QL10 đi ngã tư ông Chiến Hòa	2.000
3.21	Đoạn từ phía Đông ông Chiến Hòa đi hết Trường THCS	1.800
3.22	Đoạn từ phía Đông cống ông Thủy đến cồn Đông	1.800
4	**XÃ NGA HƯNG (nay là thị trấn Nga Sơn)**	
4.1	Đoạn từ Nga Mỹ đến Trạm xá Nga Hưng (cũ)	800
4.2	Đoạn từ Trạm xá đến Đài liệt sỹ Nga Hưng (cũ)	1.000
4.3	Đoạn từ Đài liệt sỹ đến trang trại ông Thanh, Nga Hưng (cũ)	650
4.4	Đoạn từ Thái Hoà đến Nhà văn hoá xóm 3, Nga Hưng (cũ)	500
4.5	Đoạn từ Nhà văn hoá xóm 3 đến Nhà văn hoá xóm 2, Nga Hưng (cũ)	600
4.6	Đoạn từ Nhà văn hoá xóm 2 đến Nga Trung	500
4.7	Đoạn từ giáp Nga Mỹ đến Tây Làng Nghề	2.000
4.8	Đoạn từ ngã tư Làng nghề đến mương nổi	1.800
4.9	Đoạn từ mương nổi đến xí nghiệp ông Cường	1.400
4.10	Đoạn từ xí nghiệp ông Cường đến giáp Nga Thanh	1.200
4.11	Đoạn từ nhà nghỉ Đức Việt đến hết vườn Son	1.200
4.12	Đoạn từ Vườn son đến hết khu dân cư	900
4.13	Đoạn từ ông Hảo xóm 6 đến Tiên Sơn	900
4.14	Đoạn từ nhà ông Thi xóm 4, đến xưởng ông Huân xóm 5	600
4.15	Đoạn từ Tượng đài đến ông Như xóm 1	600
4.16	Đoạn từ ông Hành xóm 2, đến hết xóm 1 ra Nga Thủy	600
4.17	Các đường ngõ rộng >3m	400
4.18	Đoạn từ ông Tính xóm 8 lên Thái Hóa	600
4.19	Đoạn từ ông Tuấn xóm 8 lên Nghè Nhị	500
4.20	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	350
5	**XÃ NGA THANH**	

5.1	Đoạn từ ngã ba bà Việt đi chùa Kim Quy (Bến xe)	1.200
5.2	Đoạn từ giáp Nga Yên đến Công ty Hảo Phụng	1.800
5.3	Đoạn từ Công ty Hảo Phụng đến đường vào xí nghiệp Ninh Huyên Thông	1.200
5.4	Đoạn từ đường vào xí nghiệp Ninh Huyên Thông đến cây xăng	1.800
5.5	Đoạn từ ngã ba bà Lệnh đến giáp Nga Tân	700
5.6	Đường UBND xã Nga Tân	600
5.7	Đường đê Ngự Hàm	700
5.8	Các đường ngõ rộng >3m	350
5.9	Đường từ cầu Hói Đào đi cống Mộng Đường	800
5.10	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
6	**XÃ NGA VĂN**	
6.1	Đoạn từ Nga Thắng đến phía Tây nhà ông Thắng xóm 8	500
6.2	Đoạn từ phía nhà ông Thắng xóm 8 đến giáp Nga Mỹ (cũ)	600
6.3	Đoạn đường Tam Linh Từ Thức đến giáp thị trấn (đường Bắc sông Hưng Long)	1.800
6.4	Từ Tỉnh lộ 508 đến phía Nam nhà ông Nhã	700
6.5	Từ nhà ông Nhã đến phía Nam nhà ông Thẩm	700
6.6	Từ Bắc nhà ông Thẩm đến Nga Trường	700
6.7	Các đường ngõ rộng >3m	400
6.8	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
7	**XÃ NGA TRƯỜNG**	
7.1	Đoạn từ xã Nga Văn đến ông Minh xóm 4	700
7.2	Đoạn từ ông Anh đến Trạm y tế xã	700
7.3	Đoạn từ ông Sung xóm 6, đến giáp xã Nga Thiện	700
7.4	Đoạn từ bà Khang Trung Điền đến ông Bão xóm 7a	400
7.5	Đoạn từ ông Khang xóm 5 đến bà Bùng, lên ông Lâm xóm 6	350
7.6	Đường liên thôn đoạn từ bà Khang xóm 8, đến ông Bốc 7b, ông Bão 7a	350
7.8	Đoạn từ ông Ái 7a đến ông Van, đến ông Đường 7a	550
7.9	Đoạn từ đất ông Dĩnh xóm 6, đến ông Hải Nhàn xóm 6	500
7.10	Đoạn từ ông Chuân xóm 4b, đến cống Cửa Cày xóm 1	300
7.11	Đoạn từ anh Dũng Điệp xóm 3, đến ông Nga Quế xóm 3	300
7.12	Đoạn từ Trạm điện xóm 8, đến ông Chính xóm 8, Trung Điền	300
7.13	Đoạn từ Chin Chiên đến ông Túy xóm 7b	300
7.14	Đoạn từ ông Cảnh đến ông Dần xóm 6 cũ	300
7.15	Đoạn từ bà Thủy xóm 2 đến bà Liên xóm 3	300
7.16	Đoạn từ ông Chuân đến Cống bà Tấu	300
7.17	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	200
8	**XÃ NGA THIỆN**	
8.1	Đoạn từ đê sông Hoạt đến cống kênh Văn Trường Thiện	500
8.2	Đoạn từ cống mới kênh Văn Trường Thiện đến kênh Hào	600
8.3	Từ kênh Hào đến Nga Giáp	650
8.4	Từ giáp Nga Trường đến Động Từ Thức	700
8.5	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn 1 đến cống B3	300
8.6	Đoạn từ giáp thôn 16 Tân Tiến, Nga Trường đến bến Tín	300
8.7	Đoạn dọc hai bên kênh Đội từ thôn 1 đến Đường Thông	300
8.8	Các đường ngõ rộng >3m	300

8.9	Đường Tây làng từ thôn 1 đến thôn 7	500
8.10	Đoạn từ Từ Thức đi Nga giáp	800
8.11	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn 1 đi Nga Liên	800
8.12	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
9	**XÃ NGA GIÁP**	
9.1	Từ giáp Nga Thiện đến đình Giáp Ngoại	700
9.2	Từ đình Giáp Ngoại đến quán bà Hiên	1.400
9.3	Đường từ chợ Giún đến đình Giáp Ngoại	1.000
9.4	Từ đình Giáp Ngoại đến đình Giáp Nội	700
9.5	Từ đình Giáp Nội đến Núi Nít	600
9.6	Đoạn từ ngõ Ngận đến Ngõ Thung	600
9.7	Đoạn từ Bảng tin đến QL 10	1.000
9.8	Đoạn từ QL 10 đi Nga Thành	1.000
9.9	Đoạn từ QL 10 đi đường trục xã (Bắc chợ Giún)	1.000
9.10	Các đường ngõ rộng >3m	300
9.11	Đường bờ hồ từ Hanh Gia đến UBND xã	600
9.12	Đường bờ hồ từ UBND xã đến núi Nít	400
9.13	Đoạn từ ao ông Thơm Nội 2 đi QL 10	1.000
9.14	Đoạn từ Ngoại 1 đến nhà ông Dương Ngoại 2	1.000
9.15	Đoạn từ nhà ông Thi Ngoại 2 đến Sân văn hóa xã	500
9.16	Đoạn từ cầu bản Giún đến Nga Thiện	800
9.17	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	250
10	**XÃ NGA THANH**	
10.1	Từ cầu Đen đến áp thổ ông Được (giáp Tỉnh lộ 23)	1.800
10.2	Đoạn từ ông Vượng đến cống Hủng	1.200
10.3	Đường Bến Tín Cầu Vàng (từ cống Húng đến đất Nga Giáp)	1.000
10.4	Các đường trục, nhựa, bê tông chính trong xã	600
10.5	Các đường bê tông trong xã từ 3 m trở lên	400
10.6	Các đường bê tông còn lại < 3m	300
10.7	Đoạn đường Công ty HMT đến Tây cầu K19	800
10.8	Đoạn từ Đông cầu K19 đến Tây cống ông Bền	500
11	**XÃ NGA HẢI**	
11.1	Đường Từ Thức nối dài đoạn qua xã Nga Hải	3.000
11.2	Từ Nga Giáp đến Nga Thành (bến Tín cầu Vàng)	
11.2.1	Đoạn từ Trường Mầm non xã Nga Giáp đi QL 10	1.100
11.2.2	Đoạn từ nhà ông Việt đi nhà bà Thìn, thôn Đông Sơn	1.000
11.2.3	Đoạn từ phía Đông nhà bà Thìn đi nhà ông Quang	900
11.3	Trục đường Ngã năm Giún đi Nga Liên	
11.3.1	Đoạn từ ông Ga thôn Cần Thanh đến cầu Huyền	1.000
11.3.2	Đoạn từ Đông cầu Huyền đến UBND xã Nga Hải	800
11.3.3	Đoạn từ phía Đông UBND xã Nga Hải đến nhà ông Hùng, ông Ngọc thôn Đông Sơn	800
11.3.4	Đoạn từ nhà ông Viên đi đến giáp xã Nga Liên	800
11.4	Đoạn từ UBND xã Nga Hải đi Trường Mầm non xã Nga Hải	500
11.5	Trục đường bê tông chính từ thôn Hải Tiến đến hết thôn Hải Bình	700
11.6	Trục bê tông chính của thôn Tây Sơn	500
11.7	Trục bê tông chính của thôn Nam Lộc	650

11.8	Trục bê tông chính của thôn Đông Sơn	700
11.9	Các đường ngõ rộng >3m	400
11.10	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
12	**XÃ NGA LIÊN**	
12.1	Từ Đông ngã ba Hồ Vương đến ngã ba cầu Đen	1.800
12.2	Từ cầu Đen đến Đạc 6	1.200
12.3	Từ Đạc 6 đến cầu Vàng Nga Tiến	1.000
12.4	Đường đền Ngọc Liên đến ngã 3 Nga Thành	1.000
12.5	Đoạn đường Ngọc Liên đi Nga Thành	700
12.6	Đoạn dọc hai bên đường sông Ngang đến cầu Đen	700
12.7	Đường cầu Đen đi Nga Thái	700
12.8	Đường Đạc 6 xóm 2 đến xóm 9	600
12.9	Các đường ngõ rộng >3m	400
12.10	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
13	**XÃ NGA TIẾN**	
13.1	Đường Tân Tiến Thái	
13.1.1	Từ giáp Nga Thái đến UBND xã Nga Tiến	700
13.1.2	Từ UBND xã Nga Tiến đến cầu Vàng	800
13.1.3	Từ cầu Vàng đến cầu Tân Tiến Thái	700
13.2	Đường từ ngã ba Tân Tiến Thái đi đò Càn	500
13.3	Đường từ giáp xã Nga Liên đi cầu Vàng	1.000
13.4	Đường giáp xã Nga Liên đi cầu Tân Tiến Thái	1.000
13.5	Đường ngã tư cầu Vàng đi đê II (phía Bắc S Phú Sơn)	500
13.6	Đoạn từ Nga ba cầu Tân Tiến Thái đến Mộng Dường II	500
13.7	Các đường ngõ rộng >3m	350
13.8	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
14	**XÃ NGA THÁI**	
14.1	Từ UBND xã Nga Thái đến ngã tư Bảng tin cũ	600
14.2	Từ giáp Nga An đến UBND xã Nga Thái	700
14.3	Từ UBND xã đi hết xóm 9 Nga Thái giáp Nga Phú	550
14.4	Đường từ giáp xã Nga Tiến đến xóm 4	550
14.5	Từ xóm 4 đến hết xóm 5	520
14.6	Từ xóm 6 đến đò Càn 2	500
14.7	Đoạn từ ngã tư Quản Tiến đê Ngự Hàm đi Nga Liên	500
14.8	Đoạn từ ngã tư Quản Tiến đi đò Càn 1	520
14.9	Các đường ngõ rộng >3m	350
14.10	Tường THPT đến Trạm bơm	600
14.11	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
15	**XÃ NGA PHÚ**	
15.1	Đường mới sông Voi	
15.1.1	Từ cầu Điền Hộ đến ngã tư nhà ông Hiệu	1.800
15.1.2	Từ ngã tư sau nhà ông Hiệu đến Khe Niễng	1.500
15.2	Các đường ngõ rộng >3m	350
15.3	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
16	**XÃ NGA ĐIỀN**	
16.1	Từ nhà ông Trịnh Văn Công đến Nhà thờ Điền Hộ	800
16.2	Đoạn từ Nhà thờ Điền Hộ đến nhà ông Chí xóm 1 (đường Tống Cố)	600

16.3	Đoạn từ nhà ông Chí đến cầu Chính Đại	600
16.4	Đoạn từ cầu Điền Hộ đến hết nhà ông Đoán xóm 3	500
16.5	Đoạn từ nhà ông Đoán xóm 3 đến hết xóm 5	500
16.6	Đoạn đường Trung Hoành từ bờ đê đến nhà ông Khoát cũ	350
16.7	Từ nhà ông Doa đến cống đình (xóm 7)	350
16.8	Các đường ngõ rộng >3m	350
16.9	Đường đê mới từ Nhà thờ Điền Hộ, đến nhà ông Hiếu xóm 8	750
16.10	Từ nhà ông Thụ ra bờ sông	450
16.11	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
17	**XÃ NGA TRUNG**	
17.1	Từ giáp nhà ông Toan đến cây Đa ngã tư xóm 4	1.200
17.2	Từ ngã tư xóm 4 đến Trường Tiểu học Nga Trung	1.000
17.3	Từ Trường Tiểu học Nga trung đến Nga Thủy	1.000
17.4	Từ Trường Trung học cơ sở đi ngã ba Tia Sáng, đi Nga Bạch	600
17.5	Từ xóm 7 đến Nga Bạch	600
17.6	Các đường ngõ rộng >3m	350
17.7	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
18	**XÃ NGA LĨNH (nay là xã Nga Phượng)**	
18.1	Đường từ giáp làng Tam Linh Nga Thắng đến nhà bà Minh (Hùng)	500
18.2	Các đường ngõ rộng >3m	350
18.3	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
19	**XÃ NGA NHÂN (nay là xã Nga Phượng)**	
19.1	Các Trục chính của thôn, xóm (Đường bê tông)	400
19.1.1	Từ nhà ông Hiệp thôn 1 đến nhà ông Toản thôn 1	400
19.1.2	Từ nhà ông Bẩy thôn 1 đến nhà bà Thuận thôn 1	400
19.1.3	Từ nhà ông Tuấn thôn 1 đến nhà ông Toản thôn 1	400
19.1.4	Từ nhà ông Thuấn thôn 1 đến nhà bà Nghi thôn 1	400
19.1.5	Từ nhà ông Tại thôn 3 đến nhà bà Ánh thôn 3	400
19.1.6	Từ nhà ông Màu thôn 3 đến nhà ông Thoại thôn 3	400
19.1.7	Từ nhà bà Sâm thôn 3 đến nhà bà Nương thôn 3	400
19.1.8	Từ nhà ông Trung thôn 3 đến nhà bà Cung thôn 3	400
19.1.9	Từ nhà bà Phương thôn 4 đến nhà ông Phong thôn 4	400
19.1.10	Từ nhà bà Phương thôn 4 đến nhà ông Tý thôn 4	400
19.1.11	Từ nhà ông Thành đến nhà ông Vân thôn 4	400
19.1.12	Từ TL 524 đến nhà ông Nông thôn 5	400
19.1.13	Từ nhà ông Hòa thôn 5 đến nhà bà Duyên thôn 5	400
19.1.14	Từ nhà ông Bích thôn 5 đến nhà bà Luyến thôn 5	400
19.1.15	Từ nhà ông Dần thôn 5 đến nhà ông Bản thôn 5	400
19.1.16	Từ Nhà văn hóa thôn 5 đến cầu Rương thôn 5	400
19.1.17	Từ nhà ông Đức thôn 5 đến nhà bà Luyện thôn 5	400
19.1.18	Từ TL 524 đến nhà bà Inh thôn 5	400
19.2	Các đường trục nhánh của xóm rộng > 3m	350
19.2.1	Từ nhà ông Khanh thôn 1 đến nhà ông Kiên thôn 1	350
19.2.2	Từ nhà bà Nhiễu thôn 1 đến nhà bà Phượng thôn 1	350
19.2.3	Từ nhà ông Chuyên thôn 1 đến nhà ông Thục thôn 1	350
19.2.4	Từ nhà bà Hiệp thôn 1 đến nhà ông Linh thôn 1	350
19.2.5	Từ nhà ông Bắc thôn 1 đến nhà ông Thống thôn 1	350

19.2.6	Từ nhà ông Điền thôn 1 đến nhà ông Toản thôn 1	350
19.2.7	Từ nhà bà Cúc thôn 1 đến nhà ông Thảo thôn 1	350
19.2.8	Từ nhà ông Bản thôn 2, đến đường Thống Nhất thôn 2	350
19.2.9	Từ nhà bà Hữu thôn 2 đến bái Hòm thôn 2	350
19.2.10	Từ nhà ông Tuấn thôn 2 đến nhà bà Thọ thôn 2	350
19.2.11	Từ nhà ông Toản thôn 2 đến nhà ông Sinh thôn 2	350
19.2.12	Từ nhà bà Phi thôn 2 đến nhà ông Hùng thôn 2	350
19.2.13	Từ nhà ông Châu Trung thôn 3 đến nhà ông Vân thôn 3	350
19.2.14	Từ nhà ông Thành thôn 5 đến nhà bà Nụ thôn 5	350
19.2.15	Từ nhà ông Đài đến nhà ông Trung thôn 5	350
19.2.16	Từ nhà bà Hân thôn 5 đến nhà ông Sơn thôn 5	350
19.3	Đoạn từ kênh Sao Sa đến nhà ông Tưởng thôn 1	2.000
19.4	Đoạn phía Nam nhà ông Tưởng đến nhà ông Lai (Nga Thạch)	3.000
19.5	Từ QL 10 (nhà ông Doanh) đến nhà ông Tiến (kênh 19)	1.500
19.6	Từ nhà ông Hạnh thôn 2 đến nhà ông Hòa thôn 2	1.500
19.7	Từ nhà ông Tuấn thôn 2 đến nhà ông Linh thôn 2	1.500
19.8	Từ nhà bà Xe thôn 2 đến nhà ông Tâm thôn 2	1.500
19.9	Từ Trường Mầm non Nga Nhân đến kênh Sao Sa Nga Nhân	1.000
19.10	Từ nhà ông Hóa thôn 2 đến nhà ông Hiệu thôn 2	1.000
19.11	Từ QL 10 (nhà ông Lai, Nga Thạch) đến Sân văn hóa thôn 3	1.000
19.12	Đoạn từ phía Tây nhà ông Thuận thôn 1 đến thôn 3	500
19.13	Đường ngõ, hẻm không nằm trong các vị trí trên	250
20	**XÃ NGA THẠCH**	
20.1	Đoạn từ Trạm bơm Nam Nga Sơn đến phà Thắm (Nga Thạch)	900
20.2	Từ Quốc lộ 10 mới đến cổng làng Thanh Lãng	500
20.3	Từ Quốc lộ 10 đến nhà bà Phúc Thanh Lãng	500
20.4	Đoạn từ QL 10 đến Nhà văn hóa Trung Thành	500
20.5	Các đường ngõ rộng >3m	350
20.6	Từ QL 10 đến Nhà văn hóa Phương Phú 2 (đi nhà ông Sâm)	500
20.7	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
21	**XÃ NGA THẮNG**	
21.1	Đoạn đường từ Núi Sến đến hết đất Nga Thắng	500
21.2	Đoạn đường từ Trường Trung học đến bờ sông Hoạt	400
21.3	Đoạn đường từ Núi Sến đến UBND xã đi Tỉnh lộ 508	400
21.4	Đoạn đường từ Tam Linh đến giáp Nga Lĩnh	400
21.5	Các đường ngõ rộng >3m	300
21.6	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
22	**XÃ BA ĐÌNH**	
22.1	Đoạn từ cổng Thổ xã Ba Đình, đến giáp xã Nga Vịnh	500
22.2	Đoạn từ cầu Cừ đến đê sông Hoạt	500
22.3	Các trục đường liên thôn lớn (Đoạn từ Cầu Cừ đi Bái Cúa)	500
22.4	Các đường ngõ rộng >3m	350
22.5	Đoạn đường từ cầu Mậu Thịnh đi Nga Thắng	800
22.6	Đoạn Nam sông Hưng Long từ Mỹ Thành đến cống Vần Chùa	700
22.7	Đoạn Nam sông Hưng Long từ cống Vần Chùa đến cống Sến	800
22.8	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
23	**XÃ NGA VỊNH**	

23.1	Đoạn từ cổng Trường Trung học đi Đường 527B	600
23.2	Đoạn từ cổng Trường Trung học đi Nhà văn hóa thôn Nghi Vịnh	600
23.3	Cống đường Bến Năm đi lên đê	400
23.4	Đoạn đường từ đê đi đò Dừa	350
23.5	Đoạn đường từ đê đi Ba Đình	400
23.6	Các đường ngõ rộng >3m	300
23.7	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
24	**XÃ NGA THỦY**	
24.1	Đoạn từ Nga Hưng đến hết nhà ông Phẩm thôn 2	500
24.2	Đoạn từ nhà ông Phẩm thôn 2, đến hết nhà ông Vỹ thôn 2	800
24.3	Đoạn từ giáp Nga Trung đến hết nhà ông Đệ thôn 5	650
24.4	Đoạn từ thổ bà Thuận thôn 8 đến đê thôn 9	500
24.5	Đoạn từ thổ ông Xuân đến giáp thổ ông Tích thôn 1	700
24.6	Đoạn từ thổ ông Tích đến giáp xã Nga Tân	650
24.7	Các đường ngõ rộng >3m	300
24.8	Đường đi thôn 10 cũ: Từ đường Tỉnh lộ 524 (nhà ông Yên, thôn Đô Lương), đến đường đê Ngự Hàm 1	1.000
24.9	Đường đi cống T4: Từ đường Tỉnh lộ 524 (nhà ông Sáng sửa xe máy), đến đường đê Ngự Hàm 1	1.000
24.10	Đường đê Ngự Hàm 1: Từ nhà ông Hải - thôn Hưng Đạo (giáp Nga Thanh) đến Trang trại lợn công nghiệp ông Quyết - thôn Hoàng Long)	1.000
24.11	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	250
25	**XÃ NGA AN**	
25.1	Đoạn từ Khe Niễng đi cống ông Sơ	1.000
25.2	Đường từ cống Thuần Hậu đến Bưu điện Mai An Tiêm	900
25.3	Các trục đường nhựa trong xã	600
25.4	Các trục đường liên xóm	400
25.5	Các đường ngõ rộng >3m	400
25.6	Đường cửa Đưởng đi Nga Thành (mở rộng đường)	1.200
25.7	Đường Làn Dài (mở Rộng đường)	1.200
25.8	Đường Cửa Đưởng đi Ủy ban (mở rộng đường)	1.200
25.9	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	350
26	**XÃ NGA BẠCH**	
26.1	Từ ông Bình đến Nhà thờ họ Dương	650
26.2	Từ ông Bình Quyết đến Bến Cảng	650
26.3	Từ ông Lực Bình, Tia Sáng đến NVH thôn Bạch Thắng	650
26.4	Từ ông Sơn Oanh đến cổng làng thôn Bạch Đằng	650
26.5	Từ ông Sinh đến Ngã tư thôn Bạch Hải	650
26.6	Đường Đông Tây liên thôn	
26.6.1	Từ lô cốt đến Cổng làng Bạch Đông	650
26.6.2	Trước UBND xã đi Chợ Hôm cũ	600
26.6.3	Đường phía Tây chợ	600
26.6.4	Từ sau ông Tài đến trại gà bà Oanh	600
26.7	Đường trục nhánh các thôn rộng >3m	400
26.8	Đường trục chính liên thôn	
26.8.1	Đường từ TL 524 đến cống Đồng Bèo	1.000
26.8.2	Đường từ TL 524 đến đường đi Cống 4 cửa	1.000

26.9	Đường trục chính các thôn	
26.9.1	Từ NVH thôn Bạch Thắng đến ông Lợi Hòa	700
26.9.2	Từ cổng làng đến ngã ba Nghè Hậu	700
26.9.3	Từ ngã tư thôn Bạch Hải đến ngã ba ông Cậy	700
26.9.4	Từ bến Cảng đến Nghè Hậu	700
26.10	Đường trục nhánh các thôn	
26.10.1	Từ Nhà thờ họ Dương đến bến Cảng	500
26.10.2	Từ Nhà VH thôn Bạch Hải đến mốc địa giới Nga Thủy	500
26.10.3	Từ Gốc Gạo đến trại gà ông Hào	500
26.10.4	Từ ông Lễ đến Ngọc Huê thôn Bạch Hùng	500
26.10.5	Từ Nhà VH thôn Triệu Thành đến bà Oanh	500
26.11	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
27	**XÃ NGA TÂN**	
27.1	Từ cầu Tân Tiến Thái đến Bắc cầu kênh Tân Mỹ	650
27.2	Đường từ Nam cầu kênh Tân Mỹ đến Bắc thổ ông Ánh xóm 4	750
27.3	Đường từ ông Ánh xóm 4, đến Bắc thổ cư ông Diệm xóm 6	800
27.4	Đường từ thổ cư ông Diệm đến hết xóm 8	500
27.5	Đường từ Nga Thanh đến cầu sông 10	650
27.6	Đường từ Đông cầu sông 10 đến Tây đê II (phía Nam đường)	350
27.7	Đường từ đê II đến cống T3 (phía Nam đường)	350
27.8	Đường từ đê II đến cống T3 (phía Bắc kênh Tân Hưng)	300
27.9	Đường Bắc kênh Tân Hưng (đê I đến đê II)	300
27.10	Đường xóm 8 từ giáp Nga Thủy (từ đê I đến đê Ngự Hàm II)	350
27.11	Đường ngõ không nằm trong các vị trí trên	300
27.12	Đường Nam Nhà văn hóa xóm 6 (từ đê I đến đê II)	300
27.13	Đường Bắc Nhà văn hóa xóm 8 (từ đê I đến đê II)	300
27.14	Đường Bắc Nhà văn hóa xóm 4 (từ đê I đến đê II)	300
27.15	Đường Nam kênh Tân Mỹ (đê I đến sông 10)	300
27.16	Đường Bắc kênh Tân Mỹ (đê I đến sông 10)	300
27.17	Đường Nam Nhà văn hóa xóm 3 (đê I đến sông 10)	300
27.18	Đường Nam Nhà văn hóa xóm 2 (đê I đến khu nghĩa địa xóm 2)	300
27.19	Đường Bắc kênh Ba Làng (từ đê I đến đê II)	300
27.20	Đường giáp xã Nga Thanh đến Trạm biên phòng (Nam kênh Hưng Long)	400
27.21	Đường Đông sông 10 (từ xóm 1 đến hết xóm 8)	300
27.22	Đường Tây sông 10 (từ xóm 1 đến hết xóm 8)	300
27.23	Đường đê I (từ xóm 1 đến hết xóm 8)	300
27.24	Đường đê II (từ xóm 1 đến hết xóm 8)	250

8. HUYỆN HẬU LỘC

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
1	**QUỐC LỘ 1A**	
1.1	Đoạn đường từ tiếp giáp huyện Hoằng Hoá đến Cầu Lèn (xã Đồng Lộc, Triệu Lộc, Đại Lộc)	3.300
1.2	Đoạn Quốc lộ 1A cũ: Từ cầu Lèn đến hộ ông Dưa thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc	2.000
1.3	Phía Đông QL 1A (Tính từ hành lang an toàn đường sắt + 25 m): Đoạn đường từ tiếp giáp huyện Hoằng Hoá đến cầu Lèn, xã Đồng Lộc	1.200
2	**QUỐC LỘ 10**	
2.1	Đoạn từ cầu Sài xã Thuần Lộc đến ngã ba đường rẽ thôn Mỹ Quang	1.400
2.2	Quốc lộ 10 cũ: Từ ao Giáp đến Cây Gạo ngoài thôn Yên Thường, xã Thuần Lộc)	800
2.3	Ngã ba đường rẽ thôn Mỹ Quang Tinh Anh đến cổng sân vận động xã Văn Lộc	2.400
2.4	Từ cổng sân vận động xã Văn Lộc đến đến Trường dạy nghề (Hậu Lộc).	2.200
2.5	Từ Trường dạy nghề đến hết địa phận xã Mỹ Lộc (Mỹ Lộc)	3.500
2.6	Từ giáp thôn Đại Hữu, Mỹ Lộc đến Trạm thủy nông thị trấn Hậu Lộc	5.500
2.7	Từ đầu XN Thủy Nông (cũ) đến cầu Nước Xanh	7.000
2.8	Từ cầu Nước Xanh đến + 200m (thuộc Thịnh Lộc, cũ)	6.500
2.9	Từ cầu Nước Xanh đến + 200m (thuộc Thịnh Lộc, cũ) đến đường rẽ trại lợn (cũ)	4.000
2.10	Từ đường rẽ trại lợn cũ (thuộc Thịnh Lộc, cũ) đến cầu Bản (Thịnh Lộc, cũ)	3.000
2.11	Từ cầu Bản (Hoa Lộc) đến cầu Đầm Giỏ (xã Hoa Lộc)	2.000
2.12	Cầu Đầm Giỏ (xã Hoa Lộc) đến đường rẽ UBND xã Liên Lộc (Hoa Lộc)	2.000
2.13	Từ đường rẽ UBND xã Liên Lộc đến UBND xã Quang Lộc (xã Liên Lộc)	1.200
2.14	Quốc lộ 10 cũ: Từ ngã ba rẽ UBND xã Quang Lộc đến phà Thắm (cũ) (xã Liên Lộc giáp huyện Nga Sơn)	500
2.15	Từ đường rẽ UBND xã Quang Lộc đến cầu Thắm (đường QL10)	1.200
3	**TỈNH LỘ**	
3.1	**Đường thị trấn - Quán Dốc huyện**	
3.1.1	Từ giáp Quốc lộ 1A đến Làng nghề xã Tiến Lộc (thuộc xã Tiến Lộc)	2.000
3.1.2	Từ làng nghề xã Tiến Lộc đến Ngã tư Nhà bia xã Lộc Tân (nay là xã Nga Phượng) (xã Lộc Sơn và xã Lộc Tân, cũ)	1.600
3.1.3	Từ ngã tư Nhà bia xã Lộc Tân đến ngã tư chợ Lộc Tân (xã Lộc Tân, cũ)	2.600
3.1.4	Từ ngã tư chợ Lộc Tân (xã Lộc Tân, cũ) ngã tư Bưu điện Hậu Lộc	7.000
3.1.5	Phía Bắc đường thị trấn - Quán Dốc: Từ giáp Quốc lộ 1A đến ngã từ Lộc Sơn đi Thành Lộc - 200 m	1.300
3.2	**Đường Đại Lộc - Ngã tư Nghè đi Tam Hoà - Hoà Lộc**	

3.2.1	Từ giáp Quốc Lộ 1A đến cây xăng Tịnh Lợi (xã Đại Lộc, xã Thành Lộc)	1.900
3.2.2	Từ cây xăng Tịnh Lợi đến đường rẽ Thành Đồng (xã Thành Lộc)	1.500
3.2.3	Từ đường rẽ thôn Thành Đồng (xã Thành Lộc) đến cống Tổng Phong Lộc - 150m (xã Cầu Lộc, xã Tuy Lộc, xã Phong Lộc)	1.300
3.2.4	Đoạn đường mới: Từ cống Tổng Phong Lộc - 150m (xã Tuy Lộc, xã Phong Lộc) đến Cầu Lạt + 470m (Ngã 3 ruộng Tiếu thôn Tường Lộc, xã Quang Lộc)	800
3.2.5	Đường cũ: Từ Cống Tổng Phong Lộc - 150m (xã Tuy Lộc, xã Phong Lộc) đến Cầu Lạt + 470m (Ngã 3 ruộng Tiếu thôn Tường Lộc xã Quang Lộc)	700
3.2.6	Từ Cầu Lạt + 470m (Ngã 3 ruộng Tiếu thôn Tường Lộc, xã Quang Lộc) đến ngã tư Hoa Lộc - 100 m (xã Quang Lộc, Liên Lộc, Hoa Lộc)	1.000
3.2.7	Từ ngã tư Hoa Lộc - 100 m đến Trạm bơm Phú Lộc (xã Hoa Lộc, xã Phú Lộc)	2.000
3.2.8	Từ trạm bơm Phú Lộc đến Trường cấp II Phú Lộc (xã Phú Lộc)	1.300
3.2.9	Từ Trường cấp II xã Phú Lộc đi ngã tư Bái Trung (xã Hòa Lộc)	900
3.2.10	Từ Ngã tư Bái Trung đến Nhà thờ Nguyễn Chí Hiền	1.000
3.2.11	Từ Nhà thờ Nguyễn Chí Hiền đi Cảng cá (đường mới)	1.300
3.2.12	Từ UBND xã Hoà Lộc đi Cảng cá Hoà Lộc (đường cũ)	1.300
3.3	**Từ Trường THPT Hậu Lộc I đến đê biển (Minh Lộc)**	
3.3.1	Từ ngã 3 Trường THPT Hậu Lộc I đến Ngã tư chợ Cồn Cao xã Hoa Lộc - 300m (xã Hoa Lộc, Phú Lộc)	2.200
3.3.2	Từ ngã 4 chợ Cồn Cao xã Hoa Lộc - 300m đến ngã tư chợ Cồn Cao + 300 m (xã Hoa Lộc, Phú Lộc)	3.200
3.3.3	Ngã tư chợ Cồn cao + 300 m đến Cầu De (xã Hoa Lộc)	2.300
3.3.4	Từ cầu De đến ngã tư hộ ông Tuyết Trường (xã Minh Lộc)	1.600
3.3.5	Từ ngã tư hộ ông Tuyết Trường đến ngã tư Trường Trung học cơ sở (xã Minh Lộc)	1.600
3.3.6	Từ ngã tư Trường Trung học cơ sở đến đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Minh Thắng (xã Minh Lộc)	4.500
3.3.7	Từ đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Minh Thắng đến ngã ba đê biển (xã Minh Lộc)	4.500
3.4	**Ngã tư Minh Lộc đi Hải Lộc**	
3.4.1	Từ ngã tư Minh Lộc đi Hải Lộc đến ngã tư Minh Lộc + 200m (xã Minh Lộc)	2.600
3.4.2	Từ ngã tư Minh Lộc + 200m đến giáp địa phận xã Hải Lộc (xã Minh Lộc)	2.600
3.4.3	Từ giáp địa phận xã Hải Lộc (xã Minh Lộc) đến ngã 3 rẽ đi chùa Vích	2.000
3.4.4	Từ ngã ba rẽ đi chùa Vích đến ngã ba rẽ đi hội trường thôn Lộc Tiên	1.500
3.4.5	Từ ngã ba rẽ đi hội trường thôn Lộc Tiên đến hết thôn Y Bích	1.200
3.4.6	Từ hết thôn Y Bích đến phủ Trường Nam	1.000
3.5	**Ngã tư Minh Lộc đi Đa Lộc**	
3.5.1	Từ ngã tư Minh Lộc đến Ngã ba UBND xã Hưng Lộc + 100m.	3.000
3.5.2	Từ Ngã ba UBND xã Hưng Lộc + 100m đến hết hội trường mới thôn Hưng Phú, xã Hưng Lộc	2.000

3.5.3	Từ hết hội trường mới thôn Hưng Phú, xã Hưng Lộc đến tiếp giáp địa phận xã Đa Lộc	1.300
3.5.4	Từ tiếp giáp địa phận xã Hưng Lộc đến UBND xã Đa Lộc + 200m (xã Đa Lộc)	1.400
3.5.5	Từ UBND xã Đa Lộc+ 200m đến đê Sông Lèn (xã Đa Lộc)	900
4	**ĐƯỜNG HUYỆN.**	
4.1	**Đường Mỹ Lộc - Thành Lộc - Đồng Lộc.**	
4.1.1	Từ giáp Quốc lộ 10 (xã Mỹ Lộc) đến kênh Bắc (xã Mỹ Lộc, xã Lộc Sơn)	1.000
4.1.2	Từ Kênh Bắc đến Mương 10 xã - 300m (xã Lộc Sơn, xã Thành Lộc)	800
4.1.3	Từ Mương 10 xã - 300m Núi Eo Mẽo xã Thành Lộc (xã Thành Lộc)	600
4.1.4	Eo núi Miễu Thành Lộc hết đất Cầu Lộc	500
4.1.5	Từ dốc Cung cung đường Mỹ Lộc - Đồng Lộc đến nhà Khải Loan giáp Cầu Lộc	500
4.2	**Đường Tân - Phong:**	
4.2.1	Từ giáp đê sông Lèn xã Phong Lộc đến tiếp giáp xã Tuy Lộc (xã Cầu Lộc, Phong Lộc)	400
4.2.2	Từ tiếp giáp xã Tuy Lộc đến đường Tỉnh lộ 526	400
4.2.3	Từ đường Tỉnh lộ 526 đến kênh Bắc	400
4.2.4	Từ kênh Bắc đến ngã tư chợ Lộc Tân	2.500
4.3	**Đường Thịnh Lộc - Xuân Lộc - Hoà Lộc**	
4.3.1	Đầu Quốc lộ 10 (đầu phía Đông cầu Nước Xanh) đến đầu thôn 13, xã Phú Lộc (Thịnh Lộc, cũ)	1.300
4.3.2	Đầu thôn 13, xã Phú Lộc đến Cầu Máng, xã Xuân Lộc	700
4.3.3	Từ cầu Máng đến Ngã tư thôn Bái Trung, xã Hòa Lộc đất Phú Lộc	700
4.4	**Đường Quốc lộ 1A vào Nhà máy Giấy**	
4.4.1	Từ giáp QL1A (Quán Dốc) đến khu TĐC Đồng Kẽm xã Triệu Lộc, xã Châu Lộc (cũ)	1.300
4.4.2	Từ giáp Quốc lộ 1A (Ngã ba Đền Bà Triệu), đến tiếp giáp đường QL1A vào Nhà máy giấy (đối diện mỏ đá) (đường Ba Bông).	1.500
4.5	**Đường Lộc Tân (cũ) - Cầu Lộc**	
4.5.1	Từ cầu Tống Ngọc đến kênh Bắc	700
4.5.2	Từ kênh Bắc đến hết đất xã Lộc Tân (cũ)	1.000
4.5.3	Hết đất xã Lộc Tân (cũ) đến đầu đường mương Mười xã	800
4.6	**Đường Ngã tư Bưu điện thị trấn đi Cầu Máng**	
4.6.1	Từ Cầu Máng đến hết cửa hàng xăng dầu Quân Đội	1.300
4.6.2	Từ hết cửa hàng xăng dầu Quân Đội đến Ngã tư Ivory	1.300
4.6.3	Từ Ngã tư Ivory đến Ngã 4 Bưu điện (Quốc lộ 10)	3.900
II	**TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN**	
1.1	Từ phía Nam cầu Nước Xanh đến cầu Máng	2.000
1.2	Đi thôn Phú Cường: Ngã tư Chợ xã Lộc Tân (cũ) đến giáp thôn Phú Cường.	2.000
1.3	Đường Hữu sông Trà Giang (cầu huyện đội)	1.100
1.4	Từ Quốc lộ 10 đi Nhà máy nước sạch thị trấn +100 m	1.300
1.5	Từ Nhà máy nước sạch thị trấn +100 m đến hết đoạn đường	1.000
1.6	Các trục chính tiếp giáp quốc lộ 10 còn lại (phía Bắc QL10)	800

1.7	Các đường trục chính tiếp giáp phía Nam Quốc lộ 10.	
1.7.1	Từ Quốc lộ 10 đi Nhà văn hóa Khu 4 + 100 m	1.300
1.7.2	Từ Nhà văn hóa Khu 4 + 100 m đến hết đường.	900
1.7.3	Từ Quốc lộ 10 đi Nhà thờ họ La + kéo dài đi 526B	1.300
1.7.4	Đường chợ Dâu đến nhà Hải Định +100 m	1.300
1.7.5	Từ nhà Hải Định +100 m đến hết đường + kéo dài Đường vành đai đi 526B	900
1.7.6	Từ đông Tượng đài đi Cây đa ông Bồi + 150 m	1.300
1.7.7	Từ Cây đa ông Bồi + 150 m đến hết đường + kéo dài đi 526B	900
1.7.8	Phía Tây Tượng đài thị trấn đi ngõ Ba + 150 m	1.300
1.7.9	Từ ngõ Ba + 150 m đến hết đất	800
1.7.10	Đường ngõ Mụ	900
1.7.11	Đường Ngõ Hát	1.100
1.7.12	Đường Ngõ Thảo	1.100
1.7.13	Đường Tây Thành đi YVORY + 200 m	2.000
1.7.14	Đường Tây Thành đi YVORY + 200 m đến đường rẽ vào nhà Thanh Thương	1.300
1.7.15	Đường Tây Thành đi YVORY + 200 m đến đường rẽ vào nhà Thanh Thương đến Ngã tư YVORY	2.000
1.7.16	Ngã tư YVORY đi Hòa Lan Xuân Lộc và đi UBND thị trấn Hậu Lộc	1.100
1.7.17	Đường Đông, Tây mương Cây Xanh + 100 m	1.300
1.7.18	Đường Đông, Tây mương Cây Xanh + 100 m đến hết đất	1.100
1.7.19	Đường Tâm Ất đi Thuyết Long +100 m	1.100
1.7.20	Đường Tâm Ất đi Thuyết Long +100 m đến hết đất	800
1.7.21	Đường ông Phong đi ông Cả + 100 m	1.000
1.7.22	Đường ông Phong đi ông Cả + 100 m đến hết đất	800
1.7.23	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	600
2	**XÃ CHÂU LỘC (nay là xã Triệu Lộc)**	
2.1	Từ ông Nam Bình đến Trạm y tế xã Châu Lộc (cũ)	400
2.2	Từ tái định cư Đồng Kẽm đến đê Sông Lèn.	300
2.3	Từ Âu số 02 tái định cư Đồng Kẽm đến Cô đôi	400
2.4	Từ đê Sông Lèn đến nhà văn hóa thôn Quyết Thắng	400
2.5	Từ hội trường thôn 2 Tam Phong đến đền Cô Tám	300
2.6	Từ hội trường thôn đến ông Hòa Bồi (thôn Châu Tử)	350
2.7	Từ hội trường thôn đến ông Hà bờ đê (thôn Châu Tử)	400
2.8	Từ Mầm non đến ông Ngà (thôn Châu Tử)	350
2.9	Từ anh Tuấn đến ông Chung Liên (thôn Châu Tử)	350
2.10	Từ ông Hùng đến ông Hòa (thôn Quyết Thắng)	350
2.11	Từ hội trường thôn đến ông Chính Tòng (thôn Quyết Thắng)	350
2.12	Từ ông Hà Đến giáp Đại Lộc 2 Tuyến (thôn Quyết Thắng)	350
2.13	Từ ông Khuyên đến ông Nhung (Phong Mục)	350
2.14	Từ ông Quãng đến ông Kiêu (Phong Mục)	350
2.15	Từ anh Thiêm đến ông Thuấn (Phong Mục)	350
2.16	Từ bà Vinh đến anh Dự (Phong Mục)	350
2.17	Từ anh Sơn đến Gốc Đa (Tam Đa)	400
2.18	Từ tái định cư đến xóm Đồi ông Thành (Tam Đa)	350
2.19	Từ đường Ba Bông vào khu Than bùn + 200 m (thôn Tam Đa)	450

2.20	Từ đường Ba Bông vào khu Than bùn từ + 200 m đến giáp xã Triệu Lộc (thôn Tam Đa)	350
2.21	Từ ông Nhượng đến ông Cư (thôn Châu Tử)	350
2.22	Từ ông Thế đến giáp xã Đại Lộc (thôn Quyết Thắng)	350
2.23	Từ ông Lâm đến ông Quang (thôn Quyết Thắng)	350
2.24	Từ ông Chính Tòng đến ông Lương (thôn Quyết Thắng)	400
2.25	Từ ông Giáp Sáu đến giáp xã Hoằng Khánh (Hoằng Hoá)	450
2.26	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
3	**XÃ TRIỆU LỘC**	
3.1	Từ ngã ba QL1A Phú Thượng đến Cầu Bái Sen	700
3.2	Từ Nghè thôn Phú Gia đến hết thôn Gia Lương	350
3.3	Từ ngã ba QL1A Sơn Thượng đến đền Bà Triệu	350
3.4	Cầu Bái Sen đến Nghè Eo	350
3.5	Từ cầu Mới đến vườn Sang giáp Châu Lộc (cũ)	350
3.6	Từ cầu Phủ thôn Gia Lương đến ngã ba đường hộ ông Nho	350
3.7	Từ cầu Phủ Gia Lương đến ngã ba Nhà máy gạch	350
3.8	Nghè Eo đến hết khu Đồng Cửa	350
3.9	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
4	**XÃ ĐẠI LỘC**	
4.1	Từ hộ ông Long (P. Ngọc) đến kho xăng Quốc phòng	350
4.2	Từ hộ ông Thật (Tân Thành) đến hội trường thôn	350
4.3	Từ hộ ông Công (Phú Lý) đến hội trường Phú Lý	400
4.4	Từ hộ ông Huấn (Y Ngô) đến đê Lèn	350
4.5	Từ hộ ông Tý (Ngọc Trì) đến hộ ông Thắng	400
4.6	Từ hộ ông Cáp (Ngọc Trì) đến đê sông Lèn	350
4.7	Từ hộ ông Dũng thôn Đại Sơn đến hộ ông Quảng	400
4.8	Từ hộ ông Dũng thôn Đại Sơn đến Nhà văn hoá Tân Thành cũ	400
4.9	Từ hộ ông Vượng thôn Phú Lý đến hộ bà Xuyến	400
4.10	Từ hộ ông Thật (Đại Sơn) đến hội trường thôn	350
4.11	Từ hộ ông Khanh (Y Ngô) đến đê sông Lèn	350
4.12	Từ hộ ông Nhì (Ngọc Trì) đến đê sông Lèn	350
4.13	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
5	**XÃ ĐỒNG LỘC**	
5.1	Đầu làng Phương Lĩnh đến nhà ông Đính (vành đai)	400
5.2	Từ ông Toàn Tính đến nhà bà Thi (Bái Đa)	350
5.3	Từ ông Tới Ngân đến khu 2 Mẫu Chín	350
5.4	Từ hội trường thôn Đại Phú đến ông Lĩnh Soi	350
5.5	Đoạn từ nhà Bình Trang Tập đến cầu Lèn cũ	500
5.6	Từ nhà ông Cường đến nhà ông Lĩnh Soi	350
5.7	Từ nhà bà Cuộc vào khu bãi cát Phương Độ	350
5.8	Tuyến đường từ nhà bà Hảo đến nhà ông Đặng	350
5.9	Tuyến đường từ nhà bà Hoà đến nhà ông Thính	350
5.10	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
6	**XÃ THÀNH LỘC**	
6.1	Từ nhà ông Đồng (thôn 9) đến giáp thôn Thị Trang (T.Lộc)	500
6.2	Từ nhà ông Thể (thôn 5) đến nhà ông Len (thôn 1)	600
6.3	Thành Sơn đi làng Lày (Thành Sơn)	500

1.13	Đoạn từ hộ bà Chới đến hộ ông Giá	450
1.14	Đoạn từ hộ ông An đến hộ ông Thủy	450
2	Đường liên thôn còn lại toàn xã	200
3	Đường chính trong thôn	150
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	130

3	**Đường ĐH.TH08 Thiệu Giao đi Tp Thanh Hóa**	2.000
4	**Đường ĐH.TH05 Thiệu Viên-Hoà -Chính**	1.200
5	**Đường ĐH.TH06 Thiệu Lý-Tâm**	
5.1	Địa phận xã Thiệu Lý	1.400
5.2	Giáp xã Thiệu Lý đến đường vào UBND xã Thiệu Viên	900
5.3	Từ đường vào UBND xã Thiệu Viên đến giáp xã Thiệu Tâm (cũ)	1.000
6	**Đường ĐH.TH01 Thiệu Long đi Thiệu Tiến**	
6.1	Địa phận xã Thiệu Long	1.200
6.2	Giáp xã Thiệu Long đến đầu cầu Cổ Bầu	1.000
6.3	Từ cầu Cổ Bầu đế nhà anh Hoàng	1.200
6.4	Từ nhà anh Hoàng đến giáp xã Thiệu Thành	1.000
6.5	Địa phận xã Thiệu Thành	1.000
6.6	Địa phận xã Thiệu Tiến	800
7	**Đường ĐH.TH03 Thiệu Giang đi Thiệu Quang**	
7.1	Địa phận xã Thiệu Giang	1.200
7.2	Từ giáp Thiệu Giang đến nhà ông Hùng	1.500
7.3	Từ nhà ông Hùng đến giáp đường xã	1.800
B	**ĐẤT TẠI THỊ TRẤN VÀ CÁC XÃ**	
I	**THỊ TRẤN VẠN HÀ (nay là thị trấn Thiệu Hóa)**	
1.1	**Đường vào Chợ Vạn**	
1.1.1	Từ Nhà Ông Hòa TK 4 đến đinh đê	5.000
1.2	**Đường Trí Cần**	
1.2.1	Kênh Nam từ ông Bình đến ông Tuyến TK1	2.500
1.2.2	Từ Ông Bào TK 1 đến Dốc đê	2.000
1.3	**Đường Trí Hưng**	
1.3.1	Từ Kênh Nam đến Nhà bà Nga TK 3	3.000
1.3.2	Từ Nhà Bà Nguyên TK4 đến Dốc Đê	2.500
1.4	**Đ. Nguyễn Quang Minh**	
1.4.1	Từ Trường Tiểu học V.Hà đến Đường Trí Hưng	3.500
1.4.2	Từ Nhà Ông Sánh TK3 đến Đường Trí Cần	3.000
1.4.3	Từ Nhà Ông Thành Ngọc đến Đường Đi THPT	3.500
1.4.4	Từ Nhà Ông Quý TK 5 đến Nhà Ông Bặt TK5	2.000
1.5	**Đường Đinh Lễ**	
1.5.1	Từ THCS Vạn Hà đến Kho Thanh Mạnh	3.500
1.5.2	Từ Nhà Ông Phong TK 2 đến Nhà VH T.K 2	3.000
1.6	**Tuyến đường khu công chức mới quy hoạch (Khu vực Mũu) TK 2**	
1.6.1	Từ Nhà ông Tính TK 2 đến Đài Truyền Thanh	2.800
1.6.2	Từ Nhà anh Thành TK 2 đến Nhà ông Giáp TK 3	2.800
1.6.3	Các đoạn đường còn lại trong khu vực đã QH và mới QH	2.200
1.7	**Đường Phía Đông Sân VĐ: từ Đ.Nguyễn Quang Minh đến K.Nam**	2.800
1.8	**Đường Vào Trạm Y tế: Từ Nhà Ông Kim TK 3 Trạm Y Tế**	2.600
1.9	**Các Đoạn đường ngang nối các Tiểu Khu**	
1.9.1	Từ Nhà Ông Ta TK1 đến Đường Trí Hưng	1.000
1.9.2	Từ Nhà Ông Loan TK4 đến Đường Vào Chợ Vạn	1.200
1.9.3	Từ Nhà Anh Hân TK1 đến Đường Trí Hưng	1.000

1.9.4	Từ Nhà Ông Nghênh TK4 đến Quốc Lộ 45	1.400
1.9.5	Từ Nhà Anh Huấn TK1 đến Đường Trí Hưng	1.200
1.10	**Các đoạn đường ngang nối các Tiểu khu**	
1.10.1	Từ Nhà Ba Thông TK3 đến Quốc lộ 45	1.800
1.10.2	Từ Nhà Bà Cam TK1 đến đường Trí Hưng	1.200
1.10.3	Từ Nhà Ông Khánh TK1 đến đường Trí Hưng	1.000
1.10.4	Từ Nhà Vinh Hoa TK4 đến đường Kiến Hưng 1	1.200
1.10.5	Từ Nhà Bà Kiện TK3 đến đường Kiến Hưng 1	1.500
1.10.6	Từ Nhà Anh Phố TK5 đến đường Nguuyễn Quang Minh	1.700
1.10.7	Từ Nhà Anh Vượng TK5 đến nhà bà Nghị TK4	1.000
1.10.8	Từ Đường Trí Cần đến đường Trí Hưng	2.200
1.10.9	Từ Đường Trí Hưng đến Quốc lộ 45	2.800
1.11	**Đường Nguyễn Quán Nho**	
1.11.1	Từ Bưu Điện đến nhà anh Viên TK5	3.500
1.11.2	Từ Nhà Anh Chiến út đến Nhà anh Chính TK8	1.800
1.11.3	Từ Nhà Mẫu Giáo 3 đến nhà bà Huệ TK6	1.200
1.11.4	Từ Nhà Anh Khanh đến nhà ông Đắc TK6	1.200
1.12	**Đường Kiến Hưng 1**	
1.12.1	Từ Đ.Nguyễn Quán Nho đến nhà bà Thảo TK5	2.200
1.12.2	Tù Nhà Anh Nam đến Đê sông Chu	1.200
1.12.3	Từ Đ.Nguyễn Quán Nho đến Nhà Thu Huân TK4	1.500
1.13	**Đường Dương Hòa 4**	
1.13.1	Từ Nhà Anh Phát đến đường Nguyễn Quang Minh	2.000
1.13.2	Từ Đ.Nguyễn Quán Nho đến nhà bà Thảo TK5	1.200
1.14	Đường Dương Hòa 1: Từ Nhà Anh Vượng TK5 đến nhà anh Tỉnh TK5	1.200
1.15	Đường Dương Hòa 2:Từ Nhà Anh Bình TK6 đến nhà bà Bằng TK6	1.200
1.16	Đường Dương Hòa 3: Từ Đê Sông Chu đến hết khu dân cư	1.200
1.17	Đường Kiến Hưng 2: Từ Đ.Nguyễn Quán Nho đến nhà ông Vĩnh TK3	1.800
1.18	Đường vào trường cấp 3 đến nhà Bà Nguyệt TK 5	1.000
1.19	Xung quang bờ hồ Kiến Hưng	2.200
1.20	Tuyến ngõ ống còn lại đường Kênh Nam từ ngõ 7 đến ngõ 12	1.800
1.21	Các tuyến ngõ ống, đường xương cá trong các khu dân cư cũ	700
1.22	Đường khu dân cư mới mở Mạ từ ông Tuyến đến ông Nguyện	2.000
1.23	Đường khu dân cư mới Mả Tháp	
1.23.1	Đường từ bà Nguyệt đến giáp đường bê tông (bà Hiền)	2.000
1.23.2	Đường từ bà Nhung đến chị Long	1.500
1.24	Đường khu dân cư Tây Bắc thị trấn Vạn Hà	3.000
1.25	Đường khu dân cư Đông Bắc QL45	3.000
II	**XÃ THIỆU ĐÔ (nay là thị trấn Thiệu Hóa)**	
1	Đê tuyến 2: Từ Giáp QL 45 đến kênh B9	1.400
2	Đường vào XN May 10	
2.1	Từ Đường 515 đến giáp Thiệu Trung	1.000
2.2	Từ Ngã 3 QL 45 đến đường vào CT May	4.000
3	Đường liên thôn	
3.1	Từ Kênh B 9 đến Các trục chính thôn 7-10	1.400

3.2	Từ Đê dự phòng đến các trục chính Trà Thượng	1.200
4	Đường vào B.Viện Đa khoa huyện: Từ Giáp QL 45 đến cổng Bệnh viện	4.000
5	Đường phân luồng học sinh: Từ giáp QL 45 đến Đê tuyến 2	2.200
6	Đê tuyến 2 từ nhà Ông Toán đến Nhà VH thôn 7	1.400
7	Trục chính giữa làng từ nhà Ô Chính thôn 2 đến ông Hồng thôn 1	1.000
8	Các trục chính của các thôn 3,4,5,6	1.200
9	Các trục chính đường làng Hồng Đô	1.400
10	Tuyến Bê tông từ nhà ông Hùng đến nhà ông Bường	1.000
11	Các trục đường phụ làng Cổ Đô + Trà Thượng	700
12	Các đường ngõ còn lại Làng Hồng Đô	500
13	Các đường ngõ còn lại của Làng Cổ Đô + Trà Thượng + Ba Chè	400
14	Các tuyến đường trong khu dân cư mới quy hoạch giáp QL45	3.000
III	**XÃ THIỆU TRUNG**	
1	Đường vào xã	
1.1	Từ Cầu kênh Bắc đến Nhà VH thôn 5	2.500
1.2	Từ Cầu Kênh Bắc đến giáp Đông Thanh	1.200
1.3	Từ Nhà Anh Huy Hà đến Đông Sú thôn 6	1.200
1.4	Từ Nhà Anh Long Oanh đến cầu Bến Diệc	1.800
1.5	Từ Cầu Bến Diệc đến Trường Tiểu học	1.700
2	Khu vực X300 thôn 1	2.200
3	Các trục đường chính của 6 thôn	500
4	Các ngõ phụ của 6 thôn + khu vực còn lại	350
5	Từ anh Thịnh Túy đến anh Trường Yến khu Trường Đảng	2.000
6	Khu dân cư mới Trường Đảng cũ	1.500
IV	**XÃ THIỆU VẬN**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ Cổng UB xã đến VP Công an	1000
1.2	Từ VP Công An đến đê Sông Chu	700
2	Đường thôn	
2.1	Các đường trục chính từ thôn 1 đến T4	600
2.2	Các đường nhánh từ thôn 1 đến T4	500
2.3	Các đường trục chính từ thôn 5 đến thôn Lạc Đô	450
3	Đường vào khu dân cư thôn 1	1.000
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
V	**XÃ THIỆU PHÚ**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ giáp QL 45 đến thôn Đình Tân	1.000
1.2	Từ giáp QL 45 đến thôn Tra Thôn	1.000
2	Đường thôn	
2.1	Ven trục đường chính của các thôn	700
2.2	Các đường nhánh từ trục chính các thôn	450
3	Đường 506B vào làng Đình Tân	1.000
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
VI	**XÃ THIỆU LONG**	
1	Đường liên thôn	

1.1	Từ giáp QL 45 đến Trạm Bơm Phú Lai	1.800
1.2	Từ giáp QL 45 đến thôn Minh Đức	900
2	Các trục đường chính của các thôn	800
3	Các đường nhánh từ trục chính các thôn	500
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
VII	**XÃ THIỆU TOÁN**	
1	Đường liên thôn:Từ giáp Tỉnh lộ 515 đến Nhà V.Hoá các thôn	800
2	Đường thôn	
2.1	Từ Nhà V.Hoá các thôn đến trục chính trong thôn	450
2.2	Các đường nhánh từ trục chính các thôn	350
3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
VIII	**XÃ THIỆU CHÍNH**	
1	Đường liên xã: Từ cống Đa Quán đến giáp xã Thiệu Hòa	900
2	Đường liên thôn	
2.1	Trục đường chính các thôn	450
2.2	Trục đường nhánh các thôn	350
3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
IX	**XÃ THIỆU TÂM (nay là xã Minh Tâm)**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ Ngã ba chợ đến cầu Kênh Bắc	2.000
1.2	Từ Cầu Kênh Bắc đến Trường THCS	1.500
1.3	Từ Trường THCS đến cầu màng Thái Lai	650
1.4	Từ giáp xã Thiệu Viên nhà VH Đồng Tiến 1	550
1.5	Từ Nhà VH Đồng Tiến 1 đến Trạm xá	850
2	Đường thôn	
2.1	Từ Nhà ông Năm Trân đến ông Ngung thôn Thái Ninh	500
2.2	Từ ông Ngung thôn Thái Ninh đến ông Ba Bình thôn Thái Bình	450
2.3	Từ cầu Thái Bình đến giáp Thiệu Hòa	450
3	Các tuyến rẽ từ trục chính các thôn	350
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
X	**XÃ THIỆU CHÂU (nay là xã Tân Châu)**	
1	Đường Châu Giao: Từ Cầu đá Thôn 7 đến giáp Thiệu Giao	1.800
2	Đường liên xã	
2.1	Từ Cầu đá Thôn 7 đến Trường Mầm non	900
2.2	Từ Trường THCS đến nhà ông Tân Thôn 1	700
3	Đê dân sinh: Từ Nhà Anh Văn T.9 đến nhà chị Nhàn T5	500
4	Đường thôn	
4.1	Trục đường chính các thôn	450
4.2	Đường nhánh từ Trục đường chính các thôn	350
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XI	**XÃ THIỆU LÝ**	
1	Đường liên xã	
1.1	Từ Ngã tư UB xã đến Trường THCS	1.200
1.2	Từ Trường THCS đến nhà bà Năm thôn 3	900
1.3	Từ Nhà bà năm thôn 3 đến giáp Thiệu Viên	700

2	Đường liên thôn	
2.1	Trục đường chính liên thôn, nội thôn	650
2.2	Đường nhánh từ Trục đường chính liên thôn	350
3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XII	**XÃ THIỆU DUY**	
1	Trạm Bơm tiêu đến UBND xã	800
2	Trục đê TW đi UB xã	
2.1	Từ giáp đê đến nhà ông Kinh	550
2.2	Từ Nhà ông Kế đến nhà ông Lan	450
2.3	Từ Nhà ông Lan đến Bãi Kê	350
2.4	Từ giáp đê nhà ông Hải thôn Xữ Nhân	550
2.5	Hai bờ kênh tiêu thôn Xử Nhân	450
3	Đường liên thôn	
3.1	Từ Đường 516 C đến nhà VH thôn Khánh Hội	550
3.2	Tuyến đê Mậu Khê Khánh Hội	400
3.3	Từ giáp đê Mậu Khê đến đường 516C (Đ.Mỹ)	350
3.4	Từ Nhà ông Chức đến nhà ông Long	350
3.5	Từ Nhà VH Thôn Đông Hoà đến nhà ông Chức	600
3.6	Đê Cự Khánh , Phú Điền	500
3.7	Xóm Đồng Mũ + Các trục đường nội 516 C	450
4	Các trục đường chính các thôn	350
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XIII	**XÃ THIỆU QUANG**	
1	**Làng Chí Cường**	
1.1	Từ Chợ Thiệu Quang đến Trạm bơm	1.200
1.2	Từ Chợ Thiệu Quang giáp đê TW	1.000
2	Trục đường chính Làng Chí Cường	
1.3	Từ Nhà ông Hùng Sậy đến nhà bà Gióng	700
1.4	Từ bà Gióng đến đê cầu chày thôn Chí Cường1	450
1.5	Từ bà Gióng đến trường tiểu học	500
1.6	Từ Nhà ông Lai đến nhà ông Chức	500
1.7	Ven đê Sông Mã	350
1.8	Ven đê Sông Cầu Chày và trục chính còn lại	300
1.9	Các đường ngõ còn lại	300
2.	**Làng Nhân Cao**	
2.1	Từ Trường cấp 1 đến Dốc bàng	450
2.2	Từ Dốc Bàng đến nhà ông Lới	450
2.3	Từ Nhà ông Bôi đến Trạm y tế xã	600
2.4	Từ ông Khanh đến ông Thạnh thôn Nhân Cao 1	450
2.5	Ven đê Sông Mã	350
2.6	Ven đê Sông Cầu Chày và trục chính còn lại	300
2.7	Các đường ngõ còn lại	300
3	**Làng Chấu Trướng**	
3.1	Trục Chính đình làng đến ao chùa	450
3.2	Từ Ông Thám đến Ông Tĩnh	450

3.3	Ven đê Sông Mã	400
3.4	Ven đê Sông Cầu Chày và trục chính còn lại	300
3.5	Các đường ngõ còn lại	300
XIV	**XÃ THIỆU GIANG**	
1	Trục đường chính các thôn + Ven đê Xuống các xóm	600
2	Đường nhánh từ Trục đường chính các thôn	350
3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	250
XV	**XÃ THIỆU GIAO**	
1	Đường liên xã	
1.1	Từ Cầu ông Tái đến giáp xã Thiệu Châu	1000
1.2	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư chợ Đại Bái	1.600
1.3	Từ ngã tư chợ Đại Bái đến đường đi Đông Thanh	1.200
1.4	Từ Nhà văn hóa thôn Giao Sơn đến đường Thống Nhất	900
2	Đường liên thôn	
2.1	Trục đường chính các thôn Đại Đồng, Đồng Lực, Đồng Tâm	1.200
2.2	Trục đường chính các thôn Liên Minh, Giao Sơn	1.500
2.3	Từ Nhà ông Trinh đến nhà ông Kỳ thôn Giao Sơn	850
2.4	Từ Nhà ông Thiết đến nhà ông Hiền thôn Giao Thành	800
2.5	Từ Nhà ông Lương đến nhà ông Út thôn Giao Thành	800
2.6	Từ Nhà ông Ngọc đến nhà ông Bình thôn Giao Đông	800
2.7	Từ Ngã tư Chợ Đại Bái đến nhà ông Minh thôn Bình Minh	700
3	Đường nhánh từ trục chính các thôn	500
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XVI	**XÃ THIỆU PHÚC**	
1	Trục đường chính các thôn	1.000
2	Đường nhánh từ Trục đường chính các thôn	550
3	Dọc đê TW Dọc hai phía đê Sông Chu	600
4	Đoạn từ đường 506B đến hết UBND xã	1200
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XVII	**XÃ THIỆU VIÊN**	
1	**Đường liên xã**	
1.1	Từ giáp Thiệu Lý đến Cầu thôn 2	1.100
1.2	Từ Ngã ba xã đến hết trụ sở UB	850
1.3	Từ sát trụ sở UB đến cầu Anh Trỗi	850
1.4	Từ Cầu Thôn 2 đến hết thôn 1	800
1.5	Từ Cầu anh Trỗi đến cổng nổ đào 2	600
2	**Đường liên thôn**	
2.1	Từ Cống ông Đợi đến nhà ông Cúc T8	500
2.2	Từ Trường Tiểu học đến ngã ba Đ Xẩm	500
2.3	Từ Thôn 2 đến thôn 6	480
2.4	Từ Thôn 1, thôn 7	450
3	Đường nhánh từ trục chính các thôn	450
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XVIII	**XÃ THIỆU HÒA**	
1	Đường xã thôn Thái Dương	450

2	Đường xã thôn Thái Hanh đi Dân Lực	450
3	Đường xã UBND đi cổng làng Dân Ái	450
4	Đường xã Trạm ytế đi Dân Quyền	450
5	Đường xã UBND đi Thọ Phú	450
6	Đường Kênh N5	450
7	Đường nhánh từ Trục đường chính các thôn	300
8	Đ ờng, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	250
XIX	**XÃ THIỆU THỊNH**	
1	Các trục nhựa chính liên thôn	800
2	Đường bê tông ven làng	
2.1	Từ nhà canh đê đến Cống Doãng Nỗ	600
2.2	Từ Cống Doãng Nỗ đến ngã ba Trạm xá	600
2.3	Từ nhà canh đê đến Dốc Lầu	600
3	Các trục chính trong thôn	
3.1	Từ Nhà VH Đương Phong đến nhà anh Bằng	500
3.2	từ Nhà ông Dung len đến cổng Bi Đô	450
3.3	Từ Nhà ông Đức đến nhà chị Đào	500
3.4	Tù Bưu điện VH xã đến nhà anh Tiến Lài	500
4	Các trục đường trong thôn	400
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XX	**XÃ THIỆU TÂN (nay là xã Tân Châu)**	
1	Đê dân sinh: Từ Trường THCS đến giáp xã T.Châu (cũ)	600
2	Đường liên xã	
2.1	Từ Trường THCS đến giáp xã Thiệu Khánh	550
2.2	Từ Cống Nghè đến giáp xã Thiệu vân	700
3	Đường liên Thôn	
3.1	Từ Nhà ông DânThôn 2 đến nhà ông Việt thôn 4	400
3.2	Từ Trụ sở UBND xã đến cổng ông Xương	400
3.3	Từ Trạm y tế đến cổng ông Xương	400
3.4	Từ Nhà Ông Cừ đến nhà ông Tùy (Đường thôn 5)	400
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XXI	**XÃ THIỆU MINH**	
1	Từ giáp đường 515 đến Bến Giặt (Trục đường B7)	850
2	Đường liên thôn: Từ Trục đường chính các thôn + ven đê sông Chu	650
3	Đường thôn: Đường nhánh từ trục chính các thôn	550
4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	350
XXII	**XÃ THIỆU HỢP**	
1	**Đường liên thôn**	
1.1	Từ Nhà ông Năm Sánh dốc đê T W Quản Xá đến nhà ông Tám Đàm Quản Xá 1	450
1.2	Từ ông Năm Hồng dốc đê TW Quản Xá đến nhà ông Tám Đàm Quản Xá 1	500
1.3	Bà Phấn dốc đê Nam Bằng 1 đến nhà Hân Dung Nam Bằng 2	500
1.4	Ông Lưu Cấu dốc đê TW đến nhà văn hóa Nam Bằng 2	500
1.5	Từ dốc đê Trường tiểu học đến cống Nam Bắc	500

1.6	Từ Nhà Thường Vân đến Nhà văn hóa Bắc Bằng	500
1.7	Từ Gốc bàng Chấn long 1 đến ngã ba ông Đáo CL2	500
1.8	Từ Dốc đê Mạo khê khu tái định cư đến nhà ông Thảo Bình	400
1.9	Từ Nhà ông Đáo Chấn Long 2 đến nhà ông Lịch Chấn Long 2	400
1.10	Từ ông Khải Thắng Long đến nhà ông Thịnh Lâm và đến cổng 2 cửa Thắng Long	250
2	**Đường thôn**	
2.1	Các ngõ chính thôn Nam Bằng 1+2 và thôn Bắc Bằng	300
2.2	Các ngõ hẻm thôn Nam Bằng 1+2 và thôn Bắc Bằng	250
2.3	Các ngõ chính thôn Chấn.Long và Quản Xá	300
2.4	Các ngõ hẻm thôn Chấn.Long và Quản Xá	250
2.5	Các ngõ chính Thắng Long + Hợp Thắng	250
3	**Dọc đê TW**	
3.1	Thôn Nam Bằng 1: Từ ông Dũng Chanh trở lên đến dốc Trường THCS	500
3.2	Thôn Nam Bằng 1: Từ cổng 01 cửa đến trường tiểu học	600
3.3	Thôn Nam Bằng 1: Từ dốc Trường tiểu học đến ông Ba Thân (ngã ba chợ Chệnh)	750
3.4	Thôn Năm Bằng 1: Từ Trường Mần non đến nhà ông Hào Nghệ	1150
3.5	Thôn Nam Bằng 1: Từ dốc nhà ông Hào Nghệ đến dốc nhà ông Hòng tuyển	750
3.6	Thôn Nam Bằng 1: Từ Dốc Nhà Lan Phương đến ông Dũng Chanh	600
3.7	Thôn Quản Xá: Từ nhà ông Tỵ đến dốc nhà ông Năm Hồng Quản xá 2 cũ	500
3.8	Thôn Quản Xá: Từ ông Tám Đàm đến nhà ông Hà Nghị	300
3.9	Thôn Quản Xá: Từ nhà ông Sỹ Quản Xá 2 cũ đến ông Năm Sánh	550
3.10	Thôn Quản Xá: Từ ông Năm Sánh đến nhà ông Thụ	500
3.11	Thôn Chấn Long: Từ Dốc tái định cư đến Dốc BT cổng 10 cửa	500
4	Đường Cửa Nghè từ hộ ông Loan đến ông Khóa	400
5	Từ nhà Bà Hiền tuần (đê Mậu Khê) đến nhà bà Thư Huy Hợp Thắng	300
XXIII	**XÃ THIỆU NGUYÊN**	
1	Đường Bê tông liên thôn	
1.1	Tù Dốc đê TW đến hết ĐH.TH Nguyên Thắng	700
1.2	Từ Cầu ông Mẫn đến dốc đê	550
2	Các trục đường chính trong thôn	450
3	Đê TW: Ao Anh Chuyên - hết Thiệu Nguyên	450
4	Các đường nhánh từ trục chính thôn	400
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	250
XXIV	**XÃ THIỆU NGỌC**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ Nhà ông Vân Tân Bình đến cầu Trắng	800
1.2	Từ Trạm biến thế làng Mới đến Nhà Ông Thái Thôn Ngọc Sơn	600
1.3	Từ Ngã tư nhà Ô.Vân đến Đê sông Chu	550
1.4	Từ Ngã tư nhà Ô.Vân đến nhà anh Lý	550
1.5	Từ Ngã tư nhà Ô.Vân đến mương N4	550
1.6	Từ Nhà bà Lân Thạo đến chân đê sông Chu	450
1.7	Từ Nhà bà Lân Thạo đến Nhà ông Cộng Xuyên	500

1.8	Từ Nhà Ông Vang T.Phong đến nhà ông Lưu	500
1.9	Từ Ngõ anh An Tân Bình 1 đến Chợ lăng	350
1.10	Dọc đê Sông Chu: Từ Nhà anh Thảo đếnn hết C.Xuyên	350
2	Trục giao thông chính các thôn còn lại + Cụm dân cư thôn Tân Bình và thôn Triệu Phong	350
3	Cụm dân cư thôn Làng Mới, Ngọc Sơn, Ngọc Thiện	300
4	Các đường ngõ còn lại tại xã +Cụm dân cư thôn Chẩn Xuyên	300
XXV	**XÃ THIỆU THÀNH**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ UBND xã đến Bà Vui thôn Thành Đức	800
1.2	Từ Bà Vui thôn Thành Đức đến Thôn T.Giang	550
1.3	Từ Nhà anh Nam đến Nhà anh Đức Thành Bảo	500
1.4	Từ Nhà ông Minh đến Nhà ông Tạo T.Tiến	500
1.5	Từ Nhà ông Việt đến Nhà ông Thường T.Tiến	500
1.6	Từ Cồn Bún T.Đông đến Cổ Bái T.Thượng	550
2	Trục chính các thôn + Dọc đê Cầu Chày	350
3	Đường nhánh từ trục chính các thôn	300
4	Đường ông Quế đi ông Sử Thành Tiến	350
5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	250
XXVI	**XÃ THIỆU VŨ**	
1	Đường thôn	
1.1	Từ Công ty XD Ngọc Sơn đến Bưu điện xã	1.000
1.2	Từ Ngã ba anh Biểu đến Bưu Điện xã	700
1.3	Từ Dốc nhà ông Trung đến nhà anh Hậu	700
1.4	Từ Dốc nhà ông Ngọt đến Bưu điện xã	750
1.5	Từ Nhà anh Chuẩn đến ông Điện	750
1.6	Từ Đình Yên Lộ đến trạm biến áp	600
2	Đường thôn Lam Vĩ: Tù Nhà anh Quế đến Nhà anh Khanh	600
3	Đường liên thôn + đê TW : Từ giáp thôn Cẩm Vân hết thôn Yên Lộ	550
4	Các trục đường chính còn lại của các thôn	450
5	Các trục đường nhánh của các thôn	350
7	Từ TBA Yên Lộ đến đường Thống Nhất	600
8	Từ dốc ông Soi đến Ông Linh Kế	600
9	Từ ông Linh Kế đến cây xăng	750
6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
XXVII	**XÃ THIỆU TIẾN**	
1	Đường qua UB: Từ giáp kênh Nam đến dốc đê sông Chu	800
2	Các trục đường chính liên thôn và trong thôn	600
3	Dọc đê TW; Từ giáp T.Phúc đến giáp Thiệu Vũ	500
4	Đường Quan Gia; Từ giáp kênh Nam đến nhà anh Quyền Phúc lộc 2	1.000
5	Đường liên thôn: từ Ngã tư Kênh Nam đến Dốc Chợ Là	500
6	Đường nhánh từ trục chính các thôn	400
7	Giáp xã Thiệu Phúc đến giáp xã Thiệu Vũ	2.100
8	Từ Anh Thịnh đến kênh nam (Đường vào nhà thờ Họ Vương Phúc Lộc 1 (506B)	1.000

9	Đường, ngõ ngách không nằm tương các vị trí trên	300
XXVIII	**XÃ THIỆU CÔNG**	
1	Đường liên thôn	
1.1	Từ Chợ Vước đến nhà anh Khương	600
1.2	Từ Chợ Vước đến nhà anh Kim	550
1.3	Từ Nhà anh Hoàng đến nhà anh Trung	550
1.4	Từ Nhà anh Việt đến nhà VH Liên Minh	500
1.5	Từ Nhà Kim đến nhà anh Tiến	450
1.6	Từ Nhà VH Liên Minh đến nhà anh Chung	450
1.7	Từ Nhà anh Tiến đến nhà anh Khánh	450
1.8	Từ Nhà anh Khánh đến giáp trại giống	450
1.9	Các đoạn liên thôn còn lại	400
2	Các trục chính liên thôn và trong thôn còn lại	350
3	Các đường nhánh từ trục chính các thôn ngõ còn lại	300
4	Đường trục xã	
4.1	Từ Chợ Vước đến đường Thiệu Long - Thiệu Tiến	600

15. HUYỆN YÊN ĐỊNH

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**QUỐC LỘ 45:**	
1	**XÃ ĐỊNH BÌNH**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Thiệu Long huyện Thiệu Hoá đến hộ bà Hoa Hạnh	3.500
1.2	Đoạn từ hộ bà Hoa Hạnh đến cổng đường vào làng Tân Sen	3.500
1.3	Đoạn từ hộ ông Dũng Hợp đến Cầu Si	4.000
1.4	Đoạn từ cầu Si đến hộ bà Hưng (phía Tây QL45)	5.000
1.5	Đoạn từ cầu Si đến hộ ông Khanh (phía Đông QL45)	5.000
1.6	Đoạn từ cây xăng ông Phước đến giáp thị trấn Quán Lào (phía Bắc QL45)	8.000
1.7	Đoạn từ hộ bà Hằng đến giáp thị trấn Quán Lào (phía nam QL45)	8.000
2	**THỊ TRẤN QUÁN LÀO**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Định Bình đến ngã ba đi cầu Yên Hoành	9.000
2.2	Đoạn từ ngã ba đường đi cầu Yên Hoành đến bờ kênh B6	9.000
2.3	Đoạn từ bờ kênh B6 đến ngã tư Quán Lào	9.500
2.4	Đoạn từ ngã tư Quán Lào đến Trạm Khuyến nông (phía Bắc đường QL45)	11.000
2.5	Đoạn từ Trạm Khuyến Nông đến hộ ông Nho (phía Bắc đường Quốc lộ 45)	11.000
2.6	Đoạn từ hộ ông Phan, khu 1 đến hộ ông Thiệu khu 1 (phía Bắc đường QL45)	9.000
2.7	Đoạn từ hộ ông Minh, khu 1 đến giáp xã Định Long (phía Bắc đường QL 45)	9.000
2.8	Đoạn từ ngã tư Quán Lào đến Bưu điện (phía Nam đường Quốc lộ 45)	11.000
2.9	Đoạn từ hộ ông Thuyên khu 2 đến hộ ông Vịnh - đường huyện đi vào xã Định Tăng (phía Nam đường Quốc lộ 45)	11.000
2.1	Đoạn từ hộ ông Quân Nguyệt (đường đi xã Định Tăng) đến xã Định Long (phía Nam đường Quốc lộ 45)	9.000
3	**XÃ ĐỊNH LONG**	
3.1	Đoạn từ giáp thị trấn Quán Lào đến hết Bệnh viện Đa khoa	9.000
3.2	Đoạn từ ngã tư hết Bệnh viện Đa khoa đến giáp ông Chung (Giầy da), phía Nam đường QL45	9.000
3.3	Đoạn từ ông Chung (Giầy da) đến giáp xã Định Liên, phía Nam đường QL45	9.000
4	**XÃ ĐỊNH LIÊN**	
4.1	Đoạn giáp xã Định Long đến đường vào Nhà máy gạch TuyNel (phía Nam đường QL45)	10.000
4.2	Đoạn từ đường vào Nhà máy gạch TuyNel đến Sân vận động (phía Nam đường QL45)	10.000
4.3	Đoạn giáp xã Định Long đến hết Sân vận động xã	10.000
4.4	Đoạn từ hết Sân vận động đến hộ ông Lới (thôn DT2)	7.000
4.5	Đoạn từ giáp hộ ông Lới (thôn DT2) đến ngã tư giáp hộ ông Phiêu	6.000
4.6	Đoạn từ giáp hộ ông Phiêu đến ngã tư đoạn đường cua	5.000
4.7	Đoạn từ ngã tư đoạn đường cua đến giáp xã Yên Thái	4.000
5	**XÃ YÊN THÁI**	
5.1	Đoạn từ giáp xã Định Liên đến Dốc Ngõ sau (giáp hộ ông Sáng)	2.500
5.2	Đoạn từ Dốc Ngõ sau thôn Lê Xá 1 đến giáp xã Yên Phong	2.500

5.3	Đoạn từ giáp hộ ông Tình đến ngã tư UBND xã Yên Thái phía Đê sông Mã	3.000
6	**XÃ YÊN PHONG**	
6.1	Đoạn từ giáp xã Yên Thái đến Trường THCS	3.500
6.2	Đoạn từ Trường THCS đến ngã ba đường nắn (phía Đông)	4.000
6.3	Đoạn từ ngã ba đường nắn (phía Đông) đến Trạm bơm Nam sông Mã	5.000
6.4	Đoạn từ Trạm bơm Nam sông Mã đến giáp xã Yên Trường	8.000
7	**XÃ YÊN TRƯỜNG**	
7.1	Đoạn giáp Yên Phong đến ngã 3 đường vào Trường THPT YĐ II	10.000
7.2	Đoạn từ ngã 3 đường vào Trường THPT YĐ II đến Cầu Kiểu (giáp huyện Vĩnh Lộc)	11.000
8	**QUỐC LỘ 45 CŨ**	
8.1	Đoạn đi qua xã Định Bình	700
8.2	Đoạn đi qua xã Định Tường	4.000
8.3	Đoạn đi qua thị trấn Quán Lào	5.000
9	**Đường tránh QL 45 vào Cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào**	
9.1	Đoạn đi qua xã Định Tường	
9.1.1	Đoạn từ giáp xã Định Bình đến giáp HTXNN xã Định Tường	4.500
9.1.2	Đoạn từ giáp HTXNN xã Định Tường đến giáp xã Định Long	4.500
9.2	Đoạn qua xã Định Bình	
9.2.1	Đoạn từ nhà ông Lăng (Năm), thôn Kênh Khê đến giáp xã Định Tường	4.500
9.2.2	Đoạn qua xã Định Liên	
9.2.3	Đoạn từ giáp xã Định Long đến giáp QL45	4.500
9.3	Đoạn qua xã Định Long	
9.3.1	Đoạn từ giáp xã Định Tường đến giáp xã Định Liên	4.500
10	**Đường nối QL 45 đi xã Định Tăng**	
10.1	Đoạn đi qua xã Định Tường	
10.1.1	Đoạn giáp TT Quán Lào đến ngã tư giao với Đường tránh QL 45 vào Cụm công nghiệp phía Tây Bắc TT Quán Lào	4.500
10.1.2	Đoạn từ ngã tư giao với Đường tránh QL 45 vào Cụm công nghiệp phía Tây Bắc TT Quán Lào đến giáp xã Định Tăng	3.500
10.2	Đoạn đi qua xã Định Tăng	
10.2.1	Đoạn từ giáp xã Định Tường đến đê Cầu Chày	2.500
10.3	Đoạn đi qua TT Quán Lào	
10.3.1	Đoàn từ ngã ba QL 45 giáp xã Định Tường	4.500
II	**TỈNH LỘ 518 (QL 47B)**	
1	**XÃ YÊN TRƯỜNG**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Kiểu - Kênh T2A	5.500
1.2	Đoạn từ Kênh T2A - đường vào Trạm điện 110	5.000
1.3	Đoạn từ Trạm điện 110 - dốc Máy kéo	4.000
1.4	Đoạn từ dốc Máy kéo - Giáp Yên Bái	3.000
2	**XÃ YÊN BÁI (cũ)**	
2.1	Đường TL 518, đoạn từ giáp xã Yên Trường đến hết ngã ba đi Bái Đồng Tiên	2.500
2.2	Đường TL 518B, đoạn từ sau ngã ba đi Bái Đồng Tiên đến hết ngã tư Trạm Biến thế Phú Đức	3.000

2.3	Đường TL 518, đoạn từ Trạm Biến thế đến giáp xã Yên Trung	2.000
3	**XÃ YÊN TRUNG**	
3.1	Đoạn từ giáp Yên Bái đến đường vào Trạm bơm nhà Lang	2.000
3.2	Đoạn đường vào Trạm bơm nhà Lang đến giáp Yên Tâm	2.000
4	**XÃ YÊN TÂM**	
4.1	Đoạn giáp xã Yên Trung đến hộ ông Lân thôn Mỹ Quan	2.500
4.2	Đoạn từ ông Thành đến nhà ông Tuân	1.500
4.3	Đoạn từ ông Tô đến giáp xã Yên Lâm	1.000
5	**XÃ QUÝ LỘC**	
5.1	Tuyến Đường 518 đi Yên Lâm: Đoạn từ ngã ba Quý Lộc đến giáp Phong Mỹ (Yên Lâm)	1.000
6	**XÃ YÊN LÂM**	
6.1	Đoạn từ xã Yên Tâm đến hết đường đi xứ đồng Cầu Đò, thôn Phong Mỹ	1.200
6.2	Đoạn từ Trạm điện Phong Mỹ đến hết hộ ông Như, thôn Phong Mỹ	1.700
6.3	Đoạn từ đất hộ bà Uyển thôn Phong Mỹ đi đến hết đất hộ ông Nhàn Tơ, thôn Phong Mỹ	1.500
6.4	Đoạn đường đi Đồng Mốc giáp dân cư thôn Phong Mỹ đến ngã ba đi xã Quý Lộc	1.200
6.5	Đoạn từ đất hộ ông Yên thôn Đông Sơn đến hết hộ ông Long Côi, thôn Đông Sơn	1.500
6.6	Đoạn từ đường đi thôn Diệu Sơn (hộ ông Minh Sáng, thôn Đông Sơn) đến hết đất hộ bà Ghi thôn Đông Sơn	2.000
6.7	Đoạn từ đường đi thôn Diệu Sơn (giáp đất hộ bà Ghi thôn Đông Sơn), đến hết đất hộ ông Chỉ thôn Hành Chính	3.000
6.8	Đoạn từ nhà bà Định Quyết đến hết đất hộ ông Thành Hòa, thôn Hành Chính	3.500
6.9	Đoạn từ giáp hộ ông Thành Hòa thôn Hành Chính đến hết đất hộ ông Thanh Vậy, thôn Hành Chính	3.000
6.10	Đoạn từ đường đi Z4 (từ hộ bà Na Triệu) đến hết cây xăng Thắm Bình	2.000
6.11	Đoạn từ giáp cây xăng Thắm Bình đến giáp xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy	1.200
III	**TỈNH LỘ 516 B**	
1	**THỊ TRẤN QUÁN LÀO**	
1.1	Đoạn từ ngã tư Quán Lào đến ngã ba hộ ông Hanh	7.000
1.2	Đoạn từ ngã ba hộ ông Tiến đến giáp xã Định Tường	5.000
2	**XÃ ĐỊNH TƯỜNG (cũ)**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Nghị giáp thị trấn Quán Lào đến UBND xã (cũ)	4.000
2.2	Đoạn từ UBND xã đến ngã tư hộ ông Khải	3.000
2.3	Đoạn từ ngã tư hộ ông Khải đến giáp xã Định Tăng	3.000
3	**XÃ ĐỊNH TĂNG**	
3.1	Đoạn từ giáp xã Định Tường đến Trạm Bơm (giáp Chợ)	2.000
3.2	Đoạn từ Trạm bơm đến đường vào UBND xã	3.000
3.3	Đoạn từ đường vào UBND xã đến hộ ông Đích	3.000
3.4	Đoạn từ hộ ông Đích đến cống Đầu Cống	2.000
3.5	Đoạn từ Cống Đầu cống đến Cầu Khải	2.000
4	**XÃ YÊN LẠC**	
4.1	Đoạn từ giáp Cầu Khải đến Nhà văn hóa (Phác Thôn)	2.000

4.2	Đoạn từ Nhà văn hóa (Phác Thôn) đến ngã tư Cổng Trống (thôn Hanh Cát 1)	3.000
4.3	Đoạn tù ngã tư Cổng Trống (thôn Hanh Cát 1) đến Cống đồng Mơ	2.000
4.4	Đoạn từ Cống đồng Mơ đến giáp xã Yên Thịnh	1.500
5	**XÃ YÊN THỊNH**	
5.1	Đoạn từ giáp Yên Lạc đến ngã tư đường QL 47B	1.500
5.2	Đoạn từ ngã ba ông Nghĩa, thôn 5 đến hộ bà Đăng thôn 4	1.200
5.3	Đoạn từ hộ bà Đăng thôn 4 đến ngã ba đường QL 47B	1.200
5.4	Đoạn từ ngã tư đường QL 47B đến giáp xã Yên Phú	1.200
6	**XÃ YÊN PHÚ**	
6.1	Đoạn giáp xã Yên Thịnh đến Mương xây qua đường (Trạm bơm 2)	1.200
6.2	Đoạn từ mương xây đến hộ ông Gia (thôn 6)	1.000
6.3	Đoạn từ nhà ông Gia đến mương máy nước	2.000
6.4	Đoạn từ mương máy nước đến giáp xã Yên Giang (cũ)	1.200
7	**XÃ YÊN GIANG (cũ)**	
7.1	Đoạn giáp xã Yên Phú đến hộ ông Trường (Thao)	1.200
7.2	Đoạn từ hộ ông Trường (Thao) đến hộ ông Định (Tường)	1.500
7.3	Đoạn từ hộ ông Định (Tường) đến bờ Đê	1.200
7.4	Đoạn từ bờ đê đến Cầu Nẫm	1.500
7.5	Đoạn từ Cầu Nẫm đến hộ ông Tự (Hỡi)	1.200
7.6	Đoạn từ anh Lưu Tuyết đến giáp TT Thống Nhất	1.200
8	**THỊ TRẤN THỐNG NHẤT**	
8.1	Đoạn từ giáp xã Yên Giang đến ngã ba hộ ông Cương Nở (khu 3/2)	1.200
8.2	Đoạn từ ngã ba hộ ông Lương (khu 3/2) đến ngã 3 cống Đá Ong	2.500
8.3	Đoạn từ ngã ba cống Đá Ong đến ngã ba đường đi chợ Thống Nhất	4.000
8.4	Đoạn từ ngã ba đường đi chợ Thống Nhất đến hộ ông Chiến Hải (phố 2)	4.000
8.5	Đoạn từ hộ ông Chiến Hải đến ngã ba Thành Hoè (khu phố 3)	2.500
8.6	Đoạn từ ngã ba Thành Hoè (khu phố 3) đến hết khu phố 4, giáp xã Cao Thịnh	1.500
9	**XÃ ĐỊNH BÌNH (lấy từ tuyến đường Tân Bình)**	
9.1	Đoạn từ Cây xăng Quốc lộ 45 đến ngã ba cống Tân Bình	3.500
9.2	Đoạn từ ngã ba cống Tân Bình đến giáp xã Định Tân	2.000
10	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
1.1	Đoạn giáp Định Bình đến giáp Định Tân	1.200
11	**XÃ ĐỊNH BÌNH (lấy từ tuyến đường Tân Bình)**	
11.1	Đoạn từ giáp xã Định Bình đến Đình Làng Yên Định.	2.000
11.2	Đoạn từ giáp Đình Làng Yên Định đến đường đê sông Mã.	2.000
12	**XÃ YÊN HÙNG**	
12.1	Đoạn từ giáp Xuân Châu, xã Yên Thịnh đến giáp Phúc Tỉnh, xã Yên Thịnh	1.500
IV	**TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH LỘ 516C**	
1	**XÃ ĐỊNH BÌNH**	
1.1	Đoạn từ ngã ba cống Tân Bình đến hết thôn Đắc trí	2.000
1.2	Đoạn từ hết thôn Đắc trí đến giáp xã Định Hòa	1.500
2	**XÃ ĐỊNH HÒA**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Định Bình đến đường rẽ vào Trường cấp 1,2 (phía Nam đường)	1.500

2.2	Đoạn từ đường rẽ vào Trường cấp 1,2 đến đường rẽ vào Trạm y tế (phía Nam đường)	2.000
2.3	Đoạn từ đường rẽ vào Trạm y tế đến ngã ba đường bê tông sau làng (phía Nam đường)	2.000
2.4	Đoạn từ ngã ba đường bê tông sau làng đến giáp xã Định Thành (phía Nam đường)	1.500
2.5	Đoạn từ hộ ông Hiển đến Trạm y tế xã (phía Bắc kênh tưới Nam sông Mã)	2.000
2.6	Đoạn từ Trạm y tế xã đến hộ ông Dũng Vân (phía Bắc kênh tưới Nam sông Mã)	2.000
2.7	Đoạn từ hộ ông Dũng Vân đến giáp xã Định Thành (phía Bắc kênh tưới Nam sông Mã)	1.500
3	**XÃ ĐỊNH THÀNH**	
3.1	Đoạn xã Định Hòa đến hộ ông Thọ (thôn 6)	1.200
3.2	Đoạn từ hết ông Thọ (thôn 6) đến ông Thắm (thôn 7)	1.500
3.3	Đoạn từ hết ông Thắm (thôn 7) đến hết hộ ông Sơn (thôn 9)	1.200
3.4	Đoạn từ hết hộ ông Sơn (thôn 9) đến giáp xã Định Công	1.200
4	**XÃ ĐỊNH CÔNG**	
4.1	Đoạn xã Định Thành đến ngã tư hộ ông Vịnh (thôn 2)	1.200
4.2	Đoạn từ ngã tư hộ ông Vịnh (thôn 2) đến cống tiêu giáp Trường cấp 2	1.200
4.3	Đoạn từ cống tiêu giáp Trường cấp 2 đến hết hộ ông Đức Phương (thôn Khang Nghệ)	1.200
4.4	Đoạn từ hết hộ ông Toản Can (Khang Nghệ) đến ngã ba đê Sông Mã (Khang Nghệ)	1.200
V	**TỈNH LỘ 528**	
1	**THỊ TRẤN QUÁN LÀO**	
1.1	Đoạn từ ngã tư Quán Lào đến hết Chợ Quán Lào	7.000
1.2	Đoạn từ hộ ông Bình Thé (hết chợ Quán Lào) đến đường đi vào Trường cấp 3	6.000
2	**XÃ ĐỊNH TƯỜNG (cũ)**	
2.1	Đoạn từ hộ bà Hường đến hộ ông Sơn Hà	7.000
2.2	Đoạn từ hộ Đào Thịnh đến Văn phòng thôn Lý Yên	6.000
2.3	Đoạn từ Văn phòng thôn Lý Yên đến Trạm Biến thế	4.000
2.4	Đoạn từ Trạm Biến thế đến giáp xã Định Hưng	3.000
3	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
3.1	Đoạn từ giáp Trại giống Định Tường đến hết cây xăng	2.500
3.2	Đoạn từ giáp cây xăng đến giáp Định Hải	2.000
4	**XÃ ĐỊNH HẢI**	
4.1	Đoạn từ giáp xã Định Hưng đến hộ bà Đoan Lượng (Sét Thôn)	1.200
4.2	Đoạn từ hộ ông Thảo Giang đến hộ bà An Tuyết (Sét Thôn)	1.200
VI	**TỈNH LỘ YÊN BÁI-CẦU VÀNG (QL 47B)**	
1	**XÃ YÊN BÁI (cũ)**	
1.1	Đường TL Yên Bái - Cầu Vàng: Đoạn từ hộ ông Chung (Phú Đức) đến hết Cầu Nổ (kênh 19/05)	2.000
1.2	Đường TL Yên Bái - Cầu Vàng: Đoạn từ Cầu Nổ (kênh 19/05) đến giáp Yên Hùng	1.500
2	**XÃ YÊN HÙNG**	

2.1	Đoạn từ giáp xã Yên Thịnh đến giáp xã Yên Bái	1.500
3	**XÃ YÊN THỊNH**	
3.2	Đoạn từ giáp cầu Vàng đến xã Yên Hùng	1.500
VII	**TỈNH LỘ 518B**	
1	**XÃ YÊN TRƯỜNG**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Kiểu (đường vào UBND) - ngã tư hộ ông Đây	8.000
1.2	Đoạn từ hộ bà Liên Lợi - ngã tư hộ ông Đây	8.000
1.3	Đoạn từ hộ ông Đây - ngã ba hộ ông Thành Nết	8.000
1.4	Đoạn từ ngã ba hộ ông Thành Nết - dốc đê hộ ông Tuấn Mộc	8.000
1.5	Đoạn từ dốc Đê (nhà ông Tuấn Mộc) - giáp Yên Thọ	1.000
2	**XÃ YÊN THỌ**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Yên Trường đến hộ bà Nở thôn 8	1.000
2.2	Đoạn từ hộ bà Nở thôn 8 đến hộ bà Hằng Sơn thôn 8	1.000
2.3	Đoạn từ hộ bà Hằng thôn 8 đến hộ ông Thanh thôn 5	1.500
2.4	Đoạn từ hộ ông Thanh thôn 5 đến giáp xã Quý Lộc	1.000
3	**XÃ QUÝ LỘC**	
3.1	Đoạn từ giáp xã Yên Thọ đến hộ ông Thiết	1.000
3.2	Đoạn từ hộ ông Vân đến hộ ông Tiến	1.000
3.3	Đoạn từ hộ ông Lưu đến hộ ông Vũ Cát	1.000
3.4	Đoạn từ hộ ông Thám đến hộ ông Tuyển	1.200
3.5	Đoạn từ hộ ông Thăng đến hộ ông Lập	1.500
3.6	Đoạn từ hộ Huân đến giáp hộ ông Màu Xê	2.500
3.7	Đoạn từ hộ ông Hùng Thu đến hộ ông Bắc Mai	3.000
3.8	Đoạn từ hộ ông Phi thôn 2 đến hộ ông Thiềng	1.500
3.9	Đoạn từ hộ ông Thiệp đến hộ ông Khâm	1.000
3.10	Đoạn từ hộ ông Trung Mão đến cầu Suông (Cẩm Vân)	1.000
VIII	**TỈNH LỘ 516 D**	
1	**XÃ ĐỊNH TIẾN**	
1.1	Đoạn từ giáp đê sông Mã (cống tiêu Yên Thôn), đến giáp xã Định Tân	1.000
1	**XÃ ĐỊNH TÂN**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Định Tiến đến ngã ba Đường 516B	1.000
2	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
2.1	Đoạn từ ngã 3 Tân Bình, đến ngã ba Đa Tráng (giáp xã Định Long)	2.000
3	**XÃ ĐỊNH LONG**	
3.1	Đoạn từ giáp xã Định Hưng đến ngã ba Phúc Thôn	1.000
3.2	Đoạn từ ngã ba Phúc Thôn đến giáp NVH Là Thôn	1.500
3.3	Đoạn từ Nhà văn hoá Là Thôn đến giáp xã Định Liên	1.500
4	**XÃ ĐỊNH LIÊN**	
4.1	Đoạn từ giáp xã Định Long đến Đình Vực Phác	1.500
4.2	Đoạn từ Đình Vực Phác đến hộ ông Nhuận (thôn DT2)	2.000
4.3	Đoạn ngã ba Sân vận động đến Đường tránh QL45	4.000
4.4	Đoạn đường tránh QL45 đến giáp xã Yên Ninh	2.000
5	**XÃ YÊN NINH**	
5.1	Đoạn từ giáp xã Định Liên đến Cống qua đường kênh 19/5	1.000
5.2	Đoạn từ Cống qua đường Kênh 19/5 đến Đình Nhất	1.000

5.3	Đoạn từ giáp Đình Nhất đến Trường cấp 1,2	2.000
5.4	Đoạn từ hết Trường cấp 1,2 đến ngã ba Cây Cáo, đường rẽ đi xã Yên Lạc	1.000
5.5	Đoạn từ ngã ba Cây Cáo, đường rẽ đi xã Yên Lạc đến giáp xã Yên Hùng	1.000
6	**XÃ YÊN HƯNG**	
6.1	Đoạn từ giáp xã Yên Ninh đến hộ ông Ba Tàu	1.000
6.2	Đoạn từ hộ ông Ba Tàu đến hộ ông Thái Xoan	1.200
6.3	Đoạn từ hộ ông Thái Xoan đến đường Tỉnh lộ cầu Vàng Yên Bái	1.000
VIII	**TỈNH LỘ 506 C**	
1	**XÃ YÊN THỊNH**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Xuân Vinh, đến ngã tư ông Kỳ thôn 4	800
2	**XÃ YÊN LẠC**	
2.1	Đoạn từ ngã tư Châu thôn 1 đến giáp xã Yên Ninh (đường nhựa)	800
3	**XÃ YÊN NINH**	
3.1	Đoạn từ giáp xã Yên Lạc đến ngã ba đường (Định Liên - Yên Hùng)	800
3.2	Đoạn từ ngã ba đường (Định Liên - Yên Hùng), đến giáp xã Yên Phong	800
4	**XÃ YÊN PHONG**	
4.1	Đoạn từ Quốc lộ 45 đến kênh Thống Nhất	1.500
4.2	Đoạn từ kênh Thống Nhất đến Cống Diệc	1.000
4.3	Đoạn từ Cống Diệc đến giáp xã Yên Ninh	1.000
IX	**ĐƯỜNG VÀNH ĐAI THỊ TRẤN**	
1	**XÃ ĐỊNH TƯỜNG (cũ)**	
1.1	Đoạn giáp xã Định Bình đến giáp xã Định Hưng	3.500
2	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
2.1	Đoạn giáp xã Định Tường (cũ) đến giáp xã Định Long	3.500
3	**XÃ ĐỊNH LONG**	
3.1	Đoạn giáp xã Định Hưng đến giáp xã Định Liên	3.000
4	**XÃ ĐỊNH LIÊN**	
4.1	Đoạn giáp xã Định Long đến giáp đường đê sông Mã	2.000
X	**ĐƯỜNG TỪ QL45 ĐI CẦU YÊN HOÀNH**	
1	**THỊ TRẤN QUÁN LÀO**	
1.1	Đoạn ngã 3 QL45 đến giáp xã Định Tường (cũ)	6.000
2	**XÃ ĐỊNH TƯỜNG (cũ)**	
2.1	Đoạn giáp thị trấn Quán Lào đến giáp xã Định Hưng	5.000
3	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
3.1	Đoạn giáp xã Định Tường đến giáp xã Định Tân	4.000
4	**XÃ ĐỊNH TÂN**	
4.1	Đoạn giáp xã Định Tường đến Cầu Yên Hoành	4.000
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ,THỊ TRẤN**	
I	**THỊ TRẤN QUÁN LÀO**	
1	**Tuyến đường liên xã.**	
1.1	Đường đi Sân vận động từ Quốc lộ 45, đến Đài truyền thanh huyện	5.500
1.2	Đoạn từ Đài truyền thanh huyện đến giáp xã Định Tường (cũ)	3.500
2	**Tuyến các đường trong thị trấn.**	
2.1	Đường trong khu I.	
2.1.1	Đoạn từ Nhà thi đấu huyện đến xí nghiệp Tân Bình	3.500

2.1.2	Đoạn từ đền Ngọ Tư Thành đến giáp Bệnh viện Đa khoa	3.000
2.1.3	Đoạn từ ngã ba hộ bà Hảo đến Nhà văn hoá khu 1	1.500
2.1.4	Đoạn từ hộ ông Xuân đến hộ ông Lâm Tuất	3.000
2.1.5	Các đường xương cá ra Quốc lộ 45	2.000
2.1.6	Đoạn từ hộ ông Lâm Tuất đến giáp xã Định Long	2.000
2.1.7	Đoạn từ hộ ông Vân đến hộ ông Bổ	1.500
2.1.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	1.000
2.2	Đường trong khu II.	
2.2.1	Đoạn từ Quốc lộ 45 (Ngã ba Bưu điện) đến hộ bà Lắm giáp xã Định Tường (cũ)	3.000
2.2.2	Đoạn từ Quốc lộ 45 (hộ ông Khang) đến (hộ ông Tào) giáp xã Định Tường (cũ)	3.000
2.2.3	Các trục đường còn lại	1.500
2.3	Đường trong khu III.	
2.3.1	Đoạn từ ngã ba hộ ông Hanh đến hộ ông Thuyết (qua kênh B6)	3.000
2.3.2	Đoạn từ Ngã ba Quốc Lộ 45 (giáp thương mại) đến ngã tư Trường Mầm non	3.000
2.3.3	Các đường xương cá nối ra Quốc lộ 45	3.000
2.3.4	Các đường xương cá nối Kênh B6	1.500
2.3.5	Đường song song và các đường rẽ ra Quốc lộ 45 từ Kênh B6 đến giáp Định Tường (cũ)	2.000
2.3.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	1.000
2.4	Đường trong khu IV	
2.4.1	Đoạn từ Quốc Lộ 45 đến hết Trạm y tế	3.000
2.4.2	Các đường xương cá ra Quốc Lộ 45	3.000
2.4.3	Đường song song với QL45 lô 1 và đường ra Quốc lộ 45 (từ đường ra cầu Yên Hoành đến giáp xã Định Bình)	3.000
2.4.3	Các đường còn lại khu vực Quy hoạch Cụm Thương mại Dịch vụ từ đường đi cầu Yên Hoành đến giáp xã Định Bình	3.000
2.4.3	Các đường nối ra kênh B6 từ đường đi cầu Yên Hoành đến giáp kênh B6	3.000
2.4.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	1.000
2.5	Đường trong Khu V	
2.5.1	Đoạn từ Quốc Lộ 45 đến Trường Yên Định I	4.000
2.5.2	Đoạn từ ngã ba (giáp Trường Yên Định I) đến đình làng Lý Yên	3.000
2.5.3	Đoạn từ Quốc lộ 45 đến ngã ba đường Trường Trần Ân Chiêm	3.000
2.5.4	Đường Trường Trần Ân Chiêm (từ Trường Yên Định I đến hộ bà Xuân khu 1)	3.000
2.5.5	Các đường xương cá Cụm dân cư khu vực Nhà máy nước	2.000
2.5.6	Các hộ dân cư trong khu vực chợ Quán Lào	4.000
2.5.7	Đoạn Quốc lộ 45 giáp hộ ông Nho khu 5 đến hộ bà Lọc Hướng	3.000
2.5.8	Đường dọc bờ ao khu Nhà máy nước từ hộ ông Hải Thục đến ngã ba đường nhựa	2.000
2.5.9	Các tuyến đường khu đô thị mới (khu 4) thị trấn Quán Lào	3.000
3	**Đường trong khu dân cư mới và dân cư quy hoạch khu 3, phía nam thị trấn Quán Lào (giáp xã Định Tường, cũ)**	2.500
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	1.000
II	**THỊ TRẤN THỐNG NHẤT**	

1	**Tuyến đường liên xã (ATK)**	
1.1	Đoạn từ ngã ba đường đi chợ đến ông Thuỷ Dung (khu phố 2)	3.000
1.2	Đoạn từ ông Thuỷ Dung (Khu phố 2) đến Cầu Bãi Lai	2.500
1.3	Đoạn từ Cầu Bãi Lai đi ngã ba Nhà văn hoá Thăng Long đến ngã ba hộ ông Hùng Thanh	1.500
1.4	Đoạn từ hộ ông Hùng Thanh đến giáp xã Cao Thịnh	1.000
2	**Tuyến đường trục trong thị trấn**	
2.1	Đoạn từ ngã ba Tượng đài Liệt sỹ đến hết Trường cấp II, III	1.500
2.2	Đoạn từ ngã ba hộ ông Cương Nỡ (khu 3/2) đi hết khu Sơn Phòng đến hết Sân bóng (khu Thắng Lợi)	500
2.3	Đoạn ngã ba hộ ông Thành Hoè (khu phố 3) đến hết khu Sao Đỏ (giáp xã Quảng Phú)	500
3	**Tuyến đường liên khu phố**	
3.1	Đoạn từ hộ ông Quang Hạnh đến giáp khu phố Thắng Lợi	520
4	**Các đường trong phố**	
4.1	Khu Phố 1	
4.1.1	Đoạn từ hộ bà Chuyền - Sỹ đến hộ bà Ân - Huyền	1.040
4.1.2	Đoạn từ hộ bà Ân - Huyền đến hộ bà An - Thanh	910
4.1.3	Đoạn từ hộ bà Bình - Tài đến hộ bà Kim - Điều	1.040
4.1.4	Đoạn từ hộ bà Kim Điều đến hộ bà Hợp Thuận	910
4.1.5	Đoạn từ hộ bà Hoa Hùng đến hộ bà Thanh Chiến	1.040
4.1.6	Đoạn từ hộ bà Thanh - Chiến đến hộ bà Chi - Nam	910
4.1.8	Đoạn từ hộ bà Giới - Lịch đến hộ bà Sen - Hoan	1.040
4.1.7	Đoạn từ hộ bà Hồng đến hộ bà Mai - Thanh	780
4.1.9	Đoạn từ hộ bà Sen Hoan đến hộ bà Hưng Nghiêm	845
4.1.10	Đoạn từ hộ bà Nhật - Thảo đến hộ bà Yến - Thành	1.040
4.1.11	Đoạn từ hộ bà Yến - Thành đến hộ bà Hoà - Quảng	910
4.1.12	Đoạn từ hộ bà Dung Long đến hộ bà Trang Huy	1.040
4.1.13	Đoạn từ hộ bà Phượng Vào đến hộ bà Thuỷ Cảnh	780
4.1.14	Đoạn từ hộ bà Lĩnh Chung đến hộ bà Ninh Phong	780
4.1.15	Đoạn từ hộ bà Ân - Huyền đến hộ bà Lĩnh - Chung	1.040
4.1.16	Đoạn từ hộ bà Yên Hoa đến hộ bà Thục	1.040
4.1.17	Đoạn từ hộ bà Thục đến hộ ông Kỳ - Hồng	910
4.1.18	Đoạn từ hộ bà Thanh đến hộ ông Nguyên	1.040
4.1.19	Đoạn từ hộ bà Đùa đến hộ bà Lan – Tân	650
4.1.20	Đoạn từ hộ bà Đằng đến hộ bà Anh	650
4.1.21	Đoạn từ hộ bà Nhinh đến hộ bà Cúc	800
4.1.22	Đoạn từ hộ bà Loan đến hộ ông Trung - Thắng	800
4.1.23	Đoạn từ hộ bà Dung Thương đến hộ ông Tuân - Nhi	800
4.2	Khu Phố 2	
4.2.1	Đoạn từ hộ ông Hùng đến giáp đất xã Cao Thịnh	650
4.2.2	Đoạn từ hộ bà Liễu - Hiệp đến hộ bà Lanh	390
4.3	Khu Phố 3	
4.3.1	Đoạn từ hộ bà Hoa - Hà đến hộ bà Dung	780
4.3.2	Đoạn từ hộ bà Tuyến - Thành đến hộ bà Bưởi	650

4.3.3	Đoạn từ hộ bà Lâm - Đức đến hộ bà Quế Bích	650
4.3.4	Đoạn từ hộ bà Tâm - Viên đến hộ bà Hải - Tuyền	650
4.3.5	Đoạn từ hộ bà Hải - Tuyền đến hộ bà Minh	455
4.3.6	Đoạn từ hộ bà Ân - Việt đến hộ bà Âu - Thiệu	715
4.3.7	Đoạn từ hộ bà Huyền Liên đến hộ bà Vân - Thắng	585
4.3.8	Đoạn từ hộ bà Vân - Thắng đến hộ bà Thuý Tuyến	455
4.3.9	Đoạn từ hộ bà Hương - Đông đến hộ bà Hải Tuyền	585
4.3.10	Đoạn từ hộ bà Khanh - Vững đến hộ bà Tá	585
4.3.11	Đoạn từ hộ bà Hà - Tâm đến hộ bà Khoa	390
4.4	Khu Phố 3/2	
4.4.1	Đoạn từ hộ bà Trúc - Hải đến hộ bà Nê, bà Nhuần	715
4.4.2	Đoạn từ hộ bà Cúc đến hộ bà Ta, bà Đoán	520
4.4.3	Đoạn từ hộ bà Hà - ước đến hộ bà Phương - Đại	585
4.4.4	Đoạn từ Nhà văn hoá đến hộ ông Ca, bà Long	585
4.4.5	Đoạn từ hộ Quang - Hải đến hộ Nghiêm - Phương	520
4.4.6	Đoạn từ hộ bà Sen - Lang đến hộ ông Xuông	520
4.4.7	Đoạn từ hộ bà Mão - Hồ đến hộ ông Bốn - Quế	325
4.4.8	Đoạn từ hộ bà Ngọc - Quang đến hộ bà Liên - Hải	585
4.4.9	Đoạn từ hộ bà Hưng đến hộ bà Cúc - Minh, giáp xã Yên Giang	455
4.4.10	Đoạn từ hộ bà Cúc đến hộ ông Chuẩn	455
4.4.11	Đoạn từ hộ ông Ngạp đến giáp xã Yên Giang)	910
4.5	Khu Phố Thăng Long	
4.5.1	Đoạn từ hộ ông Sơn - Thành đến hộ bà Điếu	520
4.5.2	Đoạn từ hộ bà Điếu đến hộ ông Vinh - Tươi	390
4.5.3	Đoạn từ hộ bà Bảy - Quang đến hộ ông Thuyết	325
4.5.4	Đoạn từ hộ bà Như - Phẩm đến hộ bà Thu - Bình	390
4.5.5	Đoạn từ hộ bà Liên - Lộc đến hộ ông Trường - Thuý	390
4.5.6	Đoạn từ hộ bà Ngàn đến hộ bà Thuận	325
4.6	Khu Phố 4	
4.6.1	Đoạn từ hộ ông Cảnh Đề đến hộ ông Dực - Hạnh	585
4.6.2	Đoạn từ hộ ông Cảnh Đề đến hộ ông Hải	1.040
4.6.3	Đoạn từ hộ ông Hải đến hộ ông Lặng - Hoa	520
4.6.4	Đoạn từ hộ bà Xim - Thụ đến hộ ông Thư - Hoa	585
4.6.5	Đoạn từ hộ ông Thọ đến hộ bà Lý	650
4.6.6	Đoạn từ hộ bà Diện - Bốn đến hộ bà Cúc	585
4.6.7	Đoạn từ hộ bà Mai - Sơn đến hộ bà Hạnh	585
4.6.8	Đoạn từ hộ bà Lý đến hộ bà Hà - Dương	520
4.6.9	Đoạn từ hộ bà Vỡ đến hộ ông Suyết - Phấn	390
4.6.10	Đoạn từ hộ ông Nghĩa đến hộ ông Tiêu	325
4.6.11	Đoạn từ hộ ông Sự - Sự đến hộ bà Khuyên	325
4.7	Khu Phố Sao Đỏ	
4.7.1	Đoạn từ hộ bà Tính Thắng đến hộ ông Hoà Khánh	455
4.7.2	Đoạn từ hộ bà Nhỏi đến hộ ông Đương Thìn	455
4.7.3	Đoạn từ hộ ông Kỳ Thanh đến hộ bà Thảo	455
4.7.4	Đoạn từ hộ bà Năm Sơn đến hộ ông Trường Hương	520

4.7.5	Đoạn từ hộ bà Tính - Thắng đến hộ bà Nhới	520
4.7.6	Đoạn từ hộ ông Hoà (Khánh) đến hộ bà Nụ	455
4.7.7	Đoạn từ hộ ông Búp đến hộ ông Đức - Sơn	455
4.7.8	Đoạn từ hộ bà Thiết - Hải đến hộ ông Tý -Thìn	390
4.7.9	Các đường trong QH cụm Thương mại Dịch vụ dự án Bò sữa	650
4.7.10	Đoạn từ hộ ông Đương - Thìn đến hộ ông An - Vê	325
4.8	Khu Phố Sơn Phòng	
4.8.1	Đoạn từ hộ bà Đào đến hộ ông Thoa - Hùng	390
4.8.2	Đoạn từ hộ Nhà văn hoá đến hộ bà Luyến - Chiến	325
4.8.3	Đoạn từ hộ ông Tâm - Sáng đến hộ ông Đồng	325
4.9	Khu Phố Thắng Lợi	
4.9.1	Đoạn từ hộ bà Toán đến hộ bà Nhật	390
4.9.2	Đoạn từ hộ ông Hùng đến hộ ông Ngân - Hằng	390
4.9.3	Đoạn từ hộ bà Thú đến hộ ông Hiếu - Hoa	351
4.9.4	Đoạn từ hộ ông Hạnh - Mai đến hộ ông Toản Sương	390
4.9.5	Đoạn từ hộ ông Năm - Nhàn đến hộ ông Vân - Tuyết	312
4.9.6	Đoạn từ hộ bà Lan Thắng đến hộ ông Chung Hường	325
4.9.7	Đoạn từ hộ ông Tý đến hộ ông Dực - Huệ	325
4.9.8	Đoạn từ hộ bà Na - Nghị đến hộ ông Quân - Lan	286
4.9.9	Đoạn từ hộ bà Hiền - Quảng đến hộ ông Hiền - Tiền	286
5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	260
III	**XÃ YÊN PHÚ**	
1	**Tuyến đường liên xã đi Yên Bái**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Mộc đến hết đất Yên Phú, giáp Yên Bái	650
2	**Tuyến đê sông Cầu Chày**	390
3	**Đường trục các thôn**	
3.1	Các đường trục thôn Trịnh Lộc nối ra Tỉnh lộ 516B	351
3.2	Các đường còn lại trong thôn Trịnh Lộc	299
3.3	Đoạn từ hộ bà Thanh thôn Bùi Hạ 2 đến hộ ông Huấn thôn Bùi Hạ 2	455
3.4	Đoạn từ hộ bà Loan thôn Bùi Hạ 2 đến hộ ông Ninh thôn Bùi Hạ 2	455
3.5	Đoạn từ hộ ông Thọ thôn Bùi Hạ 2 đến hộ ông Mẫn thôn Bùi Hạ 2	455
3.6	Các đường còn lại trong thôn Bùi Hạ 2	390
3.7	Đoạn từ hộ ông Bằng thôn Bùi Hạ 1 đến hộ ô Thưởng thôn Bùi Hạ 1	455
3.8	Đoạn từ hộ ông Quang thôn Bùi Hạ 1 đến Nhà văn hoá thôn Bùi Hạ 1	455
3.9	Đoạn từ hộ ông Đồng Thông thôn Bùi Hạ 1, đến ông Tám thôn Bùi Hạ 1	390
3.10	Các đường còn lại trong thôn Bùi Hạ 1	351
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
IV	**XÃ YÊN LÂM**	
1	**Tỉnh lộ Minh Sơn - Thành Minh**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Cẩm Vân đến đất ông Quế Tùng thôn Thắng Long	500
1.2	Đoạn giáp TL 518 hộ ông Diệp thôn Hành Chính, đến hộ ông Chính Lan thôn Đông Sơn	1.000
2	**Đường Liên Huyện**	
2.1	Đoạn từ ngã ba Phong Mỹ giáp hộ ông Thỉnh Tám, đến ngã ba đội Phong Mỹ (thôn Phong Mỹ)	520

2.2	Đoạn từ ngã ba đội Phong Mỹ (thôn Phong Mỹ), đến hết xã Yên Lâm giáp Phú Xuân, xã Yên Tâm	520
2.3	Đoạn từ ngã ba đội Phong Mỹ (thôn Phong Mỹ), đến ngã ba Phúc Trí, xã Yên Lâm	520
2.4	Đoạn từ ngã ba Phúc Trí, đi ngã tư làng mới xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	780
2.5	Đoạn từ giáp Tỉnh lộ 518 (Bưu điện) đi đến kênh Cửa Đạt (cống ông Hiên)	650
2.6	Đoạn từ giáp kênh Cửa Đạt, đến hết đất lâm nghiệp hộ ông Hoà thôn Đông Sơn	650
2.7	Đoạn từ giáp hộ ông Hòa thôn Đông Sơn, đến ngã ba đường làng Nghề	650
2.8	Đoạn giáp hộ ông Chính Lan thôn Đông Sơn, đi ngã ba Trạm điện trung gian	715
2.9	Đoạn từ ngã ba Trạm điện trung gian đi 61, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	520
2.10	Đoạn từ giáp hộ ông Chính Lan thôn Đông Sơn, đi ngã ba thôn Phúc Trí	780
2.11	Đoạn từ ngã ba Trạm điện trung gian, đi ngã ba cây xăng Thắm Bình	715
2.12	Đoạn ngã ba thôn Phong Mỹ (đội Lúa) đi xã Yên Tâm	500
3	**Đường liên xã**	
3.1	Đoạn từ ngã ba giáp đất hộ ông Yên thôn Đông Sơn, đi giáp đất xã Quý Lộc	780
3.2	Đoạn từ giáp đất hộ ông Lưu Thái thôn Hành Chính, đi giáp xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy	520
3.3	Đoạn từ giáp đất hộ ông Sáu Toàn đến cống Bai	520
3.4	Đoạn từ cống Bai đến giáp xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy	520
4	**Tuyến đường từ xã đến thôn**	
4.1	Đoạn từ giáp Tỉnh lộ 518 (tràn Cao Khánh), đến ngã ba giáp nhà ông Thời thôn Cao Khánh	585
4.2	Đoạn từ giáp đất hộ bà Định Quyền thôn Hành Chính, đi hết đất hộ ông Đoàn xã thôn Hành Chính	650
4.3	Đoạn từ giáp đất hộ ông Đoàn xã thôn Hành Chính, đến hết đất hộ ông Hiệp Toàn thôn Thắng Long	585
4.4	Đoạn từ giáp đất hộ ông Hiệp Toàn thôn Thắng Long đến NVH thôn Thắng Long	520
4.5	Đoạn từ TL 518 sau đất hộ bà Nhàn Quyền thôn Đông Sơn, đến hết đất NVH thôn Diệu Sơn	650
4.6	Đoạn từ giáp NVH thôn Diệu Sơn đến hết hộ ông Công Chuyền	650
4.7	Đoạn từ hộ ông Đạt thôn Đông Sơn đi hết kênh Cửa Đạt	455
4.8	Đoạn từ giáp kênh Cửa Đạt đến hết đất hộ ông Đằng, thôn Quan Trì	520
4.9	Đoạn từ sau đất hộ ông Vinh thôn Phúc Trì đến hết NVH thôn Phúc Trì	455
4.10	Đoạn từ sau đất hộ ông Hòa thôn Phong Mỹ đến NVH thôn Phong Mỹ 2 cũ	455
5	**Đường trục chính nội thôn**	
5.1	Đường trục chính nội thôn Cao Khánh	
5.1.1	Đoạn từ giáp NVH thôn Cao Khánh đi đến ngã ba giáp hộ ông Sơn Lương	455
5.2	Đường trục chính nội thôn Thắng Long	
5.2.1	Đoạn từ ngã ba hộ ông Chung Mùi đi đến hết đất hộ ông Nhung Bốn	455
5.2.2	Đoạn từ ngã ba hộ bà Thụy Nhật đi đến ngã tư hộ ông Lợi Hà	455
5.3	Đường trục chính nội thôn Diệu Sơn	
5.3.1	Đoạn giáp hộ ông Lan Diệp đến hết hộ ông Hoàng Du	455
5.3.2	Đoạn từ hộ ông Lai đến hộ ông Tiến Tâm	455
5.3.3	Đoạn giáp hộ ông Tâm Lương đến hết hộ ông Thư	455

5.3.4	Đoạn giáp hộ ông Cam Đường thôn Thắng Long đi hết hộ ông Ích	455
5.3.5	Đoạn nhà Bà Thể đến hết hộ ông Nhung Hồng	455
5.3.6	Đoạn giáp hộ ông Toàn Liêm thôn Hành Chính, đến hết hộ ông Tuyên Nhương	585
5.4	Đường trục chính nội thôn Đông Sơn	
5.4.1	Đoạn giáp hộ ông Long Côi đến ngã tư hộ bà Bắc, thôn Diệu Sơn	520
5.4.2	Đoạn giáp hộ ông Minh Thảo đến kênh Cửa Đạ	520
5.4.3	Đoạn từ hộ ông Mạnh Xế đến đất ông Đệ	520
5.5	Đường trục chính nội thôn Phúc Trí	
5.5.1	Đoạn giáp NVH thôn đến giáp đất hộ ông Thực	455
5.5.2	Đoạn giáp cống bà Tám Con đến hết đất hộ ông Huỳnh Nhân	455
5.6	Đường trục chính nội thôn Phong Mỹ	
5.6.1	Đoạn từ giáp hộ ông Chương Xuân (thôn Phong Mỹ cũ), đến hộ ông Hóa Dục (thôn Phong Mỹ cũ)	455
5.6.2	Đoạn giáp hộ bà Thiết (Phong Mỹ cũ) đến hết hộ bà Vinh Long (Phong Mỹ cũ)	455
5.6.3	Đoạn giáp hộ bà Vượng (Phong Mỹ cũ) đến hộ bà Nga (Phong Mỹ cũ)	455
5.6.4	Đoạn giáp hộ ông Tơ (Phong Mỹ 1 cũ) đến hết đất ông Lan (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.5	Đoạn giáp đất ông Tư (Phong Mỹ 1 cũ) đến hết đất ông Lĩnh Mậu (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.6	Đoạn hộ ông Nhập (Phong Mỹ 1 cũ) đến giáp đất ông Thuần Tơ (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.7	Đoạn từ ông Bộ Lệ (Phong Mỹ 1 cũ) đến hết hộ ông Do Dy	455
5.6.8	Đoạn giáp hộ ông Long đến giáp đất ông Lan (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.9	Đoạn từ giáp hộ bà Hạnh đến hết đất bà Cúc (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.10	Đoạn từ giáp đất ông Hiến đến hết đất ông Chung (Phong Mỹ 1 cũ)	455
5.6.11	Đoạn giáp đất ông Hiệu đến giáp đất ông Lung (Phong Mỹ 2 cũ)	455
5.6.12	Đoạn giáp đất ông Xếp đến hết đất ông Thuận (Phong Mỹ 2 cũ)	455
5.6.13	Đoạn giáp đất ông Hòe đến hết đất ông Viện (Phong Mỹ 2 cũ)	650
5.6.14	Đoạn từ ngã tư giáp đất ông Viện đến hết đất bà Thới	650
5.6.15	Đoạn giáp đết ông Yên đến giáp đất ông Việt (Phong Mỹ 2 cũ)	455
5.6.16	Đoạn giáp đất ông Doan đến giáp đất ông Ngọc (Phong Mỹ 2 cũ)	455
5.7	Các trục nội thôn khác	
5.7.1	Các đường trục khác của các thôn Cao Khánh, Hành Chính, Thắng Long, Diệu Sơn, Đông Sơn, Quan Trì, Phúc Trí, Phong Mỹ	390
6	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
V	**XÃ YÊN TÂM**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Đồn đến ngã ba Trường Tiểu học	1.950
1.2	Đoạn từ ngã ba Trường Tiểu học đến Cầu Trắng xã Yên Giang	
1.2.1	Đoạn từ ngã ba Trường Tiểu học đến xưởng may Chị Sáng	650
1.2.2	Đoạn từ xưởng may Chị Sáng đến Cầu Trắng xã Yên Giang	650
1.3	Đoạn từ ngã ba Trường Tiểu học đến giáp xã Yên Giang	
1.3.1	Đoạn từ ngã ba Trường Tiểu học đến hộ ông Dương Xá Lập	780
1.3.2	Đoạn từ hộ ông Dương Xá Lập đến giáp xã Yên Giang	780

2	**Tuyến đường liên thôn**	
2.1	Đường trục từ Đường 518 thôn Mỹ Quan, đến thôn Phú Xuân	
2.1.1	Đoạn từ hộ ông Trường đến hộ ông Hùng Oanh	455
2.1.2	Đoạn từ hộ ông Hùng Oanh đến thôn Phú Xuân	455
2.2	Đường từ hộ ông Sơn (Phú Xuân) đến ngã ba làng Đa Vìn	455
3	**Tuyến đường các thôn**	
3.1	Đường trục các thôn Mỹ Hòa, Mỹ Quan, (Mỹ Lương, Mỹ Lợi thôn cũ), thôn mới Lương Lợi	325
3.2	Đường trục các thôn (Phú Xuân, Yên Trường, Thành Xá, Thành Lập, Thành Hưng, Tân Hưng thôn cũ). Thôn mới	260
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
VI	**XÃ YÊN GIANG (nay là xã Yên Phú)**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Đoạn từ ngã ba hộ ông Đức (Cáp) đến đường bê tông cây Trắm đi Bái Muôn.	650
1.2	Đoạn từ ngã ba hộ ông Đức (Cáp) đến giáp xã Yên Tâm.	650
1.3	Đoạn từ ngã ba hộ ông Tự (Hởi) đi Cầu Trắng, đến giáp xã Yên Tâm	650
1.4	Đoạn từ hộ bà Bình Phong đi Cầu Trắng	650
2	**Tuyến đê sông Cầu Chày**	390
3	**Tuyến đường liên thôn, xóm**	
3.1	Đoạn từ ngã ba hộ ông Quân (thôn 4 cũ) đến cống Bến thôn Đa Nẫm	455
3.2	Đoạn từ cống Bến đến nhà ông Minh Huân thôn 7(cũ)	455
3.3	Đoạn từ hộ ông Hạnh Bắc đến Nhà văn hóa (thôn 2 cũ), thôn Bùi Thượng	390
3.4	Đoạn từ nhà ông Hoa Lý đến hộ ông Thành Tịch, thôn Bùi Thượng	450
3.5	Đoạn từ hộ ông Khuân (thôn 2) đến hộ ông Dung Luyến (thôn 2)	325
3.6	Đoạn từ hộ ông Dần (thôn 5) đến hộ ông Nhân Phượng (thôn 5)	260
3.7	Đoạn từ hộ ông Vĩnh (thôn 5) đến hộ bà Thuý (thôn 5)	260
3.8	Đoạn từ hộ ông Căn (thôn 6) đến hộ ông Thân (thôn 6)	260
3.9	Đoạn từ hộ ông Bình (thôn 6) đến hộ ông Đạt (thôn 6)	260
3.10	Đoạn từ hộ ông Minh Huân (thôn 7) đến hộ ông Tân Thưởng (thôn 7)	325
3.11	Đoạn từ hộ ông Hải Lý (thôn 7) đến hộ ông Mạnh (thôn 7)	260
3.12	Đoạn từ hộ bà Xuyến (thôn 7) đến hộ ông Ý Hà (thôn 7)	260
3.13	Đoạn từ hộ bà Tuyết (thôn 8) đến hộ anh Vũ Minh (thôn 8)	260
3.14	Đoạn từ hộ ông Toàn Hằng (thôn 8) đến hộ ông Năng Lý (thôn 8)	260
3.15	Tuyến từ nhà anh Sáu Hải đến hết hộ nhà ông Vinh, thôn Bùi Thượng	600
3.16	Tuyến từ giáp nhà ông Vinh đến dốc đê bái Chăn nuôi, thôn Bùi Thượng	350
3.17	Đoạn từ nhà ông Tạo đến nhà anh Sinh, thôn Bùi Thượng	200
3.18	Đoạn từ nhà anh Thụ đến nhà anh Toại, thôn Bùi Thượng	200
3.19	Đoạn từ nhà anh Hoàng Sáu đến nhà anh Năm Nhị thôn Bùi Thượng	200
3.20	Đoạn từ nhà anh Đốc Mai đến hộ ông Mai Hường, thôn Bùi Thượng	250
3.21	Đoạn từ nhà bà Tư Năm đến hộ ông Mai Hương, thôn Bùi Thượng	250
3.22	Đoạn từ nhà ông Thích đến hộ bà Hoan Hát, thôn Bùi Thượng	250
3.23	Đoạn từ nhà anh Giang (Hiển) đến hộ anh Nhân Nhịp, thôn Đa Nẫm	200
3.24	Đoạn từ nhà anh Chính Thủy đến Nhà văn hóa (thôn 6 cũ) thôn Đa Nẫm	200
3.25	Đoạn từ nhà anh Quân Lương đến hộ bà Nguyên Ngôn, thôn Đa Nẫm	200

4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
VII	**XÃ YÊN HƯNG**	
1	**1 tuyến từ hộ ông Ba tàu đi xã Yên Trường**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Ba Tàu đến đường rẽ Phủ Cua	1.170
1.2	Đoạn từ đường rẽ Phủ Cua đến giáp Yên Trường	910
2	**Tuyến đường trong các thôn**	
2.1	Thôn Yên Thành	
2.1.1	Đoạn cổng Thang đến Nhà văn hóa thôn	390
2.1.2	Đoạn từ hộ bà Lan đến hộ ông Sỹ	325
2.1.3	Đoạn từ hộ ông Sáu đến hộ ông Hải	390
2.1.4	Đoạn từ hộ ông Hải đến hộ bà Đạt	260
2.1.5	Đoạn từ hộ ông Hiền Dũng đến hộ ông Thảo	260
2.1.6	Các đường còn lại trong thôn	221
2.2	Thôn Hòa Thượng	
2.2.1	Đoạn từ hộ ông Doanh đến nhà bà Lòng	325
2.2.2	Đoạn từ Văn phòng thôn đến nhà ông Trưng	325
2.2.3	Đoạn từ hộ ông Giảng đến hộ ông Đức Nga	390
2.2.4	Đoạn từ hộ ông Chánh đến hộ ông Huệ	390
2.2.5	Đoạn từ đường nhựa đến hộ ông Thắng	390
2.2.6	Đoạn từ hộ ông Hán đến hộ ông Diện	260
2.2.7	Đoạn dọc bờ kênh Nam	390
2.2.8	Đoạn từ kênh Nam đến hộ ông Nhượng	260
2.2.9	Đoạn từ Cầu Trường đến Cổng trào Yên Nông	300
2.2.10	Các đường còn lại trong thôn	221
2.3	Thôn Sơn Cường	
2.3.1	Đoạn từ hộ ông Minh đến đường rẽ bái Cộng Trịnh	390
2.3.2	Đoạn từ hộ ông Biền qua hộ ông Hồng Hương đến cầu ông Dỗ	325
2.3.3	Đoạn từ ao ông Sâm, đến VP thôn đến hộ ông Lĩnh Mai	325
2.3.4	Đoạn từ đường rẽ bái Cộng Trịnh đến giáp thôn Hùng Sơn; dọc bờ kênh 19/5	260
2.3.5	Đoạn Cầu Trường đến Cầu Lũ	585
2.3.6	Đoạn từ Cáo Lũ đến Trùng Quan	455
2.3.7	Đoạn Cầu Lũ đến hộ ông Đình Phì; từ ông Vàng đi Cầu Sắt	390
2.3.8	Đoạn Cầu Lũ đến giáp Yên Phong	390
2.3.9	Đoạn từ hộ ông Phì đến Cường Thịnh	260
2.3.10	Các đường còn lại trong thôn	221
2.4	Thôn Hùng Thái	
2.4.1	Đoạn từ hộ Thắng Thọ đến Cầu sắt	390
2.4.2	Đoạn từ hộ ông Hồng đến hộ ông Quý	390
2.4.3	Đoạn từ hộ ông Sáu đến hộ ông Số đến bái Hàn	260
2.4.4	Các đường xương cá nối ra đường Ba Tàu, đi Yên Trường	260
2.4.5	Đoạn từ hộ ông Hùng Nghiên đến VP thôn	390
2.4.6	Đoạn từ giáp Hùng Thái đến hộ ông Tuyển	390
2.4.7	Các đường còn lại trong thôn	221
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195

VIII	**XÃ YÊN NINH**	
1	**Các đường trục trong làng Bích Động**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Quyến đến hộ ông Tỉnh	325
1.2	Các đường còn lại trong làng	260
2	**Các đường trục trong làng Trịnh Xá**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Tuấn (Trịnh Xá 1) đến hộ bà Xếp (Trịnh Xá 2)	520
2.2	Đoạn từ hộ bà Cuốn đến hộ ông Dương	390
2.3	Đoạn từ hộ ông Quốc đến hộ ông Tiếu	390
2.4	Đoạn từ hộ bà Thêm đến hộ ông Toàn	325
2.5	Đoạn từ hộ ông Hoàn đến hộ ông Bắc	390
2.6	Đoạn từ hộ ông Hải đến hộ ông Thường	390
2.7	Đoạn từ hộ ông Oanh đến hộ ông Hưng	325
2.8	Đoạn từ hộ ông Vị đến hộ ông Thắng	325
2.9	Đoạn từ hộ ông Huy đến hộ ông Chính	390
2.10	Đoạn từ hộ ông Kế đến hộ ông Kiên	325
2.11	Các đường còn lại trong làng	260
3	**Các đường trục trong làng Ngọc Đô**	
3.1	Các đường trục trong làng	325
3.2	Các đường còn lại trong làng	260
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
IX	**XÃ YÊN LẠC**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Đoạn từ ngã tư Chợ Yên Lạc, đến ngã tư Gốc Phượng giáp đường Yên Phong - Cầu Bụt (Châu Thôn 4)	1.170
1.2	Đoạn từ ngã tư hộ ông Nở (Châu Thôn 2) đến giáp thôn Bích Động, xã Yên Ninh	780
2	**Tuyến đê Cầu Chày (đoạn Cầu Khải đến Cầu Bụt)**	390
3	**Tuyến đường liên thôn**	
3.1	Đoạn từ Nhà văn hóa (thôn Phác Thôn) đến ngã tư ông Hiển (Hanh Cát 2)	455
3.2	Đoạn từ ngã tư Châu thôn 1 đến hộ ông Cúc (Châu Thôn 1)	455
3.3	Đoạn từ ngã tư hộ ông Thắng (Châu thôn 4) đến ngã tư Hộ ông Thuận (Châu Thôn 2)	390
4	**Tuyến đường các thôn**	
4.1	Đường thôn Hanh cát	
4.1.1	Các đường trục nối ra Tỉnh lộ 516B	520
4.1.2	Các đường trục nối với đường liên xã	455
4.1.3	Các đường trục còn lại	416
4.2	Đường thôn Phác Thôn 1, 2, 3	
4.2.1	Các đường trục nối ra Tỉnh lộ 516B	455
4.2.2	Các đường trục còn lại	390
4.3	Đường thôn Châu Thôn	
4.3.1	Các đường trục trong thôn Châu Thôn 1 nối ra Tỉnh lộ 516B	455
4.3.2	Các đường trục trong thôn Châu Thôn 1, 2, 3, 4 nối ra đường liên xã Yên Phong - Cầu Bụt	390
4.3.3	Các đường trục còn lại trong thôn Châu Thôn 1, 2, 3, 4	351

5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
X	**XÃ YÊN THỊNH**	
1	**Tuyến đê sông Cầu Chày (đoạn từ Hón Nu đến Cầu Bụt)**	390
2	**Tuyến đường liên thôn**	
2.1	Đoạn từ Chợ Vàng đến UBND xã Yên Thịnh	780
2.2	Đoạn từ Trạm y tế đến hộ ông Thuận (thôn 6)	650
2.3	Đoạn từ hộ ông Thuận (thôn 6) đến Nhà văn hoá thôn 6	455
2.4	Đoạn từ hộ ông Thông thôn 2 đến hộ ông Chung thôn 1	520
2.5	Đoạn từ hộ ông Chung (thôn 1) đến đê Cầu Chày thôn 1	455
2.6	Tuyến đường từ chợ Vàng mới đến ngã ba đường TL516B mới	900
3	**Tuyến đường các thôn**	
3.1	Các đường trục trong các thôn 1, 2	455
3.2	Các đường còn lại trong các thôn 1, 2	390
3.3	Các đường trục trong thôn 3	325
3.4	Các đường trục trong các thôn 4, 5	390
3.5	Các đường còn lại trong các thôn 4, 5	325
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XI	**XÃ QUÝ LỘC**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Tuyến đường đê sông Mã	
1.1.1	Đoạn từ hộ ông Phinh đến hộ ông Thắng thôn 8	1.560
1.1.2	Đoạn từ hộ bà Hanh thôn 2 đến hộ ông Thuỷ thôn 3	1.040
1.1.3	Đoạn từ hộ ông Mạnh thôn 2 đến ngã ba Đường 518B với đê sông Mã	650
1.2	Tuyến đường Quý Lộc đi Yên Lâm	
1.2.1	Đoạn từ hộ ông Tân Tình đến hộ ông Giao	3.250
1.2.2	Đoạn từ hộ ông Thạch đến hộ ông Hưng	2.600
1.2.3	Đoạn từ hộ ông Mạnh Dân đến hộ ông Nuôi	1.950
1.2.4	Đoạn từ hộ ông Mão Hai đến Cửa Luỹ	1.170
1.2.5	Đoạn từ Mão Hai đến cống Tụng công	780
1.2.6	Đoạn từ cống Tụng Công đến đất nhà ông Vương (Yên Lâm)	800
1.2.7	Đoạn từ ông Vương đến giáp xã Yên Lâm	700
1.2.8	Đoạn từ nhà ông Toản Thiện đến nhà ông Khanh thôn 7	700
2	**Tuyến đường liên thôn**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Cường Sinh thôn 1 đến ngã ba Núi Trẹ	650
2.2	Đoạn từ ông Sơn thôn 2 đến nhà bà Hằng Na	1.170
2.3	Đoạn từ hộ ông Dũng thôn 2 đến hộ ông Hoá thôn 1	1.170
2.4	Đoạn từ hộ ông Thanh thôn 1 đến giáp Núi Trẹ	1.170
2.5	Đoạn từ giáp dốc A Lãng đến hộ ông Oánh Phúc thôn 10	390
3	**Đường trục các thôn**	
3.1	Đường trục các thôn 2, 3, 6, 7	650
3.2	Đường trục các thôn 1, 4, 5, 8, 9	520
3.3	Đường trục các thôn 10, 12 (cũ)	325
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XII	**XÃ YÊN THỌ**	
1	**Đường liên huyện Yên Thọ đi Yên Trung**	

1.1	Đoạn từ giáp xã Yên Trường đến giáp xã Yên Trung (đường Lạc Tụ)	910
1.2	Đường từ đê sông Mã đến giáp xã Yên Trung (đê Thọ Tiến)	780
2	**Tuyến đường liên thôn**	
2.1	Tuyến các đường nối ra đê sông Mã (nội đê) thuộc các thôn (thôn 3, thôn 5, thôn 8)	455
2.2	Tuyến các đường nối ra đê sông Mã (ngoại đê) thuộc các thôn (thôn 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 12)	390
2.3	Đoạn từ Nhà văn hoá Đa Nê thôn 2 đến đê sông Mã	390
2.4	Đoạn từ hộ ông Hạ thôn 1 nối ra đê sông Mã	390
2.5	Đoạn từ hộ bà Thảo thôn 6 đến hộ ông Bằng thôn 10	325
3	**Đường trục các thôn**	
3.1	Đoạn từ hộ ông Bằng thôn 10 đến hộ ông Thành thôn 9	260
3.2	Đoạn từ hộ ông Châu thôn 8 đến hộ ông Cẩm thôn 8	390
3.3	Đoạn từ hộ ông Khải thôn 5 đến hộ ông An thôn 5	390
3.4	Đoạn từ hộ ông Hiền thôn 5 đến đường đê sông Mã	455
3.5	Đoạn từ hộ ông Khanh thôn 11 đến hộ ông Học thôn 11	260
3.6	Đoạn từ hộ ông Hiền thôn 5 đến hộ ông Bắc thôn 5	455
3.7	Đoạn từ Nhà văn hoá Đa Nê đến hộ ông Chinh thôn 1	325
3.8	Các trục còn lại (ngoại đê)	260
3.9	Các trục còn lại (nội đê)	260
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XIII	**XÃ YÊN TRUNG**	
1	**Tuyến đường liên xã:**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Yên Trung đến giáp Yên Trường (đường Lạc Tụ)	1.040
1.2	Đoạn từ Ngã ba Yên Trung đến giáp Yên Thọ (đê Thọ Tiến)	780
2	**Tuyến đường liên thôn:**	
2.1	Đường trục các thôn: Thọ Khang, Nam Kim, Tân Tiến	260
2.2	Đường trục các thôn: Thọ Tiến, Thọ Long	390
2.3	Đường trục các thôn Thọ Lọc, Tiến Thắng, Trung Đông, Thọ Cường, Nam Thạch, Lạc Tụ	390
2.4	Đường trục thôn Hà Thành	390
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XIV	**XÃ YÊN TRƯỜNG**	
1	**Tuyến đường liên xã:**	
1.1	Đoạn từ cầu Kiều - dốc đê (nhà ông Tuấn Mọc)	3.900
1.2	Đoạn từ ngã ba nhà ông Thanh Nết - Lạc Tụ giáp Yên Trung (đường Lạc Tụ)	1.300
1.3	Đoạn từ ngã tư ông Đây đi ngã tư Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp	2.600
1.4	Đoạn từ ngã tư Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp đi Yên Bái (đường dìa hồ)	1.300
1.5	Đoạn từ nhà ông Tĩnh (giáp Trường Tiểu học) đi Yên Bái (đường bê tông giữa làng)	1.040
1.6	Đoạn QL 47 đến giáp xã Yên Hùng	2.000
2	**Các tuyến đường thôn**	
2.1	Các đường trục phố Kiều	
2.1.1	Đoạn từ siêu thị Kiều đến Trạm quản lý đường sông	4.550
2.1.2	Đường kè đê sông Mã (từ Trạm quản lý đường sông đến giáp xã Yên Phong)	3.250

2.1.3	Đoạn từ hộ ông Thân (Chính) đến đường kè Kiểu	1.950
2.1.4	Đoạn từ hộ ông Hiếu đến đường kè Kiểu	2.600
2.1.5	Đoạn từ hộ bà Dục đến đường kè Kiểu	4.550
2.1.6	Đoạn đường vào khu quy hoạch đất sau Ngân hàng Kiểu (và sau dân cư lô 1)	1.040
2.1.7	Đoạn từ siêu thị Kiểu đến hộ bà Dung	1.300
2.1.8	Các tuyến còn lại trong phố Kiểu 1	650
2.1.9	Đoạn từ hộ ông Thảo đến hộ ông Cúc	1.560
2.1.10	Đoạn từ hộ ông Tấn đến hộ ông Xứng	1.040
2.1.11	Đoạn từ hộ ông Phúc đến hộ ông Hinh	650
2.1.12	Đoạn từ hộ ông Tính đến hộ bà Phin (Hợp)	650
2.1.13	Đoạn từ hộ bà Thuần đến hộ ông Lân	650
2.1.14	Đoạn từ ngã ba ông Thôn Mít đến ngã ba ông Hậu	2.600
2.1.15	Các đường còn lại trong thôn phố Kiểu 2	520
2.2	Các đường trục thôn Thạc Quả	
2.2.1	Đoạn từ hộ ông Ba đến nhà ông Thịnh (Xếch)	1.950
2.2.2	Đoạn từ hộ bà Long Tuyết đến hộ ông Thiên Thám	2.340
2.2.3	Đoạn từ hộ ông Lanh Lãm đến hộ ông Dân Hải	3.250
2.2.4	Đoạn từ hộ ông Kim đến hộ ông Thiên Thám	1.300
2.2.5	Đoạn từ hộ ông Thiên Thám đến hộ ông Hinh	650
2.2.6	Đoạn từ hộ ông Tân Mai đến hộ ông Đằng	1.040
2.2.7	Các đường còn lại trong thôn Thạc Quả (Thạc Quả 2 cũ)	520
2.2.8	Các trục thôn Thạc Quả (Đông Khê cũ)	650
2.3	Các đường trục thôn Lưu Khê	
2.3.1	Đoạn từ hộ bà Lào Lại đến hộ bà Cử (Lợi)	780
2.3.2	Đoạn từ hộ ông Cường đến hộ bà Cơ	1.950
2.3.3	Đoạn từ hộ ông Cạy đến hộ ông Chơn	1.040
2.3.4	Đoạn từ hộ bà Đức đến hộ ông Hoa	650
2.3.5	Đoạn từ hộ ông Thưởng đến hộ ông Giàng	1.300
2.3.6	Đoạn từ hộ bà Hạnh đến hộ bà Lược	1.300
2.3.7	Đoạn từ hộ ông Tung đến hộ bà Quang	780
2.3.8	Đoạn từ NVH thôn Lưu Khê 2 đến hộ ông Chung	780
2.3.9	Đoạn từ Hợp tác xã đến hộ ông Mây	1.040
2.3.10	Các đường còn lại trong thôn Lưu Khê	520
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XV	**XÃ YÊN BÁI (nay là xã Yên Trường)**	
1	**Tuyến đường liên xã:**	
1.1	Đoạn từ ngã 3 Yên Phúc đến giáp Yên Phú	1.040
1.2	Đoạn từ đường rìa hồ (từ giáp Yên Trường đến Yên Trung)	780
1.3	Đoạn từ đường giữa làng (từ Yên Trường đến hộ bà Kê thôn Yên Lý)	520
2	**Các tuyến đường trục trong các thôn**	
2.1	Đoạn từ đường Tỉnh lộ 518 đến đường rìa hồ	780
2.2	Đoạn từ đường Tỉnh lộ 518 đến Trường THCS Yên Bái	780
2.3	Đoạn từ đường Tỉnh lộ 518 đến Máy bơm Yên Lý	780
2.4	Đoạn từ đường Tỉnh lộ 518 đến hộ bà Nhãng thôn Yên Phúc	780

2.5	Đoạn từ hộ ông Vịnh đến hộ ông Sơn thôn Trường Sinh	650
2.6	Đoạn từ hộ ông Thắng đến hộ ông Khoa thôn Trường Sinh	520
2.7	Đoạn từ hộ ông Quang đến hộ ông Sinh thôn Tâm Đông	650
2.8	Đoạn từ hộ ông Thành đến hộ ông Tỵ thôn Tâm Đông	520
3	**Các đường còn lại trong các thôn**	
3.1	Các đường xương cá nối từ đường rìa hồ với đường giữa làng	390
3.2	Đoạn từ hộ bà Ot đến hộ bà Thoả thôn Tâm Đông	520
3.3	Các đường xương cá nối với đường Tỉnh lộ 518	520
3.4	Đoạn từ hộ ông Vỵ đến hộ ông Hoà thôn Yên Sơn	390
3.5	Đoạn từ hộ ông Tưởng đến hộ ông Bảy	390
3.6	Bốn ngõ, xóm (ngõ ông Vỳ, ngõ ông Cúc, ngõ ông Tôm, ngõ bà Tâm)	390
3.7	Đoạn từ hộ ông Lệ đến hộ ông Nghĩa thôn Yên Phúc	520
3.8	Đoạn từ Nhà thờ họ Trịnh đến hộ ông Tư Yên Phúc	520
3.9	Đoạn từ hộ bà Phường đi Nhà văn hoá thôn Yên Lọc, đến bà Ý thôn Yên Lọc	520
3.10	Đoạn từ hộ ông Nội đến hộ ông Hiệu (Yên Lọc)	520
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XVI	**XÃ YÊN PHONG**	
1	**Đường các thôn**	
1.1	Đường kênh Tây	780
1.2	Các đường trục từ Quốc lộ 45 đến các kênh: kênh Thống Nhất, kênh Bắc, kênh Nam	780
1.3	Đường nhựa từ kênh Thống Nhất đi Bái Chùa	910
1.4	Các đường xương cá nối ra Quốc lộ 45; nối kênh Tây	650
1.5	Đường trục từ cầu Tam Đa đi thôn 10	520
1.6	Các đường trục thôn 10: Bái Chùa, Lò Gạch	325
1.7	Các đường ngang trong các thôn 2,3,4,5,6,7,8,9	585
1.8	Các đường còn lại trong các thôn 2,3,4,5,6,7,8,9	390
2	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XVII	**XÃ YÊN THÁI**	
1	**Tuyến đường đê sông Mã (Đoạn từ giáp Yên Phong đến hộ ông Lân Huệ)**	650
2	**Tuyến đường liên xã**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Lý (giáp Quốc lộ 45),đến kênh Bắc Nam Sông Mã	1.040
2.2	Đoạn từ kênh Bắc Nam Sông Mã đến giáp xã Yên Ninh	650
3	**Tuyến đường các thôn**	
3.1	Thôn Phù Hưng	
3.1.1	Các đường nối ra Quốc Lộ 45	780
3.1.2	Các đường trục trong thôn (khu vực nội đê)	520
3.1.3	Các đường trục từ đê sông Mã nối ra Bãi Sông	325
3.2	Thôn Lê Xá	
3.2.1	Các đường nối ra Quốc Lộ 45	780
3.2.2	Các đường trục trong thôn	520
3.3	Thôn Mỹ Bi	
3.3.1	Đường trục giữa làng	390

3.3.2	Các đường khác trong thôn	286
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XVIII	**XÃ ĐỊNH HOÀ**	
1	**Tuyến đường đê Cầu Chày (đoạn giáp xã Định Thành đến giáp xã Định Bình)**	390
2	**Tuyến đường Liên xã Định Hoà - Định Tiến**	
2.1	Đoạn từ ngã tư hộ ông Dũng Vân đến đường vào khu vực Lò Vôi	650
2.2	Đoạn từ đường vào khu vực Lò Vôi đến giáp xã Định Tiến	520
3	**Tuyến đường liên làng, liên thôn**	
3.1	Thôn Phang Thôn	
3.1.1	Đoạn từ hộ ông Phúc Kỳ đến hộ ông Ngọc Vinh	650
3.1.2	Các đường còn lại trong thôn Phang Thôn	520
3.2.3	Đoạn từ chùa Thiên Phúc đến hộ ông Tiên thôn Phang Thôn	500
3.2	Thôn Thung Thượng	
3.2.1	Đoạn từ hộ ông Ngọc Vinh đến UBND xã	650
3.2.2	Các đường còn lại trong thôn Thung Thượng	520
3.3	Thôn Thung Thôn	
3.3.1	Đoạn từ ngã ba chợ cũ (hộ ông Mười Hồng) đến ngã ba đường vào UBND xã	1.170
3.3.2	Đoạn từ UBND xã đến hộ ông Lâu	650
3.3.3	Đoạn từ hộ ông Xô đến đình làng Nhì	650
3.3.4	Đoạn đình làng Nhì đến hộ ông Thọ Thông	650
3.3.5	Đoạn đình làng Nhì đến hộ ông Xây Túc	650
3.3.6	Đoạn từ hộ ông Sạn đến hộ ông Tập	390
3.3.7	Đoạn từ hộ ông Thì Điệp đến hộ ông Liên Vân	650
3.3.8	Đoạn từ hộ ông Diệu Thanh đến hộ ông Thắng	650
3.4	Thôn Tổ Lai	
3.4.1	Đoạn từ hộ ông Xây Túc đến đập Đún	650
3.4.2	Các đường còn lại trong thôn Tổ Lai	520
3.5	Thôn Mai Trung	
3.5.1	Đoạn từ hộ ông Từ Lan đến Trạm bơm Hòa Long	650
3.5.2	Đoạn từ hộ ông Khang đến hộ bà Yến Bút	390
3.5.3	Các đường còn lại trong thôn Mai Trung	520
3.6	Thôn Nội Hà	
3.6.1	Đoạn từ Trạm bơm Hòa Long đến chân đê (Nội Hà)	650
3.6.2	Đoạn từ hộ ông Học đến hộ ông Thiều	390
3.6.3	Đoạn từ hộ ông Tám Thi đến hộ ông Để	390
3.6.4	Đoạn từ hộ ông Hạnh đến hộ ông Định	390
3.6.5	Các đường còn lại trong thôn Nội Hà	520
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XIX	**XÃ ĐỊNH BÌNH**	
1	**Tuyến đường đê sông Cầu Chày.**	390
2	**Đường trục các thôn**	
2.1	Đường trục ra Quốc Lộ 45	455

2.2	Các đường xương cá trong làng Mỹ Nga, ấp Trí, Tân Sen 1, Kênh Khê, Căng Lập, Công Bình, Đắc Trí	390
2.3	Các đường xương cá trong các Tân Sen 2, Căng Lập 1, Căng Lập 2	325
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XX	**XÃ ĐỊNH THÀNH**	
1	**Tuyến đường Đê sông Cầu Chày.**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Định Hòa đến giáp xã Định Công	390
2	**Tuyến đường các Thôn.**	
2.1	Các đường trục làng Bái Ân	390
2.2	Các đường trục làng Tường Vân	390
2.3	Các đường trục làng Hải Quật	325
2.4	Các đường trục thôn 5, thôn 10	325
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXI	**XÃ ĐỊNH CÔNG**	
1	**Tuyến đường đê sông Mã, sông Cầu Chày**	
1.1	Đê sông Mã (đoạn ngã ba sông Cầu Chày đến giáp xã Định Tiến)	325
1.2	Đê Cầu Chày (đoạn từ Nhà thờ Công Giáo đến giáp xã Định Thành)	390
2	**Khu vực chợ mới trung tâm xã**	
2.1	Đường trục chính trước mặt Chợ (Vị trí 1)	1.400
2.2	Các đường trục xung quanh Chợ (Vị trí 2)	1.100
3	**Tuyến đường các Thôn**	
3.1	Các đường trục thôn Cẩm Chướng 1	390
3.2	Các đường trục thôn Cẩm Chướng 2	455
3.3	Các đường trục thôn Phú Khang (thôn Khang Nghệ cũ)	325
3.4	Các đường trục thôn Phú Khang (Phú Ninh cũ)	260
3.5	Các đường trục thôn Quan Yên	260
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXII	**XÃ ĐỊNH TÂN**	
1	**Đường Liên xã**	
1.1	Đoạn từ giáp thôn Hồ Thôn xã Định Hưng, đến cổng làng Yên Hoành	1.040
1.2	Đoạn từ giáp cổng làng Hoành đến đường đê sông Mã	650
2	**Đường Đê Sông Mã**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Định Hải đến Trạm Biến áp số 2	390
2.2	Đoạn từ Trạm Biến áp số 2 đến giáp Hồ Âu	455
2.3	Đoạn từ giáp Hồ Âu đến giáp xã Định Tiến	390
3	**Đường liên thôn**	
3.1	Đoạn từ ngã ba hộ ông Thảo Bao (thôn Yên Hoành 2) đến ngã ba hộ ông Lới	910
3.2	Đoạn từ Đình làng Yên Định đến hộ ông Vọng Nương	1.040
3.3	Đoạn từ giáp hộ ông Hữu Phương đến đường đi cầu Yên Hoành	1.560
3.4	Đoạn từ giáp hộ ông Chung Hiếu đến đường đi cầu Yên Hoành	1.560
3.5	Đoạn từ giáp hộ ông Vọng Nương đến đường đi cầu Yên Hoành	1.560
3.6	Đoạn từ hộ Thọ Nhung đến đường đi cầu Yên Hoành	1.560
3.7	Đoạn từ Nhà văn hoá Yên Hoành 1 đến đường mới Cầu Hoành	1.560
4	**Đường các thôn**	
4.1	Các đường trục thôn làng Yên Hoành	520

4.2	Các đường trục thôn làng Yên Định	520
4.3	Đoạn từ giáp hộ ông Thuần (Kênh Thôn) đến mương tưới B1	520
4.4	Các đường trục thôn làng Kênh Thôn	390
4.5	Các đường trục thôn Tân Long	325
4.6	Đường vòng quanh núi Yên Hoành, Yên Định	312
4.7	Đoạn từ hộ Thực Chế đến hộ Lan Hoàng	312
4.8	Đoạn từ hộ Vi Quế đến hộ Luyến Theo	312
4.9	Đoạn từ hộ Đắc Lọc đến hộ Sơn Thái	312
4.1	Đoạn từ hộ Nhật Biểu đến đê Sông Mã	312
4.11	Đoạn từ hộ ông Phương đến bà Minh	312
4.12	Đoạn từ hộ ông Đan đến hộ Tuyến Ngọc	312
4.13	Đoạn từ hộ ông Luận đến hộ ông Liên	520
4.14	Đoạn từ hộ ông Đềm đến Đồng Nang	520
4.15	Đoạn từ hộ ông Sáu Hải đến Giếng Làng	520
5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXIII	**XÃ ĐỊNH TIẾN**	
1	**Tuyến đường đê sông Mã.**	
1.1	Đoạn từ giáp xã Định Tân đến giáp xã Định Công	390
2	**Tuyến đường liên xã**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Định Hoà đến đường Tỉnh lộ 516D	520
3	**Tuyến đường trung tâm xã**	
3.1	Đoạn từ hộ ông Luân (giáp đê sông Mã) đến hộ ông Đồng Bình (thôn 4)	650
3.2	Đoạn từ Nghè Mỹ Lộc đến hết chợ trung tâm xã	780
3.3	Đoạn từ ngã ba hộ ông Khiêm (thôn 3) đến ngã ba đường rẽ đi Trạm y tế.	780
4	**Tuyến đường các thôn.**	
4.1	Đoạn từ Nhà máy sấy đến ngã ba hộ ông Nhật thôn Tam Đồng	500
4.2	Đoạn từ giáp đường nhựa dọc theo mương B1, đến cống nghè Mỹ Lọc	500
4.3	Đoạn từ cống Nấp Vân, đến giáp hộ ông Bính Toán đất mới thôn Tam Đồng	400
4.4	Đoạn từ giáp hộ ông Văn thôn Lang Thôn đến giáp đường Tỉnh lộ 516D	800
4.5	Đoạn từ cống Trạm bơm (thôn 1) đến ngã ba hộ ông Khiêm (thôn 3)	520
4.6	Đoạn từ hộ ông Thường (Thôn 6) đến hộ ông Hân (thôn 7)	520
4.7	Đoạn từ ngã ba hộ ông Khiêm (thôn 3) đến ngã 3 hộ ông Nhặt (thôn 16)	520
4.8	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi Trạm y tế đến Trạm bơm tiêu Yên Thôn	390
4.9	Đoạn từ hộ ông Ban Cử (thôn 9) đến hộ ông Chiến giáp cầu Yên Thôn	390
4.10	Đoạn từ hộ ông Xuyên (thôn 13) đến hộ ông Túy (thôn 16)	390
4.11	Các đường xương cá làng Lang thôn và Làng Mỹ Lược	325
4.12	Các đường xương cá làng Duệ thôn và làng Yên Thôn	299
4.13	Các đường xương cá làng Tam Đồng	299
5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXIV	**XÃ ĐỊNH LONG**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 45 đường vào UBND xã đến ngã ba Phúc thôn	2.600
1.2	Đoạn từ NVH Là Thôn đến giáp đê sông Mã	1.040
2	**Tuyến các đường thôn**	
2.1	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 45 đến Trại Lợn	1.040

2.2	Đường kẹp song song với QL 45 từ hộ ông Tuấn đến giáp Định Liên	1.950
2.3	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 45 hết Bệnh viện Đa khoa	1.300
2.4	Đoạn từ Nhà văn hoá Tân ngữ đến hộ bà Hà	780
2.5	Đoạn từ Trường Mầm non đến hộ ông Thú	780
2.6	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 45 (hộ ông Loát) đến Nhà văn hoá thôn Tân Ngữ	1.950
2.7	Các đường trong khu dân cư mới	3.000
2.8	Các trục đường trong thôn Là Thôn đến PhúcThôn	500
2.9	Đường trong khu dân cư Cầu Nun (Tân Ngữ 1)	2.000
2.10	Đường trong khu dân cư Sào Bái (Tân Ngũ 1)	2.000
2.11	Đường trong khu dân cư Sau Chợ Bản (Tân Ngữ 2)	2.000
2.12	Các trục đường trong thôn Là Thôn;	500
2.13	Các trục đường trong thôn Phúc thôn;	500
2.14	Các trục đường trong thôn Tân Ngữ 1	600
2.15	Các trục đường trong thôn Tân Ngữ 2	600
2.16	Các đường xương cá ra Quốc lộ 45	1.040
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXV	**XÃ ĐỊNH LIÊN**	
1	**Tuyến đường liên thôn**	
1.1	Đoạn từ Quốc lộ 45 đến hộ ông Chương (Vực Phác)	1.300
1.2	Đoạn từ Quốc lộ 45 giáp cây xăng đến hết Nhà máy gạch Tuynel	3.250
1.3	Các đường trong khu dân cư mới (không giáp QL 45)	3.000
2	**Tuyến đường thôn**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Hùng Thanh thôn 8 đến hộ bà Cạy (thôn Vực Phác)	1.040
2.2	Đường trục làng Duyên Thượng	910
2.3	Đường trục làng Vực Phác	780
2.4	Đường còn lại của làng Duyên Thượng, Vực Phác	325
2.5	Đường trục làng Bái Thuỷ	650
2.6	Các đường xương cá ra Quốc lộ 45 của các thôn còn lại	1.040
2.7	Đường song song và các đường làng Vực Phác ra Quốc lộ 45 từ Trường Mầm non đến nghĩa trang liệt sỹ huyện	2.340
2.8	Đường song song và các đường ra Quốc lộ 45 khu vực từ đường vào Nhà máy gạch Tuynel đến giáp kênh B4 về giáp xã Định Long	2.340
2.9	Các đường còn lại của làng Bái Thủy	250
2.10	Đường trong khu dân cư mới Quán Nước	1.600
3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXVI	**XÃ ĐỊNH TƯỜNG (nay là thị trấn Quán Lào)**	
1	**Tuyến đường cầu Hoành đi Quán Lào**	
1.1	Đoạn từ giáp TT Quán Lào đến giáp xã Định Tân	2.600
2	**Tuyến đường liên xã**	
2.1	Đoạn từ giáp SVĐ huyện đến hộ ông Chính	3.640
2.2	Đoạn từ ngã tư hộ ông Long đến cổng làng Thiết Đinh	2.600
2.3	Đoạn từ cổng làng Thiết Đinh đến giáp xã Định Tăng	1.300
3	**Tuyến đường đê Sông Cầu Chày**	
3.1	Đường dọc đê sông Cầu Chày, thôn Bối Lim	390
4	**Tuyến đường các thôn**	

4.1	Đoạn từ văn phòng thôn Lý Yên đi vào Trường THPT Yên Định 1	3.250
4.2	Đoạn từ giáp TT Quán Lào đến VP thôn Thành Phú	1.300
4.3	Đoạn từ ngã ba thôn Thiết Đinh đến UBND xã	1.560
4.4	Các đường khu dân cư mới Dọc Mau thôn Thành Phú	1.690
4.5	Các đường trục thôn Lý Yên nối ra Tỉnh lộ 528	1.300
4.6	Các đường trục khác trong thôn Lý Yên	455
4.7	Các đường trong thôn Thành Phú nối với đường TT Quán Lào ra Quốc Lộ 45	1.300
4.8	Các đường trục thôn Thành Phú nối với đường TT Quán Lào ra Quốc Lộ 45	650
4.9	Các đường còn lại trong thôn Thành Phú	390
4.10	Các đường trục thôn Thiết Đinh	650
4.11	Các đường khu dân cư mới Đồng Lách thôn Thiết Đinh	1.300
4.12	Các đường còn lại trong thôn Thiết Đinh	390
4.13	Các đường trục thôn Ngọc Sơn	650
4.14	Các đường còn lại trong thôn Ngọc Sơn	390
4.15	Các đường trục thôn Bối Lim	390
4.16	Các đường còn lại trong thôn Bối Lim	260
5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXVII	**XÃ ĐỊNH TĂNG**	
1	**Tuyến đường liên xã**	
1.1	Đoạn từ giáp thôn Thiết Đinh xã Định Tường đến ngã ba Đường 516C	910
1.2	Đoạn từ ngã ba Trường học đến hộ ông Thanh Thiêm	780
1.3	Đoạn từ ngã ba Phú cầm đến giáp xã Thiệu Vũ, Thiệu Hoá	650
1.4	Đoạn từ ngã ba Phú Cầm đến giáp xã Thiệu Thành, Thiệu Hoá	390
1.5	Đoạn từ ngã ba Phú Cầm đến giáp xã Thiệu Ngọc, Thiệu Hoá	390
1.6	Đoạn từ hội trường thôn Phú Thọ, đến cống Bối Lim	390
2	**Tuyến đường đê Sông Cầu Chày**	
2.1	Đoạn từ hộ ông Thanh Thiêm đến ngã ba Phú Cầm	650
2.2	Các tuyến đê còn lại	390
3	**Tuyến đường liên thôn.**	
3.1	Đoạn từ hộ ông Lịch đến hộ bà Giang Nấu	520
3.2	Đoạn từ ngã ba ông Khôi đến hộ ông Hoạt (đoạn đường vào UBND xã)	520
3.3	Đoạn từ hộ ông Trúc Đào đi ngã ba Phú Thọ đến Phú Cầm	390
3.4	Đường cứu nạn	
4	**Đường trong thôn**	
4.1	Các đường trục trong các thôn Bái Trại, Thạch Đài, Hoạch Thôn, Phú Thọ, Phú Cầm	325
4.2	Các đường trục trong thôn Phú Cường	260
5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XVIII	**XÃ ĐỊNH HƯNG**	
1	**Tuyến đường Liên xã**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Minh Mai đến giáp Ái Thôn	650
1.2	Đoạn từ hộ ông Thịnh đến cống kênh Bắc (giáp xã Định Tân)	650
1.3	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Đồng Tình đi Trịnh Điện (Định Hải) cống kênh Bắc	650

1.4	Đoạn từ cầu Trường Mầm non đến TL 516B	900
1.5	Đoạn từ Nhà văn hóa Duyên Hy đến TL 516b	900
2	**Tuyến đường xuống UBND xã Định Hưng**	
2.1	Đoạn từ ngã 3 hộ ông Dự đến hết hộ ông Đảm	650
2.2	Đoạn từ hộ ông Đảm đến cầu Hạ Mã	900
3	**Đường các thôn**	
3.1	Thôn Đồng Tình	
3.11	Các đường trục nối ra đường liên xã, đường Tỉnh Lộ 528	390
3.12	Các đường còn lại trong thôn	260
3.2	Thôn Duyên Hy	
3.2.1	Đoạn cống tiêu KCN đến cống tiêu ông Châu	650
3.2.2	Các đường trục nối ra đường liên xã, đường Tỉnh Lộ 528, đường liên thôn	390
3.2.3	Các đường còn lại trong thôn	260
3.3	Thôn Vệ	
3.3.1	Đường từ hộ ông Tuyển Huyên đến hộ bà Bé Sang	650
3.3.2	Đường từ hộ ông Hảo Ngoan đến hộ ông Tường Mai	520
3.3.3	Các đường trục nối ra đường liên xã, đường liên thôn	390
3.3.4	Các đường còn lại trong thôn	260
3.4	Hồ Thôn	
3.4.1	Đường từ cổng làng đến hộ ông Sèo	520
3.4.2	Đường bờ kênh Bắc từ hộ ông Hoạch đến hộ ông Phương Hoa	390
3.4.3	Các đường còn lại trong thôn	325
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195
XXIX	**XÃ ĐỊNH HẢI**	
1	**Tuyến đường đê sông Mã**	
1.1	Đoạn từ hộ bà Hoá Ái (Sét Thôn) đến giáp xã Định Tân	390
2	**Đường liên xã**	
2.1	Đoạn từ giáp thôn Đồng Tình, xã Định Hưng đến hộ ông Thả Nghị thôn Trịnh Điện	455
2.2	Đoạn từ hộ ông Ngân Hiệp (Sét Thôn) đến hộ ông Thuần (Sét Thôn giáp đê sông Mã)	325
2.3	Đoạn từ giáp làng Vệ, xã Định Hưng đến đê sông Mã	390
3	**Tuyến đường các Thôn**	
3.1	Các đường trục các thôn (Sét Thôn, Thịnh Thôn, Trịnh Điện, Ái Thôn, Duyên Lộc)	390
3.2	Đường nội đồng giáp Tỉnh lộ 528 đến đường liên xã thôn Trịnh Điền (Ao đình thôn Trịnh Điền)	300
4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	195

16. HUYỆN VĨNH LỘC

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 217**	
1	Đoạn từ giáp ranh giới huyện Cẩm Thuỷ; Đến thửa đất số 6, 8 tờ bản đồ số 06 xã Vĩnh Quang	1.200
2	Đoạn từ thửa đất số 13, 9 tờ bản đồ số 06 xã Vĩnh Quang; Đến thửa đất số 330, 287 tờ bản đồ số 07 xã Vĩnh Quang	1.800
3	Từ đất số 331, 288 tờ bản đồ số 07 xã Vĩnh Quang đến hết ranh giới xã Vĩnh Quang giáp Vĩnh Yên	1.500
4	Đoạn từ ranh giới xã Vĩnh Yên giáp Vĩnh Quang đến ranh giới xã Vĩnh Long và điểm nối đường QL 217 với đường Thống Nhất xã Vĩnh Yên.	1.800
5	Từ giáp đường Thống Nhất đến giáp xã Vĩnh Long (xã Vĩnh Yên)	2.000
6	Đoạn từ điểm giao giáp đường Thống Nhất (Vĩnh Yên); Đến hết ranh giới xã Vĩnh Tiến.(Vĩnh Tiến)	2.100
7	Đoạn từ giáp ranh giới xã Vĩnh Tiến; Đến thửa số 1544, 442 tờ BĐ số 21 xã Vĩnh Long	2.700
8	Đoạn từ thửa số 1453, 478 tờ bản đồ số 21 xã Vĩnh Long; Đến thửa 1513, 1495 tờ bản đồ số 21 xã Vĩnh Long	3.000
9	Đoạn từ thửa số 1514, 1496 tờ bản đồ số 21 xã Vĩnh Long; Đến thửa 1100 tờ bản đồ số 22 xã Vĩnh Long	3.200
10	Đoạn từ thửa 1101 tờ bản đồ số 22 xã Vĩnh Long; Đến cây xăng nhà ông Hùng (điểm giao Ql 45+217) (V. Long)	3.200
11	Đoạn từ điểm giao QL 217+ 45 (Đất thị trấn); Đến giáp Bệnh viện Đa khoa huyện (thuộc thị trấn)	8.500
12	Đoạn từ giáp Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc; Đến nghĩa trang Liệt sỹ huyện Vĩnh Lộc (thuộc thị trấn)	5.000
13	Đoạn từ giáp nghĩa trang Liệt sỹ huyện Vĩnh Lộc; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thành (thuộc thị trấn)	2.000
14	Đoạn từ giáp ranh giới thị trấn; Đến cầu Công (Vĩnh Thành)	1.400
15	Đoạn từ Cầu Công xã Vĩnh Hòa đến đường rẽ vào UBND xã Vĩnh Hòa	1.500
16	Đoạn từ đường rẽ vào UBND xã Vĩnh Hoà; Đến đỉnh Dốc 20 xã Vĩnh Hùng	900
17	Đoạn từ đỉnh dốc 20 xã Vĩnh Hùng; Đến đất ở Ông Quyền (đường rẽ vào trụ sở UBND xã Vĩnh Hùng)	1.000
18	Đoạn từ đất ở ông Quyền (đường rẽ vào trụ sở UBND xã Vĩnh Hùng); Đến đường rẽ vào Cầu Yên Hoành xã Vĩnh Hùng	2.000
19	Đoạn từ đường rẽ vào Cầu Yên Hoành; Đến đường rẽ vào Phủ Trịnh	2.500
20	Đoạn từ đường rẽ vào Phủ Trịnh; Đến hết ranh giới Vĩnh Hùng giáp ranh giới Vĩnh Tân	2.700
21	Đoạn từ ranh giới Vĩnh Hùng giáp Vĩnh Tân; Đến hết ranh giới xã Vĩnh Tân	2.500
22	Đoạn từ ranh giới Vĩnh Tân giáp Vĩnh Minh; Đến thửa đất số 1029 tờ bản đồ số 4 xã Vĩnh Minh	3.000
23	Đoạn từ thửa đất số 990 tờ bản đồ số 4 xã Vĩnh Minh; Đến đất ở nhà ông Khanh (Cách cây xăng Vĩnh Mạnh hướng đi Hà Trung 200m)	3.500

24	Từ đất ở nhà Ô. Bình (Cách cây xăng Vĩnh Mạnh đi Hà Trung 200m); Đến hết ranh giới xã Vĩnh Minh (cũ) giáp Vĩnh Thịnh	3.000
25	Đoạn từ ranh giới xã Vĩnh Minh (cũ) giáp Vĩnh Thịnh; Đến thửa 793, 751A tờ bản đồ số 15 xã Vĩnh Thịnh	3.500
26	Đoạn từ thửa 794, 751 tờ bản đồ số 15 xã Vĩnh Thịnh đến cách chợ Vĩnh Thịnh đi Hà Trung 400 mét	2.800
27	Đoạn từ cách chợ Vĩnh Thịnh đi Hà Trung 400 mét; Đến hết ranh giới xã Vĩnh Thịnh giáp Hà Trung	2.000
II	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 217 + 45 (Đoạn trùng nhau)**	
1	Đoạn từ cây xăng ông Hùng Vĩnh Long; Đến hết ranh giới xã Vĩnh Long đi về phía thị trấn	3.000
2	Đoạn từ hết ranh giới xã Vĩnh Long giáp Vĩnh Tiến; Đến thửa 1417 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến (Vĩnh Tiến)	4.200
3	Đoạn từ thửa 1416 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến; Đến thửa 1498 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến	4.500
4	Đoạn từ thửa 1389 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến; Đến thửa 1439 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến	5.000
5	Đoạn từ thửa 1438 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Tiến; Đến vị trí đội thuế huyện, đối diện bến xe (Vĩnh Tiến)	6.000
7	Đoạn từ đội thuế huyện (Vĩnh Tiến); Đến hết ranh giới xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Thành giáp thị trấn	7.000
8	Đoạn từ giáp ranh giới xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Thành (cũ); Đến đất ở nhà ông Giỏi (cổng vào Trường THCS Tây Đô) - thị Trấn	7.500
9	Từ đất ở nhà ông Giỏi (cổng vào trường Tây Đô); Đến đường rẽ vào Đồng Minh đất ở nhà ông Kính, thuộc thị Trấn	8.000
10	Đoạn từ đường rẽ vào Đồng Minh (đất ở nhà ông Kính); Đến đất ở nhà Ông Hải và ông Chèo, thuộc thị trấn	8.600
11	Đoạn từ nhà Ông Hải và ông Chèo (khu 1, thị trấn); Đến đất ở nhà Ông Chúc (điểm giao QL 45+217)	9.500
III	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 45**	
1	Đoạn từ giáp ranh giới sử dụng đất huyện Thạch Thành; Đến điểm giao giữa đường QL 45 với Đê Vĩnh Long.	700
2	Từ điểm giao giữa đường Ql 45 với đê Vĩnh Long đến QL 45 đoạn rẽ vào Đại La (thửa 774 tờ 18).	1.500
3	Từ QL 45 đoạn rẽ vào Đại La (thửa 774, tờ 18) đến trung tâm làng Bèo (đường rẽ vào UBND xã V. Long).	1.700
4	Đoạn từ thửa 481, 451 (đường rẽ vào trụ sở UBND xã Vĩnh Long); Đến thửa 742,1116 tờ bản đồ số 22 xã Vĩnh Long.	2.000
5	Đoạn đường từ thửa 1177, 781, tờ bản đồ số 22 xã Vĩnh Long; Đến điểm giao giữa QL 45 và 217 (cây xăng Vĩnh Long và đến thửa 1088)	2.300
6	Đoạn từ đất ở nhà Ông Chúc (điểm giao QL 45+217); Đến hết ranh giới đất trụ sở UBND huyện hướng đi Kiểu	8.500
7	Đoạn từ ranh giới sử dụng đất trụ sở UBND huyện hướng đi Kiểu; Đến đường rẽ vào trường Tiểu học thị trấn	6.500
8	Đoạn từ đất ở nhà ông Lâm Hương (thửa 64 tờ BĐ số 9 thị trấn);Đến thửa 108 tờ bản đồ số 9 thị trấn	5.500

9	Đoạn từ thửa 109 tờ bản đồ số 9 thị trấn ; Đến hết đất ở nhà Ông Sơn (thửa 145 tờ BĐ số 9 thị trấn)	5.000
10	Đoạn từ thửa 146 tờ bản đồ số 9 thị trấn; Đến hết ranh giới đất Công an huyện	4.500
11	Đoạn từ đất nhà ông Bảo Bốn (thửa 262 tờ bản đồ số 9 thị trấn;Đến hết ranh giới thị trấn đi Kiều	4.000
12	Đoạn từ vị trí đất giáp trụ sở UBND xã Vĩnh Thành (cũ); Đến hết thửa đất số 70 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Thành	5.500
13	Đoạn từ vị trí đất nhà ông Thuận (thửa 105 tờ BĐ số 9 xã Vĩnh Thành); Đến thửa đất số 177 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Thành (cũ)	5.000
14	Đoạn thửa đất số 176 tờ bản đồ số 9 xã Vĩnh Thành; Đến đất ở nhà Ông Vượng (thửa đất số 229 tờ BĐ số 9 xã Vĩnh Thành (cũ))	4.800
15	Đoạn từ ranh giới đất ở nhà Ông Vượng; Đến thửa đất ở số 328 tờ BĐ số 9 (giáp đất Thi hành án)	4.500
16	Đoạn từ đất Thi hành án huyện; Đến vị trí đất nhà ông Tân (thửa 401 tờ BĐ số 09)	4.000
17	Đoạn từ thửa đất số 400 tờ bản đồ số 09 xã Vĩnh Thành (cũ); Đến hết ranh giới đất Trạm Thuỷ nông huyện	4.000
18	Đoạn từ thửa đất giáp Trạm Thuỷ nông huyện; Đến hết ngã tư Hà Lương, xã Vĩnh Thành (cũ)	3.600
19	Đoạn từ ranh giới ngã tư Hà Lương, Vĩnh Thành (cũ); Đến hết ranh giới xã Vĩnh Thành giáp Vĩnh Ninh (cũ)	3.000
20	Đoạn từ giáp ranh sử dụng xã Vĩnh Thành (cũ) đi Kiều; Đến hết ranh giới thửa đất của Đê Điều (đường rẽ vào thôn Thọ Vực)	2.800
21	Đoạn từ ranh giới thửa đất Đê Điều (đường rẽ vào thôn Thọ Vực); Đến ranh giới cây xăng nhà ông Điểm xã Vĩnh Ninh (cũ)	2.800
22	Đoạn từ ranh giới cây xăng nhà ông Điểm (xã Vĩnh Ninh (cũ)); Đến trụ sở UBND xã Vĩnh Ninh	2.800
23	Đoạn từ trụ sở UBND xã Vĩnh Ninh (cũ); Đến đường rẽ vào trường THCS Vĩnh Ninh	2.800
24	Đoạn từ đường rẽ vào trường THCS; Đến ranh giới đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Kỳ Ngãi về phía Tây (Phía Đông Nam là đất ở Ô. Trường)	2.800
25	Đoạn từ đường rẽ vào Nhà văn hoá thôn Kỳ Ngãi về phía Tây (Phía Đông Nam là đất ở Ông Trường); Đến hết ranh giới Kỳ Ngãi giáp thôn Phi Bình	2.800
26	Đoạn từ ranh giới Kỳ Ngãi giáp thôn Phi Bình; Đến giáp Cầu Kiều	2.600
IV	**ĐƯỜNG TL 522**	
1	Đoạn đường TL 522 nối từ QL 45+217 đến đường trục chính TT thị trấn (Vĩnh Phúc)	4.000
V	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 523C**	
1	Ven đường TL 523c đoạn từ điểm đấu nối đường QL217 (Thửa số 1061a tờ BĐ số 16) đến giáp thôn Đồi Mỏ (thửa 534 tờ bản đồ số 10) (Vĩnh Long)	1.000
2	Ven đường TL523 từ nhà ông Liệu thôn Đồi Mỏ (thửa số 453 tờ BĐ số 10) đến hết ranh giới xã Vĩnh Long, giáp xã Thạch Long huyện Thạch Thành (thửa số 06 tờ BĐ số 08) (Vĩnh Long)	700
VI	**ĐƯỜNG HUYỆN LỘ**	

1	Tuyến đường nối với đường Ql 217 thuộc xã V. Quang, gồm: Đoạn từ cách điểm giao đường QL 217 sau ranh giới thửa đất vị trí 01 QL217; Đến trung tâm xã	475
2	Các tuyến đường nối với đường Ql 217 thuộc xã V. Yên gồm: Đoạn từ cách điểm giao đường QL 217 sau ranh giới thửa đất vị trí 01 QL217; Đến trung tâm xã (các tuyến đường xã Vĩnh Yên)	550
3	Đoạn từ cửa Bắc Thành Nhà Hồ; Đến cửa Nam Thành Nhà Hồ (xã Vĩnh Tiến)	600
4	Đoạn từ cửa Nam Thành Nhà Hồ; Đến ranh giới sử dụng đất nhà Văn hoá thôn Xuân Giai (thửa đất 95, 63- tờ số 09)	2.800
5	Đoạn từ ranh giới sử dụng đất nhà Văn hoá thôn Xuân Giai (thửa đất 95, 63 tờ số 09); Đến đường rẽ vào UBND xã Vĩnh Tiến (Thửa đất 876, 877- tờ BĐ số 09)	3.000
6	Đoạn từ đường rẽ vào UBND xã Vĩnh Tiến (Thửa đất 876, 877 tờ 09); Đến thửa 1079, 117 tờ bản đồ số 09 xã Vĩnh Tiến	3.200
7	Đoạn từ thửa 1079, 117 tờ bản đồ số 09 xã Vĩnh Tiến Thành Nhà Hồ; Đến Đền Tam Tổng (thửa số 14 tờ 13)	3.400
8	Đoạn từ vị trí đất Đền Tam Tổng (thửa 14 tờ 13); Đến thửa 274 tờ bản đồ số 13, xã Vĩnh Tiến	4.500
9	Đoạn từ thửa 274 tờ bản đồ số 13, xã Vĩnh Tiến; Đến thửa 320 tờ bản đồ số 13, xã Vĩnh Tiến	5.000
10	Tuyến đường phụ cận Thành Nhà Hồ thuộc xã Vĩnh Tiến	1.000
11	Tuyến đường trục chính TT Thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 + 45 đang xây dựng thuộc xã Vĩnh Phúc	4.000
12	Tuyến đường phụ cận Thành Nhà Hồ thuộc xã Vĩnh Thành	1.000
13	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc thuộc xã Vĩnh Thành (cũ)	3.500
14	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217 + 45 (có khoảng cách từ điểm giao với đường QL từ mét thứ 25 đến 100 mét), đường trung tâm xã Vĩnh Thành (cũ), Vĩnh Tiến, Vĩnh Phúc	1.800
15	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217 + 45 (có khoảng cách từ điểm giao với đường QL từ mét thứ 101 đến 200 mét), đường trung tâm xã Vĩnh Thành (cũ), Vĩnh Tiến, Vĩnh Phúc	1.300
16	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217 + 45 (có khoảng cách từ điểm giao với đường QL từ mét thứ 25 đến 100 mét), đường trung tâm tại các xã Vĩnh Ninh (cũ), Vĩnh Minh (cũ), Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hùng, Vĩnh Long	1.200
17	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217 + 45 (có khoảng cách từ điểm giao với đường QL từ mét thứ 101đến 200 mét), đường trung tâm tại các xã Vĩnh Ninh (cũ), Vĩnh Minh (cũ), Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hùng, Vĩnh Long	900
18	Đoạn đường nối với QL 45+ 217 giáp ranh giới khu vật tư đi V. Thành; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thành (cũ) (Đất thuộc thị trấn)	2.800
19	Đoạn đường nối với QL 45+ 217 giáp ranh giới trường Trung học Vĩnh Lộc đi Vĩnh Phúc; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Phúc (Đất thuộc thị trấn)	2.800
20	Đoạn từ đường nối với QL 45+ 217 giáp đất Ô. Thành đi V. Thành (cũ); Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thành (cũ) (Đất thuộc thị trấn)	2.300
21	Đoạn đường nối với QL 45+ 217 giáp ranh thửa đất ông Tâm đi Vĩnh Phúc; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Phúc (Đất thuộc thị trấn)	2.500

22	Đoạn từ điểm giao từ đường QL 45 vào Chùa Tường Vân (Chùa Giáng); Đến điểm giao tuyến QL 217 - nhà ông Lợi (Đất thuộc thị trấn)	3.800
23	Các đường nhánh tiếp giáp Quốc lộ 45 còn lại thuộc thị trấn	1.400
24	Đường nối với Quốc lộ 217 đi Thạch Thành (đường Việt Yên) thuộc xã Vĩnh Hùng, cách điểm giao Quốc lộ 217 < 200 mét	700
25	Đường nối với Quốc lộ 217 đi Thạch Thành (đường Việt Yên) thuộc xã Vĩnh Hùng, cách điểm giao Quốc lộ 217 từ 200 mét - 400 mét	500
26	Đường nối với Quốc lộ 217 đi Thạch Thành (đường Việt Yên) thuộc xã Vĩnh Hùng, cách điểm giao Quốc lộ 217 > 400 mét đến giáp ranh giới huyện Thạch Thành	300
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN VĨNH LỘC**	
1.1	Tại tờ bản đồ số 01, từ thửa số 39,40 đến thửa 62 , thuộc khu 1, thị trấn (các thửa đất thuộc lô 2, lô 3 khu bờ tường ao lác) Tại tờ bản đồ số 02 gồm các thửa 429, 430, 431.	1.200
1.2	Tại tờ bản đồ số 02, từ thửa số 63- 67; 346, 350, 380, 381, 382, 383, 401, 351, 352, 353, 354, 355 - khu 1, thị trấn (Khu bờ tường Ao Lác)	1.800
1.3	Tại tờ bản đồ số 02, từ thửa số 364, 365, 366, 367, 368, 369, 3 71, 372, 402, 125- thuộc khu 1, thị trấn	1.800
1.4	Tại tờ bản đồ số 02, từ thửa số 127, 134, 136,147, 149, 157, 159, 168, 171, 186, 189, 192, 194, 200, 306, 203 và các thửa đất cùng cung đường phía đối diện với các thửa trên thuộc khu 1, thị trấn	1.500
1.5	- Tại tờ bản đồ số 02, từ thửa số 327-340; 314; 321- 327; - Tại tờ bản đồ số 03 gồm các thửa từ 100 - 104; thuộc khu 1, thị trấn	1.800
1.6	- Tại tờ bản đồ số 02, từ thửa số 341-345; Tại tờ bản đồ số 03 gồm các thửa từ 105-116 thuộc khu 1, thị trấn (Đường vào Đồng Minh)	2.400
1.7	Tại tờ bản đồ số 03: Vị trí Quy hoạch khu dân cư Đồng Minh rộng 5 ha (Vĩnh Phúc, thị trấn năm 2012)	2.400
1.8	Các tuyến đường nối từ đường QL 45 + 217 có chiều rộng > 5 mét; Đến giáp ranh giới các xã Vĩnh Tiến, Vĩnh Thành, Vĩnh Phúc	2.600
1.9	Đoạn đường nối với QL 45+ 217 giáp ranh giới Nhà ông Văn đi Vĩnh Thành; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thành	2.800
1.10	Đoạn đường nối với QL 45+ 217 giáp ranh giới Nhà ông Chèo đi Vĩnh Phúc; Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Phúc	2.800
1.11	Tại tờ bản đồ số 07, mặt bằng khu dân cư 71 hộ (giáp bệnh viện đa khoa huyện) thuộc khu 3, thị trấn	2.500
1.12	Trục đường vào trường tiểu học thị trấn (Từ giáp Ông Lâm Hương đến nhà Ông Văn Phương) thuộc khu 3, thị trấn	2.000
1.13	Khu đất trên cung đường vào Đàn Tế Nam Giao (Từ nhà ông Ký)	2.000
1.14	Các thửa đất còn lại thuộc quy hoạch tái định cư Đàn Tế Nam Giao	1.000
1.15	Các thửa đất còn lại nằm trong quy hoạc khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất tại Đồng Trước khu 3 tờ bản đồ số 9 có vị trí như khu TĐC Đàn Tế Nam Giao	1.200
1.16	**Các trục đường trong khu dân cư có chiều rộng từ > 5 mét thuộc khu 2, thị trấn**	650
1.17	Các trục đường trong khu dân cư có chiều rộng từ > 5 mét thuộc khu 1, khu 3 thị trấn	600

1.18	Các trục đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4 - 5 mét thuộc thị trấn	500
1.19	Các thửa đất trong khu dân cư tên trục đường đi có chiều rộng đường từ 3 - 4 mét thuộc thị trấn	400
1.20	Các thửa đất trên các trục đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 2-3 mét thuộc thị trấn	300
1.21	Các thửa đất không thuộc vị trí trên	250
2	**XÃ VĨNH QUANG**	
2.1	**Đoạn đường từ điểm giao QL 217 thôn Eo Lê chạy dài đến giáp xã Vĩnh Yên (về phía Sông Mã)**	500
2.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng >5m	300
2.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	200
2.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	180
2.5	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	160
2.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
2.7	Đất ở nông thôn các thửa tại tờ bản đồ số 2, xã Vĩnh Quang	110
3	**XÃ VĨNH YÊN**	
3.1	Đoạn đường Thống Nhất	600
3.2	Các thửa đất 02 bên đường gồm thửa 594, 595 đến thửa 602, 689 tờ bản đồ số 11, các thửa đất bám trục đường từ thửa số 800, 801 đến 768, 770 - tờ bản đồ số 10	500
3.3	Đoạn đường chính chạy dọc gần sông Mã từ làng Thượng; Đến làng Thọ Đồn giáp Vĩnh Tiến (trừ các thửa đất tại mục 3.2)	400
3.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	300
3.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	220
3.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	200
3.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	180
3.8	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	150
3.9	Đất ở nông thôn các thửa tại tờ bản đồ số 2 , các thửa đất ở giáp đất lâm nghiệp khu Đồi Voi tại tờ bản đồ số 01(các thửa số: 9, 11, 12..., 203, 215, 207).	130
4	**XÃ VĨNH TIẾN**	
4.1	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217+ 45, khoảng cách từ điểm giao đường QL < 200 mét	750
4.2	Đoạn đường chính của xã chạy dọc gần sông Mã từ giáp làng Thọ Đồn xã Vĩnh Yên; Đến giáp xã Vĩnh Thành	750
4.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	550
4.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	450
4.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	350
4.6	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	280
4.7	Các khu vực khác còn lại tại các thôn (trừ khu vực giáp Thọ Đồn)	160
4.8	Khu vực còn lại giáp Thọ Đồn	130
4.9	Đường QH mới vị trí khu gốc xoan thôn Phương Giai sau bến xe xã Vĩnh Tiến nối với đường QL 45 và trục đường chính thị trấn (QH 6-12m)	1.600
4.10	Đường QH khu dân cư Ao Lác thôn Phương Giai (QH 5-8m)	850
4.11	Đường nối từ trường cấp 2 đi xuống thôn Phương Giai (QH đường 4-7m)	850
5	**XÃ VĨNH THÀNH (nay là thị trấn Vĩnh Lộc)**	

5.1	Đoạn đường chính của xã chạy dọc gần sông Mã từ giáp xã Vĩnh Tiến; Đến giáp xã Vĩnh Ninh (cũ)	750
5.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	600
5.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	500
5.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3 - 4 m	400
5.5	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	300
5.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	220
	Khu vực thuộc Thôn 7, Thôn 8 xã Vĩnh Thành	
5.7	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	450
5.8	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	370
5.9	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	250
5.10	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	200
5.11	Khu vực còn lại thôn 7, thôn 8	150
6	**XÃ VĨNH NINH (nay là xã Ninh Khang)**	
6.1	Các tuyến đường trục chính nối với QL 45, có Khoảng cách từ điểm giao với đường QL > 200 mét, các tuyến đường trung tâm	550
6.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	400
6.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	300
6.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	250
6.5	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	180
6.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	150
6.7	Đất DC ven chân đồi không thuận lợi giao thông (Kỳ Ngãi, Yên Lạc)	130
7	**XÃ VĨNH KHANG (nay là xã Ninh Khang)**	
7.1	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	300
7.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	200
7.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	170
7.4	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	150
7.5	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	120
8	**XÃ VĨNH LONG**	
8.1	Các trục đường chính trong xã	450
8.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	350
8.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	280
8.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	220
8.5	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	170
8.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
	Khu vực thuộc thôn Tân Lập, Đồi Thợi, Thành Phong, Đồi Mỏ	
8.7	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	300
8.8	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	230
8.9	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	160
8.10	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	130
8.11	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	110
9	**XÃ VĨNH PHÚC**	
9.1	Các tuyến đường nối QL 45+ 217 từ giáp ranh giới thị trấn đến cách giáp ranh thị trấn 200 mét đi Vĩnh Phúc	2.500

9.2	Các tuyến đường nối QL 45+ 217 từ cách giáp ranh thị trấn 200 mét đến cách ranh giới thị trấn 400 mét đi Vĩnh Phúc	300
9.3	Đường nối từ QL 217 xã Vĩnh Hòa đi thôn Văn Hanh xã Vĩnh Phúc	400
9.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	400
9.5	Từ thôn Đồng Minh cách thị trấn 400m đến sân thể thao xã V. Phúc gồm các thửa: 800, 827, 849, 894, 893, 892, 891, 849a, 848, tờ BĐ 11	1.000
9.6	Tuyến đường từ Cầu Vĩnh Phúc vào đập Mang Mang	1.000
9.7	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	280
9.8	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	230
9.9	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	200
9.10	Khu vực còn lại không thuộc thôn Tân Phúc, Phúc Khang, Văn Hanh	130
	Khu vực thôn Phúc Khang, Tân Phúc, Văn Hanh	
9.11	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	300
9.12	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	220
9.13	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	180
9.14	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	140
9.15	Khu vực còn lại thuộc thôn Tân Phúc, Phúc Khang	120
9.16	Khu quy hoạch dân cư mới thôn Đồng Minh	2.000
10	**XÃ VĨNH HƯNG**	
10.1	**Các trục đường chính trong xã**	350
10.2	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	250
10.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	200
10.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	180
10.5	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	160
10.6	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
10.7	Đất dân cư ven chân đồi không thuận lợi giao thông	110
11	**XÃ VĨNH HÒA**	
11.1	Tuyến đường đê ven sông Bưởi và sông Mã từ Lợi Chấp đến Giang Đông giáp Vĩnh Hùng (trừ các thửa từ 1122, 1091 đến 1454 tờ BĐ 20)	450
11.2	Tuyến đường đê ven sông mã từ thửa 1122, 1091 đến 1454 tờ BĐ số 20	600
11.3	Đường nối với Quốc lộ 217 đi Vĩnh Hưng và tuyến đường vào UBND xã Vĩnh Hoà	600
11.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	350
11.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	250
11.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	180
11.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	160
11.8	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
11.9	Đất dân cư ven chân đồi không thuận lợi giao thông	120
12	**XÃ VĨNH HÙNG**	
12.1	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL < 200 mét	1.600
12.2	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL > 200 mét và các tuyến đường trung tâm của xã	1.300
12.3	Tuyến đường (Đê) ven sông Mã từ giáp Vĩnh Hoà Đến giáp ranh giới xã Vĩnh Tân	900

12.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	750
12.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	550
12.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	400
12.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	200
12.8	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
	Thôn Đồng Mực, Xóm mới , Việt Yên	
12.9	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	300
12.10	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	250
12.11	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	180
12.12	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	140
12.13	Khu vực còn lại thuộc thôn Đồng Mực, Xóm mới	110
12.14	Tuyến đường Cầu Mới Yên Hoành	3.000
12.15	Các tuyến đường trong khu TĐC Cồn Vông	2.500
13	**XÃ VĨNH TÂN (nay là xã Minh Tân)**	
13.1	Tuyến đường (Đê) ven sông Mã từ giáp Vĩnh Hùng - Đến giáp V. Minh	650
13.2	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có K/C từ điểm giao với đường QL < 200 mét	800
13.3	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL > 200 mét và các tuyến đường trung tâm của xã	650
13.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	550
13.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	350
13.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	250
13.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	180
13.8	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
	Khu vực Thôn Đa Bút	
13.9	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	350
13.10	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	250
13.11	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	200
13.12	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	150
13.13	Các thửa đất còn lại trong khu dân cư	120
14	**XÃ VĨNH MINH (nay là xã Minh Tân)**	
14.1	Tuyến đường (Đê) ven sông Mã từ giáp Vĩnh Tân đến hết ranh giới xã Vĩnh Minh (cũ)	600
14.2	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với QL < 200 mét	800
14.3	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL > 200 mét, các tuyến đường trung tâm xã	650
14.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	550
14.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	350
14.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	250
14.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	200
14.8	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	130
15	**XÃ VĨNH THỊNH**	
15.1	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có K/C từ điểm giao với đường QL từ sau khu dân cư đến 300 mét và từ mét thứ 201 của tuyến đường vào trường tiểu học Vĩnh Thịnh	1.500

15.2	Tuyến đường nối với QL 217 vào trường Tiểu học, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL sau khu dân cư vị trí 01 QL 217 đến 200 mét (Mặt bằng đấu giá đất ở năm 2012 và toàn bộ đất dân cư bám trục đường).	1.600
15.3	Các tuyến đường trục chính nối với QL 217, có khoảng cách từ điểm giao với đường QL > 300 mét và các tuyến đường trung tâm	800
15.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	550
15.5	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	350
15.6	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	250
15.7	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	150
15.8	Đường nối QL 217 đến làng Xanh	1.300
15.9	Đường nhánh nối với đường nối QL 217	400
15.10	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	110
16	**XÃ VĨNH AN**	
16.1	Tuyến đường từ Eo Cò chạy vào UBND xã Vĩnh An giao tuyến đường (Đê sông Mã) ven sông Mã	1.200
16.2	Tuyến đường (Đê sông Mã) ven sông Mã từ giáp Vĩnh Minh; Đến giáp huyện Hà Trung	1.139
16.3	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng > 5 mét	1.050
16.4	Các tuyến đường trong khu dân cư có chiều rộng từ 4-5 m	950
16.5	Các tuyến đường trong dân cư có chiều rộng từ 3- 4 m	911
16.6	Các tuyến đường có chiều rộng đường từ 2- 3 mét	500
16.7	Đường, ngõ, ngách không thuộc vị trí trên	200

17. HUYỆN THẠCH THÀNH

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
1	**QUỐC LỘ 45**	
1.1	Đoạn Từ Dốc Giang đến giáp Đền Phố Cát xã Thành Vân (xã Thành Vân, cũ)	700
1.2	Đoạn Từ đền Phố Cát đến giáp đất Nhà văn hoá thôn Phố Cát	1.200
1.3	Đoạn từ đất Nhà văn hoá thôn Phố Cát đến giáp cây xăng Thành Vân	1.800
1.4	Đoạn từ cây xăng Thành Vân đến giáp kho của thôn xóm Yên	1.000
1.5	Đoạn từ kho của thôn xóm Yên đến giáp danh xã Thành Thọ (xã Thành Vân, cũ)	800
1.6	Đoạn từ giáp ranh xã Thành Vân đến giáp hộ ông Phạm Văn Tuấn thôn Đồng Khanh xã Thành Thọ	800
1.7	Đoạn từ hộ ông Phạm Văn Tuấn thôn Đồng Khanh đến giáp danh xã Thành Kim (Thành Thọ)	1.100
1.8	Đoạn từ giáp ranh xã Thành Thọ đến ngã ba Dốc Trầu (xã Thành Kim, cũ)	2.000
1.9	Đoạn từ ngã 3 Dốc Trầu đến giáp cầu Nổ Soái (xã Thành Kim, cũ)	4.200
1.10.	Đoạn từ cầu Nổ Soái đến giáp đường rẽ vào UBND xã Thành Kim địa phận thị trấn Kim Tân	5.600
1.11	Đoạn từ đường rẽ vào UBND xã Thành Kim đến giáp đất Chi cục Thuế Thạch Thành (Kim Tân)	7.200
1.12	Đoạn từ Chi cục Thuế đến giáp trụ sở UBND huyện (Kim Tân)	5.100
1.13	Đoạn từ trụ sở UBND huyện đến giáp xã Thành Hưng (Kim Tân)	3.200
1.14	Đoạn từ giáp thị trấn Kim Tân đến giáp đất bà Ngọc thôn Hợp Thành, xã Thành Hưng	1.800
1.15	Đoạn đường từ hộ bà Ngọc (cuối thôn Hợp Thành) đến hết khu Gò Than thôn Phú Thành	1.100
1.16	Đoạn từ giáp khu Gò Than thôn Phú Thành đến giáp cầu Cổ Tế (Thành Hưng)	600
1.17	Đoạn từ cầu Cổ Tế đến hết hộ ông Phạm Văn Huân xã Thạch Long	600
1.18	Đoạn từ giáp hộ ông Phạm văn Huân đến Cống Bèo (Thạch Long)	500
2	**ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**	
2.1	Đoạn từ giáp Hoà Bình đến giáp xã Thạch Quảng	1.000
2.2	Đoạn từ giáp đất xã Thạch Lâm đến nhà ông Phúc Hoa xã Thạch Quảng	1.800
2.3	Đoạn từ giáp nhà ông Phúc Hoa xã Thạch Quảng đến cầu Quảng Trung xã Thạch Quảng	1.600
2.4	Đoạn từ Cầu Quảng Trung đến hết bến xe khách xã Thạch Quảng	2.200
2.5	Đoạn từ nhà ông Thắng Tươi xã Thạch Quảng đến hết đất nhà ông Huân xã Thạch Quảng .	2.000
2.6	Đoạn từ giáp nhà ông Huân đến giáp đất xã Cẩm Tú huyện Cẩm Thuỷ.	1.500
3	**QL 217B**	
3.1	Đoạn Từ cầu Vạn Bảo đến giáp nhà ông Thái thôn Tân Lý xã Thành Tâm	1.500
3.2	Đoạn nhà ông Thái thôn Tân Lý đến nhà ông Hảo thôn Tân Liên (Thành Tâm)	1.800

3.3	Đoạn Từ nhà ông Hảo thôn Tân Liên đến Dốc Lụi (giáp thị trấn Vân Du)	1.800
3.4	Đoạn từ Dốc Lụi giáp danh xã Thành Tâm đến hết nhà ông Ái khu phố 4 thị trấn Vân Du	1.800
3.5	Đoạn từ đường rẽ vào Long Vân cạnh nhà ông Ái đến đường rẽ vào Trạm y tế Vân Du	2.200
3.6	Đoạn từ đường rẽ vào Trạm y tế Vân Du đến giáp ranh xã Thành Vân	2.500
3.7	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Vân Du đến đường rẽ vào thôn Yên Lão xã Thành Vân (cũ)	2.000
3.8	Đoạn từ đường rẽ thôn Yên Lão đến cầu Sậy giáp xã Thành Tân (xã Thành Vân, cũ)	1.200
3.9	Đoạn từ giáp ranh xã Thành Vân đến ngã tư Đồng Phú xã Thành Tân .	1.200
3.10	Đoạn từ nhà bà Thanh (ngã tư Đồng Phú) thôn Đồng Phú đến giáp danh xã Thành Công (Thành Tân)	1.100
3.11	Đoạn giáp xã Thành Tân đến đến nhà ông Nguyễn Văn Thành thôn Đồng Thượng xã Thành Công	1.100
3.12	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Thành thôn Đồng Thượng đến cầu Bông Bụt xã Thành Công	900
3.13	Đoạn từ cầu Bông Bụt đến hồ Đầm Lung xã Thành Công	1.100
3.14	Đoạn từ hồ Đầm Lung đến giáp xã Thành Minh (Thành Công)	900
3.15	Đoạn từ giáp xã Thành Công đến giáp Trạm biến áp thôn Cốc, xã Thành Minh	800
3.16	Đoạn từ Trạm biến áp thôn Cốc đến giáp bảng tin Thôn Mặc, xã Thành Minh	800
3.17	Đoạn từ bảng tin Thôn Mặc đến giáp đất hộ ông Thắng thôn Minh Quang, xã Thành Minh	500
3.18	Đoạn từ đất hộ ông Thắng thôn Minh Quang đến giáp đất ông Lê Văn Viện thôn Minh Hải,, xã Thành Minh	1.000
3.19	Đoạn từ đất ông Lê Văn Viện thôn Minh Hải đến giáp hộ ông Trương Văn Luận thôn Mỹ Đàm	700
3.20	Đoạn từ hộ ông Trương Văn Luận thôn Mỹ Đàm đến giáp ranh xã Thành Trực (Thành Minh)	300
3.21	Đoạn từ giáp ranh xã Thành Minh đến ranh xã Thành Vinh (Thành Trực)	300
3.22	Đoạn từ giáp xã Thành Trực đến giáp hội trường thôn Bãi Cháy xã Thành Vinh	600
3.23	Đoạn từ hội trường thôn Bãi Cháy đến đường ra cầu phao thôn Lộc Phượng I, xã Thành Vinh	800
3.24	Đoạn từ đường đi cầu phao thôn Lộc Phượng I đến đường vào Trạm biến áp thôn Cự Nhan	800
3.25	Đoạn từ đường vào Trạm biến áp thôn Cự Nhan đến giáp kênh mương cấp 1 thôn Quyết Thắng	700
3.26	Đoạn từ kênh mương cấp I thôn Quyết Thắng đến giáp xã Thành Mỹ	700
3.27	Đoạn từ giáp xã Thành Vinh đến đường vào thôn Lệ Cầm 1 (Thành Mỹ)	700
3.28	Đoạn từ đường vào Thôn Lệ Cầm 1 đến ngã ba Tây Hương đi Thành Yên (Thành Mỹ)	700
3.29	Đoạn từ ngã ba Tây Hương đi Thành Yên đến giáp khu chợ cũ xã Thành Mỹ	650
3.30	Đoạn từ khu chợ cũ xã Thành Mỹ đến giáp xã Thạch Quảng (Thành Mỹ)	500
3.31	Đoạn từ cầu Thạch Quảng đến giáp đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Thạch Quảng	800

4	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 523C**	
4.1	Đoạn từ ngã ba thôn 3 đi xã Vĩnh Long huyện Vĩnh Lộc (Thạch Long)	500
4.2	Đoạn từ ngã ba thôn 3 đến giáp ranh xã Thạch Đồng (Thạch Long)	400
4.3	Đoạn từ giáp thôn 6 xã Thạch Long đến giáp thôn Án Đình xã Thạch Bình (Thạch Đồng)	500
4.4	Đoạn từ giáp ranh xã Thạch Đồng đến giáp ranh xã Cẩm Long thuộc huyện Cẩm Thuỷ	170
5	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 516**	
5.1	Đoạn từ cầu cứng Kim Tân đến nhà ông Tý thôn Thạch Toàn giáp ranh xã Thạch Tân thuộc xã Thạch Định	800
5.2	Đoạn từ giáp ranh xã Thạch Định đến ngã ba bà Lanh xã Thạch Tân (cũ)	2.000
5.3	Đoạn từ ngã ba Bà Lanh đến giáp Cống Bầu Khuyên xã Thạch Tân (cũ)	2.500
5.4	Đoạn từ Cống Bầu Khuyên đến cây xăng giáp xã Thạch Bình	2.300
5.5	Đoạn từ giáp ranh xã Thạch Tân (Km3 +15)đến nhà ông Dinh thôn Yên Thanh (xã Thạch Bình)	1.200
5.6	Đoạn từ nhà ông Dinh (Km3 +640) thôn Yên Thanh đến đường rẽ vào UBND xã Thạch Bình (Km4 + 65) .	700
5.7	Đoạn từ đường rẽ vào UBND xã Thạch Bình (Km4 +65) đến giáp ranh xã Thạch Sơn	500
5.8	Đoạn từ giáp ranh xã Thạch Bình đến giáp đất nhà ông Lâm thôn Minh Sơn, xã Thạch Sơn	700
5.9	Đoạn từ đất nhà Ông Lâm thôn Minh Sơn đến giáp cổng Trạm y tế xã Thạch Sơn	1.200
5.10	Đoạn từ cổng Trạm y tế đến ngã 3 mương Vó ấm xã Thạch Sơn	700
5.11	Đoạn từ ngã 3 mương Vó ấm đến Km 10 ngã 3 vào thôn Bái Đằng (Thạch Sơn)	650
5.12	Đoạn từ Km 10 ngã 3 vào thôn Bái Đằng đến giáp ranh xã Thạch Cẩm.	450
5.13	Đoạn từ giáp ranh xã Thạch Sơn đến hết đất hộ ôngViệt thôn Xuân Tiến, xã Thạch Cẩm	500
5.14	Đoạn từ hộ ông Việt thôn Xuân Tiến đến giáp đất hộ ông Phán thôn Cẩm Lợi 1	800
5.15	Đoạn từ đất hộ ông Phán thôn Cẩm Lợi 1 đến ngã tư thôn Thạch Yến	800
5.16	Đoạn từ ngã tư thôn Thạch Yến đến giáp ranh hộ ông Huân thôn Thạch Môn	800
5.17	Đoạn từ đất hộ ông Huân thôn Thạch Môn đến giáp ranh xã Thạch Quảng.	800
5.18	Đoạn từ giáp xã Thạch Cẩm đến giáp đường Hồ Chí Minh thuộc xã Thạch Quảng	800
6	**TỈNH LỘ 516 B**	
6.1	Đoạn từ Hiệu sách thị trấn Kim Tân đến hết đất nhà ông Xướng KP5 (Kim Tân)	4.000
6.2	Đoạn từ nhà ông Yên đến giáp Trường TTGDTX (Kim Tân)	3.000
6.3	Đoạn từ giáp Trung tâm giáo dục thường xuyên đến giáp xã Thành Kim (Kim Tân)	2.000
6.4	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Kim Tân đến giáp ngã ba Bà Chắt xã Thành Kim	1.300
6.5	Đoạn từ ngã ba Bà Chắt đến giáp cầu Đồng Nga (giáp xã Thành Tiến).(Thành Kim)	800

6.6	Đoạn từ cầu Đồng Nga đến ngã ba đường rẽ vào thôn 4 xã Thành Tiến	700
6.7	Đoạn từ ngã ba rẽ vào thôn 4 đến ngã ba rẽ vào thôn 5 xã Thành Tiến.	800
6.8	Đoạn từ ngã ba rẽ vào thôn 5 đến giáp ranh xã Thành Long. (Thành Tiến)	600
6.9	Đoạn giáp ranh xã Thành Tiến đến ngã 3 Gốc Đa thuộc địa phận xã Thành Long	550
6.10	Đoạn từ ngã 3 giáp ranh xã Thành Tiến đến giáp đường rẽ vào Đơn vị T974 thuộc địa phận xã Thành Long	500
6.11	Đoạn từ đường rẽ vào đơn vị T974 đến giáp ranh với xã Vĩnh Hùng. (Thành Long)	320
7	**TỈNH LỘ 523**	
7.1	Đoạn từ Km 9+900 (ranh giới giữa nhà ông Hán và Nhà ông Cừ) đến Km 10+400 (Đường rẽ lên bãi tha ma Mả Cọ), thuộc địa phận xã Ngọc Trạo	800
7.2	Đoạn từ Km 10+400 (đường rẽ lên bãi tha ma Mả Cọ) đến km 10+600 (hết chợ Ngọc Trạo); Thửa Đất có mặt đường tiếp giáp với Đoạn từ km 9+700 đến Km 9+900.	500
7.3	Đoạn từ Km 10+600 (hết chợ Ngọc Trạo) đến giáp ranh xã Hà Tiến; huyện Hà Trung. Thửa đất có mặt đường tiếp giáp với Đoạn từ km 9+700 (Hết nhà ông Tôn Đô Biên) đến giáp ranh xã Thành An.	250
7.4	Đoạn từ giáp ranh xã Ngọc Trạo đến đến đường rẽ đi thôn Thạch cừ (trước Nhà mầm non) xã Thành An	350
7.5	Đoạn từ đường rẽ đi thôn Thạch Cừ đến đường vào nhà Văn hóa thôn Dỹ Thắng, xã Thành An	600
7.6	Đoạn từ đường rẽ vào Nhà văn hóa thôn Dĩ Thắng đến giáp ranh xã Thành Thọ (Thành An)	350
7.7	Đoạn từ giáp ranh xã Thành An đến giáp chợ Hoa Sói xã Thành Thọ	350
7.8	Đoạn từ chợ Hoa Sói đến giáp Bưu điện văn hoá xã Thành Thọ	450
7.9	Đoạn từ Bưu điện văn hoá đến giáp Nhà văn hoá xã Thành Thọ	360
7.10	Đoạn từ Nhà văn hoá xã đến ngã ba vào Bệnh viện cũ xã Thành Thọ	700
7.11	Đoạn từ ngã ba Bệnh viện cũ đến giáp xã Thành Kim (Thành Thọ)	1.000
7.12	Đoạn từ giáp ranh xã Thành Thọ đến giáp Quốc lộ 45 địa phận xã Thành Kim	2.000
7.13	Đoạn từ ngã ba Dốc trầu đến Nhà nghỉ Kim Thành (Thành Kim)	2.000
7.14	Đoạn từ giáp đất Nhà nghỉ Kim Thành đến hết Chùa Cảnh Yên	1.500
7.15	Đoạn từ giáp đất Chùa Cảnh Yên đến giáp ranh Thành Trực;	1.000
7.16	Đoạn từ cầu Đá Bàn đến giáp Hộ Ông Khuyến xã Thành Trực	1.000
7.17	Đoạn từ hộ ông Khuyến đến giáp đập Đá Bạc xã Thành Trực	400
7.18	Đoạn từ Đập Đá bạc đến giáp hộ Bà Ngữ xã Thành Trực	300
7.19	Đoạn từ hộ bà Ngữ đến giáp hộ ông Hoàn xã Thành Trực	400
7.20	Đoạn từ hộ ông Hoàn đến giáp hộ ông Căn xã Thành Trực	300
7.21	Đoạn từ hộ ông Căn đến giáp hộ ông Phương xã Thành Trực	250
7.22	Đoạn từ hộ ông Phương đến giáp hộ Bà Dung xã Thành Trực	200
7.23	Đoạn từ hộ bà Dung Thành Trực đến giáp xã Thành Vinh	400
8	**TỈNH LỘ 522**	
8.1	Đoạn từ ngã ba thôn Đồng Ngư đến giáp ranh xã Thành Thọ (Thành An)	450
8.2	Đoạn từ ngã ba thôn Dỹ Thắng đến thôn Đồng Ngư (Thành An)	400
8.3	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Bùi Văn Điệp thôn Hòa Lễ đến giáp ranh xã Thành Tâm (Thành An)	300

8.4	Đoạn từ giáp xã Thành An đến giáp ranh xã Thành Long (Thành Thọ)	360
8.5	Đoạn từ giáp ranh với xã Thành Thọ đến Sân vận động thôn Thành Minh (Thành Long).	400
8.6	Đoạn từ Sân vận động thôn Thành Minh đến ngã tư Trung tâm xã. (Thành Long).	500
8.7	Đoạn từ ngã tư Trung tâm xã đến ngã ba tiếp giáp Tỉnh lộ 516B. (Thành Long)	400
II	**ĐƯỜNG TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN KIM TÂN**	
1.1	Đường vào cổng chợ Thành Kim đến kênh N5	4.500
1.2	Đường vào bệnh viện huyện đến kênh N5	900
1.3	Từ nhà Ô.Tuấn đi Đồi lau đến giáp xã Thành Kim (cũ)	900
1.4	Từ giáp nhà Ô. Phàn đến kênh N5	900
1.5	Từ giáp nhà Ô. Hậu Dung đến kênh N5	900
1.6	Từ giáp nhà bà Hạnh Bắc đến kênh N5	900
1.7	Từ giáp hạt Kiểm lâm đến kênh N5	800
1.8	Từ giáp nhà Ô.Thuỷ đến kênh N5	900
1.9	Từ giáp cửa hàng T. Nghiệp đến kênh N5	900
1.1	Từ giáp nhà ông Kiên Lương đến kênh N5	900
1.11	Từ giáp Bưu điện huyện vào khu phố 4	900
1.12	Từ Trạm thực vật đến nhà may Tiên Sơn	800
1.13	Từ giáp nhà ông Cảnh KP4 đến giáp xã Thành Kim (cũ) về phía đường	800
1.14	Từ nhà ông Cảnh KP4 đến giáp xã Thành Kim (cũ) về phía mương N1	500
1.15	Từ Đài truyền hình đến giáp Trường tiểu học thị trấn	500
1.16	Từ nhà bà Hạnh KP2 đến nhà ông Ba KP2	500
1.17	Đoạn từ giáp nhà bà Hồng Xuyên đến nhà ông Giao khu phố 2	500
1.18	Từ giáp nhà ông Thống đến nhà ông Trường KP2	500
1.19	Từ giáp nhà ông Khôi KP2 đến nhà ông Bình KP2	500
1.2	Từ giáp nhà ông Chi đến nhà ông Trương KP2	500
1.21	Từ giáp nhà ông Tước KP2 đến nhà ông Yên KP2	300
1.22	Từ giáp nhà ông Lanh đến nhà bà Hậu KP1	500
1.23	Từ giáp Đài truyền hình đến nhà ông Lược KP4	300
1.24	Từ giáp nhà bà Lan KP4 đến nhà ông Truỳ KP4	300
1.25	Từ giáp nhà ông Việt KP6 đến trạm bơm Kim Hưng về phía đồng	650
1.26	Đường từ nhà ông Biên đến giáp nhà ông Nghê KP5	300
1.27	Từ giáp nhà ông Thành Ngân đến nhà ông Thành Tuyết KP6	300
1.28	Từ giáp nhà ông Lưu KP6 đến nhà ông Chính KP6	650
1.29	Từ giáp nhà bà Giang KP6 đến lô 41	400
1.30	Đường nhánh dọc kênh N6 từ nhà ông Tân đến nhà Yến Ba KP4	400
1.31	Từ giáp nhà ông Ư KP4 đến giáp nhà ông Thuấn KP4	200
1.32	Từ giáp nhà ông Thân KP2 đến giáp xã Thành Kim	200
1.33	Từ giáp nhà bà Trang KP6 đến trạm bơm Kim Hưng	200
1.34	Từ giáp nhà ông Hoàn KP4 đến giáp đất nhà ông Quang KP 4	200
1.35	Từ giáp nhà bà Điểm KP3 đến nhà ông Tâm KP3	300
1.36	Từ giáp nhà bà Chiến KP2 đến nhà ông Tình KP2	

1.37	Từ giáp nhà ông Nghĩa KP3 đến nhà ông Trường tới KP3	300
1.38	Từ giáp nhà ông Hân KP3 đến nhà ông Thành Thuỷ khu phố 3	300
1.39	Từ giáp nhà ông Đức KP3 đến nhà ông Long khu phố 3	200
1.40	Từ giáp nhà ông Niệm KP1 đến nhà ông Tiến Vui KP1	300
1.41	Từ giáp nhà Văn hoá KP1 đến nhà ông Trung KP1	300
1.42	Đường ngõ vào nhà ông Kiệm và nhà ông Phong KP5	500
1.43	Đường ngõ vào nhà ông Tự KP5	500
1.44	Đất tiếp giáp với các đường nhánh nối trực tiếp với các đoạn đường nêu trên	200
1.45	Từ giáp nhà ông Lân khu B đồng hậu đến nhà ông Hạnh	650
1.46	Từ giáp nhà ông Hùng Phượng KP3 đến nhà ông Ba KP3	300
1.47	Đường giáp nhà Bà Thảo đến giáp xã Thành Kim	900
1.48	Đất tiếp giáp với các đường nhánh nối trực tiếp với QL 45, Tỉnh lộ 516B không thuộc các đoạn đường đã nêu trên	200
1.49	Đường dọc kênh N5 từ Bưu Điện huyện đến Bệnh viện huyện Thạch Thành	1.200
1.50	Từ giáp nhà bà Duyên KP1 đến nhà ông Khang KP1	800
1.51	Từ lô số 13 đến lô số 40 (khu đất đấu giá đồng sâu xa)	600
1.52	Đất tiếp giáp với các đường nhánh nối trực tiếp với các đoạn đường nêu trên	150
1.53	Đường phân lô khu phố 3 (khu đất đấu giá Đồng Giặc), đoạn từ giáp đường	800
1.54	Đường quy hoạch từ lô số 25 đến lô số 36. Khu đấu giá Đồng Sáu Đa KP6	400
1.55	Đường nhánh quy hoạch Lô 2 từ giáp đất nhà ông Minh KP5 đến giáp đất nhà ông Cường KP5	300
1.56	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
2	**THỊ TRẤN VÂN DU**	
2.1	Đường Ngõ I khu phố 1 cạnh nhà ông Thảo đến cầu đội 6 giáp nhà ông Lan khu phố 1	360
2.2	Đường Ngõ I khu phố 2; 3 cạnh nhà ông Thứ khu phố 3 đến ngõ II khu phố 2.3 cạnh nhà ông Sơn khu phố 3	600
2.3	Đường từ nhà ông Thứ khu phố 3 đến ngõ I khu phố 1 cạnh nhà ông Thảo	600
2.4	Đường Ngõ I khu phố 3 cạnh nhà ông Thứ khu phố 3 đến đường 30/4 cạnh nhà ông Đệ khu phố 3	400
2.5	Đường từ nhà ông Đệ khu phố 3 đến cuối đường cạnh nhà ông Xuân khu phố 3	400
2.6	Đường Ngõ II khu phố 3 cạnh nhà ông Sơn khu phố 3 đến ngã 3 đường 20/11 cạnh nhà ông Hùng khu phố 3	400
2.7	Ngã 3 đường 20/11 cạnh nhà ông Hùng khu phố 3 đến cuối đường giáp nhà ông Tuệ khu phố Long Vân	400
2.8	Đoạn từ nhà ông Thể khu phố Long Vân đến cuối đường giáp nhà ông Tuệ khu phố Long Vân	160
2.9	Đường Ngõ I khu phố 2 (cạnh nhà ông Chức) đến cuối đường giáp đất ông Nên khu phố 2	250
2.10	Đường Ngõ II khu phố 2 cạnh nhà ông Sương đến cuối đường giáp đất ông Cảnh khu phố 2	250
2.11	Đường Ngõ I khu phố 1 cạnh nhà ông Thảo đến cuối đường giáp đất bà Quỳnh khu phố 1	290

2.12	Đoạn từ nhà ông Tám công an thị trấn đến đất nhà ông Thư (bí thư khu Phố cát)	200
2.13	Đường Ngõ 11 khu phố 1 cạnh nhà bà Thuận đến cuối đường giáp đất nhà bà Khoáng khu phố 1	200
2.14	Đường Ngã 4 khu phố 1 cạnh nhà bà Dung đến ngã tư giáp đất nhà ông Phái khu phố 1	200
2.15	Đoạn từ nhà ông Tâm khu phố 2 đến cuối đường giáp đất nhà ông Hường khu phố 2	150
2.16	Đoạn từ nhà truyền thanh thị trấn cạnh nhà ông Tuyến khu phố 1 đến cuối đường giáp đất nhà bà Giao khu phố 4	160
2.17	Đoạn từ nhà bà Quỳnh khu phố 1 đến ngã 4 giáp đất nhà ông Phái khu phố 1	160
2.18	Đoạn từ trạm y tế thị trấn đến ngã 3 khu phố Lọng Ngọc cạnh nhà ông Khay	150
2.19	Từ nhà bà Huệ khu phố Long Vân đến nhà ông Công khu phố Long Vân	150
2.20	Đoạn từ nhà ông Khay Lọng Ngọc đến đất nhà ông Bá (trực đảng)	100
2.21	Đường khu đấu giá QSD đất tại khu phố Long Vân tính từ đường Tỉnh lộ 522 vào sâu đến 100 m	800
2.22	Đường khu đấu giá QSD đất tại khu phố Long Vân tính từ đường Tỉnh lộ 522 vào sâu từ trên 100 m trở lên	800
2.23	Đường ngõ, hẻm rộng từ 4 m trở lên có chiều sâu đến 60 m nối với các tuyến đường hoa phượng đỏ. Đường 20 tháng 11. Đường 30 tháng 4 được giới hạn từ đường đến điểm nối với ngõ, hẻm vào sâu không quá 80 m mà chưa được nêu trên	200
2.24	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
3	**XÃ THÀNH HƯNG**	
3.1	Đường đoạn từ hộ ông Bang thôn Hợp Thành đến sân vận động xã	300
3.2	Đoạn từ QL 45 đến hộ ông Hào thôn Hợp Tiến	300
3.3	Đoạn từ giáp QL 45 đến Cống Bể thôn Phú Thành	300
3.4	Đường ngõ. hẻm nối trực tiếp với Quốc lộ 45 (chiều sâu từ Quốc lộ 45 vào không quá 100m) có mặt cắt ngõ. hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	200
3.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với quốc lộ 45 (chiều sâu từ Quốc lộ 45 vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2 đến dưới 3 m chưa được nêu trên	150
3.6	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	100
3.7	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
4	**XÃ THÀNH LONG**	
4.1	Đoạn từ ngã tư Trung tâm xã đến Tràn Bai Căn Thành Sơn	250
4.2	Đoạn từ ngã tư Trung tâm xã đến thôn Thành Minh	250
4.3	Đường liên thôn đoạn từ Tràn Bai Căn Thành Sơn đến hết đội Ngọc Long	200
4.4	Đường liên thôn đoạn từ Nhà sứ Vân Lung đến hết đồi Miễu thôn Eo Bàn.	200
4.5	Đường từ Trường THCS đến giáp xã Thành Sơn	200
4.6	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Thành An- Vĩnh Hùng, đường 516B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	200
4.7	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Thành An- Vĩnh Hùng, đường 516B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2-3 m chưa được nêu trên	150
4.8	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	100

4.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
5	**XÃ NGỌC TRẠO**	
5.1	Đoạn từ ngã ba Bia đến đường ra Đồng Bông (Nhà ông Thảo).	500
5.2	Đường tiếp giáp với đường Ngọc Trạo đi Thành Tâm đoạn từ ngã ba ra Đồng Bông (hết nhà ông Thảo) đến ngã ba Trường tiểu học Ngọc Trạo.	260
5.3	Đường tiếp giáp với đường liên xã Ngọc Trạo đi Thành Tâm Đoạn từ Trường tiểu học Ngọc Trạo đến giáp ranh xã Thành Tâm.	250
5.4	Đường đi ngọc An từ ngã ba cầu Bản đến Trường trung học.	500
5.5	Đường liên thôn Ngọc Trạo đi Ngọc An đoạn từ Trường trung học cơ sở đến đường vào trụ sở đội thôn Ngọc An.	260
5.6	Từ giáp Tỉnh lộ 523 đi Ngọc Long, Dọc Dành	200
5.7	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	200
5.8	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2 đến dưới 3 m chưa được nêu trên	150
5.9	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	100
5.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	70
6	**XÃ THÀNH AN**	
6.1	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Bùi Văn Lộc đến nhà ông Bùi Văn Đinh. Đoạn từ nhà ông Bùi văn Đinh đến nhà ông Bùi Văn Tính thôn Dỹ Tiến	300
6.2	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Thạch Cừ đến giáp ranh xã Ngọc Trạo	250
6.3	Đoạn ngã ba thôn Đồng Ngư đi thôn Thạch Cừ	250
6.4	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Thạch Cừ đến hết đường nhựa của thôn (theo hướng tây đi Đồng Ngư)	250
6.5	đoạn ngã ba nhà ông Thoại thôn Dỹ Tiến đi thôn Phú Cốc xã Thành Thọ	200
6.6	Đoạn từ ngã ba thôn Dỹ Tiến đi thôn Thạch Cừ	200
6.7	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	250
6.8	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	190
6.9	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các vị trí nêu trên.	130
6.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
7	**XÃ THÀNH TIẾN**	
7.1	Đoạn từ ngã ba rẽ vào thôn 3 đến ngã ba rẽ vào hội trường thôn 1.	160
7.2	Đoạn từ ngã ba rẽ vào thôn 4 đến hội trường thôn 4.	160
7.3	Đoạn từ ngã ba rẽ vào thôn 5 đến hội trường thôn 5.	160
7.4	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các vị trí nêu trên	100
7.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
8	**XÃ THÀNH THỌ**	
8.1	Đoạn từ UBND xã đi thôn Phú Cốc .	150
8.2	Đoạn từ Cổng Thọ Trường đi hội trường thôn, đường liên thôn Đự, Cầu Rồng, Đồng Khanh.	150

8.3	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523, Tỉnh lộ 522 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	250
8.4	Đường liên thôn từ hộ ông Lựu thôn TRạc đến hộ ông Cường thôn Thọ Trường	250
8.5	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523, Tỉnh lộ 522 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	200
8.6	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	100
8.7	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
9	**XÃ THÀNH KIM (nay là thị trấn Kim Tân)**	
9.1	Đoạn từ cống tiêu (ông Chín) qua Trạm y tế đến công tiêu (giáp ông Tư) thôn 1 Liên Sơn	1.000
9.2	Đoạn từ cống tiêu (ông Chín) dọc kênh N5 đến Bệnh viện cũ	1.500
9.3	Đoạn từ cống mương N5 giáp Trường Tiểu học Thành Kim đến ngã ba nhà ông Tuyên Thôn 5 Tân Sơn	500
9.4	Đoạn từ cống mương N5 giáp đất ông Bình thôn 5 Tân Sơn đến giáp đất ông Hà thôn 6 Tân Sơn	500
9.5	Đoạn từ cống mương N5 giáp đất ông Văn đến giáp đất ông Huy thôn 5 Tân Sơn	500
9.6	Đoạn từ Trường Phạm Văn Hinh đến ngã ba giáp đất Bà Hải	900
9.7	Đoạn từ ngã ba bà Hải qua ngã ba giáp đất ông Xá đến ngã ba bà Chắt thôn 2 Liên Sơn	600
9.8	Đoàn từ Ngã ba ông Xá đến giáp đất ông Hành thôn 1 Liên Sơn	500
9.9	Từ trụ sở UBND xã qua Nhà văn hoá thôn 6 Tân Sơn đến ngã ba nhà Thanh Đan	800
9.10	Đoạn từ giáp hộ ông Lợi Sử đến Ngã ba NVH thôn 7 Tân Sơn	600
9.11	Đoạn từ ngã ba NVH thôn 7 Tân Sơn rẽ trái đến chân đê Đồi Cà	300
9.12	Đoạn từ ngã ba NVH thôn 7 Tân Sơn rẽ phải đến chân đê Đồi Cà	300
9.13	Đoạn giáp ranh khu 1 thị trấn Kim Tân qua ngã ba Đồng Kéo đến ngã tư giáp đất ông Hợp thôn 2 Tân Sơn	800
9.14	Đoạn từ ngã tư ông Hợp qua NVH thôn 2 Tân Sơn đến đầu đê Đồi Lau giáp đất ông Hoành	500
9.15	Đoạn giáp đất thị trấn Kim Tân (cạnh đất ông Dũng) qua ngã ba giáp đất ông Thắng đến công tiêu Hón Bầu thôn 2 Tân Sơn	500
9.16	Đoạn từ Trạm Bơm Ngọc Sơn qua NVH thôn 3 Tân Sơn (cũ) đến giáp đất ông Kim	300
9.17	Đoạn từ Nhà máy nước thị trấn Kim Tân đến NVH thôn Phú Sơn	400
9.18	Đoạn giáp thị trấn Kim Tân (cạnh đất ông Lam) đến ngã ba đường rẽ Bái Khoai	800
9.19	Đoạn từ ngã ba Bái Khoai đến đầu đê thôn 2 Liên Sơn giáp đất ông Thuỳ	600
9.20	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Quốc lộ 45. đường Phạm Văn Hinh, tỉnh lộ 516B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	600

9.21	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Quốc lộ 45, đường Phạm Văn Hinh, Tỉnh lộ 516B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2 đến dưới 3 m chưa được nêu trên	500
9.22	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	250
9.23	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
10	**XÃ THÀNH TRỰC**	
10.1	Đoạn từ ngã ba đá bàn đến giáp chân Dốc Lim thôn Xuân Thành	250
10.2	Đất từ chân Dốc Lim thôn Xuân Thành đến giáp đập Tràn	160
10.3	Từ đập Tràn đến giáp Thành Công	100
10.4	Đoạn từ Thành Trực đi cầu Thạch Tân	300
10.5	Đoạn từ cổng chào thôn Vọng Thuỷ đến hộ ông Tỵ thôn Chính Thành	150
10.6	Đất bám mặt đường đoạn từ Nhà văn hoá thôn Thủ Chính đến Trạm biến thế thôn Thủ Chính	150
10.7	Đất bám mặt đường đoạn từ Trạm biến thế thôn Thủ Chính đến giáp Thành Công	100
10.8	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	150
10.9	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	100
10.10	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	80
10.11	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
11	**XÃ THÀNH VINH**	
11.1	Đường từ giáp Tỉnh lộ 523 ra cầu phao thôn Lộc Phượng I	500
11.2	Đường liên thôn từ Nhà văn hoá thôn Quyết Thắng đi hồ Bai cái	400
11.3	Đường đoạn từ UBND xã Thành Vinh đi xã Thành Minh	400
11.4	Đoạn từ giáp đường Tỉnh lộ 523 vào nhà văn hoá thôn Anh Thành đi thôn Lệ Cẩm xã Thành Mỹ	400
11.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ. hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	300
11.6	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	200
11.7	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	160
11.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
12	**XÃ THÀNH MỸ**	
12.1	Đường từ gốc gạo ngã ba Thành Mỹ đến cầu Phao Thành Mỹ - Thạch Quảng	150
12.2	Đường ngõ. hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên	300
12.3	Đường ngõ. hẻm nối trực tiếp với các đườngTỉnh lộ 523 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m.	150
12.4	Các ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3m trở lên	100
12.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
13	**XÃ THẠCH LÂM**	
13.1	Đường liên thôn từ nhà ông Đạm thôn Thống Nhất đến nhà ông Thanh thôn Thống Nhất, dọc tuyến đường liên thôn.	500
13.2	Đường liên thôn từ nhà ông nhà ông Thanh thôn Thống Nhất đến nhà bà Doanh thôn Thống Nhất	300

13.3	Dọc tuyến đường liên thôn từ nhà bà Doanh thôn Thống Nhất đến đến nhà ông Nguyện khu vực Thác Mây	300
13.4	Đường gom dân sinh từ đất nhà ông Đinh Văn Toàn đến đất nhà ông Bùi Văn Mùa	300
13.5	Dọc theo tuyến đường từ đất nhà ông Bùi Quang ảnh thôn Biện đến giáp đất nhà ông Bùi Văn Hòa khu vực Tái định cư. Đường vào thôn Đồi khu Bái Vò	300
13.6	Đường vào thôn Nội Thành khu hội trường thôn, đường vào thôn Nghéo chưa qua sông Bưởi	300
13.7	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Hồ Chí Minh (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ. hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	200
13.8	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Hồ Chí Minh (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	150
13.9	Thửa đất tiếp giáp với ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	100
13.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
14	**XÃ THẠCH QUẢNG**	
14.1	Đường đoạn từ đường HCM đến giáp xã Thạch Tượng	500
14.2	Đường đoạn từ đường HCM đến trường Cấp III Thạch Thành 4	800
14.3	Đường đoạn từ đường HCM đến nhà ông Hanh thôn Quảng Cư xã Thạch Quảng.	800
14.4	Đường từ trường cấp 3 đi cầu phao Thành Mỹ	600
14.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Hồ Chí Minh, đường Quốc lộ 217b và Tỉnh lộ 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	500
14.6	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Hồ Chí Minh, đường Quốc lộ 217b và Tỉnh lộ 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2 đến dưới 3 m chưa được nêu trên	400
14.7	Đường trong khu tái định cư đường Hồ Chí Minh.	500
14.8	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các trường hợp nêu trên	200
14.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
15	**XÃ THẠCH TƯỢNG**	
15.1	Đất tiếp giáp xã Thạch Quảng đến nhà ông Ngọt thôn Tượng Liên dọc theo tuyến đường trục xã	500
15.2	Đất tính từ nhà ông Ngọt thôn Tượng Liên dọc theo tuyến đường trục xã đến nhà ông Tiến thôn Tượng Sơn	300
15.3	Tuyến đường từ nhà ông Định thôn Tượng Phong đi thôn Lâm Thành xã Thạch Quảng	200
15.4	Tuyến đường từ nhà ông Thao Thôn Tượng Liên đi Cẩm Quý Cẩm Thuỷ	90
15.5	Đất bám mặt đường đoạn từ ngã ba Hồ Vốc Lậm đi thôn Tượng Phong	90
15.6	Đường đoạn đường bê tông từ đất ông Chắc đến đất hộ bà Bắm	90
15.7	Đất mặt đường dọc theo tuyến đường thôn Tượng Liên đến Trường mầm non Tượng Sơn	80
15.8	Đất doc theo tuyến đường từ hội trường thôn Tượng liên 1 đi làng Rong sau 40m	80
15.9	Đất từ Trường mầm non Tượng Sơn đi nhà ông Hiệp	80

15.10	Đất bám mặt ngõ rộng từ 3m trở lên nối với trụcđường liên thôn liên xã chưa nêu trên	80
15.11	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
16	**XÃ THẠCH CẨM**	
16.1	Đường từ ngã tư thôn Thạch Yến và thôn Đồng Tiến đến giáp xã Cẩm Tú huyện Cẩm Thuỷ	250
16.2	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	300
16.3	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	150
16.4	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên	80
16.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
17	**XÃ THẠCH SƠN**	
17.1	Đường ngõ hẽm rộng từ 4m trở lên nối với đường Tỉnh lộ 516 đoạn từ nhà ông Lâm thôn Minh Sơn đến Cổng trạm y tế xã có chiều sâu ngõ, hẽm không quá 100m.	500
17.2	Đường ngõ hẽm rộng từ 4m trở lên nối với đường Tỉnh lộ 516, đoạn từ nhà ông Lâm thôn Minh Sơn đến giáp ranh xã Thạch Bình và đoạn từ cổng Trạm y tế đến ngã 3 mương vó ấm có chiều sâu ngõ, hẽm không quá 50m.	350
17.3	Đất tiếp giáp mặt ngõ hẽm rộng từ 4m trở lên nối với đường Tỉnh lộ 516 đoạn từ ngã 3 mương vó ấm đến ngã 3 đường vào Hồ Hón Giáng có chiều sâu ngõ, hẽm không quá 50m.	280
17.4	Đường ngõ hẽm rộng từ 4m trở lên nối với đường tỉnh lộ 516 đoạn từ ngã 3 đường vào Hồ Hón Giáng đến Km 10 ngã 3 vào thôn Bái Đằng có chiều sâu ngõ, hẽm không quá 50m.	180
17.5	Đường ngõ hẽm rộng từ 4m trở lên nối với đường Tỉnh lộ 516 đoạn từ Km 10 ngã 3 vào thôn Bái Đằng đến giáp ranh xã Thạch Cẩm có chiều sâu ngõ, hẽm không quá 50m.	180
17.6	Đoạn từ ngã 3 gốc đa thôn Minh Sơn đến ngã 3 đường vào đập đống cốc thôn Đồng Hương không thuộc các vị trí nêu trên.	500
17.7	Đoạn từ ngã 3 hộ ông Tài thôn Minh Sơn đến Hội trường thôn Bình Sậy không thuộc các vị trí nêu trên.	350
17.8	Đoạn từ ngã 3 gốc đa thôn Minh Sơn đến ngã 3 đường vào thôn Bình Sậy không thuộc các vị trí nêu trên.	220
17.9	Đoạn từ ngã 3 hộ Ông Phương đến đập Đống Cốc không thuộc các vị trí nêu trên.	220
17.10	Đất tiếp giáp mặt đường đoạn từ ngã 3 hộ Ông Ngần đến ngã 3 hộ Ông Thứ không thuộc các vị trí nêu trên.	220
17.11	Đoạn từ ngã 3 Hội trường thôn Liên Sơn đến mương vó ấm không thuộc các vị trí nêu trên.	220
17.12	Đoạn từ ngã 3 hộ Ông Hải đến ngã 3 đường ngang xóm 2 Liên Sơn không thuộc các vị trí nêu trên.	220
17.13	Đoạn từ ngã 3 hộ Ông Thìn đến cổng nhà Ông Chung không thuộc các vị trí nêu trên.	150
17.14	Đất tiếp giáp với các trục đường còn lại trong xã có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các vị trí nêu trên.	120
17.15	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100

18	**XÃ THẠCH BÌNH**	
18.1	Đoạn từ cửa hàng Thương nghiệp (giáp Tỉnh lộ 516) đến cầu Bờ Đa	320
18.2	Đoạn từ giáp tỉnh lộ 516 qua UBND xã đến ngã ba thôn án Long	240
18.3	Đoạn nhà ông Sáu thôn án Sơn đến nhà bà Kết thôn án Sơn; Đoạn từ Nhà văn hoá thôn án Long đến Đình Tam Thánh; Đoạn từ Cống đá thôn án Đình đến đầu Đê án Long; Đoạn ngã ba thôn án Long đến Nhà văn hoá thôn án Kim; Đoạn ngã ba thôn án Long đến Nhà văn hoá thôn án Long; Đoạn từ ngã ba thôn án Phượng đến Cống Vòng; Đoạn từ ngã ba thôn án Kim đến giếng Đồng Lúng; Đoạn giáp Cống tiêu thôn án Đình đến ngã 5 thôn án Đình	170
18.4	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Gò La đến Giếng Thép thôn Bằng Phú; Đoạn từ ngã ba Đống xây đến Nhà văn hoá thôn Gò La; Đoạn từ nhà thờ họ thôn Bằng Lợi đến Gốc Đa thôn Bằng Lợi; Đoạn từ ngã năm thôn án Đình đến nhà ông Duyên thôn án Đình.	130
18.5	Đường có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các trường hợp nêu trên	100
18.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
19	**XÃ THẠCH TÂN (nay là xã Thạch Bình)**	
19.1	Đoạn từ trụ sở khu 2 đi đồi than xã Thạch Đồng; Đoạn từ trụ sở khu 3 đi đồi than xã Thạch Đồng; Đoạn từ trụ sở khu 1 đi Đồi; Tang Mang khu 1; Đoạn từ đất bà Hoan Thìn khu 3 đến hết xóm Bầu Lẹn ra cầu cứng; Đoạn từ ngã ba bà Cẩm và ngã ba ông Tùng đi Thạch Bình; Đoạn ngã ba nhà Sơn Ban khu 2 đi nhà ông Thông khu 2 giáp xã Thạch Đồng.	200
19.2	Đường ngõ, hẻm có chiều rộng từ 3 m trở lên nối trực tiếp với đường Tỉnh lộ 516 đoạn từ tiếp giáp xã Thạch Định đến ngã 3 Bà Lanh (khu 1) có chiều sâu ngõ hẻm không quá 50 m.	200
19.3	Đoạn ngõ, hẻm có chiều rộng từ 3 m trở lên nối trực tiếp với đường Tỉnh lộ 516 đoạn từ ngã 3 Bà Lanh (khu 1) đến Cống Bầu Khuyên (khu 4) đến cây xăng Thạch Bình có chiều sâu ngõ hẻm không quá 50 m.	300
19.4	Đoạn từ nhà ông Kim tuyến khu 3 đến Nhà văn hoá khu 3. Đoạn từ nhà bà Thâu khu 1 đến Nhà văn hoá khu 1	250
19.5	Đoạn từ nhà ông Lan Hiếu khu 1 đến ngã ba hộ ông Tùng Thìn khu 2. Đoạn từ nhà bà Huê Kỳ khu 1 đến Nhà văn hoá khu 2.	200
19.6	Đoạn từ ngã 3 Bà Lanh đến chân cầu sang Thành Trực	500
19.7	Đất đoạn từ chân đồi Cây Sữa khu 3 đến nhà văn hoá khu 3.	180
19.8	Đất đoạn từ hộ ông Tài khu 4 đến chân Đê Mốc Láo. Đoạn từ Mốc lộ giới 3X khu 4 giáp xã Thạch Bình đến khu mặt lẻ giáp khu 2 và đi đồi cao khu 4.	200
19.9	Đường có mặt cắt từ 3 m trở lên nối trực tiếp với đường 516 có chiều sâu đến 100 m không thuộc các vị trí nêu trên.	150
19.10	Đường mới khu quy hoạch dân cư tại khu 3	500
19.11	Đường ngõ, hẻm còn lại trong xã có mặt cắt từ 3m tở lên không thuộc các trường hợp nêu trên	85
19.12	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
20	**XÃ THẠCH ĐỊNH**	
20.1	Đất giáp đê hữu đoạn từ cầu Cứng Thạch Định giáp Thành Trực đến hộ ông Trần Minh Tâm Thạch An.	300
20.2	Đê Thạch Định về phía sông và phía đồng ở các thôn Định Hưng	400
20.3	Đê Thạch Định về phía sông và phía đồng ở các thôn Định Tân và Thạch An	250

20.4	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với Đường 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên	350
20.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với Đường 516 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m	200
20.6	Đường ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các vị trí nêu trên và ngõ hẻm nối trực tiếp với đường 516 có mặt cắt dưới 2 m	150
20.7	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
21	**XÃ THẠCH ĐỒNG**	
21.1	Đường Thạch Long, Thạch Định từ nhà ông Đồng thôn Đồng Trạch đến ngã ba trụ sở UBND xã + 100m về phía Đông +200 m về phía Tây	300
21.2	Đường Thạch Long, Thạch Định từ nhà ông Đồng thôn Đồng Trạch đến cổng sảnh giáp xã Thạch Long; Đất mặt đường trong thôn từ Nhà thờ họ giáo Dương giao đến nhà ông Nguyễn Quốc Hùng thôn Đồng Thịnh.	200
21.3	Đường liên thôn Đồng Trạch đi Đại Dương từ Trạm y tế đến Tỉnh lộ 523c; Đường từ ngã ba tiểu học 1 đến Nhà văn hoá thôn Phú Ninh; Đường từ cổng nhà ông Đỗ Đức Lự thôn Phú An đến giáp thôn Án Đình xã Thạch Bình; Đất mặt đường các trục đường còn lại trong xã có chiều rộng từ 4 m trở lên	150
21.4	Đường có mặt cắt từ 3 m trở lên nối với trục đường chính trong xã không thuộc các trường hợp nêu trên	100
21.5	Các ngõ, hẻm còn lại	70
22	**XÃ THẠCH LONG**	
22.1	Đoạn từ ngã 3 QL 45 đến hộ ông Vũ Văn Hai .	500
22.2	Từ hộ ông Vũ Văn Hai đến giáp Tỉnh lộ 523C	500
22.3	Đường có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các trường hợp nêu trên và nối trực tiếp với trục đường chính trong xã	200
22.4	Đường có mặt cắt từ 2 đến dưới 3 m không thuộc các trường hợp nêu trên và nối trực tiếp với trục đường chính trong xã	150
22.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
23	**XÃ THÀNH YÊN**	
23.1	Đoạn từ đập Trạm y tế xã đến đập Thành Trung	200
23.2	Đoạn từ Trạm y tế xã đến đỉnh dốc Zơ	160
23.3	Đoạn từ đập Thành Trung đến Quốn Giang	140
23.4	Đoạn từ Trạm y tế xã đến Bạn Sút	140
23.5	Đoạn từ nhà ông Đạn đến Lống Thụ	140
23.6	Đoạn từ nhà ông Quế Thành Trung đến nhà ông Hà thung Lim. Đoạn từ sân bóng Thành Tân đến đỉnh dốc Thung Lược	140
23.7	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các trường hợp nêu trên	100
23.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
24	**XÃ THÀNH MINH**	
24.1	Đường ngõ, hẻm rộng từ 3 m trở lên nối với đường QL 217B có chiều sâu từ Tỉnh lộ vào đến 100 m	300
24.2	Đường ngõ, hẻm rộng từ 2 đến dưới 3 m nối với đường QL 217B có chiều sâu từ Tỉnh lộ vào đến 100 m	200
24.3	Đường thôn Minh Hải đi thôn Minh Lộc, Cẩm Bộ.	200

24.4	Đường ngõ, hẻm rộng từ 3 m trở lên nối trực tiếp với trục đường chính trong xã không thuộc các trường hợp nêu trên	200
24.5	Đường ngõ, hẻm có mặt cắt từ 2 đến dưới 3 m nối trực tiếp với các đường chính trong xã không thuộc các trường hợp nêu trên	150
24.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
25	**XÃ THÀNH CÔNG**	
25.1	Đường từ ngã tư Bông Bụt đến cổng Trường THCS Thành Công	200
25.2	Đoạn đường từ ngã ba Chùa Trường Châu đến ngã ba cổng Nhà Diêu	120
25.3	Đất giáp mặt đường đoạn từ giáp ranh xã Thành Trực đến giáp ranh xã Thành Minh.	85
25.4	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 522 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	150
25.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Tỉnh lộ 522 (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	120
25.6	Đất tiếp giáp với ngõ, hẻm còn lại có mặt cắt từ 3 m trở lên không thuộc các trường hợp nêu trên	80
25.7	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
26	**XÃ THÀNH TÂN**	
26.1	Đường đoạn từ thôn Đồng Phú đi Dốc Đâm tiếp giáp với Lâm Trường.	150
26.2	Đường từ ngã ba hộ ông Lực thôn Bái Đang đi Đồng Hội xã Thành Công.	120
26.3	Đoạn từ ngã ba hộ ông Sắc thôn Tiên Hương đi Cát Thành đến giáp danh xã Thành Trực.	120
26.4	Đường đoạn từ Dốc Giang đi Thạch Lỗi đến đê Cảnh Yên Thành Kim.	120
26.5	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường Quốc lộ 217B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 3 m trở lên chưa được nêu trên	200
26.6	Đường ngõ, hẻm nối trực tiếp với các đường QL 217B (chiều sâu từ đường vào đến 100m) có mặt cắt ngõ, hẻm từ 2m đến dưới 3 m chưa được nêu trên	150
26.7	Đường ngõ, hẻm còn lại không thuộc trường hợp nêu trên có mặt cắt từ 3 m trở lên	100
26.8	Đường ngõ, hẻm có mặt cắt từ 2m đến dưới 3 m nối trực tiếp với đường chính trong xã không thuộc trường hợp nêu trên	80
26.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
27	**XÃ THÀNH VÂN (nay là thị trấn Vân Du)**	
27.1	Đường ngõ hẻm có mặt cắt từ 3 m trở lên nối trực tiếp với đường quốc lộ 45 đoạn từ cây xăng Thành Vân đến Trường mầm non Thành Vân và ngõ hẻm nối trực tiếp với đoạn từ giáp thị trấn Vân Du đến đường rẽ vào thôn Yên Lão có chiều sâu từ đường vào đến 100 m	700
27.2	Đường ngõ hẻm có mặt cắt từ 3 m trở lên nối trực tiếp với đường Quốc lộ 45 và ngõ hẻm nối trực tiếp với QL 217b không thuộc diện nêu trên có chiều sâu từ đường vào đến 100 m	400
27.3	Đất tiếp giáp mặt ngõ hẻm có mặt cắt từ 2 đến dưới 3 m nối trực tiếp với đường quốc lộ 45 đoạn từ cây xăng Thành Vân đến Trường mầm non Thành Vân và ngõ hẻm nối trực tiếp với đoạn từ giáp thị trấn Vân Du đến đường rẽ vào thôn Yên Lão có chiều sâu từ đường vào đến 100 m	300

27.4	Đường ngõ hẻm có mặt cắt từ 2 đến dưới 3 m nối trực tiếp với đường Quốc lộ 45 và ngõ hẻm nối trực tiếp với Quốc lộ 217b không thuộc diện nêu trên có chiều sâu từ đường vào đến 100 m	300
27.5	Đường ngõ hẻm có mặt cắt dưới 2 m nối trực tiếp với đường Quốc lộ 45 và ngõ hẻm nối trực tiếp với Quốc lộ 217b có chiều sâu từ đường vào đến 100 m	200
27.6	Đoạn từ ngã ba Nhà văn hóa thôn Phố Cát đến hết thôn Phố Cát không thuộc các vị trí nêu trên.	250
27.7	Đoạn từ ngã ba Trường Mầm non Thành Vân đi vào làng Phố Cát 2 đến giáp ranh thị trấn Vân Du không thuộc các vị trí nêu trên.	250
27.8	Đường liên thôn, đoạn từ ngã ba vào thôn Tuyên Quang đến hết thôn Tuyên Quang	250
27.9	Đường liên thôn từ Quốc lộ 45 đến giáp ranh thôn 8 với thôn Tuyên Quang	250
27.10	Đường vào thôn Yên Lão, cách QL 217b trên 50 mét đến chân đập thôn Yên Lão	250
27.11	Đường vào thôn Sơn Đề, cách QL 217b trên 50 mét qua Nhà văn hóa thôn Sơn Đề đến giáp ranh thôn Phố Cát	250
27.12	Đường, từ QL 45 đi qua giáp ranh 3 thôn: Xóm Sắn, xóm Yên và xóm Đầm đến giáp ranh xã Thành Thọ	150
27.13	Đường vào thôn 7, đoạn từ ngã 3 tiếp giáp với đường Quốc lộ 45 đến giáp ranh với xã thành thọ không thuộc các vị trí nêu trên.	100
27.14	Đoạn từ tiếp giáp ranh giữa thôn 8 với thôn Tiên Quang đến hết thôn 8 không thuộc các vị trí nêu trên.	100
27.15	Đoạn từ Nhà văn hoá trạm Thành Vân (đường đi không đanh) đến tiếp giáp với xã Thành Tân không thuộc các vị trí nêu trên.	100
27.16	Đường vào đội Lý Thông đoạn ngã 3 tiếp giáp với đường quốc lộ 45 đến tiếp giáp với huyện Hà Trung không thuộc các vị trí nêu trên.	100
27.17	Đoạn từ ngã 3 nhà Văn Hoá thôn 1, đi vào trạm Phố cát xã Thành Vân đến giáp ranh với trạm phố cát không thuộc các vị trí nêu trên.	100
27.18	Đất ngõ, hẻm có chiều rộng từ 3 m trở lên không thuộc các vị trí nêu trên.	90
27.19	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
28	**XÃ THÀNH TÂM**	
28.1	Đường ngõ, hẻm rộng từ 3 m trở lên nối trực tiếp với QL 217b có chiều sâu vào đến 100 m	400
28.2	Đường ngõ, hẻm rộng từ 2m đến dưới 3 m nối trực tiếp với QL 217b có chiều sâu vào đến 100 m	300
28.3	Đi Ngọc Trạo từ QL 217b trên đến chân dốc Đầu Voi không thuộc trường hợp nêu trên	250
28.4	Đường vào thôn Ngọc Thành từ giáp ranh thôn Yên Thịnh đi vào thôn Ngọc Tâm	200
28.5	Đường vào máng tràn thôn Tân Liên từ giáp QL 217b đến giáp danh thôn Minh Ba	200
28.6	Đường vào máng tràn thôn Vạn Bảo từ giáp QL 217b đến giáp danh xã Ngọc Trạo	200
28.7	Đường vào đồng Bèo thôn Tân Lý từ giáp QL 217b trên đến bãi Đồng Bèo	200
28.8	Đường đi Thành An đoạn từ hết dốc Đầu Voi thôn Quỳnh Sinh đến giáp danh xã Thành An.	200

28.9	Đường rộng trên 3m trở lên nối trực tiếp với đường chính trong xã không thuộc các trường hợp nêu trên.	150
28.10	Đường rộng từ 2 đến dưới 3m nối trực tiếp với đường chính trong xã không thuộc các trường hợp nêu trên.	100
28.11	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100

18. HUYỆN CẨM THỦY

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH:**	
1	**QUỐC LỘ 217**	
1.1	Đoạn từ giáp huyện Vĩnh Lộc đến giáp xã Cẩm Tân (Cẩm Vân)	1.200
1.2	Đoạn tiếp giáp đến Cổng làng thôn Trung Hà (Lữ Trung), xã Cẩm Tân	1.500
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết khu dân cư Ngân hàng (xã Cẩm Tân)	2.000
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Tân	1.300
1.5	Đoạn tiếp theo đến cổng Trại giống ngô (xã Cẩm Ngọc)	1.500
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất UBND xã Cẩm Ngọc	2.300
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Ngọc	1.800
1.8	Đoạn tiếp theo đến Cổng Tây thôn Tử Niêm (xã Cẩm Phong, cũ)	3.000
1.9	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường giữa thôn Nghĩa Dũng và Phong Ý, xã Cẩm Phong	3.000
1.10	Đoạn tiếp theo đến hết đất thôn Nghĩa Dũng (xã Cẩm Phong, cũ)	5.000
1.11	Đoạn tiếp theo đến ngã tư đường HCM (xã Cẩm Phong,cũ)	7.500
1.12	Đoạn từ ngã ba đường HCM (Cẩm Sơn) đến hết đất công sở UBND thị trấn Cẩm Thủy (cũ)	7.500
1.13	Đoạn từ hết đất Công sở thị trấn đến ngã tư Tổ Đại Quang	6.000
1.14	Đoạn từ ngã tư tổ Đại Quang lên đến ngã ba Đại Quang (nhà ông Hóa Chức), QL 217 mới	5.000
1.15	Đoạn từ ngã tư Đại Quang lên đến ngã ba Đại Quang (Nhà ông Hóa Chức) QL 217 cũ	3.800
1.16	Đoạn từ ngã ba tổ Đại Quang (nhà ông Hóa Chức) lên hết đất thị trấn giáp xã Cẩm Bình	4.000
1.17	Đoạn từ ngã tư thị trấn tổ Đại Quang đến giáp đường Hồ Chí Minh (tránh tây QL217)	5.000
1.18	Từ thị trấn đến Cầu Đất	2.500
1.19	Đoạn tiếp theo lên đến hết Trạm y tế xã Cẩm Bình	3.000
1.20	Đoạn tiếp đến hết đất xã Cẩm Bình	2.000
1.21	Đoạn tiếp theo đến cầu Hón Trơn xã Cẩm Thạch	2.000
1.22	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Cẩm Thành	3.200
1.23	Đoạn tiếp theo đến hết cầu (ông Hào) (xã Cẩm Thành), QL 217 cũ	3.000
1.24	Đoạn tiếp theo đến hết Cầu Chiền Trám, xã Cẩm Thành QL 217 cũ	1.800
1.25	Đoạn tiếp theo đến hết Cầu Chanh, xã Cẩm Thành	1.200
1.26	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Thành	1.000
1.27	Đường tránh QL 217 từ giáp Cẩm Thạch đến cầu Ông Hào	3.000
1.28	Đoạn tránh QL217 từ cầu ông Hào đến Cầu Trám	1.400
1.29	Đoạn tránh xã Cẩm Phong (QL 217 xây dựng mới) (tránh đông QL217)	5.000
2	**ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**	
2.1	Đoạn từ giáp xã Thạch Quảng đến ngã ba đường đi xã Thạch Cẩm (xã Cẩm Tú)	1.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà Vân thôn Cẩm Hoa giáp đất xã Cẩm Phong (cũ)	3.500

2.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đất hộ ông Xuân Sơn (xã Cẩm Phong, cũ)	5.000
2.4	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Cẩm Thuỷ	7.000
2.5	Đoạn tiếp theo từ cầu Cẩm Thủy đến hết đất Điện lực Cẩm Thủy	7.000
2.6	Đoạn tiếp theo đến Dốc Đồng Bèo đi Gia Dụ (xã Cẩm Sơn, cũ)	5.000
2.7	Đoạn tiếp theo đến Cầu Mây (xã Cẩm Sơn)	4.000
2.8	Đoạn tiếp theo đến Cống Ngầm Gò Lý	3.000
2.9	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Sơn	1.800
2.10	Đoạn tiếp theo đến Trường THCS Cẩm Châu	1.500
2.11	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Châu đi Ngọc Lặc	1.300
3	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 519 (CŨ)**	
3.1	Đoạn từ ngã ba giáp đường HCM (giáp cống Cửa Hà), đến Trạm biến áp thôn Dương Huệ, xã Cẩm Phong (cũ)	3.300
3.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Sen Sự (xã Cẩm Phong, cũ)	3.000
3.3	Từ ngã ba nhà ông Cẩm ra đến đường Hồ Chí Minh xã Cẩm Phong (cũ)	2.000
4	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 518**	
4.1	Đoạn từ giáp đường HCM đến hết hồ Án Đỗ, xã Cẩm Châu	1.000
4.2	Đoạn tiếp theo đến Cầu Sơn Lập	600
4.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất Cẩm Châu	500
4.4	Từ giáp đất Cẩm Châu đến cầu Bai Trắm	300
4.5	Đoạn từ cầu Bai Trắm đến hết đất xã Cẩm Tâm, giáp xã Yên Lâm - huyện Yên Định	400
5	**ĐƯỜNG VÂN YÊN SƠN (518B)**	
5.1	Đoạn từ giáp đường HCM đến hết xã Cẩm Sơn (cũ)	500
5.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Cầu phao xã Cẩm Yên	500
5.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Cẩm Yên	700
5.4	Đoạn tiếp theo đến Cầu Phao xã Cẩm Vân (Cẩm Vân)	500
5.5	Đoạn Cầu Phao Cẩm Vân đến Trạm bơm đầu núi Màu, xã Cẩm Vân	1.000
5.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Vân, giáp xã Quý Lộc - huyện Yên Định	700
6	**ĐƯỜNG NGỌC - LONG (đi Thạch Thành)(Tỉnh lộ 523C)**	
6.1	Đoạn từ giáp đường 217 đến Cống Hồ Phúc Ngọc	700
6.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Cẩm Ngọc	500
6.3	Đoạn tiếp theo đến đỉnh dốc Đỏ thôn Tân Long (xã Cẩm Long)	500
6.4	Đoạn tiếp theo đi hết xã Cẩm Long	400
7	**ĐƯỜNG 217 ĐI CẨM PHÚ - CẨM LONG**	
7.1	Từ giáp đường QL 217 đến ngã ba nhà ông Hùng Hải, xã Cẩm Phú	400
7.2	Từ ngã ba ông Hùng Hải thôn Thái Long, đến cầu Bai Phiên thôn Hoàng Thịnh (Cẩm Phú)	550
7.3	Từ cầu Bai Phiên đến hết đất xã Cẩm Phú	400
7.4	Đoạn tiếp theo đến giáp đường TL523C	300
8	**ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN CẨM TÚ - CẨM QUÝ (Tỉnh lộ 523B)**	
8.1	Đoạn từ cây xăng Tuấn An đến ngã tư nhà Thái Dung (Cẩm Tú)	2.000
8.2	Đoạn từ Ngã tư Thái Dung đến ngã ba thôn Lương Thành qua chợ	1.500
8.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba giáp nhà ông Nho thôn Thái Bình;	800
8.4	Đoạn từ ông Nho thôn Thái Bình đến hết xã Cẩm Tú	600
8.5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Bưu điện văn hóa xã Cẩm Quý	600

8.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất thôn Chà Đa xã Cẩm Quý	500
8.7	Đoạn tiếp theo đến giáp đất Bá Thước	300
9	**ĐƯỜNG TỈNH LỘ 523E**	
9.1	Từ ngã ba giáp đường Hồ Chí Minh giáp cây xăng nhà Hải Ngoan đến ngã ba nhà ông Quế (Tân) giáp với đường HCM xã Cẩm Phong (cũ)	2.000
9.2	Đoạn từ ngã ba nhà ông Cẩm đến giáp đất Cẩm Tú (xã Cẩm Phong, cũ)	1.200
9.3	Đoạn giáp xã Cẩm Phong đến cầu Tràn (Cẩm Tú)	1.000
9.4	Đoạn từ ngã ba nhà ông Sơn đến ngã tư nhà Dung Thái (Cẩm Tú)	1.000
9.5	Đoạn từ ngã tư Thái Dung đến giáp đường rẽ cầu Bến Ao, thôn Bắc Sơn (Cẩm Tú)	1.000
9.6	Đoạn từ đường rẽ cầu Bến Ao đến hết đất xã Cẩm Tú giáp xã Cẩm Giang (Cẩm Tú)	600
9.7	Đoạn từ giáp Cẩm Tú đến xã Cẩm Lương	500
9.8	Đoạn từ giáp Cẩm Giang đến ngã ba Trường Mầm non	800
II	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN CẨM THỦY (nay là thị trấn Phong Sơn)**	
1.1	Đoạn từ ngã tư đến dốc Thi hành án	4.000
1.2	Từ dốc thi hành án đến hết đất hạt Kiểm Lâm	2.000
1.3	Đoạn từ nhà ông Phú đến nhà ông Thêu	1.700
1.4	Đoạn từ nhà ông Liên Thái đến Nhà hát	1.500
1.5	Đường nội tổ Tân An 3	1.000
1.6	Đoạn từ bến phà cũ đến ngã ba Công an rẽ trái đến hết Sân vân động Trường nội trú, ngã ba Công an đến ngã tư thị trấn	3.000
1.7	Đoạn từ sân vận động Trường nội trú đến Cầu Hồ Chí Minh	2.000
1.8	Đoạn từ cầu Cẩm Thuỷ đi Thuỷ Văn đến giáp đất Cẩm Sơn (cũ)	1.250
1.9	Từ Viện kiểm sát đến giáp Trung tâm TDTT huyện	3.000
1.10	Từ nhà nghỉ Hoa Thống đến giáp Trung tâm TDTT vòng ra các khu đất sau Chợ	3.000
1.11	Đoạn từ QL 217 (Chi cục thuế cũ) đến qua Nhà điều hành Trung tâm TDTT hết đất hộ nhà ông Thường	3.000
1.12	Các đoạn đường còn lại của các Tổ: Tân An 1, Tân An 2, Quang Trung, Hòa Bình, Đại Quang	1.000
1.13	Đoạn từ giáp QL 217 đi Gò Khẳng giáp đất xã Cẩm Sơn (cũ)	2.000
1.14	Đoạn từ giáp QL 217 đi Trường dạy nghề xã Cẩm Sơn (cũ)	2.000
1.15	Đoạn từ giáp QL 217 đến Hạt 8 giao thông vòng ra khu dân cư Máy Kéo	2.000
1.16	Trục đường lô 2 khu Xí nghiệp tổ Đại Quang	1.500
1.17	Đoạn từ giáp QL 217 đi thôn Tây Sơn xã Cẩm Sơn (cũ) (hết đất thị trấn)	2.000
1.18	Quốc lộ 217 đi Trường Trung học phổ thông (Cấp 3)	3.000
1.19	Đoạn Quốc lộ 217 cũ đi khu dân cư, xen cư (Máy kéo cũ) tổ Hòa Bình + khu dân cư	3.000
2	**XÃ CẨM BÌNH**	
2.1	Đoạn từ QL 217 vào cầu Làng Vinh	1.000
2.2	Cầu Làng Vinh đến Sân bóng thôn 1 Bình Hòa	600
2.3	Đoạn từ QL 217 vào đến Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1 thôn Chợ	600
2.4	Đường bốn Cẩm đi qua xã Cẩm Bình	600

2.5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
3	**XÃ CẨM THẠCH**	
3.1	Đoạn từ QL 217 đến đầu cầu treo	1.200
3.2	Đoạn từ QL 217 đến cầu Thặng làng Cốc	700
3.3	Từ QL 217 đến cổng UBND xã	1.000
3.4	Các đoạn đường trong thôn Chiềng Đông, thôn Bùi, thôn Chén	300
3.5	Đoạn từ QL 217 đến chùa Rồng	800
3.6	Đoạn từ cầu Thăng làng Cốc đến nhà ông Tế thôn Trảy	500
3.7	Đoạn từ QL 217 đến nhà ông Vừng thôn Chiềng 2	500
3.8	Từ QL217 đến cầu bê tông đi xã Cẩm Lương	2.000
3.9	Từ cầu bê tông suối Bai Làng đến cầu Cành Nầu (thôn Bẹt) (tuyến đường 4 Cẩm)	400
3.10	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
4	**XÃ CẨM THÀNH**	
4.1	Đoạn từ QL217 đến chợ Vạc	1.000
4.2	Đoạn từ QL217 đi Phâng Khánh giáp Bá Thước	300
4.3	Đoạn từ QL 217 đến hết thôn Chanh	250
4.4	Đoạn đường từ giáp QL 217 (thôn Thành Long) đi Cẩm Liên đến hết đất xã Cẩm Thành	400
4.5	Đoạn từ hết đất thôn Chanh đến hết thôn Muốt	200
4.6	Các đoạn đường còn lại của thôn Thành Long	250
4.7	Đoạn từ QL 217 cũ nối đến đường QL 217 mới thuộc thôn Thành Long	300
4.8	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
5	**XÃ CẨM LIÊN**	
5.1	Đoạn đường từ giáp đất xã Cẩm Thành đến đập Bai Bụng	350
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết Đài truyền hình, từ ngã ba Trường tiểu học đến hết cổng chào thôn Thạch Minh	450
5.3	Đoạn từ cổng chào thôn Thạch Minh đến thôn Duồng xã Điền Hạ, huyện Bá Thước	300
5.4	Đường 4 Cẩm đi qua địa bàn xã	300
5.5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
6	**XÃ CẨM LƯƠNG**	
6.1	Đoạn đường từ cầu treo đi đến ngã ba tiếp giáp đường 523E (nhà ông Phạm Trần Kiếm thôn Kim Mẫm 2 cũ)	700
6.2	Đoạn từ Cầu Cứng (Cầu bê tông cốt thép) đến cửa hang Suối Cá	2.000
6.3	Đoạn từ ngã ba Suối cá đến ngã ba nhà ông Bùi Văn Kiện thôn Lương Ngọc	1.200
6.4	Đoạn ngã ba giáp nhà ông Bùi Văn Kiện thôn Lương Ngọc đến tiếp giáp nhà ông Nguyễn Văn Tương thôn Hòa Thuận tiếp giáp đường 523E	550
6.5	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Lương Thuận cũ tiếp giáp đường 532E đến hết đường nhựa thôn Lương Thuận Cũ	300
6.6	Đoạn từ đỉnh đồi phóng đến nhà ông Doãn Văn Han; Từ NVH thôn Xủ Xuyên đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Bình (Hoan) thôn Xủ Xuyên	300
6.7	Đoạn từ thôn Kim Mẫm đến đỉnh dốc Đồi Phóng	350
6.8	Đoạn đường ngã ba bai đỗ xe thôn Lương Ngọc đến tiếp giáp đường đi Xủ Xuyên	2.000

6.9	Đoạn từ Trường Mầm non đến giáp Hồ thôn Kim Mẫm tiếp giáp đường đi Xủ Xuyên (đường tránh lũ)	2.000
6.10	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
6.11	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên thôn Lương Ngọc	200
7	**XÃ CẨM SƠN (nay là thị trấn Phong Sơn)**	
7.1	Đoạn đường từ cầu Cẩm Thuỷ đến hết trạm Thuỷ Văn	1.250
7.2	Khu dân cư bàn trái thôn Đại Đồng	1.000
7.3	Đoạn đường từ Chi Nhánh điện đến hết Trung tâm dạy nghề	1.000
7.4	Các đoạn đường trong thôn Đại đồng (Đại Đồng 1+2 cũ) còn lại	1.500
7.5	Đoạn đường từ nhà ở ông Phạm Văn Minh đến nhà ở ông Trần Văn Minh (Đường ven Trung tâm TDTT thôn Đại Đồng 1-2 cũ)	3.000
7.6	Đoạn đường từ Sân vận động Trường nội trú đến cầu Cẩm Thủy, khu vực các hộ tiếp giáp Đường vành đai Trung tâm TDTT	2.000
7.7	Đoạn đường Từ đường HCM đến hết Chùa Chặng	1.200
7.8	Đoạn đường Từ đường HCM đến hết làng Lụa	1.000
7.9	Đoạn tiếp theo giáp đất làng Lụa đi Tây Sơn đến giáp đất thị trấn	850
7.10	Các đoạn đường trong thôn Đại Đồng, thôn Hoàng Giang (Đại Đồng 3, Gò Cả, Hoàng Giang 1, Hoàng Giang 2 cũ)	1.000
7.11	Đoạn từ tiếp giáp với đất làng Lụa đi Tây Sơn và thị trấn đến khe cạn phía sau nhà ông Trác thôn Hoàng Giang 2	550
7.12	Đường Cứu hộ, cứu nạn tránh lũ từ xã Cẩm Sơn đi xã Cẩm Yên (đoạn tiếp giáp đường 518B đến đất xã Cẩm Sơn)	500
7.13	Đường thôn Ngọc Sơn (từ Cống bê tông tiếp giáp đất ở ông Phạm Văn Tha đến hết đất ở ông Triệu Văn Dũng)	200
7.14	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
8	**XÃ CẨM PHONG (nay là thị trấn Phong Sơn)**	
8.1	Đoạn đường từ đường HCM đến bến phà	2.500
8.2	Các đoạn đường trong thôn Cửa Hà	1.000
8.3	Đoạn đường từ Đã rỗ đi xã Cẩm Tú	800
8.4	Đoạn đường trong các thôn Nghĩa Dũng, Dương Huệ	700
8.5	Trục đường liên xã từ Cẩm Ngọc đi Cẩm Phong (qua thôn Đồng Chạ)	800
8.6	Các đoạn đường trong thôn Đồng Chạ, Phong Ý	500
8.7	Các đoạn đường trong thôn Tử Niêm	300
8.8	Đường lô khu dân cư mới	3.000
9	**XÃ CẨM TÚ**	
9.1	Đoạn đường từ ngã ba đường HCM (thôn Thuần Lương) đến giáp đường Tú-Quý	600
9.2	Đoạn từ đường TL 523E rẽ đi hết rừng Lim xã Cẩm Tú, giáp xã Cẩm Quý	200
9.3	Các đoạn đường trong khu dân cư thôn Cẩm Hoa, Thuần Lương, Lương Thành	300
9.4	Các đoạn đường trong khu dân cư Bình Xuyên	250
9.5	Các đoạn đường trong thôn Thái Bình, Bắc Sơn, Liên Sơn, Thái Học	200
9.6	Đoạn từ bảng tin xã Cẩm Tú đi giáp Đá Rỗ xã Cẩm Phong	500
9.7	Đoạn từ giáp Nhà máy An Phước đi giáp thông Đồng Chạ, xã Cẩm phong (Tuyến đường Phong - Tú - Ngọc)	1.000
9.8	Từ nhà ông Sơn đến ngã ba Bàn Sảy thôn Cẩm Hoa	1.000

10	**XÃ CẨM GIANG**	
10.1	Đoạn từ ngã ba Ngãi đi hết đất trụ sở UBND xã	400
10.2	Từ đầu cầu dốc đò cáp đến Làng Bến giáp với TL 523E	300
10.3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
11	**XÃ CẨM QUÝ**	
11.1	Đoạn đường từ Bưu điện văn hoá xã đến chân dốc Vống	600
11.2	Đoạn đường từ rừng Lim giáp đất xã Cẩm Tú, đến hết khu dân cư chân dốc Vống	300
11.3	Đoạn từ giáp khu dân cư chân dốc Vống đến giáp đất Bá Thước và từ chân dốc Vống đi xã Cẩm Giang	250
11.4	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
12	**XÃ CẨM NGỌC**	
12.1	Đoạn đường từ QL 217 đi Nhà máy chế biến mủ Cao Su	200
12,2	Tuyến đường liên xã Cẩm Ngọc đi Cẩm Phong (đến giáp đất thôn đồng Chạ)	500
12,3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
13	**XÃ CẨM LONG**	
13.1	Đường Vân - Phú - Long	300
13.2	Các đoạn đường còn lại của xã Cẩm Long	150
14	**XÃ CẨM PHÚ**	
14.1	Đoạn đường từ chân dốc Con giáp xã Phúc Do đến giáp đường Phú - Long	450
14.2	Từ ngã ba ông Cầu thôn Hoàng Thịnh đến ngã tư ông Huấn, thôn Thanh Phúc	300
14.3	Từ ngã ba ông Huấn thôn Thanh Phúc đến giáp xã Cẩm Vân	200
14.4	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
15	**XÃ PHÚC DO (nay là xã Cẩm Tân)**	
15.1	Đoạn từ nhà ông Sơn giáp Cẩm Tân đến giáp Cẩm Phú	800
15.2	Đoạn đường từ ngã ba Cây Bàng đi qua khu dân cư thôn Phúc Tân, đến ngã ba nhà ông Thảnh, đi nga ba ông Phan tỉnh cả thửa 39, tờ 12 đi đến ngã ba Trường THPT Cẩm Thuỷ 2	400
15.3	Đoạn đường từ ngã tư sân bóng đi thôn Công trình đến hết Trường cấp 1,2	400
15.4	Đoạn tiếp theo tính từ thửa đất số 05 tờ bản đồ số 11 đến hết khu dân cư thôn Phúc Tân	350
15.5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
16	**XÃ CẨM TÂN**	
16.1	Đoạn từ QL 217 đến hết chợ Cẩm Tân	1.000
16.2	Đoạn từ giáp đường 217 đến xã Phúc Do	1.000
16.3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
17	**XÃ CẨM VÂN**	
17.1	Đoạn từ ngã ba Sân vận động đi hết đình thôn Vân Trai	450
17.2	Đoạn từ Công ty Nicotex Thanh Thái đến giáp đường TL 518B	300
17.3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
18	**XÃ CẨM YÊN**	
18.1	Đoạn từ ngã ba giáp Tỉnh lộ 518B đến ngã tư UBND xã rẽ phải đến hết Trường THCS	700
18.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
19	**XÃ CẨM CHÂU**	

19.1	Đoạn từ đường HCM đến hết đường bê tông thôn Đồng Thanh	200
19.2	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến ngã ba Giếng Đầm thôn Quần	200
19.3	Đoạn đường 518 cũ	200
19.4	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
20	**XÃ CẨM TÂM**	
20.1	Đường từ ngã ba Yên Cư đi Công ty Nicotex Thanh Thái đến giáp đất xã Cẩm Vân	300
20.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150

19. HUYỆN NGỌC LẶC

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
1	**ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**	
1.1	Đoạn Từ giáp đất huyện Cẩm Thuỷ đến Nhà văn hóa thôn Quang Thái Bình qua thôn Ngù xẻ đến quán Thanh Trúc thôn bái E (xã Quang Trung)	700
1.2	Từ quán Thanh Trúc qua nga ba Làng Bái đến Cầu Làng Vong (xã Quang Trung)	900
1.3	Đoạn từ Cầu Làng Vong qua làng Quang Tiến đến cầu làng Ràm (xã Quang Trung)	800
1.4	Đoạn từ Cầu làng Ràm qua nga ba rẽ đi Ngọc liên đến hết thôn Quang Lộc (xã Quang Trung)	1.200
1.5	Đoạn từ hết thôn Quang Lộc qua ngã ba dốc Khế, đến giáp đất xã Ngọc Khê cũ (hết đất xã Quang Trung)	2.000
1.6	Đoạn từ giáp đất xã Quang Trung qua Công ty Tân Á (phía xã Thuý Sơn) đến hết đất làng Ao (xã Ngọc Khê, cũ) giáp đất phố Trần Phú, TT Ngọc Lặc (xã Thuý Sơn, xã Ngọc Khê,cũ)	2.000
1.7	Đoạn từ giáp cầu Làng Ao xã Ngọc Khê (cũ) đến Cầu làng Ngòn (Thị trấn Ngọc Lặc, xã Ngọc Khê, cũ)	4.000
1.8	Đoạn từ cầu Làng Ngòn đến hết đất thị trấn (bến xe tạm) (địa phận TT Ngọc Lặc)	3.500
1.9	Đoạn từ giáp thị trấn Ngọc Lặc (từ Bến xe tạm) qua thôn Hưng Sơn, thôn Hạ Sơn (hết đất xã Ngọc Khê cũ, giáp đất TT Ngọc Lặc), đến hết đất thị trấn giáp đất xã Minh Sơn (địa phận Ngọc Khê cũ, thị trấn)	2.000
1.10	Đoạn từ giáp đất TT Ngọc Lặc qua ngã 3 làng Bót Thuận Quỳnh đến cửa hàng xăng dầu Hương Khuê (địa phận xã Minh Sơn)	1.500
1.11	Đoạn từ giáp cửa hàng xăng dầu Hương Khuê qua thôn Giữa đến giáp đất xã Minh Tiến đến đất xã Minh Sơn (địa phận xã Minh Sơn)	800
1.12	Đoạn từ giáp đất xã Minh Sơn qua thôn 10, thôn Minh Thành hết đất xã Minh Tiến đến ngã ba chân dốc Trường Lào làng Xuân Thành (xã Kiên Thọ).	700
1.13	Đoạn từ ngã ba chân dốc Trường Lào làng Xuân Thành đến ngã tư đường HCM nhà ông Báo Thọ Liên (xã Kiên Thọ)	600
1.14	Đoạn từ ngã tư đường Hồ Chí Minh nhà ông Báo Thọ Liên đến cầu làng Trọc (xã Kiên Thọ)	1.500
1.15	Đoạn từ cầu làng Trọc đến giáp ngã tư đường HCM làng Thọ Phú (xã Kiên Thọ)	700
1.16	Đoạn từ ngã tư đường HCM làng Thọ Phú (nhà ông Hà) qua Hồ áng Bòn làng Thọ Phú, cầu Trà Si đến cầu Lam Kinh giáp đất Thọ Xương, huyện Thọ Xuân (xã Kiên Thọ)	1.500
2	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 15 A (Đường Lê Hoàn- Đường Phố Cống)**	

2.1	Giáp đất huyện Lang Chánh qua dốc Bai Chạ nhà ông Tự, ngã ba đường vào làng Mỏ (nhà ông Đức), cột điện 35KV làng Mống Mỏ, đến cầu Xương Cài (hết đất xã Mỹ Tân) đến Chân dốc Nán phía Đông (địa phận Mỹ Tân, Ngọc Khê cũ)	300
2.2	Đoạn từ chân dốc Nán phía đông đến cây Đa làng Tran Thượng (địa phận xã Ngọc Khê cũ)	700
2.3	Đoạn từ cây đa làng Tran Thượng đến ngã ba đường vào nhà văn hoá làng Chan Hạ (địa phận xã Ngọc Khê cũ)	5.000
2.4	Đoạn từ ngã ba đường vào Nhà văn hoá làng Tran Hạ qua ngã ba đường vào làng Sắt đến giáp đất ông Thuỷ, giáp đất ông Tính thị trấn (địa phận xã Ngọc Khê cũ)	9.000
2.5	Đoạn từ ngã ba (nhà ông Duyên Thường - giáp Ngọc Khê cũ (ông Tính) đến nhà ông Cải Thân - giáp đất Kiểm Lâm (TT Ngọc Lặc)	12.000
2.6	Đoạn từ ông Xiêm đến Thủy Nam và bên phía Kiểm lâm hết đất ông Trác (TT Ngọc Lặc)	16.000
2.7	Đoạn từ đất nhà ông Hồng Nguyên qua ngã 4 đường HCM đến Bưu Điện, Ngõ vào mặt bằng Việt Hung (TT Ngọc Lặc)	20.000
2.8	Đoạn từ nhà bà Thanh Đáo qua cầu Trắng, đến chỉ giới an toàn cầu Tầng (TT Ngọc Lặc)	20.000
2.9	Đoạn từ chỉ giới an toàn cầu Tầng qua cửa hàng Thương Mại, chợ Cống đến hết đất nhà ông Long, Hùng Đức (TT Ngọc Lặc)	20.000
2.10	Đoạn từ hết nhà ông Long, Hùng Đức đến qua đường vào Trường Mầm non đến nhà ông Thư ánh, UBND thị trấn Ngọc Lặc (TT Ngọc Lặc)	16.000
2.11	Đoạn từ hết Trường THCS, hết đất Huyện ủy (cũ) qua Đoạn 2 giao thông đến hết nhà ông Đức, ông Thu (Nên) (TT Ngọc Lặc)	14.000
2.12	Đoạn từ nhà ông Hợi Hoành, ông Được đến Cây Xăng, nhà ông Trương Tiến Lên (TT Ngọc Lặc)	12.000
2.13	Đoạn từ hết cây xăng bãi màu Hạ Sơn, đối diện nhà ông Trương Tiến Lên đến Ngã ba đường đi ra sông giữa Bãi Màu Hạ Sơn (TT Ngọc Lặc)	12.000
2.14	Đoạn từ đường đi ra sông giữa bãi Bãi Màu Hạ Sơn qua Chi nhánh Điện 35 đến ngã ba đường HCM trước Trạm mía đường Lam Sơn (hết đất thị trấn Ngọc Lặc)	12.000
2.15	Đường 15A cũ: Từ nhà ông Toản Minh Liên đến Nhà ông Tuấn Hương (xã Minh Sơn)	800
2.16	Đường 15A cũ: Từ nhà ông Lực làng Bót đến nhà ông Tân làng Mơ (xã Minh Sơn)	500
2.17	Đường 15A cũ: Từ nhà chị Dung (PCT) đến đường Minh Sơn đi Cao Ngọc (xã Minh Sơn)	700
2.18	Đoạn từ nhà ông Thụ thôn Mơ theo đường 15A cũ đến hết đất công sở UBND xã (hết đất xã Minh Sơn)	700
2.19	Đoạn nhà ông Vân Hà Thôn Minh Thành đến hết nhà ông Châu Thôn 2 (xã Minh Sơn)	300
2.20	Đoạn từ đường 15A cũ ngã Ba Si (Nhà ông Thanh sửa đài) đến ngã tư đường HCM (nhà ông Báo làng Thọ Liên) - (xã Kiên Thọ)	1.500
2.21	Đường 15A cũ giáp đường HCM (bà Nhân làng Thọ Liên) đến dốc Trường Lào làng Thành Công (xã Kiên Thọ)	350

2.22	Đường từ Ngã 3 Trường Lào (đường HCM) đến giáp đất xã Xuân Châu (xã Kiên Thọ)	400
2.23	Đường 15A cũ giáp Cầu Trọc (Nhà ông Hiển đầu cầu Trọc) đến Dốc Quanh làng Kiên Minh (xã Kiên Thọ)	300
2.24	Đường 15A giáp dốc Quanh làng Kiên Minh (ông Thịnh) đến ngã tư đường HCM (nhà ông Hà làng Thọ Phú)	300
2.25	Đoạn từ ngã tư đường HCM (Nhà ông Hà Xuân Tĩnh làng Thọ Phú) đến giáp xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân (xã Kiên Thọ)	1.000
3	**TỈNH LỘ 519**	
3.1	Ngã ba dốc Khế đến Ngã ba nhà Dung Nhân (phía Thúy Sơn), hết đất Bưu điện Phố 1 (xã Quang Trung, Thúy Sơn)	6.000
3.2	Đoạn từ hết đất Bưu điện Phố 1 đến ngã ba nhà ông Xuân Hoa (phía xã Quang Trung) và từ nhà Hồng Lợi đến ngã ba nhà ông Thân(phía xã Thúy Sơn)	6.500
3.3	Từ ngã ba qua nhà ông Xuân Hoa đến ngã ba nhà ông Tiến Lài (hết đất xã Quang Trung) đến Nút giao giữa đường 519 với đường HCM (phía xã Ngọc Khê) và từ Nhà ông Thủy -tỵ đến hết đất Công ty Tân Á (phía xã Thúy Sơn)	5.000
4	**TỈNH LỘ 516 B (từ Minh Sơn đi Lam Sơn, Minh Tiến, Ngọc Trung, Cao Thịnh)**	
4.1	Đoạn từ đường HCM ngã 3 phố Châu đến Cầu Nổ rắc giáp trạm Thuế phố Châu (xã Minh Sơn)	900
4.2	Đoạn từ Cầu Nổ Rắc đến đất xã Lam Sơn (hết Minh Sơn), đến Cổng chào thôn Trung Tâm (xã Lam Sơn)	750
4.3	Đoạn từ Cổng chào thôn Trung Tâm đến Ngã 3 đường vào UBND xã Minh Tiến cũ (đoạn phía cửa hàng xăng dầu lam Sơn) - (xã Lam Sơn)	800
4.4	Ngã 3 đường vào UBND xã Minh Tiến cũ đến Trạm y tế xã	1.500
4.5	Đoạn từ cổng Trạm y tế qua Chi nhánh Ngân hàng đến cầu Ông Bình và đoạn qua UBND xã Lam Sơn)	1.650
4.6	Đoạn từ giáp UBND xã Lam Sơn đến ngã ba Bảng tin	1.200
4.7	Đoạn từ ngã 3 Bảng tin (khu Chế biến) đến hết đất nhà ông Ban (đường rẽ hồ Thân)	500
4.8	Đoạn từ hết đất nhà ông Ban (hồ Thân) qua thôn 7, đến Cầu Trắng giáp đất xã Ngọc Trung	500
4.9	Đường 516b; Đoạn từ cầu Trắng giáp xã Lam Sơn qua thôn Minh Lâm, Cao Thịnh-Trạm mũ Cao su 1 của Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất - đi qua thị trấn Thống Nhất đến hết đất ở hộ ông Thắng (làng Cao Thắng) giáp đất huyện Yên Định (xã Cao Thịnh)	300
5	**ĐƯỜNG ATK (an toàn khu)**	
5.1	Đường ATK từ đường HCM đến giáp nhà ông Sáng thôn Bái E (xã Quang Trung)	500
5.2	Đoạn từ giáp nhà ông Sáng thôn Bái E qua thôn Quang Phú đến giáp đất xã Đồng Thịnh (xã Quang Trung)	300
5.3	Đoạn từ cầu Chạ(giáp đất xã Quang Trung); qua làng Lim, nhà văn hoá làng Mới, ngã ba UBND xã Đồng Thịnh đến trạm y tế xã Đồng Thịnh	250

5.4	Đoạn từ trạm y tế xã Đồng Thịnh đi qua làng Mùn, làng Chiêng, Làng Me (hết xã Đ. Thịnh) đến xã Lộc Thịnh qua các làng Hép đến ngã 3 rẽ vào làng ngã Hón	200
5.5	Đoạn từ nhà ông Dương làng Cò Chè đến nhà ông Huy làng Lộc Phát	300
5.6	Đoạn từ nhà ông làng Lộc Phát đến cống 61 hết đất xã Lộc Thịnh giáp đất xã cao Thịnh	250
5.7	Đoạn từ Cống 61 giáp đất xã Lộc Thịnh kéo dài qua ngã 4 Cao Khánh đến ngã 3 Cây Phượng (hết xã Cao Thịnh giáp Thống nhất, Yên định)	350
6	**ĐƯỜNG TRUNG TÂM ĐÔ THỊ**	
6.1	Đường TT đô thị đoạn từ nhà ông Lịch (xã Ngọc Khê) đến nút giao đường HCM (xã Ngọc Khê)	1.000
6.2	Đường TT đô thị đoạn từ nhà ông Kịch (đường HCM) giao đường 519 (xã Ngọc Khê cũ)	2.000
6.3	Đường TT đô thị giáp Ngọc Khê cũ đến giáp trường TH 1 và ngã 3 nhà ông Mạnh (xã Thúy Sơn)	2.500
6.4	Đoạn từ nhà ông Quang bảy- Giáp Trường tiểu học 1 đến cầu suối Ngù (xã Thúy Sơn)	1.500
7	**ĐOẠN ĐƯỜNG BAO PHÍA ĐÔNG**	
7.1	Đoạn ngã ba giáp Trường lái đến vị trí đất nhà ông Ứng ông Mạnh (xã Quang Trung)	1.000
7.2	Đoạn từ vị trí đất nhà ông Ứng ông Mạnh đến giáp đất Ngọc Khê cũ (Ngã tư nút giao) (xã Quang Trung)	800
8	**ĐƯỜNG QUỐC PHÒNG TỪ ĐƯỜNG HCM (ông Tuấn) đi xã Ngọc Sơn**	
8.1	Ngã ba đường HCM (ông Tuấn) đi Ngọc Khê cũ hết đất thị trấn Ngọc Lặc	3.000
8.2	Đoạn từ giáp đất TTNL (đường đi làng Ngòn) đến hết đất ông Phong (xã Ngọc Khê cũ)	1.200
8.3	Giáp đất ông Phong đến Ngã 3 đi xã Ngọc Sơn, xã Ngọc Liên(ông Mạnh) (xã Ngọc Khê cũ)	1.000
8.4	Từ ngã 3 đi xã Ngọc Sơn (ông Mạnh) đến cống hồ Đầm Săm (xã Ngọc Khê cũ)	700
8.5	Từ cống hồ Đầm Săm đến giáp đất xã Ngọc Sơn (xã Ngọc Khê cũ)	500
8.6	Ngã 3 đi xã Ngọc Sơn, xã Ngọc Liên (ông Mạnh) đến giáp đất xã Ngọc Liên (xã Ngọc Khê cũ)	500
8.7	Đoạn giáp đất xã Ngọc Khê cũ đến ngã ba nhà Ông Nhân thôn Kim Thuỷ, xã Ngọc Sơn.	400
8.8	Đoạn từ Ngã 3 thôn Kim Thuỷ (Ông Nhân) qua Ngã 3 thôn Linh Sơn (nhà ông Hợp), qua ngã ba nhà ông Hùng (Vương) thôn Linh Sơn đến giáp đất xã Ngọc Trung (Dốc đá) - (xã Ngọc Sơn).	200
9	**Đường từ QL 15A ngã ba chợ Dốc Cá đi Ngọc Khê, Mỹ Tân**	
9.1	Đoạn từ ngã 3 chợ Ngọc Khê (ông Thuỷ) đến giáp đất Huyện Đội cũ, đến đường rẽ vào Tran hạ (xã Ngọc Khê cũ)	2.500
9.2	Từ giáp đất Huyện đội cũ, đường rẽ vào Tran Hạ đến hết đất ông Chức (dốc làng Quạc) (xã Ngọc Khê cũ)	1.500

9.3	Từ hết đất đất ông Chức (dốc làng Quạc) đến hết khu đất nhà VH thôn Cao Nguyên (xã Ngọc Khê cũ)	500
9.4	Từ hết khu đất Nhà VH thôn Cao Nguyên qua hồ Cống Khê, Trường Tiểu học 1 Mỹ Tân, qua ngã ba Trạm Y tế xã Mỹ Tân, qua làng Chả , qua nhà ông Thi (L.Mống) đến đường 15A ngã 3 làng Mỏ (nhà Ô Tri) (xã Mỹ Tân, xã Ngọc Khê cũ)	300
10	**Đường từ đường HCM xã Minh Sơn đi xã Cao Ngọc**	
10.1	Đoạn từ đường HCM ngã 3 đi Cao Ngọc đến nhà ông Lượng làng Bót (xã Minh Sơn)	500
10.2	Đoạn từ nhà ông Lượng làng Bót đến hết đất xã Minh Sơn giáp đất xã Cao Ngọc (xã Minh Sơn)	450
10.3	Từ giáp đất xã Minh Sơn qua làng Nghiện, làng Lỏ, làng Thau đến hết đất nhà ông Nhất làng Cọn (xã Cao Ngọc)	400
10.4	Đoạn từ nhà ông Nhất đến ngã ba trung tâm xã (xã Cao Ngọc)	450
11	**Đường từ đường HCM Kiên Thọ đi Nguyệt ấn, Phùng Minh, Phùng Giáo**	
11.1	Từ đường HCM ngã Ba si đến cầu cây Lội (xã Kiên Thọ)	1.440
11.2	Từ cầu cây Lôi đến Cầu đuôi Tép Làng Thành Sơn (xã Kiên Thọ)	1.200
11.3	Từ Cầu D419 đuôi tép Làng Thành Sơn qua nhà ông Dũng Mến làng Thành Sơn, hết xã Kiên Thọ, qua thôn Đồng Đang, Cầu làng Thé, qua làng Khe Ba, qua làng Nán đến nhà Ông Huệ Rèn (Liên Cơ 3), (xã Kiên Thọ, Nguyệt Ấn)	360
11.4	Từ nhà Ông Huệ Rèn đến ngã 4 nhà ông Xinh con ông Xuyến thôn Liên cơ (xã Nguyệt Ấn)	1.000
11.5	Từ nhà Ông Xinh con ông Xuyến thôn Liên cơ, qua Nhà Ông Sơn Hà đến nhà cô Lới làng Minh Thạch (xã Nguyệt Ấn)	1.200
11.6	Đoạn từ nhà Cô Lới làng Minh Thạch đến cầu Chẻ Mẻ (xã Nguyệt Ấn)	1.000
11.7	Đoạn từ cầu Chẻ Mẻ đến ngã 3 Lương Bình	500
11.8	Đoạn từ ngã 3 Lương Bình đến nhà ông Minh Lương Bình (xã Nguyệt Ấn)	400
11.9	Đoạn từ nhà Ông Minh Lương Bình xã Nguyệt Ấn đến giáp đất làng Thượng xã Phùng Minh (xã Nguyệt Ấn)	300
II	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN NGỌC LẶC**	
1.1	Ngõ từ sau nhà Lương Thị Lan đến hết đất TT (phố Lê Đình Chinh)	780
1.2	Ngõ ngang từ đường 15A đi (Ông Phát - Thái Cúc) đến đường HCM	900
1.3	Ngõ ngang từ đường 15A đi ra sông (Sau Cúc Trí - Bà Xuân Anh)	900
1.4	Ngõ ngang từ đường 15A đi ra sông (Cúc Trí - Bà Xuân)	750
1.5	Đoạn từ sau nhà bà Sen đến Nhà ông Nhị	850
1.6	Đoạn từ hết nhà ông Nhị đến Trạm thuỷ văn	700
1.7	Đoạn từ Trạm thuỷ văn đến đến nhà ông Khải	600
1.8	Ngõ ngang từ đường 15A lên đường HCM (Ông Cường - Bà Phái) đường Cụt đến hết đất TT	500
1.9	Đoạn từ sau nhà ông Tuấn Ngà, ông Chung đến Nhà bà Vân + bà Trang	950
1.1	Đoạn từ hết nhà bà Vân + bà Trang đến MB 127	900
1.11	Đoạn sau nhà Ông Phương đến nhà Ông Lương	1.050

1.12	Đoạn từ hết nhà Ông Lương đến hết đất TT	900
1.13	Đoạn sau nhà Bà Nhật ông Anh đến hết đất TT (hết phố Lê Đình Chinh)	1.200
1.14	Ngõ ngang từ đường 15A lên đường HCM (Cây xăng - Ông Đức) hết đất TT	1.200
1.15	Đoạn sau nhà Ông Thu + Nhà ông Hợi đến hết đất TT	950
1.16	Ngõ ngang từ đường 15A đi ra sông (Ông Được - Ông Đức) đến bờ sông.	750
1.17	Đoạn hết nhà Hoa Dũng + bà Thủy đến nhà Ông Bảo Ngần	650
1.18	Đoạn hết nhà Ông Bảo Ngần đến nhà Ông Thái Lân	600
1.19	Đoạn hết nhà Ông Thái Lân đến hết đất TT	550
1.20	Đoạn sau ông Khoa+ông Thắng đến hết nhà ông Quyên + bà Huế	950
1.21	Đoạn từ hết nhà ông Quyên +bà Huế đến hết đất TT	900
1.22	Đoạn sau bà Mai,nhà ông Lương đến Nhà ông Hoàn, nhà bà Cẩn	1.150
1.23	Đoạn Nhà ông Hoàn, nhà bà Cẩn đến hết đất TT (hết phố Nguyễn Trãi)	1.050
1.24	Đoạn từ sau nhà ông Thắng Tĩnh + ông Hoan đến hết nhà bà Đông + ông Cường (phố Nguyễn Du)	1.100
1.25	Đoạn từ hết nhà bà Đông + ông Cường đến hết đất TT	950
1.26	Đoạn từ sau nhà ông Bảy + ... đến Nhà ông Hồng	1.300
1.27	Đoạn từ sau nhà ông Hồng đến hết đất TT	1.200
1.28	Đoạn từ sau nhà ông Hiền đến Nhà bà Mầu + ông Cần	1.500
1.29	Đoạn từ nhà bà Mầu + ông Cần đến hết đất TT	1.400
1.30	Đoạn từ sau nhà ông Long đến Nhà ông Bình	1.200
1.31	Đoạn từ sau nhà ông Bình đến hết đất TT	1.100
1.32	Đoạn từ Nhân, bà Mầu - Tới (xưởng mộc) Ngõ đi theo đường địa giới hành chính đến Ngã ba Trường mầm non, Nhà ông Thư - Hoa (hết phố Nguyễn Du)	1.000
1.33	Đoạn từ sau nhà bà Thúy, bà Duyên đến Hết nhà bà Thanh + ông Thịnh	1.400
1.34	Đoạn từ sau nhà bà Thanh + ông Thịnh đến hết đất TT	1.100
1.35	Đoạn từ sau ông Sơn Thuý đến nhà ông Chiến + ông Nguyễn Văn Bình	750
1.36	Đoạn từ sau ông Chiến + ông Nguyễn Văn Bình đến ông Trường + ông Cường	750
1.37	Đoạn từ sau ông Thế (tiệm vàng) đến hết Trường Mầm non	2.900
1.38	Đoạn từ hết Trường MN đến hết đất thị trấn	1.400
1.39	Ngõ ngang vào Trường Tiểu học (Kho Bạc - ông Long) đến trường Tiểu học	1.900
1.40	Đoạn từ sau ông Hùng Đức đến hết nhà ông Sơn	1.800
1.41	Đoạn từ sau ông Sơn đến nhà ông Chiến (hết phố Lê Lợi)	1.000
1.42	Đoạn từ sau nhà ông Thoả đến Nhà ông Sơn, ông Thành (phố Lê Thánh Tông)	2.400
1.43	Đoạn từ sau nhà ông Sơn, ông Thành đến giáp nhà ông Tuấn, bà Tình	2.200
1.44	Đoạn từ nhà ông Tuấn, bà Tình đến hết đất TT	1.800
1.45	Đoạn từ sau nhà ông Trường Dương đến hết nhà ông Lâm, bà Trang	1.700
1.46	Đoạn từ sau nhà ông Lâm, bà Trang đến hết đất TT	1.000
1.47	Đoạn Sau đất QLTT đến ông Lâm	1.000
1.48	Ngõ ngang từ đường 15A đi lên đường HCM (Sau ông Vinh - Tiến Đính) đến giáp đất Ngọc Khê (hết phố Lê Thánh Tông)	1.300

1.49	Ngõ ngang từ đường 15A vào khu dân cư MBQH 54 (phố Lê Lai)	2.200
1.50	Ngõ ngang đường vào lô 2,3 MBQH khu dân cư Cầu Trắng, Cầu Tầng	2.700
1.51	Ngõ ngang đường vào khu dân cư sau Bưu điện từ ông Thọ đến ông Lưu và đoạn từ sau nhà ông Thọ đến Nhà ông Hải	2.700
1.52	Đoạn từ sau nhà ông Thành Ngưu, ông Hân đến Nhà ông Vang, ông Tuấn	2.000
1.53	Đoạn từ sau nhà ông Vang, ông Tuấn đến hết đất TT	2.000
1.54	Ngõ từ nhà ông Dìn đến ông Hạnh, bà Hương	1.700
1.55	Đoạn từ đường 519 củ đến ngã tư (lô 2) MB 113 (nhà Hồng Hải)	3.200
1.56	Đoạn từ nhà văn hóa phố Lê Duẩn (MBQH 113) lô 2 đến giáp MB 110	2.900
1.57	Đoạn từ nhà ông Vinh đến hết MB 110, giáp sau Ngân Hàng (lô 2)	2.200
1.58	Đoạn từ nhà ông Vinh đến hết MB 110, giáp sau Ngân Hàng (lô 2) đến hết MB 110, giáp sau Ngân Hàng (lô 3)	2.000
1.59	Đoạn giáp nhà văn hóa Phố Lê Duẩn(lô 3, MB 113) đến hết MBQH 113 (giáp ông Bùi Hồng Quang)	2.700
1.60	Mặt bằng QH khu xen cư cầu Ngòn, đối diện lô 2, MB 113, thuộc Phố Lê Duẩn (từ lô số 04 đến lô số 22)	3.000
1.61	Mặt bằng QH khu xen cư cầu Ngòn, đoạn đối diện Nhà Văn Hóa phố Lê Duẩn đến ngã ba Vào Lô 2 (từ lô 23 đến lô 28)	2.800
1.62	Mặt bằng QH khu xen cư Cầu Ngòn, lô 2, 3, khu dân cư Cầu Ngòn thuộc Phố Lê Duẩn(từ lô số 29 đến lô số 47 và từ lô số 54 đến lo số 72)	2.400
1.63	Mặt bằng QH khu xe cư Cầu Ngòn, đường bao ven sông, thuộc Phố Lê Duẩn (từ lô số 76 đến lô số 89)	2.400
1.64	Mặt bằng QH khu xen cư Cầu Ngòn, các lô thuộc trục đường 519 cũ (Từ Bảo Việt đến Cầu chui, bên phải) thuộc Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc.	3.700
1.65	Đường vào Bệnh viên Đa khoa KV Ngọc Lặc đến cổng bệnh viện	5.000
1.66	Đoạn từ cổng trong Bệnh viện vào khu dân cư Bệnh viện đến hết nhà ông Nguyễn Viết Chỉnh	1.600
1.67	Ngõ ngang từ đường 15A vào Huyện ủy mới	2.200
1.68	Ngõ ngang từ ông Tường Liên đến nhà ông Giang (phố Lê Duẩn)	2.000
1.69	Ngõ ngang đường 15a (nhà ông Thư) vào MB 110 (phố Lê Hoàn)	2.200
1.70	Ngõ ngag đường 15a vào khu dân cư sau ông Cải	1.400
1.71	Ngõ ngang đường 15a nhà bà Lập vào hết thị trấn	1.000
1.72	Ngõ ngang từ ông Tiến đến nhà bà Tinh	650
1.73	Ngõ ngang ông Minh, ông Hùng đến hết thị trấn	850
1.74	ngõ ngang ông Biên - bà Ý đến Hết thị trấn (hết phố Lê Hoàn)	800
1.75	Từ nhà anh Trường đến nhà anh Huynh (phố Trần Phú)	600
1.76	Các ngõ, ngách còn lại của các phố thuộc thị trấn Ngọc Lặc	550
2	**XÃ NGỌC KHÊ (nay Là thị trấn Ngọc Lặc)**	
2.1	Đoạn từ Ngã ba ông Tiến Lài (giáp Ngọc Khê cũ) đi lên đường HCM đến nhà ông Tự	1.300
2.2	Tư thôn Hưng Sơn tiếp giáp lộ giới đường HCM đến hết làng Giáng thôn Hưng Sơn	700
2.3	Đoạn từ hết làng Giáng thôn Hưng Sơn đến giáp đất xã Cao Ngọc	300
2.4	Đoạn từ Ngã tư đường HCM (thôn Hưng Sơn) đường Lê Thánh Tông (đi vào chợ Cống) đến giáp đất TT Ngọc Lặc	2.500

2.5	Khu dân cư còn lại của các thôn Cao Thương, Hạ sơn, Ngọc Minh, Hưng Sơn	300
2.6	Từ nga ba Đường HCM đi Nhà văn hoá thôn Ngọc Minh	500
2.7	Từ ngã ba đường HCM nhà Vinh-Lệ đi đến hồ Đầm Thi	500
2.8	Từ đường HCM (nhà ông Tỉnh Việt) đến giáp thị trấn	600
2.9	Ngõ dân cư phía Đông đường HCM của thôn Hưng Sơn, Hạ Sơn	600
2.10	Đoạn từ đường 519 nhà ông Toàn Vân đến nhà ông Bình	700
2.11	Các ngõ còn lại trong thôn Ngọc Lan	300
2.12	Ngõ phố 1 còn lại và dân cư thôn Ngọc Minh phía Tây Đường HCM	400
2.13	Từ đường 15A vào làng Sắt đến hết sân vận động làng Sắt	350
2.14	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
3	**XÃ THÚY SƠN**	
	Đường Quốc phòng từ Ngã 3 dốc Khế đi Thạch Lập	
3.1	Đoạn đường HCM - dốc Khế đến ngã ba đi K822 đi Thạch Lập (xã Thuý Sơn)	1.200
3.2	Đoạn từ ngã 3 rẽ đi K822 đến đến giáp đất xã Thạch Lập	800
3.3	Đường ngang từ đường 519 (Hải Tâm) đi nhà bà Ca	800
	Đường từ đường 519 (Lợi Hồng) đi làng Nhàng (xã Thuý Sơn)	
3.4	Đoạn từ nhà Lợi Hồng đến nhà Hợp Phượng	1.200
3.5	Từ nhà anh Chung Bình đến Nhà ông Lượng (làng Nhàng)	1.000
	Đường từ đường 519 (anh Tỵ) đi Biên Phòng (xã Thuý Sơn)	
3.6	Đoạn từ Ngã 3 nhà anh Tỵ (đường vào Biên phòng) đến nhà ông Vũ	1.500
3.7	Từ nhà Minh Hạnh đến Biên Phòng	1.000
	Đường ngang từ đường 519 (Hùng Hà) đi nhà ông Bình Tuệ (xã Thuý Sơn)	
3.8	Đoạn từ nhà anh Hùng Hà (vào Nhà VH thôn Xuân Sơn) đến hết đất ông Huyền	800
3.9	Từ giáp đất ông Huyền đến nhà ông Bình Tuệ	700
	Đường ngang từ đường 519 (Thịnh Tăng) đi suối Ngù (xã Thuý Sơn)	
3.10	Đoạn từ giáp nhà ông Hà Thọ Chì đến suối Ngù	500
3.11	Đoạn từ ngã 3 bà Lộc Nam đến nhà ông Hà Thọ Chì	550
3.12	Từ giáp đất nhà ông Quang Bảy đến cầu suối Ngù	400
3.13	Đoạn từ nhà anh Thịnh Tăng đến hết đất anh Hùng Inh	800
3.14	Từ giáp đất anh Hùng Inh đến trại chăn nuôi cũ	500
3.15	Đoạn từ ngã 3 anh Hùng Inh đến nhà Sơn Đào	600
3.16	Đoạn đường từ ngã 3 Lộc Nam đến nhà ông Quang Bảy	500
3.17	Đoạn từ ngã ba làng Nhàng đến thôn Vân Sơn	400
3.18	Đoạn từ Vân Sơn đi thôn Thanh Bình	250
3.19	Đường từ cầu suối Ngù đến thôn Lương sơn, thôn Thanh Bình	400
3.20	Đường từ cầu suối Ngù đến Thôn Hồng Sơn	400
3.21	Đường từ thôn Thanh Bình đến Khe Cạn (Phú Sơn)	500
3.22	Đường từ thôn Thanh Bình đến hết thôn Phú Sơn	300
3.23	Đường tù cầu Khe Cạn (Phú Sơn) đến Trung Sơn, ngã 3 Tam Đồng	300
3.24	Đoạn từ ngã 3 Tam Đồng đến làng Chon	200

3.25	Đường từ Tam Đồng đi Đông Sơn đến hết thôn Hoa Cao	200
3.26	Từ ông Huyên theo đường QH đến ngã ba ông Tỵ	350
3.27	Đường ngõ giáp Biên phòng	300
3.28	Đoạn các ngõ, ngách còn lại thôn Xuân Sơn	300
3.29	Đoạn các ngõ, ngách còn lại của thôn Ngọc Sơn	300
3.30	Đoạn các ngõ, ngách còn lại của thôn Giang Sơn (khu từ nhà ông Lượng giáp về phía thôn Xuân Sơn)	300
3.31	Phần còn lại các ngõ, ngách của thôn Giang Sơn	200
3.32	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
4	**XÃ QUANG TRUNG**	
4.1	Đoạn từ Ngã ba ông Tiến Lài (giáp Ngọc Khê) đi lên đường HCM đến nhà ông Tự	1.300
4.2	Đoạn từ Ngã ba nhà ông Xuân Hoa đi lên đường HCM đến nhà ông Tính	1.200
4.3	Đoạn giáp đất lô 1 đường HCM (đầu làng) đến hết đất hội trường của làng Quang Hưng	600
4.4	Đoạn từ hết đất hội trường của làng Quang Hưng đến giáp đất xã Ngọc Liên	450
4.5	Đoạn từ ngã ba nhà ông Thịnh đến Nhà ông Thức làng Quang Bái	400
4.6	Đoạn từ Trường Tiểu học Quang Trung 1 đến Đập Bai Manh	200
4.7	Đoạn từ Đập Bai Manh đến Ngã ba rẽ đi Đồng Thịnh (Nhà Ông Đông)	200
4.8	Đoạn từ giáp đường HCM đến Ao Mùn Làng Quang Thuận	500
4.9	Ao Mùn Làng Quang Thuận đến giáp đường điện 500 KV	400
4.10	Giáp đường điện 500 KV đến giáp đất xã Ngọc Liên	500
4.11	Đoạn từ giáp ngã tư Q.Hoà (Ông Ngọc) đến hết nhà bà Hợp đường đi qua làng Quang Phú.	200
4.12	Đoạn từ ngã ba cầu làng Ràm đến Cầu Bái Đàn	200
4.13	Đoạn từ đường HCM (Nhà ông Hưng - Luyện) đến hết làng Quang Hợp	200
4.14	Các ngõ, ngách còn lại của phố 1	300
4.15	Các ngõ, ngách còn lại của Làng Quang Hưng	250
4.16	Lô 2,3 MBQH Quang Hưng (thêm cả lô 3)	900
4.17	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
5	**XÃ MINH SƠN**	
5.1	Đường HCM từ ngã 3 đi vào cổng Trường nội trú và đi ra sông cầu Chày	400
5.2	Đường HCM từ ngã 3 đi thôn Minh Thái đến ngã 3 lên Trường Nghề Miền núi	300
5.3	Đường HCM từ ngã 3 nhà hàng Dũng Hằng đến hồ Minh Thái	300
5.4	Đường HCM đoạn từ ngã 3 Thuận Quỳnh vào làng Bót đến nhà ông Hòa Tọa	300
5.5	Đường HCM từ ngã 3 đi vào đơn vị bộ đội đến hết nhà ông Hoà	500
5.6	Đoạn đường từ cây xăng Hương Khuê đến nhà ông Nam thôn Muỗng	400
5.7	Đoạn từ nhà ông Nam thôn Muỗng đến Trung tâm thôn Minh Thuận	300
5.8	Đường HCM từ ngã 3 Bưu điện văn hoá xã đi chợ phố Châu	800
5.9	Đường từ ngã 3 trạm thuế phố Châu vào đến ngã 3 nhà ông Hoà Bí thư xã	400

5.10	Đường HCM từ ngã 3 (nhà ông Chung làng Giữa) đi đến Trường Mầm non	500
5.11	Đường HCM đi theo đường 15A cũ đến cung QLĐB2 vòng sang đường HCM	350
5.12	Các ngõ, ngách còn lại trong thôn Minh Châu 2, thôn Minh Liên	350
5.13	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
6	**XÃ MINH TIẾN**	
6.1	Từ nhà ông Bách giáp đất xã Lam Sơn đến cầu Suối Giác	400
6.2	Từ cầu suối Giác qua bãi Bàn Xú đến ngã ba đường HCM	200
6.3	Đoạn từ ngã ba hội trường thôn Minh Thanh đến cầu ông Bình	200
6.4	Đoạn từ Bưu điện VH đến cầu suối giác thôn Thanh Sơn	200
6.5	Đoạn từ Cầu ông Bình đến nhà ông Quân giáp đất Lam Sơn	800
6.6	Đoạn từ giáp đất thôn 9 xã Lam Sơn đến Ngã ba nhà bà Thảo Lan	300
6.7	Đoạn từ ngã ba Thảo Lan đến nhà ông Châu thôn Minh Cơ	400
6.8	Đoạn tư nhà ông Châu thôn Minh Cơ đến giáp xã Xuân Châu	300
6.9	Tuyến đường từ Trường cấp 2 Lam Sơn đến giáp đất thôn 6 xã Lam Sơn	300
6.10	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
7	**XÃ KIÊN THỌ**	
7.1	Đoạn từ giáp Quốc lộ 15A (Ngã Ba Si) đến Trường Mầm non trung tâm xã	1.800
7.2	Đoạn từ Trường mầm non khu trung tâm xã đến hết đất Trường THCS Kiên Thọ	1.300
7.3	Đoạn từ hết đất Trường THCS Kiên Thọ qua cầu Nước Chóp làng Kiên Minh, qua nhà ông Hải Seo làng 11, đến giáp đất xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân	450
7.4	Đoạn từ Đường HCM làng Thọ Phú qua nhà ông Hà Sơn đến giáp đất xã Phúc Thịnh	400
7.5	Đường ngã Tư từ đường HCM đi làng Đức Thịnh đến ngã tư Trường TH khu Đức Thịnh	300
7.6	Đoạn từ đường HCM nhà ông Cao làng Kiên Minh đến sân vận động làng Kiên Minh	300
7.7	Từ ngã ba nhà ông Phúc Ba Si đến Cầu Đàng Phang giáp làng Bào xã Phúc Thịnh	300
7.8	Từ Cầu Đàng Phang giáp làng Bào xã Phúc Thịnh, ngõ Nhà ông Nghinh Thọ Liên - Kiên Thọ	250
7.9	Đoạn từ chân dốc Trám đường 15 A cũ làng Thọ Liên đến nhà ông Tráo làng Thành Sơn	450
7.10	Đoạn từ nhà ông Tráo làng Thành Sơn giáp đất làng Môn Tía xã Nguyệt Ấn	300
7.11	Đường từ nhà ông Thành xóm 4 làng Thành Sơn đến đền Lê Lai đến ngã ba nhà ông Tính Thẩm Thành Sơn	300
7.12	Đường 15 A cũ nhà ông Hiến xóm 2 làng Thọ Liên đến xóm 3 làng Thọ Liên	300
7.13	Đường từ nhà ông Ân làng Thọ Liên đến nhà ông Nắng giáp làng Thành Công	300

7.14	Đường từ ngã tư đường HCM nhà ông Hải Thành Công đến nhà ông Cao Quân làng Xuân Thành	360
7.15	Đường từ ngã ba đường HCM chân dóc Trường Lào Đi làng Xuân Thành - Thọ Sơn	360
7.16	Đoạn từ ngã 3 đường HCM nhà ông Bình làng Xuân Thành đến cầu đội 10 Nông trường Sông Âm	450
7.17	Đoạn từ đội 10 NT Sông âm đến cầu suối Than giáp đất xã Xuân Châu	360
7.18	Đường từ ngã ba nhà ông Hải làng 11 đến Đ11 NT Sông Âm giáp xã Thọ Minh,Thọ Xuân	200
7.19	Đường từ ngã ba 15 A củ giáp bà Sơn Thọ Phú đến đội 1 Nông trường Sông Âm đi Đức Thịnh	350
7.21	Đoạn từ ngã tư Trường TH khu Đức Thịnh đến nhà Ông Bùi Văn Thái	200
7.22	Đoạn từ giáp ngã tư Trường TH khu Đức Thịnh đến sân vận động làng Đức Thịnh	200
7.23	Đoạn từ Nhà Ông Hà Công Tố làng Thọ Liên đến nhà Ông Bùi Văn Hạ xóm 3 làng Thọ Liên	250
7.24	Đường từ ngã ba 15 A củ nhà Ông Huynh làng Đội 1 đến nhà Ông Hoàng Hữu Tiền làng đội 1	400
7.25	Đường từ 15 A củ Nhà Ông Dung Sen xóm 1 Thọ Phú đến nhà Ông Phạm Lương Bằng Thọ Phú	400
7.26	Đường từ 15 A củ Nhà Ông Hữu Năm xóm 1 Thọ Phú đến nhà Ông Phạm Minh Chi Thọ Phú	360
7.27	Đoạn từ nhà Ông Phạm Minh Chi Thọ Phú đến nhà Bà Sơn 15 A cũ	300
7.28	Đoạn từ nhà Ông Nhu đường HCM đến nhà ông Phạm Lương Bằng	400
7.29	Đoạn từ Hồ áng Bòn HCM làng Thọ Phú đến nhà ông Đàm xóm 2 làng Thọ Phú	300
7.30	Đoạn từ nhà ông Dậu đến hết mặt bằng Lô 2 khu Đồng Bông	1.000
7.31	Từ đường HCM (nhà Ô.Kim) đến nhà ông Doãn Luân xóm 4 thôn Thọ Phú	400
7.32	Từ đường HCM nhà Ô. Lê Năng Tỉnh đến nhà ô. Phạm Văn Dũng thôn Thọ Phú	400
7.33	Từ Trường Mầm non đến nhà Ô. Bùi Văn Bảo thôn Thọ Phú	300
7.34	Từ nhà Ô. Phạm Lương Bằng đến nhà ô. Nguyễn Văn Bình thôn Thọ Phú	250
7.35	Từ đường HCM đến Hồ Công thôn Thành Công	250
7.36	Từ đường HCM đến nhà bà Lê Thị Lan thôn Thọ Phú	250
7.37	Từ nhà ông Nhàn (đường HCM) đến nhà Ô. Đinh Công Vinh thôn Thọ Liên	300
7.38	Từ đường Ba Si đi Xuân Thiên (nhà bà Giang) đến nhà ông Hà Công Tố thôn Thọ Liên	250
7.39	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
8	**XÃ LAM SƠN**	
8.1	Từ giáp cầu nhà ông Bình đến hết đất thôn 9, xã Lam Sơn (giáp đất xã Minh Tiến)	700
8.2	Đường từ ngã 3 bảng tin (khu chế biến) đến hết đất Trường Tiểu học & THCS giáp đất xã Minh Tiến	800
8.5	Đoạn từ ngã 4 trung tâm thôn 6 đến Ngã 3 thôn Minh Thuỷ	300

8.6	Đoạn từ Ngã 3 thôn Minh Thuỷ đến Cầu trắng giáp đất xã Ngọc Trung	250
8.7	Đường từ ngã 4 trung tâm thôn 6 đi thôn 6 đến nhà bà quế hết đất thôn 6.	250
8.9	Đoạn từ nhà ông bình tư thôn trụ sở qua ngã 4 thôn 12 đến giáp đất bà Lý Tấn	200
8.11	Khu dân cư MBQH thôn Trụ Sở lô 2	200
8.10	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
9	**XÃ NGỌC TRUNG**	
9.1	Đoạn từ giáp đất xã Ngọc Sơn đi qua thôn Xuân Minh đến ngã ba đường vào thôn Trung Thành (nhà ông Đông thôn Xuân Minh).	250
9.2	Đoạn từ ngã ba đường vào thông Trung Thành (nhà ông Đông) đến ngã tư thôn Thọ Phú	450
9.3	Đoạn từ ngã tư thôn Thọ Phú đến đến ngã 3 rẽ vào thôn Trung Thành (đi Minh Xuân).	200
9.4	Đoạn từ ngã tư làng Mồn thôn Thọ Phú đến nghĩa địa thôn Thọ Phú.	300
9.5	Đoạn từ Nghĩa địa thôn Thọ Phú đến nhà ông Luận Chi (thôn Minh Lâm)	200
9.6	Đoạn từ nhà ông Luận Chí thôn Minh Lâm đến ngã 3 thôn Minh Lâm (đường 516B)	200
9.7	Đoạn đường từ ngã tư thôn Thọ Phú đến ngã 3 rẽ vào thôn Trung Thành (đi thôn Minh Xuân).	200
9.8	Đoạn từ ngã 3 thôn Trung Thành đến hết đất thôn Minh Xuân (cổng chào thôn Minh Xuân).	200
9.9	Đoạn từ ngã tư thôn Thọ Phú đến ngã ba nhà anh Cảm (thôn Thọ Phú)	200
9.10	Đoạn từ ngã ba nhà anh Cảm (thôn Thọ Phú) đi thôn Yên Thắng, đến giáp đất xã Cao Thịnh đường 516B	200
9.11	Đoạn từ ngã ba nhà anh Cảm (thôn Thọ Phú) đi thôn Ngọc Tân, thôn Tân Mỹ ra ngã 3 thôn Xuân Minh giáp đường ATK (nhà ông An thông Xuân Minh).	200
9.12	Đoạn đường từ ngã ba (ông Đông) đi Minh Thành đến đường Quốc Phòng	200
9.13	Đoạn từ Nhà VH thôn Trung Thành đến nhà ông Nam thôn Trung Thành	250
9.14	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
10	**XÃ NGỌC SƠN**	
10.1	Đoạn giáp đất xã Ngọc Liên (ngã ba thôn Tiền Phong đường vào Chi bộ Bắc Sơn) đến ngã ba thôn Minh Tiến (nhà ông Chúc)	300
10.2	Đoạn từ ngã ba thôn Minh Tiến (nhà ông Chúc) đến giáp đất xã Ngọc Trung (làng Sanh)	200
10.3	Đoạn từ ngã ba thôn Kim Thuỷ (nhà ông Nhân) đến ngã tư thôn thanh Sơn (nhà ông Toàn)	200
10.4	Đoạn từ ngã tư thôn Thanh Sơn (nhà ông Toàn) đến ngã ba dốc Cây Đa (Cò Nẵng)	300
10.5	Đoạn từ ngã 4 ông Toàn đến nhà ngã 4 Mốc Lim (ông Điệp).	200
10.6	Đường từ ngã 4 Mốc Lim (ông Diệp) đến hết ngã 3 Quán Hồ.	200
10.7	Đoạn từ trung tâm xã (ông Thảo) đến hết đất trường tiểu học Ngọc Sơn.	300
10.8	Đoạn từ hết đất Trường tiểu học Ngọc sơn đến ngã ba thôn Minh Tiến (nhà ông Chúc).	200

10.9	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Đông đến nhà bia Bắc Sơn.	200
10.10	Đoạn từ Ngã 3 gốc Cây Đa (Ông Thanh) đến ngã 3 thôn Linh Sơn (gốc cây U).	200
10.11	Đoạn từ ngã 3 thôn Linh Sơn (gốc cây U) đến ngã 3 ông Hoạt (thôn Hoành Sơn)	200
10.12	Đường từ ngã 3 Cây Đa (Cò Nẵng) thôn Thanh Sơn đến ngã 3 (ông Hợp) thôn Linh Sơn.	200
10.13	Đoạn từ ngã 3 ông Dốc thôn Điền Sơn 1 đến hết đất làng Chẩu thôn Điền Sơn 1.	200
10.14	Đoạn từ hết đất làng Chẩu thôn Điền Sơn 1 đến ngã 3 nhà ông Mão thôn Điền Sơn 3.	250
10.15	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
11	**XÃ NGỌC LIÊN**	
11.1	Đoạn từ Đập Mũi Trâu giáp đất Quang Trung, qua ngã ba thôn 2 nhà anh Hậu đến trạm điện thôn 3	400
11.2	Đoạn từ trạm điện thôn 3 đến Trường THPT Bắc Sơn	600
11.3	Đoạn từ Trường THPT Bắc Sơn đến Trường THCS	700
11.4	Đoạn từ hết đất Trường THCS đến cổng chào thôn 7	350
11.5	Đoạn từ cổng chào thôn 7 đến hết thôn 8 giáp đất xã Ngọc Sơn	300
11.6	Đoạn từ đầu làng Ao đến Giáp làng Bái xã Ngọc Sơn	300
11.7	Tuyến đường từ nga ba nhà anh Hùng thôn 4 đến Giáp đất Trung Hưng xã Quang Trung	400
11.8	Từ giáp đất làng Ao xã Ngọc Khê đến trạm điện thôn 3 (ngã 3 Kim Ngọc, xã Ngọc Liên)	350
11.9	Đoạn từ Trường THCS Vào Cầu treo	500
11.10	Đoạn từ Cầu Treo đến Nhà VH thôn 11 đến giáp đất xã Đồng Thịnh	250
11.11	Đoạn từ UBND xã đi nhà anh Đính thôn 6 đến gốc cây Vả giáp đất xã Ngọc Sơn	200
11.12	Đoạn Nhà Văn hoá làng Tổ đến công làng Trại Bái	200
11.13	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
12	**XÃ ĐỒNG THỊNH**	
12.1	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Loan làng Lim đi Đầm Chu vòng sang lang Mới giáp đường ATK, và đoạn từ nhà ông Lịch làng Lim đi nhà ông Báo làng Đồi Đỏ đến ngã ba làng Chiềng	200
12.2	Đường từ trung tâm UBND xã đi ngã ba Bai Sơn đến giáp đất xã Ngọc Liên	200
12.3	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
13	**XÃ CAO THỊNH**	
3.1	Đường từ ngã 3 thôn Z111 (nhà ông Văn) đến nhà ông Sao (làng Bứa) đến giáp đường 516B	300
3.2	Cống đồng Vốc đến Cống ia Lòi, làng cao Thắng	200
3.3	Đoạn từ ngã 3 làng Mai đến ngã ba làng Lim Còm	250
3.4	Đoạn từ hộ bà Chỉnh ngã Tư Cao Khánh đến cổng Trại 5	300
3.5	Đoạn từ hộ ông Lê Duy Long ngã T4 Cao Khánh đi xã Yên Lâm	250
3.6	Đoạn từ nhà ông Vinh Làng Bứa đến đường 516b (trạm mủ cao su 1)	300
3.7	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150

14	**XÃ LỘC THỊNH**	
14.1	Đoạn từ nhà Ông Phúc, thôn Lộc Phát đến nhà Ông Ngọc, ông Ý làng Đồi nâu	250
14.2	Đoạn từ nhà Ông Cơ làng Cò Chè đến hết Trường mầm non	350
14.3	Đoạn từ nhà Ông Ý làng Đồi nâu đến hết thôn Lộc Tiến (giáp đất xã cẩm Tâm)	200
14.4	Đoạn từ Trường mầm non đến hết thôn Lộc Thành (giáp đất xã Đồng Thịnh)	200
14.5	Đoạn từ ngã 3 đường ATK đi Ngã Hón đến hết đất làng Ngã Hón	200
14.6	Đoạn từ Cây đa thôn Lộc Nam đến nhà ông Phúc thôn Lộc Phát	200
14.7	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
15	**XÃ THẠCH LẬP**	
15.1	Ngã Ba chợ đến nhà ông Thức làng Minh Tiến	350
15.2	Đoạn hết nhà ông Thức (Minh Tiến) đến nhà ông Hiệu (Đô Ung).	300
15.3	Đoạn hết nhà ông Hiệu (Đô Ung) đến Hồ Tuồng (Lập Thắng)	250
15.4	Đoạn hết Hồ Tuồng (Lập Thắng) đến giáp đất xã Điền Thượng (Bá Thước)	200
15.5	Đoạn từ ngã ba chợ đến Nhà ông Lưu (Lương Thiện) giáp xã Thuý Sơn	300
15.6	Đoạn từ nhà ông Ý (Thạch Yến) đến giáp đất làng Quang Thủy xã Quang Trung	200
15.7	Các ngõ ngách còn lại trong xã	150
16	**XÃ MỸ TÂN**	
16.1	Từ Ngã ba Trường mầm non thôn Vải đi thôn Beo đến giáp đất xã Cao Ngọc	200
16.2	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
17	**XÃ CAO NGỌC**	
17.1	Ngã ba làng Lỏ Đi làng cây thị	200
17.2	Đoạn từ ngã 3 TT xã đến Nhà ông Hà làng Vìn	700
17.3	Đoạn từ Ngã 3 đường đi làng Vìn (Ô.Hà) đến ngã 3 đi làng Chò Tráng	250
17.4	Đoạn từ Ngã 3 đường đi làng Chò Tráng đến giáp đất xã Vân Am	250
17.5	Đoạn từ làng Nhỏi đến Đi làng Chò Tráng	250
17.6	Đoạn từ ngã 3 TT xã đến nhà ông Dân làng Ủng	500
17.7	Đoạn từ ông Dân Làng ủng đến giáp đất xã Ngọc Khê, Mỹ Tân	400
17.8	Đoạn từ ngã 3 làng Ban (Trường tiểu học) đến hết bãi Bùi	200
17.9	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
18	**XÃ VÂN AM**	
18.1	Đoạn từ nhà ông phiên Bến Liếu đến đường vào làng Âm	200
18.2	Đoạn từ đường vào làng Âm đi làng Tráng đến giáp đất xã Phùng Giáo	250
18.3	Đoạn từ nhà ông Phiên bến Liếu đến nhà ông Chí cầu nan thôn Vân Thịnh	300
18.4	Đoạn từ nhà ông Chí cầu nan thôn Vân Thịnh đến giáp xã Cao Ngọc	250
18.5	Đoạn từ ngã 3 làng Tráng đi làng Mết, làng Rẽ đến đất làng Chầm, xã Phùng Giáo	200
18.6	Đoạn từ cầu Liếu đi nhà ông San thôn Đắm Vân Giang	300
18.7	Đoạn Từ cầu nan đến ngã 3 đi làng giỏi Thượng	250
18.8	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150

19	**XÃ PHÙNG GIÁO**	
19.1	Đoạn từ nhà ông Sửu Làng Lương Bình Nguyệt ấn qua UBND xã đến nhà ông Đinh làng Chầm	300
19.2	Đoạn từ nhà ông Đinh qua Đập Làng Chầm đến Ngã 3 làng Lau	200
19.3	Đường từ suối nhà ông Phụng đi làng Tráng Vân Am	200
19.4	Đoạn từ ngã 3 Chợ Bằng đi làng Bằng qua làng Hợp Thành đến nhà ông Phong đội 3 cũ	200
19.6	Đoaạn từ ông Phong Đội 3 đến làng Lương Bình xã Nguyệt ấn	200
19.7	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
20	**XÃ PHÙNG MINH**	
20.1	Trung tâm xã đến Ngã 3 đi xã Phúc Thịnh	300
20.2	Đoạn từ nhà bà Hạnh (trung tâm xã) đi thôn Lương Bình xã Nguyệt Ấn	300
20.3	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
21	**XÃ NGUYỆT ẤN**	
21.1	Đoạn từ nhà ông Làn (liên cơ 1) đến nhà anh Tình làng Ươu	1.200
21.2	Đoạn từ nhà anh Tình Làng ươu đến Kho phân Thanh Luật	1.100
21.3	Đoạn từ kho Phân thanh Luật đến Chân đập đồng tiến	1.000
21.5	Đoạn từ nhà Chị Lan làng Xăm đến Nhà anh Toàn làng Mới	300
21.6	Đoạn từ Nhà anh Toàn làng Mới đến Nhà bà Độ làng Mới	250
21.7	Đoạn từ Nhà bà Độ làng Mới đến Nhà anh Toàn làng Xăm	300
21.9	Đoạn từ Nhà anh Lịch làng Mời đến Nhà anh Đồng Bảng Lãng	250
21.10	Đoạn từ Nhà anh Đồng Bảng Lãng đến Nhà ông Nhạc đội Bốn	300
21.11	Đoạn từ Nhà ông Nhạc đội Bốn đến Nhà anh Phước đội Bốn	450
21.12	Đoạn từ Nhà anh Phước Đội 4 đến Nhà ông Quân Bảng Lãng	300
21.13	Đoan từ Nhà ông Quân Bảng Lãng đến giáp đất xã Phùng Giáo	200
21.14	Đoạn từ ngã 3 Đội 4 đến Nhà ông Tược (Ao Đội 4)	450
21.15	Đoạn từ nhà Ông Tược (Ao Đội 4) đến Nhà Ông Sang (Đội 4)	400
21.16	Đoạn từ giáp đất Nông trường S. Âm đến Suối Pheo	300
21.17	Đoạn từ trạm điện làng mót đến hết nhà ông sáng làng Mót	200
21.18	Đoạn từ Suối Pheo đến Nhà Ông Khoa, Ông Văn (L. Pheo)	200
21.19	Đoạn từ nhà Ông Văn (L. Pheo) đến Nhà Ông Vân (L. Pheo)	200
21.20	Đoạn từ nhà Ông Vân (L. Pheo) đến Nhà Ông Thăng (L. Pheo)	200
21.21	Đoạn từ nhà Ông Thăng (L. Pheo) đến Nhà Ông Toán (Môn Tía)	300
21.22	Nhà Ông Toán (Môn Tía) đến Nhà Ông Tâm	350
21.23	Đoạn nhà Ông Tâm đến Nhà Ông Dụng	250
21.24	Đoạn Nhà Ông Dụng đến Kiên Thọ	250
21.25	Đoạn từ Trạm điện đến Hết sân vận động Sông Âm	650
21.26	Đoạn từ hết sân vận động đến Chân dốc Cơ giới (Anh Dương)	400
21.27	Chân dốc Cơ giới (Anh Dương) đến hết nghĩa trang Nông Trường	250
21.28	Các ngõ ngách thuộc các thôn trong xã có mặt cát ngõ từ 3 đến 5m trở lên	200
21.29	Đầu bãi Gò Đống (Đồng keo) đến hết nhà Ông Phượng (Đồng Cạn)	250
21.30	Các đường làng thôn Liên Cơ 1, Liên Cơ 2, Liên Cơ 3	350
21.31	Đoạn từ ngã 3 nhà SHCĐ làng Đồng Keo (cũ) đến đất làng Quên xã Phúc Thịnh	250

21.32	Đoạn từ ngã 3 nhà SHCĐ làng Đồng Keo (cũ) đến nhà bà Hằng Làng Bào xã Phúc Thịnh	350
21.33	Đoạn từ ngã 3 nhà SHCĐ làng Đồng Keo (cũ) đến nghĩa Địa Liên Cơ 1,2,3.	200
21.34	Đoạn từ cổng Làng Ươu đến cổng Làng Mót.	350
21.35	Đoạn từ cổng Làng Mót đến giáp ngã 3 đường nhựa NT3.	400
21.36	Đoạn từ ngã 3 đường nhựa ông Chính làng mới(cũ) đến giếng cổ Làng Rềnh	300
21.37	Đoạn từ cổng làng Mới (cũ) đến nhà ông Trường làng Mới	250
21.38	Đoạn từ nhà ông Trường làng Mới đến nhà ông Lưu làng Bứa xã Phùng Giáo.	200
21.39	Đoạn từ nhà ông Xích làng Môn Tía đến giáp đất làng Hoán Ngang xã Minh Tiến.	250
21.40	Đoạn từ ngã 3 Trường Mầm non khu lẽ làng Pheo đến Hồ Pheo	250
21.41	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150
22	**XÃ PHÚC THỊNH**	
22.1	Từ ngã ba Cò Mót đến Thọ phú xã Kiên Thọ	200
22.2	Từ ngã ba Làng Quên đến ông Dũng Làng Trạc	200
22.3	Từ ông Dũng Làng Trạc đến ông Khôi Làng Trạc	200
22.4	Từ ông Khôi Làng Trạc đến giáp đất xã Nguyệt Ấn	200
22.5	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến ngã ba làng Sòng	350
22.6	Từ ông Hoả Làng Bái đến ông Vĩnh Làng Bái	250
22.7	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến ông Giới	400
22.8	Đoạn từ ông Giới đến ông Tuân làng Bào	250
22.9	Từ Ông Hiền Làng Bào đến Ông Trọng Làng Bào	200
22.10	Từ Ông Trọng Làng Bào đến giáp đất xã Kiên Thọ	250
22.11	Từ nhà ông Thanh Làng Bái đến suối Cồn	200
22.12	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã đến ngã ba làng Cò Mót	400
22.13	Đoạn từ ngã ba Làng Sòng đến nhà ông Vĩnh Làng Bái	250
22.14	Đoạn từ nhà ông Từ Làng Quên đến nhà Ông Dũng làng Trạc	200
22.15	Đoạn từ nhà ông Biên Làng Trạc đến giáp đất xã Phùng Minh	200
22.16	Đoạn từ nhà Ông Tuân Làng Bào đến nhà Ông Hiền Làng Bào	200
22.17	Đường nhánh, ngõ, ngách, trong xã	150

20. HUYỆN NHƯ THANH

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
A	**TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 45**	
1	***Địa phận thị trấn Bến Sung***	
1.1	Dọc hai bên đường từ giáp xã Vạn Thắng-Nông Cống đến hạt Kiểm Lâm	4.000
1.2	Dọc hai bên đường từ nhà bà Yến Thọ (nhà Bình Thìn) đến Ngân Hàng Nông nghiệp (Cửa hàng Thương Mại Miền Núi)	5.000
1.3	Dọc hai bên đường từ đất nhà bà Nhung Khánh (thửa 187), đất ông Vàn (thửa 133) đến giáp nhà bà Lan (Nam)	7.000
1.4	Dọc hai bên tuyến đường từ đất nhà bà Lan (Nam) đến hết đất nhà nghỉ Bạch Lim.	10.000
1.5	Dọc hai bên tuyến đường từ nhà ông Sắc (ông Hiền bà Hằng) đến giáp đất xã Hải Long (hết đất thị trấn)	7.000
2	***Địa phận xã Hải Long***	
2.1	Dọc hai bên đường từ giáp TT Bến Sung đến giáp cầu Đá Phai, thôn Vĩnh Lợi	3.000
2.2	Dọc 2 bên đường QL 45 từ nhà ông Đăng, bà Nhấn thôn Vĩnh lợi đến hết đất ông Quách Minh Đức	1.500
2.3	Dọc 2 bên đường QL45 từ hết đất ông Quách Minh Đức thôn Vĩnh lợi, đến giáp đất ông Nguyễn Danh Hùng thôn Hải Hòa	1.800
2.4	Dọc theo hai bên trục đường QL45 đoạn từ đất ở ông Nguyễn Danh Hùng đến tiếp giáp đất ông Trương Đình Thêm (Nguyễn Ngọc Định) thôn Hải Thanh	2.000
2.5	Đoạn từ đất ông Trương Đình Thêm (Nguyễn Ngọc Định) thôn Hải Thanh đến hết đất ông Nguyễn Đăng Vinh (thửa 470, tờ bản đồ số 08), ông Nguyễn Phú Lập (thửa 507, tờ bản đồ số 08)	2.500
2.6	Đoạn từ hết đất ông Nguyễn Đăng Vinh (thửa 470, tờ bản đồ số 08), ông Nguyễn Phú Lập (thửa 507, tờ bản đồ số 08) đến hết đất Hải Long	1.800
3	***Địa phận xã Xuân Khang***	
3.1	Từ hộ ông Hồ Công Đồng (thửa 22, tờ BĐ 39) đến hết đất ông Lê Kim Hiếu (thửa 43, tờ BĐ 34)	1.600
3.2	Từ ông Lê Kim Hiếu (thửa 43, tờ BĐ 34) đến suối Xuân Lộc (thửa 84, tờ 28)	800
3.3	Từ suối Xuân Lộc (Từ thửa 84, tờ BĐ 28) đến hết đất ông Thành Năng (thửa 251, tờ BĐ 20)	1.000
3.4	Từ giáp ông Thành năng (thửa 251, tờ BĐ 20) đến hết đất ông Lũy (thửa 20, tờ BĐ 20)	1.800
3.5	Từ ông Lũy (thửa 20, tờ BĐ 20) đến hết đất ông Cao Viết Thắng (thửa 279, tờ BĐ16)	700
3.6	Từ giáp đất ông Cao Viết Thắng (thửa 279, tờ BĐ 16) đến hết đất ông Kỳ (thửa 160, tờ BĐ 16)	600
3.7	Từ giáp đất ông Kỳ (thửa 160, tờ BĐ 16) đến đường rẽ vào khu Lóc Bó	500

3.8	Từ đường rẽ vào khu Lóc Bóc đến đường rẽ vào khu Ao Trời	450
3.9	Từ đường rẽ vào khu Ao Trời đến hết đất Xuân Khang	400
B	**TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH LỘ 514**	
4	***Địa phận xã Cán Khê***	
4.1	Từ giáp cầu Bồng Sa (giáp Triệu Sơn) đến đất nhà ông Nhu thôn 10	600
4.2	Từ giáp đất ông Nhu đến đất ông Quyến thôn 10	600
4.3	Từ đất ông Hoa đến đất bà Vinh thôn 10	1.000
4.4	Từ nhà bà Vuông (thôn 7) đến ông Thông (thôn 7)	1.500
4.5	Từ Trạm kiểm lâm đến Trạm y tế xã	2.500
4.6	Từ nhà ông Như (thôn 3) đến cầu 15 (thôn 3)	1.500
4.7	Từ nhà ông Lập đến nhà ông Dậu thôn 2	800
4.8	Từ nhà bà Kim (thôn 3) đến nhà ông Cự	500
5	***Địa phận xã Xuân Thọ***	
5.1	Từ giáp đất Cán Khê đến nhà ông Tuân (bản Đông)	500
5.2	Từ giáp nhà ông Tuân (bản Đông) đến nhà ông Luân (bản Mó 2)-Xuân Thọ	700
5.3	Từ giáp đất nhà ông Luân (bản Mó 2) lên đến đỉnh dốc Mó (thôn Mó 1)-Xuân Thọ điểm tiếp giáp Như Xuân	450
C	**TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH LỘ 505**	
6	***Địa phận xã Thanh Tân***	
6.1	Dọc 2 bên tuyến đường từ đất Thanh Tân (hộ ông Tiến) đến hộ ông Khuyến (thôn Đồng Lấm)-Thanh Tân	450
6.2	Dọc 2 bên tuyến đường từ tiếp giáp nhà ông Khuyến đến ngã ba, hộ ông Dũng (thôn Đồng Lấm)	600
6.3	Dọc 2 bên tuyến đường từ tiếp giáp hộ ông Dũng đến hộ ông Lệ (thôn Đồng Lấm)-Thanh Tân	800
6.4	Dọc 2 bên tuyến đường từ tiếp giáp hộ ông Lệ đến Bưu Điện 1, xã Thanh Tân	1.000
D	**Tỉnh Lộ 520**	
7	***Địa phận xã Xuân Du***	
7.1	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp Triệu Thành (Triệu Sơn) đi Ngã ba Kiểm lâm đến hết đất Xuân Du	450
8	***Địa phận xã Phượng Nghi***	
8.1	Dọc hai bên đường từ đất hộ ông Đỗ Xuân Ngọc (thửa 02, tờ 03 bản đồ địa chính xã Phượng Nghi) đến đất hộ ông Bùi Văn Thu, thôn Đồng Tâm	1.000
8.2	Dọc hai bên đường từ giáp đất nhà ông Bùi Văn Thu thôn Đồng Tâm, đến giáp Cầu tràn Bái Đa 1	1.800
8.3	Dọc hai bên đường từ giáp nhà ông Trương Công Vịnh thôn Bái Đa I đến nhà ông Lê Hữu Học thôn Bái Đa II	1.000
9	***Địa phận xã Mậu Lâm***	
9.1	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp xã Phượng Nghi đến đất hộ ông Bắc thôn Đồng Nghiêm	700
9.2	Từ giáp đất hộ ông Bắc đến nhà ông Năm thôn Đồng Nghiêm	900
9.3	Từ giáp đất hộ ông Năm thôn Đồng Nghiêm đến đất hộ Bà Hứa thôn Bái Gạo 2	2.000

9.4	Đoạn từ giáp nhà bà Hứa thôn Bái Gạo 2 đến nhà ông Tha thôn Bái Gạo 1	1.500
9.5	Đoạn từ giáp nhà ông Tha thôn Bái Gạo 1 đến nhà ông Trọng, thôn Hợp Tiến	800
9.6	Từ giáp nhà ông Trọng đến Trường tiểu học Mậu Lâm 1	1.000
9.7	Đoạn giáp Trường tiểu học thôn Đồng Yên đến dốc Gắm (hết đất Mậu Lâm)	1.200
10	***Địa phận xã Hải Long***	
10.1	Dọc hai bên tuyến đường từ đỉnh dốc Eo Gắm đến đất hộ ông Quyền (Đinh Văn Công) thôn Vĩnh Lợi	700
10.2	Dọc hai tuyến đường từ giáp đất hộ ông Quyền đến hết đất hộ ông Trương Công Nòng	1.800
11	***Địa phận xã Hải Vân (cũ)***	
11.1	Từ tiếp giáp thị trấn Bến Sung đến phía Bắc cầu Xuân Sơn (thửa 225, tờ bản đồ số 6 đến thửa 202, tờ bản đồ số 10)	5.000
11.2	Từ phía Nam cầu Xuân Sơn đến nhà trẻ kho K826	3.000
11.3	Từ giáp nhà trẻ kho K826 đến giáp đường vào Hang Lò cao Kháng chiến	2.000
11.4	Từ đường vào Hang Lò cao Kháng chiến đến hết nhà ông Ngơi	2.500
11.5	Dọc hai bên theo trục đường từ nhà ông Thắng Hợp (ngã ba Vân Thành) đến hết đất Hải Vân (cũ)	1.000
12	***Địa phận xã Xuân Phúc***	
12.1	Đoạn từ giáp đất xã Hải Vân đến ngã ba thôn 6	400
12.2	Đoạn từ giáp ngã ba thôn 6 (chợ Xuân Phúc) đến hộ ông Quách Phúc Định	1.500
12.3	Đoạn từ cầu tràn đến nhà bà Thẩn	600
12.4	Đoạn từ giáp nhà bà Thẩn đến hết Trường Mầm non	1.500
12.5	Đoạn từ giáp Trường Mầm non đến ngã ba vào thôn 2	600
12.6	Đoạn từ nhà bà Thanh, ông Nghĩa đến đỉnh dốc Eo Điếm (giáp xã Phúc Đường)	400
13	***Địa phận xã Phúc Đường***	
13.1	Từ giáp Xuân Phúc đến nhà giáp bà Huệ	300
13.2	Từ nhà bà Huệ thôn 7 đến nhà bà Đào thôn 7	500
13.3	Từ đất Trường THCS Phúc Đường đến nhà ông Oanh thôn 3	1.200
13.4	Từ nhà ông Hà thôn 3 đến nhà ông Sự Nghiêm thôn 5 (giáp xã Thanh Tân)	600
14	***Địa phận xã Thanh Tân***	
14.1	Dọc hai bên tuyến đường từ ngã ba hộ ông Cầu (thôn Đồng Lấm) đi Yên Lạc đến hộ bà Lô Thị Tuyết	500
14.2	Dọc hai bên tuyến đường từ tiếp giáp hộ bà Lô Thị Tuyết (thôn Đồng Lấm) đến hộ ông Lê Văn Thép thôn Tân Mỹ	500
14.3	Dọc hai bên đường ngã ba hộ ông Thép thôn Tân Mỹ đến hộ ông Lò Văn Tam thôn Tân Mỹ	250
E	**TỈNH LỘ 520C**	
15	***Địa phận xã Xuân Khang (từ Quốc lộ 45 đi xã Tân Bình huyện Như Xuân)***	

15.1	Từ ngã ba Đồng Hơn (Từ thửa 195, 196 tờ BĐ 20), đến tràn Chân Lèn (Thửa 328, 331 tờ BĐ 20)	1000
15.2	Từ giáp tràn Chân Lèn (Thửa 328, 331 tờ BĐ 20) đến tràn Cây Bi (Thửa 8, 11, tờ BĐ 24)	800
15.3	Từ giáp tràn Cây Bi đến giáp xã Tân Bình	500
F	**TỈNH LỘ 529**	
16	***Địa phận xã Thanh Tân***	
16.1	Dọc hai bên tuyến đường từ hộ ông Đào Xuân Giao (thôn Tân Thành) đi Bò Lăn đến hộ ông Toàn (Trung Tiến)	300
16.2	Dọc hai bên tuyến đường từ tiếp giáp hộ ông Toàn (thôn Trung Tiến) đến hết Bò Lăn	180
G	**Tuyến đường nối đường ngang Hồ Chí Minh (Đường Nghi Sơn - Bãi Trành)**	
17	***Địa phận xã Thanh Kỳ***	
17.1	Từ giáp đất Tĩnh Gia đến đường vào mỏ quặng (Bái Sim)	700
17.2	Từ giáp đường vào mỏ quặng (Bái Sim) đến giáp cây xăng Long Giang	800
17.3	Từ cây xăng Long Giang đến nhà ông Thông	1.800
17.4	Từ giáp đất ông Thông đến cầu Thanh Chung	800
17.5	Từ nhà ông Cương (bà Lâm) đến hết đất Thanh Kỳ	550
18	***Địa phận xã Thanh Tân***	
18.1	Dọc 2 bên tuyến đường từ giáp đầu cầu Thanh Kỳ đến Trạm công an huyện	1.000
18.2	Dọc 2 bên tuyến đường từ tiếp giáp Trạm công an huyện đến hộ ông Phạm Bá Vinh (thôn Tân Tiến)- Thanh Tân	2.000
18.3	Dọc 2 bên tuyến đường từ tiếp giáp từ hộ ông Phạm Bá Vinh đến hộ bà Nghiệp (thôn Tân Tiến)-Thanh Tân	800
18.4	Tiếp giáp từ hộ bà Nghiệp đến hộ ông Lê Đăng Tiến (thôn Tân Tiến)	600
18.5	Từ tiếp giáp hộ ông Lê Đăng Tiến (thôn Tân Tiến) đi Bãi Trành đến hộ ông Hà Văn Huy (thôn Tân Quang)	400
18.6	Từ giáp hộ ông Hà Văn Huy đến hết địa phận xã Thanh Tân	300
19	***Địa phận xã Xuân Thái***	
19.1	Từ giáp ranh giới xã Thanh Tân (huyện Như Thanh) đến giáp ranh giới xã Xuân Bình (huyện Như Xuân)	250
H	**Tuyến Đường nối hai Cảng Thọ Xuân - Nghi Sơn**	
20	***Địa phận xã Xuân Du***	
20.1	Dọc hai bên đường từ đất nhà ông Đang thôn 13 đến hết đất nhà ông Tụ thôn 10	1200
II	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
21	**THỊ TRẤN BẾN SUNG**	
21.1	**Dọc 2 bên đường từ ngã ba đi vườn QG Bến En và vào chợ Bến Sung**	
21.1.1	1.Từ ngã tư đi đến Trụ sở Điện lực tiếp giáp ranh giới xã Hải Vân (cũ)	6.500
21.1.2	2.Từ ngã tư vòng xuyến đi vào chợ Bến Sung	10.000

21.1.3	Từ ngã ba đi Bến En (đất ông Long) đi qua cổng chợ đến hết đất ông Ngọc (Công ty 172).	7.000
21.2	**Xung quanh chợ mới thị trấn Bến Sung**	
21.2.1	Dọc hai bên các tuyến đường phía Tây chợ Bến Sung	4.000
21.2.2	Dọc hai bên các tuyến đường phía Đông chợ Bến Sung	3.500
21.2.3	Dọc hai bên các tuyến đường phía sau (phía Nam) chợ Bến Sung	3.000
21.2.4	Lô đất giáp Công viên cây xanh khu TTTM quay mặt vào đền Phủ Sung	4.000
21.2.5	Hai bên tuyến đường từ tiếp giáp đất ông Ngọc đi sau lưng UBND thị trấn Bến Sung đến ngã tư vào Trường tiểu học thị trấn.	4.000
21.3	**Dọc 2 bên đường tuyến Kho bạc đi xã Phú Nhuận**	
21.3.1	Từ Kho bạc đến cống khu phố Hải Ninh	4.000
21.3.2	Từ nhà a Sỹ (ông Tuyết) đến cống khu phố Hải Tiến (khu hồ cá)	3.500
21.3.3	Từ nhà ông Thành đến hết đất thị trấn giáp xã Phú Nhuận	2.000
21.4	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc khu phố Xuân Điền (Trừ QL45)**	
21.4.1	Từ tiếp giáp đất ông Đường Vinh vào giáp thôn Yên Trung	1.200
21.4.2	Từ tiếp giáp đất ông Phượng Đằng đến đất ông Hoà Thuý (Đường bê tông)	1.200
21.4.3	Từ ngã ba giáp đất ông Tân đến Ngã ba trạm điện	700
21.4.4	Từ tiếp giáp đất ông Thắng Tình vào khu cầu bê tông qua sông Nông Giang	600
21.4.5	Từ tiếp giáp đất ông Hiền Dung vào khu đất 2 hộ ông Luân, ông Thành	600
21.4.6	Từ tiếp giáp đất ông Hòa Thúy đến đất hộ ông Dũng; Từ tiếp giáp đất hộ ông Côi đi đến đất hộ ông Mùi; Từ tiếp giáp trạm điện đến đất ông Thành Ái	600
21.4.7	Từ đất bà Sen đến giáp sông Nông Giang (cổng kho CK1)	1.000
21.4.8	Giáp đất ông Đệ đến hết đất ông Ngần	600
21.4.9	Tiếp giáp đất ông Lực Lương đến hết đất bà Hằng	800
21.4.10	Tiếp giáp đất ông Hiếu đất đất bà Châm	800
21.4.11	Tiếp giáp đất bà Bính đến đất ông Đức	600
21.4.12	Giáp đất bà Quản đến đất hộ bà Thanh	800
21.5	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc khu phố 4 (Trừ QL45)**	
21.5.1	Từ tiếp giáp đất ông Như Xuân vào đến đất ông Dũng Nhuần	600
21.5.2	Từ tiếp giáp đất bà Nụ Đệ đến cầu máng bắc	800
21.5.3	Từ tiếp giáp đất ông Thọ đến hết trục đường chính giáp sông Khe Rồng; giáp đất Nhà văn hóa khu phố 4 đến hết đất ông Du, đất ông Trường và đất bà Xuân.	800
21.5.4	Từ tiếp giáp đất ông Cấu Xoan đến giáp sông Nông Giang	800
21.5.5	Từ tiếp giáp đất bà Chế, ông Bình (theo đường bờ kênh) đến hết đất bà Chọn.	700
21.5.6	Từ tiếp giáp đất bà Thanh Quang đến hết đất ông Vân, ông Tân (phía sau Chợ cũ).	700

21.5.7	Từ tiếp giáp đất ông Thạo Nhàn vào hết đất ông Hợp,bà Hường (Khu tập thể ngân hàng cũ)	800
21.5.8	Từ cầu Lâm Trường đến hết đất hộ ông Huynh; Từ giáp đất ông Long đến hết đất bà Nga.	400
21.5.9	Từ giáp trục đường Quốc lộ 45 vào hết đất ông Khánh và từ giáp trục đường Quốc lộ 45 vào hết đất Bà Hải;	800
21.5.10	Giáp đất ông Bình, bà Nụ đi vào hết đất bà Duyên và vào đến hết đất ông Sáng.	900
21.5.11	Từ giáp đất bà Kiều theo đường bờ kênh đến hết đất ông Hoạt và đất bà Thúy.	700
21.6	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc khu phố 2 (Trừ QL45):**	
21.6.1	Từ đất Nhà văn hoá khu phố 2 đến hết đất ông Trung Thanh	800
21.6.2	Từ tiếp giáp đất ông Nhị đến hết đất Đài phát thanh - Truyền hình huyện	1.200
21.6.3	Từ tiếp giáp đất ông Thạch đến hết đất ông Công	800
21.6.4	Từ tiếp giáp đất ông Thạch đến hết đất ông Phong Thi	800
21.6.5	Từ tiếp giáp đất bà Lan, bà Lênh đến hết đất ông Hùng và ông Hưng;	900
21.6.6	Từ tiếp giáp đất ông Công đến hết đất ông Tân	600
21.6.7	Từ giáp đất bà Hồng, ông Tuấn đến giáp đất ông Hùng, ông Hưng; từ giáp đất ông Tú, ông Dương vào đến hết đất ông Ngọc; từ giáp đất bà Yến đến hết đất ông Thu; phía sau nhà văn hóa khu phố 2 từ đất bà Dung đến Hết đất ông Khoái; từ giáp đất ông Chung đến hết đất ông Dũng, bà Hiệp; Từ giáp đất ông Bình, ông Thái đến giáp đất ông Phong Thi; từ giáp đất ông Chương, ông Doanh đến hết đất ông Dương Vân; từ giáp đất ông Phong đến hết đất ông Trình, bà Hương;	600
21.7	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc khu phố 1 (Trừ QL45):**	
21.7.1	Từ tiếp giáp đất ông Ngọ đến hết đất ông Nam	1.200
21.7.2	Từ tiếp giáp đất ông Thính, đất bà Ái đến hết đất Trường Tiểu học thị trấn	3.000
21.7.3	Từ tiếp giáp ngã tư đi Trường Tiểu học thị trấn đến hết đất bà Tần.	2.000
21.7.4	Từ tiếp giáp cây xăng thương mại đến hết đất ông Dũng, ông Vinh.	2.500
21.7.5	Từ giáp đất ông Dũng vào giáp đất thôn Cầu Máng xã Hải Vân.	1.000
21.7.6	Từ tiếp giáp đất bà Vượng đến đất ông Sỹ (giáp cầu Châu).	2.000
21.7.7	Giáp đất ông Thịnh đến hết đất ông Xinh và bà Thu	500
21.8	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc khu phố 3 (Trừ QL45)**	
21.8.1	Từ tiếp giáp đất ông Hùng Châu đến hết đất ông Thơm và đường đi vào hết đất ông Tỵ;	1.500
21.8.2	Từ tiếp giáp đất ông Thìn Quy đến hết đất ông Thắng Hà	1.500
21.8.3	Từ tiếp giáp đất ông Thắng Hà đến cầu Châu khu nhà tập thể Bệnh viện c	600
21.8.4	Từ tiếp giáp đất ông Thông đến hết đất ông Hải Vượng	1.200
21.8.5	Từ tiếp giáp đất ông Tuấn Dung vào đường nối hai Đền	2.500
21.8.6	Từ tiếp giáp đất ông Chinh Nhủ (nhà ông Trung) vào cổng Trường PTTH Nhu Thanh	3.000
21.8.7	Từ tiếp giáp đất ông Huân Tính vào hết đất ông Chính Mùi	1.000
21.8.8	Từ tiếp giáp đất ông Tháp Dung vào hết đất ông Thực	1.200

21.8.9	Từ tiếp giáp đất ông Dùng đến hết đất bà Thước, bà Thu.	1.500
21.8.10	Từ tiếp giáp đất ông Nhân đến đường nối hai Đền	4.000
21.8.11	Dọc tuyến đường bê tông nối hai Đền đoạn từ Đền Khe Rồng đến Trường PTTH Như Thanh	2.000
21.8.12	Dọc tuyến đường nối hai Đền đoạn từ đất Trường THCS thị trấn đến giáp đất Trường Mần non NoBen	2.500
21.8.13	Từ giáp đất bà Tụ đến hết đất ông Sơn; Từ giáp đất ông Trung đến hết đất ông Hùng; giáp đất ông Thanh vào hết đất bà Nhật.	800
21.9	**Dọc 2 bên các tuyến đường chính thuộc KP Vĩnh Long 1-Vĩnh Long 2 (Trừ QL45):**	
21.9.1	Từ UBND huyện đến khu Tượng đài quay ra đến giáp đất ông Dũng.	3.000
21.9.2	Từ tiếp giáp đất công an huyện đến hết đất Nhà văn hoá khu phố Vĩnh Long 1	2.000
21.9.3	Từ đất ông Dũng Bình (Phía Nam) đến cổng đền Khe Rồng	3.000
21.9.4	Từ nhà ông Oanh Thanh vào hết đất ông Bồng Châu, ông Dũng Được.	2.000
21.9.5	Từ tiếp giáp đất ông Hùng Tụ đến đất ông Thụ quay ra đến tiếp giáp đất ông Ân	2.500
21.9.6	Từ tiếp giáp đất nhà nghỉ Thanh Xuân đến hết đất ông Long;	1.000
21.9.7	Từ tiếp giáp đất ông Bồng Châu đến hết đất bà Dung;	800
21.9.8	Từ đất ông Dũng Được đến hết đất ông Thành giáp đất xã Hải Long.	1.000
21.9.9	Từ tiếp giáp đất ông Hiền, bà Thủy đến hết đất ông Xuân.	600
21.9.10	Từ giáp đất ông Long đến giáp đất ông Kiền và đất ông Phúc; Từ tiếp giáp đất ông Tuấn đến hết đất hộ bà Tuyên, ông Triều.	600
21.9.11	Từ giáp đất bà Hoa đến hết đất bà Thi; Từ giáp đất ông Thưởng, ông Hợi đến hết đất ông Thanh và ông Hoành; Từ đất ông Hiền bà Thúy đến hết đất ông Bình, ông Huy;	800
21.9.12	Từ giáp đất ông Thụ đến giáp đất nghĩa trang Vĩnh Long;	1.200
21.10	**Dọc 2 bên các tuyến đường thuộc khu phố Hải Ninh - Hải Tiến**	
21.10.1	Từ giáp đất ông Chuyên (Khu BHXH huyện) vào hết đất bà Hiền Bài	1.000
21.10.2	Các đoạn đường: Từ tiếp giáp nhà ông Tuyết đến hết đất ông Lâm; Từ tiếp giáp đất ông Quý, bà Duyên đến hết đất ông Bản; Từ tiếp giáp đất ông Viên đến hết đất ông Đàm; Từ tiếp giáp đất ông Tuy đến hết đất ông Trị; Từ tiếp giáp đất ông Hùng đến hết đất ông Vui; từ tiếp giáp đất ông Quyến đến hết đất ông Thạch; Từ tiếp giáp đất ông Đồng đến hết đất ông Tuấn; Từ tiếp giáp đất ông Thắng đến hết đất ông Thắm.	500
21.10.3	Giáp đất hộ ông Lâm đến nhà ông Như; giáp đất hộ ông Dũng đến nhà ông Bình; Giáp đất hộ ông Sáng đến hết đất bà Chung; Giáp đất ông Tới đến đất bà Sử; Từ đất ông Huy đến đất bà Thuộc; Giáp đất ông Dương đến đất ông Thoan; từ giáp đất ngã ba ông Thường đến hết đất ông Đảm Sự, ngõ sang nhà ông Hồng; từ giáp đất bà Hường đến đất ông Quý; từ giáp đất ông Tân Long đến hết đất bà Kỳ; từ giáp đất bà Sinh đến hết đất ông Thanh Văn;	500
21.10.4	Từ giáp ngã ba đường liên xã đi Phú Nhuận đến Cầu Đồng Bưu	1.000
21.10.5	Từ giáp ngã ba đường liên xã đi Phú Nhuận đến hết đất bãi rác thị trấn	800

21.11	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
21.11.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	500
21.11.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	400
21.11.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	300
22	**XÃ HẢI VÂN (nay là thị trấn Bến Sung)**	
22.1	**Đường tránh Tỉnh lộ 520**	
22.1.1	Từ nhà bà Tĩnh đến giáp đất nhà ông Thiều	1.300
22.1.2	Từ đất nhà ông Thiều đến giáp đất nhà ông Lâm	1.000
22.2	**Dọc hai bên tuyến đường từ ngã ba Vân Thanh đi Bến En**	
22.2.1	Từ giáp nhà ông Ngơi (thửa 55, tờ bản đồ số 39) thôn Vân Thành đến đỉnh dốc Yên Ngựa	800
22.2.2	Từ giáp đỉnh dốc Yên Ngựa đến hết Bến En	1.000
22.3	**Dọc 2 bên tuyến đường liên xã, liên thôn**	
22.3.1	Dọc hai bên tuyến đường từ nhà Bà Cát đến Trung tâm y tế dự phòng	4.000
22.3.2	Dọc hai bên trục đường từ Trung Tâm Chính trị đến giáp đất nhà bà Hợp (thôn Kim Sơn)	2.000
22.3.3	Dọc 2 bên đường từ nhà ông Tá đến nhà ông Trung thôn Kim sơn	800
22.3.4	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Trần Tiến Hưng đến Trạm khí tượng Như Xuân thuộc thôn Kim Sơn	3.000
22.3.5	Dọc hai bên trục đường từ giáp đất Trạm khí tượng đến ngã ba Sải Vàng (nhà ông Ngọ, ông Hùng (thôn Kim Sơn)	2.000
22.3.6	Dọc hai bên theo trục đường từ hội trường thôn Kim Sơn đến hết đất ông Lê Đình Thắng	400
22.3.7	Dọc 2 bên đường Từ hết ngã ba cầu Sải Vàng đến hết đất, Phạm Thị Toan thôn Kim Sơn	600
22.3.8	Từ nhà ông Nghị đến nhà ông Thành thôn Kim sơn	400
22.3.9	Dọc 2 bên đường từ nhà ông Nam đến giáp sông Mực thôn Kim sơn	500
22.3.10	Dọc 2 bên đường sông Nông Giang từ hồ sông Mực đến Trạm bơm thủy nông	250
22.3.11	Dọc hai bên theo trục đường từ nhà giáp hết đất ông Thịnh đến hết đất ông Hùng Hồng thôn Xuân Phong	1.200
22.3.12	Toàn bộ khu (Bách Hoá cũ) phía sau đền Phủ Sung	500
22.3.13	Dọc hai bên theo trục đường từ hết đất Trạm y tế xã đến nhà ông Phú L	800
22.3.14	Dọc 2 bên đường từ tràn Đồng Mười đến giáp xã Yên Thọ	600
22.3.15	Dọc 2 bên đường từ Nhà văn hóa thôn Đồng Mười đến hết đất Nguyễn Viết Hoan	400
22.3.16	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Tạ Duyên Minh, Nguyễn Quốc Hòa đến hết đất ông Nguyễn Viết Hoan thôn Đồng Mười	400
22.3.17	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Nguyễn Viết Chiến, Lê Văn Phong thôn Đồng Mười đến giáp đất nhà văn hóa thôn Cầu Máng	400
22.3.18	Dọc 2 bên sông Nông Giang từ hết đất ông Lê Quyết Tâm đến hết đất ông Lê Ngọc Hải (Cống Cầu Máng), thuộc thôn Cầu Máng	400
22.3.19	Từ hết Cống Cầu Máng đến hết đất bà Nguyễn Thị Lãm	200
22.3.20	Dọc 2 bên đường từ đất Lâm trường Như Xuân đến hết đất ông Lê Ngọc Hà thôn Cầu Máng	400

22.3.21	Dọc 2 bên đường từ đất bà Đỗ Thị Tọa đến hết đất ông Trần Phúc Mới thôn Cầu Máng	400
22.3.22	Dọc 2 bên đường từ đất ông Hoàng Ngọc Thinh, Hà Minh Ngọc (Cầu Máng) đến hết đất quy hoạch Công An huyện	600
22.3.23	Dọc 2 bên đường từ đất ông Hoàng Ngọc Lan đến hết đất ông Hà Văn Kỳ thôn Cầu Máng	400
22.3.24	Dọc 2 bên ngõ vào từ đất ông Ngô Văn Sáu đến hết đất ông Nguyễn Văn Dận thôn Xuân Lai	200
22.3.25	Dọc 2 bên ngõ vào từ hết đất ông Bùi Văn Xuyến vào đập Xuân Lai	200
22.3.26	Dọc 2 bên ngõ từ hết đất ông Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Phú đến hết đất ông Quách Văn Thịnh thôn Xuân Lai	250
22.3.27	Dọc 2 bên đường từ đất ông Lê Văn Thành vào hết khu Đồng Bèo thôn Xuân Lai	400
22.3.28	Từ đất nhà bà Thịnh đến đất nhà ông Bút, đến đất nhà ông Nguyễn Văn Loan thôn Cầu Máng	500
22.3.29	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn đến hết đất nhà ông Nguyễn Hữu Duẫn thôn Cầu Máng	300
22.3.30	Từ đất nhà ông Nguyễn Trọng Nga đến hết đất nhà ông Lê Văn Lợi thôn Vân Thành	500
22.3.31	Từ nhà ông Lê Văn Liên đến hết đất nhà ông Lê Chung Chính thôn Vân Thành	700
22.3.32	Đường vào hang Lò Cao kháng chiến thôn Đồi Dẻ	1.500
22.3.33	Toàn bộ lô 2 phía Đông nhà trẻ K826 thôn Đồi Dẻ	1.200
22.3.34	Từ đất nhà ông Lê Thế Phới đến hết đất nhà bà Lê Thị Hoà, đến đất nhà ông Vũ Ngọc Minh thôn Đồi Dẻ	700
22.3.35	Toàn bộ khu lô hai từ nhà ông Đinh văn Quảng, ông Lê Ngọc Hùng, đến hết đất nhà ông Đỗ Xuân Uý thôn Đồi Dẻ	800
22.3.36	Từ đất nhà ông Quách Văn Sinh đến hết đất nhà ông Nguyễn Tiến Trung thôn Đồi Dẻ	800
22.3.37	Từ nhà ông Hoàng Ngọc Dục đến hết đất nhà ông Hoàng Ngọc Đông thôn Đồng Mười	500
22.3.38	Từ nhà bà Lê Thị Quy đến hết đất nhà ông Nguyễn Viết Thiết. Từ nhà ông Nguyễn Xuân Thái đến hết đất nhà ông Nguyễn Tiến Vận thôn Đồng Mười	500
22.3.39	Từ đất nhà ông Nguyễn Tiến Nghĩa đến hết đất nhà ông Nguyễn Viết Bảo thôn Đồng Mười	300
22.3.40	Từ nhà ông Trịnh Thanh Văn đến hết đất nhà ông Tạ Văn Phương. Từ đất nhà ông Tạ Duyên Hùng đến hết đất nhà bà Lê Thị Quán thôn Đồng Mười	500
22.3.41	Từ nhà bà Lê Thị Toản đến nhà ông Vũ Thế Côi thôn Đồng Mười	300
22.3.42	Từ đất nhà ông Tạ Văn Hanh đến hết đất nhà ông Hoàng Ngọc Hà thôn Đồng Mười	400
22.3.43	Từ đất nhà ông Doãn Hồng Ngọc đến đất nhà ông Nguyễn Văn Tĩnh thôn Xuân Phong. Toàn bộ khu vực phía sau nhà bà Trương Thị Liên	800
22.3.44	Toàn bộ khu vực phía sau nhà bà Phan Thị Trí thôn Xuân Phong	500

22.3.45	Từ nhà ông Nguyễn Viết Cường thôn Kim Sơn đến giáp đất nhà ông Hùng Hồng thôn Xuân Phong	700
22.3.46	Từ đất nhà bà Lâm Thị Thanh Hương đến hết đất nhà ông Nguyễn Tinh Nhuệ, bà Trần Thị Lương	800
22.3.47	Từ đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chiến đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thiện thôn Kim Sơn	800
22.3.48	Từ đất nhà ông Quách Văn Chính đến hết đất nhà ông Lê Xuân Ky thôn Kim Sơn	700
22.3.49	Từ đất nhà bà Vũ Thị An đến đất nhà ông Phạm Tấn Minh, ông Nguyễn Xuân Tân, đến đất ông Nguyễn Phùng Long thôn Kim Sơn	700
22.3.50	Toàn bộ khu phía sau nhà ông Phạm Công Bằng, ông Nguyễn Huy Hoàng thôn Kim Sơn	500
22.3.51	Toàn bộ khu phía sau nhà ông Võ Nguyên Lạng, bà Khang thị Hiến	500
22.4	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
22.4.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	300
22.4.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2m đến dưới 3 m	250
22.4.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	200
23	**XÃ HẢI LONG**	
23.1	**Dọc hai bên tuyến đường Hải Long - Hải Vân - TT Bến Sung**	
23.1.1	Đoạn từ đất ông Lê Danh Duẩn (Lê Phú Học) đến hết đất ông Lê Phú Lương (Trần Xuân Ky)	1.500
23.1.2	Dọc 2 bên đường từ đất ông Trương Ngọc Dá (Trương Thị Oanh) đến cổng trào Đồng Hải (giáp đất xã Hải Vân)	2.000
23.1.3	Dọc hai bên đường từ đất ông Nguyễn Tiến Nên (thửa 159 tờ 20) đến giáp đất xã Hải Vân	1.300
23.1.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Hạnh (Nguyễn Hữu Vinh) thôn Đồng Long đến tiếp giáp thị trấn Bến Sung	800
23.2	**Tuyến đường thôn Hải Thanh - thôn Hải Tân - thôn Hải Xuân.**	
23.2.1	Dọc hai bên tuyến đường ngang từ QL 45 đi vào Nhà văn hoá thôn Hải Thanh đoạn từ hết đất hộ ông Nguyễn Văn Hùng đến hết đất Nhà văn hóa thôn Hải Thanh	800
23.2.2	Dọc hai bên đường đất ông Trương Xuân Cường (thôn Hải Thanh) đến hết đất Lê Danh Trung.	600
23.2.3	Dọc 2 bên đường từ đất ông Nguyễn Phú Biên đến giáp đất ông Trịnh Đình Dũng (Trương Ngọc Chi) và đến hết đất ông Lê Bá Trường	600
23.3	**Dọc hai bên tuyến đường thôn Hải Xuân - Khu tái định cư - Tân Long.**	
23.3.1	Từ đất ông Mai đến hết khu trại Hang, Bãi Trắng)	400
23.3.2	Dọc 2 bên đường từ Nhà văn hóa thôn Đồng Xuân qua khu dân cư thôn Đồng Xuân và thôn Đồng Lớn đến khe Nước Lạnh	300
23.4	**Dọc hai bên tuyến đường từ UBND xã - Thôn Cầu Đất.**	
23.4.1	Đoạn từ UBND xã Hải Long đến hết đất hộ ông Lường Khắc Tiện	500
23.5	**Tuyến đường vào cụm CN: Từ lô 2 đường Hải Long - Hải Vân - thị trấn Bến Sung vào hết Cụm công nghiệp Hải Long**	1500
23.6	**Thôn Vĩnh Lợi**	

23.6.1	Dọc 2 bên tuyến đường từ đất ông Hà Văn Lợi đến hết đất ông Đinh Văn Sử	600
23.6.2	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Đinh Văn Sử đến hết đất ông Lô Văn Tuấn, Lô Văn Hùng	300
23.6.3	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Lục Văn Thành đến đất ông Đinh Văn	600
23.6.4	Dọc 2 bên đường từ đất ông Lục Đại Cương đến giáp đất ông Lô Văn Điền	600
23.6.5	Dọc 2 bên đường đoạn từ ruộng lúa ông Lô Văn Đại đến hết đất ông Trương Văn Thủy	300
23.6.6	Dọc 2 bên đường từ hết đất ông Đinh Văn Chất theo 2 tuyến đến hết đất ông Lô Cao Sơn và ông Lục Văn Nhi	400
23.7	**Thôn Hải Hòa**	
23.7.1	Dọc 2 bên đường đoạn từ hết đất ông Lường Khắc Tiện đến hết đất ông Trương Ngọc Nam	300
23.8	**Thôn Đồng Hải**	
23.8.1	Dọc 2 bên đường đoạn từ đất ông Nguyễn Doãn Tùng đến hết đất bà Nguyễn Thị Hà	600
23.8.2	Dọc 2 bên đường đoạn từ đất ông Nguyễn Doãn Thới đến hết đất ông Nguyễn Viết Tường	400
23.8.3	Dọc 2 bên đường đoạn từ đất ông Lê Đình Đức đến hết đất ông Hoàng Ngọc Vinh và nối tiếp đến giáp đất ông Hoàng Ngọc Tuấn	800
23.8.4	Đoạn từ hết đất ông Hoàng Ngọc Vinh đến hết đất ông Nguyễn Ngọc Hoàng	500
23.9	**Các tuyến đường ngõ, ngách nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau**	
23.9.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3m trở lên	150
23.9.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 đến dưới 3m	120
23.9.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 trở xuống	100
24	**XÃ CÁN KHÊ**	
24.1	**Dọc hai bên tuyến đường nhựa Cán Khê đi Phượng Nghi: Đoạn qua thôn Đồng Bún**	
24.1.1	Từ đất ông Luyện (giáp đội thuế) đến đất ông Nhị thôn 7	1.000
24.1.2	Từ đất bà Vuông đến đất bà Hồng (thôn 7)	800
24.1.3	Từ đất ông Đồng đến NVH thôn 6	500
24.1.4	Từ nhà ông Trọng đến đất ông Thiệu (thôn 5)	400
24.1.5	Từ giáp đất hộ ông Thiệu đến Hang Dơi (hết đất Cán Khê)	300
24.2	**Dọc hai bên tuyến đường liên xã đi xã Hợp Lý-Triệu Sơn:**	
24.2.1	Từ giáp đất ông Thôn đến đất ông Văn	1.000
24.2.2	Từ đất bà Hồng đến đất bà Bình	600
24.2.3	Từ đất bà Bòng đến đất ông Tuấn (hết đất Cán Khê)	500
24.3	**Dọc hai bên các tuyến đường liên thôn:**	
24.3.1	Từ đất ông Đông đến đất ông Đường (thôn 2)	600
24.3.2	Từ giáp đất ông Đường đến NVH thôn 1	200
24.3.3	Từ đất bà Vân (thôn 2) đến nhà ông Vĩnh (thôn 8)	300
24.3.4	Từ giáp đất UBND xã đến đất ông Chiên (thôn 7)	800
24.3.5	Từ đất ông Chắc (thôn 7) đến đất NVH thôn 4	200

24.3.6	Từ đất bà Nhi đến đất ông Binh (thôn 3)	400
24.3.7	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp đất nhà ông Len đến tràn thôn 8	800
24.3.8	Đoạn từ nhà ông Khánh thôn 7 qua nhà ông Chiên đến sau Trường cấp 2	800
24.3.9	Đoạn đường khai hoang từ Trường Mầm non đến nhà ông Sơn Phương thôn 3	600
24.3.10	Đoạn từ nhà ông Hưng cổng Trường cấp 1 đến nhà ông Đức thôn 10	600
24.3.11	Đoạn từ nhà ông Khánh cành thôn 1 đến nhà bà Khang thôn 1	300
24.3.12	Đoạn đường từ tràn thôn 8 đến nhà ông Hương vững	400
24.3.13	Đoạn đường từ nhà ông Hùng đến NVH thôn 11	300
24.4	**Tại thôn 3:**	
24.4.1	Đoạn từ đất bà Sen đến đất bà Nguyệt.	250
24.4.2	Đoạn từ đất bà Nghĩa đến đất ông Hương.	250
24.4.3	Đoạn từ đất ông Khuy đến đất ông Từ.	200
24.5	**Tại thôn 7:**	
24.5.1	Đoạn từ đất ông Sự đến đất ông Thậu.	150
24.5.2	Đoạn từ đất Phòng đến đất ông Đảng.	150
24.6	**Tại thôn 10:**	
24.6.1	Đoạn từ đất ông Quân đến đất ông Mai.	250
24.6.2	Đoạn từ đất ông Nhu đến đất ông Phúc.	150
24.6.3	Đoạn từ đất bà Mão đến đất ông Hiền.	180
24.7	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
24.7.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	120
24.7.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	110
24.7.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
25	**XÃ XUÂN THỌ (nay là xã Cán Khê)**	
25.1	**Dọc hai bên các tuyến đường liên thôn :**	
25.1.1	Từ đất nhà ông Cường (giáo viên) đến đất nhà ông Thơ Hồng (bản Chanh)	250
25.1.2	Từ giáp đất Hội trường BQLRPH Sim đến nhà ông Lai (bản 5)	250
25.1.3	Từ giáp đất bà Tâm thôn 2 dọc theo đường cấp phối lên đến đất nhà ông Huê (bản 1).	300
25.1.4	Từ giáp ông Thơ bản Chanh đến ngã ba bản 6 (lối rẽ đi nhà ông Thành, ông Đản và đi sang Phượng Nghi)	200
25.2	**Dọc hai bên các tuyến đường nội thôn :**	
25.2.1	Tuyến đường mó Nội thôn Mó 2: Từ nhà ông Tình đến đất nhà bà Bông thôn Mó 2	180
25.2.2	Đường Ngọc Đông thôn Bản Đông: Từ đất nhà ông Thịnh vào nhà ông Đảm, bà Hiền thôn Bản Đông	180
25.2.3	Đường Mó 1: Từ nhà ông Sự đi vào giáp đất ông Uôn thôn Mó 1 và từ nhà ông Kích đi vào giáp đất ông Thỏa và đường rẽ ngang nhà ông Cần	180
25.2.4	Đường từ nhà ông Bình thôn Mó 2 đi sâu vào nhà ông Sự, ông Hùng thôn Mó 2	160

25.3	**Các tuyến đường ngõ, ngách nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau**	
25.3.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	130
25.3.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	110
25.3.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
26	**XÃ XUÂN DU**	
26.1	**Dọc 2 bên tuyến đường vào chùa Phủ Na: Đoạn từ nhà anh Minh sức đến hết đất anh Bảy thôn 5**	900
26.2	**Dọc hai bên tuyến đường từ giáp ngã ba Kiểm lâm đến hết thôn 9 đi Văn Sơn-Triệu Sơn**	
26.2.1	Từ giáp ngã ba Kiểm lâm đến đất ông Ngôn thôn 3	600
26.2.2	Từ giáp đất ông Ngôn thôn 3 đến cổng chào thôn 5	1.200
26.2.3	Từ giáp cổng chào thôn 5 đến hết đất thôn 5	1.000
26.2.4	Từ đầu thôn 6 đến hết thôn 9	1.000
26.3	**Tuyến đường từ Ngã 3 anh Khắc đi nga ba anh Giang thôn 12 và đến hết địa phận thôn 13 đi Hợp Thành, Triệu Sơn**	
26.3.1	Từ giáp ngã ba anh Khắc đến nhà ông Phé thôn 5	1.200
26.3.2	Từ nhà ông Hồng Bình thôn 5 đến nhà anh Mạnh, anh Minh Hưng thôi	1.000
26.3.3	Từ giáp anh Mạnh, anh Minh Hừng thôn 4 đến ông Thảo Quy (thôn 12) đến hết đất thôn 13	700
26.4	**Dọc hai bên tuyến đường từ anh Giang thôn 12 đến hết địa phận thôn 10 đi xã Hợp Thắng huyện Triệu Sơn**	400
26.5	**Tuyến đường từ Giáp anh Thuỷ thôn 10 đi vào giáp anh Vũ thôn 9**	300
26.6	**Dọc hai bên tuyến đường Phượng Nghi đi Cán Khê: Từ đất Anh Tiến thôn 1 đến đất Anh Đông thôn 1**	300
26.7	**Dọc hai bên các trục đường chính của các thôn**	
26.7.1	Thôn 2: Đoạn từ đất nhà ông Trường đến đất nhà ông Tùng Thoa; Đoạn từ đất nhà ông Luyện đến đất nhà ông Thái	200
26.7.2	Thôn3: Đoạn từ Cổng trào thôn 3 đến đất nhà ông Phượng Sức; Đoạn từ đất nhà ông Tiệp đến đất nhà ông Hào; Đoạn từ đất nhà ông Thục đến đất nhà ông Toàn;	200
26.7.3	Thôn 4: Đoạn từ đất ông Kỷ đến đất nhà bà Ang; Đoạn từ đất nhà bà Thu đến đất nhà bà Miễn;	200
26.7.4	Thôn 5:Đoạn từ ông Bình Cử đến đất nhà ông Nhựa; Đoạn từ đất nhà ông Long Cử đến đất nhà ông Minh	200
26.7.5	Thôn 6: Đoạn từ ông Hiệp đến đất nhà ông Dung Hòa; Đoạn từ đất nhà ông Huê đến đất nhà văn hóa thôn 6; Đoạn từ đất nhà ông Long Vận đến đất nhà ô Hùng Dũng	200
26.7.6	Thôn 7: Đoạn từ ông Thiệp đến đất nhà ông Thinh Hường; Đoạn từ đất nhà ông Huy đến đất nhà ông Bằng Lát; Đoạn từ đất nhà ông Sơn Đức đến đất nhà ô Mai Tự	200
26.7.7	Thôn 8: Đoạn từ bà Liên Du đến đất nhà ông Quang; Đoạn từ cổng trào thôn 8 đến đất nhà ông Cần; Đoạn từ đất nhà ông Mông đến đất nhà ô Lệ Xanh;	200

26.7.8	Thôn 9: Đoạn từ cổng trào thôn 9 đến đất nhà ông Đô; Đoạn từ đất bà Thiềng đến đất nhà ông Nguyên; Đoạn từ đất nhà ông Trình đến đất ông Hường	200
26.7.9	Thôn 10: Đoạn từ đất ông Phúc đến đất nhà ông Cẩn; Đoạn từ đất ông Đức đến đất nhà ông Quyết	200
26.7.10	Thôn 11: Đoạn từ đất ông Thông đến đất nhà ông Chuẩn, ông Đoán; Đoạn từ đất bà Kim đến đất nhà ông Sơn Vụ; Đoạn từ đất nhà ông Lĩnh đến đất ông Bích	200
26.7.11	Thôn 12: Đoạn từ đất bà Xô đến đất nhà ông Ký	200
26.7.12	Thôn 13: Đoạn từ đất bà Tứ đến đất nhà ông Hạ; Đoạn từ đất bà Ven đến đất nhà ông Toan, Văn	200
26.7.13	Thôn 14: Đoạn từ đất ông Cối đến đất nhà ông Huyền; Đoạn từ đất ông Trí đến đất nhà ông Thuận	200
26.8	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
26.8.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	200
26.8.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	180
26.8.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	160
27	**XÃ PHƯỢNG NGHI**	
27.1	**Dọc hai bên tuyến đường: Từ ngã ba thôn Bái Đa II đến giáp ranh giới thôn Dọc Môn xã Mậu Lâm:**	300
27.2	**Dọc 2 bên tuyến đường từ ngã 3 giáp nhà ông Nguyễn Đình Lịch thôn Bái Đa 2 (giáp đường liên xã) đến giáp nhà ông Bùi Văn Thẩm, thôn Bái Đa 2**	300
27.3	**Dọc 2 bên tuyến đường từ ngã 3 giáp nhà ông Bùi Văn Dinh thôn Bái Đa 2 đến ngã 3 giáp nhà ông Hoàng Văn Thái, thôn Bãi Hưng**	250
27.4	**Dọc hai bên tuyến đường từ giáp ngã 3 nhà ông Rậu thôn Bái Đa 2 đến giáp khe**	250
27.5	**Tuyến đường từ ngã 3 thôn Bái Đa 1 đi thôn Bái Bò, Phượng Hưng:**	
27.5.1	Dọc hai bên đường từ giáp nhà ông Trương Công Vịnh thôn Bái Đa 1 đến nhà ông Quách Văn Sáng thôn Bái Bò; Từ ngã ba đập đồng giữa nhà ông Giai thôn Phương Hưng	250
27.6	**Tuyến đường từ ngã ba Đồng Tâm đi thôn Khe Xanh, Đồng Phông**	
27.6.1	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp nhà ông Bùi Văn Thu thôn Đồng Tâm, đến nhà ông Bùi Văn Thìn thôn Khe Xanh (thôn Khe Xanh trước đây là thôn Khe Đen và Khe Tre)	500
27.6.2	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp nhà ông Bùi Văn Thìn thôn Khe Xanh đến nhà ông Bùi Văn Thượng thôn Khe Xanh	150
27.6.3	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp nhà ông Bùi Văn Thìn thôn Khe Xanh đến nhà ông Trương Văn Thiết thôn Đồng Phông	150
27.7	**Dọc hai bên tuyến đường từ ngã ba Cộng Thành đi Cán Khê (thôn Cộng Thành trước đây là thôn Đồng Thung)**	300
27.8	**Từ giáp Cầu tràn (Khe Trống) đến nhà ông Hoàng, thôn Đồng Tâm**	150

27.9	**Từ ngã ba sân bóng Đồng Tâm đến nhà ông Thân thôn Đồng Tâm (thôn Đồng Tâm trước đây do thôn Đồng Mách sáp nhập)**	150
27.10	**Từ nhà ông Mạnh thôn Bãi Hưng đến nhà ông Điền thôn Bãi Hưng**	150
27.11	**Đường thôn Bãi Đa 1**	
27.11.1	Từ nga ba giáp nhà ông Thông thôn Bái Đa 1 đến nhà ông Hòa thôn Bái Đa 1	400
27.11.2	Từ nga ba giáp nhà ông Hà thôn Bái Đa 1 qua nhà ông Quang đến hết đường khu công nhân (giáp Trường cấp 2)	400
27.11.3	Từ ngã ba giáp nhà ông Quế thôn Bái Đa 1 đến giáp khe	400
27.11.4	Từ ngã ba giáp nhà ông Nam thôn Bái Đa 1 đến cầu tràn (Khe Trống)	400
27.11.5	Từ giáp nhà ông Yên thôn Bái Đa 1 đến nhà ông Trọng thôn Bái Đa 1	500
27.12	**Từ ngã ba đối diện nhà ông Tiến thôn Cộng Thành đến nhà bà Sen thôn Cộng Thành (thôn Cộng Thành trước đây là do thôn Đồng Thung sáp nhập)**	150
27.13	**Từ ngã ba giáp nhà ông Nguyên thôn Cộng Thành đến nhà bà Liễu thôn Cộng Thành (thôn Cộng Thành trước đây là do thôn Đồng Thung sáp nhập)**	150
27.14	**Từ giáp ngã ba giáp nhà ông Toan thôn Khe Xanh đến nhà ông Hường thôn Khe Xanh, đến nhà bà Quân thôn Khe Xanh**	200
27.15	**Dọc hai bên tuyến đường từ giáp nhà ông Kê thôn Bái Đa 2 đến giáp khe**	500
27.16	**Từ ngã ba nhà bà Bảy thôn Cộng Thành đến Khe Dốc ông**	300
27.17	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất**	150
27.17.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	150
27.17.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	120
27.17.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
28	**XÃ MẬU LÂM**	
28.1	**Dọc hai bên tuyến đường từ Mậu Lâm đi xã Phú Nhuận:**	
28.1.1	Từ nhà anh Tuyến (thôn Bái Gạo 2) đến nhà giáp nhà anh Lâm (thôn Bái Gạo 2).	1.000
28.1.2	Từ giáp đất nhà ông Lâm (Bái Gạo 2) đến tràn Cây Si	500
28.1.3	Từ giáp tràn Cây Si đến đất hộ ông Niệt thôn Đồng Mọc	600
28.1.4	Từ giáp nhà ông Niệt đến hết đất Mậu Lâm (giáp xã Phú Nhuận)	800
28.2	**Dọc hai bên tuyến đường từ đập Mậu Lâm đến ngã ba Chợ chiều**	
28.2.1	Từ giáp đập Mậu Lâm đến giáp cầu Đồng Tiến	300
28.2.2	Từ cầu Đồng Tiến đến ngã ba vào Nhà anh Đồng thôn Đồng Mọc	250
28.3	**Dọc hai bên tuyến đường từ giáp nhà ông Trúc đi Nhà văn hoá thôn Bái Gạo 2**	270
28.4	**Dọc hai bên các tuyến đường chính (trục đường lớn) của các thôn, đường liên thôn**	
28.4.1	Đường liên thôn: Đoạn từ ngã ba anh Bùi Văn Thử thôn Đồng Mọc đi Nhà văn hóa thôn Liên Minh vòng xuống hết đất ở ông Phạm Văn Sinh thôn Liên Minh	200

28.4.2	Đường liên thôn: Đoạn từ ao ông Kiên thôn Đồng Nghiêm đến ngã ba Nhà văn hóa thôn Đồng Vinh.	250
28.4.3	Đường liên thôn: Đoạn từ đập Mậu lâm đi đến hết đất ông Lực thôn Tiến Tâm	200
28.4.4	Đường liên thôn từ Ngã bà ông Quyết thôn Đồng Yên qua Nhà văn hóa thôn Yên Thọ qua ngã ba Trường Mầm non đến giáp đất thôn Tân Phú xã Phú Nhuận	200
28.4.5	Đường liên thôn từ Ngã bà ông Quyền thôn Bái Gạo 2 đi ngã ba ông Trung thôn Bái Gạo 1	200
28.4.6	Đường liên thôn: Đoạn từ giáp Nhà văn hóa thôn Đồng Nghiêm đi qua thôn cầu Hồ đến ngã ba Bảng tin thôn Phúc Tân	150
28.4.7	Đường nội thôn yên Thọ: Đoạn từ ngã ba ông Linh đi ngã ba Trường Mầm non	150
28.4.8	Đường nội thôn Bái Gạo 2 đoạn từ Tượng đài xã đến ngã ba ông Thơ và đoạn từ ngã ba ông Lâm đến hết đất ông Quế	200
28.4.9	Đường nội thôn Bái Gạo 1: Đoạn từ ngã ba anh Luận đi đập Cây Sú; Đoạn từ ngã ba ông Bình đi hết đất ông Vận và đoạn từ ngã ba anh Hòa đến hết đất ông Bồi	150
28.4.10	Đường nội thôn thôn Đồng Tiến: Đoạn từ cầu Đông Tiến qua Nhà văn hóa thôn đến ngã ba ông Lĩnh; Đoạn ngã ba ông Chấn đến hết đất ông Trung; Đoạn ngã ba Trạm bơm đi qua nhà ông Hóa đến ngã ba ông Lĩnh	150
28.4.11	Đường nội thôn Tâm Tiến: Đoạn từ ngã ba cổng chào qua ngã ba ông Thanh đi qua nhà văn hóa thônqua ngã ba ông Bình vòng về ngã ba ông Thanh	150
28.4.12	Đường nội thôn Đồng Vinh: Đoạn từ ngã ba ông Dũng đến hết đất ông Trần Thế Tuyên	150
28.4.13	Đường nội thôn Đồng Mọc: Đoạn từ ngã ba ông Dũng đến ngã ba bà Vinh; Đoạn ngã ba chợ chiều đến giáp cầu Đồng Tiến	150
28.4.14	Đường nội thôn Đồng Nghiêm: Đoạn từ nhà ông Hà Văn Xuân đến hết đất ông Hà Văn Chính; Đoàn từ giá nhà ông Hà Văn Tím đến hết đất ông Phạm Nhất Á; Đoạn từ giáp đất bà Lê Thị Chung đi đập Rộc Ang và đoạn từ giáp đất ông Nguyễn Khắc Dũng đến hết đất ông Lê Phương Phan.	150
28.4.15	Đường nội thôn thôn Đồng Bớp: Đoạn từ giáp đất ông Phạm Trí Mạnh đến hết đất ông Nguyễn Hữu Diện và đoạn dốc ông Dung đi qua nhà ông Lý, qua ông Bản đi đến hết đất bà Thiền.	150
28.4.16	Đường nội thôn thôn Hợp Tiến: Đoạn từ ngã ba Bảng tin đến hết đất ông Khánh và đoạn từ ngã ba ông Du đến đập Ngọc Sớm	150
28.4.17	Đường nội thôn thôn Đồng Yên: Đoạn từ trường cấp 1 đi đến khe Cái làng mới; Đoạn từ ngã ba trường cấp 1 đi đập Trạm Xá; Đoạn từ giáp đất bà Chung đi đến đập Trạm Xá.	150
28.4.18	Đường nội thôn Rộc Môn từ giáp xã Phượng Nghi đến ngã ba ông Một	150
28.5	**Tại thôn Bái Gạo 1:**	
28.5.1	Đoạn từ giáp ngã ba ông Tập qua nhà anh Chuyên đi ngã ba nhà ông Giang.	150

28.5.2	Đoạn từ giáp ngã ba ông Khảm đi ông Ăm	150
28.6	**Tại thôn Đồng Mọc:**	150
28.6.1	Đoạn từ ngã ba ông Dũng đến hết nhà bà Mận	150
28.6.2	Đoạn từ ngã ba ông Quân đi ông Cần vòng qua ao ông Nhất	150
28.6.3	Đoạn từ ngã ba ông Điển đi đến đất bà Thoa vòng qua nhà ông Phương	150
28.7	**Tại thôn Đồng Nghiêm:**	150
28.7.1	Đoạn giáp ngã ba ông Tứ đến hết đất ông Trà	150
28.7.2	Đoạn từ nhà ông Chiến đi bà Điểm	150
28.7.3	Đoạn từ giáp nhà ông Khoản đi ông Lộc	150
28.8	**Tại thôn Đồng Bớp:**	
28.8.1	Đoạn từ ngã ba bà Hòa đến hết đất ông Thênh	150
28.9	**Tại thôn Đồng Yên:**	
28.9.1	Đoạn giáp ngã ba ông Minh đi ông Trung	150
28.9.2	Đoạn từ giáp ngã ông Hằng đến hết đất ông Thiệu	150
28.9.3	Đoạn từ giáp ngã ba ông Ba đi qua nhà ông Dũng đến hết đất ông Dương.	150
28.1	**Đường nội thôn Liên Minh: Đoạn từ ngã ba ông Bang đi ngã ba ông Đào Xuân Cường**	150
28.11	**Tại thôn Yên Thọ: Đoạn từ ngã ba ao cá qua nhà ông Thi vòng đến ngã ba nhà ông Cường.**	150
28.12	**Tại thôn Bái Gạo 2 đoạn từ Ngã ba ông Huy đi ngã ba ông Cao Thanh Tuyền**	150
28.13	**Tại thôn Bái Gạo 2 đoạn từ Ngã ba ông Vụ đến ngã ba ông Luân**	150
28.14	**Ngã ba Trường mầm non thôn Bái Gạo 2đi ngã ba ông Chung thôn Bái Gạo 1**	150
28.15	**Tại thôn Bái Gạo 2 đoạn từ giáp ông Thanh Huệ đến ngã ba ông Tá**	150
28.16	**Tại thôn Đồng Yên Đoạn từ ngã ba bà Huê đến hết đất ông Hòe**	150
28.17	**Từ ngã ba ông Bùi Văn Công đến ngã ba ông Lê Sỹ Thức thôn Cầu Hồ**	150
28.18	**Ngã ba Nhà văn hóa thôn Cầu Hồ đến hết đất ông Quách Văn Tha**	150
28.19	**Từ nhà ông Vũ Minh Hướng đến hết đất ông Nguyễn Đăng Tuân**	150
28.2	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
28.20.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	150
28.20.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	120
28.20.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
29	**XÃ PHÚ NHUẬN**	
29.1	**Từ giáp thị trấn Bến sung đến hết đất xã Phú nhuận (giáp xã Minh Thọ, huyện Nông Cống)**	
29.1.1	Đoạn từ giáp đất thị trấn Bến sung đến giáp cầu Trắng thôn Phú Quang	1.000
29.1.2	Đoạn từ cầu Trắng thôn Phú Quang đến giáp Bưu điện văn hóa xã thôn Thanh sơn	1.500

29.1.3	Đoạn Từ đất nhà ông Khuê (Khu cấp dân cư mới) phía đối diện là đường vào thôn Thanh Sơn- đến hết đất Chợ Nỗ rắc	1.500
29.1.4	Đoạn từ nhà ông Khu (mua lại nhà bà Nương) đến hết đất nhà ông Hội thôn Phú Sơn	600
29.1.5	Đoạn từ nhà ông Hội thôn Phú Sơn đến hết đất xã Phú nhuận giáp đất xã Minh Thọ, huyện Nông Cống	500
29.2	**Tuyến đường từ ngã ba Biêu điện xã Phú Nhuận đi xã Mậu Lâm**	
29.2.1	Đoạn từ nhà ông Khuê (phía Trường Mầm non) đến hết đất gia đình ông Chức	700
29.2.2	Đoạn từ giáp đất nhà ông Chức thôn Thanh sơn đến giáp đất nhà ông Nghĩa (lô B1 khu chợ Phú Phượng)	700
29.2.3	Đoạn từ đất nhà ông Nghĩa đến giáp nhà ông Tâm (gần khu chợ Phú phượng)	1.000
29.2.4	Đoạn từ hết đất Chợ thôn Phú Phượng 1 đến giáp đất xã Mậu Lâm	700
29.3	**Khu chợ Phú Phượng: Từ đất nhà ông Tâm đến hết đất nhà ông Hàn Ngọc Thanh (nhà anh Văn Huê)**	1.500
29.4	**Tuyến đường từ ngã ba thôn Phú nhuận (Đất gia đình ông Lê Văn Hợi) đến hết đất thôn Eo Son xã Phú Nhuận giáp đất xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống**	
29.4.1	Đoạn từ ngã ba thôn Phú nhuận (Đất gia đình ông Lê Văn Hợi) đến ngã tư đường rẽ vào trụ sở UBND xã (ngã tư Đa Hàng)	600
29.4.2	Đoạn từ ngã tư Đa Hàng (Trừ lô giáp đường liên huyện) đến giáp đất bà Lộc thôn Đồng Sình	1.500
29.4.3	Đoạn từ khu đất nhà Bà Lộc thôn Đồng Sình đến hết đất Nhà văn hóa thôn Đồng sình	700
29.4.4	Đoạn từ giáp đất Nhà văn hóa thôn Đồng Sình đến hết đất thôn Đồng Sình giáp đất nhà ông Sáu Dung, thôn Eo son	600
29.4.5	Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Dung đến đường vào khu hội trường thôn Phú cường củ đến hết đất nhà ông Trần Văn Hiến	700
29.4.6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Trần Văn Hiến đến hết đất xã Phú nhuận giáp đất xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống	600
29.5	**Các trục đường thôn Phú Quang**	
29.5.1	Đoạn từ đất nhà ông Lê Huy Tính đi vào trang trại bò sữa hết đất nhà ông Lê Huy Thân	300
29.5.2	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tiến Tân đến đất nhà ông Kiều Văn Quy đi ra khu bãi rác nhà Nguyễn Hữu Khoa và từ nhà ông Quách Văn Năm đi vào nhà ông Mai Văn Hợp giáp chân Đập Cây mè; Đoạn từ đất nhà ông Quách Văn Tới đến hết đất nhà ông Đinh Văn Lan ;	180
29.5.3	Đoạn từ đất nhà ông Chu Văn Tài đến đất nhà bà Bùi Thị Nai, đến hết đất nhà ông Quách Văn Dị; Đoạn Từ đất nhà ông Tươi đến hết đất nhà ông Nghè; Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tiến Chung đến hết đất khu Thung thuyền	180
29.5.4	Đoạn từ nhà Bà Nguyễn Thị Thơm đến hết đất nhà ông Phạm Dũng. Từ đất nhà ông Quách Dũng đến hết đất nhà ông Phạm Văn Chung	250
29.6	**Các trục đường trong thôn Tân Phú:**	

29.6.1	Đoạn từ đất nhà ông Lê Đức Bá giáp thôn Phú Quang đến Hội tường thôn Tân phú và từ đất nhà ông Nguyễn Phí Lâm đến hết đất nhà ông Trương Đức Huy giáp xã Mậu lâm	250
29.7	**Các trục đường trong thôn Thanh sơn**	
29.7.1	Đoạn từ đất nhà ông Lê Đăng Khoa đến hết đất nhà ông Bùi Đình Cần. Từ đất nhà ông Lê Văn Ủy đến hết đất nhà ông Mai Xuân Phòng	250
29.7.2	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Xuân Lương đến hết đất nhà ông Lê Văn Hưng. Từ đất nhà ông Bùi Ngọc Sơn đến hết đất nhà ông Lê Văn Học. Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Danh đến hết đất nhà ông Nguyễn Xuân Mai	250
29.7.3	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Hữu Ngọ đến hết đất nhà ông Đoàn Văn Hơn; Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hơn đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tư; Đoạn từ đất nhà ông Trần Quang Hoạt đến hết đất nhà ông Lê Đình Thảo.	250
29.7.4	Từ đất ông Nguyễn Hoàng Huynh đến hết đất nhà Bà Lê Thị Nghĩa. Từ đất nhà ông Lê Văn Tài đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Lãng	180
29.8	**Các trục đường trong thôn Phú Nhuận:**	
29.8.1	Đoạn từ nhà bà Hương Sơn đến ngã ba ông Minh; Từ nhà bà Hương vòng quanh khu đồi đến nhà ông Khoáng; Từ nhà ông Kiếm đến nhà ông Uyên	250
29.8.2	Đoạn từ nhà ông Uyên đến nhà ông Thu	200
29.8.3	Đoạn từ nhà ông Tâm Hùng đến nhà ông Bình Tính và từ nhà ông Bình Tính đến nhà bà Tâm	200
29.9	**Các trục đường trong thôn Phú Phượng 1:**	
29.9.1	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Như Hùng đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Việt; Đoạn từ đất nhà ông Vóc đến hết đất nhà ông Nguyễn Thọ Hải, Từ đất nhà bà Lê Thị Ngân đến hết đất nhà ông Nguyễn Đức Tình	250
29.10	**Các trục đường trong thôn Phú Phượng 2:**	
29.10.1	Đoạn từ đất nhà ông Hàn Ngọc Minh giáp thôn Phú Phượng 1 đến hết đất nhà ông Lê Văn Hùng (Giáp đất thôn Phú Phượng 3); Đoạn từ đất nhà ông Lê Ngọc Quý đến hết đất nhà ông Lương Minh Thắng	250
29.11	**Các trục đường trong thôn Phú Phượng 3**	
29.11.1	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Tùng (giáp đất thôn phú phượng 2 Lê Văn Hùng) đến Ngã ba đường đi Phú Phượng 4 (nhà ông Đôn Na)	200
29.11.2	Đoạn từ đất nhà ông Hàn Thanh Tùng đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Kính. Từ đất nhà ông Hàn Ngọc Lơ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hiệp. Từ đất nhà ông Đặng Mai Ban đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Quây	250
29.12	**Các trục đường trong thôn Phú Phượng 4:**	

29.12.1	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Tường đến hết đất nhà ông Lê Minh Đức; Đoạn từ nhà ông Nguyễn Bách Sáu đến hết đất nhà ông Tô Xuân Trung, Từ đất nhà ông Lê Ngọc Xuân đến hết đất nhà ông Tô Quang Thảo, Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Huy đến hết đất nhà ông Lê Minh Thảo, Từ đất nhà Bà Nguyễn Thị Mai đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Dân; Từ đất nhà ông Lê Ngọc Lập đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Ngợi	200
29.13	**Các trục đường trong thôn Khe Sình**	
29.13.1	Đoạn từ đất nhà ông Bùi Văn Tiến đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Hải; Đoạn từ đất nhà Bà Hoàng Thị Giác đến hết đất nhà ông Lê Nhân Bòng	250
29.13.2	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Hữu Mão đến hết đất nhà ông Quách Văn Do giá; Đoạn từ đất nhà ông Lê Nhân Chính Đến hết đất nhà ông Quách Văn Chiến giá; Đoạn từ đất nhà ông Lê Nhân Ốn đến hết đất nhà Bà Lê Thị Dược	180
29.14	**Các trục đường trong thôn Bồng Sơn**	
29.14.1	Đoạn từ đất nhà ông Bùi Văn Bột đến hết đất nhà ông Bùi Văn Viện	250
29.14.2	Đoạn từ giáp đất nhà ông Bùi Văn Viện đến hết đất nhà ông Quách Văn Yên giá; Đoạn từ nhà Bà Bùi Thị Tâm đến hết đất nhà ông Bùi Văn Phong; Đoạn từ nhà ông Lê Đăng Chung đến hết đất nhà ông Nguyễn Hồng Căn	180
29.15	**Các trục đường trong thôn Đức Nhuận**	
29.15.1	Đoạn từ nhà Bà Nguyễn Thị Dung đến Nhà văn hóa thôn	250
29.15.2	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Khắc Hùng đi sung quanh khu đồi tròn đến hết đất nhà Bà Nguyễn Thị Thênh; Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Thủy đến hết đất nhà ông; Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hồng Khâm đến hết đất nhà ông Nguyễn Hồng Nhâm Chân (Mua của bà Bùi Thị Thanh)	180
29.16	**Các trục đường trong thôn Đồng sình:**	
29.16.1	Đoạn từ đất nhà ông Lê Văn Quyết đến hết đất nhà Bà Trần Thị Du (giáp đất thôn Eo Son) ; Đoạn từ nhà ông Lê Văn Thuật đến hết đất nhà ông Trương Văn Sinh; Đoạn từ đất nhà ông Cao Văn Dũng đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Hải	250
29.16.2	Đoạn từ nhà bà Nghĩa đến nhà ông Phòng; Đoạn từ nhà ông Đơ đến nhà ông Ký	200
29.17	**Các trục đường trong thôn Thung Khế**	
29.17.1	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Chinh (giáp đất thôn Eo Son) đi vào làng Thung khế đến hết ngã tư đi vào thôn Thung Khế	400
29.17.2	Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Đình Tài (giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Ái) thôn Eo Son đến hết đất nhà Bà Quách Thị Lưu và từ đất nhà ông Quách Văn Luận đến hết đất nhà ông Quách Văn Hoàng; Từ đất nhà Bà Trương Thị Tám đến hết đất nhà Bà Lê Thị Thể. Từ đất nhà ông Lê Thế Giao đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Chinh; Khu phía sau Nhà văn hóa thôn Phú Cường	250
29.18	**Các trục đường trong thôn Eo Son**	

29.18.1	Đoạn từ đất nhà Bà Trần Thị Kỳ (giáp thôn Đồng sinh Trần Thị Du) đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Ân; Đoạn từ đất nhà ông Trần Văn Thường đến hết đất nhà ông Lê Văn Thưởng	150
29.18.2	Đoạn từ nhà ông Vũ Đình Cầu đến hết đất Nhà văn hóa thôn theo trục đường đến hết đất nhà ông Trần Văn Tân, Từ đất nhà Trần văn Tân đến hết đất nhà ông Ngô Văn Luân; Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Khâm đến hết đất nhà ông Trần Văn Cương	200
29.18.3	Đoạn từ đất nhà ông Ngô Văn Lâm đến hết đất nhà Bà Trần Thị Khen	180
29.19	**Thôn Phú Sơn**	
29.19.1	Đoạn từ nhà bà Lê Thị Vẹn đến nhà ông Mai Đình Dân	200
29.19.2	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Đình Hội đến nhà ông Lê Văn Hoa	200
29.19.3	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Nhẫn	200
29.19.4	Đoạn từ nhà văn hóa thôn đến nhà ông Lê Đức Tân	200
29.19.5	Đoạn từ nhà bà Lê Thị Nhuần đến nhà ông Đồng Văn Khang	200
29.19.6	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thiều vòng quanh đồi tròn đến nhà ông Tống Văn Lâm	200
29.2	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
29.20.1	Các vị trí có mặt đường rộng trên 3m	180
29.20.2	Các vị trí có mặt đường rộng từ 3m đến 2m	180
29.20.3	Các vị trí có mặt đường rộng nhỏ hơn 2m	160
30	**XÃ XUÂN KHANG**	
30.1	**Dọc hai bên các tuyên đường chính nối từ QL 45 đi các thôn**	
30.1.1	Từ giáp Quốc lộ 45 (Thửa 356, tờ 16) đến hết Nhà văn hóa thôn Phượng Xuân (Thửa 339 tờ 17)	300
30.1.2	Từ giáp Quốc lộ 45 (đoạn nhà ông Triều Xuân Lộc) tại thửa 669, 679, tờ 21 đến hết đất ông Lái thửa 27 tờ bản đồ 18	250
30.1.3	Từ giáp Quốc lộ 45 (Đoạn bà Xa thôn Xuân Sinh - Thửa 1025, tờ 28) đến hết đất ông Nguyễn Ngọc Toán thôn Xuân Thành (Thửa 68 tờ bản đồ 28)	250
30.1.4	Từ giáp Quốc lộ 45 (Đoạn ông Đường Xuân Hội thôn Xuân Hưng - Thửa 272 tờ 34), đến ngã ba đường vào Nhà văn hóa thôn Xuân Cường (Thửa 69, 98 tờ 35)	300
30.1.5	Từ giáp Quốc lộ 45 (Đoạn ông Hồ Công Hà thôn Xuân Hưng, thửa 704 tờ 34 và thửa 341 tờ 38), đến hết đất ông Quách Văn Triều thôn Xuân Cường (Thửa 215, 216, tờ 34)	300
30.1.6	Từ giáp Quốc lộ 45 (Đoạn nhà ông Nhật Hương thôn Đồng Hơn - Thửa 157, 154 tờ 20) đến ngã ba tiếp giáp giữa Trạch Khang và Xuân Lộc (Tại thửa 702, 92 tờ 21)	250
30.1.7	Từ ngã ba ông Hồ Công Tình thôn Xuân Lộc (Thửa 467, 539 tờ 21) đến hết đất nhà văn hóa thôn Xuân Thành (Thửa 372, 414 tờ 28)	250
30.1.8	Từ giáp Quốc lộ 45 (suối Xuân Lộc thôn Xuân Lộc - Thửa 80, 77 tờ bản đồ 27) đến điểm giao cắt với đường Xuân Lộc đi Xuân Thành (Thửa 131 và 166, tờ 27)	250
30.2	**Các trục đường nội thôn**	
30.2.1	**Thôn Đồng Mưa**	

30.2.1.1	Các tuyến từ QL 45 (Thửa 59, 53 tờ 14) đi Ao Trời (Thửa 34 tờ 08)	200
30.2.1.2	Từ giáp QL 45(Tại thửa 185 tờ 14) đến hết đất bà Giang (Thửa 206 tờ 14)	200
30.2.1.3	Từ QL 45 (Tại thửa 200 tờ 15) đến hết đất ông Lục Văn Quynh (Thửa 233, 242 tờ 15)	200
30.2.1.4	Từ Quốc lộ 45 (Tại thửa 130, 154 tờ 15) đến hết đất ông Ngoan (Thửa 02 tờ 09)	200
30.2.1.5	Từ Quốc lộ 45 (Tại thửa 196, 195 tờ 16 đến hết khu lẻ Trường tiểu học 1 (Thửa 230 và 231, tờ 15)	200
30.2.2	**Thôn Xuân Hòa**	
30.2.2.1	Từ Quốc lộ 45 (Tại thửa 200, 169, tờ 16) đến ngã ba nhà ông Lan (Thửa 97, 60, tờ 16)	200
30.2.3	**Thôn Phượng Xuân**	
30.2.3.1	Từ nhà văn hóa thôn (Thửa 255 và 258, tờ 11) đến đập Cây Thị (Thửa 399, tờ 04)	250
30.2.3.2	Từ ngã ba ông Long (Thửa 351, 302, tờ 11) đến đập Eo Lim (Thửa 20, tờ 11)	250
30.2.4	**Thôn Xuân Tiến**	
30.2.4.1	Từ Quốc lộ 45 (Tại thửa 65, 67, tờ 20) đến hết đất ngã ba ông Phạm Văn Chương (Thửa 165, 209, tờ 19)	250
30.2.4.2	Từ Quốc lộ 45 (Tại thửa 121 và 122 tờ 20) đến ngã ba ông Lê Văn Thư (Thửa 305 và 264, tờ 20)	250
30.2.4.3	Từ Tỉnh lộ 520 C đoạn ông Vũ Văn Sơn (Thửa 18, 16 tờ 25) đến hết đất ông Đới Văn Lương (Thửa 89 tờ 25)	250
30.2.5	**Thôn Đồng Hơn**	
30.2.5.1	Từ quốc lộ 45 (đoạn ông Nguyễn Đình Bốn- thửa 227, tờ 20) đến hết đất bà Trịnh Thị Uyển (Thửa 271, tờ 20)	250
30.2.6	**Thôn Xuân Hưng**	
30.2.6.1	Từ quốc lộ 45 (đoạn ông Nguyễn Thiên Long - thửa 187, tờ 34) đến hết đất ông Hồ Công Phú (Thửa 57, 115, tờ 38).	300
30.3	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
30.3.1	Các vị trí có mặt cắt đường trên 3m	200
30.3.2	Các vị trí có mặt cắt đường từ 2 đến 3m	180
30.3.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	160
31	**XÃ YÊN THỌ**	
31.1	**Tuyến đường nhựa liên xã từ giáp đường QL45 (Cầu cơ giới) đến đập Chẩm Khê giáp Nhà máy đường Nông Cống.**	
31.1.1	Dọc hai bên đường: Từ hộ ông Vinh (thửa 126, tờ BĐ 09) thôn Quần Thọ đến (thửa 340 tờ BĐ 09) hộ ông Duyên Thôn Tân Thọ và từ cổng trào Thôn Xuân Thọ (thửa 968 tờ BĐ 09) đến cầu Khe Chén chợ mới	1.700
31.1.2	Các khu vực khác còn lại dọc hai bên tuyến đường (Trừ hai khu vực trên).	1.200
31.2	**Tuyến đường thôn Thống Nhất-Chẩm Khê**	

31.2.1	Khu Chợ Đập, dọc 2 bên đường theo hướng Bắc-Nam từ hộ ông Đặng Ngọc Chiến đến hộ ông Lương Bá Đoàn.	1.000
31.2.2	Dọc hai bên đườngTừ giáp ngã tư Thống Nhất (hộ ông Thăng) đến cầu Nông Giang thôn Chẩm Khê (trừ các hộ ở khu vực trên).	850
31.2.3	Dọc hai bên tuyến đường từ giáp cầu Nông Giang (Chợ Đập) đến giáp địa giới thôn Thập Lý, xã Thăng Long, huyện Nông Cống	600
31.2.4	Dọc hai bên đường từ ngã tư Thống Nhất đến Chợ Đập (cũ).	500
31.3	**Tuyến đường khu vực Chợ Mới.**	
31.3.1	Dọc hai bên đường từ hộ ông Lừng đến hộ ông Phúc (trừ các hộ ở khu vực dưới).	800
31.3.2	Khu vực chợ Mới, Dọc hai bên đường từ nhà ông Đông đến hết đất ông Lành.	850
31.4	**Tuyến đường khu vực thôn Yên Trung.**	
31.4.1	Dọc hai bên đường chính của thôn, từ giáp Xuân Điền đất hộ nhà ông Nguyễn Văn Sáng (Thửa số 38; tờ BĐ số 3) đi về phía Đông Nam đến đất hộ Nhà ông Phạm Hồng Tuyên (Ngọc) (Thửa đất số 311; tờ BĐ số 4) giáp thôn Đông Tài, xã Vạn Thắng, Nông Cống	250
31.4.2	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chức (Thửa đất số 64; tờ BĐ số 01) đi về phía Đông đến ngã ba nhà ông Lê Sỹ Ngân (Thửa đất số 227 ; tờ BĐ số 02); Từ nhà ông Nguyễn Xuân Lộc (Thửa đất số 115; tờ BĐ số 03) đi về phía Đông đến nhà ông Nguyễn Văn Khang (Thửa đất số 119 ; tờ BĐ số 03); Từ ngã ba Nhà ông Trần Văn Tâm (Thửa đất số 86; tờ BĐ số 04) đi về phía Đông Nam đến nhà ông Phạm Hồng Sắc (Thửa đất số 232; tờ BĐ số 04)	200
31.5	**Thôn Quần Thọ:**	
31.5.1	Từ Nhà ông Võ Duy Hùng (Thửa đất số 193; tờ BĐ số 6) đi về phía Đông đến Nhà ông Phạm Sỹ Thuật (Thửa đất số 222; tờ BĐ số 6); Từ ngã ba Nhà ông Lương Minh Đậu (Thửa đất số 328; tờ BĐ số 6) đi về phía Bắc đến ngã ba Nhà ông Võ Duy Hùng (Thửa đất số 195; tờ BĐ số 6);	200
31.5.2	Từ ngã ba Nhà ông Đỗ Xuân Sơn (Thửa đất số 340; tờ BĐ số 06) đi về phía Nam đến Nhà Bà Nguyễn Thị Xuân (Thửa đất số 186; tờ BĐ số 09); Từ nhà bà Hà Thị Xinh (Thửa đất số 596; tờ BĐ số 06) đi về phía Tây đến Đập Bu Bu thôn Quần Thọ (Thửa đất số 09; tờ BĐ số 05)	200
31.5.3	Từ Nhà ông Đỗ Xuân Trường (Thửa đất số 203; tờ BĐ số 06) đi về phía Bắc đến Nhà ông Quách Văn tới (Thửa đất số 115; tờ BĐ số 056)	200
31.5.4	Từ Nhà ông Lê Văn Đông (Thửa đất số 03; tờ BĐ số 05) đi về phía Tây Nam đến Nhà bà Hoàng Nghĩa (Thửa đất số 95; tờ BĐ số 05)	200
31.5.5	Từ Nhà ông Lê Duy Tùng (Thửa đất số 83; tờ BĐ số 05) đi về phía Tây đến Nhà ông Lê Duy Dũng (Thửa đất số 66; tờ BĐ số 05)	200
31.6	**Thôn Tân Thọ:**	

31.6.1	Từ Nhà ông Nguyễn Văn Thiết thôn Tân Thọ (Thửa đất số 211 ; tờ BĐ số 09) đi về phía Đông đến Trạm Thuỷ Nông Tân Thọ (Thửa đất số 25 ; tờ BĐ số 10)	200
31.6.2	Từ Nhà ông Nguyễn Văn Ngiêm (Thửa đất số 274; tờ BĐ số 09) đi về phía Đông đến Trạm Thuỷ nông Tân Thọ (Thửa đất số 25 ; tờ BĐ số 10)	200
31.6.3	Từ ngã ba nhà ông Lê Duy Nho (Thửa đất số 328 ; tờ BĐ số 09) đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Lê Xuân Phúc (Thửa số 390; tờ BĐ số 09)	200
31.6.4	Từ nhà ông Lê Xuân Phúc (Thửa đất số 390; tờ BĐ số 09) đi về phía Nam đến nhà bà Viên Thị Cảnh (Thửa đất số 718; tờ BĐ số 09)	200
31.7	**Thôn Xuân Thọ:**	
31.7.1	Từ Nhà ông Bùi Văn Tập Thôn Xuân Thọ (Thửa đất số 768; tờ BĐ số 09) đi về phía Nam đến hộ ông Phạm Văn Phúc (Thửa đất số 967; tờ BĐ số 09)	200
31.7.2	Từ ngã ba nhà ông Đỗ Văn Huy (Thửa đất số 1129; tờ BĐ số 09) đi về phía Đông Bắc đến hộ ông Trịnh Đình Tuấn (Thửa đất số 1065; tờ BĐ số 09)	200
31.7.3	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Tam Thanh (Thửa đất số 26; tờ BĐ số 12) đi về phía Tây đến hộ ông Hoàng Ngọc Sinh (Thửa đất số 295; tờ BĐ số 12)	200
31.8	**Thôn Tân Thịnh:**	
31.8.1	Từ ngã ba nhà ông Lê Văn Xô (Thửa đất số 671; tờ BĐ số 13) đi về phía Tây đến hộ ông Trần Văn Loan (Thửa đất số 38; tờ BĐ số 15)	200
31.9	**Thôn Cự Thịnh:**	
31.9.1	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang (Thửa đất số 441; tờ BĐ số 13) đi về phía Đông đến hộ ông Sông Mực (hộ ông Quách văn Sen) (Thửa đất số 13; tờ BĐ số 13)	200
31.9.2	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang (Thửa đất số 441; tờ BĐ số 13) đi về phía Bắc đến ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Thao (Thửa đất số 100; tờ BĐ số 13)	200
31.9.3	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Phú (Thửa đất số 130; tờ BĐ số 10) đi về phía Đông Nam đến nhà ông Chu Văn Hồng (Thửa đất số 135; tờ BĐ số 13)	200
31.9.4	Từ ngã ba nhà ông Quách Văn Tấn (Thửa đất số 10; tờ BĐ số 13) đi về phía Đông Nam đến nhà ông Trương Công Quảng (Thửa đất số 84; tờ BĐ số 13)	200
31.1	**Thôn Minh Thịnh**	
31.10.1	Từ ngã ba nhà ông Trương Công Tiền (Thửa đất số 833; tờ BĐ số 13) đi về phía Bắc đến hộ ông Nguyễn Bá Mạnh (Thửa đất số 511; tờ BĐ số 13)	200
31.10.2	Từ nhà ông Nguyễn Quang Lợi (Thửa đất số 1109; tờ BĐ số 13) đi về phía Tây đến nhà ông Phạm Khắc Sữu (Thửa đất số 410; tờ BĐ số 16)	200

31.10.3	Từ ngã tư Nhà ông Lê Hồng Vi (Thửa đất số 404; tờ BĐ số 16) đi về phía Tây đến ngã ba Nhà ông Lê Văn Cần (Thửa đất số 491; tờ BĐ số 16)	200
31.10.4	Từ ngã tư Nhà ông Lê Hồng Vi (Thửa đất số 404; tờ BĐ số 16) đi về phía Nam đến ngã ba nhà ông Mai Xuân Quang (Thửa đất số 340; tờ BĐ số 16)	200
31.11	**Thôn Hợp Thịnh:**	
31.11.1	Từ nhà ông Lê Thế Bảy (Thửa đất số 268 ; tờ BĐ số 16) đi về phía Đông đến hộ ông Phan Văn Dân (Thửa đất số 196; tờ BĐ số 16)	200
31.11.2	Từ nhà ông Ngô Xuân Nhuận (Thửa đất số 389; tờ BĐ số 16) đi về phía Bắc đến ngã ba nhà ông Vũ Văn Đông (Thửa đất số 273; tờ BĐ số 16)	200
31.12	**Thôn Xuân Thịnh:**	
31.12.1	Từ nhà ông Phạm văn Hà (Thửa đất số 547; tờ BĐ số 16) đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Lê Văn Hảo (Thửa đất số 626; tờ BĐ số 16)	200
31.12.2	Từ ngã ba nhà ông Lê văn Bốn (Thửa đất số 596; tờ BĐ số 16) đi về phía Nam đến hộ ông Phạm Văn Chiến (Thửa đất số 815; tờ BĐ số 16)	200
31.12.3	Từ nhà ông Đỗ Văn Minh (Thửa đất số 570; tờ BĐ số 16) đi về phía Nam đến hộ ông Lê Văn Hán (Thửa đất số 631; tờ BĐ số 16)	200
31.13	**Thôn Yên Xuân:**	
31.13.1	Từ ngã ba nhà Bà Đỗ Thị Si (Thửa đất số 824; tờ BĐ số 16) đi về phía Nam đến nhà ông Lê Xuân Tuấn (Thửa đất số 836; tờ BĐ số 16)	200
31.13.2	Từ nhà ông Lê Văn Vệ (Thửa đất số 193; tờ BĐ số 20) đi về phía Tây Nam, đến Ngã ba nhà ông Trương Văn Tuấn (Thửa đất số 97; tờ BĐ số 19)	200
31.13.3	Từ ngã ba nhà ông Trương Văn Tuấn (Thửa đất số 97; tờ BĐ số 19) đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Quách Văn Lịch (Thửa đất số 391; tờ BĐ số 19)	200
31.14	**Thôn Hùng Sơn:**	
31.14.1	Từ Nhà ông Lê Văn Vinh (Thửa đất số 1451; tờ BĐ số 20) đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Lưu Văn Sơn (Thửa đất số 450; tờ BĐ số 19)	200
31.14.2	Từ ngã ba nhà ông Lưu Văn Minh (Thửa đất số 1408; tờ BĐ số 20) đi về phía Bắc đến ngã ba nhà ông Phạm Văn Lợi (Thửa đất số 1168; tờ BĐ số 20)	200
31.14.3	Từ ngã ba Nhà ông Hoàng Văn Nam (Thửa đất số 1454; tờ BĐ số 20) đi về phía Nam đến ngã ba Nhà ông Phạm Công Giao (Thửa đất số 1553; tờ BĐ số 20)	200
31.15	**Thôn Tân Hùng:**	
31.15.1	Từ nhà ông Lê Bá Thức (Thửa đất số 23; tờ BĐ số 23) đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Lê Bá Lượng (Thửa đất số 50; tờ BĐ số 23)	200
31.15.2	Từ ngã ba Nhà ông Bùi Sĩ Hải (Thửa đất số 76; tờ BĐ số 23), đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Nguyễn Quang Hiền (Thửa đất số 89; tờ BĐ số 23)	200

31.15.3	Từ nhà bà Lê Thị Huệ (Thửa đất số 1480; tờ BĐ số 20) đi về phía Bắc đến ngã ba Nhà ông Bùi Sỹ Hợp (Thửa đất số 1206; tờ BĐ số 20)	200
31.16	**Thôn Thống Nhất:**	
31.16.1	Từ ngã ba nhà ông nhà ông Lê Văn Được (Thửa đất số 1058; tờ BĐ số 20) đi về phía Bắc đến Khu Ao Cá Nhà ông Suốt (Thửa đất số 93; tờ BĐ số 20)	200
31.17	**Thôn Chẩm Khê:**	
31.17.1	Từ ngã ba nhà ông Lê Xuân Oanh thôn Chẩm Kê (Thửa đất số 163; tờ BĐ số 21) đi về phía Bắc đến Đê Sông Mực (nhà ông Trần Văn Phúc thôn Chẩm Khê thuộc thửa đất số 473; tờ BĐ số 18)	200
31.17.2	Từ ngã ba nhà ông Lê Văn Ký (Thửa đất số 427; tờ BĐ số 18) đi về phía Bắc đến nhà ông Mai Ngọc Hạ thôn Chẩm Khê (Thửa đất số 70 ; tờ BĐ số 18)	200
31.17.3	Từ ngã ba Nhà ông Nguyễn Văn Quý (Thửa đất số 692; tờ BĐ số 18) đi về phía Bắc đến Nhà văn hoá thôn Chẩm Khê (Thửa đất số 663; tờ BĐ số 18)	200
31.18	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
31.18.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	200
31.18.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	150
31.18.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	160
32	**XÃ YÊN LẠC**	
32.1	**Dọc hai bên đường theo trục đường liên xã Yên thọ - Yên lạc đi Thanh Tân**	
32.1.1	Từ nhà ông Lê Ngọc Linh thôn Đồng Yên (giáp đất Nông Cống) đi về phía Nam đến rốc đồi Hòn Vuông thôn Đồng Yên	350
32.1.2	Từ nhà ông Bùi Văn Chín thôn Đồng Yên (chân rốc đồi Hòn Vuông) đi về phía Nam đến ngã ba đường vào Nhà văn hoá thôn Đồng Yên	800
32.1.3	Từ giáp đường vào Nhà văn hoá thôn Đồng Yên đi về phía Nam đến ngã ba nhà ông Phạm Công Vệ (thôn Ao Mè).	600
32.1.4	Từ nhà ông Lê Văn Thảo thôn Ao Mè đi về phía Nam đến chân dốc ông Nguyễn Văn Gia thôn Tân Long	400
32.1.5	Từ cổng làng thôn Tân Long đi về phía Nam đến nhà ông Lê Đình Lịch	600
32.1.6	Từ nhà ông Vũ Văn Tính thôn Tân Long đi về phía Nam đến nhà Anh Cao Đình Dũng	900
32.1.7	Từ nhà ông Thuần thôn Tân Long đi về phía Nam đến nhà ông Ngô Văn Lợi.	800
32.1.8	Từ cầu ông Ới đi về phía Nam đến ngã ba ông Nguyễn Hữu Kỳ thôn Tân Long.	400
32.1.9	Từ nhà bà Nguyễn Thị Chấn thôn Tân Long đi về phía Tây đến Nhà văn hóa thôn Tân Xuân	400
32.1.10	Từ Nhà văn hóa thôn Tân Xuân đi về phía Tây Nam đến Đập Khe Tre thôn Tân Xuân (giáp xã Thanh Tân)	400

32.2	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn từ thôn Đồng Trung đi thôn Đồng Yên: Từ nhà ông Đặng Ngọc Nhung thôn Đồng yên đi về phía Tây đến ngã ba nhà ông Lường Văn Nhuần thôn Đồng Yên**	200
32.3	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Đồng Trung đi thôn Cự Phú - Công Liêm**	
32.3.1	Từ cổng chào thôn Đồng Trung đi về phía đông đến giáp thôn Cự Phú xã Công Liêm	500
32.4	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Đồng Trung-Ba Cồn.**	
32.4.1	Từ nhà ông Bùi Đình Duẩn thôn Đồng Trung đi về phía Nam đến nhà ông Lê Văn Toản	300
32.5	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Ba Cồn đi thôn Tân Long**	
32.5.1	Từ nhà bà Lê thị Thủy thôn Ba Cồn đi về phía Đông Nam đến nhà ông Nguyễn văn Lương xóm Mỹ Lạc thôn Tân Long	200
32.6	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Ao Mè đi thôn Tân Tiến.**	
32.6.1	Từ anh Cao Văn thành thôn Ao Mè đi về phía nam đến ngã ba anh Vinh thôn Tân Tiến.	300
32.6.2	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Ao Mè đi thôn Tân Long**	
32.6.3	Từ nhà ông Bùi Văn Thị thôn Ao Mè đi về phía Đông Nam đến nhà ông Nguyễn Văn Sơn Yến thôn Tân Long	300
32.7	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Ao Mè đi thôn Đồng Yên**	
32.7.1	Từ nhà Bà Quách Thị Luận thôn Ao Mè đi về phía Tây Bắc đến ngã ba nhà ông Đỗ Viết Trung thôn Tân Đồng Yên	250
32.8	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Tân Long đi thôn Rọc Năm xã Công Chính**	
32.8.1	Từ nhà Bbà Lê Thị Nỡ đi về phía Đông đến ngã ba nhà ông Lường Văn Trò thôn Tân Long.	300
32.8.2	Từ ngã ba nhà ông Lường Văn Hóa thôn Tân Long đi về phía Đông đến nhà ông Cao Đình Thông giáp thôn Rọc Năn xã Công Chính	200
32.9	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Tân Long đi thôn Phú Đa xã Công Bình**	
32.9.1	Từ nhà ông Khương Hữu Văn đi về phía Nam đến Cầu khe Cát giáp thôn Phú Đa	450
32.1	**Dọc hai bên trục Đường liên thôn Tân Xuân đi thôn dân cư mới xã Thanh Tân**	
32.10.1	Từ nhà ông Nguyễn Hữu Hiếu đi về phía Tây đến nhà bà Bùi Thị Minh	300
32.11	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Đồng Yên.**	
32.11.1	Từ nhà ông Lường Văn Nguyên đi về phía Đông đến ngã ba nhà ông Lường Vương thôn Đồng Yên	200
32.11.2	Từ nhà ông Lường Đình Khởi đi về phía Bắc đến nhà ông Thành Danh thôn Đồng Yên	150
32.11.3	Từ ngã ba nhà ông Vương đi về phía Đông đến nhà ông Đặng Văn Hòa thôn Đồng Yên	150
32.11.4	Từ nhà ông Lường Minh Châu đi về phía Tây đến nhà ông Hoàng Quốc Dũng thôn Đồng Yên	150

32.11.5	Từ nhà ông Bùi Văn Mười đi về phía Đông đến ngã ba nhà ông Hoàng Văn Trình thôn Đồng Yên	180
32.11.6	Từ nhà ông Lê Văn Tập đi về phía Đông đến nhà Bà Từ Long thôn Đồng Yên	150
32.11.7	Từ nhà ông Trần Văn Điểm đi về phía Bắc đến nhà ông Hoàng Văn Quý thôn Đồng Yên	150
32.11.8	Từ Cống số 2 Ao Sen đi về phía Đông đến nhà ông Đặng Ngọc Cấn thôn Đồng Yên	150
32.11.9	Từ nhà ông Lường Đình Dương đi về phía Tây đến nhà ông Đặng Văn Viến thôn Đồng Yên	300
32.11.10	Từ nhà ông Linh đi về phía Nam đến Bờ Đập Rẫy Cồ thôn Đồng Yên	150
32.12	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Đồng Trung.**	
32.12.1	Từ nhà bà Lê thị Từ đi về phía Nam đến ngã ba nhà ông Vũ Hồng Hương thôn Đồng Trung.	150
32.12.2	Từ nhà bà Lê Thị Thống đi về phía Đông đến nhà ông Lê Hữu Vinh thôn Đồng Trung.	300
32.12.3	Từ nhà ông Bùi Văn Nguyên (bờ Đập khe Lau) đi về phía Tây đến nhà ông Lê Mạnh Tuấn thôn Đồng Trung.	150
32.13	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Ba Cồn**	
32.13.1	Từ nhà ông Bùi Văn Thú đi về phía Tây Nam đến nhà ông Nguyễn Xuân Thế thôn Ba Cồn	150
32.13.2	Từ nhà ông Bùi Văn Hóa thôn ba Cồn đi về phía Tây đến nhà ông Bùi Văn Đức thôn Ba Cồn.	150
32.13.3	Từ nhà ông Cao Đình Mơ đi về phía Đông Nam đến ngã ba nhà ông Phan Huy Tuyết thôn Ba Cồn.	150
32.13.4	Từ Nhà văn hóa thôn ba Cồn đi về phía Tây đến nhà ông Trương Văn Lý thôn Ba Cồn.	300
32.13.5	Từ nhà Bà Xuân đi về phía Đông đến nhà ông Nguyễn Văn Tám thôn Ba Cồn.	150
32.13.6	Từ nhà Bà Viên Thị Sức đi về phía Đông đến nhà ông Cao Đức Vinh thôn Ba Cồn.	150
32.14	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Ao Mè.**	
32.14.1	Từ nhà ông Cao Văn Tính đi về phía Tây đến nhà ông Quách Văn Lý	150
32.14.2	Từ nhà ông Lê Bá Dạn đi về phía Tây đến nhà ông Viên Đình Tiến	150
32.14.3	Từ nhà ông Trần Công Cường (Ý) đi về phía Đông Nam đến nhà ông Lê Văn Giáp (Lan)	150
32.14.4	Từ nhà ông Trần Công Sơn đến nhà ông Trần Công Quân	150
32.15	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Tân Long.**	
32.15.1	Từ nhà Bà Đỗ Thị Thanh xóm Mỹ Lạc đi về phía Đông đến nhà ông Lê Minh Khá	300
32.15.2	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Thuận xóm Mỹ Lạc đi về phía Đông đến nhà ông Sáu Lập giáp xóm Rọc Năn	250
32.15.3	Từ nhà ông Lê Duy Khánh xóm Mỹ Lạc đi về phía Đông Nam đến Trường Mầm non Tân Long	300
32.15.4	Từ nhà ông Lê Đình Lịch đi về phía Đông đến nhà bà Lường Thị Sen	400
32.15.5	Từ nhà Cao Đình Dưỡng đi về phía Đông đến nhà ông Lê Viết Hùng	150

32.15.6	Ông Lương Văn Hóa đi về phía Tây đến nhà ông Cao Đình Thành	250
32.15.7	Từ nhà ông Trương Công Cảnh đi về phía Đông đến nhà ông Lê Vạn Các	150
32.15.8	Từ nhà ông Cao Đình Nam đi về phía Đông Đến nhà ông Nguyễn Hữu Đoan	150
32.15.9	Từ nhà ông Nguyễn Hữu Nguyên đi về phía Nam đến nhà ông Nguyễn Hữu Hoàn	150
32.15.10	Từ nhà ông Đỗ Xuân Tấn đi về phía Tây đến nhà bà Nguyễn Thị Oanh	200
32.15.11	Từ nhà ông Lê Hữu Tường đi về phía Tây đến nhà ông Nguyễn Hữu Hân	200
32.15.12	Từ nhà ông Lê Viết Sơn đi về phía Đông Đến nhà ông Lê Viết Thuận	200
32.15.13	Từ nhà ông Khương Hữu Dũng đi về phía Đông đến nhà ông Lê Viết Trung	250
32.15.14	Từ nhà ông Nguyễn Văn Tuân đi về phía Nam đến nhà ông Lê Viết Luân	150
32.16	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Tân Xuân**	
32.16.1	Từ nhà bà Nguyễn Thị Định đi về phía Tây đến Cống tràn ông Cao Ngọc Dũng	150
32.16.2	Từ nhà ông Nguyễn Hữu Tám đi về phía Tây đến nhà ông Đỗ Xuân Văn	150
32.16.3	Từ nhà ông Đỗ Xuân Chính đến nhà ông Đỗ Xuân Tậm (Nương)	150
32.17	**Dọc hai bên trục Đường nội thôn Tân Tiến**	
32.17.1	Từ nhà ông Cao Văn Đại đi về phía Đông đến nhà ông Lê Văn Giáp (Lan)	150
32.17.2	Từ nhà ông Nguyễn Hữu Bình đi về phía Bắc đến Đập Ao Lác	300
32.17.3	Từ nhà ông Lường Văn Hùng đi về phía Nam đến nhà ông Lê Xuân Quân	200
32.17.4	Từ nhà Lê Văn Việt (Giang) đi về phía Nam đến nhà Lê Văn Việt (Xuyên)	200
32.17.5	Từ nhà ông Lê Văn Hạnh đi về phía Nam đến nhà Lê Văn Thơm	200
32.17.6	Từ nhà ông Lê Xuân Bộ đi về phía Bắc đến nhà bà Nguyễn Thị Niện	200
32.18	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
32.18.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	150
32.18.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	120
32.18.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
33	**XÃ THANH TÂN**	
33.1	**Các tuyến đường liên thôn**	
33.1.1	Dọc hai bên tuyến đường từ ngã ba giáp hộ ông Vũ ĐứcThân đi thôn Thanh Vinh đến hết thôn Thanh Vinh	150
33.1.2	Dọc hai bên tuyến đường từ ngã ba hộ bà Lê Thị Thoan (thôn Tân Thành) đi Khe Cát đến hộ ông Lê Văn Ba (thôn Thanh Xuân)	150
33.1.3	Dọc hai bên đường từ Nhà văn hóa thôn Tân Thành đi Thanh Xuân đến hộ ông Lê Hữu Lộc thôn Thanh Xuân	150
33.1.4	Từ tiếp giáp hộ ông Lê Văn Ba (thôn Thanh Xuân) đến Trạm bảo vệ rừng tiểu khu 649 của Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ	150

33.1.5	Dọc hai bên đường từ ngã ba hộ ông Lê Trần Đạt thôn Thanh Quang đi Khe Cát đến Trường Tiểu học Thanh Tân II	150
33.1.6	Dọc hai bên đường từ ngã ba hộ ông Tân thôn Vườn Dâu đến hội trường thôn Vườn Dâu	150
33.2	**Tại thôn Tân Hùng: Dọc hai bên đường từ cầu tràn thôn Trung Tiến đi thôn Tân Hùng đến cầu tràn thôn Tân Hùng**	150
33.3	**Tại thôn Khả La: Dọc hai bên đường từ hộ ông Phạm Huy Nghị đến hộ ông Lê Văn Sanh,**	150
33.4	**Tai thôn Thanh Quang: Dọc hai bên đường từ hô ông Lương Văn Tuyên đi qua Nhà văn hóa thôn Tân Quang đến hộ ông Nguyễn Văn Phán thôn Thanh Quang.**	150
33.5	**Tại thôn Đồng Lấm: Dọc hai bên đường từ hộ ông Hà Văn Nghĩa đến hộ ông Hà Văn Tiếp**	150
33.6	**Từ hộ bà Hà thị Thanh đến hộ bà Lê Thị Thúy thôn Hợp Nhất**	200
33.7	**Từ giáp hộ ông Lô Văn Lệ đến hộ ông Nguyễn Văn Công thôn Đồng Lấm**	200
33.8	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
33.8.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	150
33.8.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	120
33.8.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
34	**XÃ THANH KỲ**	
34.1	**Dọc hai bên tuyến đường đi thôn Đồng Tâm, Đồng Tiến**	
34.1.1	Từ đất nhà ông Trần Văn Hiệu đến đất nhà ông Nguyễn Bá Nhân (thôn Thanh Sơn)	800
34.1.2	Từ đất hộ ông Nguyễn Hữu Cường đến đất hộ ông Ngân Bình Luyện (thôn Thanh Sơn)	700
34.2	**Dọc các tuyến đường thôn Thanh Sơn**	
34.2.1	Từ đất hộ ông Lường Kế Toàn đến đất nhà ông Ngân Văn Luân (thôn Thanh Sơn)	180
34.2.2	Từ đất hộ ông Lưu Đình Thực đến đất nhà ông Lô Văn Nguyên (thôn Thanh Sơn)	250
34.2.3	Từ đất hộ ông Hà Công Hùng đến đất nhà ông Hà Văn Tuyền (thôn Thanh Sơn)	200
34.3	**Dọc các tuyến đường thôn Kim Đồng**	
34.3.1	Từ đất hộ ông Ngân Văn Điệp đến đất nhà ông Hà Khắc Sinh (thôn Kim Đồng)	300
34.3.2	Từ đất hộ bà Nguyễn Thị Hà đến đất nhà ông Nguyễn Đình Như (thôn Kim Đồng)	200
34.3.3	Từ đất hộ bà Hà Thị Phúc đến đất nhà ông Lương Văn Hoài (thôn Kim Đồng)	200
34.3.4	Từ đất hộ ông Hà Khắc Sinh đến đất nhà ông Nguyễn Văn Ngọc (thôn Kim Đồng)	150
34.3.5	Từ đất hộ bà Ngân Thị Luân đến đất hộ ông Lương Văn (thôn Kim Đồng)	150

34.3.6	Từ đất hộ ông Lê Duy Đại đến đất nhà ông Ngân Công Đoàn (thôn Kim Đồng)	150
34.4	**Dọc các tuyến đường thôn Thanh Trung**	
34.4.1	Từ đất hộ ông Hà Văn Dũng (thôn Thanh Trung) đến ngã tư Kỳ Thượng	200
34.4.2	Từ đất hộ ông Hà Kế Hoạch (thôn Thanh Trung) đến ngã tư Kỳ Thượng	300
34.4.3	Từ đất hộ bà Hà Thị Lâm đến đất nhà Bà Nguyễn Thị Niên (thôn Thanh Trung)	120
34.4.4	Từ đất hộ bà Hà Thị Thiệp đến đất nhà ông Hà Văn Phận (thôn Thanh Trung)	180
34.4.5	Từ đất hộ bà Trần Thị Ngoan đến đất hộ ông Vũ Trí Đức (thôn Thanh Trung)	150
34.4.6	Từ đất hộ ông Lô Văn Luyện đến đất hộ ông Lô Văn (Tại thôn Thanh Trung)	150
34.4.7	Từ đất hộ ông Lô Văn Luân (thôn Thanh Sơn) đến đất nhà ông Lương Anh Tuấn (thôn Thanh Trung)	300
34.4.8	Từ đất hộ ông Lương Văn Minh đến giáp đất hộ ông Hà Văn Hanh (thôn Thanh Trung)	150
34.5	**Dọc các tuyến đường thôn Kỳ Thượng**	
34.5.1	Từ đất hộ Bà Hoàng Thị Quyên đến đất hộ ông Lương Văn Dũng (thôn Kỳ Thương)	180
34.5.2	Từ đất hộ ông Lường Tú Hường đến nhà ông Lê Thanh Bình (thôn Kỳ Thương)	150
34.5.3	Từ đất hộ ông Hoàng Xuân Phú đến đất nhà ông Nguyễn Văn Tĩnh (thôn Kỳ Thương)	150
34.5.4	Từ đất hộ ông Lương Văn Sơn đết đất hộ ông Trịnh Xuân Năm (thôn Kỳ Thương)	150
34.5.5	Từ đất hộ ông Lê Văn Tuấn đến đất hộ ông Lường Tú Du (thôn Kỳ Thương)	150
34.6	**Dọc các tuyến đường thôn Bái Sim**	
34.6.1	Từ đất hộ ông Hà Văn Thoại (thôn Bái Sim) đến giáp mỏ Quặng	250
34.6.2	Từ đất hộ ông Nguyễn Văn An đến đất nhà ông Vi Đại Dinh (thôn Bái Sim)	200
34.6.3	Từ đất hộ ông Nguyễn Văn Ngọc (thôn Kim Đồng đến đất nhà ông Lê Huy Dinh (thôn Bái Sim)	150
34.6.4	Từ đất hộ ông Nguyễn Văn Quyền đến đất hộ ông Lê Huy	150
34.6.5	Từ đất hộ ông Ngân Văn Biềng đến đất nhà ông Vi Văn Hậu (thôn Bái Sim)	200
34.6.6	Từ Trạm biến áp (thôn Bái Sim) đến đất nhà ông Trần Văn Quyền	150
34.6.7	Từ đất hộ ông Vũ Đức An đến đất nhà Bà Hoàng Thị Vân (thôn Bái Sim)	150
34.6.8	Từ đất hộ ông Vi Ngọc Chiến đến đất nhà ông Vi Xuân Tăng (thôn Bái Sim)	150
34.7	**Dọc các tuyến đường thôn Thanh Xuân**	

34.7.1	Từ đất hộ ông Hà Văn Khuyên đến nhà Bà Lô Thị Tý (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.2	Từ đất hộ ông Lương Văn Thạch đến đất nhà ông Lương Văn Xuận (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.3	Từ đất hộ ông Lô Văn Thoa đến đất nhà ông Lô Văn Huy (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.4	Từ đất hộ ông Vi Văn Sinh đến đất nhà ông Lương Văn Hương (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.5	Từ đất nhà ông Lương Văn Việt đất đất nhà Bà Lương Thị Thi (thôn Thanh Xuân)	200
34.7.6	Từ đất hộ ông Hà Xuân Thường đến đất nhà ông Lô Đình Thăng (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.7	Từ đất hộ ông Hà Văn Tập đến đất nhà Bà Lô Thị Chòn (thôn Thanh Xuân)	150
34.7.8	Từ đất hộ ông Lữ Đình Chinh đến đất nhà ông Lương Văn Tuân (thôn Thanh Xuân)	150
34.8	**Dọc các tuyến đường thôn Đồng Ván**	
34.8.1	Từ giáp cầu Đồng Ván đến đất nhà bà Lương Thị Đót (thôn Đồng Ván)	150
34.8.2	Từ đất hộ ông Hà Văn Phẩm đến đất bà Lương Thị Đót,	150
34.8.3	Từ đất hộ ông Lương Văn Trường (thôn Đồng Ván đến Trạm biến áp Đồng Tâm - Đồng Tiến)	200
34.9	**Dọc các tuyến đường thôn Đồng Tâm**	
34.9.1	Từ đất hộ ông Lò Hải Việt (thôn Đồng Tâm) đến trường tiểu học Đồng Tâm - Đồng tiến	250
34.9.2	Từ đất hộ ông Lương Văn Hồng đến đất nhà Hà Văn Chiều (thôn Đồng Tâm)	200
34.9.3	Từ giáp đất ông Lò Văn Hải đến đất nhà ông Nguyễn Trường Sơn (thôn Đồng Tâm)	150
34.9.4	Từ giáp đất ông Lương Phúc Thanh đến đất nhà ông Lương Văn Ái (thôn Đồng Tâm)	150
34.9.5	Từ đất hộ ông Lương Văn Phòng đến đất nhà ông Hà Văn Chiệm (thôn Đồng Tâm)	150
34.1	**Dọc các tuyến đường thôn Đồng Tiến**	
34.10.1	Từ giáp trường tiểu học Đồng Tâm - Đồng Tiến đến đất nhà ông Hà Giang Nam (thôn Đồng Tiến)	250
34.10.2	Từ đất hộ ông Lê Thanh Huấn đến đất nhà ông Lương Văn Bành (thôn Đồng Tiến)	150
34.11	**Các tuyến đường ngõ, ngách nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau**	
34.11.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3m trở lên	150
34.11.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2m đến dưới 2m	120
34.11.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2m trở xuống	100
35	**XÃ XUÂN PHÚC**	
35.1	**Từ giáp ngã ba thôn 7 đến giáp đất Xuân Thái**	
35.1.1	Đoạn từ nhà anh Lâm đến khe Cứt trâu	150

35.1.2	Đoạn từ hết khe Cứt trâu đến giáp đất Xuân Thái	150
35.2	**Từ ngã ba thôn 6 đến hết đất ông Hà Thọ Thái (giáp xã Yên Thọ)**	
35.2.1	Đoạn từ giáp ngã ba thôn 6 đến nhà ông Quách Văn Vịnh	700
35.2.2	Đoạn từ đất nhà ông Lê Đức Lương đất ông Nguyễn Huy Khải.	150
35.2.3	Đoạn từ nhà ông Hà Văn Chan đến đất ông Hà Thọ Thái (giáp xã Yên Thọ)	200
35.3	**Đoạn từ ngã ba thôn 2 đến đỉnh dốc Eo Đím**	
35.3.1	Dọc hai bên tuyến đường từ nhà bà Hoa (giáp ngã ba vào thôn 2)đến hết tuyến đường tiếp giáp nối ra Tỉnh lộ 520	250
35.4	**Các trục đường chính của thôn 1**	
35.4.1	Đoạn từ nhà ông Lê Văn Hội đến đất ông Bùi Văn Chùng thôn 3; Đoạn từ nhà ông Hà Văn Thân đến đất ông Hà Văn Luân; Đoạn từ nhà ông Qách Văn Hòa đến đất ông Lê Duy Giám; Đoạn từ nhà ông Ngân Văn Nềm đến đất ông Bùi Văn Hùng; Đoạn từ nhà ông Lục Văn Thương đến đất ông Lê Văn Lực	150
35.4.2	Đoạn từ nhà ông Hiệu thôn 1 đến hết đất ông Chung thôn 1 nối với tuyến đường EU đầu tư.	150
35.5	**Các trục đường chính trong thôn 2**	
35.5.1	Đoạn từ giáp đất Nhà văn hóa thôn 2 đến ngã ba nhà ông Lưu Thái Tú	150
35.5.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Thượng đến đất nhà ông Lê Tiến Dũng; đoạn từ nhà ông Lê Văn Hợp đến nhà ông Vũ Văn Lý	150
35.6	**Các trục đường chính trong thôn 3**	
35.6.1	Đoạn từ hết đất nhà ông Lê Văn Hữu đến đến hết đất nhà bà Quách Thị Huấn; Đoạn từ giáp đất nhà ông Bùi Văn Phước đến hết đất nhà ông Lê Đăng Cường; Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Quang Phương đến hết đất nhà ông Lê Đăng Quang.	150
35.6.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Hiền Dương (đập Đồng Quốc), đến nhà ông Bùi Văn Toản	200
35.6.3	Đoạn từ nhà ông Bùi Thanh Chuân đến Trường bắn xã Xuân Phúc	150
35.7	**Các trục đường chính trong thôn 5**	
35.7.1	Đoạn từ nhà ông Lê Đăng Bình đến nhà bà Bùi Thị Bông, Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Hương đến nhà ông Lê Văn Hùng, đoạn Từ Nhà bà Lương Thị Lý đến nhà ông Lương Văn Hải, đoạn từ nhà bà Trần Thị Sâm đến nhà ông Lê Đăng Khương	150
35.7.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Thu đến nhà ông Bùi Văn Huynh; Đoạn từ nhà ông Quách Văn Nực đến nhà ông Bùi Văn Mạnh; Đoạn từ nhà Bà Hoàng Thị Do đến nhà ông Lương Văn Chin; Đoạn từ nhà ông Lương Văn Cường đến nhà ông Lương Văn Nhanh đoạn từ nhà ông Nguyễn Đăng Dũng đến nhà ông Bùi Văn Chúc	150
35.8	**Các trục đường chính trong thôn 6**	
35.8.1	Đoạn từ giáp đất ông Quách Hải Quân đến đất ông Quách Văn Chín Đoạn từ đầu đập thôn 6 đến hết hộ ông Quách Văn Thủy,	150
35.8.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Kỳ đến đất nhà ông Bùi Văn Kiểm thôn 7	150

35.8.3	Đoạn từ nhà ông Trương Văn Thỏi đến đất nhà ông Quách Phúc Cảnh thôn 8	150
35.9	**Các trục đường chính trong thôn 7**	
35.9.1	Đoạn từ nhà ông Nhữ Văn Tình đến nhà ông Hà Văn Minh	150
35.9.2	Đoạn từ nhà ông Lục Văn Hinh đến đất ông Quách Văn Kiệm, đoạn từ hội trường thôn 7 đến nhà ông Quách Đức Ái	150
35.10	**Các trục đường chính trong thôn 8**	
35.10.1	Đoạn từ nhà ông Trương Văn Ngọc đến đất ông Hà Thọ Cảnh giáp xã Yên Thọ	150
36	**XÃ PHÚC ĐƯỜNG (nay là xã Xuân Phúc)**	
36.1	**Tuyến đường từ nhà ông Xuân thôn 3 đến đập Khe Dài**	250
36.2	**Tuyến đường từ nhà bà Thoa đến đi Nhà máy đương Nông Cống**	
36.2.1	Tuyến đường từ giáp nhà bà Thoa đến nhà ông Sinh	300
36.2.2	Tuyến đường từ giáp nhà ông Sinh đi Nhà máy đương Nông Cống	250
36.3	**Dọc theo 2 bên các tuyến đường liên thôn**	
36.3.1	Tuyến nhà ông Quý thôn 1 đến nhà ông Danh Tình thôn 2	200
36.3.2	Tuyến giáp từ nhà Danh Tình thôn 2 đến nhà ông Lê Xuân Thảo	150
36.3.3	Từ giáp UBND xã đến nhà ông Thượng thôn 2	250
36.3.4	Từ nhà ông Thu thôn 2 đến nhà ông Lam thôn 2	200
36.3.5	Từ nhà ông Lực thôn 3 đến nhà ông Lộc thôn 4	200
36.3.6	Từ nhà ông Tý thôn 4 đến nhà ông Thoa Tư thôn 4	180
36.3.7	Từ nhà ông Hồng Râu thôn 1 đến nhà ông Lâm thôn 1	150
36.3.8	Từ nhà bà Huệ thôn 1 đến nhà ông Bình Nam thôn 2	150
36.3.9	Từ dốc Cây đa phòng không đến Khe Cạn đồi đất đỏ thôn 6	150
36.3.10	Từ dốc Cây đa phòng không đến nhà ông Kiệm thôn 6	150
36.3.11	Từ nhà ông Thuyết đến nhà ông Trình thôn 5	150
36.3.12	Tuyến nối từ đường Tỉnh lộ 520 đến nhà ông Lức thôn 5	150
36.3.13	Từ nhà ông Huynh thôn 5 đến nhà ông Vinh thôn 5	150
36.3.14	Từ nhà ông Mắn thôn 5 (thửa 269, tờ BĐ 17) đến nhà ông Chính thôn 5 (thửa 291, tờ BĐ 17)	150
36.3.15	Từ nhà ông Lương Thôn 6 (thửa 136, tờ BĐ 07) đến nhà ông Thuỷ thôn 6 (thửa 06, tờ BĐ 11)	150
36.3.16	Từ ngã ba nhà Tâm Vinh (thửa 158, tờ BĐ 10) đến nhà ông Tình (thửa 25, tờ 10)	150
36.3.17	Từ giáp Tỉnh lộ 520 đến nhà ông Giáp (thửa 236, tờ BĐ 17)	150
36.3.18	Giáp Tỉnh lộ 520 đến hết khu tái định cư Bái Giềng (thửa 264, tờ BĐ 17)	150
36.4	**Tại thôn 1: Từ nhà ông Ngọc đến nhà ông Dương Đình Thanh.**	150
36.5	**Tuyến từ nhà ông Đồng thôn 2 đến nhà ông Đào thôn 1**	150
36.6	**Tại thôn 2: Từ giáp đất ở nhà ông Loan (đấu giá năm 2014) đến nhà bà Cạy.**	150
36.7	**Tại thôn 3:**	
36.7.1	Từ nhà ông Hải đến nhà ông Hưng	150
36.7.2	Từ nhà ông Nuôi đến nhà ông Cường	150
36.8	**Tại thôn 5:**	150

36.8.1	Đoạn từ nhà bà Xây đến nhà Phan Văn Tuấn	150
36.8.2	Đoạn từ giáp nhà ông Nghiêm đến nhà ông Vinh	150
36.8.3	Đoạn từ nhà bà Thể đến nhà ông Hùng	150
36.9	**Tại thôn 6: Từ giáp nhà ông Thủy đến nhà ông Hoà**	150
36.9.1	Từ nhà bà Thư Viện thôn 6 đến hết đường đi Chợ Đập	150
36.9.2	Tuyến nhà Hùng Huế thôn 6 đến nhà bà Lối thôn 6	150
36.9.3	Tuyến đường nội thôn sau Trường THCS xã vào nhà ông Nghị, bà Cần	150
36.1	**Tại thôn 7: Tuyến từ nhà ông Sơn đến nhà ông Như**	150
36.11	**Các tuyến đường ngõ, ngách nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau**	
36.11.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	150
36.11.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	120
36.11.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	100
37	**XÃ XUÂN THÁI**	
37.1	**Dọc hai bên tuyến đường nhựa Hải Vân - Xuân Thái.**	
37.1.2	Từ đỉnh dốc Cục tiếp giáp Xuân Phúc đến cầu Sập	150
37.1.3	Từ hộ ông Cao Văn Hản (giáp cầu Sập) đến hộ ông Mai Thuỷ	250
37.1.4	Từ hết đất nhà ông Huy Phiên (lô 01 khu đất đấu giá) dọc theo đường nhựa đến Cầu thôn 4	350
37.1.5	Từ giáp cầu thôn 4 đến hết đất nhà ông Quách Văn Thiệp thôn Làng Lúng	250
37.1.6	Từ hết đất nhà ông Vi Văn Lãi thôn Làng Lúng đến đỉnh dốc mã	350
37.1.7	Từ tiếp giáp đỉnh Dốc Mã đến đỉnh Dốc Giang	150
37.1.8	Từ giáp đỉnh dốc Giang đến Trạm bảo vệ lâm trường Thanh Kỳ và hộ ông An - thôn Thanh Xuân	120
37.2	**Dọc hai bên các tuyến đường thôn**	
37.2.1	***Thôn Yên Khang***	
37.2.1.1	Từ Giáp đất hộ bà Bùi Thị Liên đến hết đất hộ ông Đinh Thị Huyền, Từ Giáp đất hộ ông Tính, hộ bà Mậu đến hết đất hộ ông Bùi Văn Thường và từ giáp đất hộ ông Phạm Văn Thuật đến hết đất hộ ông Lê Văn Hùng	120
37.2.2	***Thôn Đồng Lườn***	
37.2.2.1	Từ đất hộ ông Biền giáp đấy hộ ông Nguyệt ngã ba cầu Đồng Lườn đến hết đất hộ ông Huynh	150
37.2.2.2	Từ tiếp giáp hộ ông Nguyễn Văn Huynh đến hết đất hộ Nguyễn Văn Hường, từ đất hộ ông Lê Trung Bình đến hết đất hộ ông Cao Văn Thảo, Từ hộ ông Lô Văn Ngay đến hết đất hộ ông Bùi Văn Vinh và từ hộ ông Huyền quy nghĩa địa đến hộ ông Toán.I29	120
37.2.3	***Thôn Cây Nghia***	
37.2.3.1	Từ giáp đất hộ ông Huy Phiên ngã ba đi vào Trường mầm Non (khu 2)	150
37.2.3.2	Từ đất hộ ông Kin, ông Hùng đến hết đất hộ Trương Văn Tú; Từ ngã ba Nhà văn hoá Cây Nghia đến tường rào phía sau công sở xã; Từ đất hộ ông Diệp đến hết đất hộ ông Đảo và từ đất hộ ông Long đến hết đất hộ ông Mừng, ông Quy	120

37.2.4	***Thôn Ấp Cũ***	
37.2.4.1	Từ hộ ông Giáp, ông Bình đến ngã ba thửa đất hộ ông Thu	150
37.2.4.2	Từ cầu tràn Cây Si đến hết đất hộ ông Vi Văn Phương và đất hộ ông Thu đến hết đất hộ ông Bùi Văn Mận	120
37.2.5	***Thôn Làng Lúng***	
37.2.5.1	Từ hộ ông Vi Xuân Thi đến hết đất hộ ông Vi Văn Cần; Từ giáp đất hộ ông Quách Văn Hoà đến hết đất hộ ông Quách Văn Hợp; Từ giáp đất hộ ông Chung đến hộ ông Nhật và vào hộ bà Quyền; Từ giáp đất hộ ông Hà Văn Lý đến hết đất hộ ông Hà Văn Nhót; Từ giáp đất hộ ông Vui đến hết đất hộ ông Phương; Từ giáp đất hộ ông Lợi đến hết đất hộ ông Đồng; Từ giáp đất hộ ông Dũng đến hết đất hộ bà Toán và Từ hộ ông Binh đến hết hộ bà Định	120
37.2.6	***Thông Đồng Cốc***	
37.2.6.1	Từ giáp đất hộ ông Tư Loan đến hết đất hộ ông Chất; Từ ngã ba Dốc Mã đến hộ ông Hữu; Từ giáp hộ ông Sinh đến hết hộ ông Nghia và Từ giáp đất hộ ông Lâm đến hết đất hộ ông Mùi	120
35.2.7	***Thôn Ba Bái***	
35.2.7.1	Từ giáp đất hộ ông Dương đến hết hộ ông Thắng,Từ ngã ba (hộ ông Điền) đến hết đất hộ ông Thuyên, hộ bà Quách Thị Bảy; Từ giám đường liên xã đến hộ ông Bùi Ngọc Sơn và từ giáp đất hộ ông Phú đến hết đất hộ bà Đam	120
37.2.8	***Thôn Quảng Đại***	
37.2.8.1	Từ Dốc Đá đến hộ ông Luân; Từ dốc Nghĩa địa đến Dốc Chùa; Từ giáp đất hộ ông Vệ đến hết đất hộ ông Niên; Từ giáp hộ ông Hà Văn Vinh đến hết đất hộ ông Thể; Từ hộ ông Minh đến hộ ông Thuỷ và từ giáp đường liên xã đến hộ ông Hải	120
37.2.9	***Thôn Yên Vinh***	
37.2.9.1	Từ giáp hộ ông Hùng Iếng đến hết đất hộ ông Giáp;	120
37.2.10	***Thôn Thanh Xuân***	
37.2.10.1	Từ giáp hộ ông Quỳnh đến nghĩa địa; Từ giáp Nhà văn hoá thôn đến hết đất hộ ông Hùng Chiến; Từ giáp đất hộ ông Duyên Thịnh đến hết đất hộ ông Hiền Bành và giáp hộ ông Vân Thuỷ đến hết đất hộ ông Quế Lo	120
37.3	**Các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại nối với các tuyến đường trong bảng giá đất thì được tính như sau:**	
37.3.1	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 3 m trở lên	110
37.3.2	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ trên 2 m đến dưới 3 m	100
37.3.3	Các vị trí có mặt cắt đường vào rộng từ 2 m trở xuống	90

21. HUYỆN LẠNG CHÁNH

ĐVT: 1000 đồng/m^2

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**QUỐC LỘ 15A**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Trường Phương đến nhà ông Ba Quý, Nhà ông Đắc đến nhà bà Phương (thị trấn).	3.000
1.2	Đoạn từ nhà Hạnh Thăng đến đập tràn khu phố Chí Linh	2.200
1.3	Đoạn từ ngã ba Làng Nê Cắm đến nhà ông Hảo đối diện công ty Lâm nghiệp	2.000
1.4	Đoạn từ nhà ông Chiến đến nhà bà Hằng. Từ Toà Án đến giáp nhà ông Hùng Thiết	1.500
1.5	Đoạn từ hộ ông Hải Vân giáp (xã Đồng Lương) đến hộ ông Hoàng Quốc Toàn (thôn Tiu)	1.000
1.6	Đoạn từ hộ ông Phiên (thôn Tiu) đến hộ ông Tham giáo (thôn Tiu)	500
1.7	Đoạn từ nhà ông Nam (thé) đến hết Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.	1.500
1.8	Đoạn từ nhà ông Chung Thanh đến Công ty Lâm nghiệp	2.000
1.9	Đoạn từ nhà ông Tiền Bồng đến hết nhà ông Lợi xã Đồng Lương	1.000
1.10	Đoạn từ qua nhà ông Nam Thé đến hết hộ bà Xét làng Cốc Mốc, xã Đồng Lương	800
1.11	Đoạn từ nhà ông Thu đến hết dốc sáp Ong	500
1.12	Đoạn từ qua nhà ông Chung (Bé) làng Cắm đến giáp Ngọc Lặc (xã Đồng Lương)	500
2	**TỈNH LỘ 530: THỊ TRẤN - YÊN KHƯƠNG**	
2.1	Đoạn từ nhà ông Toan đến nhà ông Kim Lân vòng ra đến Ngân hàng (thị trấn)	6.000
2.2	Đoạn từ nhà Châu Nguyệt đến ngã ba bến xe	5.000
2.3	Từ nhà Long The đến nhà ông Khảm Tần	5.000
2.4	Đoạn từ nhà ông Nuôi đến nhà bà Nhị (thị trấn)	2.500
2.5	Đoạn từ nhà bà Mưng đến giáp cầu treo Quang Hiến	2.500
2.6	Đoạn Từ nhà bà Cáy khu phố Chiềng Trải đến giáp cầu Quang Hiến mới (thị trấn)	3.000
2.7	Đoạn từ đầu cầu treo Quang Hiến đến hết đất ông Sơn (thôn Phống Bàn)	1.500
2.8	Đoạn từ cầu cứng Hón Oi đến hết đất ông Phúc Tính (Thôn Phống Bàn)	2.000
2.9	Đoạn từ hộ ông Cảnh (thôn Phống Bàn) đến hộ ông Thuận (thôn Trùng)	1.400
2.10	Đoạn từ giáp đất nhà ông Thuận đến hộ ông Đính (thôn trùng)	450
2.11	Đoạn giáp đất ông Đính (thôn Trùng) đến giáp xã Trí Nang	150
2.12	Đoạn từ hộ bà Khai (cầu Giàng) đến hộ ông Chỉnh Bản Giàng (xã Trí Nang)	500
2.13	Đoạn qua hộ ông Chỉnh đến hộ ông Viện Bản Cảy (xã Trí Nang)	700
2.14	Đoạn từ hộ ông Tạo (Bản Cảy) đến hộ ông Giáp (bản En) (xã Trí Nang)	300
2.15	Đoạn từ hộ ông Tăng (bản En) đến hết (bản Hắc) (xã Trí Nang)	200
2.16	Đoạn từ ngã tư chợ đến hộ ông Vi Văn Nguyên.	900
2.17	Từ trường THCS đến đầu cầu Ngàm, (Yên Thắng)	900
2.18	Đoạn từ Ngã tư chợ đến cầu trường THCS Yên Thắng	1.000
2.19	Đoạn từ nhà ông Sơn bản Yên Thành đến nhà ông Năn bản Vần Ngoài (xã Yên Thắng)	150

2.20	Đoạn từ nhà Ông Năn bản Vần Ngoài đến cầu Ngàm	200
2.21	Đoạn từ hộ ông Lai (bản Chiềng Nưa) đến hộ ông Soạn (bản Chiềng Nưa).	350
2.22	Đoạn từ nhà ông Sao (bản Yên Bình) đến nhà ông Phương (bản Yên Bình)	180
2.23	Đoạn từ nhà ông Chinh (bản Xắng Hằng) đến nhà ông Tùng (bản Xắng Hằng)	250
3	**TỈNH LỘ 530 B: THỊ TRẤN - LÂM PHÚ**	
3.1	Đoạn từ nhà Huy Oanh đến hết nhà Oanh Ngọc, Quên Huệ, ông Bảo	5.000
3.2	Đoạn từ nhà Hòa Nhung đến giáp nhà Nam Lợi	3.500
3.2	Đoạn từ hộ ông Nam Lợi Vực Chếnh đến hộ ông Huyền Kiều (Chiềng Ban)	1.200
4	**QUỐC LỘ 16 (Đường vành đai biên giới)**	
4.1	Đoạn từ hộ ông Ợn (bản Pốc) đến hóng Co Mạ phía sau phân viện (xã Yên Thắng)	1.000
4.2	Đoạn từ qua Hóng Co Mạ phía sau Phân Viện đến Lò Văn Tân bản Vặn (xã Yên Thắng)	300
4.3	Đoạn từ nhà Ông Lương Văn Thâm bản Ngàm Pốc đến giáp ranh đất xã Yên Khương	300
4.4	Đoạn từ nhà ông Tân bản Vặn đến hết bản vặn xã Yên Thắng	150
4.5	Đoạn từ nhà ông Đức (bản Chí Lý Nặm Đanh) đến hộ ông Luân (bản Giàng)	200
II	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN LANG CHÁNH**	
1.1	Đường Thị trấn đi Làng Cui	
1.1.1	Đoạn từ Hiệu sách đến phòng Giáo dục huyện	6.000
1.1.2	Đoạn từ nhà ông Huy Viện Kiểm sát đến nhà ông Quế Hội (thị Trấn)	3.500
1.1.3	Đoạn từ nhà Loan Nhất đến nhà ông Hoan Giang (thị Trấn)	3.000
1.1.4	Đoạn từ nhà Thắng Hoa đến ngã ba làng Cui	2.000
1.1.5	Đoạn từ Liên đoàn Lao động huyện đến nhà ông Hải Thùy	1.500
1.2	Đường Thanh Niên: Từ nhà văn hóa Chiềng Trải đến nhà Tám Thọ,	900
1.3	Đường nội thị trấn:	
1.3.1	Đoạn từ ông Sơn đến nhà bà Thành Hằng, từ cổng trường Nội Trú đến nhà Thành Xuân	3.000
1.3.2	Đoạn từ nhà Hạnh Côi đến nhà bà Liên, từ nhà ông Nhượng đến hết Bệnh viện Đa Khoa, từ nhà ông Tiến Dương đến hết nhà ông Việt Việt,	3.000
1.3.3	Đoạn từ nhà Tuấn Thoa đến sân bóng Chiềng Trải.	2.200
1.3.4	Đoạn từ Trung tâm học tập cộng đồng đến hết nhà Lâm Tuyết, từ nhà Xuân Dung đến nhà Cẩn Hương, khu gia đình UBND huyện cũ;	1.500
1.3.5	Từ nhà Sơn Liên đến giáp nhà ông Toan (Sơn)	3.000
1.3.6	Đoạn nhà ông Hưng Nam Chiềng Trải đến nhà ông Thanh, từ nhà ông Hoãn khu phố Chiềng trải đến hết nhà ông Quyến bản Trải	1.500
1.3.7	Đoạn từ nhà ông Sinh đến nhà ông Nam Lưu (Thị Trấn)	2.000
1.3.8	Các đường, ngõ phía sau Công ty Thương nghiệp; khu vực phía sau huyện đội; Khu vực nhà ông Chuyên chợ cũ.	800
1.3.9	Các đường ngõ Bản Trải, Bản Lưỡi, khu vực nhà Máy nước (Từ nhà ông Hùng Tiệp đến nhà bà Thực)	800
1.3.10	Các đường ngõ Khu vực phía sau BQL rừng phòng hộ; Khu vực sau bảo dưỡng, khu vực công nhân Đoạn quản lý đường bộ 2.	700
1.3.11	Đoạn từ giáp nhà ông Long đến nhà bà Thân (Đường đi làng Giáng)	1.000

1.3.12	Đường nội thị trấn: Khu vực phía sau ngân hàng Nông nghiệp	800
1.3.13	Các tuyến đường ngõ ngách khác	450
1.4	Vành đai thị trấn (xã Quang Hiến)	800
2	**XÃ QUANG HIẾN (nay là thị trấn Lang Chánh)**	
2.1	Đường Quang Tân đi làng Oi:	
2.1.1	Đoạn từ hộ ông Ngoãn (Quang Tân) đến hộ ông Khanh (Làng Phống)	1.000
2.1.2	Đoạn từ hộ ông Định (làng Oi) đến hộ ông Minh(làng Oi)	150
2.1.3	Đoạn qua hộ ông Minh Làng Oi đến hết làng Oi	100
2.2	Đường làng Bàn đi làng Chiếu	
2.2.1	Đoạn từ hộ ông Tuấn Trang đến hộ ông Tuấn	350
2.2.2	Đoạn từ giáp đất ông Tuấn đến nga 3 vào cụm công nghiệp Bãi Bài	350
2.2.3	Đoạn từ đất hộ bà Ản đến hết đất thôn Phống Bàn	300
2.2.4	Đoạn từ hộ ông Anh (thôn Chiếu Bang) đến hết đất hộ ông Lê Văn Hiền	250
2.2.5	Đoạn từ giáp đất ông Lê Văn Hiền đến hết đất thôn Chiếu Bang	200
2.3	Đoạn từ hộ ông Sơn khiêm (thôn Phống Bàn) đến ngã 3 rẽ sân bóng (thôn Ảng)	300
2.4	Đoạn từ ngã 3 rẽ sân bóng (thôn Ảng) đến hộ ông Minh (thôn Ảng)	300
2.5	Đoạn từ đất hộ ông Tá đến ngã 3 rẽ chùa mèo	450
2.6	Đoạn từ hộ bà Minh đến ông Lê Xuân Mộng	350
2.7	Đường thị trấn đi làng Giáng: Đoạn từ hộ ông Nguyên làng Giáng đến hết làng Giáng	350
2.8	Các ngõ ngách:	
2.8.1	Ngõ ngách thôn Quang Tân	300
2.8.2	Ngõ ngách các bản: Chiềng Ban, Tỉu, Phống	80
2.8.3	Ngõ ngách các bản: Trùng, Bàn, Bang , Chiếu, Ảng, Oi, Giáng	80
3	**XÃ ĐỒNG LƯƠNG**	
3.1	Đoạn từ Quốc lộ 15A đi Tân Phúc Đồng Lương: Đoạn từ nhà ông Lưu đến hộ ông Thanh làng Mốc	350
3.2	Đoạn đường làng Quên đi Chiềng Khạt: Đoạn từ ông Dịch làng Quên đến nhà ông Chi làng Khạt	200
3.3	Đường làng Khạt đi làng Thung: Từ qua nhà ông nhà ông Huê làng Khạt đến hết nhà ông Huấn làng Khạt	200
3.4	Đường đi làng Nê, Chỏng: Đoạn từ qua nhà ông Tiền Bồng đến đập tràn làng Nê, Đoạn từ nhà ông Muôn đến đập tràn làng Chỏng.	200
3.5	Đường Chiềng Khạt đi làng Nê, Cắm, Chỏng: Đoạn từ ngã ba đường nhà ông Xoan đến làng Xuốm, Chỏng, Nê, Cắm	150
3.6	Các ngõ, ngách.	
3.6.1	Ngõ ngách làng Cui	80
3.6.2	Ngõ ngách làng Cốc Mốc, Quên Quắc,	80
3.6.3	Ngõ ngách làng: Khạt, Xuốm Chỏng, Nê Cắm, Thung	80
4	**XÃ TÂN PHÚC**	
4.1	Đường Thị Trấn đi Lâm Phú:	
4.1.1	Đoạn từ hộ bà Hiến (Tân Thành) đến ngã ba hộ ông Nguyễn Hữu Trang	630
4.1.2	Đoạn từ hộ bà Lê Thị Thu đến hộ ông Lê Văn Tân - Tân Thành	450
4.1.3	Đoạn từ hộ ông Thuận Tân Thành đến hộ ông Lê Đức Thuận thôn Tân Thủy	400

4.1.4	Đoạn từ hộ ông Ngoan Tân Thủy đến hộ ông Định thôn Tân Thủy	380
4.1.5	Đoạn từ hộ bà Thu Tân Thủy đến hộ ông Thắm Tân Thủy	450
4.1.6	Đoạn từ hộ ông Ỉn (Tân Lập) đến hết thôn Tân Lập.	200
4.2	Đường Tân Thành đi Chạc Rạnh: Đoạn từ hộ ông Huyến (Tân Thành) đến hộ ông Chính (Tân Phong)	300
4.3	Đường Tân Phong đi Quốc lộ 15A: Đoạn từ hộ ông Đông (Tân Phong) đến hộ ông Trân (Tân Tiến)	200
4.4	Đường Tân tiến đi Chạc Rạnh: Đoạn từ qua hộ ông Trân (Tân Tiến) đến hết thôn Chạc Rạnh	150
4.5	Đường vào thôn Sơn Thuỷ: Đoạn từ hộ ông Pháp (Sơn Thủy) đến hộ ông Huế (Sơn Thủy)	90
4.6	Đường vào Tân Sơn: Đoạn từ hộ ông Bồng (Thôn Tân Sơn) đến hộ ông Phúc(Tân Sơn)	80
4.7	Các ngõ ngách	
4.7.1	Ngõ ngách các thôn: Tân Thành, Tân Thủy, Tân Phong, Tân Lập, Tân Bình, Tân Sơn	80
4.7.2	Ngõ ngách các thôn:Tân Cương, Tân Biên,	80
4.7.3	Ngõ ngách thôn Tân Tiến	80
5	**XÃ TAM VĂN**	
5.1	Đường Thị Trấn đi Lâm Phú:	
5.1.1	Đoạn từ Bưu điện Văn hóa xã Tam Văn đến Cổng Nhà Văn hóa bản Lọng	300
5.1.2	Đoạn từ Cổng Nhà văn hóa Bản Lọng đến mốc địa giới giữa Tam Văn, lâm Phú	250
5.1.3	Từ Bưu điện Văn hóa xã đến cột mốc địa giới giữa Tam Văn, Tân Phúc	250
5.2	Đường đi Bản Phá: Đoạn từ Đầu Cầu treo (bản Lọng) đến đến đầu hồi đất Nhà Ông Phấn (Bản Phá).	130
5.3	Các ngõ ngách.	
5.3.1	Ngõ ngách các bản: Lọng, Cú, U	80
5.3.2	Ngõ ngách các bản: Căm, Lót, Phá	80
6	**XÃ TRÍ NANG**	
6.1	Đường Trí Nang đi Giao An: Đoạn từ hộ bà Xuân (Cầu Giàng) đến hết nhà ông Tom (bản Vìn)	300
6.2	Đường vào bản Giàng: Đoạn từ hộ ông Yêng (bản Giàng) đến hộ ông Hoạt (bản Giàng)	100
6.3	Đường vào bản Cảy: Đoạn từ Trường Mầm non (bản Cảy) đến hết (bản Cảy)	80
6.4	Đường từ ngã ba kiểm lâm làng En đến mỏ Cao lanh	150
6.5	Đoạn từ nhà ông Néng đến hết bản Năng Cát	150
6.6	Đường vào bản Hắc: Từ hộ bản Khánh (bản Hắc) đến hộ ông Am (bản Hắc)	80
6.7	Các ngõ ngách:	80
6.7.1	Ngõ ngách bản Năng Cát	100
6.7.2	Ngõ ngách các bản: Bản Giàng Vìn, Bản En, Bản Hắc, Bản Cảy	80
7	**XÃ GIAO AN**	
7.1	Đoạn giáp xã Trí Nang đến đập tràn làng Chiềng Nang	250
7.2	Từ Đập tràn làng Chiềng Nang đến hộ ông Hùng Làng Viên	350
7.3	Từ hộ ông Hùng Làng Viên đến giáp xã Giao Thiện	250

7.4	Đường UBND xã đi Chiềng Nang: Đoạn từ UBND xã đến ngã ba làng Chiềng Nàng	250
7.5	Đường Làng Ang đi làng Trô: Đoạn từ hộ ông Cầu đến hộ ông Quang làng Ang; Đoạn từ hộ ông Lực đến hộ ông Thắng làng Bắc Nặm; Đoạn từ hộ ông Lâm đến hộ ông Oanh làng Trô.	250
7.6	Các ngõ ngách:	
7.6.1	Ngõ ngách thôn Trô	80
7.6.2	Ngõ ngách.các thôn: Chiềng Nang, Bắc Nặm, Ang, Viên	80
8	**XÃ GIAO THIỆN**	
8.1	Đường Giao Thiện đi Lương Sơn huyện Thường Xuân:	
8.1.1	Đoạn từ hộ ông Mao (ngã ba làng Poọng) đến cây xăng ông Nguyễn Hữu Hùng (làng Poọng)	900
8.1.2	Đoạn từ cổng chào ông Ngọc chon (làng Poọng) đến hộ ông Lý Phương (làng Poọng).	500
8.1.3	Từ cây xăng ông Hùng (làng Poọng) đến cơ sở sản xuất ông Phạm Ngọc Thanh (làng Poọng)	500
8.1.4	Từ ông Thắng đến ông Thanh (Nghịu Tượt)	400
8.1.5	Đoạn từ cơ sở sản xuất ông Thanh đến hết làng Nghịu Tượt	400
8.2	Đường Poọng đi Lằn sổ: Đoạn từ hộ ông Mao (làng Poọng) đến hộ ông Tiếp (làng Chiềng Lằn)	500
8.3	Đường Bến Lậm đi Khụ I: Đoạn từ hộ ông Dũng (Bến Lậm) đến hộ ông Nam (Khụ I)	250
8.4	Đường Khụ I đi Khụ II: Từ hộ ông Canh (khụ I) đến hộ ông Nghĩa (Khụ II)	250
8.5	Đường Khụ I đi Poọng: Từ hộ ông Nam (Khụ I) đến hộ ông Lương Văn Tiên (Khụ I)	250
8.6	Đường Chiềng Lằn đi Húng: Đoạn từ hộ ông Tiếp (Chiềng Lằn) đến hộ ông Duyên (Chiềng Lằn)	150
8.7	Đường Lằn sổ đi Chiềng Lẹn: Từ ông Tòng đến hộ ông Hậu giáp sông sạo (Chiềng Lẹn).	150
8.8	Đường thôn Húng: Đoạn từ hôn Ông Tuấn vì đến hộ ông Vi Thanh Hùng	100
8.9	Đoạn từ ngã ba đập tràn sông Sạo đến xưởng sản xuất ông Chiến (làng Poọng)	400
8.10	Đoạn từ ông Xoan (khụ 1) đến hộ ông Điền Khụ 1	200
8.11	Từ ông Thắng đến ông Thanh (Nghịu Tượt)	250
8.12	Các ngõ ngách: Húng, Chiềng Lằn, Khụ 1, Khụ, Poọng, Nghịu, Tượt,	80
9	**XÃ YÊN THẮNG**	
9.1	Đường đi làng Peo:	
9.1.1	Đoạn từ trường mẫu giáo thôn Vần đến nhà ông Lương Vần trong	80
9.1.2	Đoạn từ qua nhà ông Lương (vần trong) đến nhà ông Quyết (làng Peo); Từ nhà ông Công làng ngàm đến hết nhà ông Quyết (làng peo)	80
9.2	Đường vào Vần Ngoài: Từ nhà ông Nọc Vần ngoài đến hộ ông Chủ (Vần ngoài).	80
9.3	Đường vào làng Vặn	
9.3.1	Đoạn từ nhà ông Nghị (Vặn) đến hết nhà ông Xoan Vặn	80
9.3.2	Đoạn từ nhà ông Huy làng Vặn đến giáp Yên Khương	80

9.4	Đường đi Yên Khương: Từ nhà ông Lò văn Ứng (làng Ngàm) đến giáp đường đi Yên Khương	80
9.5	Đường vào làng Tráng: Từ nhà ông Lai làng Tráng đến hộ ông Hôm làng Tráng.	80
9.6	Đường vào Vần Trong: Từ nhà ông Tới Vần Trong đến hộ ông Con Vần Trong	80
9.7	Các ngõ ngách:	
9.7.1	Ngõ ngách các thôn: Ngàm	80
9.7.2	Ngõ ngách các thôn: Vần trong, Vần Ngoài, Tráng, Yên Thành, Peo, Cơn, Vịn, Pốc, Vặn	80
9.8	Đường đi bản Cơn, bản Vịn: Đoạn từ cầu Ngàm đến hết bản Vịn	80
10	**XÃ YÊN KHƯƠNG**	
10.1	Đường 135: Đoạn đường từ nhà ông Thấm (bản Giàng) đến nhà ông May (bản Giàng)	250
10.2	Đường xã	
10.2.1	Đoạn từ hộ bà Mai (bản Chiềng Nưa) đến hộ ông Phúc (bản Chiềng Nưa)	250
10.2.2	Đoạn từ nhà ông Sơn (bản Bôn) đến nhà ông Tăm (bản Bôn)	380
10.2.3	Đoạn từ nhà ông Viện (bản Bôn) đến nhà ông Cường (bản Xã)	250
10.3	Đường liên thôn	
10.3.1	Đường từ nhà anh Thiết (bản xã) đến nhà ông Chúc (bản Xã)	120
10.3.2	Đường từ nhà anh Ợn (bản Bôn) đến nhà ông Vinh (bản Tứ Chiềng)	120
10.3.3	Đường từ nhà ông Bảy (bản Tứ Chiềng) đến nhà ông Mính (Bản Tứ Chiềng)	120
10.3.4	Đường từ nhà ông Xệp (bản Mè) đến nhà ông Tong (bản Chí Lý Nặm Đanh).	120
10.3.5	Đoạn từ nhà ông Hiền (bản Chiềng Nưa) đến nhà ông Mẫn (bản Chiềng Nưa)	100
10.3.6	Đoạn từ nhà ông Ngọc (bản Xắng Hằng) đến nhà ông Chuyên (bản Xắng Hằng)	100
10.4	Các ngõ ngách khác con lại trong xã	80
11	**XÃ LÂM PHÚ**	
11.1	Đường thị trấn đi Lâm Phú	
11.1.1	Đoạn từ hộ ông Niệm (bản cháo Pi) đến hộ ông En (Bản Đôn)	350
11.1.2	Đoạn từ hộ ông Sáng (bản Tiên) đến hộ ông Toàn (bản Tiên)	200
11.1.3	Đoạn từ hộ ông Tầm (bản Tiên) đến hộ ông Toàn (bản Tiên)	200
11.1.4	Đoạn từ ngã ba hộ ông Toàn (bản Tiên) đến hộ ông Hơn (bản Cháo Pi)	200
11.1.5	Đoạn từ hộ ông Tâm (bản Đôn) đến hộ ông Nhóm (Bản Ngày)	200
11.1.6	Đoạn từ hộ ông Lụa (Bản Ngày) đến hết (bản Tiến)	100
11.2	Đường Nà Đang: Đoạn từu ngã ba đường lâm nghiệp (bản Ngày) đến hết bản Nà Đang	80
11.3	Đoạn từ nhà bà Phượng (bản Đôn) đến nhà văn hóa xã Lâm Phú	80
11.4	Đoạn từ nhà ông Thái (bản Tiến) đến nhà ông Nhất bản Tiến.	80
11.5	Các ngõ ngách	
11.5.1	Các ngõ ngách trong các bản: Đôn, Cháo Pi, Poong	80
11.5.2	Các ngõ ngách trong các bản: Tiến, Tiên, Ngày, Buốc, Nà Đang.	80

22. HUYỆN BÁ THƯỚC

ĐVT: 1000 đồng/m^2

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
1	**QUỐC LỘ 217**	
1.1	Đoạn đường giáp Cẩm Thủy đến hết thôn Trúc (Điền Trung).	1.000
1.2	Đoạn đường từ đầu thôn Kéo đến đầu Trường Hà Văn Mao (Điền Trung).	1.200
1.3	Đoạn đường từ Hà Văn Mao đến cầu Đại Lạn (Điền Trung)	1.500
1.4	Đoạn từ cầu Đại Lạn đến thửa 60, tờ BĐ 25 (ông Lợi Vân); (Điền Lư)	5.000
1.5	Đoạn từ thửa 579 và thửa 529, tờ BĐ 25, đến thửa 12 tờ BĐ 24 (Bùi Thị Hiền); (Điền Lư)	3.000
1.6	Đoạn tiếp giáp thửa 12, tờ BĐ 24 đến hết thôn Bái Tôm, thửa 01, tờ BĐ 06 (hộ Nguyễn Tất Hùng); (Điền Lư)	1.800
1.7	Đoạn ngã 3 Lâm Trường Làng Đào (Điền Quang) - hết thôn Khước (Điền Quang)	1.600
1.8	Đoạn tiếp giáp thôn Thôn Khước đi thôn Luyện đến hết địa phận Bái Tôm (Điền Quang)	800
1.9	Đoạn từ giáp Điền Lư + Điền Quang đến hết thôn Bái Tôm (Ái Thượng).	600
1.10	Đoạn từ đầu thôn Tôm đến hết thôn Thung (Ái Thượng)	600
1.11	Đoạn từ đầu thôn Trung Tâm đến Hón La (Ái Thượng)	850
1.12	Đoạn từ Hón La đến cầu Đắm (Ái Thượng)	700
1.13	Đoạn từ cầu Đắm đến cầu Mùn (Lâm Xa)	800
1.14	Đoạn Cầu Mùn đến đường đi Tân Lập (phố 2, Lâm Xa)	2.500
1.15	Đoạn từ số nhà 71 phố 5 đến số nhà 56 phố 4 (TT Cành Nàng)	4.500
1.16	Đoạn từ số nhà 55 phố 4 đến đầu phố 3 (TT Cành Nàng)	4.800
1.17	Đoạn từ cuối phố 2 đến đầu phố (TT Cành Nàng)	5.000
1.18	Đoạn từ cuối phố 1 đến số nhà 20 phố 1 (TT Cành Nàng)	4.800
1.19	Đoạn từ số nhà 19 đến đầu phố 1 (TT Cành Nàng)	4.500
1.20	Đoạn đầu phố 1, thị trấn Cành Nàng đến thôn Vận Tải (xã Lâm Xa, cũ)	2.500
1.21	Đoạn từ đầu thôn Vận tải đến hết thôn Vận Tải (xã Lâm Xa, cũ)	2.000
1.22	Đoạn từ đầu làng Tráng, Lâm Xa đến hết thôn Suội, Thiết Ống (Lâm Xa (cũ) và Thiết Ống)	900
1.23	Đoạn từ đầu thôn Quyết Thắng đến Ngã ba đi Km 0 hết địa phận Thiết Ống (Thiết Ống)	1.080
1.24	Đoạn từ Km 0 đến hết thửa đất 108 tờ BĐ 15 (nhà ông Nam); (Thiết Kế)	1.000
1.25	Đoạn giáp nhà ông Nam (thửa đất 108 tờ BĐ 15) đến đập tràn Km2 (Thiết Kế)	600
1.26	Đoạn từ đập tràn Km2 đến giáp ranh Kỳ Tân (Thiết Kế)	450
1.27	Đoạn từ Km 2- Km 5 (Kỳ Tân)	300
1.28	Đoạn từ Km 6- Km 7 (Kỳ Tân)	300
1.29	Đoạn từ Km 8 - Km 9, làng Khà (Kỳ Tân)	400
1.30	Đoạn từ Km 10 - Km 11 (Kỳ Tân)	250
1.31	Đoạn từ Km 12 - Km 13 thôn Buốc giáp Quan Sơn (Kỳ Tân)	300
2	**QUỐC LỘ 15A**	
2.1	Đoạn từ Km 0 đến (thửa số 7) nhà ông Tài (Thiết Kế)	1.000
2.2	Đoạn tiếp từ hộ ông Tài đến đập tràn làng Cha (Thiết Kế)	600

2.3	Đoạn Làng Cha - làng Luồng - làng Kế -làng Khung đến làng Chảy Kế giáp Quan Hóa (Thiết Kế)	550
2.4	Đoạn ngã ba Đồng Tâm 1 - Dốc Na Pan (Thiết Ống)	720
2.5	Đoạn từ dốc Na Pan - làng Đô - làng Cú - làng Trệch -làng Hang giáp Lang Chánh (Thiết Ống)	660
3	**TỈNH LỘ 521 B**	
3.1	Đoạn Cầu La Hán đến Ngã 3 đi Hón Tràm (Ban Công)	1.500
3.2	Ngã 3 đi Hón Tràm đến thôn Sát (Ban Công)	600
3.3	Đoạn chợ Cầu Treo - Trung tâm xã Ban Công (Ban Công)	450
3.4	Đoạn Trung Tâm xã đi ngã 3 làng Tôm (Ban Công)	400
3.5	Đoạn ngã 3 làng Tôm (Ban Công) đến tràn suối Tếch (Ban Công)	400
3.6	Đoạn tràn suối Tếch đi hết Thành Lâm (Thành Lâm)	150
3.7	Đoạn giáp Thành Lâm đến Cây Xăng (Lũng Niêm)	300
3.8	Đoạn giáp cây xăng đến đầu ngã 3 nhà ông Thư (Lũng Niêm)	800
3.9	Đoạn ngã 3 nhà ông Thư đi tràn Hón Ngài (Lũng Niêm)	1.000
3.10	Đoạn từ tràn Hón Ngài đến hết Trạm Kiểm Lâm (Cổ Lũng)	1.000
3.11	Đoạn từ Trạm Kiểm Lâm đến ngã 3 làng Phìa (Cổ Lũng)	800
3.12	Đoạn ngã 3 Làng Phìa đến hết thôn Nang giáp Lũng Cao (Cổ Lũng)	500
3.13	Đoạn đầu làng Cao đến Ngã 3 làng Cao đi nhà ông Hà Văn Soạt (Lũng Cao)	500
3.14	Đoạn từ ông Hà Văn Soạt (làng Cao) đi thôn Nủa (Lũng Cao)	400
3.15	Đoạn từ Ngã 3 làng Cao đi nhà ông Ngân Như Luyện làng Cao (Lũng Cao)	500
3.16	Đoạn nhà Ông Luyện (làng Cao) đi Son Bá Mười giáp tỉnh Hòa Bình (Lũng Cao)	400
4	**TỈNH LỘ 521 C**	
4.1	Đoạn ngã 3 làng Tôm đến thôn Cốc giáp xã Thành Lâm (Ban Công)	400
4.2	Đoạn đầu thôn Cốc đi hết thôn Leo (Thành Lâm)	250
4.3	Đoạn đầu thôn Đôn đi hết Thành Lâm (Thành Lâm)	500
4.4	Đoạn từ Nông Công - UBND xã Thành Sơn (Thành Sơn)	300
4.5	Đoạn từ UBND xã - Pà Ban - Eo Kén giáp tỉnh Hòa Bình (Thành Sơn)	250
5	**TỈNH LỘ 523 B**	
5.1	Đoạn Ngã 3 Điền Lư (thửa 906-26) hộ bà Vinh Bình đến hết thửa 801-26 hộ Bình Thêu (Điền Lư)	3.000
5.2	Đoạn tiếp giáp (thửa 801 tờ BĐ 26) hộ ông Nguyễn Mạnh Huy đến hết Trạm y tế (Điền Lư)	2.200
5.3	Đoạn tiếp giáp Trạm y tế (thửa 664, tờ BĐ 26) đến hết Trạm Truyền hình (Điền Lư)	1.050
5.4	Đoạn tiếp giáp Đài Truyền hình đến thửa 131 tờ BĐ 26 (Bà Hoan Thức); (Điền Lư)	750
5.5	Đoạn từ thửa 114 tờ BĐ 26 đến Cầu kẹm (Điền Lư)	500
5.6	Đoạn Câu Kẹm đi hết xã Lương Ngoại (Lương Ngoại)	400
5.7	Đoạn dốc Vắt -Hón Lải (từ thửa 106 đến hết thửa 132 tờ BĐ 15); (Lương Trung)	600
5.8	Đoạn Hón Lải đến đường đi làng Xi (từ thửa 126 đến hết thửa 124, tờ BĐ 15)(Lương Trung) ubnd	500
5.9	Đoạn đường đi làng Xi giáp đất ông Nhị (từ thửa 118 đến hết thửa 101(15);(Lương Trung) ubnd	800

5.10	Đoạn ông Nhị đến hết ông Tha (từ thửa 115 đến thửa 14, tờ BĐ16); (Lương Trung)	1.000
5.11	Đoạn từ giáp ông Tha đến hết ông Linh (từ thửa 15 đến thửa 63, tờ BĐ 16);(Lương Trung)	450
5.12	Đoạn từ giáp ông Linh đến hết làng Quang (từ thửa 98 đến thửa 173, tờ BĐ 16)(Lương Trung)	330
5.13	Đoạn ông Chuyên-Hết ông Tích (từ thửa 203, tờ BĐ 16 đến thửa 222, tờ BĐ 17); (Lương Trung)	450
5.14	Đoạn từ giáp ông Tích-hết giáp Lương Nội (từ thửa 208 tờ17 đến thửa 01 tờ 06) (Lương Trung)	220
5.15	Đoạn giáp Lương Trung đến đập tràn Mó Tôm (Lương Nôi)	250
5.16	Đoạn đập tràn Mó Tôm đi Cẩm Quý (Lương Nội)	200
6	**TỈNH LỘ 523 D**	
6.1	Đoạn ngã ba đường đi Hón Tràm đến giáp làng Chu Tân Lập (Ban Công)	400
6.2	Đoạn từ đầu làng Chu (Tân Lập) đến tiếp giáp Chiềng Ai Hạ Trung (Tân Lập, cũ)	500
6.3	Đoạn đường từ Chiềng Ai - Cò Con (Hạ Trung)	140
6.4	Đoạn Cò Con đến Má Cộn (Hạ Trung)	200
6.5	Đoạn Má Cộn đi làng Khiêng (Hạ Trung)	120
6.6	Đoạn từ giáp làng Khiêng, Hạ Trung đến đầu làng Ri Lương Nội (Lương Nội)	100
6.7	Đoạn đầu làng Ri đến Trường THCS (Lương Nội)	150
6.8	Đoạn đầu Trường THCS đến giáp đường Tỉnh lộ 523B ngã 3 Mó Tôm (Lương Nội)	200
II	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
1	**THỊ TRẤN CÀNH NÀNG**	
1.1	Đường 2 Thị trấn Cành Nàng	
1.1.1	Đoạn đường từ đầu phố 1 đến SN 02 phố 1	2.000
1.1.2	Đoạn từ SN 02 đến SN 16 phố 1	2.500
1.1.3	Đoạn từ SN 02 phố 2 đến SN 56 phố 2	2.500
1.1.4	Đoạn từ SN 33 phố 3 đến SN 28 phố 4	2.500
1.1.5	Đoạn SN 30 phố 4 đến SN 15 phố 5	2.000
1.2	Đường 3 thị trấn Cành Nàng	500
1.3	Các trục ngang từ đường QL 217 sang đường 2 TTCN	1.500
1.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
2	**XÃ LƯƠNG NGOẠI**	
2.1	Các đoạn tiếp giáp đường Tỉnh lộ 523B đi Dần Long, Ngọc Sinh, Giầu Cả, đi Cốc Cáo	200
2.2	Đường ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
3	**XÃ ÁI THƯỢNG**	
3.1	Đoạn đường từ thôn Giỏi đi Điền Quang	200
3.2	Đoạn Ngã ba thôn Trung Tâm đi UBND xã.	300
3.3	Đoạn từ UBND xã đến hết thôn Chênh (giáp Hạ Trung)	200
3.4	Đoạn ngã ba thôn Mý đi bến đò thôn Mý (đường đi Hạ Trung)	140
3.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120

4	**XÃ HẠ TRUNG**	
4.1	Đoạn thôn Cộc đi thôn Khiêng	110
4.2	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
5	**XÃ TÂN LẬP (nay là thị trấn Cành Nàng)**	
5.1	Đoạn tiếp giáp đường nhựa 523D đi hết làng Măng	200
5.2	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
6	**XÃ LƯƠNG TRUNG**	
6.1	Đoạn cổng chào sau Bưu điện đến đập tràn (từ thửa 142 đến hết thửa 171, tờ BĐ 15)	200
6.2	Đoạn từ đập tràn đến hết đất ông Khang (từ thửa 03 đến hết thửa 264 , tờ BĐ 23)	220
6.3	Đoạn từ giáp ông Khang đếnTrại bò (từ thửa 251, tờ BĐ 23 đến thửa 367 tờ BĐ 24)	240
6.4	Đoạn từ giáp Trại bò đến đường vào ông Tý (từ giáp thửa 367 tờ BD 24 đến thửa 123, tờ BĐ 43)	200
6.5	Đoạn từ giáp đường vào ông Tý- Eo Chim (từ thửa 128, tờ BĐ 43 đến thửa 120, tờ BĐ 44)	240
6.6	Đoạn từ ngã ba Trung Thủy đi Rộc Lụt (từ thửa 240, tờ BĐ 23 đến thửa 576, tờ BĐ 32)	144
6.7	Đoạn từ Rộc Lụt đến Nhà văn hoá thôn Sơn Thủy (từ thửa 627, tờ BĐ 32 đến thửa 281, tờ BĐ 40)	140
6.8	Trung tâm thôn Chòm Mốt (từ thửa 1 đến thửa 5, tờ BĐ 31)	140
6.9	Trung tâm thôn Quang Trung (từ thửa 68 đến thửa 198, tờ BĐ 15)	180
6.10	Trung tâm thôn Phú Sơn (từ thửa 97 đến thửa 136, tờ BĐ 8)	140
6.11	Trung tâm thôn Trung Sơn (từ thửa 74 đến thửa 69, tờ BĐ36; từ thửa 252 đến thửa 279, tờ BĐ 27)	140
6.12	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
7	**XÃ CỔ LŨNG**	
7.1	Đoạn từ ngã ba thôn Phìa đến cầu Nà Khà	500
7.2	Đoạn từ cầu Nà Khà đến hết thôn Khuyn	300
7.3	Đoạn từ ngã ba nhà ông Duẩn thôn Ấm-Hiêu đến nhà ông Đức thôn Ấm-Hiêu (đường lên thác Hiêu)	350
7.4	Đoạn từ ngã ba nhà ông Thỉnh, thôn Nà Khà đến nhà ông Cói, thôn Lọng gần Nhà bia Tưởng niệm	300
7.5	Đoạn từ ngã ba nhà ông Thuật thôn Lọng đi thôn Đốc, đi đến tràn thôn Lác	300
7.6	Đoạn ngã ba nhà cô Thảo, thôn Lọng đi hết thôn Tến Mới	300
7.7	Đoạn từ thôn Tến Mới đi hết thôn Eo Điếu	200
7.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
8	**XÃ THÀNH LÂM**	
8.1	Đoạn QL 521C (thôn Cốc) đi UBND xã Thành Lâm	150
8.2	UBND xã đi đến ngã ba làng Đôn	150
8.3	Ngã ba làng Đôn đến QL 521C (thôn Đôn)	150
8.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
9	**XÃ ĐIỀN LƯ**	
9.1	Đoạn ngã 3 Kẹn đi thôn Chênh Ái Thượng	250

9.2	Đoạn tiếp giáp QL 217 từ thửa 275, tờ BĐ 25 (hộ Cao Văn Sơn) đến cống Tràn hết thửa 98, tờ BĐ 25 (hộ Bùi Xuân Kỷ)	250
9.3	Đoạn tiếp giáp QL 217 từ thửa 587, tờ 25 (Bà Lê Thị Mai) đến hết thửa 536, tờ 25 (Hộ Ông Lê Hải)	2.000
9.4	Đoạn tiếp giáp QL 217 từ thửa 593, tờ BĐ 26 (Đào Đức Thô) Trường THCS Điền Lư, thửa 618, tờ BĐ 25	2.500
9.5	Đoạn tiếp giáp QL 217 từ thửa 784, tờ BĐ 26 (Trương Xuân Sỹ) đến hết thửa 738, tờ BĐ 26 (hộ bà Sâm Nghĩa)	1.000
9.6	Đoạn từ cổng chào Điền Tiến đi hết thửa 131, tờ BĐ 15 (Điền Giang)	200
9.7	Đoạn giáp hộ ông Hương (thửa 983,984 tờ BĐ 22) đến ngã 3 đi hội trường thôn Võ (thửa 96 tờ BĐ 14)	200
9.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	140
10	**XÃ THIẾT ỐNG**	
10.1	Đoạn ngã 3 cầu Hón Nga - (ngã 3 Liên Thành) thôn Dốc	360
10.2	Đoạn ngã 3 Liên Thành (thôn Dốc) đi Liên Thành, đi thôn Sặng	150
10.3	Đoạn ngã 3 Làng Chun đến hết Trạm biến thế 110KV	300
10.4	Đoạn từ hết Trạm 110KV đi Liên thành	150
10.5	Đoạn ngã 3 chợ Đồng Tâm đi ngã 3 Trường Tiểu học 1 Thiết Ống	500
10.6	Đoạn tiếp giáp QL 15A đi hết thôn Thúy	150
10.7	Đoạn tiếp giáp QL 217 đi hết thôn Cốc	150
10.8	Đoạn QL217 cũ (Bá Lộc) từ thửa 128 đến thửa 198, tờ BĐ 30	300
10.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
11	**XÃ ĐIỀN HẠ**	
11.1	Đoạn giáp Điền Trung đến hết làng Xăm	150
11.2	Đoạn từ đầu làng Né đi Thành Điền đến hết làng Nam	150
11.3	Đoạn từ đầu làng Bứng đến hết làng Bứng (giáp Điền Thượng)	150
11.4	Đoạn ngã 3 cổng chào Thành Điền đi làng Đèn đến hết làng Duồng (giáp Cẩm Thủy)	120
11.5	Đoạn ngã 3 cổng chào Thành Điền đi làng Đớn	100
11.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
12	**XÃ VĂN NHO**	
12.1	Đoạn đường nhựa từ QL 217 - đến ngã 3 làng Lè	200
12.2	Đoạn từ Ngã 3 làng Lè đi làng Đác	150
12.3	Đoạn từ (nhà ông Khương) ngã ba thôn Đác đi Hang Cá thần Văn Nho	150
12.4	Đoạn từ Hang Cá thần Văn Nho đến nhà ông Thanh Kẻo Hiềng	140
12.5	Đoạn ngã ba thôn Tổ Lè (tại nhà ông Pếu) đi thôn Kịnh, thôn Chuông Cải.	140
12.6	Đoạn từ nhà ông Ngư thôn Chuông Cải đi Chiêng Mới đến ngã ba thôn Cha Kỷ.	120
12.7	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
13	**XÃ KỲ TÂN**	
13.1	Đoạn Km 5 đi thôn Buốc Bo	150
13.2	Đoạn Km 7 đi thôn Buốc Bo	120
13.3	Đoạn Km 8 đi thôn Pặt	120
13.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
14	**XÃ THIẾT KẾ**	

14.1	Các đoạn đấu mối đường QL15 A đi làng Cha, làng Khung, làng Kế, làng Chảy Kế.	150
14.2	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
15	**XÃ LÂM XA (nay là thị trấn Cành Nàng)**	
15.1	Các đoạn đường tiếp giáp với Đường 2 thị trấn Cành Nàng	2.000
15.2	Đoạn từ QL 217 đi khu Đồng Cơn thôn Tráng, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.3	Đoạn từ QL 217 đến ngã 3 nhà Phạm Văn Đô thôn Tráng, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.4	Đoạn từ nhà Phạm Văn Đô thôn Tráng, Lâm Xa đến nhà Bùi Thị Dân thôn Vận Tải, Lâm Xa (đoạn dọc Sông Mã)	200
15.5	Đoạn từ QL 217 (Bảo tồn) đến bà Phạm Thị Anh thôn Vận Tải, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.6	Đoạn từ QL 217 đến ông Hà Thành Công thôn Vận Tải, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.7	Đoạn từ QL 217 (Bưu điện xã) đến Nhà văn hóa thôn Sán, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.8	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Sán, xã Lâm Xa đi ông Bùi Thế Mai đến ngã 3 thôn Sán, thôn Cành Nàng xã Lâm Xa (cũ)	200
15.9	Đoạn từ QL 217 đến ngã 3 thôn Sán, thôn Cành Nàng xã Lâm Xa (cũ)	200
15.10	Đoạn từ nhà ông Hà Ngọc Sếp đến Nhà văn hóa thôn Sán, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.11	Đoạn từ ngã 3 thôn Sán, thôn Cành Nàng xã Lâm Xa đi thôn Cành Nàng - thôn Nú - thôn Mốt đến ngã 3 Nhà văn hóa thôn Đắm, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.12	Đoạn từ QL 217 đến ngã 3 (nhà ông Phạm Ngọc Minh) thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa	200
15.13	Đoạn từ ngã 3 (nhà ông Phạm Ngọc Minh) thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa (cũ) đến Nhà văn hóa thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.14	Đoạn từ Trường Mầm Non thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa (cũ) đến nhà ông Phạm Xuân Nhân thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.15	Đoạn từ QL 217 đến Nhà văn hóa thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa	200
15.16	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa đến nhà ông Hà Xuân Thiền thôn Cành Nàng, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.17	Đoạn từ QL 217 (Đối diện Chợ TT Cành Nàng) đi dốc Sỏ đến nhà ông Trương Công Ngoan thôn Nú, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.18	Đoạn từ QL 217 đi Nhà văn hóa thôn Nú, xã Lâm Xa (cũ) đến Ngã 3 nhà ông Bùi Xuân Cách thôn Nú, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.19	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Nú, xã Lâm Xa đi nhà ông Nguyễn Thế Chí đến Ngã 3 nhà ông Bùi Xuân Bạch thôn Nú, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.20	Đoạn từ QL 217 đến Trường Tiểu học thôn Mốt, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.21	Đoạn từ Trường Tiểu học thôn Mốt, xã Lâm Xa đến Ngã 3 thôn Mốt, xã Lâm Xa (cũ) (nhà ông Bùi Đình Loan)	200
15.22	Đoạn từ Trường Tiểu học thôn Mốt, xã Lâm Xa đến nhà ông Trương Quý Ngọc thôn Mốt, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.23	Đoạn từ QL 217 đến Nhà văn hóa thôn Đắm, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.24	Đoạn từ QL 217 (nhà ông Hà Văn Nguyên) đến nhà ông Hà Văn Thực thôn Đắm, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.25	Đoạn từ nhà Trịnh Văn Hiếu Phố 2, Lâm Xa đến nhà Lê Văn Tươi Phố 2, Lâm Xa (cũ)	200
15.26	Đoạn từ QL 217 đến Cầu Tân Lập	800
15.27	Đoạn từ QL 217 đến Nhà văn hóa Phố 2, xã Lâm Xa (cũ)	200

15.28	Đoạn từ QL 217 đến nhà Hà Thị Dung Phố 2, xã Lâm Xa (cũ)	200
15.29	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
16	**XÃ BẢN CÔNG**	
16.1	Các đoạn đầu mối từ 521B đi trục đường chính các thôn La Hán, thôn Sát, thôn Ba, thôn Nghĩa, thôn Chiềng Lau, thôn Tôm	120
16.2	Đoạn thôn La Hán đi thôn Chiềng Lau	150
16.3	Đoạn thôn La Hán đi thôn Cả	150
16.4	Đoạn Tỉnh lộ 521B đi bến phà La Hán cũ	300
16.5	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
17	**XÃ THÀNH SƠN**	
17.1	Các trục tiếp giáp Tỉnh lộ 521C đi các thôn	150
17.2	Đoạn từ bản Pù Luông - Lũng Niêm	150
17.3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
18.	**XÃ LŨNG CAO**	
18.1	Đoạn từ làng Nủa đi làng Kịt	120
18.2	Đoạn từ làng Nủa đi Pốn Thành Công	120
18.3	Đoạn từ làng Cao đi xóm Hương (thôn Cao)	100
18.4	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
19	**XÃ LŨNG NIÊM**	
19.1	Đoạn ngã 3 nhà ông Thư (giáp đường 521B) đi UBND xã cũ	1.000
19.2	Đường 2 phố Đoàn	800
19.3	Đoạn UBND xã đi ngã ba hai thôn (Lặn Trong + Lặn Ngoài)	500
19.4	Đoạn ngã 3 hai thôn Lặn trong đi làng Bồng	200
19.5	Đoạn từ bà Hoa phố Đoàn đến nhà ông Toàn thôn Đủ, đến nhà ông Thừ thôn Đông	300
19.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
20	**XÃ ĐIỀN QUANG**	
20.1	Đoạn từ QL 217 đến ngã 3 Trường Tiểu học 2	300
20.2	Đoạn từ ngã 3 Trường Tiểu học 2 đi Điền Thượng	200
20.3	Đoạn từ ngã 3 Trường Tiểu học 2 đi Điền Hạ	200
20.4	Đoạn từ ngã 3 Trường Tiểu học 2 đi dốc Trâm đi xã Điền Trung	200
20.5	Ngã ba nhà ông Ý Vượng (thôn Lùng) đi thác Muốn	200
20.6	Đoạn từ thôn Lùng đi làng Khà Ái Thượng	200
20.7	Ngã ba nhà ông Thao thôn Đào đi thôn Khước Luyện, đi thôn Cộ, thôn Xê	120
20.8	Đường Bái Tôm đi thôn Xê, thôn Khò	120
20.9	Đường thôn Mườn đi thôn Tam Liên	120
20.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120
21	**XÃ ĐIỀN TRUNG**	
21.1	Các đoạn tiếp giáp đường QL 217 Điền Thái, đi Rằm Tám, đi làng Cò, đi Làng Kéo	200
21.2	Đoạn ngã ba Đại Lạn đi đến hội trường thôn Muỗng Do	300
21.3	Đoạn hội trường thôn Muỗng Do đến giáp thôn Cun Láo	250
21.4	Đoạn giáp thôn Muỗng Do đi Điền Hạ	200
21.5	Đoạn QL217cũ từ ngã 3 cây xăng Điền Trung đến thửa 8 tờ BĐ 21	800
21.6	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	120

22	**XÃ ĐIỀN THƯỢNG**	
22.1	Đoạn từ làng Bít đến ngã 3 đi Điền Hạ	200
22.2	Đoạn từ ngã 3 đi Điền Hạ đến Trung tâm xã	400
22.3	Đoạn từ trung tâm xã đi làng Xay Luồi	200
22.4	Đoạn từ ngã ba thôn Chiềng Má đi Thượng Sơn	200
22.5	Đoạn từ Mỏ Rọc thôn Bít đi Khu Quán	400
22.6	Đoạn từ ngã ba Chiềng Mưng đi thôn Xay Luồi	100
22.7	đường thôn Bá đi thôn Lau	100
22.8	Đường thôn Lau đi Chiềng Mưng	100
22.9	Đoạn từ Mỏ Rọc thôn Bít đi ngã ba thôn Lau	200
22.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100
23	**XÃ LƯƠNG NỘI**	
23.1	Đường từ làng Đòn đi làng Chông	100
23.2	Đường tù làng Són đi làng Khai	100
23.3	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	100

23. HUYỆN THƯỜNG XUÂN

ĐVT: 1000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
I	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH**	
1	**Đường Hồ chí Minh**	
1.1	Đoạn giáp địa giới xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân đến nhà bà Hải thôn Sơn Minh (thửa 476, tờ BĐ 8), xã Luận Thành	2.000
1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hạnh thôn Cao Tiến xã Luận Thành (thửa 299, tờ BĐ 20)	2.500
1.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Kiên, thôn Tiến Hưng 1 (thửa 774, tờ BĐ 26)	3.500
1.4	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Tân Thành (thửa 96, tờ BĐ 31)	2.500
1.5	Đoạn từ giáp đất xã Luận Thành đến cầu Thành Viên 2 xã Tân Thành	1.800
1.6	Đoạn từ cầu Thành Viên 2 xã Tân Thành đến giáp xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân	1.000
2	**Quốc lộ 47**	
2.1	Đoạn từ Cầu Bái Thượng đến ông Bá (thửa 60, tờ BĐ 40) thôn 1 Thống Nhất xã Xuân Dương	2.500
2.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Lâm Hạnh (thửa 504 tờ BĐ 30) thôn 3 Thống Nhất Xã Xuân Dương	2.000
2.3	Đoạn tiếp theo đến giáp thị trấn Thường Xuân	3.000
2.4	Đoạn giáp xã Xuân Dương đến đường vào Trường Mầm non Khu 4 Thị trấn (Đường lê Lợi)	7.500
2.5	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Ngọc Phụng	8.000
2.6	Đoạn giáp đất thị trấn đến hộ ông Trần Văn Thịnh thôn Hoà Lâm xã Ngọc Phụng (thửa 664, tờ BĐ 23)	5.000
2.7	Đoạn từ hộ ông Thịnh (thửa 664) xã Ngọc Phụng + 100 m đến nhà ông Phong (thửa 92, tờ BĐ 23), xã Ngọc Phụng	3.500
2.8	Đoạn từ nhà ông Thiệp (thửa 413) đến Nhà văn hóa thôn Hòa Lâm	4.000
2.9	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thắng (thửa 92, tờ BĐ 23)	3.000
2.10	Đoạn từ hộ bà Ten thửa đến Cầu Ván xã Ngọc Phụng	1.500
2.11	Đoạn từ Cầu Ván xã Ngọc Phụng đến nhà ông Phúc (thửa 362, tờ BĐ 10) thôn xã Ngọc Phụng	1.800
2.12	Đoạn từ hộ ông Dân (thửa 405) đến ông Mười (thửa 35 tờ BĐ 10) Xuân Lập, xã Ngọc Phụng	2.000
2.13	Đoạn từ ông Thứ (thửa 55, tờ BĐ số 10) đến Cầu Tràn +100m thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng	1.200
2.14	Đoạn từ giáp Cầu Tràn thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng + 100m đến giáp đất xã Lương Sơn	500
2.15	Đoạn từ giáp xã Ngọc Phụng (cách xã Ngọc Phụng 1000 m) đến hộ ông Hạnh thôn M Quang xã Lương Sơn (thửa 05, tờ BĐ 79)	300
2.16	Đoạn từ hộ ông Hạnh thôn Minh Quang + 400m đến cầu nhà ông Chúng thôn Minh Quang xã Lương Sơn (thửa 123, tờ BĐ 78)	700
2.17	Đoạn từ giáp Cầu ông Chúng thôn Minh Quang xã Lương Sơn (thửa 110, tờ BĐ 78) đến hộ ông Trần Văn Thuỷ thôn Trung Thành xã Lương Sơn (thửa 900, tờ BĐ 66)	1.300

2.18	Đoạn đường từ giáp nhà ông Thuỷ thôn Trung Thành (thửa 923, tờ BĐ 66) đến nhà ông Sơn thôn Trung Thành, xã Lương Sơn	500
2.19	Đoạn từ giáp nhà ông Sơn thôn Trung Thành, xã Lương Sơn (thửa 117, tờ BĐ 76) đến Dốc Cáy thôn Trung Thành, xã Lương Sơn (thửa 124, tờ BĐ 77), (Cuối đường dốc Cáy)	300
2.20	Đoạn từ giáp nhà ông Doãn thôn Trung Thành (thửa 885, tờ BĐ 66) đến giáp ngõ vào quán Cà phê Tuấn Hải (thửa 33, tờ BĐ 66)	1.800
2.21	Đoạn từ giáp ngõ vào quán cà phê Tuấn Hải (thửa 33, tờ BĐ 66) đến nhà ông Hoa Nga thôn Lương Thiện giáp cầu số 2	2.200
2.22	Đoạn từ giáp cầu số 2 đến Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn, xã Lương Sơn (thửa 398, tờ BĐ 55)	1.800
2.23	Đoạn từ giáp Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn đến Trường Tiểu học Lương Sơn 2 (thửa 283, tờ BĐ 35), (Quốc lộ 47)	800
2.24	Đoạn từ Trường tiểu học Lương Sơn 2 đến nhà ông Xem thôn Ngọc Thượng (thửa 89, tờ BĐ 24) xã Lương Sơn (Quốc lộ 47 địa bàn xã Yên Nhân)	500
2.25	Đoạn từ giáp hộ ông Xem xã Ngọc Thượng +700m đến giáp xã Yên Nhân (Quốc lộ 47 đoạn đồi núi ít dân)	200
2.26	Đoạn giáp xã Lương Sơn đến Hoán Mướp thôn Lửa, xã Yên Nhân	100
2.27	Đoạn tiếp theo đến Cầu thôn Lửa, xã Yên Nhân	200
2.28	Đoạn từ giáp nhà ông Tuyên Lương thôn Chiềng, xã Yên Nhân đến hộ ông Lang Hồng Thuyện thôn Na Nghịu, xã Yên Nhân	350
2.29	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Quanh thôn Na nghịu xã Yên Nhân	200
2.30	Đoạn từ giáp nhà ông Quanh thôn Na nghịu xã Yên Nhân đến nhà ông Vi M Tâm thôn My, xã Yên Nhân	100
2.31	Đoạn từ giáp nhà ông Tâm thôn My, xã Yên Nhân đến nhà ông Hà Thanh Mố thôn My, xã Yên Nhân	200
2.32	Đoạn từ giáp nhà ông Hà Thanh Mố thôn My, xã Yên Nhân đến giáp xã Bát Mọt	120
2.33	Đoạn từ giáp xã Yên Nhân đến nhà ông Luyện thôn Dun xã Bát Mọt	100
2.34	Đoạn từ giáp nhà ông Luyện thôn Dun đến nhà ông Hợi thôn Chiềng xã Bát Mọt	150
2.35	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Khăm thôn Cạn xã Bát Mọt	200
2.36	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Duẫn (thửa 330, tờ BĐ 56) thôn Cạn, xã Bát Mọt	350
2.37	Đoạn tiếp theo đến Đồn Biên phòng (thửa 215, tờ BĐ 51), xã Bát Mọt	150
2.38	Đoạn tiếp theo đến Trạm Biên phòng xã Bát Mọt (thửa 46, tờ BĐ 66)	250
3	**Quốc lộ 16**	
3.1	Đoạn từ nhà ông Lang Văn Én đến chợ Yên Nhân	400
3.2	Đoạn từ cầu Na Nghịu đến nhà ông Cán thôn Na Nghịu, xã Yên Nhân	180
3.3	Đoạn cầu thôn Lửa đến nhà ông Chung thôn Lửa, xã Yên Nhân	180
4	**Tỉnh lộ 519**	
4.1	Đoạn từ Cây xăng Công ty Thương nghiệp Miền Núi đến Nhà văn hóa khu 2 thị trấn	8.000
4.2	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Xuân Cẩm (cũ)	6.000

4.3	Đoạn giáp thị trấn đến nhà ông Cầm Bá Dậu xã Xuân Cẩm,c ũ (thửa 270, tờ BĐ 29)	3.000
4.4	Đoạn từ đất hộ ông Cầm Bá Thước (thửa 287, tờ BĐ tờ 29) đến nhà ông Trịnh Văn Bốn xã Xuân Cẩm, cũ (thửa 648, tờ BĐ 29)	1.800
4.5	Đoạn từ nhà ông Trịnh Văn Bốn xã Xuân Cẩm, cũ (thửa 648, tờ BĐ 29) đến Trạm thủy văn xã Xuân Cẩm (cũ)	1.200
4.6	Đoạn tiếp theo đến Cầu Cửa Đạt	800
4.7	Đoạn từ cầu Cửa Đạt thửa 01, tờ BĐ 91 đến thửa 26, tờ bản đồ 102, xã Vạn Xuân	800
4.8	Đoạn tiếp theo đến Cầu Thác Làng	300
4.9	Từ đầu cầu Thác Làng đến nhà anh Nghĩa Thái (thửa số 28, tờ BĐ 138)	300
4.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Chính Nhung, thửa 32 tờ bản đồ 138	200
4.11	Đoạn tiếp theo đến cầu Sông Luộc	400
4.12	Từ đầu cầu Sông Luộc đến Xưởng băm Keo (thửa 90, tờ BĐ 151)	700
4.13	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Chính Hương, thửa 49, tờ bản đồ 150	500
4.14	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Chiến Luân, thửa 126 tờ bản đồ 162	700
4.15	Đoạn tiếp theo đến cầu Bù Đồn	700
4.16	Đoạn từ Cầu Bù Đồn - thửa 794, tờ bản đồ 161 nhà ông Lê Đình Kế (cánh đồng Bù Đồn)	500
4.17	Đoạn tiếp theo đến hộ ông Cầm Bá Mùi, thửa 814, tờ bản đồ 160	700
4.18	Đoạn tiếp theo đến hộ ông Sáu, thửa 79 tờ bản đồ 160	500
4.19	Đoạn tiếp theo đến ông Hoàng Viết Đại, thửa 105 tờ bản đồ 134	300
4.20	Đoạn tiếp theo đến đập phụ Hón Can	200
5	**Tỉnh lộ 519B**	
5.1	Đoạn từ nhà ông Chiến Luân (thửa 126, tờ BĐ 162) xã Vạn Xuân đến Cây xăng Liên Hoan, xã Vạn Xuân (thửa 205, tờ bản đồ 162)	700
5.2	Đoạn tiếp theo thửa 240 tờ bản đồ 162 đến giáp xã Xuân Lộc	200
5.3	Đoạn giáp xã Vạn Xuân đến nhà ông Nguyễn Văn Tám thôn Pà Cầu, xã Xuân Lộc (thửa 04, tờ BĐ 09)	200
5.4	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Tám thôn Pà Cầu (thửa 04, tờ BĐ 09) đến giáp nhà ông Cầm Bá Lưu thôn Chiềng (thửa 130, tờ BĐ 29)	320
5.5	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Lưu thôn Chiềng (thửa 130, tờ BĐ 29) đến cầu Hón Vành thôn Chiềng, xã Xuân Lộc	450
5.6	Đoạn tiếp theo đến UBND xã Xuân Lộc	700
5.7	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Lục Văn Thinh thửa số 109, tờ BĐ 36	500
5.8	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Xuân Thắng	320
5.9	Đoạn đường từ tràn Hón Lung giáp xã Xuân Lộc đến nhà ông Vi Văn Quy thôn Dín, xã Xuân Thắng	400
5.10	Đoạn đường từ nhà ông vi Văn Quy thôn Dín, xã Xuân Thắng đến nhà ông Vi Thế Truyền thôn Tân Thắng, xã Xuân Thắng	600
5.11	Đoạn đường từ nhà ông Vi Thế Truyền thôn Tân Thắng, xã Xuân Thắng đến đập tràn thôn Xem Đót, xã Xuân Thắng	400
5.12	Đoạn đường từ đập tràn thôn Xem Đót xã Xuân Thắng đến nhà ông Vi Văn Thêm giáp xã Tân Thành.	300
5.13	Đoạn giáp xã Xuân Thắng đến Nhà văn hóa thôn Thành Lai, xã Tân Thành (thửa 124, tờ BĐ 53)	200

5.14	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Thành Lai đến cầu Khếu thôn Thành Thượng (thửa 592, tờ BĐ 38)	320
5.15	Đoạn từ Trạm viễn thông (thửa 509, tờ BĐ 38) đến Cầu tràn Thành Nàng.	320
5.16	Đoạn từ Cầu tràn Thành Nàng xã Tân Thành (thửa 325, tờ BĐ 20) đến giáp xã Luận Khê.	200
5.17	Đoạn giáp xã Tân Thành đến nhà Lê Văn Nứa thôn Yên Mỹ (thửa 227, tờ BĐ 53)	220
5.18	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cầm Văn Chốm thôn An Nhân (thửa 18, tờ BĐ 52)	320
5.19	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Luận Thành	220
5.20	Đoạn giáp xã Luận Khê đến nhà ông Đinh Quang Trường thôn Liên Thành, xã Luận Thành (thửa 171, tờ BĐ 25)	300
5.21	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Trần Văn Trung (Ái) thôn Liên Thành xã Luận Thành	400
5.22	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Lê Văn Minh thôn Liên Thành, xã Luận Thành (thửa 15, tờ BĐ 25)	650
5.23	Đoạn tiếp theo đến cầu Hón Na thôn Tiến Hưng 1, xã Luận Thành (thửa 120, tờ BĐ 26)	650
5.24	Đoạn từ cầu Hón Na đến nhà ông Nguyễn Xuân Quảng thôn Tiến Hưng 2, xã Luận Thành (thửa 101, tờ BĐ 28)	400
5.25	Đoạn tiếp theo đến xã Bình Sơn huyện Triệu Sơn	500
II	**ĐẤT TẠI THỊ TRẤN VÀ CÁC XÃ**	
1	**THỊ TRẤN THƯỜNG XUÂN**	
1.1	**Đường Lê Văn An**	
1.1.1	Đoạn đường từ quán bà Tình Lan khu 2 (thửa 7, tờ BĐ 13) đến nhà ông Lữ Đoàn Quân (thửa 17, tờ BĐ 12)	4.000
1.1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Năm Quăn khu 2 (thửa 19, tờ BĐ 12)	1.300
1.1.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cầm Bá Pán khu 2 (thửa 443, tờ BĐ 13)	1.000
1.1.4	Đoạn từ nhà ông Dũng Thuỷ (thửa 174, tờ BĐ 13) đến nhà ông Sơn Thiêm (thửa 256, tờ BĐ 13), Ngõ 51 đường Lê Văn An	1.300
1.1.5	Đoạn từ hộ ông Lữ Đoàn Quân (thửa 17, tờ BĐ 12) đến hộ ông Thuỵ Hào khu 2 (thửa 326, tờ BĐ 8), Ngõ 26 Đường Lê Văn An	1.300
1.2	**Đường Lê Ninh**	
1.2.1	Đoạn tiếp giáp đường Cầm Bá Thước đến thửa đất hộ ông Lương Văn Nhàn	3.000
1.2.2	Đoạn tiếp giáp thửa đất hộ ông Lương Thanh Nhàn đến Trường Bắn Huyện đội	2.000
1.3	**Đường Bùi Quốc Hưng**	
1.3.1	Đoạn từ Đài truyền thanh (thửa 465, tờ BĐ 09) đến đất nhà ông Sơn Là (thửa 10, tờ BĐ 12)	3.500
1.3.2	Đoạn nối từ đường Bùi Quốc Hưng đến thửa đất số 54 tờ bản đồ số 12 Ngõ 13 đường Bùi Quốc Hưng	1.800
1.4	**Đường Lê Văn Linh**	
1.4.1	Từ Trung tâm y tế (thửa 67, tờ BĐ 09) đến hộ ông Lương Đình Luyện (thửa 272, tờ BĐ 09)	3.000
1.4.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đường Lê Lai	2.000

1.4.3	Đoạn từ ông Ân Khu 1, thửa 217, tờ BĐ số 5 đến thửa 44, tờ BĐ số 5 giáp xã Ngọc Phụng	1.000
1.4.4	Đoạn từ thửa 493, tờ bản đồ 13 đến nhà ông Bắc Hóa, tờ bản đồ 13	4.500
1.5	**Đường Lê Liễu**	
1.5.1	Đoạn từ hộ bà Loan thửa 415, tờ BĐ 09 đến hộ ông Hiền Dung thửa 271, tờ BĐ 09	4.000
1.5.2	Đoạn từ hộ ông Lan Hòa thửa 417, tờ BĐ 09 đến hộ ông Khăm thửa 437, tờ BĐ 09. Ngõ 10, đường Lê Liễu	2.000
1.6	**Đường Nguyễn Trãi**	
1.6.1	Đoạn từ Cửa hàng Dược (thửa 164, tờ BĐ 14) đến nhà ông Khấu (thửa 172, tờ BĐ 10)	3.500
1.6.2	Đoạn từ Trụ sở UBND thị trấn (thửa 167, tờ BĐ 13) đến hộ ông Trọng, tờ 18 khu 4	3.500
1.6.3	Đoạn qua hộ ông Trọng đến hộ ông Sỹ, tờ BĐ 18	2.000
1.6.4	Đoạn từ hộ ông Cát khu 3 (thửa 48, tờ BĐ 14 đến hộ ông Thiềm khu 3 (thửa 39, tờ BĐ 14). Ngõ 20 đường Nguyễn Trãi	2.000
1.6.5	Đoạn đường nối từ thửa 467, tờ bản đồ số 13 giáp đường Nguyễn Trãi đến thửa 493, tờ bản đồ số 13 giáp đường Lê Văn Linh	4.000
1.6.6	Đoạn đường nối từ thửa 461, tờ bản đồ số 13 giáp đường Nguyễn Trãi đến thửa 500, tờ bản đồ số 13 giáp đường Lê Văn Linh	4.000
1.6.7	Đoạn đường nối từ thửa 471, tờ bản đồ số 13 đến thửa 478, tờ bản đồ số 13	4.000
1.6.8	Đoạn đường nối từ thửa 450, tờ bản đồ số 13 đến thửa 503, tờ bản đồ số 13	4.000
1.7	**Đường Đinh Lan**	
1.7.1	Đoạn từ nhà ông Pháp khu 2 (thửa 148, tờ BĐ 8) đến hộ ông Trịnh Đức Minh khu 2 (thửa 267, tờ BĐ 08)	3.000
1.7.2	Đoạn từ nhà bà Dũng (thửa 113, tờ BĐ 09) đến nhà ông Trung (thửa 06, tờ BĐ 09)	2.000
1.7.3	Đoạn giáp ông Trung thửa 06, tờ BĐ 09 đến thửa 222, tờ BĐ số 5	2.000
1.8	**Đường Xuân Khao**	
1.8.1	Đoạn từ hộ ông Bình Căn khu 3 (thửa 253, tờ BĐ 09) đến hộ ông Lê Ngọc Dũng khu 3 (thửa 146, tờ BĐ 9)	2.500
1.8.2	Đoạn từ hộ ông Thanh Đô, thửa 145, tờ số 09 đến giáp kênh Thương Xuân	2.000
1.8.3	Đoạn từ hộ bà Hoặc cũ thửa 132, tờ BĐ số 9 đến thửa 252, tờ BĐ 05, đất hộ bà Ngoan	1.300
1.9	**Đường Lê Lai**	
1.9.1	Đoạn từ hộ ông Hanh Hường khu 1 (thửa 173, tờ BĐ 8) đến hộ ông Bảy Hạ khu 1 (thửa 146, tờ BĐ 04)	2.500
1.9.2	Đoạn từ hộ ông Nghiêm khu 1 (thửa 136, tờ BĐ 05) đến hộ ông Ân khu 1 (thửa 217, tờ BĐ 05)	2.500
1.9.3	Từ hộ bà Chinh Bình khu 1 đến hộ ông Mạnh, từ thửa 154 đến thửa 104, tờ bản đồ số 5. Ngõ 37 Đường Lê Lai	1.300
1.9.4	Đoạn Từ thửa 202 tờ BĐ số 5 đến hộ ông Trịnh Văn Hải thửa 61 tờ BĐ số 6	600
1.9.5	Đoạn từ thửa 167 tờ bản đồ số 5 đến thửa số 223 tờ bản đồ số 5	600

1.10	**Đường Xuân Liên**	
1.10.1	Đoạn từ hộ bà Lan khu 3, thửa 364, tờ BĐ số 9 đến thửa 117, tờ BĐ số 04	3.000
1.10.2	Đoạn từ thửa 116, tờ số 4 đến thửa 1, tờ bản đồ số 4 hộ bà Hồng	2.000
1.11	**Các Ngõ Đường Lê Lợi**	
1.11.1	Đoạn từ hộ ông Nguyễn Đình Thường (thửa 195, tờ BĐ 09) đến giáp đường Xuân Liên (Ngõ Lê Lợi Mới)	2.500
1.11.2	Từ hộ ông Phục khu 1 đến hộ ông Ngọ Duy Đại khu 1 (thửa 77 đến thửa 72 tờ Bản đồ số 4). Ngõ 405 đường Lê Lợi	1.300
1.11.3	Từ hộ ông Tình Thanh khu 1 đến hộ ông Hội khu 1 (thửa 54 đến thửa 73 tờ bản đồ số 4). Ngõ 413 đường Lê Lợi	1.300
1.11.4	Đoạn từ Trạm BA số 5 khu 4 (thửa 435, tờ BĐ 14) đến hộ ông Bình Bang (thửa 33, tờ BĐ 19)	1.500
1.11.5	Đoạn từ ông Sơn Khang (thửa 484, tờ BĐ 14) đến hộ ông Côn (thửa 42, tờ BĐ 19). Ngõ 143/Lê Lợi	1.500
1.11.6	Đoạn từ hộ ông Thụ Hạnh khu 4 (thửa 306, tờ BĐ 14) đến hộ ông Xuân Hân (thửa 221, tờ BĐ 14). Ngõ 180/Lê Lợi	1.000
1.11.7	Đoạn từ hộ ông Kiên Tuyết khu 4 (thửa 370, tờ BĐ 14) đến hộ ông Hưng Cầm (thửa 147, tờ BĐ 14). Ngõ 154/Lê Lợi	1.000
1.11.8	Đoạn từ hộ ông Hương Thu khu 4 (thửa 416, tờ BĐ số) đến hộ bà Thanh Hạnh (thửa 40, tờ BĐ 15). Ngõ 144/Lê Lợi	1.000
1.11.9	Đoạn từ hộ ông Biển Sinh (thửa 424, tờ BĐ 14) đến hộ ông Kiệt Đãi (thửa 364, tờ BĐ 14), khu 4	1.000
1.11.10	Đoạn từ hộ ông Liên Nhung (thửa 156, tờ BĐ số 15) đến ông Tình Tuyết (thửa 122, tờ BĐ 15), khu 4, Ngõ 84/Lê Lợi	1.000
1.11.11	Đoạn từ hộ ông Khánh khu 4 (thửa 38, tờ BĐ 20) đến ông Diệp khu 5 (thửa 99 tờ BĐ 20). Ngõ 79/Lê Lợi	1.000
1.11.12	Đoạn từ hộ ông Nam Nghinh khu 5 (thửa 14, tờ BĐ 20) đến hộ ông Luật khu 5 (thửa 150, tờ BĐ15). Ngõ 60/Lê Lợi	1.000
1.11.13	Đoạn từ hộ ông Dũng Hạnh khu 5 (Thửa 20, tờ BĐ 20) đến hộ ông Mạch Quang Tâm khu 5 (thửa 110, tờ BĐ15). Ngõ 32/Lê Lợi	1.000
1.11.14	Đoạn từ hộ Hùng Tuấn khu 5 (thửa 102, tờ BĐ 20) đến ông Liên Hợp khu 5 (thửa 125, tờ BĐ 20). Ngõ 51/Lê Lợi	1.000
1.11.15	Đoạn từ hộ ông Lưu Gái khu 5, thửa 186, tờ BĐ 20 đến thửa 114 tờ BĐ số 20. Ngõ 41/Lê Lợi	1.000
1.11.16	Đoạn từ hộ ông Mạch Quang Tỵ, thửa 89 tờ BĐ số 20 đến hộ ông Trường khu 5 thửa 113 tờ 20, Ngõ 35/Lê Lợi	1.000
1.11.17	Đoạn từ hộ ông Tình Oanh khu 5, thửa 57 tờ BĐ số 20 đến hộ Anh Tuấn thửa 126 tờ BĐ số 15. Ngõ 12/Lê Lợi	1.000
1.12	**Các Ngõ Đường Cầm Bá Thước**	
1.12.1	Ngõ 04 đường Cầm Bá Thước, từ thửa 563 tờ bản đồ số 9 đến thửa 345 tờ bản đồ số 9	7.000
1.12.2	Ngõ 22 Cầm Bá Thước, từ thửa 310 tờ BĐ số 8, đến thửa 297 tờ BĐ số 9	2.000
1.12.3	Đoạn từ thửa số 324 tờ bản đồ số 8 đến thửa số 350 tờ BĐ số 8	600
1.13	**Đường Đinh Liệt**	
1.13.1	Đoạn từ hộ bà Lợi Tú khu 2, thửa 191 tờ BĐ số 8 đến hộ bà Bạo khu 2, thửa 8 tờ BĐ số 8	1.800

1.13.2	Đoạn từ hộ bà Chiến Long, thửa 193 tờ BĐ 8, đến thửa 344 tờ BĐ 9 hộ ông Trần Thanh Sơn khu 2 .	1.800
1.14	**Đường Xuân Mỹ**	
1.14.1	Đoạn từ hộ ông Minh khu 2, thửa 107 tờ BĐ 8 đến hộ ông Thịnh khu 1, thửa 11 tờ BĐ 8	1.800
1.15	**Đường Lê Bội**	
1.15.1	Đoạn từ hộ ông Tiến Khương khu 2, thửa 248 tờ BĐ số đến hộ ông Quyên Hoà khu 2	1.300
1.16	**Đường Trương Lôi**	
1.16.1	Đoạn từ hộ ông Quế Chung, thửa 181 tờ BĐ 09 đến hộ bà Sáu khu 3	1.300
1.16.2	Đoạn từ nhà ông Thành Do thửa 145, tờ bđ 09 đến dọc sân bóng khu 3	1.300
1.17	**Đường Vũ Uy**	
1.17.1	Đoạn từ hộ ông Hậu Hồng khu 3, thửa 201 tờ BĐ số 9, đến hộ ông Sâm Hiên khu 3, thửa 307 tờ số 09	1.300
1.17.2	Đoạn từ thửa 182 tờ bản đồ 9, đến thửa số 5 tờ bản đồ 9.	1.300
1.18	**Đường Trịnh Khả**	
1.18.1	Đoạn từ hộ ông Trịnh Đình Khoa (thửa 253, tờ BĐ số 14) đến hộ ông Hà Xuân Hường (thửa 103, tờ 14)	1.000
1.18.2	Đoạn từ thửa 388, tờ BĐ 14 của hộ ông Lê Duy Lâm đến hộ ông Ngọ Láu cũ, thửa 42 tờ BĐ 19 (Ngõ 10, Đường Trịnh Khả)	1.300
1.18.3	Đoạn từ hộ ông Sinh Sâm (thửa 43, tờ BĐ 19) đến hộ ông Xuân Chỉ (thửa 135, tờ BĐ 21). Ngõ 10, Đường Trịnh Khả	1.000
1.18.4	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Thụ (thửa 561, tờ BĐ 14) đến hộ ông Huấn khu 4 (thửa 103, tờ BĐ 19). Ngõ 08 Đường Trịnh Khả	1.000
1.18.5	Đoạn từ hộ ông Huấn, thửa 103 đến thửa 137 tờ BĐ 19. Ngõ 08, đường Trịnh Khả	1.000
1.18.6	Đoạn từ hộ ông Ngà (thửa 92, tờ BĐ 19) đến hộ ông Hoa Lỡ khu 4 (thửa 136, tờ BĐ 19). Ngõ 22/8, Đường Trịnh Khả	1.000
1.18.7	Đoạn từ hộ ông Tỉnh Thủy (thửa 45, tờ BĐ 19) đến hộ ông Dục Lân khu 4 (Thửa 84, tờ BĐ 19). Ngõ 16/10, Đường Trịnh Khả	1.000
1.18.8	Đoạn từ thửa 80 tờ bản đồ 20 đến thửa 119 tờ bản đồ 20	1.000
1.18.9	Đoạn từ thửa 561 tờ bản đồ 14 đến Trường Mầm non thị trấn	1.500
1.19	**Đường Lê Nhân Chú**	
1.19.1	Thửa 178 tờ 10 - Hộ Lê Hào Quang - Thửa 117 tờ 15 - Trịnh Bá Đồng	850
1.19.2	Thửa 97 tờ 15 (hộ ông Trần Văn Quân) - Thửa 85 tờ 15 (hộ ông Minh Cần)	1.000
1.20	**Đường Lê Lý**	
1.20.1	Thửa 03 tờ BĐ số 21 (Cửa hàng Xuân Dương cũ) - Thửa 90 tờ BĐ số 15 (hộ ông Đỗ Quanh Cảnh, khu 5)	850
1.20.2	Thửa 113 tờ BĐ số 15 (hộ Lê Thọ Cam) - Thửa 89 tờ BĐ số 15 (hộ ông Lê Huy Sáu khu 5)	850
1.20.3	Thửa 06 tờ BĐ số 21 (hộ bà Khương Thị Sinh) - Thửa 18 tờ BĐ số 21 (hộ ông Mạch Quang Vượng, khu 5)	850
1.21	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	500
2	**XÃ NGỌC PHỤNG**	
2.1	**Đường liên xã**	

2.1.1	Đoạn từ Chợ Ngọc Phụng (thửa 373, tờ BĐ 23) đến hộ ông Vân (thửa 415, tờ BĐ 23)	650
2.2	**Đường liên thôn**	
2.2.1	Đoạn đường từ nhà ông Thanh giáp bà Soạn Ten (thửa 49, tờ BĐ 23) thôn Hưng Long đến nhà ông Thiết (thửa 1036, tờ BĐ 18), thôn Hòa Lâm	400
2.2.2	Đoạn từ hộ ông Nguyễn Đăng Thủy (thửa 963, tờ BĐ 18) đến hộ ông Hoàng Trung Thành (thửa 912, tờ BĐ 18)	350
2.2.3	Đoạn từ nhà ông Bộ (thửa 1042, tờ BĐ 18) đến nhà bà Ninh (thửa 252, tờ BĐ 25), thôn Hưng Long	200
2.2.4	Đoạn đường nhà bà Thục (thửa 37, tờ BĐ 23) đến nhà ông Vinh (thửa 144, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	250
2.2.5	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn V Dân, thôn X. Lập đến nhà ông Trịnh V Thường, thôn Xuân Lập	400
2.2.6	Đoạn từ nhà ông Thắng (thửa 469, tờ BĐ 10) đến nhà ông Quyết (thôn 480, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	300
2.3	**Đường nội thôn**	
2.3.1	Đoạn đường từ nhà ông Côn (thửa 529, tờ BĐ 23), đến nhà ông Sự (thửa 524, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	400
2.3.2	Đoạn đường từ hộ ông Phú (thửa 686, tờ BĐ 23), đến nhà ông Đồng (thửa 670, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	400
2.3.3	Đoạn đường từ hộ ông Bắc (thửa 412, tờ BĐ 23), đến nhà ông Long (thửa 364, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	400
2.3.4	Đoạn đường từ hộ ông Tùng (thửa 288, tờ BĐ 23), đến nhà ông Trực (thửa 286, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	400
2.3.5	Đoạn đường từ Nhà văn hóa thôn Hòa Lâm (thửa 291, tờ BĐ 23), đến nhà bà Ngần (thửa 311, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	300
2.3.6	Đoạn đường từ chợ Ngọc Phụng (thửa 373, tờ BĐ 23), đến nhà ông Vinh (thửa 144, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	250
2.3.7	Đoạn đường từ hộ bà Quế (thửa 318, tờ BĐ 23), đến nhà bà Sữu (thửa 478, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	250
2.3.8	Đoạn từ nhà ông Lực (thửa 700, tờ BĐ 23) đến nhà ông Tường (thửa 722, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	200
2.3.9	Đoạn đường từ nhà ông Tại (thửa 99, tờ BĐ 23), đến nhà ông Sơn (thửa 631, tờ BĐ 23), thôn Hòa Lâm	200
2.3.10	Đoạn đường từ hộ ông Long (thửa 199, tờ BĐ 17), đến nhà ông Hồng (thửa 146, tờ BĐ 17), thôn Xuân Thắng	200
2.3.11	Đoạn đường từ hộ ông Thành (thửa 1279, tờ BĐ 11) đến nhà ông Hộ (thửa 1154, tờ BĐ 11), thôn Xuân Thắng	200
2.3.12	Đoạn đường từ hộ ông Việt (thửa 388, tờ BĐ 10), đến nhà ông Văn (thửa 553, tờ BĐ 11), thôn Xuân Thắng	250
2.3.13	Đoạn từ nhà ông Thành (thửa 365, tờ BĐ 17) đến nhà ông Sang (thửa 383, tờ BĐ 17), thôn Xuân Thắng	200
2.3.14	Đoạn từ nhà ông Tân (thửa 295, tờ BĐ 17), đến nhà ông Việt (thửa 324, tờ BĐ 17), thôn Xuân Thắng	150
2.3.15	Đoạn từ nhà ông Hải (thửa 425, tờ BĐ 10), đến nhà ông Thành (thửa 620, tờ BĐ 11), thôn Xuân Thắng	200

2.3.16	Đoạn từ nhà ông Sơn (thửa 300, tờ BĐ 10) đến nhà ông Viện (thửa 309, tờ BĐ 10), thôn Xuân Thắng	200
2.3.17	Đoạn từ nhà ông Thanh (thửa 40, tờ BĐ 10) đến nhà ông Tình (thửa 1358, tờ BĐ 06), thôn Xuân Lập	200
2.3.18	Đoạn đường từ hộ ông Tám (thửa 370, tờ BĐ 10), đến nhà ông Chung (thửa 436, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	200
2.3.19	Đoạn đường từ hộ ông Nha (thửa 260, tờ BĐ 10), đến nhà ông Sơn (thửa 123, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	250
2.3.20	Đoạn đường từ hộ ông Tám (thửa 166, tờ BĐ 10) đến nhà ông Mão (Thửa 11, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	400
2.3.21	Đoạn đường từ hộ ông Tới (thửa 129, tờ BĐ 10), đến nhà ông Tần (thửa 07, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	200
2.3.22	Đoạn đường từ hộ ông Tân (thửa 211, tờ BĐ 10), đến nhà ông Thôn (thửa 319, tờ BĐ 10), thôn Xuân Lập	200
2.3.23	Đoạn từ ông Bốn thửa 343, đến ông Đông thửa 415 tờ BĐ 10, thôn Xuân Lập	150
2.3.24	Đoạn từ ông Tám thửa 370, đến ông Thanh thửa 447 tờ BĐ 10, thôn Xuân Lập	150
2.3.25	Đoạn đường từ hộ ông Thanh (thửa 395, tờ BĐ 05) đến nhà ông Khoa (thửa 422, tờ BĐ 06), thôn Xuân Thành	150
2.3.26	Đoạn từ ông Bình (thửa 774, tờ BĐ 17), đến bà Hương (thửa 05, tờ BD 16), thôn Xuân Thắng	150
2.3.27	Đoạn từ ông Du, thửa 576 tờ BĐ 23, đến Cầu Tràn giáp xã Xuân Cẩm	150
2.4	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	130
3	**XÃ VẠN XUÂN**	
3.1	**Đường liên xã**	
3.1.1	Đoạn đường từ ngã từ cây xăng Liên Hoan đến giáp xã Xuân Chinh	400
3.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Mùi đến giáp xã Xuân Lẹ	400
3.2	**Đường liên thôn**	
3.2.1	Đoạn đường từ nhà ông Phú làng Ná Nọt đến nhà ông Cò Bắc, thôn Lùm Nưa	200
3.2.2	Đoạn đường từ nhà ông Liếu Đăng thôn Na Mén đến nhà ông Nghĩa đi thôn Ná Mén	200
3.2.3	Đoạn từ nhà ông Thông Thiết thôn Ná Mén đến nhà ông Tình thôn Cang Khèn	200
3.2.4	Đoạn đường từ nhà ông Hoan đến nhà ông Phúc thôn Lùm Nưa	200
3.2.5	Đoạn đường từ nhà ông Trang thôn Nhồng (thửa 146, tờ BĐ 147), đến nhà ông Thanh Sáu thôn Khằm (thửa 400, tờ BĐ 147)	200
3.2.6	Đoạn đường từ nhà ông Thanh Sáu thôn Khằm, đến nhà ông Lại thôn Quạn (thửa 465, tờ BĐ 147)	200
3.2.7	Đoạn đường từ nhà bà Nhung thôn Hang Cáu (thửa 63, tờ BĐ 148), đến nhà ông Thân thôn Quạn (thửa 294, tờ BĐ 148)	200
3.2.8	Đoạn đường từ nhà ông Quang thôn Hang Cáu (thửa 12, tờ BĐ 134), đến nhà ông Lại thôn Quạn (thửa 472, tờ BĐ 134)	200
3.2.9	Đoạn đường từ nhà ông Thành Quân (thửa 234, tờ BĐ 146), đến nhà ông Thanh Thướng, thôn Hang Cáu	200

3.2.10	Đoạn từ nhà ông Vi Văn Tiến (thửa 928, tờ BĐ 160), đến ông Cầm Bá Khải (thửa 962, tờ BĐ 160)	1.0
3.2.11	Đoạn từ nhà ông Vi Văn Trường (thửa số 783 tờ BĐ 161), đến Nhà văn hóa thôn Cang Khèn (thửa 265, tờ BĐ 168)	250
3.2.12	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Luận (thửa số 844, tờ BĐ 161), đến ông Cầm Bá Chiến (thửa 6, tờ BĐ 168)	100
3.2.13	Đoạn từ nhà ông Cầm Minh Tham (thửa 1176, tờ BĐ 161), đến hộ ông Vi Xuân Tiến (thửa 61, tờ BĐ 168)	100
3.2.14	Đoạn từ nhà ông Hoàng Hữu Nhỡ (thửa 238, tờ BĐ 161), đến ông Cầm Bá Huế (thửa 166, tờ BĐ 162)	100
3.2.15	Đoạn từ nhà ông Cầm Ngọc Cấp (thửa 135, tờ BĐ 162) đến bà Cầm Thị Máy (thửa 61, tờ BĐ 162)	100
3.2.16	Đoạn từ nhà ông Cầm Bá Quí (thửa 63, tờ BĐ 162), đến ông Cầm Bá Khâm (thửa 42, tờ BĐ 162)	120
3.2.17	Đoạn từ nhà ông Tống Văn Hùng (thửa 742, tờ BĐ 162), đến ông Nguyễn Văn Thọ (thửa 66, tờ BĐ 162)	150
3.2.18	Đoạn từ nhà ông Cầm Trung Phương (thửa 48, tờ BĐ 162), đến bà Lê Thị Huân (thửa 67, tờ BĐ 162)	150
3.2.19	Đoạn từ nhà ông Vi Mạnh Hùng (thửa 149, tờ BĐ 162), đến Chợ Vạn Xuân (thửa 178, tờ BĐ 162)	150
3.2.20	Đoạn từ nhà ông Cầm Bá Hải (thửa 39, tờ BĐ 151), đến hộ ông Nguyễn Hữu Cảnh (thửa 19, tờ BĐ 151)	150
3.2.21	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Thảo (thửa 294, tờ BĐ 148), đến nhà ông Hà Văn Nột (thửa 465, tờ BĐ 147)	150
3.2.22	Đoạn đường từ nhà ông Lữ Văn Thơ (thửa 419, tờ BĐ 146), đến nhà ông Đỗ Doãn Quế (thửa 260, tờ BĐ 146)	150
3.2.23	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Bá Hạnh (thửa 362, tờ BĐ 147), đến nhà ông Lê Văn Chi (thửa 49, tờ BĐ 146)	150
3.2.24	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Diệu (thửa 29, tờ BĐ 146) đến nhà ông Cầm Bá Thoại (thửa 346, tờ BĐ 147)	150
3.2.25	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Bình Ngọ (thửa 409, tờ BĐ 147), đến nhà bà Nhất (thửa 335, tờ BĐ 147)	150
3.2.26	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Viết Quang (thửa 179, tờ BĐ 147) đến nhà ông Lò Văn Chái (thửa 17, tờ BĐ 147)	150
3.2.27	Đoạn đường từ nhà ông Lò Đình Chiểu (thửa 302, tờ BĐ 133), đến nhà ông Lương Văn Lại (thửa 499, tờ BĐ 134)	150
3.2.28	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Xuân Vinh (thửa 359, tờ BĐ 134), đến nhà ông Lang Văn Lý (thửa 448, tờ BĐ 134)	150
3.2.29	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Biên (thửa 404, tờ BĐ 135), đến nhà ông Vi Văn Đến (thửa 171, tờ BĐ 135)	150
3.2.30	Đoạn đường từ nhà ông Lang Văn Quyền (thửa 172, tờ BĐ 135) đến nhà ông Lê Đình Trọng (thửa 215, tờ BĐ 135)	150
3.2.31	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Thỏa (thửa 121, tờ BĐ 135), đến nhà ông Vi Văn Ái (thửa 76, tờ BĐ 135)	150
3.2.32	Đoạn đường từ nhà ông Kim Bát thôn Cang Khèn, đến nhà ông Khanh Nương, thôn Lùm Nưa	200

3.3	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	100
4	**XÃ XUÂN CAO**	
4.1	**Đường liên xã**	
4.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Bảy Tân (thửa 288, tờ BĐ số 30); đến nhà ông Văn Hằng (thửa 215, tờ BĐ 30); đến nhà ông Tập Tăng (thửa số 405, tờ BĐ 30), thôn Quyết Thắng 1	650
4.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Vũ Thảo (thửa 73, tờ BĐ 21); đến nhà bà Lụa, (thửa 64, tờ BĐ 21); đến nhà bà Trâm (thửa 121, tờ BĐ 22), thôn Trung Nam	650
4.1.3	Đoạn đường từ sân bóng Tổ Rồng (tờ BĐ 02), thôn Xuân Minh 1, đi thôn Xuân Minh 2, Xuân Thắng, đến nhà ông Lượng, bà Thư (thửa 302, tờ BĐ 30), thôn Quyết Thắng 1	450
4.1.4	Đoạn đường từ nhà ông Tâm, bà Nguyệt (thửa 30 tờ BĐ 21), đến nhà ông Toàn (thửa 164, tờ BĐ 10), thôn Trung nam	450
4.1.5	Đoạn đường từ nhà ông Toán, bà Chính (thửa 102, tờ BĐ 22), thôn Trung Nam, đến nhà ông Quy (Cầu Sập) (thửa 85, tờ BĐ 12) thôn Quyết Tiến	450
4.1.6	Đoạn từ nhà ông Hồng, bà Liên (thửa 113, tờ BĐ 30), thôn Quyết Thắng 1, đến nhà ông Vẽ, bà Mai (thửa số 203, tờ BĐ 22), thôn Trung Nam	450
4.1.7	Đoạn từ nhà ông Thu (thửa 64, tờ BĐ 38), đến nhà ông Bích (thửa 297, tờ BĐ 38), thôn Xuân Thắng	450
4.2	**Đường liên thôn**	
4.2.1	Đoạn đường từ nhà ông Quân, bà Ninh (thửa 329, tờ BĐ 30), thôn Quyết Thắng 1 đi thôn Vinh Quang, đến nhà ông Côi (thửa 178, tờ BĐ 10), thôn Thanh Tiến	450
4.3	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	100
5	**XÃ XUÂN CẨM (nay là thị trấn Thường Xuân)**	
5.1	**Đường liên xã**	
5.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Trần Tiến Báu, thôn Thôn Chính (thửa 178, tờ BĐ 29), đến nhà ông Nguyễn Văn Bảy, thôn Trung Chính (thửa 28, tờ BĐ 29)	800
5.2	**Đường liên thôn**	
5.2.1	Từ nhà ông Lê Hạnh Chân, thôn Trung Chính (thửa 148, tờ BĐ 30), đến nhà ông Hà Đình Tuyên, thôn Trung Chính (thửa 239, tờ BĐ 30)	800
5.2.2	Đoạn từ nhà ông Hà Đình Tuyên đến nhà ông Lưu Thanh Xuyến, thôn Trung Chính (thửa 272, tờ BĐ 30)	300
5.2.3	Đoạn từ nhà ông Hà Đình Tuyên đến nhà ông Trịnh Xuân Vụ, vòng lên ông Trịnh Văn Thiệu, thôn Xuân Quang	350
5.2.4	Đoạn đường từ nhà bà Trịnh Thị Tâm, thôn Xuân Quang (thửa 385, tờ BĐ 29), đến các đường chính của các thôn Xuân Quang (hộ ông Hà Hồng Phong), Trung Chính (hộ ông Lương Văn Nam).	600
5.2.5	Đoạn từ nhà ông Hà Hồng Phong thôn Xuân Quang, đến nhà ông Hà Văn Viện thôn Xuân Minh	350
5.2.6	Đoạn từ hộ ông Hà Văn Viện thôn Xuân Minh (thửa 316, tờ BĐ 44), đến hộ ông Hà Văn Tiến ra ngã ba (thửa 539, tờ BĐ 44)	350
5.2.7	Đoạn đường từ cầu Đòn đến Nhà văn hóa thôn Tiến Sơn 1	300

5.2.8	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Ân (thửa 50, tờ BĐ 29), đến nhà ông Lương Văn Thỏa (thửa 165, tờ BĐ 29)	350
5.3	**Đường nội thôn**	
5.3.1	Đoạn đường từ hộ ông Lê Xuân Liên (thửa 63, tờ BĐ 30), đến hộ ông Lê Xuân Liên (thửa 07, tờ BĐ 30), thôn Trung Chính	500
5.3.2	Đoạn đường từ hộ ông Trần Văn Thảo (thửa 132), đến hộ ông Trần Xuân Bình (thửa 163, tờ BĐ 30), thôn Trung Chính	500
5.3.3	Đoạn đường từ hộ ông Trịnh Minh Đức (thửa 145, tờ BĐ 30), đến hộ bà Phạm Thị Đồng (thửa 217, tờ BĐ 30), thôn Trung Chính	500
5.3.4	Đoạn đường từ hộ ông Lưu Bá Bình (thửa 159, tờ BĐ 29), đến hộ bà Hà Thị Phượng (thửa 210, tờ BĐ 29), thôn Trung Chính	500
5.3.5	Đoạn đường từ hộ ông Cầm Bá Tấn (thửa 283, tờ BĐ 29), đến hộ ông Lương Xuân Thức (thửa 12, tờ BĐ 28), thôn Trung Chính	500
5.3.6	Đoạn đường từ hộ ông Lương Văn Đức (thửa 202, tờ BĐ 29), đến hộ bà Hà Thị Bun (thửa 168, tờ BĐ 29), thôn Trung Chính	300
5.3.7	Đoạn đường từ hộ ông Lương Công Le (thửa 817, tờ BĐ 29), đến hộ ông Lương Quý Sao (thửa 281, tờ BĐ 29), thôn Trung Chính	300
5.3.8	Đoạn đường từ hộ bà Lương Thị Chiến (thửa 471, tờ BĐ 29), đến hộ bà Lê Thị Tuyết (thửa 413, tờ BĐ 29), thôn Trung Chính	400
5.3.9	Đoạn đường từ hộ ông Lương Văn Ót (thửa 522, tờ BD 30), đến hộ ông Bùi Xuân Mão (thửa 39, tờ BĐ 36), thôn Xuân Quang	300
5.3.10	Đoạn đường từ hộ ông Hà Hồng Phong (thửa 548, tờ BĐ 29), đến hộ ông Hà Bình Khuyên (thửa 110, tờ BĐ 36), thôn Xuân Quang	300
5.3.11	Đoạn đường từ bà Trịnh Thị Tâm (thửa 385, tờ BĐ 29), đến nhà ông Lương Văn Ân, thôn Xuân Quang	130
5.3.12	Đoạn đường từ hộ ông Hà Văn Tâm đến nhà ông Lương Thanh Liêm, thôn Xuân Quang	130
5.3.13	Đoạn đường từ hộ ông Lục Văn Minh (thửa 178, tờ BĐ 42), đến hộ ông Lương Minh Thông (thửa 168, tờ BĐ 42), thôn Tiến Sơn 1	300
5.3.14	Đoạn đường từ hộ ông Lương Công Tuyên (thửa 250, tờ BĐ 42), đến hộ ông Lục Văn Đại (thửa 245, tờ BĐ 42), thôn Tiến Sơn 1	300
5.4	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	130
6	**XÃ XUÂN CHINH**	
6.1	**Đường liên xã**	
6.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Táo thôn Thông (thửa 456, tờ BĐ 13), đến nhà ông Cầm Bá Huân thôn Chinh (thửa 168, tờ BĐ 21)	280
6.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Huân thôn Chinh, đến nhà ông Cầm Bá Mùi thôn Chinh	180
6.1.3	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Cương thôn Thông, đến nhà ông Cầm Bá Dũng thôn Thông (thửa 425, tờ BĐ 13)	180
6.1.4	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Hoan thôn Hành (thửa 300, tờ BĐ 07), đến nhà ông Cầm Bá Cương, thôn Thông	180
6.1.5	Đường nhựa từ thôn Hành, xã Xuân Chinh đi xã Xuân Lộc	180
6.1.6	Đường nhựa từ thôn Thông, xã Xuân Chinh đi xã Xuân Lẹ	180
6.1.7	Đường từ đội 2 thôn Hành đi thôn Dài, xã Xuân Lẹ	120
6.1.8	Đường 45-48 qua địa bàn xã	120

6.2	**Đường liên thôn**	
6.2.1	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Hèo (thửa 514, tờ BĐ 27), đến nhà ông Cầm Bá Nhi (thửa 425, tờ BĐ 27), thôn Tú Tạo	120
6.2.2	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Dơi (thửa 455, tờ BĐ 27), đến nhà ông Vi Văn Thay (thửa 369, tờ BĐ 35), thôn Cụt Ạc	120
6.2.3	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Thi (thửa 230, tờ BĐ 28), đến nhà ông Cầm Bá Chung (thửa 240, tờ BĐ 28), thôn thôn Chinh	120
6.2.4	Đoạn từ nhà bà Lương Thị Hiền thôn Chinh (thửa 87, tờ BĐ 21), đến nhà ông Cầm Bá Miên thôn Chinh (thửa 278, tờ BĐ 28)	120
6.2.5	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Tài thôn Hành (thửa 345, tờ BĐ 14), đến nhà ông Cầm Bá Nhật thôn Chinh (thửa 66, tờ BĐ 29), đường thôn Xeo	120
6.2.6	Đoạn đường từ nhà ông Vi Hồng Mão thôn Giang đến nhà ông Lương Văn Đức thôn Giang (thửa 242, tờ BĐ 53)	120
6.2.7	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Thắm thôn Chinh (thửa số 152, tờ BĐ 21), đến nhà ông Cầm Bá Bền thôn Chinh (thửa 130, tờ BĐ 27) nối đường 45-48 tại thôn Tú Ạc	120
6.3	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	80
7	**XÃ LUẬN THÀNH**	
7.1	**Đường liên xã**	
7.1.1	Đoạn từ nhà bà Lê Thị Mọi thôn Sơn Cao (thửa 43, tờ BĐ 09), đến giáp xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân (thửa 07, tờ BĐ 09)	400
7.1.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Tứ thôn Sơn Minh (thửa 298, tờ BĐ 08), đến nhà ông Lê Văn Hùng thôn Sơn Cao (thửa 21, tờ BĐ 09)	400
7.1.3	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Bảy thôn Cao Tiến (thửa 59, tờ BĐ 13), đến đất bà Nguyễn Thị Hương thôn Cao Tiến	400
7.1.8	Đoạn từ nhà ông Lương Hùng Ót thôn Cao Tiến (thửa 287, tờ BĐ 25), đến nhà ông Nguyễn Văn Sa thôn Thiệu Hợp (thửa 232, tờ BĐ 12)	400
7.1.9	Các đường nhánh tiếp giáp vị trí 1 của đường Hồ Chí Minh cách không quá 200m	400
7.1.10	Đoạn từ nhà ông Vi Hồng Thu thôn Tiến Hưng 1 (thửa 478 tờ BĐ 26), đến nhà ông Lại Công Phụng (thửa 79, tờ BĐ 26)	150
7.1.11	Đoạn từ nhà ông Lê Xuân Bình (thửa 49, tờ BĐ 02), đến giáp xã Xuân Cao	150
7.2	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	130
8	**XÃ XUÂN THẮNG**	
8.1	**Đường liên thôn**	
8.1.1	Đoạn đường từ Bưu Điện văn hoá xã đến nhà ông Dũng Duẩn, thôn Dín	250
8.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Vinh Hảo thôn Dín, đến Trường Tiểu học thôn Xương	250
8.2	**Đường nội thôn**	
8.2.1	Các trục đường chính của các thôn	200
8.3	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	100
9	**XÃ XUÂN LỘC**	
9.1	**Đường liên xã**	
9.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Quản Văn Chung thôn Chiềng (thửa 327, tờ BĐ 29), đến nhà ông Vi Văn Ếm thôn Chiềng (thửa 41, tờ BĐ số 28)	450

9.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Đỗ Xuân Khoa thôn Vành (thửa 33, tờ BĐ 35), đến Lục Văn Chung thôn Quẻ (thửa 59, tờ BĐ 34)	320
9.1.3	Đoạn đường từ nhà bà Tào Thị Ninh thôn Chiềng (thửa 104, tờ BĐ số 36), đến nhà ông Lục Đăng Thao thôn Vành (thửa 27, tờ BĐ số 42)	320
9.2	**Đường liên thôn**	
9.2.1	Đoạn từ nhà thửa 269 tờ BĐ 22, đến nhà ông Hà Văn Thìn, thửa 264, tờ BĐ số 22	120
9.2.2	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Vượng thôn Pà Cầu (thửa 42, tờ BĐ 29), đến nhà ông Hoàng Văn Thắm thôn Pà Cầu (thửa 576, tờ BĐ 22)	120
9.3	**Đường nhánh, ngõ, ngách trong xã**	100
10	**XÃ BÁT MỘT**	
10.1	**Đường liên thôn**	
10.1.1	Đoạn đường từ ngã ba đi thôn Đục đến thôn Vịn	120
10.1.2	Đoạn đường từ ngã ba thôn Chiềng đến thôn Phống	120
10.1.3	Đoạn đường từ ngã ba đi thôn Ruộng đến ông Dân thôn Cạn	120
10.1.4	Các đoạn, ngõ, ngách trong xã	80
11	**XÃ LƯƠNG SƠN**	
11.1	**Đường liên huyện Lang Chánh**	
11.1.1	Đoạn từ Ngã 3 tiếp giáp đường 47 (thửa 19, tờ BĐ 25), đến cầu đi Giao Thiện, huyện Lang Chánh (thửa 15, tờ BĐ 16); (Đường đi Lang Chánh)	300
11.2	**Đường liên thôn**	
11.2.1	Đường 30A, ngã 3 đấu nối đường 47 giáp hộ ông Chớn đến ngã tư ông Tám Hiền, thôn Lương Thiện	400
11.2.2	Đoạn đường từ Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn, đến ngã ba nhà ông Thủy thôn Ngọc Sơn (thửa 225, tờ BĐ 46), (Đường 30A, thôn Ngọc Sơn)	500
11.2.3	Đoạn đường từ Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn (thửa 610, tờ BĐ 55), đến Trường Tiểu học Lương Sơn 2 thửa 722, tờ BĐ 35 (Đường 30A thôn Ngọc Sơn, Lương Thịnh, khu Trại bò)	500
11.2.4	Đoạn đường từ nhà ông Việt thôn Lương Thiện (thửa 5, tờ BĐ 68), đến nhà ông Thành (thửa số, tờ BĐ 68), (Đường 30A thôn Lương Thiện)	300
11.2.5	Đoạn đường từ nhà ông Tiên Hằng thôn Lương Thiện (thửa 1020, tờ BĐ 56), đến nhà ông Văn Dếnh thôn Lương Thiện (thửa 1091, tờ BĐ 56) (Ngã tư giáp hộ ông Tám Hiền đoạn đường 30A thôn Lương Thiện)	250
11.3	**Đường nội thôn**	
11.3.1	Đoạn đường từ nhà ông Ánh Sơn thôn Ngọc Sơn (thửa 45, tờ BĐ 66), đến nhà ông giáp nhà ông Lê Duy Thọ (thửa 178, tờ BĐ 66) đối diện Ngã ba đường (thôn Ngọc Sơn)	500
11.3.2	Đoạn từ hộ ông Lê Duy Thọ (thửa 178, tờ BĐ 66) đến giáp Quốc lộ 47 (Khu quy hoạch mới thôn Ngọc Sơn. Đoạn chia tách từ đoạn hộ ông Ánh, thôn Ngọc Sơn)	650
11.3.3	Đoạn đường từ giáp đường 47 đến nhà ông Hướng thôn Ngọc Sơn (thửa 341, tờ BĐ 67), (Đoạn chia tách từ đoạn hộ ông Ánh, thôn Ngọc Sơn)	600
11.3.4	Đoạn đường từ ngã ba ông Hùng Thủy (thửa 1069, tờ BĐ 56), đến ngã ba nhà ông Tám Hiền thôn Lương Thiện (thửa 927, tờ BĐ 56)	500
11.3.5	Đoạn đường từ nhà ông Cao Huệ thôn Lương Thiện (thửa 504, tờ BĐ 56) đến Trường Mầm non cụm 4 thôn Ngọc Sơn (thửa 184, tờ BĐ 56)	500

11.3.6	Đường từ nhà ông Anh Tiện thôn Trung Thành (thửa 701, tờ BĐ 66), đến nhà ông Tới thôn Trung Thành (thửa 554, tờ BĐ 67) (Trung Thành)	500
11.3.7	Đoạn đường từ nhà ông Quang Hiền thôn Trung Thành (thửa 844, tờ BĐ 66), đến nhà ông Mong rẽ ra Nhà VH thôn Trung Thành (thửa 860, tờ BĐ 66), (Trung Thành)	250
11.3.8	Đoạn từ đường 47 (thửa 616, tờ BĐ 78), đi vào thôn Ngọc Minh (thửa 53, tờ BĐ 88), (Minh Quang, Minh Ngọc)	250
11.3.9	Từ Nhà văn hóa thôn Minh Quang (thửa 254, tờ BĐ 78), đến nhà bà Thanh thôn Minh Quang (thửa 641, tờ BĐ 78) (thôn Minh Quang)	250
11.3.10	Đoạn đường từ nhà ông Quảng Hạnh thôn Lương Thịnh (thửa 57, tờ BĐ 45), đến nhà ông Trung Đào thôn Lương Thịnh (thửa 79, tờ BĐ 45), (thôn Lương Thịnh)	250
11.3.11	Đoạn đường từ nhà ông Thủy Cụm 4 thôn Ngọc Sơn (thửa 01, tờ BĐ 56), đến nhà ông Lưu Tại thôn Ngọc Sơn (thửa 145, tờ BĐ 45) (thôn Ngọc Sơn)	400
11.3.12	Các đoạn đường khu dân cư Ngọc Sơn Mặt bằng 894, Ngọc Sơn 2, thuộc Lô 2 (thôn Ngọc Sơn, mới quy hoạch, đấu giá 2017)	500
11.3.13	Đoạn đường từ nhà ông Khánh thôn Lương Thiện (thửa 1255, tờ BĐ 56), đến nhà ông Doanh Cụm 3 thôn Lương Thiện (thửa 261, tờ BĐ 67), (Gần khu ông Biếu thôn Lương Thiện)	250
11.3.14	Đoạn đường từ nhà ông Hùng Thủy thôn Lương Thiện thửa số 900, tờ BĐ 56 đến nhà bà Tâm thôn Lương Thiện thửa 626, tờ BĐ 56 (nối đường 47 đến Ngã tư giáp kênh bắc, đường 30A thôn Lương Thiện)	250
11.3.15	Các đoạn, ngõ, ngách trong xã	130
12	**XÃ LUẬN KHÊ**	
12.1	**Đường liên thôn**	
12.1.1	Đoạn đường từ đập tràn sông Đằn đến nhà ông Lê Huy Hải thôn Hợp Nhất (thửa 02, tờ BĐ 08)	180
12.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Vi Nguyên Hà thôn Yên Mỹ (thửa 189, tờ BĐ 53), đến nhà ông Lang Văn Nguyệt thôn Hún	180
12.1.3	Đoạn đường từ nhà ông Vi Xuân Vượng thôn Yên Mỹ (thửa 169, tờ BĐ 54), đến nhà ông Vi Văn Phương thôn Thắm	180
12.1.4	Đoạn đường từ ngã ba thôn An Nhân đến Trường Mầm non thôn Chiềng	180
12.2	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	80
13	**XÃ TÂN THÀNH**	
13.1	**Đường liên xã**	
13.1.1	Đoạn từ cầu Bà Hiền thôn Thành Lãm (thửa 158, tờ BĐ 39), đến (thửa 225, tờ BĐ 39), thôn Thành Thượng. Từ (thửa 496, tờ BĐ 38) đến (thửa 557, tờ BĐ 38) cầu Khếu, thôn Thành Thượng.	500
13.1.2	Đoạn từ ngã ba nhà bà Huỳnh Đại, thửa 107, tờ BĐ 30, đến thửa 196, tờ BĐ 30; Thửa số 7 tờ BĐ 40 đến thửa 32 tờ 40, giáp nhà Huệ Hoàn	320
13.1.3	Đoạn từ ngã ba nhà bà Huỳnh Đại thửa 42, tờ BĐ 40, đến thửa 79, tờ 40, giáp xã Thượng Ninh.	200
13.2	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	100
14	**XÃ THỌ THANH**	
14.1	**Đường xã và liên xã**	

14.1.1	Đoạn từ cống Nổ Đá đến nhà văn hoá thôn 3	1.300
14.1.2	Đoạn từ hộ bà Phùng Thị Liên (thửa 428, tờ BĐ số 10), đến nhà ông Lê Doãn Hà (thửa 54, tờ BĐ 05) cách 100m đến xã Xuân Dương, theo đường liên xã Xuân Dương-Thọ Thanh-Xuân Cao	200
14.1.3	Đoạn từ nhà ông Việt đến giáp đất thị trấn	500
14.1.4	Đoạn từ trạm hộ bà Lê Thị Hoa thôn 2, thửa 460, tờ BĐ số 04 đi Biến áp	350
14.1.5	Đoạn tiếp theo đến Lê Văn Lim, thửa 83 tờ BĐ số 9	350
14.2	**Đường liên thôn**	
14.2.1	Đoạn từ trạm hộ bà Lê Thị Hoa thôn 2 thửa 460 tờ BĐ số 04 đi Biến áp đi thôn Hồng Kỳ đến hộ ông Lê Văn Lim thửa 83 tờ BĐ số 9 lô 1 (mặt đường)	350
14.2.2	Đoạn từ Trường Tiểu học đến nhà ông Lê Đình Châu, thôn Đông Xuân	300
14.2.3	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Ái thôn 1 (thửa 12, tờ BĐ số 3), đến nhà ông Lê Văn Lim thôn Hồng Kỳ (thửa 83, tờ BĐ số 9)	130
14.3	**Đường nội thôn**	
14.3.1	Đoạn từ nhà bà Nhạn (thửa 326, tờ BĐ 04), đến nhà bà Lê Thị Hải (thửa 246, tờ BĐ 04) cách 50m đến xã Xuân Dương	250
14.3.2	Đoạn từ nhà ông Lê Công Ninh (thửa 527, tờ BĐ 04), đến nhà ông Đỗ Văn Báu (thửa đất 365, tờ BĐ 04) cách 50m đến xã Xuân Dương	250
14.3.3	Đoạn từ nhà bà Lê Hữu Chung (thửa 658, tờ BĐ 04), đến nhà bà Trần Thị Lớp (thửa 470, tờ BĐ 04)	250
14.3.4	Đoạn từ nhà ông Lê Hữu Hiên (thửa 816, tờ BĐ 04), đến nhà ông Đào Quang Sáu (thửa 680, tờ BĐ 04)	250
14.3.5	Đoạn từ nhà ông Lê Đình Đường (thửa 356, tờ BĐ 10), đến nhà ông Lê Doãn Quyết (thửa 533, tờ BĐ 04)	130
14.4	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	130
15	**XÃ YÊN NHÂN**	
15.1	Các đoạn, ngõ, ngách trong xã	80
16	**XÃ XUÂN DƯƠNG**	
16.1	**Đường liên xã**	
16.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Thành (thửa 58, tờ BĐ 38), đến ông Sơn (thửa 145, tờ BĐ 38), thôn Thống Nhất 3	600
16.1.2	Đoạn từ ông Sơn (thửa 129, tờ BĐ 38) đi đến Nổ Đá Thọ Thanh	500
16.1.3	Đoạn đường từ thôn Tân Lập đi xã Ngọc Phụng	250
16.1.4	Đoạn từ nhà ông Hạnh Hân thôn 1 (thửa 20, tờ BĐ 41), đến nhà ông Phương Liên thôn 1 (thửa 35, tờ BĐ 41)	500
16.1.5	Đoạn đường giáp đất thị trấn Thường Xuân đến đất ông Lê Xuân Tình	500
16.1.6	Đoạn từ nhà ông Chiến thôn 2 đến Trạm y tế xã mới	500
16.1.7	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Đinh Văn Nam thửa 79, tờ BĐ 20	250
16.2	**Đường liên thôn**	
16.2.1	Đường từ nhà ông Phùng thôn 2 (thửa 291, tờ BĐ 31), đến nhà ông Tâm thôn 2 (thửa 197, tờ BĐ 31)	650
16.2.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thuật thửa 46, tờ BĐ 31	650
16.2.3	Đoạn tiếp theo đến Bản tin Xuân Thịnh	300
16.2.4	Đường liên thôn 1 và thôn 2	300

16.2.5	Đoạn đường từ cây xăng Khiên Thành đến nhà ông Công (thửa 20, tờ BĐ 40)	350
16.2.6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Lê Thọ Tăng thửa 44 tờ bản đồ 31	300
16.2.7	Từ nhà ông Tuyến Nga thôn 3 đến nhà ông Thuận Vinh thôn 3, đường giáp thị trấn	350
16.2.8	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Có thửa 26, tờ BĐ 29	350
16.2.9	Từ nhà ông Hùng Nhan thôn 1 (thửa số 368, tờ BĐ 33), đến đất điện nhất (thửa số 367, tờ BĐ 33)	350
16.2.10	Đoạn từ ông Chiến (thửa 464, tờ BĐ 30), đến ông Thuận (thửa 508, tờ BĐ 30)	350
16.2.11	Đoạn tiếp theo đến ông Kiểm thửa 250, tờ BĐ 30	250
16.2.12	Đoạn ông Tính (thửa 443, tờ BĐ 30), đến bà Mơ (thửa 373, tờ BĐ 30)	350
16.2.13	Đoạn tiếp theo đến ông Liêm thửa 197, tờ bản đồ 30, thôn Thống Nhất 3	250
16.2.14	Đoạn ông Cương thửa 89, tờ BĐ 25 đến thửa 75, tờ BĐ 21	130
16.2.15	Đoạn bà Nhẫn thôn Xuân Thịnh (thửa 70, tờ BĐ 21) đến ông Mến thôn Vụ Bản (thửa 215, tờ BĐ 15)	130
16.2.16	Các đường nhánh tiếp giáp đường Mục Sơn - Cửa Đạt còn lại đến 200m	350
16.2.17	Đường nội thôn	100
16.3	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	130
17	**XÃ XUÂN LỆ**	
17.1	**Đường liên xã**	
17.1.1	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Lân (thửa 192, tờ BĐ 76) thôn Xuân Ngù, đến nhà bà Vi Thị Quan (Vinh) (thửa 884, tờ BĐ 76), thôn Bàn Tạn	300
17.1.2	Đoạn đường từ nhà ông Cầm Bá Hải (thửa 462, tờ BĐ 76), đến nhà ông Lương Văn Quý (thửa 219, tờ BĐ 77) thôn Xuân Ngù	160
17.2	**Đường liên thôn**	
17.2.1	Đoạn đường từ nhà ông Lữ Văn Hùng (thửa 63 tờ BĐ 89), đến nhà ông Lò Quang Điện (thửa 97, tờ BĐ 88), thôn Bàn Tạn	160
17.3	**Đường nội thôn**	
17.3.1	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Lại (thửa 272 tờ BĐ 76), đến nhà bà Cầm Thị Hiền (thửa 646, tờ BĐ 76), thôn Xuân Ngù	100
17.4	**Các đoạn, ngõ, ngách trong xã**	80

24. HUYỆN NHƯ XUÂN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH:**	
I	**ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**	
1.1	**Địa phận xã Thượng Ninh**	
1.1.1	Đoạn từ ranh giới huyện Thường Xuân đến (thửa 68 - Tờ BĐ: 33)	1.400
1.1.2	Đoạn tiếp theo từ (thửa: 120 - tờ BĐ: 33) đến cầu Thượng Ninh 2 (thửa: 539- tờ BĐ: 46)	1.500
1.1.3	Đoạn tiếp theo từ (thửa: 624 - tờ BĐ: 46) đến ranh giới xã Yên Lễ.	1.300
1.2	**Địa phận xã Yên Lễ (cũ)**	
1.2.1	Đoạn từ ranh giới xã Thương Ninh đến hết thửa đất số 9 và 37, tờ Bản đồ 29.	1.300
1.2.2	Đoạn tiếp theo đến QL 45A giao với đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 483, tờ BĐ 29)	1.500
1.2.3	Đoạn tiếp theo đến ranh giới phía đông thửa đất của Khách Sạn Như Xuân và ranh giới phía đông thửa đất của Đội quản lý thị trường số 13.	2.000
1.2.4	Đoạn tiếp theo đến đến ranh giới thị trấn Yên Cát	3.500
1.2.5	Đoạn từ ranh giới thị trấn Yên Cát (cầu Xuân Chính 1) đến cầu Xuân Chính 2	2.000
1.2.6	Đoạn tiếp theo từ cầu Xuân chính 2 đến ranh giới xã Hóa Quỳ	1.600
1.3	**Địa phận thị trấn Yên Cát**	
1.3.1	Đoạn từ ranh giới xã Yên Lễ đến Cầu Chui	3.000
1.3.2	Tiếp theo từ Cầu Chui đến cầu Xuân Chính 1	2.000
1.4	**Địa phận xã Hóa Quỳ**	
1.4.1	Đoạn từ ranh Yên Lễ đến cầu Luống Đồng (Thửa 699 đến thửa 726 tờ bản đồ 29)	1.600
1.4.2	Đoạn cầu Luống Đồng đến đỉnh dốc 3 tầng (Thửa 317 tờ bản đồ 29 đến thửa 119 tờ bản đồ 33)	1.400
1.4.3	Đoạn đỉnh dốc 3 tầng đến giáp xã Xuân Quỳ từ giáp thửa 199 tờ bản đồ 33 đến hết địa phận xã.	1.200
1.5	**Địa phận xã Xuân Quỳ (cũ)**	
1.5.1	Đoạn từ ranh giới xã Hóa Quỳ (Thửa: 124- Tờ BĐ: 18) đến Cống khe Hón Tráng (Thửa: 73- Tờ BĐ: 17)	1.200
1.5.2	Đoạn tiếp theo Cống khe Hón Tráng (Thửa: 234- Tờ BĐ: 17) đến cầu Lá Sơ (Thửa: 777 - Tờ BĐ: 16)	1.400
1.5.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Xà Manh- hết ranh giới xã Xuân Quỳ.	1.200
1.6	**Địa phận xã Xuân Hòa**	
1.6.1	Đoạn từ ranh giới xã Xuân Quỳ đến đường vào Đá Chai (Thửa:19- Tờ BĐ:1)	1.100
1.6.2	Đoạn từ (Thửa: 9 - Tờ BĐ: 3) đến nhánh II đường vào thôn Ngòi (Thửa: 27- Tờ BĐ: 7)	1.200
1.6.3	Đoạn từ (Thửa: 32- Tờ BĐ: 7) đến đường vào thôn Giăng (Thửa: 69- Tờ BĐ: 9)	1.400
1.6.4	Đoạn từ (Thửa: 52- Tờ BĐ: 9) đến hết ranh giới xã Xuân Hòa.	1.100

1.7	**Địa phận xã Bãi Trành**	
1.7.1	Đoạn từ ranh giới xã Xuân Hòa đến (Thửa: 70 và 115- Tờ BĐ: 4)	1.100
1.7.2	Đoạn tiếp theo từ cầu ông Đông (thửa 89 và 100 - TBĐ số 4) đến Cổng nhà ông Sơn (thửa 65 và thửa 90 TBĐ số 10)	1.300
1.7.3	Đoạn tiếp theo (thửa 75 và 87 TBĐ 10) đến đường rẽ vào khu sản xuất thôn 3 (thửa 119 TBĐ 12 và thửa số 6 TBĐ 19)	1.500
1.7.4	Đoạn tiếp theo nhà bà Nhung thôn 3 (thửa 1 và thửa 15 TBĐ 19) đến cổng nhà ông Bình Liên thôn Cầu (thửa 491 và thửa 769 TBĐ 20)	2.000
1.7.5	Đoạn tiếp theo từ nhà Vân Phượng (thửa 504 và thửa 548 TBĐ 20) đến hết ranh giới	1.500
1.8	**Địa phận xã Xuân Bình**	
1.8.1	Đoạn từ giáp xã Bãi Trành đến hết địa phận xã Xuân Bình	1.350
II	**QUỐC LỘ 45**	
2.1	**Địa phận xã Yên Lễ (cũ)**	
2.1.1	Đoạn từ ranh giới huyện Như Thanh đến ngã ba giao với đường HCM (Thửa: 441- Tờ BĐ 29)	800
2.1.2	Đoạn từ ngã ba thôn Mỹ Ré giao với đường HCM (Từ thửa: 480 và 373 - Tờ BĐ: 37) đến cầu Yên Cát I (Gồm cả địa phận thị trấn Yên Cát)	4.500
2.2	**Địa phận TT Yên Cát**	
2.2.1	Đoạn từ cầu Yên Cát I đến đường 15A (Gồm cả địa phận xã Yên Lễ)	5.000
III	**QUỐC LỘ 15A**	
3.1	**Địa phận thị trấn Yên Cát**	
3.1.1	**Đường Yên Cát- Thanh Quân** (Thửa: 70 và 68 - Tờ BĐ: 05) đến thửa 3;6- Tờ BĐ: 02 (cả địa phận xã Yên Lễ)	1.500
3.1.2	Đoạn tiếp theo từ ngã tư giao với Đường Hồ Chí Minh (Thửa: 132 và 125- Tờ BĐ: 05) đến cầu Yên Cát 3 (Thửa: 254 và 117- Tờ BĐ: 09)	5.000
3.1.3	Đoạn tiếp theo từ cầu Yên Cát 3 (Thửa: 247 và 251- Tờ BĐ: 09) đến cầu Yên Cát sô 4, (Thửa: 49 ; 55 - Tờ BĐ: 16) .	4.000
3.1.4	Đoạn tiếp theo Cầu Yên Cát sô 4, (Thửa: 09 tờ BĐ: 15; Thửa: 56 tờ BĐ: 16) đến thửa (Thửa: 30 tờ BĐ: 15; Thửa: 160 tờ BĐ: 16)	3.500
3.2	**Địa phận xã Yên Lễ (cũ)**	
3.2.1	Đoạn từ ngã ba thôn Quế giao với đường HCM (Thửa: 606- Tờ BĐ: 12) đến nhà ông Sơn thôn Yên Phú (Thửa: 475- Tờ BĐ: 19)	700
3.2.2	Đoạn từ nhà ông Nho thôn Thắng Sơn (Thửa: 26- Tờ BĐ: 27) đến nhà ông Ba thôn Thắng Sơn (Thửa: 45 - Tê BĐ: 27)	480
3.2.3	Đoạn từ giáp thị trấn Yên Cát (Thửa: 41 và 48 Tờ BĐ: 15 - thị trấn Yên Cát) ngã ba giao với đường HCM.	2.500
3.2.4	Đoan từ nhà ông Dương thôn Xuân Chính (Thửa:244 - Tờ BĐ: 44) đến ranh giới xã Hóa Quỳ.	700
VI	**TỈNH LỘ 514**	
4.1	**Địa phận xã Thượng Ninh**	
4.1.1	Đoạn từ Đội Thuế (Thửa: 467 và 488- Tờ BĐ: 34) đến cầu nhà Bà (Nhà ông Thành) (Thửa: 277 và 299- Tờ BĐ: 35)	800
4.1.2	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 268 và 285- Tờ BĐ: 35) đến ngã ba thôn Khe Khoai Nhà ông Hân (Thửa: 80 và 84- Tờ BĐ: 24)	700

4 1.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 58 và 79- Tờ BĐ: 24) đến đỉnh Dốc Mó (Thửa: 3- Tờ BĐ: 15)	600
V	**ĐƯỜNG BÃI TRÀNH- NGHI SƠN**	
5.1	**Địa phận xã Xuân Bình**	
5.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Bãi Tràng (Thửa: 47- Tờ BĐ: 39) đến Cống Vòm (Thửa: 132- Tờ BĐ: 39)	1.700
5.1.2	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 204- Tờ BĐ: 39) đến hết thôn 12 (Thửa: 148- Tờ BĐ: 19); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Nông trường Bãi Tràng	1.350
5.1.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 148- Tờ BĐ: 19); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Nông trường Bãi Tràng đến hết ranh giới xã Xuân Bình	950
5.2	**Địa phận xã Bãi Tràng**	
5.2.1	Ngã ba đường Hồ Chí Minh (Thửa: 133- Tờ BĐ: 19 và (Thửa: 430- Tờ BĐ: 20) đến cống nhà ông Hảo Minh (thửa 81 và thửa 171 TBĐ 20)	2.000
5.2.2	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Việt Hoa đến Cống Vòm (thửa 104 TBĐ 21)	1.700
5.2.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Bãi Tràng	1.350
B	**GIÁ CÁC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN.**	
I	**XÃ TÂN BÌNH**	
1.1	**Đường Tân Bình đi Xuân Khang**	
1.1.1	Đoạn từ dốc Trực (Thửa: 360- Tờ BĐ:19) đến dốc ông Nhân thôn Tân Lập (Thửa: 248- Tờ BĐ: 20)	500
1.1.2	Đoạn tiếp theo (Thửa: 205, 206- Tờ BĐ: 20) đến nhà bà Khâm thôn Tân Thắng (Thửa: 123- Tờ BĐ: 20)	600
1.1.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 46, 48- Tờ BĐ: 20) đến Tràn lô 4 thôn Đức Bình (Thửa: 126, 128 - Tờ BĐ: 22)	400
1.1.4	Đoạn tiếp theo (Thửa:109 - Tờ BĐ: 22) đến hết ranh giới xã Tân Bình.	300
1.2	**Đường đi thôn Tân Sơn**	
1.2.1	Đoạn từ UBND xã (Thửa: 111, 115- Tờ BĐ: 20) đến nhà ông Hiền thôn Tân Sơn (Thửa:381, 408 - Tờ BĐ: 12)	600
1.2.2	Đoạn tiếp theo (Thửa: 335, 356 - Tờ BĐ: 12) đến hết ranh giới xã Tân Bình.	500
1.3	**Đường liên thôn**	
1.3.1	Đoạn từ ngã ba thôn Tân Sơn (Thửa: 06- Tờ BĐ: 06) đi dốc Nầm (Thửa: 16- Tờ BĐ: 01)	200
1.3.2	Đoạn từ ngã ba đường đi Dốc Vả (Thửa: 153, 186 - Tờ BĐ: 12) đến chân dốc Vả (Thửa:12- Tờ BĐ: 11)	200
1.3.3	Đoạn từ ngã ba thôn Tân Lập (Thửa: 98,105- Tờ BĐ:26) đi hết thôn Mai Thắng (Thửa: 45 - Tờ BĐ: 41)	200
1.3.4	Đoạn từ dốc ông Ninh (Thửa: 76, 77- Tờ BĐ: 20) đi Đồng Bừa (Thửa: 168, 170- Tờ BĐ: 13)	200
1.3.5	Đoạn từ ngã ba thôn Thanh Bình (Thửa: 144, 146- Tờ BĐ: 29) đi đến thôn Mai Thắng (Thửa: 116, 187- Tờ BĐ: 27)	200
1.3.6	Đoạn từ ngã ba nhà anh Chúc (Thửa: 109, 110 - Tờ BĐ: 23) đến nhà bà Vượng (Thửa: 12- Tờ BĐ: 37)	150
1.3.7	Đoạn từ nhà bà Hoa (thửa 109 và thửa 110- Tờ BĐ 23) đến nhà bà Bài (thửa 12- Tờ BĐ 37)	200

1.4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
II	**XÃ BÌNH LƯƠNG**	
2.1	**Đường Yên Cát đi Tân Bình**	
2.1.1	Đoạn giáp TT Yên Cát (Thửa số: 10 Tờ BĐ 1) đến Cống Đồng Nàu	600
2.1.2	Đoạn tiếp theo từ cống Đồng Nàu đến Nhà văn hóa thôn Thắng Lộc	700
2.1.3	Đoạn tiếp theo đến ranh giới xã Tân Bình.	600
2.2	**Đường liên thôn**	
2.2.1	Đoạn ranh giới TT Yên Cát (Thửa: 14 - Tờ BĐ: 02) đến trạm Y Tế cũ (Thửa 628 - Tờ BD: 02)	500
2.2.2	Đoạn Quang Trung vào Làng Gió (Thửa 25 - Tờ BĐ 7) đến Sân vận động Làng Gió (Thửa số 391 - Tờ BĐ 7)	400
2.2.3	Đoạn từ Cống Đồng Nàu đến Sân Vận Động thôn Làng Gió (Số thửa 391 - Tờ BĐ số 07)	300
2.2.4	Đoạn tiếp từ sân vận động vào đến Nhà văn hóa Đồng Thổ (Thửa đất 104 - Tờ BĐ số 17)	300
2.2.5	Đoạn tiếp đến thôn Làng Sao	200
2.2.6	**Đường Vào Làng Lườn:** Đoạn từ Cột điện 500KV đến giáp ranh giới xã Hóa Quỳ	200
2.2.7	**Đường vào Đồng Cần:** Đoạn từ Ngã ba đường nhựa thửa đất số 24 - Tờ BĐ 15 đến (Thửa số 220 và 289 - Tờ BĐ 14)	200
2.2.8	**Đường từ Thôn Thắng Lộc đi thôn Làng Mài:** Đoạn từ ngã Ba Thắng Lộc (Thửa số 456 - Tờ BĐ 8) đến Cống Khe Đồng Cò Làng Sao.	500
2.2.9	Đoạn tiếp theo từ Khe Đồng Cò đến đầu Dốc Bươn (Thửa đất số 124-Tờ BĐ số 23)	400
2.2.10	Đoạn tiếp theo từ Chân Dốc Bươn số thửa 145 - Tờ BĐ số 23) đến Cầu nước ngập (Số thửa 431 - Tờ BĐ số 39).	300
2.2.11	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Làng Mài	200
2.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
III	**THỊ TRẤN YÊN CÁT**	
3.1	**Các đường nội thị**	
3.1.1	***Đường Z:*** Đoạn từ (Thửa: 99 và 107 - Tờ BĐ: 09) đến (Thửa: 116 và 135- Tờ BĐ: 09)	4.000
3.1.2	***Đường Z đi thôn Yên Thắng, xã Yên Lễ:*** Đoạn từ (Thửa: 163 tờ BĐ: 4; thửa: 32 tờ BĐ: 03) đến thửa 206 tờ 25 - BĐ địa chính xã Yên Lễ)	1.500
3.1.3	***Đường Thanh Niên:*** Đoạn từ (Thửa: 12 và 17 - Tờ BĐ: 12) đến (Thửa: 267 và 269 - Tờ BĐ: 9)	2.500
3.1.4	***Đường từ Khu Phố 4 đến ranh giới xã Bình Lương:*** Đoạn từ (Thửa: 114- Tờ BĐ: 16) đến (Thửa: 17 - Tờ BĐ: 16) và cả địa phận xã Yên Lễ.	1.500
3.1.5	***Đường 135 đi Thôn Lúng:*** Đoạn từ (Thửa: 135 và140 - Tờ BĐ: 4) đến Ao Xí (Thửa: 24 và 39- Tờ BĐ: 05)	1.200
3.1.6	***Đường thôn Lúng:*** Đoạn từ (Thửa: 127 và 86- Tờ BĐ: 04) nối đường Hồ Chí Minh (Thửa: 84- Tờ BĐ: 04)	800
3.1.7	***Đường từ Khu Phố I:*** Đoạn từ (Thửa: 285- Tờ BĐ: 09) đến ranh giới xã Bình Lương (Thửa: 37- Tờ BĐ: 17)	800
3.1.8	***Đường QL45 nối với đường Thanh Niên:*** Đoạn từ liên đoàn lao động (Thửa: 132- Tờ BĐ: 10) đến (Thửa: 216 và 220 - Tờ BĐ: 10)	2.500

3.1.9	***Đường đôi nối đường Thanh Niên:*** Đoạn từ Quốc 45 (Thửa: 02- Tờ BĐ: 11) đến (Thửa: 235 và 232- Tờ BĐ: 11)	4.000
3.1.10	***Đường 30a đi thôn Thăng Bình:*** Đoạn từ đường Thanh Niên (Thửa: 356 và 375- Tờ BĐ: 11) đến nhà văn hoá thôn Thăng Bình (Thửa: 225 và 220- Tờ BĐ: 11)	2.000
3.1.11	***Đường vào nghĩa địa Khu Phố 4:*** Đoạn từ (Thửa 93 và 94- Tờ BĐ: 16) đến (Thửa: 97 và 98 - Tờ BĐ: 16)	800
3.1.12	Đoạn từ tiếp theo từ (Thửa 154- Tờ BĐ: 16) đến (Thửa: 102- Tờ BĐ: 16).	500
3.1.13	***Đường QL45 nối với đường Thanh Niên:*** Đoạn từ Huyện Đội (Thửa: 56 và 64 - Tờ BĐ: 11) đến ngã tư đường Thanh Niên (thửa: 115 và 777 - Tờ BĐ: 11) và đi hết địa phận xã Yên Lễ.	2.500
3.1.14	***Đoạn từ đường Thanh Niên vào trại giam Thanh Lâm*** : Từ (thửa 194 và 186 tờ BĐ 11) đến Nhà văn hóa thôn Thăng Bình (thửa 103 và 113 tờ BĐ 12)	2.000
3.1.15	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 230 và 115 - Tờ BĐ: 12) đến cổng Trại Giam (Thửa: 311- Tờ BĐ: 12)	1.500
3.1.16	Đường một chiều (đường đôi) từ QL45 nối đường HCM	4.000
3.1.17	Đường hai chiều (đường đơn) từ QL45 nối đường HCM	3.000
3.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	200
IV	**XÃ YÊN LỄ (nay là thị trấn Yên Cát)**	
4.1	**Đường Yên Cát- Thanh Quân:** Đoạn từ thửa 236 tờ bản đồ 27 đến Trường THCS (Thửa: 249- Tờ BĐ: 17) bao gồm: cả địa phận thị trấn Yên Cát.	1.200
	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận Yên Lễ (cũ)	800
4.2	**Đường Yên Lễ - Cát Vân:** Đoạn từ nhà bà Xuân thôn Yên Thịnh (Thửa: 57- Tờ BĐ: 44) đến nhà ông Thuỷ, thôn Yên Thịnh (Thửa: 284- Tờ BĐ: 35)	700
	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Lễ (cũ)	600
4.3	**Đường Thanh Niên:** Đoạn từ nhà ông Nhất, thôn Mỹ Ré (Thửa: 621 và 605 - Tờ BĐ: 37) đến hết địa phận Yên Lễ (cũ)	2.000
4.4	**Đường 30A:** Đoạn từ QL45 (Thửa: 529- Tờ BĐ: 37) đi đường HCM (Thửa: 644- Tờ BĐ: 37)	2.000
	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Lý thôn Thanh Yên (Thửa: 28- Tờ BĐ: 36) đến nhà ông Thăng thôn Thanh Yên (Thửa: 28- Tờ BĐ: 27)	1.200
4.5	**Đường thôn Cát Tiến đi xã Tân Bình:** Đoạn từ (Thửa 157- Tờ BĐ: 30) đến nhà ông Thực thôn Cát Tiến (Thửa: 361- Tờ BĐ: 30)	500
	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 379- Tờ BĐ: 30) đến hết địa phận Yên Lễ (cũ)	400
4.6	**Đường liên thôn**	
4.6.1	***Đường thôn Yên Thắng:*** Đoạn từ nhà ông Thăng (Thửa: 221- Tờ BĐ: 35) đến (Thửa: 206- Tờ BĐ: 35)	1.200
	Đoạn tiếp theo từ thửa đất số: 192 và 194- Tờ BĐ:) đến nhà ông Thương (Thửa: 335- Tờ BĐ: 25)	800
	Đoạn từ (Thửa: 598- Tờ BĐ: 26) đến (Thửa: 596- Tờ BĐ: 26).	200
4.6.2	***Đường thôn Yên Thắng đi thôn Thắng Sơn:*** Đoạn từ (Thửa: 540 - Tờ BĐ: 26) đến (Thửa: 468- Tờ BĐ: 17) thôn Thắng Sơn	500

4.6.2	Đoạn từ nhà ông Ngọ (Thửa: 238 - Tờ BĐ: 27) đến ngã ba Yên Thắng (Thửa: 49 - Tờ BĐ: 35)	700
4.6.3	***Đường thôn Quế:*** Đoạn từ nhà Bà Quyết (Thửa: 288 và 333 - Tờ BĐ: 12) đến thửa 387- Tờ BĐ: 12)	200
	Đoạn tiếp theo (Thửa: 331-Tờ BĐ: 12) đến nhà ông Bông thôn Quế (Thửa: 376-Tờ BĐ: 13)	150
	Đoạn từ nhà ông Sơn (Thửa: 292 - Tờ BĐ: 12) đến nhà ông Duẩn (Thửa: 229 - Tờ BĐ: 12)	200
4.6.4	***Đường thôn Quế đi Phú Lễ:*** Đoạn nhà ông Nghĩa (Thửa: 252- Tờ BĐ: 12) đến (Thửa: 48- Tờ BĐ: 14) thôn Phú Lễ.	300
4.6.5	***Đường thôn Yên Thắng đi thôn Trung Thành:*** Đoạn từ (Thửa: 287 - Tờ BĐ: 25) đến nhà bà Tốt (Thửa: 722- Tờ BĐ: 16) thôn Trung Thành.	400
4.6.6	***Đường thôn Trung Thành:*** Đoạn từ nhà ông Chanh (Thửa: 11 - Tờ BĐ: 25) đến thửa: 647 - Tờ BĐ:16)	250
	Đoạn từ nhà ông Lâm (Thửa: 37- Tờ BĐ: 25) đến nhà ông Sanh (Thửa: 467- Tờ BĐ: 17)	250
	Đoạn từ nhà ông Giới (Thửa: 53 - Tờ BĐ:17) đến nhà ông Chiêm (Thửa: 133 - Tờ BĐ: 16)	250
4.6.7	***Đường thôn Thắng Sơn:*** Đoạn từ nhà ông Tuyến (Thửa: 176 - Tờ BĐ: 26) đến nhà ông Sơn (Thửa: 55 - Tờ BĐ;27)	250
	Đoạn từ nhà ông Tỵ (Thửa: 375 - Tờ BĐ:17) đến nhà ông Tiếng (Thửa: 43 – Tờ BĐ: 27)	250
	Đoạn từ nhà ông Hồng (Thửa: 204 - Tờ BĐ: 17) đến nhà ông Quyến (Thửa: 87 - Tờ BĐ: 17)	150
4.6.8	***Đường thôn Thanh Yên đi thôn Mỹ Ré:*** Đoạn từ nhà ông Hà (Thửa: 299 - Tờ BĐ: 28) đến đập Cá Mè (Thửa; 189 - Tờ BĐ 28) thôn Mỹ Ré	400
4.6.9	***Đường thôn Mỹ Ré:*** Đoạn từ thửa: 202 và 201- Tờ BĐ: 37) đến (Thửa: 2 - Tờ BĐ: 37)	400
4.6.10	***Đường thôn Thanh Yên:*** Đoạn từ thửa: 217 - Tờ: BĐ 28) đến nhà bà Cần (Thửa: 283 - Tờ BĐ: 27)	300
4.6.11	***Đường thôn Yên Phú đi thôn Cát Tiến:*** Đoạn từ thửa (Thửa: 667- Tờ BĐ: 12) đến (Thửa: 39 - Tờ: BĐ 30c) thôn Cát Tiến	400
4.6.12	***Đường thôn Yên Phú:*** Đoạn từ nhà ông Kẻ (Thửa: 79 - Tờ BĐ: 20) đến (Thửa: 214- Tờ BĐ: 20)	200
4.6.13	***Đường thôn Xuân Chính:*** Đoạn từ nhà ông Thân (Thửa: 166 - Tờ BĐ: 43) đến nhà ông Vĩnh (Thửa: 121 - Tờ BĐ:43)	200
4.6.14	***Đường thôn Yên Thịnh:*** Đoạn từ (Thửa: 363 - Tờ BĐ: 35) đến nhà ông Việt (Thửa: 26 - Tờ BĐ: 43)	150
4.6.15	***Đường thôn Yên Xuân:*** Đoạn từ nhà ông Tính (Thửa: 233 - Tờ BĐ: 34) đến nhà ông Yên (Thửa: 246 - Tờ BĐ: 43)	150
4.7	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
V	**XÃ CÁT TÂN**	
5.1	**Đường Yên Cát- Thanh Quân**	
5.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Yên Lễ (Thửa: 819 và 825- Tờ BĐ:24) đến nhà ông Khoa thôn Cát Xuân (Thửa: 514 và 513- Tờ BĐ: 24)	700

5.1.2	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 479 và 515- Tờ BĐ: 24) đến nhà ông Muôn (Thửa: 708- Tờ BĐ 19)	1.000
5.1.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 631 và 604 - Tờ BĐ: 19) đến nhà ông Vinh thôn Tân Lợi (Thửa: 175 và 209 - Tờ BĐ: 19)	800
5.1.4	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 201 - Tờ BĐ: 19) đến nhà ông Giáp thôn Cát Lợi (Thửa: 372, 388 - Tờ BĐ: 19)	900
5.1.5	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 511 - Tờ BĐ: 19) đến ranh giới xã Cát Vân	700
5.2	**Đường Quốc phòng.**	
5.2.1	Đoạn từ ông Hưng (Thửa:146 và 31- Tờ BĐ: 19) đến nhà ông Thành thôn Tân Lợi (Thửa:11 - Tờ BĐ:19)	700
5.2.2	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 229 và 231- Tờ BĐ:14) đến hết thôn Cát Thịnh (Thửa: 51 và 17- Tờ BĐ: 06)	600
5.3	**Đường Yên Lễ - Cát Vân (Đoạn qua xã Cát Tân)**	700
5.4	**Đường liên thôn:**	
5.4.1	***Đường thôn Cát Xuân:*** Đoạn từ nhà ông Tý (Thửa: 693 và 696- Tờ BĐ: 24) đến nhà ông Hà (Thửa: 774- Tờ BĐ: 24)	350
	Đoạn từ Trạm Cà Pê (Thửa: 39- Tờ BĐ: 28) đến (Thửa: 125- Tờ BĐ: 28)	250
5.42	***Đường thôn Tân Xuân đi thôn Thanh Vân:*** Đoạn từ nhà ông Nam (Thửa: 780-Tờ BĐ: 19) đến nhà ông Thanh (Thửa: 05 và 06- Tờ BĐ: 27)	600
5.4.3	***Đường thôn Tân Thanh đi thôn Cát Lợi:*** Đoạn từ nhà ông Hiệu (Thửa: 160- Tờ BĐ: 22) đến nhà ông Hóa (Thửa: 13- Tờ BĐ: 23)	300
5.4.4	***Đường thôn Phụ Vân:*** Đoạn từ ông Tọa (Thửa 255- Tờ BĐ 13) đến nhà ông Thiết (Thửa:95- Tờ BĐ: 08)	150
5.4.5	***Đường thôn Tân Lợi:*** Đoạn từ nhà ông Trung (Thửa 204- Tờ BĐ 14) đến nhà bà Hồng (Thửa: 11- Tờ BĐ: 14)	200
5.5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
VI	**XÃ XUÂN BÌNH**	
6.1	**Đường 135**	
6.1.1	Đoạn từ đường Nghi Sơn- Bãi Trành đến Cống Ba Ngăn (Thửa: 1429- Tờ BĐ: 31)	900
6.1.2	Đoạn tiếp theo: - Nhánh 1: Từ Cống Ba Ngăn (Thửa:1192- Tờ BĐ: 31) đến hết thôn Hùng Tiến (Thửa:1130- Tờ BĐ: 31) - Nhánh 2: Từ ngã tư thôn Hùng Tiến đến tràn Cầu Máng (Thửa: 470- Tờ BĐ: 31)	600
6.1.3	Đoạn tiếp theo từ thôn Hùng Tiến (Thửa 1140 và 1093 - Tờ BĐ 31) đến Đập Đồng Cần (Thửa số: 330 - Tờ BĐ 32)	500
6.2	**Đường liên thôn**	
6.2.1	***Đường từ Thôn Hào đi thôn Mít:*** Đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến ngã ba Trường tiểu học (thửa: 173- Tờ BĐ: 55)	600
	Đoạn tiếp theo từ ngã ba Trường tiểu học (Thửa:123- Tờ BĐ: 55) đến giáp đường Nghi Sơn - Bãi Trành (Thửa: 150- Tờ BĐ: 39)	500
	Đoạn tiếp theo từ ngã tư thôn Mít (Thửa: 163- Tờ BĐ: 47) đến hết đường cấp phối (Thửa: 159- Tờ BĐ: 47)	150

6.2.2	***Đường từ Thôn 12 đi Thôn 7:*** Đoạn từ Công Sở xã Xuân Bình (Thửa: 112- Tờ BĐ: 42) đến hết đường cấp phối thôn 7 (Thửa: 179- Tờ BĐ: 34)	200
6.2.3	***Đường thôn 5 đi thôn Hào:*** Đoạn từ ngã ba thôn 5 (Thửa: 163- Tờ BĐ: 49) đến ngã ba đi thôn Mít (Thửa: 131- Tờ BĐ: 48)	200
	Đoạn tiếp theo (Thửa: 110- Tờ BĐ: 48) đến ngã ba Trường tiểu học khu thôn Hào (Thửa: 189- Thửa: 55)	150
6.2.4	***Đường Thôn Mơ:*** Đoạn từ trụ sở Nông trường Bãi Tranh (Thửa: 267- Tờ BĐ: 30) đến ngã ba đường đi tràn Cây Lội (Thửa: 1112- Tờ BĐ: 31)	200
6.2.5	***Đường vành đai Hồ Đồng Cần:*** Đoạn từ cống Đập Đồng Cần thôn Xuân Hợp (Thửa: 250- Tờ BĐ: 32) đến tràn Cầu Máng thôn Xuân Phú (Thửa: 248- Tờ BĐ: 31)	300
6.2.6	***Đường Thôn Mơ đi Đường 135:*** Đoạn từ ngã tư đi tràn thôn Sim (Thửa: 1198- Tờ BĐ: 31) đến ngã tư Đường 135 (Thửa: 1255- Tờ BĐ: 31)	200
6.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
VII	**XÃ THANH PHONG**	
7.1	**Đường Xuân Quỳ- Thanh Quân.**	
7.1.1	Đoạn giáp từ ranh giới xã Thanh Hoà đến tràn nhà Nghĩa Nga thôn Tân Phong (Thửa: 161 và 163- Tờ BĐ: 36)	250
7.1.2	Đoạn tiếp theo từ thôn Tân Phong thửa: 691,693; Tờ BĐ: 26) đến thôn Hai Huân cống nước qua đường Hời Tọc (Thửa:119 và 131- Tờ BĐ: 18)	350
7.1.3	Đoạn tiếp theo từ thôn Hai Huân (Thửa: 94 và 118- Tờ BĐ: 18) đến thôn Quang Hùng khu Ná Mối (Thửa: 116 và 60- Tờ BĐ: 17).	400
7.1.4	Đoạn tiếp theo từ thôn Quang Hùng khu Ná Mối (Thửa: 59; Tờ BĐ: 17 và thửa 615; tờ BĐ số: 12) đến ranh giới xã Thanh Quân (Thửa: 39 và 33- Tờ BĐ: 5).	250
7.2	**Đường liên thôn**	
7.2.1	Đường thôn Quang Hùng đi xã Thanh Xuân (Thửa: 490 và 491- Tờ BĐ: 52) đến ranh giới xã Thanh Xuân.	200
7.2.2	Đường thôn Tân Phong đi xã Thanh Lâm ngã ba làng Mèn (Thửa: 165 và 226- Tờ BĐ: 27) đến ranh giới xã Thanh Lâm (Thửa: 64- Tờ BĐ:19)	200
7.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100
VIII	**XÃ THANH QUÂN**	
8.1	**Đường Xuân Quỳ- Thanh Quân.**	
8.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Thanh Phong đến tràn Khe Bò.	250
8.1.2	Đoạn tiếp theo từ tràn Khe Bò đến tràn Sông Chàn	400
8.1.3	Đoạn tiếp theo từ tràn Sông Chàn đến đỉnh dốc Ná Kẹm (thửa 539 tờ bản đồ số 30)	350
8.1.4	Đoạn tiếp theo (Thửa: 499 – 534 Tờ BĐ: 30) đến ngã ba Tủng	500
8.2	**Đường Yên Cát- Thanh Quân:** Đoạn từ ranh giới xã Thanh Sơn đến nhà ông Tuyên thôn Kẻ Lạn (Thửa: 139- 140 Tờ BĐ:30)	500
8.3	**Đường liên thôn**	
8.3.1	Đoạn từ giáp (Thửa: 52, Tờ BĐ: 30) đến hết thôn Thống Nhất, chân dốc đền Chín Giang	250

8.3.2	Đoạn từ thôn Ná Cà I (Thửa: 818- Tờ BĐ: 40) đến thôn Thống Nhất (Thửa:1139- Tờ BĐ: 18).	150
8.3.3	Đoạn từ thôn Kẻ Lạn (Thửa: 36- Tờ BĐ: 29) đến thôn Thanh Hương (Thửa: 795- Tờ BĐ: 19)	150
8.3.4	Đoạn từ thôn Ná Cà 2 thửa 543, 554 tờ 30 đến thôn Kẻ Lạn (thửa 670 và 671) tờ bản đồ 29.	200
8.4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100
IX	**XÃ THANH SƠN**	
9.1	**Đường Yên Cát- Thanh Quân**	
9.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Thanh Xuân - đến cầu nhà Ông: Lương Văn Ương (Thửa 145,147; tờ bản đồ số: 36)	350
9.1.2	Đoạn tiếp theo từ cầu Nhà Ông: Lương Văn Ương, (Thửa 139,134; tờ bản đồ số: 36) đến ngã ba Đồng Sán (Thửa 560,509; tờ bản đồ số: 34)	400
9.1.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa 561,487; tờ bản đồ số: 34) đến nhà Ông Lang Minh Tiến thôn Quăn 1 (Thửa 1343,1279; tờ bản đồ số: 33)	500
9.1.4	Đoạn tiếp theo từ (Thửa 1342,1278; tờ bản đồ số: 33) đến nhà Ông: Lang Văn Đoàn thôn Quăn 1 (Thửa 1310,1273; tờ bản đồ số: 33)	400
9.1.5	Đoạn tiếp theo từ (Thửa : 1325- Tờ BĐ: 33) đến ranh giới xã Thanh Quân.	200
9.2	**Đường an toàn khu- ATK**	
9.2.1	Đoạn từ thôn Ná Cọ (Thửa: 87- Tờ BĐ: 36) đến thôn Hón Tĩnh (Thửa: 17- Tờ BĐ: 19) .	150
9.2.2	Đường 135 từ thôn Đồng Sán (Thửa 62,68; tờ bản đồ số: 36) đến nhà Ông Lang Mạnh Hùng thôn Đồng Chạng (Thửa 29, 30; tờ bản đồ số: 33)	150
9.3	**Đường liên thôn.**	
9.3.1	Đoạn từ thôn Quăn I (Thửa: 1248- Tờ BĐ: 33) đến hết thôn Kẻ Sui (Thửa: 414- Tờ BĐ: 32)	150
9.3.2	Đoạn từ thôn Quăn 1 (Thửa 1248,1269; tờ bản đồ số: 33) đến nhà Ông Lương Hồng Nam thôn Kẻ Mạnh 1 (Thửa 414,352; tờ	150
9.3.3	Đoạn từ nhà Ông Lương Văn Vũ thửa (Thửa 687,84; tờ bản đồ số: 35) đến (Thửa 283; tờ bản đồ số: 35)	250
9.3.4	Đoạn từ nhà Ông Vi Trọng Thủy (Thửa 576,625; tờ bản đồ số: 35) đến (Thửa 343; tờ bản đồ số: 35)	250
9.3.5	Đoạn từ nhà Ông Lò Văn Đức (Thửa 803,720; tờ bản đồ số: 35) đến (Thửa 629,578; tờ bản đồ số: 35)	250
9.3.6	Đoạn từ nhà Ông: Lữ Trung Tuyến (Thửa 485,586; tờ bản đồ số: 34) đến (Thửa 196,273; tờ bản đồ số: 34)	250
9.3.7	Đoạn phần ranh Trạm Y Tế (Thửa 474; tờ bản đồ số: 34) đến (Thửa 212, 213; tờ bản đồ số: 34)	350
9.3.8	Đoạn từ nhà bà Lang Thị Tuấn (Thửa 495,596; tờ bản đồ số: 34) đến (Thửa 659,665; tờ bản đồ số: 33)	350
9.3.9	Đoạn từ nhà Ông Lục Cao Qúy (Thửa 615,653; tờ bản đồ số: 34) đến hết đồng Cỏ Chảnh (Thửa137,111; tờ bản đồ số: 42)	300
9.3.10	Đoạn từ nhà Ông Lục Hà Trung (Thửa 655,641; tờ bản đồ số: 34) đến hết (Thửa 1384,1391; tờ bản đồ số: 33)	300
9.4	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100

X	**XÃ THANH LÂM**	
10.1	**Đường Xuân Quỳ - Thanh Xuân.**	
10.1.1	Đoạn từ giáp xã Xuân Quỳ đến cầu Ông Quang Quế (Thửa số 68 và 69 Tờ BĐ số 44)	200
10.1.2	Đoạn từ giáp (Thửa số 70 và 71 Tờ BĐ số 44) đến Cống Khe Tạng (Thửa số 704 và 705 Tờ BĐ số 29)	500
10.1.3	Đoạn tiếp theo từ Cống Khe Tạng Tờ BĐ số 29 đến Ao Kèn Thửa số 108 và 125 (Tờ BĐ số 12)	400
10.1.4	Đoạn tiếp theo từ Ao Kèn (Thửa số 58 và Thửa 85 Tờ BĐ số 12) đến Tràn Khe Heo (Thửa số 118 và 184 Tờ BĐ số 7)	300
10.1.5	Đoạn từ tràn Khe Heo (Thửa số 94 và thửa 110 đến giáp ranh xã Thanh Xuân Tờ BĐ số 7)	250
10.2	**Đường liên thôn**	
10.2.1	Đoạn từ thửa 96 và thửa 124 Đến Sông Chàng Tràn Làng Chảo Xăng	200
10.2.2	Đoạn từ ngã ba Làng Lự 2 (Thửa số 45 và 64 Tờ BĐ số 11) đến Sông Chàng Tràn Làng Chảo (Tờ BĐ số 11)	250
10.2.3	Đoạn từ Sông Chàng Tràn Làng Chảo (Thửa số 756 và thửa 730 Tờ BĐ số 11) Đến giáp ranh xã Thanh Phong	250
10.2.4	Đoạn từ ngã ba thôn Đoàn Trung 2 (Thửa số 294, Tờ BĐ số 30 và thửa 13, Tờ BĐ số 36) Đường qua thôn Làng Kha Đến giáp ranh xã Thanh Hòa và xã Thanh Phong (Thửa số 26 và thửa số 49 Tờ BĐ số 28)	250
10.2.5	Đoạn từ ngã ba đầu Làng Kha (Thửa số 90 và thửa 98, tờ BĐ số 28) đến Trường Cấp II (Thửa số 458, tờ BĐ số 20)	250
10.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100
XI	**XÃ THƯỢNG NINH**	
11.1	**Đường liên thôn**	
11.1.1	Đoạn ngã ba Khe Khoai nhà ông Long (Thửa: 84 và 128- Tờ BĐ: 36) đến Nhà văn hoá thôn Khe Khoai (Thửa: 366- Tờ BĐ: 36)	500
11.1.2	Đoạn thôn Khe Khoai (Thửa: 376 - Tờ BĐ: 36) đến NVH thôn Đồng Ngấn (Thửa: 06- Tờ BĐ: 39)	400
11.1.3	Đoạn từ thôn Xuân Thượng (Thửa:147 và 172- Tờ BĐ: 4) đến ranh giới huyện Thường Xuân (Thửa: 3- Tờ BĐ: 3)	500
11.1.4	Đoạn thôn Xuân Thượng (Thửa: 236- Tờ BĐ:11) đến nhà ôn Đào (Thửa: 69- Tờ BĐ: 11).	500
11.1.5	Đoạn thôn Xuân Thượng đi Đông Xuân từ nhà ông Ngọc (Thửa: 538- Tờ BĐ: 11) đến nhà ông Thiệng thôn (Thửa: 215- Tờ BĐ: 22)	500
11.1.6	Đường thôn Xuân Thượng (Thửa: 233- Tờ BĐ: 22) đến thôn Đông Xuân đoạn ra đường 514 nhà Ông Sơn (Thửa 248 và 282- Tờ BĐ: 34)	400
11.1.7	Đoạn thôn Xuân Thượng từ nhà ông Ất (Thửa: 236- Tờ BĐ: 22) đến nhà ông Hạ thôn Đông Xuân (Thửa: 351- Tờ BĐ: 23)	400
11.1.8	Đoạn thôn Tiến Thành (Thửa: 11-Tờ BĐ: 10d) đến thôn Xuân Thượng (Thửa: 340-Tờ BĐ: 31)	500
11.1.9	Đoạn thôn Tiến Thành (Thửa: 82-Tờ BĐ: 10a) đến thôn Đồng Tâm (Thửa: 53 và 79-Tờ BĐ: 33)	600
11.1.10	Đoạn thôn Đông Tâm (Thửa: 247-Tờ BĐ: 46) đến thôn Đông Chành (Thửa: 437, 463 - Tờ BĐ: 44)	700

11.1.11	Đoạn tiếp theo Hội trường thôn Đồng Chành (Thửa: 490, 459 - Tờ BĐ: 44) đến thôn Đồng Hà (Thửa: 337- Tờ BĐ: 43)	600
11.1.12	Đoạn tiếp theo thôn Đồng Hà (Thửa: 322- Tờ BĐ: 43) đến thôn Đồng Hà (Thửa: 35- Tờ BĐ: 31)	500
11.1.13	Đường thôn Đồng Tâm (Thửa: 437-Tờ BĐ: 45) đi vào NVH Bến Ván Cũ (Thửa: 158 - Tờ BĐ: 56)	500
11.1.14	Đường thôn Đồng Thanh (Thửa: 356 tờ 57) đến thôn Đồng Minh (nhà Ông giới Thửa: 121 tờ 57)	500
11.1.15	Đường thôn Đồng Thanh (Thửa: 543 tờ 57 đến 534)	500
11.1.16	Đường thôn Đức Thắng từ (Thửa: 569 tờ 58) đến thôn Đồng Thanh (nhà Ông Tiến Thửa: 729 tờ 58)	400
11.1.17	Đường thôn Đức Thắng từ (Thửa: 27 và 59- Tờ BĐ: 67) đến thôn Đồng Thanh (Thửa: 419 và 477- Tờ BĐ: 58)	500
11.1.18	Đường thôn Từ HT thôn Đức Thắng từ (Thửa: 194 và 176- Tờ BĐ: 59) đến khu Rẫy Bái (Thửa 421 và 73- Tờ BĐ: 59)	500
11.1.19	Đường thôn Đức Thắng từ (Thửa: 227 và 298- Tờ BĐ: 58) đến thôn Đông Xuân (Thửa: 400 và 401- Tờ BĐ: 35)	500
11.1.20	Đường thôn Đồng Minh (Thửa: 689,656 Tờ BĐ: 47) đến nhà Khu Cây U (Thửa: 386 và 669 -Tờ BĐ: 47)	500
11.1.21	Đường thôn Đồng Minh (Thửa: 81- Tờ BĐ: 57) đi thôn Đồng Chành HT (thôn Bến Ván cũ Thửa: 197- Tờ BĐ: 56)	400
11.1.22	Đường thôn Đức Thắng (Nhà ông Thống) đi Trại Lợn	500
11.2	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XII	**XÃ CÁT VÂN**	
12.1	**Đường Yên Cát – Thanh Quân**	
12.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Cát Tân (Thửa: 86- Tờ BĐ: 22) đến nhà ông Tuân (Thửa: 147- Tờ BĐ: 22) thôn Vân Hòa	700
12.1.2	Đoan tiếp theo đến cầu Khe Rào (Thửa: 100- Tờ BĐ: 22) thôn Vân Thương	800
12.1.3	Đoan tiếp theo (Thửa: 356 -Tờ BĐ: 21) đến Trạm y tế (Thửa: 182- Tờ BĐ: 21)	1.000
12.1.4	Đoan tiếp theo (Thửa: 266-Tờ BĐ: 21) đến cầu ông Quang (Thửa: 622- Tờ BĐ: 20) thôn Vân Thành	800
12.1.5	Đoan tiếp theo (Thửa: 621-Tờ BĐ: 20) đến nhà ông Mai (Thửa: 46- Tờ BĐ: 26) thôn Vân Thành	600
12.1.6	Đoan tiếp theo (Thửa: 46-Tờ BĐ: 26) đến hết ranh giới xã Cát Vân	400
12.2	**Đương Yên Lễ- Cát Vân:** Đoạn từ nhà ông Tuấn (Thửa: 394-Tờ BĐ: 21) đến hết ranh giới xã Cát Vân (Thửa: 294- Tờ BĐ: 22)	400
12.3	**Đường Quốc phòng.**	
12.3.1	Đoạn từ ngã ba nhà ông Mùi thôn Vân Thương (Thửa: 148- Tờ BĐ: 21) đến nhà ông Cầu (Thửa: 457-Tờ BĐ: 15) thôn Vân Thọ	500
12.3.2	Đoan tiếp theo từ (Thửa: 458- Tờ BĐ: 15) đến đỉnh dốc Cây Sến (Thửa: 24- Tờ BĐ: 13) thôn Vân Trung	350

12.3.3	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 14- Tờ BĐ: 13) thôn Vân Trung đến hết ranh giới xã Cát Vân	250
12.4	**Đường Liên Thôn**	
12.4.1	***Đường thôn Vân Tiến đi thôn Vân Phúc:*** Từ ngã ba trường Tiểu học khu lẻ (Thửa: 81- Tờ BĐ: 12)-Vân Tiến đến Vân Phúc (Thửa: 07-Tờ BĐ: 18)	250
12.4.2	***Đường thôn Vân Thành đi thôn Vân Trung*** **:** Từ nhà ông Hiệp thôn Vân Thành (Thửa 410-Tờ BĐ 20) đến nhà ông Ninh thôn Vân Trung (Thửa 381- Tờ BĐ 14)	300
12.4.3	***Đường thôn Vân Thành đi thôn Vân Thượng:*** Từ nhà ông Dinh thôn Vân Thành (Thửa 712- Tờ BĐ 20) đến Đập Bừa Rằm (Thửa 117- Tờ BĐ 26) thôn Vân Thượng	300
12.4.4	***Đường đi thôn Vân Hoà:*** Từ nhà ông Nghị thôn Vân Hoà (Thửa: 16- Tờ BĐ: 27) đến Nhà ông Trung (Thửa: 1261 - Tờ BĐ: 26) thôn Vân Thượng	250
12.4.5	***Đường đi thôn Vân Thương, thôn Vân Bình đến thôn Vân Thọ:*** Từ Tràn thôn Vân Thương (Thửa: 403 Tờ BĐ: 15) đến Nhà ông Chiến thôn Vân Thọ (Thửa: 163- Tờ BĐ: 14)	300
12.4.6	***Đường đi thôn Vân Sơn:*** Từ nhà ông Công thôn Vân Sơn (Thửa: 155- Tờ BĐ: 20) đến nhà Thành thôn Vân Sơn (Thửa: 03- Tờ BĐ: 21)	300
12.4.7	Đường thôn Vân Hòa ông Thi đi Đập Vân Hòa: Đoạn từ (thửa: 160 đến thửa 241-Tờ BĐ:	300
12.5	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XIII	**XÃ HÓA QUỲ**	
13.1	**Đường Yên Lễ- Cát Vân:** Đoạn thuộc ranh giới xã Hoá Quỳ (Thửa: 91- Tờ BĐ: 08) đến (Thửa: 02- Tờ BĐ: 08)	600
13.2	**Đường liên thôn**	
13.2.1	Đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (Thửa: 281 - Tờ BĐ: 24) đến cổng Nhà máy Sắn (Thửa: 379 - Tờ BĐ: 24)	800
13.2.2	Đường Hóa Qùy Cát Tân đoạn giáp đường Hồ Chí Minh (Thửa: 204-Tờ BĐ: 24) đến thửa số 45 bản đồ 19	1.000
13.2.3	Đường Hóa Qùy Cát Tân đoạn từ ngã ba Lèn Ớt đến hết làng mới Tân Thịnh (Thửa:134-Tờ BĐ: 23 và 292-Tờ BĐ: 24)	600
13.2.4	Đường Hóa Qùy Cát Tân đoạn từ thửa 35 bản đồ 19 đến đập tràn Xóm Đon (Thửa: 67- Tờ BĐ: 18)	600
13.2.5	Đường Hóa Qùy - Cát Tân đoạn từ đập tràn Xóm Đon (Thửa: 68- Tờ BĐ: 18) đến đập tràn thôn Đồng Tâm (Thửa: 81- Tờ BĐ: 08)	500
13.2.6	Đường Hóa Qùy - Cát Tân đoạn tiếp đập tràn thôn Đồng Tâm (Thửa: 80- Tờ BĐ: 08) đến (Thửa: 78- Tờ BĐ: 08)	600
13.2.7	Đoạn từ cuối làng mới Tân Thịnh (Thửa: 13- Tờ BĐ: 23) đến hết Làng Lũ Liên Hiệp (Thửa: 165 - Tờ BĐ: 18)	500
13.2.8	Đoạn vào Làng Quảng Giao từ (Thửa: 93- Tờ BĐ: 29) đến Khe Quyền (Thửa: 686 -Tờ BĐ: 29)	400
13.2.9	Đoạn vào Trạm chế biến mủ Cao Su từ (Thửa: 769- Tờ BĐ: 29) đến (Thửa: 713 và 829- Tờ BĐ: 29)	500
13.2.10	Đoạn ngã ba Luống Đồng từ (Thửa: 427- Tờ BĐ: 30) đến Dốc Lụy (Thửa: 135- Tờ BĐ: 34)	500

13.2.11	Đoạn từ Dốc Luỵ (Thửa: 136- Tờ BĐ: 34) đến Dốc Thất Tình (Thửa: 21- Tờ BĐ: 40)	400
13.2.12	Đoạn từ ngã ba Luống Đồng (Thửa: 143- Tờ BĐ: 34) đến hết Làng Ngọc Re (Thửa: 303, 467- Tờ BĐ. 34)	400
13.2.13	Đoạn từ cuối Hạt 8 cũ (Thửa: 205- Tờ BĐ: 25) đến đường vào đập Hón Man (Thửa: 261- Tờ BĐ: 25)	400
13.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XIV	**XÃ XUÂN QUỲ (nay là xã Hóa Quỳ)**	
14.1	**Đường Xuân Quỳ - Thanh Quân.**	
14.1.1	Đoạn từ ngã ba thôn Xuân Thành (Thửa: 275- Tờ BĐ: 17) đến tràn Hón Tráng (Thửa: 149- Tờ BĐ: 17)	1.400
14.1.2	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 81- Tờ BĐ: 17) đến ngã ba Sông Quyền (Thửa: 305- Tờ BĐ: 16)	1.200
14.1.3	Đoạn tiếp theo từ ngã ba Sông Quyền (Thửa: 284 - Tờ BĐ: 16) đến Cống cuối đồng (Thửa 410 - Tờ BĐ 16)	1.500
14.1.4	Đoạn tiếp theo từ Cống cuối đồng (Thửa: 434 - Tờ BĐ: 16) đến Khe ông Nguyên (Thửa 126 - Tờ BĐ 15)	1.300
14.1.5	Đoạn tiếp theo từ khe ông Nguyên (Thửa: 108- Tờ BĐ: 15) đến Cống khe ông Học Hường (Thửa: 6 - Tờ BĐ: 14)	1.200
14.1.6	Đoạn tiếp theo từ Cống khe ông Học Hường (Thửa: 16 - Tờ BĐ: 14) đến nhà ông Vấn (Thửa: 59- Tờ BĐ: 14)	1.000
14.2	**Đường liên thôn**	
14.2.1	***Đường từ Làng Quyền đi Xóm Chuối:*** Đoạn từ (Thửa: 247- Tờ BĐ: 16) đến đường vào nghĩa địa làng Quyền (Thửa: 127- Tờ BĐ: 16)	900
	Đoạn tiếp theo từ (Thửa: 156- Tờ BĐ: 16) đến Nhà văn hoá xóm Chuối (Thửa: 422- Tờ BĐ: 11)	800
	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Toàn (Thửa: 410- Tờ BĐ: 11) đến nhà ông Than đường Vành Đai (Thửa: 167- Tờ BĐ: 11)	700
14.2.2	**Đường vành đai:** Đoạn từ nhà ông Khoa (Thửa: 133- Tờ BĐ: 11) đến nhà bà Danh thôn Xuân Hương (Thửa: 77- Tờ BĐ: 10)	600
	Đoạn từ Tràn Ba Khe thôn Xuân Thành (Thửa: 29 - Tờ BĐ 18) đến nhà ông Nguyệt (Thửa: 319 - Tờ BĐ 17)	1.000
	Đoạn từ nhà ông Lương Xuân Hoan thôn Xuân Thành (Thửa: 480 - Tờ BĐ 16) đến nhà ông Nguyễn Huy Lực (Thửa: 502 - Tờ BĐ 16)	1.000
	Đoạn từ nhà ông Lương Xuân Tuấn thôn Xóm Chuối (Thửa: 249 - Tờ BĐ 11) đến nhà ông Trương Văn Vân (Thửa: 108 - Tờ BĐ 11)	600
	Đoạn từ nhà ông Bắc Nghĩa thôn Xuân Thành (Thửa: 747 - Tờ BĐ 16) đến nhà ông Lương Xuân Sơn (Thửa: 774 - Tờ BĐ 16)	1.000
14.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XV	**XÃ XUÂN HÒA**	
15.1	**Đường vào thôn Ngòi:** Nhánh I: Từ nhà ông Phong (Thửa: 158- Tờ BĐ: 7) đến nhà ông Dương (Thửa: 39- Tờ BĐ: 34)	600
	Nhánh II: Từ nhà ông Xuân (Thửa: 299- Tờ BĐ: 7) đến nhà bà Tuyết (Thửa: 119- Tờ BĐ: 34)	600
15.2	**Đường vào thôn Nghịu:** Từ nhà ông Tuyến (Thửa: 108- Tờ BĐ: 9) đến nhà ông Bương (Thửa: 58- Tờ BĐ: 36)	600

15.3	**Đường vào thôn Giăng:** Từ nhà ông Oi (Thửa: 275- Tờ BĐ: 9) đến (Thửa: 502- Tờ BĐ: 36)	600
15.4	**Đường vào thôn Đồng Trình:** Từ ngã ba đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Bình (Thửa: 18 và 32- Tờ BĐ: 27)	500
15.5	**Đường vào thôn 8:** Từ nhà bà Hồng (Thửa: 46 và 45- Tờ BĐ: 7) đến nhà ông Hạnh (Thửa: 126- Tờ BĐ: 8)	600
15.6	**Đường thôn Thanh Niên:** Cụm I: Từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Hùng	500
	Cụm II: Từ nhà ông Mỹ đến nhà ông Hùng	500
	Cụm III: Từ nhà ông Chuẩn đến nhà ông Duy	500
15.7	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XVI	**XÃ BÃI TRÀNH**	
16.1	**Đường trung tâm cụm xã:** Đường 135 từ nhà Ông Vân (Thửa: 579 và 590- Tờ BĐ: 20) đến nhà Ông Hiệp (Thửa: 118 và 152- Tờ BĐ: 20)	1.300
16.2	**Đường liên thôn:**	
16.2.1	***Đường nội thôn 10***	
	Đoạn 1: Từ C2 đi xóm 7: Đoạn từ nhà ông Đức (thửa 24 và 25 TBĐ 15) đến hết nhà ông Sanh (thửa 52 và 56 TBĐ 15)	250
	Đoạn 2: Tiếp theo (thửa 63 và 52 TBĐ 15), qua Nhà văn hóa thôn Má cũ đến hết ranh giới xã Bãi Tràng đi Nghệ An	200
	Đoạn 3: Từ nhà ông Thịnh (thửa 68 TBĐ 23) đến nhà ông Năm (thửa 87 TBĐ 23)	200
	Đoạn 4: từ đất ông Ươm (thửa 75 TBĐ 23) đến nhà ông Uẩn (thửa 87 TBĐ 23)	200
16.2.2	***Đường nội thôn 3***	
	Đoạn 1: Từ nhà bà Long (thửa 81 và 87 TBĐ 12) đến nhà bà Tuyết (thửa 65 và 71 TBĐ 12)	300
	Đoạn 2: Từ nhà ông Nghề (thửa 124 TBĐ 12) đến nhà ông Đoan (thửa 115 và 145 TBĐ 12)	400
	Đoạn 3: Từ nhà bà Huê (thửa 113 và 114 TBĐ 12) đến nhà bà Thược (thửa 111 và 112 TBĐ 12)	300
16.2.3	***Đường từ thôn Chôi Trờn đi thôn Me: Đoạn từ nhà ông Đẩu (Thửa 202 và 228- Tờ BĐ: 27) đến ông Hùng (Thửa: 325- Tờ BĐ: 28)***	250
16.2.4	***Đường nội thôn Me***	
	Đoạn 1: Từ nhà ông Hùng (Thửa: 325- Tờ BĐ: 28) đến nhà Bà Lệ (Thửa: 147 và 115- Tờ BĐ: 28)	250
	Đoạn 2: Từ nhà Bà Lệ (Thửa: 147 và 115- Tờ BĐ: 28) đến nhà ông Dậu (Thửa: 40- Tờ BĐ: 28).	250
	Đoạn 3: Từ bà Lệ (Thửa: 147 và 115- Tờ BĐ: 28) đến nhà ông Nghĩa (Thửa: 233- T ờ BĐ: 28).	250
	Đoạn 4: Từ nhà ông Chức (Thửa: 38 và 66- Tờ BĐ: 28) đến nhà ông Trung (Thửa: 64 - Tờ BĐ: 21)	200
	Đương nội bộ thôn Xuân Khánh:	
	Đoạn 1: Từ nhà ông Thỏa (Thửa 250 và 251- Tờ BĐ: 27) đến nhà ông Công (Thửa 32 và 33- Tờ BĐ: 27)	400

16.2.5	Đoạn 2: Từ nhà ông Hà (Thửa: 277 và 278- Tờ BĐ: 27) theo trục chính qua trạm Xuân Khánh đến hết khu dân cư thuộc thôn Xuân Khánh	200
	Đoạn 3: Từ nhà ông Bình (Thửa: 221- Tờ BĐ: 27) đến nhà ông Vui (Thửa: 172- Tờ BĐ: 27)	400
16.2.6	***Đường thôn Nhà Máy:***	
	Nhánh 1: Đoạn từ nhà bà Diên (Thửa: 48- Tờ BĐ:13) đến nhà Bà Bích (Thửa: 21- Tờ BĐ: 13)	500
	Nhánh 2: Đoạn từ thửa 48 nhà bà Diên đến hết nhà ông Hạnh (Thửa 22 và 25- Tờ BĐ: 13)	500
16.2.7	***Đường thôn Cầu:*** Đoạn từ nhà ông Vinh (Thửa: 204 và 195- Tờ BĐ: 20) đến nhà ông Sơn (Thửa: 16 - Tờ BĐ: 20)	500
16.2.8	***Đường nội bộ thôn Hồ:***	
	Đoạn từ nhà Bà Soạn (Thửa: 494- Tờ BĐ: 20) đến nhà ông Thông (Thửa: 423 - Tờ BĐ: 20)	600
	Nhánh 1: Đoạn từ nhà ông Thông (Thửa: 423- Tờ BĐ: 20) đến nhà Bà Chưu (Thửa: 373 - Tờ BĐ: 20)	600
	Nhánh 2: Đoạn từ nhà ông Thông (Thửa: 423 - Tờ BĐ: 20) đến nhà Bà Thơm (Thửa: 310 - Tờ BĐ: 20)	600
16.2.9	***Đường nội bộ thôn 6:***	
	Nhánh 1: Đoạn từ nhà ông Hiệp (Thửa: 175- Tờ BĐ: 9) đến nhà ông Hậu (Thửa: 208 - Tờ BĐ: 9)	300
	Nhánh 2: Đoạn từ nhà ông Hiệp (Thửa: 175- Tờ BĐ: 9) đến nhà bà Hường (Thửa: 194 - Tờ BĐ: 9)	300
16.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	130
XVII	**XÃ THANH HÒA**	
17.1	**Đường Xuân Quỳ - Thanh Quân.**	
17.1.1	Đoạn từ ranh giới trại giam Thanh Lâm đến nhà ông Tiến thôn Tân Hiệp (Thửa: 703- Tờ BĐ: 12)	250
17.1.2	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Tâm (Thửa: 673- Tờ BĐ: 12) đến nhà ông Tuấn (Thửa: 309- Tờ BĐ: 12).	400
17.1.3	Đoạn tiếp theo (Thửa: 250- Tờ BĐ: 12) đến ranh giới xã Thanh Phong.	250
17.2	**Đường đi thôn Thanh Sơn:** Đoạn từ Trại giam Thanh Lâm - Phân trại C3 đến hết thôn	200
17.3	**Đường Thanh Hòa - Thanh Lâm:** Đoạn từ nhà bà Liên (thửa số 10 - Tờ BĐ: 4) đến giáp ranh giới xã Thanh Lâm	150
17.4	**Đường nội bộ thôn Tân Thành:** Đoạn từ nhà ông Hồng (thửa 278 - Tờ BĐ số 4) đi theo trục đường bê tông đến hết nhà ông Tiến (thửa số 131 - Tờ BĐ: 11)	130
17.4.1	Đoạn từ nhà ông Chính (thửa 37 - Tờ BĐ: 11) đi qua Nhà văn hoá thôn đến hết nhà nhà ông Hiển (thửa số 161 - Tờ BĐ: 4)	100
17.4.2	Đoạn từ nhà ông Quyền (thửa 135 - Tờ BĐ: 4) đến hết nhà ông Quang (thửa số 2 - Tờ BĐ: 5)	130
17.5	**Đường nội bộ thôn Tân Hiệp:** Đoạn nhà ông Thành (thửa 464 - Tờ BĐ 12) đi qua Nhà văn hoá thôn Tân Hiệp cũ đến hết nhà ông Thân (thửa 290 - Tờ BĐ: 11)	130

17.5.1	Đoạn từ nhà ông Cảnh (thửa 339 - Tờ BĐ: 12) đến hết nhà ông Khiều (thửa 366 - Tờ BĐ: 12)	130
17.5.2	Đoạn từ nhà ông Thạch (thửa số 42 - Tờ BĐ: 12) đến hết nhà ông Đức (thửa 314 - Tờ BĐ: 12) .	130
17.6	**Đường nội bộ thôn Tân Hòa:** Đoạn từ nhà ông Thanh (thửa số 154 - Tờ BĐ: 19) đến hết nhà ông Tươi (thửa số 383 - Tờ BĐ: 19)	130
17.7	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100
XVIII	**XÃ THANH XUÂN**	
18.1	**Đường Yên Cát - Thanh Quân**	
18.1.1	Đoạn từ ranh giới xã Cát Vân đến cầu ông ThanhThụ	400
18.1.2	Đoạn từ cầu ông Thanh Thụ đến dốc đá mỏm mồ thửa 230 tờ 26	500
18.1.3	Đoạn tiếp theo (Thửa: 460- Tờ BĐ: 26) đến Cầu đá Anh Vương (Thửa: 78- Tờ BĐ:16)	600
18.1.4	Đoạn tiếp theo từ Cầu đá Anh Vương (Thửa: 78- Tờ BĐ:16) đến cầu Xuân Hòa	500
18.1.5	Đoạn tiếp theo từ cầu Xuân Hòa đến hết ranh giới xã Thanh Xuân	400
18.2	**Đường liên thôn**	
18.2.1	Đường đi thôn Thanh Bình (Thửa: 87- Tờ BĐ: 16) đến (Thửa: 233- Tờ BĐ: 23)	300
18.2.2	Đoạn từ ngã ba ông Thắng Thủy (Thửa: 235- Tờ BĐ: 13) đến ranh giới xã Thanh Lâm.	300
18.2.3	Đoạn từ ngã ba ông Thắng Thủy (Thửa: 234- Tờ BĐ: 13) đến ranh giới xã Thanh Phong.	300
18.2.4	Đường đi thôn Thanh Thủy (Thửa: 318- Tờ BĐ: 17) đến hết thôn	300
18.2.5	Đường thôn Đồng Phống (Thửa: 189- Tờ BĐ: 27) đến thôn Thanh Thủy (Thửa: 16- Tờ BĐ: 19)	300
18.2.6	Đường đi làng Cảng (Thửa: 705- Tờ BĐ: 27) đến hết làng	300
18.2.7	Đoạn từ nhà ông Lương thôn Lâm Chính (thửa 298 tờ BĐ 17) đến nhà ông May thôn Thanh Thủy (thửa 309, tờ BĐ 17)	250
18.2.8	Đoạn từ nhà ông Mến (thửa 357, tờ 26) đến hộ ông Ý (thửa 643, tờ 27)	200
18.2.9	Đoạn từ nhà ông Tương (thửa 367, tờ 17) đến hộ ông Khuyến (thửa 199, tờ 25)	250
18.3	**Các đường, ngõ, ngách không thuộc các vị trí trên**	100

25. HUYỆN QUAN HÓA

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH**	
1	**QUỐC LỘ 15** ***(Hai bên đường chiều sâu 50m tính từ chỉ giới xây dựng)***	
1.1	Từ nhà ông Lê Văn Bình xưởng Hà Long *(Bản Cang, Xuân Phú, cũ)*	600
1.2	Từ hộ ông Hà Thái Phiên đến xưởng CBLS ông Phúc *(Bản Chăm, Xuân Phú (cũ))*	600
1.3	Từ xưởng ông Phúc đến nhà Bia tưởng niệm *(Trung tâm xã Xuân Phú, cũ)*	700
1.4	Từ nhà bia tưởng niệm đến hộ bà Cao Thị Đào bản Cổi *(xã Xuân Phú, cũ)*	600
1.5	Từ đầu bản Cổi hộ bà Đào *(Xuân Phú)* đến đập tràn bản Cổi *(xã Xuân Phú, cũ)*	600
1.6	Từ đập tràn bản Cổi đến cầu Na Sài *(xã Xuân Phú, cũ)*	1.400
1.7	Từ đầu cầu Na Sài đến hộ ông Tống Văn Hòa, hộ ông Lê Văn Thường (Khu 5)	2.200
1.8	Từ hộ ông Nguyễn Ngọc Toàn, hộ ông Tống Văn Huệ đến hộ ông Hà Ngọc Trung, hộ ông Lương Văn Đậm *(Khu 5, Thị trấn)*	2.300
1.9	Từ hộ ông Hà Văn Nhăm, hộ ông Phạm Bá Thúc đến Trung tâm văn hóa cộng đồng thị trấn, Trường mầm non thị trấn *(Khu 5, Khu 4 Thị trấn)*	2.400
1.10	Từ Tòa án huyện đến hộ bà Trịnh Thị Hạnh đến hộ bà Hà Thị Thích, hộ ông Trịnh Đức Du *(Khu 3, Thị trấn)*	2.350
1.11	Từ hộ bà Lê Thị Luyến, hộ ông Ngô Đức Mạnh đến hộ ông Trương Văn Mẫu, hộ ông Hồ Văn Hải *(Khu 3, Khu 2 Thị trấn)*	2.500
1.12	Từ hộ ông Trương Hoài Nam, hộ ông Lê Văn Bình đến Bưu điện Quan Hóa, hộ ông Lê Hải Lưu *(Khu 2, Khu 1 Thị trấn)*	2.700
1.13	Từ ranh giới thửa đất Trung tâm viễn thông Quan Hóa, UBND huyện đến cầu Hua Mạ *(khu 1, Thị trấn)*	2.600
1.14	Từ cầu Hua Mạ đến hết thửa đất hộ ông Dương Đình Luận *(Phố Hồi Xuân)*	2.200
1.15	Từ ngã ba (Phố Hồi Xuân) đến đầu cầu Hón Khó đường 15 mới	750
1.16	Từ cầu Hón Khó xã Hồi Xuân đi theo đường 15 mới đến cầu Hồi Xuân *(Bản Khằm, xã Hồi Xuân)*	1.040
1.17	Từ hộ bà Đào Thị Chung đến hết thửa đất Vũ Văn Hoanh *(Hồi Xuân)*	600
1.18	Từ hộ ông Hà Văn Hận đến Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu *(Hồi Xuân)*	500
1.19	Từ thửa đất ông Phạm Bá Niệm đến thửa đất ông Hà Văn Mới *(Giao thông)*	400
1.20	Từ Suối Mướp xã Hồi Xuân đến ngã ba vào bản Dã	400
1.21	Đoạn từ cầu Thu Đông đến Hộ ông Cao Văn Trường (Bản Tân Sơn)	600
1.22	Từ đầu Bản Pan đến cuối Bản Pan, xã Phú Xuân *(Từ hộ ông Khương đến hộ ông Luyên)*	600
1.23	Khu Trung tâm xã Phú Xuân *(Từ hộ ông Hà Văn Nghêu đến Suối Cống)*	700
1.24	Từ đầu Bản Mỏ đến cuối Bản Mỏ, xã Phú Xuân *(Từ hộ ông Thứa đến hộ ông Duyên)*	600

1.25	Tại xã Phú Xuân (cũ), huyện Quan Hóa: Đoạn đường từ hộ Ông Hà Văn Thi (Bản mọ) đến Hộ Ông Lê Xuân Toàn (xưởng đũa, Bản Pan) thuộc trục đường Quốc lộ 15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa	600
1.26	Đoạn Đường từ hộ ông Hà Văn Hồi (Bản Sại) đến hộ Ông Hà Ngọc Trường (Bản Sại) thuộc trục đường Quốc lộ 15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa	700
1.27	Từ đầu Bản Đò đến ngã ba đường 521B, xã Phú Thanh	600
1.28	Từ ngã ba đường 521B đến Trạm Kiểm Lâm, xã Phú Thanh	900
1.29	Từ trạm Kiểm Lâm, xã Phú Thanh đến suối Ma Ham, xã Phú Thanh	700
1.30	Từ suối Ma Ham, xã Phú Thanh đến km 28 *(Tiếp giáp Mai Châu)*	1.050
2	**TỈNH LỘ 521B (cũ)** ***(Hai bên đường chiều sâu 50m tính từ chỉ giới xây dựng)***	
2.1	Từ ngã ba đường 521B đến hết Bản Trung Tân, xã Phú Thanh	700
3	**TỈNH LỘ 521C (cũ)** ***(Hai bên đường chiều sâu 50m tính từ chỉ giới xây dựng)***	
3.1	Từ đầu Bản Tân Phúc đến cuối Bản Tân Phúc, xã Phú Lệ *(Hộ ông Tính đến hộ ông Quyền)*	400
3.2	Từ đầu Bản Đuốm đến cuối Bản Đuốm, xã Phú Lệ *(Từ hộ ông Hậu đến hộ ông Ngơn)*	300
3.3	Từ Keo Đo đến hộ ông Đóng (bản Sại)	450
4	**ĐƯỜNG 520 (cũ)**	
4.1	Từ cầu Hồi Xuân đến hết ranh giới Khu du lịch sinh thái Hang Phi, xã Nam Xuân	500
4.2	Từ nhà Hà Văn Mến, Bản Na Cốc đến cầu Bút, xã Nam Xuân	500
4.3	Từ cầu Bút đến hộ ông Hà Văn Điền, Bản Na Lặc, xã Nam Xuân	500
4.4	Từ hộ ông Hà Văn Cẩm *(Thông)* đến Hà Văn Xoại *(trường tiểu học)*	500
4.5	Từ hộ ông Hà Công Ty *(Xoại)* , bản Nam Tân đến Trường tiểu học xã Nam Xuân	600
4.6	Từ Trường tiểu học xã Nam Xuân đến hộ ông Lò Văn Thạo *(Trung tâm xã)*	700
4.7	Từ hộ ông Lương Văn Luận Bản Khuông đến hộ ông Ngân Văn Báo bản Khuông, xã Nam Xuân	600
4.8	Từ hộ ông Ngân Văn Hảo *(Bản Lếp)* đến hộ ông Ngân Văn Xơi *(Bản Lếp, xã Nam Tiến)*	400
4.9	Từ hộ ông Ngân Xuân Nương *(Bản Ken I)* đến hộ ông Ngân Sinh Công *(Bản Ken I, xã Nam Tiến)*	400
4.1	Từ hộ ông Lương Văn Toán *(Bản Tiến Lập)* đến hộ ông Vi Văn Công *(Bản Tiến Lập, xã Nam Tiến)*	400
4.11	Khu phố mới từ nhà bà Phạm Thị Diêm đến hộ ông bà Phạm Thị Phương *(Trung tâm xã Nam Tiến)*	900
4.12	Từ hộ ông Hà Văn Minh *(Bản Ngà)* đến hộ ông Len Văn Xoa *(Bản Ngà, xã Nam Tiến)*	400
4.13	Từ đầu Bản Khương *(Nhà Lục Văn Minh)* đến nhà ông Len Văn Tiến	450
4.14	Trung tâm xã Nam Động *(Từ nhà ông Lương Văn Việt đến nhà bà Lương Thị Huệ Cầu suối Bá)*	1.000
4.15	Từ đầu suối Bá *(nhà ông Chanh)* đến *(nhà ông Vĩnh)* cuối Bản Chiềng, xã Nam Động	850

4.16	Từ nhà ông Huệ *(hạt giao thông 3)* đến nhà ông Phạm Văn Tuấn, xã Nam Động	700
4.17	Từ *(giáp ranh giới xã Nam Động)* trạm trực điện lực *xã Thiên Phủ*	700
4.18	Từ trạm trực điện lực xã Thiên Phủ đến họ ông Nguy *(bản Sài, xã Thiên Phủ)*	600
4.19	Từ hộ ông Cường *(Bản Chong)* đến hộ ông Thượng Quỳnh *(Bản Chong, xã Thiên Phủ)*	550
4.2	*Từ hộ ông Thượng Bản Sắng xã Thiên Phủ đến giáp ranh giới xã Hiền Chung*	700
4.21	Từ hộ ông Lò Văn Mân đầu Bản Chại đến hộ bà Lò Thị Liệu cuối Bản Chại, xã Hiền Chung	500
4.22	Đầu Bản Bó đến cuối Bản Bó *(từ hộ ông Lương Văn Thuyết đến hộ ông Vi Văn Thủy (Phương)* xã Hiền Chung	550
4.23	Khu Trung tâm xã Hiền Chung *(từ thửa đất ông Nguyễn Văn Loan đến hết thửa đất hộ ông Hà Văn Khiên)*	700
4.24	Từ hộ ông Lương Văn Thuyên đầu Bản Hán đến hộ ông Lương Văn Tuấn cuối Bản Hán, xã Hiền Chung	550
4.25	Từ hộ ông Hà Văn Luyện đầu bản Bản Hai Loop đến hộ ông Vi Văn Tự cuối Bản Hai Loop, xã Hiền Chung	450
4.26	Từ hộ ông Vi Văn Dân đầu Bản Chiềng Hin đến hộ ông Phạm Ất Mão cuối Bản Chiềng Hin, xã Hiền Kiệt	500
4.27	Từ hộ ông Lò Khăm Chiệm *(Cây đa)* đến thửa đất ông Nguyễn Văn Kỳ *(Hua tau)* bản Poong I, xã Hiền Kiệt	700
4.28	Khu Trung tâm xã Hiền Kiệt *(Từ thửa đất hộ bà Nguyễn Thị Tình* (Kiên) *đến hết thửa đất hộ ông Lộc Văn Nhiệt)*	750
4.29	Từ thửa đất hộ ông Lộc Văn Liêm đến thửa đất hộ ông Đỗ Văn Luân *(Bản Poong I), xã Hiền Kiệt*	700
4.3	Từ thửa đất hộ ông Đỗ Đình Thảo đến thửa đất hộ ông Hà Văn Dân *(Bản Poong II),* xã Hiền Kiệt	500
4.31	Từ hộ ông Lộc Văn Toan đến hộ ông Lộc Văn Phiên (bản San)	450
5	**ĐƯỜNG VẠN MAI - TRUNG SƠN *(Tỉnh lộ 520)***	
5.1	Từ hộ ông Lương Trung Thực đến hộ ông Lương Ngọc Thân *(bản Uôn) xã Phú Thanh*	550
5.2	Từ hộ ông Lương Xuân Hiệp *(bản Uôn)* đến cầu Suối Cải (*xã Phú Thanh)*	500
5.3	Từ suối Cải đến nhà ông Phạm Bá Thông *(Tân Hương) xã Thành Sơn*	500
5.4	Từ nhà ông Phạm Bá Thông đến nhà ông Hà Văn Chiến *(Tân Hương) xã Thành Sơn*	500
5.5	Từ nhà ông Hà Văn Chiến đến nhà ông Hà Văn Chấp *(Khu Sơn Thành)*	600
5.6	Từ nhà ông Hà Văn Chấp đến nhà Phạm Thị Tính *(Nam Thành)*	400
5.7	Từ nhà Bà Phạm Thị Tính đến nhà ông Hà Văn Hùng.*(Chiềng Yên)*	400
5.8	Từ nhà ông Hà Văn Hùng đến nhà ông Hà Văn Khuyên *(Thành Tân)*	400
5.9	Từ suối bó đến nhà ông Lương Văn Cấm *(bản Bó)*	400
5.10	Từ nhà ông Phạm Bá Chời (bản Pạo) đến cầu Pạo	550
5.11	Từ đầu cầu Pạo đến suối Đon Luông *(Trung tâm cụm xã)*	600
5.13	Từ ngã ba vào bản Co Me đến Keo Đắm	500

6	**QUỐC LỘ 16 (từ ngã 3 khu TĐC Pom Chốn, bản Ta Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa đi xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La)**	
6.1	Từ ngã ba Pom Chốn đến hộ ông Ngân Văn Hồn khu Pa Búa	400
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN** ***(Hai bên đường chiều sâu 50m tính từ chỉ giới xây dựng)***	
1	**THỊ TRẤN QUAN HÓA (nay là thị trấn Hồi Xuân)**	
1.1	Đường vào Sân bóng:Từ thửa đất hộ ông Tắc đến sân bóng	1.750
1.2	Đường vào chợ huyện Quan Hóa: Từ thửa đất hộ Bà Nguyễn Thị Hường đến hết thửa đất hộ ông Phạm Đức Bình	3.000
1.3	Trục đường dọc sông Mã từ khu 1 đến khu 4	
1.3.1	Từ hộ bà Nguyên Thị Hoạt khu phố 1 đến hộ bà Nguyên Thị Ngọ khu phô 2	1.300
1.3.2	Từ Liên đoàn Lao động huyện, hộ ông Lục Đình Kim khu phố 3 đến hộ ông Hoàng Văn Hùng khu phố 3	1.000
1.3.3	Từ hộ ông Hà Công Chính, hộ ông Hà Văn Nghiệp khu phố 3 đến hết trục đường Sông Mã khu phố 6	800
1.4	Đường nhánh khu 2	
1.4.1	Từ hộ ông Nguyễn Minh Hình, hộ bà Hà Thị Bình đến hộ bà Nguyễn Thị Chương, hộ ông Doãn Văn Sướng	1.400
1.4.2	Từ hộ ông Cao Văn Minh, Hà Văn Chưởng, Lưu Đình Diễn đến hộ ông Trịnh Xuân Tý, Lưu Thị Thanh Tú	1.400
1..4.3	Từ cuối thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Thuấn đến hết thửa đất hộ bà Hồng Tiểu Vân	800
1.4.4	Từ hộ bà Lê Thị Nguyệt, Lục Đình Kim đến hộ Nguyễn Văn Ngọc, Lê Trọng Lâm	800
1.5	Các ngõ ngách còn lại sau đường Quốc lộ 15A và sau các nhánh đường xương cá từ khu I đến khu II	800
1.6	Đường nhánh xương cá Khu 3 từ hộ Nguyễn Thị Ngần đến hết thửa đất ông Phạm Bá Thích	800
1.7	Đường vào suối Đứa	
1.7.1	Từ thửa đất bà Phạm Thị Thùy đến thửa đất ông Hà Công Chính, hộ ông Hà Văn Âm	1.000
1.7.2	Từ thửa đất Bà Hà Tuyết Thanh, hộ bà Hà Thị Xoan đến thửa đất bà Vi Thị Hồng	1.000
1.7.3	Các đường, ngõ còn lại sau Quốc lộ 15 và nhánh đường xương cá Khu 3	600
1.8	Đường nhánh khu 3 (Suối Đứa ra sông Mã): Từ thửa đất hộ ông Đặng Văn Tuấn, hộ ông Hà Văn Nguyến đến hết thửa đất hộ ông Lê Văn Kỳ (Ninh).	1.000
1.9	Đường vào suối Nông Lệch về phía Bắc từ hộ ông Phạm Bá Huyên đến hộ ông Trần Ngọc Khánh	700
1.10	Đường dọc suối Nông Lệch phía Nam (ra sông Mã) từ thửa đất hộ ông Lữ Ngọc Quý, ông Hà Xuân Khanh đến hết thửa đất hộ ông Nguyễn Công Sơn	1.000
1.11	* Đường vào khu Bệnh viện Quan Hóa	
1.11.1	Nhánh 1: Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế Trung, bà Lê Thị Hạnh đến hết thửa đất hộ ông Đồng Khắc Dũng Bệnh viện	2.300

1.11.2	Nhánh 2: Từ ranh giới thửa đất hộ ông Nguyễn Ngọc Thành đến hết thửa đất hộ ông Lê Văn Tình	800
1.11.3	Từ hộ ông Hoàng Kim Liên đến hộ ông Ngân Tiến Nhẫn	800
1.11.4	Các đường, ngõ không thuộc các vị trí trên	500
1.12	* Đường xương cá (khu 5) từ thửa đất hộ ông Hà Văn Đào đến hết thửa đất hộ bà Vi Thị Chật	800
1.13	* Đường xương cá (khu 5) tu thửa đất hộ ông Lê Văn Kinh đến hết thửa đất hộ ông Lò Khăm Liêm	700
1.14	* Đường ra bến Phụ (khu 5) từ sau thửa đất hộ ông Tống Văn Hòa, Nguyễn Ngọc Toàn đến hết thửa đất hộ ông Tống Văn Hòa, ông Lê Bá Khôn	500
1.15	* Các đường ngõ ngách còn lại sau đường QL 15A từ hộ bà Đinh Thị Dục đến hộ ông Lương Văn Bường bên trong mặt đường	700
1.16	* Đường vào Khu 6 (Na Sài)	
1.16.1	Từ thửa đất hộ ông Vi Văn Tâm, Hà Thị Ninh đến hết thửa đất hộ bà Hà Thị Doanh, nhà văn hóa khu 6	900
1.16.2	Từ tiếp giáp thửa đất hộ ông Hà Thị Đặng, ông Hà Thanh Như đến hộ bà Lữ Thị Tăng	500
1.16.3	Các hộ bên trong đường Quốc lộ 15 từ cầu Na Sài đến hộ ông Giới	700
1.16.4	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	350
1.17	* Đường vào xã Phú Nghiêm	
1.17.1	Từ thửa đất hộ ông Lê Văn Luận, bà Phạm Thị Minh đến hết thửa đất hộ ông Quách Văn Dũng, hộ ông Nguyễn Tiến Lực	1.200
1.17.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	800
1.18	* Đường vào bản Ban	
1.18.1	Từ thửa đất hộ ông Lê Văn Định đến hết thửa đất hộ bà Hà Thị Tới	1.800
1.18.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	800
2	**XÃ PHÚ NGHIÊM**	
2.1	* Trục đường nhựa Na Sài đi bản Vinh Quang	
2.1.1	Các hộ mặt đường từ thửa đất hộ ông Bùi Văn Mười đến đập tràn suối khí *(Bản Pọng)*	500
2.1.2	Các hộ mặt đường từ thửa đất hộ ông Phạm Bá Chuẩn (bản Pọng) đến thửa đất ông Lương Văn Tạo *(Bản Đồng Tâm)*	600
2.1.3	Các hộ mặt đường từ hộ ông Hà Văn Ký đến hộ ông Hà Văn Kính *(Bản Đồng Tâm)*	350
2.1.4	Các hộ mặt đường từ hộ ông Hà Văn Khoái đến hộ bà Cao Thị An *(Bản Vinh Quang)*	300
2.2	* Trục đường liên bản: Pọng, Ca Me, Đồng Tâm	
2.2.1	Các hộ mặt đường từ hộ ông Phạm Bá Uyên *(Bản Pọng KaMe)* đến hộ ông Phạm Duy Cộng *(Bản Đồng Tâm)*	300
2.2.2	Các hộ mặt đường từ nhà văn hóa bản đến hộ ông Hà Văn Miên (bản Vinh Quang)	300
2.2.3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
2.3	* Đoạn đường nhánh trong bản Pọng Ca Me	
2.3.1	Các hộ mặt đường từ hộ ông Bùi Văn Mười đến hộ ông Phạm Bá Dựng *(bản Ca Me)*	250

2.3.2	Các hộ mặt đường từ hộ ông Cao Văn Sỹ đến hộ ông Cao Văn Chắc *(bản Pọng Ka Me)*	250
2.3.3	Các đường ngõ còn lại trong bản Pọng, Ka Me, Vinh Quang	150
2.3.4	Các hộ mặt đường từ hộ ông Vi Văn Tiến đến hộ ông Vi Văn Lem (*Bản Pọng, Ka Me*)	150
2.3.5	Các hộ mặt đường từ hộ ông Hà Văn Dũng đến hộ ông Trương Văn Mùi (*Bản Vinh Quang*)	150
3	**XÃ XUÂN PHÚ**	
3.1	* Bản Khiêu: Toàn bộ cả bản	400
3.2	* Bản Cỗi:	
3.2.1	Từ hộ ông Thường đến hộ Bà Biến	500
3.2.2	Từ hộ ông Thiêm đến hộ ông Phim	500
3.2.3	Từ hộ ông Hiệp đến hộ ông Sự	500
3.2.4	Từ hộ ông Thông đến hộ ông Thu	500
3.3	* Khu Trung tâm xã: Các đường, ngõ thuộc trung tâm xã	500
3.4	* Bản Chăm: Các đường, ngõ, bản Chăm	500
3.5	* Bản Cang: Các đường, ngõ bản Cang	500
3.6	Đường Xuân Phú đi Trung Xuân Huyện Quan Sơn	400
4	**XÃ HỒI XUÂN (nay là thị trấn Hồi Xuân)**	
4.1	* Bản Ban:	
4.1.1	Các hộ mặt đường Khó Nghèo từ ranh giới đất Thị trấn Quan Hóa (cũ) đến hộ ông Lữ Văn Huy	650
4.1.2	Các hộ mặt đường Khó Nghèo từ thửa đất ông Lữ Văn Huy đến hết Bản Ban	550
4.1.3	Từ sau thửa đất hộ ông Lê Ngọc Huấn đến Trường Mầm non (xã Hồi Xuân)	1.500
4.1.4	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	400
4.2	* Bản Khó:	
4.2.1	Các hộ mặt đường Bản Ban đi Khó Nghèo hộ ông Hà Văn Duyệt đến hộ ông Lê Xuân Vượt	450
4.2.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
4.3	* Bản Nghèo:	
4.3.1	Các hộ mặt đường Bản Khó đi Bản Nghèo từ hộ ông Cao Văn Kéo đến hộ ông Vi Văn Tuyến	300
4.3.2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	150
4.4	* Bản Khằm:	
4.4.1	Các hộ mặt đường 15A cũ từ ranh giới thửa đất hộ ông Luận đến ranh giới thửa đất hộ bà Nhương	900
4.4.2	Các hộ đường trục chính Bản Khằm (Từ thửa đất hộ ông Hà Văn chính đến hộ ông Lữ Văn Chính)	400
4.4.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
4.5	* Bản Mướp:	
4.5.1	Các hộ mặt đường chính của Bản từ đầu Bản đến cuối Bản	300
4.5.2	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	250
4.6	* Bản Cốc:	
4.6.1	Các hộ mặt đường chính của bản từ đầu Bản đến cuối Bản	150

4.6.2	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	100
5	**XÃ NAM XUÂN**	
5.1	* Các đường, ngõ còn lại khu Trung Tâm xã	500
5.2	* Bản Na Cốc:	
5.2.1	Đường chính trong bản từ hộ ông Nguyễn Mậu Hiệp (Diệu) đến hộ ông Hà Văn Khiêm	400
5.2.2	Đường chính trong bản hộ ông Lộc Văn Thứ đến hộ ông Hà Văn Bơi	400
5.2.3	Các đường, ngõ khác trong Bản Na Cốc	200
5.3	* Bản Na Lặc:	
5.3.1	Đoạn đường chính đi bản Bút từ hộ ông Hà Văn Hiến đến hộ ông Hà Văn Ngoãn	400
5.3.2	Đoạn đường chính trong bản hộ ông Hà Văn Đệ đến hộ ông Hà Đình Tạ	400
5.3.3	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
5.4	* Bản Bút:	
5.4.1	Đoạn từ hộ ông Ngân Văn Miến đến hộ ông Hà Văn Nua (Bản Bút)	400
5.4.2	Từ hộ ông Thính đến hộ ông Hà Văn Phia (Đường đi Pha Đay)	300
5.4.3	Đường từ hộ ông Hà Văn Nhợi đến hộ ông Hà Văn Quyên (Xóm 3)	300
5.4.4	Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	200
5.5	* Bản Nam Tân:	
5.5.1	Đoạn đường chính của bản từ hộ ông Hà Văn Đoạn đến hộ ông Hà Văn Quân	400
5.5.2	Đoạn đường chính Từ hộ ông Ngân Văn Hượng đến hết xóm 2 (Hin đón)	300
5.5.3	Các đường ngõ khác trong Bản Nam Tân	200
5.6	* Bản Khuông:	
5.6.1	Đoạn đường từ hộ bà Lộc Thị Nưng (Tuyến) đến hộ ông Lương Văn Ngọc (Tiên)	400
5.6.2	Đoạn đường Từ hộ ông Lương Văn Đạo đến hộ ông Lương Văn Nguyn (Ngụy)	300
5.6.3	Khu vực xóm 2, 3, 4 và các đường ngõ còn lại trong bản	300
5.7	* Bản Đun Pù: Toàn bộ bản Đun Pù	200
6	**XÃ NAM TIẾN**	
6.1	Các đoạn đường nhánh Khu Trung tâm xã:	600
6.2	Các đoạn đường Bản Ngà:	350
6.3	Các đoạn đường Bản Ken:	350
6.4	Các đoạn đường Bản Lếp:	350
6.5	* Bản Khang:	
6.5.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Cua từ hộ ông Lộc Văn Đính đến hộ ông Ngân Văn Khơn	300
6.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
6.6	* Bản Cua:	
6.6.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Cụm từ hộ ông Lộc Văn Bình đến hộ ông Lộc Văn Nhu	100
6.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	80
6.7	* Bản Cụm:	
6.7.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Vi Văn Nái đến hộ ông Đinh Văn Uống	100
6.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	80

6.8	* Bản Cốc:	
6.8.1	Từ thửa đất hộ ông Lập (bản Cốc I) đến hộ ông Vi Văn Mươi (bản Cốc II)	100
6.8.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	80
6.8.3	Từ hộ ông Vi Văn Nhót (bản Cốc 3) đến hộ ông Ngân Văn Luyến (bản Cốc 3)	100
7	**XÃ NAM ĐỘNG**	
7.1	Các đoạn đường Khu Trung tâm xã:	550
7.2	* Bản Làng: Từ nhà ông Xuộn đến cầu bản Khương Làng	250
7.3	Các đoạn đường Bản KhươngLàng	200
7.4	Các đoạn đường Bản Chiềng:	400
7.5	* Bản Bất:	
7.5.1	Từ nhà ông Lâm đến nhà ông Thắng	300
7.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
7.6	* Bản Lở:	
7.6.1	Từ nhà ông Thoại đến nhà ông Khoa	300
7.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
7.7	* Bản Bâu:	
7.7.1	Từ nhà ông Trinh đến nhà ông Diên	300
7.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
7.8	* Bản Nót:	
7.8.1	Từ nhà ông Hùng đến nhà bà Thúy	300
7.8.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
8	**XÃ THIÊN PHỦ**	
8.1	Các đoạn đường Khu Trung tâm xã:	500
8.2	Các đoạn đường Bản Dôi 1:	300
8.3	Các đoạn đường Bản Dôi 2:	300
8.4	Các đoạn đường Bản Sài 1:	250
8.5	Các đoạn đường Bản Sài 2:	250
8.6	Các đoạn đường Bản Chong 1:	300
8.7	Các đoạn đường Bản Chong 2:	300
8.8	Các đoạn đường Bản Thành Long:	250
8.9	Các đoạn đường Bản Săng:	250
1.1	Trục đường liên thôn từ Suối Cang đi Bản Giồi, xã Thiên Phủ	
8.10.1	Từ hộ ông Thiêm (Bản Chong) đến hộ ông Tình (bản Chong 3)	300
8.10.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
8.10.3	Từ hộ ông Khởi (bản Nhụng) đến hộ ông Khiêm (bản Nhụng)	250
8.10.4	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
8.10.5	Từ hộ ông Linh (bản Háng) đến hộ ông Kiêm (bản Háng)	250
8.10.6	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
8.10.7	Từ hộ ông Sáng (bản Hàm) đến hộ ông Sợi (bản Hàm)	250
8.10.8	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
8.10.9	Từ hộ ông Nguyễn (bản Lớt) đến hộ ông Chung (bản Lớt)	200
8.10.10	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
8.10.11	Từ hộ ông Thập đến hộ ông Phong (bản Giồi)	150

8.10.12	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
8.11	* Trục đường liên thôn Bản Sài I đi Bản Sài II, xã Thiên Phủ	
8.11.1	Từ hộ ông Diệp (bản Sài I)đến hộ ông Bông (bản Sài I)	250
8.11.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
8.11.3	Từ hộ ông Bui (bản Sài 2) đến hộ ông Kiệu (bản Sài 2)	250
8.11.4	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
9	**XÃ HIỀN CHUNG**	
9.1	Các đoạn đường Khu Trung tâm xã:	550
9.2	Các đoạn đườngBản Chại	250
9.3	Các đoạn đường Bản Bó:	250
9.4	Các đoạn đường Bản Loop 1:	200
9.5	Các đoạn đường Bản Hai:	200
9.6	* Bản Hán:	
9.6.1	Các hộ mặt đường chính từ đầu Bản đến cuối Bản	150
9.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
9.7	* Bản Pheo:	
9.7.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Yên từ đầu Bản đến cuối Bản	150
9.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
9.8	* Bản Yên:	
9.8.1	Các hộ mặt đường chính Pheo - Yên từ đầu Bản đến cuối Bản	100
9.8.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	80
10	**XÃ HIỀN KIỆT**	
10.1	Các đoạn đường Khu Trung tâm xã:	550
10.2	Các đoạn đường Bản Chiềng Hin:	300
10.3	Các đoạn đường Bản Poong 1:	350
10.4	Các đoạn đường Bản Poong 2:	300
10.5	* Bản San: Từ đầu Bản đến cuối Bản	200
10.6	* Bản Chiềng Căm: Từ đầu Bản đến cuối Bản	250
10.7	* Bản Cháo:	
10.7.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Ho Từ đầu Bản đến cuối Bản	100
10.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	80
10.8	* Bản Ho:	
10.8.1	Các hộ mặt đường chính Cháo Ho Từ đầu Bản đến cuối Bản	100
10.8.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	70
11	**XÃ THANH XUÂN (nay là xã Phú Xuân)**	
11.1	Các đoạn đường Trung tâm xã:	450
11.2	* Bản Éo:	
11.2.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Tân Sơn Từ hộ ông Phạm Hồng Thao đến hộ ông Cao Văn Cần	400
11.2.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
11.3	* Bản Thu Đông:	
11.3.1	Các hộ mặt đường chính QL15 Từ hộ bà Hà Thị Huyền đến hộ ông Hà Văn Thích (khu trên)	400
11.3.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
11.4	* Bản Tân Sơn:	
11.4.1	Các hộ mặt đường chính Bản éo đi Bản Tân Sơn từ hộ ông Đinh Văn Chương đến hộ ông Phạm Bá Khâm	300
11.4.2	Đoạn từ hộ ông Cao Văn Náo đến hộ ông Cao Văn Thưn	300

11.4.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
11.5	* Bản Vui:	
11.5.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Vui từ hộ ông Hà Văn Nhiên đến hộ ông Hà Quang Băng (Bản Vui ngoài)	300
11.5.2	Các hộ mặt đường chính đi Bản Vui từ Suối Cơn đến hộ ông Hà Văn Mon (Bản Vui trong)	250
11.5.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
11.6	* Bản Giá:	
11.6.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Giá Từ hộ ông Hà Văn Nhon (Thêu) đến hộ ông Hà Văn Xứng (Giá ngoài)	300
11.6.2	Các hộ mặt đường chính đi Bản Giá từ đập tràn suối Giá đến hộ ông Hà Văn Huấn (Giá trong)	250
11.6.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
11.7	* Bản Sa Lắng:Tất cả các hộ trong bản	300
11.8	Khu tái định cư bản Vui (đường từ bản Vui đi bản Bá xã Phú Xuân từ hộ ông Hà Văn Phia đến hộ ông Hà Văn Bi)	200
12	**XÃ PHÚ XUÂN (nay là xã Phú Nghiêm)**	
12.1	Các đoạn đường Khu Trung tâm xã:	450
12.2	* Bản Pan:	
12.2.1	Các hộ mặt đường chính của thôn từ hộ ông Loan đến hộ ông Khang	450
12.2.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	350
12.3	Các đoạn đường Bản Mỏ:	300
12.4	* Bản Bá:	
12.4.1	Các hộ mặt đường chính của bản từ hộ ông Sâm đến hộ ông Anh	350
12.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
12.5	* Bản Phé:	
12.5.1	Các hộ mặt đường chính đi Bản Mí từ hộ ông Giếng đến hộ ông Ảnh	350
12.5.2	Các hộ mặt đường đi bến Phé từ hộ ông Nguyễn đến hộ ông Thi	350
12.5.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
12.6	* Bản Mí:	
12.6.1	Các hộ mặt đường chính Từ đầu Bản đến cuối Bản	350
12.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
12.6.3	Các tuyến đường đề xuất mới hoặc tách hợp (bản Háng và Co Póng)	300
13	**XÃ PHÚ SƠN**	
13.1	* Bản Chiềng:	
13.1.1	Đoạn đường từ nhà bà Hà Thị Hận đến hộ Lương Văn Thịnh (Bản Chiềng)	400
13.1.2	Các hộ mặt đường Chiềng Khoa từ hộ Lương Văn Thịnh đến hộ ông Lương Văn ngự (Trung tâm xã)	400
13.1.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
13.2	* Bản Ôn:	
13.2.1	Các hộ mặt đường Chiềng Khoa từ hộ ông Lương Văn Yên đến hộ ông Hà Xuân Hoan (Bản Ôn)	350
13.2.2	Các hộ mặt đường Chiềng Khoa từ hộ ông Hà Xuân Hoan đến hộ ông Hà Văn Muôn (Bản Ôn)	350
13.2.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
13.3	* Bản Tai Giác:	
13.3.1	Các hộ mặt đường Chiềng Khoa từ hộ ông Lương Văn Hơi đến hộ ông Phạm Ngọc Sỹ (Bản Tai Giác)	300

13.3.2	Các hộ mặt đường Chiềng Khoa từ hộ ông Phạm Ngọc Sỹ đến hộ ông Lương Văn Thoản (Bản Tai Giác)	300
13.3.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
13.4	* Bản Khoa:	
13.4.1	Đoạn đường từ hộ ông Hà Văn Mợi đến hộ ông Hà Văn Quyết (Bản Khoa)	250
13.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
13.5	* Bản Suối Tôn:	
13.5.1	Các hộ mặt đường Khoa Suối Tôn từ hộ ông Mùa A Lo đến trường học (Bản Suối Tôn)	200
13.5.2	Đoạn đường tiếp theo đến hộ ông Giàng A Chu (Bản Suối Tôn)	100
14	**XÃ PHÚ LỆ**	
14.1	* Bản Sại:	
14.1.1	Các hộ mặt đường Sại - Hang từ đầu bản đến cuối bản	300
14.1.2	Các hộ mặt đường từ chợ đi quốc lộ 15C từ đầu bản đến cuối bản	350
14.1.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
14.2	* Bản Tân Phúc:	
14.2.1	Các hộ mặt đường Sại - Hang từ hộ ông Kiệt đến hộ ông Thuyên	200
14.2.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
14.3	* Bản Đuốm:	
14.3.1	Các hộ mặt đường Sại - Hang từ hộ ông Cận đến hộ ông Thưởng	200
14.3.2	Các hộ mặt đường ngã ba Hội trường đi Na Khằm từ hộ ông Thắng đến hộ ông Bình	200
14.3.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
14.4	* Bản Hang:	
14.4.1	Các hộ mặt đường Sại - Hang từ hộ ông Huệ đến hộ ông Thúc	200
14.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
15	**XÃ PHÚ THANH**	
15.1	* Bản Đỏ: Các đường, ngõ còn lại trong Bản	500
15.2	* Bản Trung Tân: Các đường, ngõ còn lại trong Bản	500
15.3	* Bản Uôn:	
15.3.1	Các đường, ngõ khác trong Bản	500
15.4	* Bản Chăng:	
15.4.1	Các hộ mặt đường chính (Từ đầu Bản đến cuối Bản)	350
15.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
15.5	* Bản Páng:	
15.5.1	Các hộ mặt đường chính (Từ đầu Bản đến cuối Bản)	450
15.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	400
15.6	* Bản En:	
15.6.1	Các hộ mặt đường chính (Từ đầu Bản đến cuối Bản)	350
15.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
16	**XÃ THÀNH SƠN**	
16.1	* Bản Tân Hương:	
16.1.1	Các đường, ngõ khác trong Bản	400
16.2	* Khu Trung tâm xã Thành Sơn (Bản Sơn Thành):	
16.2.1	Các hộ mặt đường chính Trung tâm cụm xã Từ hộ ông Hà Công Nội đến hộ bà Phạm Thị Cẩm, đường tỉnh lộ 521 từ hộ ông Hà Văn Thưởng đến hộ ông Hà Văn Chấp	700
16.2.2	Các đường, ngõ khác trong khu Trung Tâm	600
16.3	* Bản Thành Yên:	

16.3.1	Các hộ mặt đường chính tỉnh lộ 521 từ hộ ông Phạm Bá Điểm đến Thủy điện Thành Sơn	400
16.3.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
16.4	* Bản Thành Tân:	
16.4.1	Từ hộ ông Hà Văn Hiếng đến hộ ông Ngân Văn Lượng	400
16.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	300
16.5	* Bản Bái:	
16.5.1	Các hộ mặt đường chính của bản từ đầu bản đến cuối bản	300
16.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
16.6	* Bản Pu:	
16.6.1	Các hộ mặt đường chính của Bản Từ đầu Bản đến cuối Bản	200
16.6.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
16.7	* Bản Bước:	
16.7.1	Các hộ mặt đường chính của bản từ đầu Bản đến cuối Bản	150
16.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
17	**XÃ TRUNG THÀNH**	
17.1	* Bản Chiềng:	
17.1.1	Các hộ mặt đường từ đầu cầu treo đến hộ ông Đinh Công Dức (đường Bản Chiềng đi Bản Trung Lập)	300
17.1.2	Các hộ mặt đường Từ hộ ông Đinh Văn Nướng đến hộ ông Lương Văn Tuấn (đường Đi Bản Phai)	250
17.1.3	Các hộ mặt đường từ hộ ông Đinh Văn Quề đến hộ ông Phạm Bá Học (đường đi Bản Tang Xậy)	250
17.1.4	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
17.2	* Bản Phai:	
17.2.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Phạm Bá Huệ đến hộ ông Hà Văn Thức	200
17.2.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
17.3	* Bản Tang:	
17.3.1	Các hộ mặt đường đi Bản Sậy từ hộ ông Hà Văn Thuế đến hộ ông Hà Huy Nhé	200
17.3.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
17.4	* Bản Sậy:	
17.4.1	Các hộ mặt đường chính của Bản Sậy từ hộ ông Hà Văn Lê đến hết thửa đất ông Hà Văn Thủy	150
17.4.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	100
17.5	* Bản Cá:	
17.5.1	Các hộ mặt đường chính Bản Cá từ hộ ông Phạm Bá Nhuận đến hộ ông Hà Văn Khoát	250
17.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
17.6	* Bản Buốc Hiềng	
17.6.1	Các hộ trong bản	100
17.7	* Bản Trung Lập:	
17.7.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Hà Văn Thiều đến hộ ông Lương Văn Chợ	250
17.7.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
17.8	* Bản Trung Thắng:	
17.8.1	Các hộ mặt đường từ hộ ông Lương Văn Pháo đến hộ ông Phạm Bá Dúng (Đường đi Trung Lập)	250

17.8.2	Từ hộ Đinh Công Nguyễn đến hộ ông Hà Văn Hưng (đường chính của Bản)	200
17.8.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
17.9	* Bản Trung Tâm:	
17.9.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Phạm Bá Tiếm đến hộ ông Phạm Quang Trung	250
17.9.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
17.1	* Bản Trung Tiến:	
17.10.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Hà Văn Cưng đến hộ ông Phạm Bá Thủy	250
17.10.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	200
18	**XÃ TRUNG SƠN**	
18.1	* Khu Trung tâm xã (Bản Pạo):	
18.1.1	Các đường, ngõ khác trong khu và bản Pạo trong	400
18.2	* Bản Bó:	
18.2.1	Các đường, ngõ khác trong Bản Bó ngoài và Bản Bó trong	250
18.3	* Bản Co Me:	
18.3.1	Các hộ mặt đường Từ hộ ông Phạm Bá Thoán đến hộ bà Phạm Thị Loan	300
18.3.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
18.4	* Bản Chiềng:	
18.4.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Lương Văn Phím đến hộ Phạm Bá Ngành (Chiềng dưới)	300
18.4.2	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Lương Văn Lược đến hộ Phạm Bá Dận (Chiềng trên)	300
18.4.3	Các đường, ngõ khác trong Bản	250
18.5	* Bản Pượn:	
18.5.1	Các hộ mặt đường chính từ hộ ông Vi Văn Huy đến hộ ông Vi Văn Huyến	250
18.5.2	Các đường, ngõ khác trong Bản	150
18.6	* Các điểm tái định cư thủy điện Trung Sơn	
18.6.1	Điểm tái định cư Keo Đắm (Bản Ta Bán)	300
18.6.2	Điểm tái định cư Pom Chốn (Bản Ta Bán)	300
18.6.3	Điểm tái định cư Pa Púa (Bản Ta Bán)	350
18.6.4	Điểm tái định cư Co Pùng (Bản Ta Bán)	300
18.6.5	Điểm tái định cư Tổ Xước (Bản Ca Me)	300
18.6.6	Điểm tái định cư bản Chiềng	400
18.6.7	Điểm tái định cư bản Co Me	400
18.6.8	Khu vực UBND xã và Trạm y tế	500
18.6.9	Khu vực Tà Bục bản (Tà Bán)	300

26. HUYỆN QUAN SƠN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ 217**	
1	Đoạn từ đầu bản Lang xã Trung Hạ, tính 2 bên đường lên hết bản Lang xã Trung Hạ.	700
2	Đoạn từ đầu đất bản Bá xã Trung Hạ, tính 2 bên đường đến giáp đất bản Din, xã Trung Hạ.	1.000
3	Đoạn từ đầu đất bản Din xã Trung Hạ, tính 2 bên đường đến cầu ranh giới hai xã Trung Hạ và xã Trung Tiến	1.300
4	Đoạn từ cầu km 22 tính 2 bên đường lên qua đường sang bản Toong xã Trung Tiến 500m (năm trăm mét)	1.600
5	Đoạn từ đầu bản Lốc xã Trung Tiến, tính 2 bên đường lên đến đường sang bản Lầm xã Trung Tiến	500
6	Đoạn từ đường sang Bản Lầm xã Trung Tiến, tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Chè xã Trung Tiến.	800
7	Đoạn từ đầu bản Bách xã Trung Thượng, tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Bách xã Trung thượng	600
8	Đoạn từ đầu bản Ngàm xã Trung Thượng, tính 2 bên đường lên đến hết bản Ngàm xã Trung Thượng	700
9	Đoạn từ đầu đất bản Bôn xã Trung Thượng, tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Bôn xã Trung Thượng	500
10	Đoạn từ đầu đất thị trấn Quan Sơn tính 2 bên đường lên đến trạm hạ thế km34 thị trấn Quan Sơn	2.600
11	Đoạn từ Trạm hạ thế Km 34 thị trấn Quan Sơn, tính 2 bên đường lên đến cầu thị trấn Quan Sơn	2.800
12	Đoạn từ cầu thị trấn Quan Sơn, tính 2 bên đường lên đến trường Mầm non thị trấn	3.200
13	Đoạn từ Trường mầm non tính 2 bên đường lên đến giáp đất bản Păng, Sơn Lư	2.500
14	Đoạn từ giáp đất thị trấn Quan Sơn (củ) tính 2 bên đường lên trên hộ ông Khoa bản Păng xã Sơn Lư 200 m (Hai trăm mét)	1.800
15	Đoạn từ dưới hộ ông Ngân Văn Thư (thửa số 6, tờ 60) bản Păng xã Sơn Lư 500 m (năm trăm mét) lên đến hết đất bản Păng xã Sơn Lư	2.000
16	Đoạn từ đầu bản Bon xã Sơn Lư tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Hao xã Sơn Lư	600
17	Đoạn từ đầu bản Hẹ xã Sơn Lư tính 2 bên đường lên đến hết đất xã Sơn Lư	600
18	Đoạn từ đầu đất bản Bun xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến cầu Km 54 xã Sơn Điện	600
19	Đoạn từ đập tràn Km 54 xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến hạt giao thông xã Sơn Điện	800
20	Đoạn từ qua Hạt giao thông bản Ban xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Ban xã Sơn Điện	600

21	Đoạn từ đầu bản Na Lộc xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến cây xăng xã Sơn Điện	1.000
22	Đoạn từ dưới cây xăng xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến qua nhà ông Hiền trạm truyền hình 100 m (một trăm mét)	1.600
23	Đoạn từ đầu bản Na Nghịu xã Sơn Điện tính 2 bên đường đến hết bản Na Nghịu xã Sơn Điện	600
24	Đoạn từ đập tràn bản Nhài xã Sơn Điện tính 2 bên đường lên đến cầu suối Yên xã Mường Mìn	500
25	Đoạn từ cầu Suối Yên xã Mường Mìn tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Luốc Lầu xã Mường Mìn	800
26	Đoạn từ đầu bản Mìn xã Mường Mìn tính 2 bên đường lên đến hết đất bản Mìn xã Mường Mìn	450
27	Đoạn từ đầu bản Sộp Huối xã Na Mèo tính 2 bên đường lên đến hết bản Sộp Huối xã Na Mèo	600
28	Đoạn từ đầu Km 83 xã Na Mèo tính 2 bên đường lên đến giáp đất Bản Na Mèo	500
29	Đoạn từ dưới đường vào phân viện bản Na Mèo xã Na Mèo 300 m (ba trăm mét) tính 2 bên đường lên đến cống Suối Ấu bản Na Mèo, xã Na Mèo	1.800
30	Đoạn từ cấu Suối Ấu bản Na Mèo, xã Na Mèo giáp nhà ông Xuân tính 2 bên đường lên đến CK Na Mèo	2.400
31	Đoạn từ giáp đất xã Mường Mìn tính hai bên đường lên đến giáp đất bản Sộp Huối xã Na Mèo	600
B	**GIÁ ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
I	**THỊ TRẤN QUAN SƠN (nay là thị trấn Sơn Lư)**	
1	Đoạn từ Quốc lộ 217 tính 2 bên đường vào đến hết nhà bà Quyên (thửa 128 tờ 34) đầu sân chợ thị trấn	2.200
2	Đoạn từ nhà bà Trọng (thửa 127, tờ 34) tính 2 bên đường đến bờ kè sông Lò, các hộ thuộc xung quanh khu vực sân chợ thị trấn	1.500
3	Đoạn từ nhà Bà Hiển Thoát (thửa số 117, tờ 34) khu 4 tính 2 bên đường ra đến bờ kè sông Lò thị trấn	1.500
4	Đoạn từ cây xăng thị trấn Quan Sơn ra đến bờ kè Sông Lò	1.500
5	Đoạn từ hiệu sách Quan Sơn ra đến bờ kè Sông Lò	1.500
6	Đoạn từ Hộ ông Lò Văn Thu (thửa 297, tờ 34) khu 1 tính 2 bên đường đến Trạm y tế thị trấn và đường đi lên đồi truyền hình huyện.	1.500
7	Đoạn từ Hộ ông Đỗ Đình Thành (thửa 350, tờ 34) khu 1, thị trấn tính 2 bên đường đến qua hộ ông Hà Văn Hằng (thửa 284, tờ 34) khu 1, thị trấn 100 m.	1.500
8	Đoạn từ UB Dân số khu 6 tính 2 bên đường đến Bờ kè Sông Lò	1.500
9	Đoạn từ hộ ông Hiển (thửa 96, tờ 28) khu 6 tính 2 bên đường đến bãi bắn sau đến hộ ông Lộc Văn Cuôn (thửa 140, tờ 28) khu 6	1.400
10	Đoạn từ Hộ ông Ngân Văn Hoà (thửa 24, tờ 22) khu 6 tính 2 bên đường vào đến Bãi rác cũ thị trấn	1.400
11	Đoạn từ Trung tâm chính trị vào 100 m (một trăm mét) tính 2 bên đường đến hết đường quy hoạch xuống cầu Phà Lò	2.000
12	Đoạn từ giáp đất khu 6 tính 2 bên đường vào đến giáp đất xã Sơn Hà (Đường Trung Thượng - Sơn Lư)	600
13	Đoạn từ ngã 3 khu 2 đi Sơn Hà tính 2 bên đường đi ra đến Sông Lò	600

14	Đoạn từ giáp Trường PTTH tính 2 bên đường ra đến Sông Lò	600
15	Đoạn từ hộ Lê Khắc Tâm (thửa 155, tờ 41) khu 1 tính 2 bên đường ra đến Sông Lò	600
16	Đoạn từ Quốc lộ 217 bến xe khách Quan Sơn đi vào đến cuối tuyến đường	1.200
17	Đoạn đường nối Quốc lộ 217 tính hai bên đường vào đến hộ ông Vi Văn Nhinh (thửa 1P, tờ 02) khu 6 và các hộ sau bến xe thị trấn Quan Sơn	1.000
18	Đoạn đường nối từ hộ ông Hà Văn Thực (thửa 57, tờ 22) tính hai bên đường vào đến hộ ông Vi Văn Phong (thửa 02, tờ 22) khu 6	500
19	Đoạn đường nối từ hộ ông Lộc Văn Cuôn (thửa 140, tờ 28) tính 2 bên đường vào đến hộ ông Hà Văn Tuyến (thửa 05, 28) khu 6	600
20	Đoạn đường nối từ hộ ông Vi Văn Thịnh (thửa 78, tờ BĐ 41) khu 2 tính hai bên đường vào đến giáp đất bản Làng xã Sơn Hà	600
21	Đoạn từ QL 217 tại suối Ban Trường thị trấn Quan Sơn tính hai bên đường vào phía sau trường thị trấn	500
22	Đoạn từ giáp đường vào bãi bắn tính hai bên đường vào đến hết đất bãi bắn (Đường quy hoạch)	1.000
23	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	300
II	**XÃ TRUNG XUÂN**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ giáp đất xã Trung Hạ theo trục chính đường vào xã Trung Xuân đến giáp đất bản Piềng Phố	250
1.2	Đoạn từ đầu bản Piềng Phố tính 2 bên đường đến hết đất bản Piềng Phố	400
1.3	Đoạn từ đầu bản Phú Nam tính 2 bên đường đến hết đất bản Phú Nam	200
1.4	Đoạn từ đầu bản Phụn tính 2 bên đường đến đập thủy điện Trung Xuân	200
1.5	Đoạn từ đầu đất bản La tính 2 bên đường đến hết đất bản La	200
1.6	Đoạn từ đầu bản Cạn tính 2 bên đường đến hết đất bản cạn	200
1.7	Đoạn từ đầu bản Cạn tính 2 bên đường đến hết đất bản Muống (đường bên kia Sông Lò)	200
1.8	Đoạn từ Đập thủy điện tính hai bên đường đến giáp đất huyện Quan Hóa	250
1.9	Đoạn từ đầu bản Cạn tính hai bên đường đến giáp đất xã Trung Hạ (đường bên kia sông)	170
1.10	Đoạn từ giáp đường đi Quan Hóa tính hai bên đường vào đến giáp đất bản Phú Nam	200
1.11	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
III	**XÃ TRUNG HẠ**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ đầu bản Lang tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Lang	200
1.2	Đoạn từ đầu bản Lang tính 2 bên đường vào đến đất Bản Xanh	200
1.3	Đoạn từ đường QL217 bản Bá tính 2 bên đường đến hết đất Bản Xanh	200
1.4	Đoạn từ km19 bản Xầy tính 2 bên đường đến hết đất bản Xầy (giáp xã Lâm phú huyện Lang Chánh)	350
1.5	Đoạn từ hộ ông Vi Văn Tiếng (thửa 194, tờ 57) bản Din đến hộ ông Vi Văn Nút (thửa 149, tờ 57) Bản Din	500
1.6	Đoạn từ hộ ông Vi Văn Anh (thửa 264, tờ 57) bản Din đến hộ ông Hà Văn Khánh (thửa 165, tờ 57) Bản Din	350

1.7	Đoạn từ đầu bản Lợi tính 2 bên đường đến hết đất bản Lợi	200
1.8	Đoạn từ Quốc lộ 217 tại Km 18 tính hai bên đường vào đến giáp đất xã Trung Xuân	250
1.9	Đoạn từ đường Quốc lộ 217 tính hai bên đường ra đến Xưởng chế biến lâm sản bản Din	500
1.10	Đoạn từ giáp đất xã Trung Xuân bên kia sông tính hai bên đường đến cầu treo bản Lợi xã Trung Hạ	200
1.11	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
IV	**XÃ TRUNG TIẾN**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ hộ ông Đỗ Bá Cư (thửa 25, tờ 84) Km 22 đi vào phía trong đồi BQL rừng PH Sông Lò km 22	400
1.2	Đoạn từ hộ ông Lê Trường Sơn (thửa 5 tờ 83) Km 22 tính 2 bên đường đến Trường Tiểu học xã Trung Tiến	400
1.3	Đoạn từ hộ ông Lê Văn Lào (thửa 67 tờ 83) Km 22 tính 2 bên đường đến hộ ông Mạc Văn Tượng (thửa 20, tờ 84) Km 22	400
1.4	Đoạn từ đầu Bản Tong xã Trung Tiến tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Tong xã Trung Tiến	600
1.5	Đoạn từ giáp đất bản Tong tính 2 bên đường vào đến hết đất 2 bản Đe Pọng và Đe Nọi	300
1.6	Đoạn từ hộ ông Vi Văn Quyến (thửa 31, tờ 91) bản Lốc tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Lốc	200
1.7	Đoạn từ hộ ông Hà Văn Đoàn (thửa 183, tờ 90) bản Lầm tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Lầm	200
1.8	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Thành (thửa 52, tờ 94) bản Chè tính 2 bên đường đến hết đất bản Cum	200
1.9	Đoạn từ hộ ông Lương Văn La (thửa 1, tờ 96) bản Chè đến hộ ông Lương Văn Duyên Bản Chè	200
1.10	Đoạn giáp đất bản Tong tính hai bên đường vào đến cầu Đe Trung Tiến (Đường cứu hộ)	250
1.11	Đoạn từ giáp Cầu Đe tính hai bên đường vào đến giáp đất xã Trung Thượng (đường cứu hộ)	250
1.12	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
V	**XÃ TRUNG THƯỢNG**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ UBND xã Trung Thượng tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Ngàm	300
1.2	Đoạn từ hộ ông Lữ Văn Sắng thửa 86, tờ 112) bản Ngàm vào đến hộ ông Lữ Văn Loan (thửa 710, tờ 112) bản Ngàm xã Trung Thượng	250
1.3	Đoạn từ QL 217 đi qua bản Mẩy tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Bàng xã Trung Thượng	200
1.4	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Hào (thửa 19, tờ 108) bản Mẩy đến hộ ông Ngân Văn Chợt (thửa 01, tờ 109) bản Mẩy xã Trung Thượng	200
1.5	Đoạn từ đầu bản Khạn tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Khạn xã Trung Thượng	180

1.6	Đoạn từ giáp đất xã Trung Tiến tính hai bên đường vào đến giáp đất bản Ngàm (đường cứu hộ)	250
1.7	Đoạn từ giáp đất bản Bách xã Trung Thượng tính hai bên đường ra đến đất bản Mây (đường cứu hộ)	250
1.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
VI	**XÃ SƠN HÀ**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ cầu Sơn Hà tính 2 bên đường đến cầu Bản Hạ	450
1.2	Đoạn từ hộ Bà Vi Thị Hân (thửa 118, tờ 142) bản Hạ tính 2 bên đường đến giáp ranh giới bản Làng	400
1.3	Đoạn từ hộ Lộc Văn Quang (thửa 11, tờ 143) bản Hạ tính 2 bên đường đến Bưu điện văn hoá xã Sơn Hà	400
1.4	Đoạn từ hộ ông Ngân Văn Điểm (thửa 61, tờ 143) bản Hạ 2 tính 2 bên đường đến hết đất bản Na Ơi	200
1.5	Đoạn từ hộ ông Lò Văn Thân (thửa 113, tờ 143) bản Hạ 2 tính 2 bên đường đến hết đất bản Lầu	200
1.6	Đoạn từ cầu bản Hạ tính 2 bên đường đến hết đất bản Xum	250
1.7	Đoạn từ giáp đất thị trấn đến hết đất bản Làng	200
1.8	Đoạn từ hộ bà Hà Thị Định (thửa 65, tờ 133) bản Làng đến giáp đất Sơn Lư	250
1.9	Đoạn từ giáp đất khu 2 thị trấn tính hai bên đường ra đến giáo đất bản Păng xã Sơn Lư	250
1.10	Đoạn từ đầu bản Nà Sắng tính hai bên đường vào đến hết đất bản Nà Sắng	200
1.11	Đoạn từ Quốc lộ 16 tính hai bên đường vào đến đập tràn bản Hạ	400
1.12	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
VII	**XÃ SƠN LƯ**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ cầu Quan Sơn tính 2 bên đường đến giáp đất xã Sơn Hà.	1.800
1.2	Đoạn từ Trạm y tế xã Sơn Lư tính 2 bên đường ra đến bờ Sông Lò	250
1.3	Đoạn từ hộ ông Hà Văn Dăng (thửa 15, tờ 61) tính 2 bên đường đến hết đất bản Păng	300
1.4	Đoạn từ Bưu điện văn hoá xã Sơn Lư tính 2 bên đường ra đến bờ Sông Lò	250
1.5	Đoạn từ Km 42 tính 2 bên đường đến giáp đất xã Tam Lư	500
1.6	Đoạn từ đầu bản Bìn tính 2 bên đường đến giáp đất bản Sỏi	250
1.7	Đoạn từ giáp đất bản Bìn tính 2 bên đường đến hết đất bản Sỏi	200
1.8	Đoạn từ giáp đất bản Làng xã Sơn Hà ra đến đường Quốc lộ 16	250
1.9	Đoạn từ Quộc lộ 217 tại Km 37 tính hai bên đường xuống đến bờ Sông Lò	1.000
1.10	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
VIII	**XÃ TAM LƯ**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ đầu bản Hát tính 2 bên đường đến hết bản Hậu	400
1.2	Đoạn từ Bưu điện văn hoá xã Tam Lư tính 2 bên đường đến bờ Sông Lò bản Hậu	200
1.3	Đoạn từ hộ bà Hà Thị Cươi bản Hậu tính 2 bên đường đến bờ Sông Lò bản Hậu	200
1.4	Đoạn từ hộ ông Vi Văn Học bản Hậu tính 2 bên đường vào đến hết đất bản Tình	200

1.5	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Mú bản Hậu tính 2 bên đường đến Trường TH xã Tam Lư	25
1.6	Đoạn từ câù treo xã Tam Lư đến hết đất bản Piềng Khoé	200
1.7	Đoạn từ câù treo xã Tam Lư đến hết đất bản Muống	200
1.8	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
IX	**XÃ TAM THANH**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ bên dưới Đồn 501 xã Tam Thanh 400 m đến đập tràn bản Piềng Pa	500
1.2	Đoạn từ hộ ông Lò Văn Mun bản Piềng Pa đến cầu treo xã Tam Thanh bản Piềng Pa	500
1.3	Đoạn từ ông Lò Văn Tiệm bản Piềng Pa đến hết đất bản Piềng Pa	500
1.4	Đoạn từ đầu bản Phe đi qua bản Cha Lung đến hết đất bản Pa	200
1.5	Đoạn từ đầu cầu treo xã Tam Thanh đến hết đất Bản Ngàm	200
1.6	Đoạn từ giáp đất bản Ngàm đến hết đất Bản Mò	200
1.7	Đoạn từ đập tràn bản Bôn đến cầu cứng bản Kham	300
1.8	Đoạn từ cầu cứng bản Kham tính 2 bên đường lên đến suối Khua bản Kham.	200
1.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
X	**XÃ SƠN ĐIỆN**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ đập tràn Suối Bun đến hết đất Bản Bun	250
1.2	Đoạn từ nhà Ông Hà Văn Tự bản Sủa đến nhà ông Ngân Văn Tiến bản Sủa; Từ nhà Ông Hà Văn Tự bản Sủa đến Nhà ông Lương Văn Tình bản Sủa	200
1.3	Đoạn từ đầu đất bản Ngàm đến hết đất bản Ngàm	250
1.4	Đoạn từ đường QL 217 đi vào đến hết đất bản Sa Mang	200
1.5	Đoạn từ hộ ông Phạm Hồng Sâm bản Nhài vào đến hết đất bản Nhài	200
1.6	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Nấn bản Tân Sơn vào đến hết bản Tân Sơn	200
1.7	Đoạn từ hộ ông Hà Ngọc Thiết bản Na Nghịu vào đến hết bản Na Nghịu	200
1.8	Đoạn từ hộ ông Lộc Văn Liên bản Na Nghịu vào đến hộ ông Nguyễn Văn Toàn bản Na Nghịu	200
1.9	Đoạn từ hộ ông Len Văn Thương bản Na Lộc vào đến hết đất bản Na Lộc	200
1.10	Đoạn từ hộ ông Len Văn Toan bản Na Lộc vào đến Lương Văn Lưu bản Na Lộc	200
1.11	Đoạn từ hộ ông Lộc Văn Sơn bản Na Phường vào đến hết đất bản Na Phường	200
1.12	Đoạn từ đầu bản Na Hồ đến hết đất bản Na Hồ	200
1.13	Đoạn từ đầu bản Ngàm tính hai bên đường đến giáp đất bản Na Hồ	200
1.14	Đoạn từ trường cấp 2 xã Sơn Điện (Km 61) tính hai bên đường ra đến Sông Luồng	200
1.15	Đoạn từ sân bóng đá UBND xã Sơn Điện tính hai bên đường chạy sau UBND xã đến vườn ươm BQL rừng phòng hộ Na Mèo	200
1.16	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
XI	**XÃ MƯỜNG MÌN**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ giáp Quốc lộ 217 đi xã Sơn Thủy vào đến tượng đài liệt sĩ xã Mường Mìn.	1.000

1.2	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Miên Bản Luốc Lầu đến đất bản Luốc Lầu.	200
1.3	Đoạn từ đường QL 217 đường đi vào Đồn 499 vào hết đất bản Mìn (Đường vào bản Yên)	200
1.4	Đoạn từ giáp đất bản Mìn vào đến Đồn 499	200
1.5	Đoạn từ cầu treo Bản Bơn đến hết đất bản Bơn	200
1.6	Đoạn từ Trạm y tế cũ xã Mường Mìn đến hộ ông Phạm Bá Thuật bản Chiềng	200
1.7	Đoạn từ hộ ông Lương Văn Sinh bản Chiềng đến hết đất bản Chiềng	200
1.8	Từ Tượng đài liệt sỹ xã Mường Mìn tính hai bên đường đến giáp đất xã Sơn Thủy	500
1.9	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
XII	**XÃ SƠN THUỶ**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ đầu bản Thuỷ Sơn đến đền thờ Tướng quân Hai Đào và từ UBND xã Sơn Thuỷ qua cầu Sơn Thuỷ đến hết bản Thuỷ Chung.	450
1.2	Đoạn từ đầu bản Muống tính hai bên đường đi qua bản Hiết đến hết đất Bản Chanh	300
1.3	Đoạn từ giáp đất bản Muống đến hết đất bản Cóc	200
1.4	Đoạn từ đền thờ Tướng Quân Hai đào đến hết đất bản Xuân Thành, đường liên xã Na Mèo - Sơn Thủy	200
1.5	Từ giáp đất bản Xuân Thành đến hết đất bản Thuỷ Thành	200
1.6	Đoạn từ giáp đất bản Ché Lầu xã Na Mèo, bản Muống, bản Thủy Thành xã Sơn Thủy lên đến hết đất Bản Mùa Xuân	170
1.7	Đoạn từ đất bản Mùa Xuân đến hết đất bản Khà	170
1.8	Đoạn từ đất bản Mùa Xuân đến hết đất bản Xía Nọi	170
1.9	Từ đầu bản Thủy Sơn đến hết đất nhà ông Vũ Đình Vinh bản Chung Sơn theo Quốc lộ 16 và từ UBND xã đến hết đất bản Chung Sơn, theo Đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo.	400
1.10	Từ giáp đất bản Chung Sơn đến hết đất bản Xuân Thành theo đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo	300
1.11	Từ đất giáp nhà ông Vũ Đình Vinh bản Chung Sơn đi qua bản Muống, bản Hiết đến hết đất bản Chanh theo Quốc lộ 16	300
1.12	Từ nhà ông Phạm Văn Chiêu, bản Chung Sơn sang Na Tuông bản Thủy Sơn	180
1.13	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	90
XIII	**XÃ NA MÈO**	
1	**Trục đường giao thông liên xã**	
1.1	Đoạn từ đập tràn đầu bản Hiềng đến giáp đất bản Bo, đường liên xã Na Mèo - Sơn Thủy	200
1.2	Đoạn từ giáp đất bản Hiềng đến hết đất bản Bo, đường liên xã Na Mèo - Sơn Thủy	200
1.3	Đoạn từ Trường tiểu học Bản Hiềng ra đến Sông Luồng	200
1.4	Đoạn từ Sông Luồng đất bản Hiềng đến hết đất bản Sa Ná	200
1.5	Đoạn từ giáp đất Bản Sa Ná đến hết đất Bản Son	200
1.6	Đoạn từ giáp đất bản Son đến hết đất bản Ché Lầu	170
1.7	Đoạn từ hộ Lữ Văn Chốn bản Sộp Huối đến hộ Vi Văn Huy bản Sộp Huối	250
1.8	Đoạn từ hộ Ngân Văn Vượng bản Sộp Huối đến giáp đất bản Na Pọng	250

1.9	Đoạn từ giáp đất bản Sộp Huối đến hết đất bản Pọng	250
1.10	Đoạn từ giáp đất bản Pọng đến hết đất bản Cha Khót	200
1.11	Đoạn từ hộ Vi Văn Tấm bản Na Mèo đến hộ Lữ Văn Thể bản Na Mèo	400
1.12	Đoạn từ cầu bản Na Mèo đến tính 2 bên đến đường vào bãi rác bản Na Mèo	450
1.13	Đoạn từ cổng Biên phòng cửa Khẩu Na Mèo ra đến đường QL 217 Và từ đường QL 217 vào qua phân viện Na Mèo.	1.200
1.14	Từ hộ bà Vi Thị Ten bản Na Mèo đến hộ Vi Văn Áo bản Na Mèo	400
1.15	Đường, ngõ ngách không nằm trong các vị trí trên	200

27. HUYỆN MƯỜNG LÁT

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất ở
A	**MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH:**	
I	**QUỐC LỘ 15 C**	
1	Địa phận xã Trung Lý	
1.1	Từ Km 49 +200 đến Km 50 +800 bản Pá Quăn 1+2	280
1.2	Từ Km 52+400 đến Km 61 bản Khằm 1+ 2, suối Mạ	330
1.3	Từ Km 61 đến Km 65 bản Táo	400
1.4	Từ Km 65 đến Km 68 bản Táo	330
2	Địa phận xã Nhi Sơn	
2.1	Từ Km 69 đến Km 72 bản Kéo Té	180
2.2	Từ Km 72 đến Km 75 bản Kéo Hượn	230
2.3	Từ Km 75 đến Km 77 bản Chim	280
2.4	Từ Km 77 đến Km 80+400 bản Pá Hộc	230
2.5	Từ Km 80+400 đến Km 82+400 bản Cặt	230
2.6	Từ Km 82+400 đến Km 85 bản Lốc Há	180
3	Địa phận xã Pù Nhi	
3.1	Từ Km 85 đến Km 88 thuộc bản Pù Toong	250
3.2	Từ Km 88 đến Km 90+200 thuộc bản Na Tao	400
3.3	Từ Km 90+200 đến Km 93 thuộc bản Đông Ban	230
3.4	Từ Km 93 đến Km 94+300 thuộc bản Hạ Sơn giáp địa giới thị trấn Mường Lát	400
4	Địa phận thị trấn Mường Lát	
4.1	Từ km 94+300 giáp địa giới xã Pù Nhi đến km 97+000 thuộc Khu 1 (cổng chào thị trấn Mường Lát, hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 27)	430
4.2	Từ Km 97+000 đến Hạt Kiểm lâm (Khu 2) (đi hết thửa 491 tờ bản đồ số 10)	700
4.3	Từ Hạt Kiểm lâm Mường Lát (từ thửa số 521, tờ bản đồ số 10) đến Hạt Giao thông 7 Khu 4 (đi hết thửa số 34, tờ bản đồ số 9)	1.150
4.4	Từ thửa đất giáp (thửa số 34, tờ bản đồ số 9) đến Km 102 giáp địa giới xã Tén Tằn	630
5	Địa phận xã Tén Tằn	
5.1	Từ Km 102 đến Km 104+150 thuộc bản Buốn	380
5.2	Từ Km 104+150 đến Km 106+500	280
5.3	Từ Km 106+500 đến Km 110+500 bản Chiềng Cồng	330
5.4	Đoạn Km 110+500 bản Chiềng Cồng đến Km 111+330 ngã ba Tén Tằn	420
II	**QUỐC LỘ 16**	
1	Địa phận xã Trung Lý	
1.1	Đoạn đường QL16 từ ngã ba bản Táo bắt đầu từ thửa đất số 26, tờ bản đồ số 692 đến hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 693 (địa phận bản Táo)	330
1.2	Đoạn đường QL16 (từ thửa đất số 18, tờ bản đồ số 693) đi bản Xa Lao, bản Nà Ón đến cầu Chiềng Nưa	180
III	**TỈNH LỘ 521E (ĐT.521E)**	

1	Địa phận xã Tén Tằn (cũ)	
1.1	Đoạn Km 0+000 (ĐT.521E) giao với QL-15C ngã ba Tén Tằn (tại Km 111+330) đến Km 0+450 (ĐT.521E)	380
1.2	Đoạn Km 0+450 đến Km 4+600 suối Mường (giáp địa giới hành chính xã Quang Chiểu)	280
2	Địa phận xã Quang Chiểu	
2.1	Đoạn Km 4+600 Suối Mường, giáp địa giới hành chính xã Tén Tằn (cũ) đến Km 6+300 bản Mường	300
2.2	Đoạn Km 6+300 đến Km 7+100 thuộc bản Pùng	350
2.3	Đoạn Km 7+100 đến Km 10+250 thuộc bản Xim	300
2.4	Đoạn Km 10+250 đến Km 11+500 thuộc bản Bàn	300
2.5	Đoạn Km 11+500 đến Km 12+600 thuộc bản Poọng	350
2.6	Đoạn Km 12+600 đến Km 16+900 thuộc bản Sáng	300
3	Địa phận xã Mường Chanh	
3.1	Đoạn Km 16+900 đến Km 18+100 thuộc bản Na Chừa	250
3.2	Đoạn Km 18+100 đến Km 19+600 thuộc bản Ngố	250
3.3	Đoạn Km 19+600 đến Km 20+600 thuộc bản Chai Ngoài	400
3.4	Đoạn Km 20+600 đến Km 23+883 qua các bản: Piềng Tặt, Na Hào, Bóng, Cang	230
3.5	Đoạn Km 23+883 đến Km 25+883 tại mốc biên giới Việt Lào (Mốc 294) thuộc bản Na Hin	300
IV	**TỈNH LỘ 521D (ĐT.521D)**	
1	Địa phận thị trấn Mường Lát	
1.1	Từ Km 0+000 (thửa số 392, tờ BĐ số 10) đến Km 0+925 đầu cầu cứng thị trấn Mường Lát	1.150
2	Địa phận xã Tam Chung	
2.1	Đoạn từ đầu cầu cứng Km 1+180 (TL.521D) đến Km 8+000 giáp địa giới hành chính xã Mường Lý (hết khu tái định cư suối Áng)	130
3	Địa phận xã Mường Lý	
3.1	Từ Km 8+000 giáp địa giới hành chính xã Tam Chung đến Km 10+000 đi hết bản Cha Lan	130
3.2	Từ Km 10+000 đến Km 13+070 đầu cầu Chiềng Nưa (giao với Quốc lộ 16 tại Km 29+600)	180
B	**ĐẤT TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	
I	**THỊ TRẤN MƯỜNG LÁT**	
1	Đoạn đường quanh đồi kho bạc (từ thửa đất số 331, tờ BĐ số 10 đến hết thửa đất số 165; tờ BĐ số 10)	780
2	Đoạn đường quanh Trường nội trú (từ thửa đất số 252, 274 tờ bản đồ số 10 đến hết thửa đất số 463, tờ bản đồ số 10)	780
3	Đường ra Trung tâm y tế dự phòng	780
4	Đường vào làng học sinh	780
5	Đoạn đường quanh đồi truyền hình (từ thửa 213, tờ bản đồ số 10 đến hết thửa 524, 120 tờ bản đồ số 10)	780
6	Đoạn xuống Trường Tiểu học thị trấn Mường Lát	430
7	Đoạn xuống cổng Trường cấp III (hết thửa số 1, tờ bản đồ số 10)	780
8	Từ cổng Trường cấp III xuống cầu treo đi bản Lát.	430

9	Đường xuống Thủy điện (cũ) từ thửa đất số 450, tờ BĐ số 10 qua xuống suối Poong đi bản Pom Khuông (giáp địa giới xã Tam Chung)	430
10	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	120
11	Đường dân sinh khu 3	430
II	**XÃ TÉN TẦN (nay là thị trấn Mường Lát)**	
1	Từ Km 111+330 ngã ba Tén Tằn đi G5 đến giáp Lào	420
2	Đường vào các bản Piềng Mòn.	230
3	Đường vào các bản Na Khà, Chiên Pục, Piềng Làn, Đoàn Kết	180
4	Đoạn trục chính, ngõ đường nông thôn mới bản Tén Tằn	180
5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
III	**XÃ QUANG CHIỂU**	
1	Đường vào bản Bàn, Hạm, Cúm	250
2	Đường vào bản Pùng đi bản Qua	250
3	Đường vào các bản Suối Tút, Con Dao, Co Cài	200
4	Đường vào bản Pù Đứa	180
5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	130
IV	**XÃ MƯỜNG CHANH**	
1	Từ từ cầu tràn vào bản Chai trong 1,5 km	250
2	Đường vào bản Lách	150
3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	100
V	**XÃ TAM CHUNG**	
1	Đoạn Trung tâm xã tính từ Trường Mầm non xã Tam Chung đến đầu cầu cứng (giao TL.521D)	280
2	Đoạn đường từ BCH quân sự huyện (mới) vòng khu tái định cư đến cầu cứng suối Lát (bản Lát)	230
3	Đường đi bản Pom Khuông	180
4	Đường vào bản Poọng	130
5	Đường từ bản Pom Khuông đi vào bản Cân, Tân Hương	130
6	Đường vào các bản Phái, Suối Loóng, Ón, Hin Phăng	110
7	Đoạn đường từ BCH quân sự huyện (mới) đi bản Đoàn Kết (bên sông Mã)	130
8	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
9	Khu tái định cư bản Lát Tam Chung	230
VI	**XÃ PÙ NHI**	
1	Đường vào các bản: Pha Đén, Hua Pù, Cá Nọi, Cá Tớp, Cơm, Pù Quăn, Pù Ngùa	150
2	Đường mới từ bản Na Tao đi Quang Chiểu	150
3	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
VII	**XÃ NHI SƠN**	
1	Đường mới đi bản Cân, Tân Hương, xã Tam Chung	130
2	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
VIII	**XÃ TRUNG LÝ**	
1	Đường vào bản Co Cài	180
2	Đoạn đường nối QL16 đi vào hết bản Ma Hắc	130
3	Đoạn đường nối QL16 (tại bản Xa Lao) đi vào hết bản Tung	130

4	Đoạn nối từ QL16 vào các bản Tà Cóm, Cánh Cộng, Ca Giáng, Pá Búa, Hộc, Lìn	130
5	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
6	Khu tái định cư Tổ Chiềng	
6.1	Các lô tại đường Nà Ón đi Tà Cóm	160
6.2	Các lô tại đường giao thông nội vùng	140
7	Khu tái định cư bản Lìn	150
IX	**XÃ MƯỜNG LÝ**	
1	Từ đầu cầu Chiềng Nưa đi hết bản Chiềng Nưa đến Km 3+930 Suối Muống.	180
2	Từ Km 3+930 Suối Muống đến Km 8+430 đi hết bản Nàng 1	230
3	Từ Km 8+430 đến Km 18+930 giáp địa giới huyện Quan Hoá. Đi qua các bản Tài Chánh, bản Piềng Kít và bản Mau	130
4	Đường vào bản Nàng 2	110
5	Đường vào bản Xì Lồ, Muống 2	110
6	Đường vào các bản gồm Trung Tiến 1, 2, Trung Thắng, Sài Khao, Xa Lung, Ún.	90
7	Đường, ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên	80
8	Khu tái định cư bản Nàng 1	
8.1	Các lô giáp đường Tây Thanh Hóa	240
8.2	Các lô đường giao thông nội vùng	200
9	Khu tái định cư Tài Chánh	
9.1	Các lô giáp đường Tây Thanh Hóa	180
9.2	Các lô đường giao thông nội vùng	150